

*Đặc San*

# BÌNH ĐỊNH BẮC CALIFORNIA



**HỘI ÁI HỮU BÌNH ĐỊNH BẮC CALI**

**HỘI ÁI HỮU BÌNH ĐỊNH BẮC CALI - 2002**



# Cung Chúc Tân Xuân

Hội Ái Hữu Bình Định Bắc California

*Kính chúc*

*Zuý Đồng hương và Thân hữu*

*Zuý thi văn hữu*

*Zuý vị mạnh thường quân*

*Một năm mới Nhâm Ngọ 2002*

*An Khang - Thịnh Vượng*

*Đặc San Bình Định*



# Hội Ái Hữu Bình Định Bắc California

## CỔ VẤN

Hòa Thượng Thích Giác Lượng

Giáo Sư Đinh Thành Bài

Ông Phạm Hữu Độ

Ông Dương Quang Vinh

Ông Huỳnh Văn Ngọc

Ông Đào Đức Chương

Ông Nguyễn Bích

Ông Nguyễn Tường Chi

Ông Trương Toại

Ông Nguyễn Bá Thư

Ông Phan Quang Nghiệp

Ông Trần Trọng Khiêm

## BAN CHẤP HÀNH

Chủ Tịch:

B.S. Cai Văn Dung

Phó Chủ Tịch Nội Vụ:

Đặng Đức Bích

Phó Chủ Tịch Ngoại Vụ:

Tony Đinh

Phó Chủ Tịch Đ.T.V.H.X.H.:

Đặng Vĩnh Mai

Phó Chủ Tịch Đ.T. Kế Hoạch:

Võ Bá Trác

Tổng Thư Ký kiêm Thủ Quỹ:

Trần Văn Ngô

Trưởng Ban Văn Nghệ:

Lê Từ Như Lâm

Trưởng Ban Báo Chí:

Bùi Tú

Trưởng Ban Xã Hội:

Lê Thị Bạch Liên

Trưởng Ban Thanh Thiếu Niên: Phạm Trước

# ĐẶC SAN BÌNH ĐỊNH NHÂM NGỌ 2002



**CHỦ TRƯỞNG:**

**HỘI ÁI HỮU BÌNH ĐỊNH BẮC CALI**

**NHÓM THỰC HIỆN:**

- Trương Toại • Nguyễn Bá Thư
- Đào Đức Chương • Đặng Vĩnh Mai • Đặng Đức Bích



**VỚI SỰ CỘNG TÁC:**

Amanda Trương Uyehara – Arina Trương Uyehara – Bickly Đặng, O.D. – Bùi Phong Khê - Cẩm Biển - Cù Hòa Phong – Cù Minh Khánh – Đào Đức Chương – Đặng Đức Bích – Đặng Hiếu Kính – Đặng Thị Minh Tâm, D.D.S. – Đặng Vĩnh Mai – Già Cu – Hiến Nguyễn M.D. – Hòa Nguyễn – Hoàng Thế Diễm – Huy Lực Bùi Tiên Khôi – Huỳnh Thị Kim Oanh – John L. Phong, Luật sư – Lam Giang – Lê Chu – Lê Phương Nguyên – Lê Thị Bạch Liên – Lý Minh Đạo – Mai Xuân Lực – Mang Đức Long – Minh Tân Phạm Hà Hải – Ngô Đình Phùng – Nguyễn An Phùng – Nguyễn Bá Thư – Nguyễn Bường – Nguyễn Công Lượng – Nguyễn Đình Cồn – Nguyễn Đức Phùng, M.D. – Nguyễn Hùng – Nguyễn Mạnh An Dân – Nguyễn Nhân Thống – Nguyễn Thế Giác – Nguyễn Thị Việt Nam – Nguyễn Trác Hiếu, M.D. – Phạm Xuân Huy – Phan Tường Niệm – Phan Văn Hàm – Quách Tứ – Sa Giang – Sông Côn – Tâm Triều – Thái Tẩu – Thụy Trinh – Thư Trang – Trác Như – Trần Hoàn – Trần Hồng Văn – Trần Kim Vân – Trần Minh Triết – Trần Quán Niệm – Trương Hồng Ân – Trương Quang Tá – Trương Toại – Tuệ Đàm Tử – Tư Đức – Việt Thao – Võ Ngọc Uyển – Xuân Điềm.

# THƯ NGỎ

*Một năm trôi qua rất nhanh. Chúng ta chứng kiến biết bao thăng trầm đổi thay của thời đại. Những lâm than, đói khổ của dân tộc Việt Nam là hậu quả sự thống trị của chủ nghĩa độc tài, của gần 27 năm lãnh đạo sai lầm, chịu ảnh hưởng của cộng sản ngoại bang.*

*Cứ mỗi lần Xuân về lại gọi cho chúng ta nhớ thêm về quê hương xứ sở, về quê cha đất tổ mà tiền nhân đã dày công dựng nước và giữ nước. Cuộc nam tiến của dòng giống Bách Việt là cuộc di dân vĩ đại nhất của lịch sử dân tộc. Máu xương và nước mắt đã tô điểm dãy giang sơn cẩm tú của chúng ta thêm phần rực rỡ.*

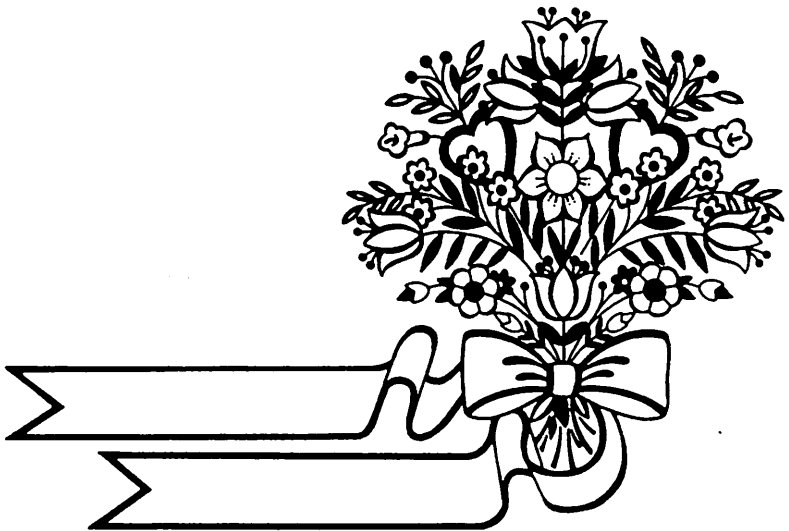
*Lịch sử vẫn còn đó, những tấm gương anh liệt của Lý Thường Kiệt, Trần Hưng Đạo, Quang Trung Nguyễn Huệ vẫn còn đó, dân tộc Việt Nam đã có những trang sử oai hùng chống ngoại xâm.*

*Đặc San Bình Định Bắc Cali, với tiếng chim gọi đàn, với hợp lực và quyết tâm từ cá nhân đến tập thể, tạo điều kiện cho giới trẻ quay về cội nguồn yêu thương Quê hương Dân tộc. Ngày nay tuổi trẻ đang vùng dậy. Tuổi trẻ nhận lãnh trách nhiệm, là những nối tiếp đầy màu sắc hy vọng, bước theo lý tưởng của cha anh. Từ Hoa Kỳ, Âu Châu, Úc Châu, tuổi trẻ đã đoàn kết, tay nắm tay, tạo thành một sức mạnh đứng lên, đòi hỏi Tự do, Dân chủ và Nhân quyền cho dân tộc Việt Nam.*

*Chúng tôi chân thành cảm ơn quý Đồng hương và Thân hữu đã gửi bài vở, yểm trợ tài chánh và phương tiện để cuốn Đặc San Bình Định Bắc Cali được phong phú hơn.*

*Trong niềm hân hoan của những ngày đầu Xuân Nhâm Ngọ, nhóm thực hiện chúng tôi kính chúc quý vị một năm mới An khang, Thịnh vượng và tràn đầy hạnh phúc.*

*Nhóm thực hiện*  
**ĐẶC SAN BÌNH ĐỊNH BẮC CALI.**



# NHÂM NHI CHUNG RƯỢU TUỔI XUÂN GIÀ

NGUYỄN HÙNG

Thực sự ta là những người rất may mắn trên trái đất, đã vượt qua thế kỷ 20, để được chào đón thiên niên kỷ mới với những hào quang rực rỡ trải đầy hy vọng đang rộn rịp trở về. Thiên niên kỷ mới này là thiên niên kỷ của tình yêu, của hòa bình, của nhân quyền và tự do đích thực. Những ai chủ trương đi ngược lại sẽ bị loại trừ theo luật đào thải tự nhiên của đất trời và cộng đồng nhân loại.

Con người sẽ luôn được sống trong an bình ấm no với những tiếng cười hạnh phúc, không hận thù, không lừa dối nhau "không một giọt nước mắt khổ đau nào còn đọng trên mi". Con người sẽ thấy thiên đường là đây, với cuộc sống đầy tiện nghi nhờ nền văn minh tân tiến tột bậc ... Chỉ trên một màn ảnh nhỏ bé ta có thể biết đủ mọi thứ trên đời. Chỉ một viên thuốc màu xanh nhỏ xíu, xinh xắn dễ thương, cũng đủ giúp được cụ già lụ khụ thẳng lưng tìm đến tột đỉnh của bến bờ hoang lạc ... Vâng còn nữa, ta có đủ thứ và đủ thứ.

Thiên niên kỷ này con người sẽ được kéo dài thêm tuổi thọ để hưởng thụ trọn vẹn hạnh phúc nhờ sự hỗ trợ đắc lực của nền y khoa thần diệu hiện tại. Tuy nhiên gần đây, cũng chính y khoa đã báo động ngăn chặn rất nhiều những thụ hưởng vật chất như hút thuốc, uống rượu, v.v... Chung qui cũng để tạo thế an bình cho mọi người. Âu đó cũng là luật bù trừ tự nhiên của vũ trụ vậy.



Nhân dịp xuân về, người viết xin được mạo muội gửi đến quý "bạn hiền" vài dòng rất ngắn về rượu đọc cho vui trong ba ngày Tết. Nếu có vị nào thấy không hợp ý, xin hãy rộng lòng bỏ qua cho.

Phần tôi thuốc lá đã bỏ từ khuya, nhưng rượu thì không tài nào bỏ hẳn được, nhất là những khi gặp được "bạn hiền". Nên rượu cũng là một trong những niềm vui của "tuổi xuân già". Thiếu nó, đời thật cô đơn và tẻ nhạt. Dĩ nhiên tôi không phải là người sáng say chiều xỉn, đem phiền muộn cho gia đình vợ con, gây lộn xộn cho anh em cho bạn bè. Tôi chỉ muốn làm kẻ yêu đời một cách đơn sơ mộc mạc, lúc nào cũng muốn vui muốn cười, cũng muốn ấp áp không khí bạn bè.

Người xưa nói rất đúng: "lão hóa nhi", khi tóc ta từng sợi thì nhau trắng thì tâm hồn ta lại càng trẻ thơ và hồn nhiên trở lại để gần gũi với đất trời hơn. Nên càng già ta càng ham vui hồn nhiên như một đứa trẻ thơ năm xưa. Thế nhưng tuổi già sức yếu rồi thì làm được nên tích sự gì, ngoài những tiếc nhớ được sống lại với những kỷ niệm của một thời son trẻ đã qua. Khi có dịp gặp lại bạn bè xưa, họ như được trẻ lại. Ly trà buổi sáng chắc chắn không đủ "phê" để hàn huyên tâm sự. Những buồn vui ngày cũ, những tiếc nuối tình thân, những suối nguồn tâm sự sẽ tha hồ tuôn chảy lai láng theo từng ngụm rượu mừng hội ngộ. Một nhà văn Tây phương đã viết: "Rượu là mặt trời chiếu sáng tình bạn, là mặt trăng soi sáng tình yêu" không óng ả lộng lẫy lắm sao! Vì "hạnh ngộ tri âm thiên bôi tửu". Rượu vào lời ra mà, biết nói thế nào cho hết, nếu không nhờ chén rượu tâm tình.

Ngày xưa bên Tàu đời Tây Tấn có một tửu đồ cuồng sĩ tên là Lưu Linh, ông cuồng đến mức làm một bài thơ "Tửu đức tụng" ca ngợi cái "đức" của rượu. Lưu Linh tự là

Bá Luận quá ham mê uống rượu; một hôm vợ đập vỡ vò rượu, vừa khóc vừa bảo chồng: "Ông uống rượu quá nhiều, đó không phải là cái đạo của nhiếp sinh, phải bỏ bớt đi." Lưu Linh trả lời: "Ta không thể tự cấm được, phải cầu quỷ thần lên để khẩn nguyện trước. Vậy bà phải sắm sửa đầy đủ rượu thịt để ta làm lễ cai rượu mới dứt được." Vợ nghe lời làm theo. Lưu Linh bèn quỳ xuống khẩn rằng: "Thiên sinh Lưu Linh, dĩ tửu vi danh, nhất ẩm nhất hộc, ngũ đấu giải tỉnh. Phu nhơn chi ngôn, thậm bất khả kính". (Trời sinh ra Lưu Linh, do uống rượu mà nổi danh. Mỗi lần uống một hộc, uống năm đấu mới giải tỉnh. Lời của đàn bà nói, xin cẩn thận đừng nghe). (1)

Uống rượu cũng là một nghệ thuật sống tùy theo trình độ thưởng thức của mỗi người. Nên người xưa thường chia ra ba cách uống rượu: "Tục tửu, Thường tửu và Tiên tửu".

Tục tửu là uống đến mê nghiện, sáng xỉn chiều say, bữa bãi phóng đảng không làm chủ được mình.

Thường tửu là uống chỉ vì thích uống mà thôi. Uống xong cho sáng khoái để tiếp tục làm việc hay đi tìm một giấc ngủ thoải mái ngon lành.

Còn Tiên tửu là cách uống rượu của các bậc văn nhân thi sĩ. Cách uống rượu này mang đầy tính chất cao sang, tao nhã, lịch lãm và thi vị. Ly rượu cũng là nguồn cảm hứng cho các văn nhân nghệ sĩ. Xưa nay trong văn chương dân gian đã có biết bao tác phẩm tuyệt vời được sáng tác chung quanh ly rượu. Ly rượu trùng phùng cũng như hồi ly biệt. Cùng nhau đối ẩm chén tạc chén thù hay ly rượu luyến tiếc nhớ nhung. Giọt rượu nồng vẫn là chất xúc tác cho những yếu nhân tri kỷ trong hầu hết những cuộc chơi vui buồn nhân thế.

Vũ Hoàng Chương một nhà thơ trữ tình lãng mạn đã thường lấy men rượu làm nguồn thi hứng sáng tạo. Và ông

đã tặng cho đời nhiều tuyệt tác về rượu trên những mảnh  
tình thơ ngắt ngây hồn lãng mạn.

*"Lòng nghiêng tràn hết yêu đương  
Bước chân còn nhịp nghề thường lãng lơ  
Lưng mềm nã nuốt dáng tơ  
Đê mê hồn gởi cánh tay hờ ...  
Sàn gỗ trơn chập chờn như biển gió  
Không biết nữa màu xanh hay sắc đỏ  
Hãy thêm say còn đó rượu chờ ta ...*

(Mời say)

Chỉ có rượu, chỉ có say, mới thấy đâu là tuyệt đối, vì  
người tình thơ của ông chỉ là ảo giác mơ hồ "bởi vì mơ và  
thực chẳng đi đôi".

*"Xin nốc hết nồng cay cho đến cạn  
Uống cho mê và uống nữa cho điên  
Rồi dang tay cho chậm gót nàng men  
Về tắm ở suối mơ nguồn tuyệt đối"*

(Lý tưởng)

Thơ của Vũ Hoàng Chương thường đậu trên những ly  
rượu nồng hừng hực men say tình lãng mạn. Và ít khi  
dùng rượu để giải sầu như ta thường thấy.

*"Có ai say để giải sầu  
Lòng ta lão đảo càng sâu vết buồn"*

Riêng tôi trong những bài thơ say của Vũ Hoàng  
Chương, từ ngày biết uống rượu, tôi mê nhất chỉ có hai  
câu thật lừng danh nhức nhối và đã đi vào văn học sử tự  
bao giờ

*"Em ơi tắt lửa bình khô rượu  
Đời vắng em rồi say với ai ..."*

Vâng, nếu không gặp được bạn hiền tri kỷ thì rượu  
ngon cũng trở thành vô vị. Thời buổi này rượu ngon không  
thiếu: Napoleon, Courvoisier, Remy Martin, Grand

Manier, Cordon Blue, Hennessy, Martell, V.S.O.P... mà bạn ta thường dịch đùa là "Very Special Oriental People". Rượu mua lúc nào chẳng có, nhưng tìm ra bạn hiền để đối ẩm thì khó biết bao.

*"Rượu ngon không có bạn hiền*

*Không mua không phải không tiền không mua..."*

(Nguyễn Khuyến)

Quê hương xa mờ mịt có lúc thiếu bạn hiền tri kỷ, ta vẫn nhờ ly rượu để tự an ủi mình.

*"Đã biết đời không còn bến hẹn*

*Từng đêm rượu vẫn ... ta thương ta"*

(Ngọc Hoài Phương)

Nhìn vào lịch sử văn học Trung Hoa cũng không thiếu những văn nhân thi sĩ viết về rượu, ca ngợi rượu. Tiêu biểu nhất là hai thi hào nổi danh Lý Bạch (Trích Tiên) và Bạch Cư Dị (Giang Châu Tư Mã) ... Ngày xưa Lý Bạch thường đi ngao du ngoạn cảnh đó đây, uống rượu ngâm thơ. Bất cứ nơi nào có rượu ngon có bạn hiền tri kỷ để đối ẩm thì nơi đó ông dừng chân.

*"Lang lãng mỹ tửu uất kim hương*

*Ngọc uyển thanh lai hổ phách quang*

*Đản sử chủ nhân năng túy khách*

*Bất tri hà xứ thị tha hương ..."*

Dịch:

*"Lang lãng rượu quý ngát kim hương*

*Chén ngọc long lạnh tỏa ánh hường*

*Khách chủ nếu cùng say túy lúy*

*Nào đâu ai biết cảnh tha hương*

(Chi Điền)

Tương truyền vào một đêm trăng thơ mộng, thi hào Lý Bạch đang uống rượu ngâm thơ trên dòng sông Thái Thạch, chợt thấy bóng trăng vàng vạc lung linh trên dòng

nước biếc. Niềm cảm xúc lãng mạn trào dâng tràn ngập trong cơn say, khiến nhà thơ nhả xuống ôm vầng trăng huyền ảo, để rồi chết chìm với trăng. Nơi đó sau này có xây một cái đài gọi là Tróc Nguyệt Đài (Đài bắt trăng). Nhà thơ Lý Bạch đã chết vì thơ vì rượu, và đã để lại cho đời muôn vàn tuyệt phẩm trong kho tàng thi ca nhân loại.

Đỗ Phủ một nhà thơ đương thời với Lý Bạch có đề bài thơ tặng như sau:

*"Lý Bạch nhất đầu thi bách thiên  
Trường an thị thượng tửu gia miên  
Thiên tử hô lai bất thượng thuyền  
Tự xưng thân thị tửu trung niên"*

Dịch:

*"Rượu nhiều Lý Bạch thơ hay  
Trường an tửu quán chén say ngủ lì  
Vua kêu người chẳng thèm đi  
Rằng Khanh chính thị là vì Tửu tiên"*

(Chi Điền)

Đến khi đọc sử ký Tư Mã Thiên, có ai không khỏi bùi ngùi xúc động, không ngưỡng mộ ly rượu chân tình tri kỷ của Thái tử Đan tiễn Kinh Kha bên bờ sông Dịch. Ly rượu đầy tình thiêng liêng cao quý khiến người bạn anh hùng Kinh Kha đã xem cái chết như "một cỡi đi về". Uống rượu tình nghĩa tiết tháo hào hùng đến thế đời nay có mấy ai đạt tới.

Đọc Kim Dung với những pho kiếm hiệp nổi tiếng ra đời thì ly rượu càng thêm hứng khởi và thú vị biết dường nào. Đó là những chén rượu lãng mạn hào hùng đầy cảm kích của đấng trượng phu hào kiệt võ lâm. Trong những buổi tạm biệt tiễn đưa, hay trùng phùng hội ngộ, đến những lúc tranh tài cao thấp, đến mức độ tử sinh đều có chén rượu sen vào. Những chén rượu lịch lãm giang hồ

chan chứa biết bao niềm tâm sự của muôn vạn mảnh đời khác biệt.

Xem qua khúc "Tiếu ngạo giang hồ" ta mới thấy, đâu chỉ có tiếng đàn, tiếng tiêu đồng cảm của Khúc Dương Trưởng lão và Lưu chánh Phong mới tấu được khúc "Tiếu Ngạo Giang Hồ". Mà trong đó vẫn nhờ một ly rượu nồng tri kỷ, mới đủ sức lôi cuốn nối kết tình tri ngộ mà tạo nên khúc nhạc thần kỳ huyền diệu thế kia giữa hai môn đồ hắc bạch.

Đọc Kim Dung, người khó tính cho mấy cũng yêu mến thích thú nhân vật "Lệnh Hồ Xung" một tên tử đồ hào phóng. Đối với lệnh Hồ Xung dường như không có chính hay tà, hay phe kia phía nọ, mà chỉ có rượu ngon hay dở. Và người nâng chén đối ẩm có đáng mặt là kẻ trượng phu hảo hán để giao tình?

Trên Trích Tiên tửu lâu năm xưa, ly rượu mưu trí lừa gạt tên dâm tặc Điền Bá Quang, để cứu Nghi Lâm không làm người đọc thích thú lắm sao? Ly rượu đã khiến tên dâm tặc vô hạnh như Điền Bá Quang cũng bừng lên hùng tâm của kẻ chính nhân quân tử. Đến nỗi hắn đã vượt bao nhiêu hiểm nguy, lén vào hầm rượu Trích tiên Tửu mà đập bể gần hết 200 vò rượu quý trên thế gian, chỉ chừa lại vòn vẹn có hai vò mang lên đỉnh Hoa Sơn cùng uống với Lệnh Hồ Xung. Sau ly rượu nồng hạnh ngộ hắn thấy trên đời này chỉ có một Lệnh Hồ Xung mới xứng đáng để hắn kính phục và được uống ly rượu quý kiếm thế kia.

Một điều đáng lưu ý trong các tác phẩm Kim Dung, hầu hết các nhân vật đam mê rượu dù chính hay tà, cũng đều có một tâm hồn hào sảng phóng khoáng của kẻ trượng phu. Chúng ta hãy nhìn một Kiều Phong oai dũng lâm liệt, một Hứa Vấn Thiên trung nghĩa gan lì, một Hồng Thất Công cương trực hồn nhiên ... Tất cả cũng đều là

những nhân vật đam mê rượu. Làm sao ta quên được hình ảnh kiêu hùng ngoạn mục của Hứa Vấn Thiên khi bị trói tay mà vẫn ngồi ung dung uống rượu trong lương đình, giữa vòng vây của hai phe hắc bạch đã khiến Lệnh Hồ Xung cảm kích, vừa hứng khởi nhảy vào đối ẩm để cùng chia xẻ lâm nguy.

Chén rượu tri kỷ trao đi, thì ly rượu chí tình đáp lại cho họ Lệnh cũng chẳng bao lâu, khi Nhiệm Ngã Hành thống lĩnh Nhật Nguyệt Thần Giáo vây hãm Hoa Sơn để tiêu diệt Ngũ Nhạc Kiếm phái. Khi Lệnh Hồ Xung đang lúng túng trong tư thế giữa bạn và thù, thì Hứa Vấn Thiên là người đầu tiên dám mời họ Lệnh một chén rượu chí tình lần cuối, trước khi hai phe bắt đầu cuộc huyết chiến tử sinh. Ly rượu đầy tình nghĩa giang hồ đã khiến nhiều tay hảo hán của Nhật Nguyệt Thần Giáo can đảm nhảy vào cùng cạn chén với Lệnh Hồ Xung, mặc dù họ dư hiểu luật lệ khắc nghiệt của môn phái. Và cái giá phải trả đằng sau chén rượu là cái chết thê thảm mà họ phải gánh chịu. Những ly rượu trọng nghĩa chí tình chan chứa hùng tâm đến thế kẻ thường tình làm sao có được.

Trong những đoạn văn, những thước phim từ kiếm hiệp Kim Dung, nếu người xem mãi mê cảm khoái ly rượu của Lệnh Hồ Xung mang đầy tính lãng mạn phiêu bông, thì họ càng thích thú ngưỡng mộ chén rượu của Kiều Phong tràn đầy hào khí của kẻ anh hùng mã thượng. Tại Tụ huyệt Trang, trước khi cùng quần hùng quyết chiến, Kiều Phong vẫn cùng họ uống rượu để tuyệt tình. "Chén rượu ném đi giao tình đứt đoạn, và cuộc chơi sinh tử bắt đầu ..."

Nhưng đến lượt chén rượu trên chùa Thiếu Lâm mới vô cùng hứng thú. Mặc dù bị vô số những cao thủ thượng thặng vây hãm bất ngờ trên đỉnh Thiếu Thất, Kiều Phong

vẫn hiên ngang uống rượu. Đến khi đánh lụi một lúc cả ba cao thủ cự phách như Mộ Dung Phục, Du Thản Chi, Đinh Xuân Thu ... ông ta hùng khí dâng lên ngất trời, cho mang rượu ra uống một lúc gần 10 cân rồi ngỏ lời thề đồng sinh tử với Đoàn Dự: *"Thật không uống một phen kết nghĩa, sống cũng tốt mà chết cũng tốt, chúng ta hãy cùng nhau một trận cho thống khoái ..."* Hào khí oai phong khiếp người của Kiều Phong đã khiến nhà sư Hư Trúc vô cùng cảm kích và hứng khởi đến nỗi quên hết giới luật thanh qui cùng nhau cạn chén, làm lễ giao bái kết nghĩa kim bằng giữa một rừng gươm đao trùng điệp của võ lâm cao thủ.

Viết đến đây tôi liên tưởng đến những vi phạm kỷ luật rất dễ thương của người lính VNCH trước đây. Trên đường hành quân đầy hiểm nguy trước mắt, trong bình đông của họ thay vì đựng nước uống, họ lén đựng rượu vào. Đối với họ, có lẽ những ngụm rượu nồng sẽ giúp họ vững lòng chiến đấu hơn. Có khi nhờ rượu họ còn can đảm lo cho đồng đội hơn cả cho chính mình. Những hớp rượu chí tình quả cảm như vậy thật cao quý biết bao.

Đọc Kim Dung hoặc Đường Thi ta còn thấy cách uống rượu của người xưa mới là cả một nghệ thuật kỳ diệu đầy hứng thú. Đó là cách uống rượu của Đan Thanh Tiên Sinh hay của Tổ Thiên Thu mới đúng là những tửu đồ thượng thừa sành điệu. Và trong chúng ta ai là kẻ biết uống rượu chút chút, cũng phải thăm tạ ơn người đã cho ta những trang sách tuyệt tác về rượu.

Nếu có rượu ngon, rượu quý mà uống cần bữa không phải uống phí lắm sao? Uống loại rượu nào phải dùng ly nấy, như chén ngọc chén lưu ly làm nổi lên màu sắc. Chén sừng tê làm rượu thêm hương vị. Uống rượu bồ đào thì phải dùng chén dạ quang. Vì khi rót rượu vào ly, rượu



bồ đào sẽ có màu đỏ như máu, khiến người lính trận có thêm hùng khí chiến đấu diệt thù (1)

*"Bồ đào mỹ tửu dạ quang bôi  
Dục ẩm tỳ bà mã thượng thôi  
Túy ngọa sa trường quân mạc tiểu  
Cổ lai chính chiến kỹ hân hồi ..."*

Dịch: *"Rượu Bồ Đào chén dạ quang  
Ngập ngừng muốn uống tiếng đàn giục đi  
Say nằm bãi cát li bì  
Xưa nay chinh chiến người đi ai về ...?"*

(Tản Đà)

Ta may mắn được sống trên xứ sở này, muốn uống rượu Tây cho ngon cho đúng mode, hãy nghe một nhà nghiên cứu về rượu (2) chỉ cách như sau:

*"Uống rượu Tây phải dùng ly pha lê đáy to miệng nhỏ. Phải rót lượng rượu sao cho vừa đủ để khi đặt ly nằm ngả trên bàn, rượu vẫn không tràn. Trước khi uống xin bạn hãy cầm ly rượu đưa lên ngang tầm mắt trước ánh sáng tự nhiên hay đèn. Rồi nghiêng ly sang một bên, quan sát xem rượu có làm thành một vệt đậm đặc màu hổ phách từ từ chảy trở lại xuống đáy ly. Vệt rượu chảy càng chậm càng đều chứng tỏ rượu càng sánh càng ngon ..."* Tới đây tôi cao hứng muốn thêm một chút, trước khi uống ta hãy cụng ly "cái cụng" với bạn hiền nếu có, như một lời hẹn ước đồng tình, như một niềm tâm sự được truyền sang. Cụng ly vừa đủ mạnh, bạn vừa có thể lắc nhẹ ly rượu, để mùi thơm của rượu sẽ tỏa ra ngào ngạt làm ấm áp khung cảnh bạn bè. Xong thủ tục ta cùng uống thì càng thú vị hơn.

Nếu bàn về rượu trong văn chương thì biết bao giờ cho hết. Bây giờ trở về với phong tục tập quán của dân tộc mình, thì rượu vẫn là nhu cầu cần thiết cho cuộc sống. Trong các lễ lộc cúng bái cổ truyền, những tiệc tùng họp

bạn, cưới hỏi trong nhân gian, nếu không có rượu là cả một vấn đề thiếu sót rất quan trọng. Vì cổ nhân đã dạy: "vô tửu bất thành lễ" thật không chí lý lắm sao! Nhất là trong ba ngày Tết thiêng liêng, chai rượu vẫn là nguồn vui của mọi nhà. Mỗi gia đình bất luận sang hèn, nhà nào cũng phải chuẩn bị một chai rượu ngon trước để cúng ông bà tổ tiên, sau mời bạn bè bà con nhâm nhi khai vị đầu năm. Những ly rượu chúc mừng, hy vọng được một năm mới tốt đẹp hơn.

Dĩ nhiên hãy coi chừng, rượu cũng là nguyên nhân gây ra nhiều phiền phức tai hại. Uống say mà lái xe gặp phải Cảnh sát thì rắc rối đến với bạn không ít - trước hết là bị cúp bằng lái rồi đến các thủ tục phiền toái tiếp theo, bạn phải mất khoảng 10.000\$ mới "giải phóng" được một trường hợp say rượu gặp Cảnh sát. Nếu ham uống, uống không điều độ đến mức phóng đãng bừa bãi sẽ bị xơ gan, chấy phổi hư tim chết sớm uống đời. Tóm lại, rượu, nếu biết cách dùng điều độ chừng mực thì rất thú vị và bổ ích. Chính Hải Thượng Lãn Ông, một danh y của Việt Nam đã viết: "*Rượu có chất ôn dùng để tẩm thuốc, uống có điều độ sẽ thông khí huyết ...*"

Phần ta còn gì nữa đâu, khi bóng quē hương còn mãi xa mờ mịt và tóc ta cũng đang lần lượt thi nhau bạc trắng. Nếu biết cách lai rai, thì rượu cũng là nguồn vui của "tuổi xuân già". Lâu lâu vào dịp cuối tuần, có được bạn hiền cùng sương sương, mỏng mỏng một vài chung nho nhỏ, cũng đủ quên đời phiêu bạt tha phương.

**NGUYỄN HÙNG**

*\* Xin cảm tạ các nhà văn, nhà thơ, sử học đã cho tài liệu tham khảo*

*(1) Theo N.V.S.H. Huỳnh N. Chuyên*

*(2) Cách uống rượu Tây của Q. Hùng*

## XUÂN NHÂM NGỌ 2002

Mới đây mà đã mấy mươi năm  
Nước mất nhà tan khổ lụy đằm  
Ngày trước vui Xuân mừng pháo nổ  
Bây giờ đón Tết vắng người thăm  
Quê nhà khí thế đang sôi sục  
Hải ngoại cao trào dội tiếng tăm  
Xuân đến Xuân mang niềm hy vọng  
Tương lai Nước Việt gấp nghìn trăm.



**ĐẶNG ĐỨC BÍCH**

# NĂM NGỌ NÓI CHUYỆN NGỰA

TRẦN QUÁN NIỆM

Từ Đông sang Tây, hàng ngàn năm nay, trước khi nền văn minh cơ khí lan tràn kể từ đầu thế kỷ thứ 20, ngựa là bạn đồng hành gần gũi nhất của loài người. Tuy liệt vào loài gia súc nhưng ngựa chiếm một địa vị cao quý. Các bộ lạc du mục quý ngựa hơn vợ con (1), và đãi ngộ hết sức đặc biệt; khát uống sữa lạc đà, đói ăn trái chà là và đêm ngủ cùng lều với chủ. Sự giàu có và địa vị trong xã hội của dân da đỏ, được căn cứ trên số ngựa sở hữu. Tại nước nào cũng vậy, ngựa phục vụ hàng vua chúa, tướng lãnh, các nhà quyền quý, các trại chủ, và nổi bật nhất, ngựa được coi như chiến hữu của các tay tráng sĩ. Hình ảnh người tráng sĩ gắn liền với thanh gươm, yên ngựa. Tráng sĩ mà lợi bộ chắc chắn là mất cả vẻ hào hùng. Thử hỏi có hình ảnh nào đẹp hơn:

*Áo chàng đỏ tựa ráng pha*

*Ngựa chàng sắc trắng như là tuyết in*

Hoặc còn gì hùng tráng cho bằng ý niệm da ngựa bọc thây trong những vần sau đây:

*Chí làm trai, dẫm ngàn da ngựa*

*Gieo Thái Sơn nhẹ tựa hồng mao*

*Giã nhà đeo bức chiến bào*

*Thét roi cầu Vị, ào ào gió Thu*

Sau tiệc rượu giã từ, chàng sẽ một mình một ngựa rong ruổi đường xa vạn dặm. Đó cũng là giây phút mà người chinh phụ thầm ghen với con ngựa diễm phúc được kề cận bên chàng:

*Đưa chàng lòng rặc rặc buồn*

*Bộ khôn bằng ngựa, thủy khôn bằng thuyền*

Vì kể từ đây, chàng chỉ còn ngựa là bạn đường, ăn ngủ có nhau:

*Hơi gió lạnh người râu mặt dạn*

*Dòng nước sâu ngựa nản chân bon*

*Ôm yên, gối trống đã chôn*

*Nằm vùng cát trắng, ngủ cồn rêu xanh*

*mà nguy hiểm cũng có nhau "tên reo đầu ngựa, giáo lan mặt thành".*

Một ngày kia chàng lập nên công lao hãn mã, trở về đoàn tụ trong vinh quang, thì hạnh phúc biết bao. Nếu chàng không bao giờ trở lại, nàng đành ôm con, hóa đá đợi chồng trên đầu non.

Văn nhân cũng cần có ngựa. Ngày xuân phơi phới, các nàng Kiều dạo chơi đầy đường, chàng thót lên lưng ngựa "lông buông tay khấu" theo tà tà cho ra vẻ hào hoa phong nhã. Chàng diện đồ vía, và ngựa chàng cưỡi cũng đặc biệt:

*Tuyết in sắc ngựa câu dòn*

*Cỏ pha màu áo, nhuộm non da trời*

Ngựa có mặt khắp nơi. Ngựa đưa ông Nghè về làng vinh qui bái tổ *chồng em xuống ngựa cả làng ra xem*. Ngựa tô điểm ngày vui của chàng và nàng *ngựa anh đi trước, võng nàng theo sau*. Ngựa chia xẻ nỗi vất vả của chủ nhân khi gặp cơn thất thế *vó câu khắp khênh, bánh xe gập ghênh*.

Lịch sử nước nhà còn chép truyện Phù Đổng Thiên Vương cưỡi ngựa sắt phá giặc Ân. Khi lâm trận, ngựa thần phun lửa mù mịt, cháy vàng cả những bụi trúc làng Gióng, di tích còn truyền đến bây giờ. Bên trời Âu, con ngựa gỗ Trojan, thành Troie (1574) được nhắc đến như một điển

tích về mưu lược trí trá nơi chiến trường, cảnh cáo những kẻ khờ khạo, *công rắn cắn gà nhà*.

Kể từ ngày dân tị nạn lưu vong khắp thế giới, lâu lâu báo chí lại nhắc đến điển tích *ngựa Hồ, chim Việt*, hàm ý so sánh loài cầm thú còn biết lưu luyến chốn cố hương, nữa là con người sao đành quên quê cha đất tổ. Để giúp các bạn trẻ hiểu rõ, xin nói thêm, điển tích này rút ra từ sử sách Trung Hoa, ghi chép bằng loài ngựa thuộc rợ Hồ ở phương Bắc đem cống nước Tàu, loài ngựa này quen sống ở vùng thảo nguyên gió lộng nên mỗi khi mùa gió Bắc thổi, chúng lại cất tiếng hý ai oán. Tương tự, chim Việt, cũng là phẩm vật triều cống từ phương Nam, luôn chọn cành ở hướng Nam mà làm tổ. *Hồ mã tê Bắc phong. Việt điểu sào Nam chi*.

Tại Việt Nam ngựa dùng để cưỡi hay kéo xe, trâu bò mới kéo cày, nhưng ngựa Âu, Mỹ rất to khỏe, lại dùng để kéo cày. Thế mới biết, chân lý ở bên này dãy núi, sang đến chân núi bên kia lại khác hẳn. Cũng như dân ta và dân Mỹ chê thịt ngựa, dành làm thức ăn cho súc vật, trong khi dân Âu Châu lại cho là món ăn tuyệt hảo. Tuy nhiên mấy chuyện đó xin để dành hồi sau, bây giờ hãy nói về lịch sử loài ngựa.

## LỊCH SỬ

Theo các nhà khảo cổ, ngựa có mặt trên quả địa cầu từ 50 triệu năm nay. Mới đầu nó chỉ nhỏ như con nai, tên khoa học là Eohipus, có khả năng chạy rất nhanh để thú dữ khỏi ăn thịt. Theo thời gian nó thay hình đổi dạng để thành con ngựa như ta thấy ngày nay. Con người chỉ xuất hiện mới hơn 3 triệu năm, nhưng với trí khôn hơn mọi loài, nên bắt ngựa làm gia súc.

Không ai rõ con ngựa đầu tiên trở nên nô lệ cho loài người vào giai đoạn nào và trường hợp đó xảy ra như thế nào, nhưng điều người ta biết chắc là nhờ ngựa mà văn minh nhân loại lan tràn rộng rãi, và cũng nhờ ngựa mà mộng chinh phục các quốc gia lân cận của các vị lãnh chúa hiếu chiến mới thực hiện được. Khoảng năm 700 sau Tây lịch, nhà tiên tri Mohammed tin tưởng mình là truyền nhân của đấng Allah, có nhiệm vụ rao giảng đạo Hồi cho nhân loại. Nhưng có điều ông ta chọn cách rao giảng đầy máu lửa bằng cách dẫn đoàn kỵ mã Ả Rập giẫm nát Âu Châu, chinh phục nhiều quốc gia. Kẻ bại trận chỉ có một lựa chọn "*theo Allah là chết*". Đế Quốc Ả Rập rộng lớn tới bờ Địa Trung Hải, rồi tràn sang Phi Châu, bao gồm cả Tây Ban Nha. Trước khi đế quốc này sụp đổ, Tây Ban Nha bị người Hồi cai trị cả trăm năm, nhờ đó ngựa Ả Rập pha giống ngựa Tây Ban Nha thành một giống ngựa tốt, là tổ tiên của ngựa Mỹ Châu, như sẽ nói tới sau này.

Mấy trăm năm sau, Thành Cát Tư Hãn lãnh đạo nguyên bộ lạc rong ruổi trên lưng ngựa, chinh phục gần hết nước Tàu, Tây Hạ, Triều Tiên, Ba Tư, Ấn Độ, Thổ Nhĩ Kỳ và một phần Nga Sô, từ Âu sang Á. Lĩnh Mông Cổ nổi tiếng về tài cưỡi ngựa, suốt ngày trên yên ngựa không biết mỏi mệt, khát uống máu ngựa, đói ăn thịt ngựa. Cũng như nổi tiếng về sự hung bạo, hiếu sát, người ta loan truyền là vó ngựa quân Mông Cổ đi đến đâu cỏ cũng không mọc nổi. Dân chúng Âu Châu kinh hoàng trước đoàn kỵ mã Mông Cổ đến nỗi mệnh danh là *horses from hell*. (đoàn ngựa từ địa ngục) gieo rắc chết chóc máu lửa khắp cõi Á và Âu Châu, tuy nhiên đoàn quân bách chiến, bách thắng này hai lần tràn qua xâm lấn nước Việt tỵ hon đều thảm bại nặng nề. Lần thứ nhất vào đời nhà Trần (1288). Danh bất hư truyền, lúc đầu quân kỵ mã

Mông Cổ tiến như vũ bão, khiến quân ta thua. Nhưng rồi với tài điều binh khiển tướng thần sầu của Hưng Đạo Vương Trần Quốc Tuấn, quân Nam dùng kế đánh tan quân Mông Cổ tại sông Bạch Đằng. Trên bộ danh tướng Phạm Ngũ Lão tiêu diệt đoàn quân kỵ của Thái Tử Thoát Hoan và tùy tướng bằng lối phục chiến. Lần thứ hai, vào đời nhà Lê, quân nhà Minh lại tiến đánh nước ta, dưới sự chỉ huy của tướng Vương Thông, nhưng cũng bị ta vây khốn ở Đông Đô. Viện binh hùng hậu do Liễu Thăng chỉ huy gồm 10 vạn quân và 2 vạn ngựa. Trước thế giặc mạnh, Bình Định Vương Lê Lợi dùng chiến thuật "đĩ dật dãi lao" (lấy khỏe đánh mệt), áp dụng du kích chiến và phục binh đánh tan quân địch. Ta hãy đọc đoạn trích dẫn sau đây từ Việt Nam sử lược của Trần Trọng Kim "Ngày 18 tháng 9, quân Liễu Thăng đến gần ải Chi Lăng. Lê Sát sai Trần Lưu ra đánh rồi bỏ chạy. Liễu Thăng mừng lắm, chỉ đem 100 quân kỵ đuổi theo, bỏ đại đội quân mã ở lại sau. Đuổi được một đoạn, phải chỗ bùn lầy, ngựa đi không được. Phục binh ta đổ ra đánh, chém được Liễu Thăng ở núi Đào Mã Pha (tục gọi là gò Té Ngựa, bây giờ là Mã Yên Sơn ở làng Mai Sao, thuộc Ôn Châu). Việc ấy vào ngày 20 tháng 9 năm Đinh Vị."

Trở lại chuyện ngựa, nhờ sự bành trướng của đế quốc Hồi giáo và Mông Cổ, giống ngựa lan tràn khắp thế giới, trong đó ngựa pha máu Ả Rập và Tây Ban Nha được gây giống ở các nước Âu Châu, còn ngựa Mông Cổ thì ở Á Châu.

Giở trang sử Mỹ Châu, có thể nói không sợ sai lầm là chính ngựa đã chinh phục miền đất mới này. Năm 1518 một nhà phiêu lưu người Tây Ban Nha tên Don Hernando Ceortés dẫn một toán quân nhỏ và 16 con ngựa đổ bộ lên Mễ Tây Cơ với mục đích tìm vàng. Khắp Mỹ Châu thời



đó không có bóng dáng một con ngựa. Vì thế dân da đỏ thấy lính Tây Ban Nha cưỡi ngựa, đâm ra sợ hãi, tin tưởng người và ngựa là một con quái vật, đầu người mình ngựa, dữ dằn kinh khủng, ăn thịt người. Do đó dù quân số đông gấp bội, nhưng đành chịu đầu hàng. Cortés viết biểu về tâu vua Tây Ban Nha "*Nhờ trời phù hộ, nhưng chính ngựa đã chiến thắng trận chiến này*". Một con ngựa của Don Hernando Cortés, tên Morzillo, được dân da đỏ thờ là vị thần sấm, chớp.

Chúng ta coi xi nê thấy dân da đỏ cưỡi ngựa như bay, thật khó mà tin nổi, đã có một thời dân da đỏ sợ ngựa như vậy, dù rằng sự kiện đã ghi rõ ràng trong sử sách. Sau này họ học cách cưỡi ngựa của người Tây Ban Nha, sử dụng ngựa để săn bắn và chống lại người da trắng một thời gian. Sau nhiều trận đánh, người Mỹ nhận thấy ngựa là một khí cụ lợi hại của người da đỏ, do đó có lệnh tiêu diệt cả người lẫn ngựa. Điển hình, năm 1874, Đại Tá Ronald McKenzie, chỉ huy đoàn kỵ binh thứ IV, đã thăm sát toàn bộ lạc Kiowas và 1,400 con ngựa. Ôi, luật đời mạnh được yếu thua. Đã chiếm đất còn đánh giết của chủ nhà.

## SỞ TRƯỜNG VÀ SỞ ĐOẢN

Sở trường của ngựa là chạy. Chúng ta thường nghe mấy ông ba Tàu nói dóc "*thiên lý mã*" là con ngựa ngày chạy ngàn dặm. Thật ra tốc độ cao nhất của ngựa độ 30 miles một giờ, tương đương 45 cây số. Đó là nói về ngựa đua, chạy hết sức vài bao vòng là về tới đích, ăn giải. Nhưng *đường dài mới biết ngựa hay*, trên đường trường ngựa chạy trung bình 15 đến 20 miles một giờ, chạy chùng vài tiếng là đã mệt nhoài. Bằng chứng là toán kỵ mã

thuộc hãng thư tốc *Pony Express*, vào thời lập quốc của Mỹ, phải đổi ngựa thường xuyên mỗi một trăm dặm để đem thư tốc hành, trên khoảng đường 2,000 dặm từ Missouri đến San Francisco (thời đó xe lửa chỉ chạy từ miền Đông tới Missouri là hết đường).

Ngoài khả năng chạy, ngựa chỉ còn món tự vệ độc nhất là đá. *Đá hậu*. Món võ này chẳng có biến chiêu gì cả, cũng như Trình Giảo Kim chỉ có ba búa gia truyền, không đánh thắng được kẻ địch thì huề cả làng hay đánh bài tẩu mã có nghĩa là chạy (*Quất ngựa Truy Phong cũng có nghĩa là chạy, nhưng kiểu chạy này khác, ai không rõ xin hỏi anh chàng Sở Khanh*). Cổ Học Tinh Hoa kể chuyện người bà con của ngựa là anh lừa ở đất Kiềm (*Kiểm lư*), mỗi lần hổ tới chỉ ra chiêu có một ngọn cước, riết rồi hổ biết tấy, không thêm sợ, mà vô lấy ăn thịt. Tuy nhiên chớ coi thường mà nguy. Món đá hậu này không hiệu quả khi áp dụng với thú dữ to lớn như hùm, beo, sư tử ... nhưng đối với con người yếu đuối thì cũng lợi hại lắm. Lơ mơ võ mặt như chơi. Do đó đừng có dại mà lẫn quẩn sau đuôi nó, nó tưởng bạn *muốn mó đế ngựa*, phóng ra một đá bất chợt, thì nguy to. Chẳng thế mà ngày xưa các cụ có câu mồm chó, vó ngựa là có ý nhắc chúng ta nên đề phòng. Nhất là gặp loại ngựa tơ, lại càng phải đề phòng lắm lắm, vì ngựa non háu đá mà. Bị ngựa đá, dĩ nhiên là vừa đau, vừa tức, đau như ngựa đá hay tức như ngựa đá. Có lẽ cũng đau đớn thắm thái, như bị người yêu bỏ đi lấy chồng, vì sau này các chàng trai thường than thở với bạn là "bị bồ đá", mỗi khi tình yêu gây gánh. Trường hợp này các chàng thở dài thườn thượt, buồn rầu mặt dài như mặt ngựa vậy.

Còn sự thông minh của ngựa thì sao? Dựa trên đồ biểu của các nhà khoa học, ngựa không khôn bằng khỉ,

voi và chó, nhưng hơn hẳn loài mèo và bò. Điều này mới nghe thật khó tin. Chẳng lẽ ngựa chỉ khôn hơn bò thôi sao? Bề ngoài trông ngựa có vẻ tinh nhanh hơn nhiều, giúp người đủ mọi việc, nào kéo xe, nào kéo cày, chạy đua, dùng để cưỡi và đánh trận. Các nhà khoa học giải thích rằng, về sự thông minh, ngựa không hơn các loài khác, nhưng có điểm đặc biệt các loài khác không có, là khi học được điều gì, không những nó nhớ mãi mà còn truyền cho con cháu như một yếu tố di truyền. Thí dụ con cháu của ngựa chiến, dễ huấn luyện thành ngựa chiến hơn con cháu của ngựa kéo xe, hoặc ngựa cưỡi. Ra trận dù nghe súng nổ, gươm đao va chạm nhau, ngựa chiến cũng không sợ, và còn biết tiến thoái nhịp nhàng ăn khớp với các thế đánh. Câu *ngựa quen đường cũ* đề cập đến một khía cạnh về sự thông minh của ngựa. Nhưng ai từng ở thôn quê thì thấy trâu bò cũng biết tìm về chuồng mỗi buổi chiều. Và óai oăm thay, câu này thường ngụ ý không tốt đẹp, áp dụng phần lớn là để ám chỉ các bà các cô hư hỏng, chứng nào, tật ấy, không sửa chữa được. Cũng như mấy bà mẹ thường mắng con gái đồ *đĩ ngựa* vì ngựa cái đến cơn động dục, quây dữ lắm, chạy sòng sọc để tìm tình ... mã.

## NGỰA VÀ NGƯỜI

Thông thường chúng ta lầm tưởng ngựa sinh ra để người cưỡi. Thật ra Tạo Hóa không sinh ra loài này với mục đích làm nô lệ cho loài kia. Vì thế bẩm sinh ngựa thích tự do chạy nhảy, không muốn bị người khóa mồm, khớp mỏ, cột dây, rồi nhảy lên lưng, điều khiển đi đây, đi đó, kể cả ngựa sinh ra tại các nông trại (để phân biệt với ngựa hoang).

Có hai cách huấn luyện ngựa. Một chậm và một nhanh. Phương pháp thứ nhất là bắt đầu huấn luyện ngựa con khi nó mới độ vài tháng. Vì còn nhỏ nên nó không sợ người mấy, khi bị cột dây dắt đi vòng vòng. Độ ba năm, ngựa mang yên ít lâu cho quen, rồi từ từ học những bài học đầu tiên, tùy theo loại ngựa, để cưỡi, kéo xe, đánh trận hay đua. Năm thứ tư trở đi, ngựa bắt đầu làm việc được (ngựa sống trung bình 20 năm). Phương pháp thứ hai, đợi ngựa lớn cỡ 4, 5 năm mới bắt đầu tập. Cần có hai người thật khỏe giữ ngựa đứng yên, trong khi người khác đặt yên lên lưng ngựa và cột dây cương. Khi tất cả đã xong, người tập ngựa nhảy lên yên, khi ngựa được thả lỏng. Dĩ nhiên ngựa sẽ nhảy dựng lên để hất người xuống, nếu không được, nó chạy dài dài cho tới khi mệt nhoài. Một vài lần như vậy, ngựa sẽ quen đi, trở nên thuần tính, bằng lòng phục vụ loài người. Đó là với loại ngựa đã được loài người nuôi từ lâu, còn với ngựa hoang, sức kháng cự dữ dội hơn nhiều, thường phải bỏ đói ít ngày rồi mới tập, và dĩ nhiên là tốn nhiều thì giờ hơn. Không phải ngựa nào cũng chịu thúc thủ khi bị huấn luyện. Có những con bướng bỉnh hơn, nhất định hất văng người cưỡi bằng mọi giá. Loại ngựa này, ta kêu là *ngựa chứng* hay *ngựa bất kham* hết hy vọng huấn luyện, nhưng lại được sử dụng trong các cuộc cưỡi ngựa thi (rodeo) cốt để thử tài mấy chàng cao bồi, thường huênh hoang ta đây là kỵ mã thứ thiệt. Đối với ngựa chứng, chàng nào ngồi vững trên yên 10 giây mà không ngã, được kể như ăn giải. Ngựa chứng có thể do bẩm sinh, hoặc vì lý do bất thường nào đó, tự nhiên dở chứng.

Muốn cưỡi ngựa không phải khơi khơi nhảy lên lưng ngựa, cầm cương cho chạy là được đâu. Có ngày ngã sặc máu mũi. Phải học, như học lái xe vậy. Ngày trước khi

ngựa còn thịnh hành, con nít học cưỡi ngựa tại gia. Đến tuổi hơi lớn một chút, một ngày đẹp trời nào đó, ông bố sẽ dẫn cậu con trai ra sân tập cưỡi ngựa, giống hệt các ông bố thành thị ngày nay, hì hục chạy theo tập xe đạp cho con vậy. Còn bây giờ, ngựa trở nên hiếm hoi, muốn học phải đến các hội kỵ mã, hay một trại ngựa nào đó, trả tiền để học. Ngày nay, Hoa Kỳ không còn duy trì đoàn quân kỵ mã, nhưng thời trước, kỵ mã được gửi đến trường huấn luyện ở Fort Riley, Kansas, để trau dồi môn cưỡi ngựa. Hiện nay trường này vẫn còn được duy trì, nhưng chỉ dạy những người muốn sử dụng ngựa trong các môn thể thao như đánh Polo, đi săn hay cưỡi ngựa thi tại Thế Vận Hội Quốc Tế.

Kể cả những kỵ mã giỏi nhất, đôi khi vẫn ngã ngựa như thường. Cựu Tổng Thống "cao bồi" Reagan, chuyên cưỡi ngựa rong chơi, có khá nhiều năm kinh nghiệm, mà còn ngã bể đầu, phải đi nhà thương giải phẫu nữa là. Gần hơn nữa, tài tử đẹp trai Christopher Reeve, đóng vai Superman, té ngựa gãy cổ, bán thân bất toại cho đến bây giờ. Ngã ngựa là thất thế, cho nên người xưa thường nói người quân tử không đánh người ngã ngựa và gọi đó là tinh thần mã thượng. Và kẻ thắng thế được gọi là ở thế thượng phong (xin chớ lầm với *thượng mã phong* mà nguy to).

## MÃ ĐÁO THÀNH CÔNG

Ở đoạn trên có đề cập đến loại ngựa hoang (mustang, do tiếng Tây Ban Nha *mesteno* mà ra). Thật ra nó không hoàn toàn là ngựa hoang như giống ngựa hoang ở Á Châu, mà là con cháu của đàn ngựa đầu tiên người Tây Ban Nha mang sang châu Mỹ, khoảng thế kỷ thứ 16. Sau khi định

cư được ít lâu, di dân Tây Ban Nha không chịu nổi khí hậu vùng đất mới, lại bị da đỏ tấn công nên đành rút về. Đám gia súc mang theo, trong đó có ngựa, trở thành thú hoang, sinh sôi nảy nở đông vô số kể. Gần một trăm năm sau, khi người Âu Châu quay lại Mỹ khẩn hoang thì ngựa chạy hàng đàn, có đàn cả chục ngàn con. Hình ảnh đàn ngựa hoang, tung bồm sải nước đại, bụi cuốn mù trời, là hình ảnh tượng trưng cho đời sống tự do phóng khoáng, như thường thấy vẽ trên tranh Tàu. Đôi khi họa sĩ Tàu còn vẽ đôi ngựa phi nhanh trên đường, tượng trưng cho lời chúc "*mã đáo công thành*", để thiên hạ mua về tặng nhau trong những dịp cần chúc tụng.

## NGỰA TRONG THỜI HIỆN ĐẠI

Năm 1918, nước Mỹ có cả thảy 29 triệu con ngựa. Năm 1960, con số này chỉ còn 3 triệu. Đó là do ảnh hưởng của nền văn minh cơ giới bắt đầu từ thế kỷ thứ 20. Xe hơi, xe máy cày, xe vận tải thay thế lần lần cho xe kéo bằng sức ngựa. Tuy nhiên cho đến ngày nay, đơn vị của sức kéo vẫn là "*mã lực*", kể cả sức đẩy của hỏa tiễn phóng phi thuyền không gian. Trong trí óc con người, hoài niệm về ngựa vẫn còn mênh mang. Lacocca đã bắt mạch đúng tâm lý quần chúng Mỹ khi chọn tên Mustang ngựa rừng cho chiếc xe thể thao do ông vẽ kiểu, bán chạy như tôm tươi, và đưa ông lên địa vị giám đốc hãng Chrysler, sau khi từ già hãng Ford. Sau Mustang, thấy ăn khách, Ford tung ra một loạt nào Bronco I, rồi Bronco II (ngựa chững), rồi Pinto (ngựa lang), rồi Colt (ngựa tơ), trong tương lai có thể còn nhiều nữa.

Ngày nay đời sống con người không lệ thuộc nhiều vào sức ngựa, ngoại trừ một nhóm thiểu số, cuộc đời, danh

vọng, sự nghiệp, tiền tài vẫn gắn liền nơi vó ngựa. Đó là những người chuyên nuôi ngựa đua, và những người tìm thú say mê nơi chốn trường đua, mà mỗi lần ngựa về ngược là mỗi lần xính vính.

Những ngày mùa Thu trên đất Mỹ quá đẹp, xin chúc quý vị tận hưởng, vì cuộc đời vốn ngắn ngủi, phù du, tựa "bóng câu qua cửa sổ" và những đợc mất hơn thua nào có khác gì "Tái ông mất ngựa". Những người không hay câu tri túc, suốt đời lặn lội bôn ba, cũng như kẻ cưỡi ngựa xem hoa, đến chặng đường cuối, buông xuôi tay trắng, có tiếc cũng đã muộn màng.

Thế nên đời nay có thơ rằng:

*Đời người như bóng câu qua*

*Một hơi không kịp vào ra, chết rồi*

*Hơn thua chi nữa khổ đời*

*tìm nơi thanh tịnh, thanh thoi kiếp nhân.*

## TRẦN QUÁN NIỆM

(1) Chắc thế nào quý vị nữ lưu cũng ngầm chê trách tác giả cố tình rẻ rúng đàn bà. Nói có sách, mách có chứng, quý vị thử vào các công viên danh tiếng, nơi người ta thường dựng tượng các vĩ nhân, danh tướng, ngắm nghía kỹ mà xem, có vị tướng nào được tạc tượng tay bông con, tay dắt vợ, lưng đeo túi đựng tã và tay cầm bình sữa hay không? Hay là chỉ có danh tướng cưỡi con ngựa chiến mà tên tuổi cũng đã đi vào lịch sử, như Quan Vân Trường có con ngựa Xích Thố, đức Phật Thích Ca có con Kiền Trắc, Hạng Võ có ngựa Ô Truy v.v... Danh tướng Napoleon, Washington, Robert E. Lee cũng cưỡi những con tuấn mã nổi tiếng.



# Thềm Trăng

TUỆ ĐÀM TỬ

## TRƯỜNG CA VIỆT NAM

### *Việt Nam*

*Việt Nam, ba ngàn năm trước Tây lịch*

*Hỏi ra - Ai biết những gì?*

*Từ cái không đến cái có*

*Thật màu nhiệm huyền vi*

*Là tứ đại*

*Là âm dương*

*Đã tạo thành tiếng nói*

*Là tuyệt đối: Chỉ năm dấu âm thanh*

*Nền văn học trưởng thành*

*Tiếng Việt Nam từ đó:*



*Giống Tiên Rồng đã chớm nụ tình anh*

*Từ Phù Đổng Thiên Vương  
Chữ Đồng Tử  
Lạc Long Quân  
Dân Bách Việt chống bạo Tần giữ nước  
Văn học ta đi trước  
Mở khai nguồn con nước dậy triều xuân  
Từ văn chương truyền khẩu  
Đến thần thoại Việt Nam  
Rồi ca dao  
Tục ngữ  
Rồi thành ngữ, cổ tích  
Đã thành văn ghi lịch sử vàng son  
Là cội rễ  
Là nguồn Thiêng đất Tổ*

*Việt Nam*

*Việt Nam, đã ba lần Bắc thuộc  
(Một ngàn năm nô lệ Bắc phương)  
Vẫn không hề khuất phục  
Giống Tiên Rồng đã đúc khối kim cương*

*Nữ anh hùng Trưng Vương  
Đứng vùng lên vạch lối khai đường  
Triệu Ẩu  
Ngô Quyền  
Sấm truyền Đinh La Quí*

*Lời Thủ Độ vang rền hào khí:  
(Đầu Thần chưa rơi xuống đất,  
Xin Bệ hạ đừng lo)*

Trần Bình Trọng hô to:  
(Thà làm quỷ nước Nam,  
Hơn làm Vương đất Bắc)  
Mắng Thoát Hoan thất sắc  
Thật khí phách ngang tàng  
Trần Hưng Đạo không hàng:  
(Nếu có hàng xin chém đầu Thần trước)  
Dùng văn thơ cứu nước  
Lý Thường Kiệt hạ vắn  
Phổ biến khắp quân dân  
"Nam quốc sơn hà Nam Đế cư  
Tiệt nhiên định phận tại thiên thư  
Như hà nghịch lỗ lai xâm phạm  
Nhữ đẳng hành khan thủ bại hư"

Tạm dịch:

"Nước Nam là của người Nam ở  
Hẳn nhiên trời đã định phân rồi  
Dân nào ngỗ nghịch sang xâm chiếm  
Sẽ bị người Nam đánh bại thôi"

Trần Quang Khải thốt lời bất hủ:  
"Đoạt sáo Chương Dương độ  
Cầm hồ Hàm Tử quan  
Thái bình tu nỗ lực  
Vạn cổ thủ giang san"

Tạm dịch:

"Cướp gươm giặc tại bến Chương Dương  
Và bắt giặc nơi cửa Hàm Tử  
Sự thái bình toàn dân gắng giữ  
Giang san tổ quốc ấy muôn năm"

*Việt Nam*

*Năm Ngàn Năm Văn hiến  
Muôn ngàn đời vang tiếng  
Khó nói hết Việt Nam  
Nào: Thích, Nho, Lão  
Một tinh thần Tam Giáo đồng nguyên  
Hình thành tự cõi Rồng Tiên  
Nêu gương cùng thế giới.  
Qua Bình Ngô Đại Cáo  
Với Anh Hùng Áo Vải Lam Sơn  
Lê Lai cứu Chúa không sờn  
Hiển danh Lê Lợi kinh hồn giặc Minh.  
Trận Đống Đa  
Vua Quang Trung quyết khôi phục nước nhà  
Cuộc Bắc tiến đã thành công rạng rỡ  
Hai mươi vạn quân Thanh tan vỡ  
Trong mười ngày đã chiếm được Thăng Long  
Xứng danh nòi giống Lạc Hồng  
Sử xanh còn chép anh hùng Việt Nam  
(Người anh hùng áo vải muôn năm)*

*Việt Nam*

*Việt Nam, muôn ngàn đời thơm ngát  
Hoa tinh thần tỏa khắp giang san  
Đượm nhuần mưa móc thời gian  
Cho cây Văn học Năm Ngàn Năm tươi*

*Dân Việt Nam người người như một  
Hiệp cùng nhau đoàn kết một lòng  
Đã xây đắp một non sông  
Tiếng ca vời vợi Non Hồng Sông Lam*

*Việt Nam*

*Việt Nam, Năm Ngàn năm Văn Hiến*

*Việt Nam còn thơm tiếng*

*Không khuất phục ngoại bang*

*Kể từ khi quân Pháp kéo sang*

*Nền thống trị những tưởng rằng: Chắc chắn*

*Nhưng,*

*Chạy đâu khỏi nắng*

*Đâu chẳng có anh hùng*

*Dân Việt Nam quyết không đội trời chung*

*Quyết thề không nô lệ*

*Quyết thề không bị trị*

*Bắc, Trung, Nam, thả nung chí quật cường*

*Không thèm Âu hóa,*

*Chẳng luôn cúi Tây phương*

*Tám mươi năm sôi sục máu kiên cường*

*Từng nổi bật trang anh hùng chí sĩ*

*Nào:*

*Phan Thanh Giản đã liều mình tử tiết*

*Nguyễn Tri Phương trung liệt với giống nòi*

*Không sờn lòng Hoàng Diệu tạc gương soi*

*Thà chịu chết quyết không hàng đầu giặc*

*Phan Đình Phùng truyền hịch*

*Lập đảng chống xâm lăng*

*Nêu cao chí khí quật cường*

*Hy sinh vì nước đuổi phàm thường thực dân*

*Phong trào cách mạng Duy Tân*

*Mở mang dân trí*

*Hóa dân quốc cường*

*Phan Bội Châu khéo chủ trương*

*Phan Chu Trinh cũng một đường mở mang  
Nguyễn Thái Học đã võ trang chống Pháp  
Nên phải đành bị đàn áp dã man  
Dù trận thua nhưng quyết chí không hàng  
Thà chịu chém để bảo tồn danh tiết*

*Trần Yên Bái, Trần thư hùng quyết liệt  
Nêu tinh thần bất khuất giống nòi ta  
Khối kiên cường dân tộc Việt nguy nga  
Thực dân Pháp phải kinh hoàng nể sợ.*

*Bọn đế quốc dùng ác tâm man rợ  
Là châm ngòi cách mạng Việt bùng lên  
Lửa căm thù nung chí khí thêm bền  
Dân nổi dậy dành tự do, độc lập*

*Việt Nam*

*Việt Nam lòng lấy năm châu  
Một cây Văn Hiến tượng màu gấm nhung*

*Một Tổ quốc kiêu hùng  
Thắng vượt nghìn lao lung  
Một giống nòi bất khuất  
Ngời thế hệ Quang Trung*

*Việt Nam*

*Việt Nam một dãy giang san  
Một minh tinh chiếu trần gian tuyệt vời.*

*Tiếng Việt Nam muôn đời lồng lộng  
Dân Việt Nam một giống Tiên Rồng  
Tinh thần bủa tận hư không*

*Trí không thể tưởng, Dũng không thể lường.*

*Chí Việt Nam cao còn hơn núi  
Tình Việt Nam vời vợi trùng dương  
Đạt dào vang khắp muôn phương  
Việt Nam tiểu quốc nhưng hồn đại minh.*

*Cây Văn học Việt Nam càng lớn  
Tuổi càng cao sức mạnh càng nhiều  
Càng vươn càng trởi càng siêu  
Rễ chôn đất thắm, ngọn đìu mây xanh.*

*Hạt giống kiên gan vẫn mọc hoài  
Tình thần bất khuất vọng tương lai  
Chúng ta thừa hưởng nguồn thiêng cổ  
Bản sắc lưu truyền chớ để phai*

*Việt Nam muôn thuở mái Nhà Hương  
Chiếc áo Rồng Tiên Ấm Quốc hồn  
Ấy chính môi trường Văn Nghệ Thuật  
Cho THƠ, cho ĐẠO, nở VÙNG DƯƠNG ...*

**TUỆ ĐÀM TỬ**



# ĐÃ CÓ MỘT NỀN VĂN HÓA BÌNH ĐỊNH

THÁI TẮU

Không phải là một đầu óc quá địa phương, nhưng chúng ta phải nhìn nhận khách quan rằng, từ lâu nay có nhiều học giả đã nói rằng tỉnh Bình Định là nơi có một sắc thái văn hóa đặc biệt, có người có thể cực đoan hơn lại nói rằng: Đã có một nền Văn hóa Bình Định.

Vậy chúng ta thử đặt vấn đề đó và nghiên cứu với một tinh thần khoa học không thiên vị và sau khi nghiên cứu cẩn thận chúng ta sẽ trả lời câu hỏi: Đã có một nền Văn hóa Bình Định hay không? và nền Văn hóa ấy là nền Văn hóa gì?

Trước hết, chúng ta phải đặt vị trí của tỉnh Bình Định trong toàn bộ địa lý của nước Việt Nam, thứ nữa là vị trí của tỉnh Bình Định trong cả lịch sử của Dân tộc Việt và sau cùng giải thích về mọi ảnh hưởng: kinh tế, xã hội, chính trị ... những ảnh hưởng nào có thể làm cho duy trì hoặc là phát triển cái sắc thái đặc biệt của Văn hóa địa phương tỉnh này.

## VỀ MẶT ĐỊA LÝ:

Về mặt địa lý thì chúng ta nhận thấy rằng, nước Việt Nam có một dãy núi dài từ ải Nam Quan đến tận miền Nam Việt (Long Khánh, Tây Ninh), nhưng cũng có đôi vùng châu thổ, đồng bằng trũng trọt, cây cấy được.

Phía Bắc có châu thổ sông Hồng Hà, có thể nói là nơi tập trung quá phân nửa dân số miền Bắc. Đi dọc vào Nam, khi qua khỏi đèo Tam Điệp, chúng ta bắt đầu có châu thổ sông Mã làm địa bàn cho tỉnh Thanh Hóa, cũng là nơi có dân cư đông. Từ đó đi thẳng vào Nam, ngoài những thửa ruộng nho nhỏ dọc theo ven biển, đến tỉnh Bình Định chúng ta mới có một châu thổ rộng, lớn và vượt qua khỏi Bình Định chúng ta lại gặp núi cao cho mãi đến miền Nam bộ mới có một đồng bằng vĩ đại của hai sông Đồng Nai và Cửu Long.

Vậy thì vùng Bình Định là một trong bốn đồng bằng lớn đã nuôi sống đa số nhân dân miền Trung từ mấy chục thế kỷ nay. Có thể nói không lầm thì vùng châu thổ Bình Định là cánh đồng thứ ba về mặt to, rộng và dân số Bình Định trước năm 1975 lên đến 1 triệu người.

Bình Định lại ở vào một địa thế khá đặc biệt (khoảng giữa vĩ tuyến 13 và 14) mặt đông là biển cả mênh mông, ba mặt sau là núi non bao bọc tạo thành hình một chiếc ngai rồng, chính giữa là cánh đồng có hai con sông chính là Côn Giang và Lại Giang uốn khúc và hai đường giao thông chính bộ và sắt chạy xuyên qua, lại thêm Quốc lộ 19 nối dài từ vùng biển đông lên Cao nguyên Pleiku, Kontum thông sang hạ Lào; rất thuận lợi cho việc giao thông cả về ba mặt thủy bộ và hàng không. Bình Định quả là miền giao địa, một trung tâm kiến quốc và bảo quốc trọng yếu; thảo nào vua Chiêm Thành đã chọn Bình Định làm Đế đô và thời Tây Sơn đã lấy Bình Định làm Hoàng thành.

## VỀ MẶT LỊCH SỬ:



Về mặt địa lý thì như vậy, còn về mặt lịch sử thì vai trò của tỉnh Bình Định cũng có những vẻ đặc thù trong lịch sử Nam tiến của dân tộc Việt Nam. Khi mà người Việt Nam đi lần lần tới mãi, vượt qua khỏi tỉnh Quảng Ngãi thì đến tỉnh Bình Định, và Bình Định là nơi dừng chân lại khá lâu của phong trào Nam tiến của dân tộc Việt lúc bấy giờ. Gọi dừng chân lại là nói về thời gian nhưng mà trong cái buổi dừng chân lại này thì không sao cung cấp cho đủ dân số để khai thác vùng châu thổ trù phú ấy, nên chi, trong lịch sử Nam tiến nhà Nguyễn đã có những thi thố đặc biệt để khai thác châu thổ này.

Phương pháp khai thác thứ nhất là tụ tập những tay giang hồ tứ chiến những kẻ bị tội ở các nơi đem an trí vào đây mà lập ấp. Thứ nữa là những trận thư hùng trong suốt một trăm năm Nam Bắc phân tranh, mỗi lượt mà bên nhà Nguyễn thắng trận thì bắt được một số tù binh, nhà Nguyễn lại di cư số tù binh ấy vào khai thác Bình Định. Bằng chứng là tổ tiên của dòng Tây Sơn vốn là người Nghệ An. Sau khi chúa Nguyễn thắng trận đã bắt tổ bốn đời của ba anh em Nhạc, Huệ và Lữ di cư vào khai thác vùng Tây Sơn thượng tức An Khê ngày nay. Ngoài ra, sau khi nhà Tây Sơn thất trận thì những tàn quân hoặc con cháu, công thần nhà Tây Sơn cũng đều bị tập trung về Bình Định và khi Nguyễn Ánh lên ngôi Hoàng đế tức là phản lời hứa phò Lê, thì con cháu nhà Lê cũng bị tập trung tại Bình Định để dễ kiểm soát. Với một bộ cai trị, nhà Nguyễn đã kiểm soát được hai hay ba lực lượng có thể gọi là mầm mống chống đối lại mình.

Vì những lẽ ấy mà trong lịch sử của dân tộc Việt Nam, chúng ta có thể nói rằng Bình Định đang lãnh vai trò là nơi tập trung những phần tử có thể gọi là lỗi lạc nhất, những phần tử lãnh đạo của những phong trào chống

đổi lại nhà Nguyễn, cũng như Côn Sơn là nơi tụ tập những anh hùng, những người bất phục tùng chế độ thực dân, chế độ Bảo Đại, chế độ Ngô Đình v.v... trước đây tụ lại đây, tất nhiên họ đem những tinh hoa của những phong trào ấy gom lại tỉnh Bình Định.

Vì lẽ đó mà chúng ta không lấy làm lạ là tại sao ở Bình Định lại có nhiều sắc thái đặc biệt trong mọi bộ môn Văn hóa và nhờ đặt vị trí của dân Bình Định vào lịch sử của dân tộc, chúng ta mới thấy rõ cái sắc thái của nền Văn hóa địa phương này.

Sau khi nghiên cứu hai phần trên, chúng ta hãy đi vào chi tiết để xem ở Bình Định có những bộ môn văn hóa nào có thể nói rằng ở địa phương khác không có mà chỉ ở Bình Định mới có mà thôi hay nói một cách khác, những bộ môn nào mà riêng ở Bình Định mới thật là quang vinh còn ở các địa phương khác thì chỉ lu mờ. Hay là, về mặt thứ ba, những bộ môn Văn hóa phát xuất ở Bình Định rồi lần lần mới chuyển đi khắp các nơi khác? Chúng ta hãy đi vào chi tiết ấy theo trật tự của thời gian.

### \* HÁT BỘI:

Theo trật tự thời gian thì chúng ta thấy bộ môn xuất hiện trước nhất ấy là HÁT BỘI.

Ai cũng biết Hát Bội hiện nay có thể lấy Bình Định làm thủ đô và trong lịch sử Hát Bội cũng phát xuất ở Bình Định do Cụ Đào Duy Từ chủ xướng.

Về bộ môn kịch nghệ, chúng ta biết rằng ở xứ nào cũng có những trò đem diễn trên sân khấu bằng cách này hay bằng cách và, trên sân khấu thì ảnh hưởng qua lại giữa dân tộc này với dân tộc kia không phải là nhỏ. Tuy vậy, mỗi dân tộc đều có giữ một sắc thái riêng biệt. Riêng

nền kịch nghệ Việt Nam, cái sắc thái xưa, cổ truyền như thế nào thì hiện nay chúng ta không biết được cho chính xác, chúng ta chỉ biết rằng vào đời nhà Trần, khi mà quân Mông Cổ kéo sang đánh nước ta và sau ba lượt thất trận, Đức Trần Hưng Đạo có bắt được một tù binh tên là Lý Nguyên Cát. Tù binh này thuộc về nhóm đi theo quân Mông Cổ để giúp vui cho quân binh tướng sĩ, tức Lý Nguyên Cát là một kịch sĩ trong đoàn văn công tâm lý chiến của quân nhà Nguyên. Và ai cũng biết vào thời nhà Nguyên là thời mà môn kịch nghệ của Trung Hoa đã đến hồi cực thịnh và những vở kịch vĩ đại ghi lại trong lịch sử Trung Hoa cũng vào thời nhà Tống, nhà Nguyên. Bằng chứng là kịch "Tây Dương Ký" của Vương Thực Phủ, liệt vào hàng lục tài tử, xuất hiện vào đời nhà Nguyên vậy.

Ta có thể nói rằng, Lý Nguyên Cát đã lấy bộ môn kịch nghệ của Trung Hoa đến cái độ cực thịnh của nó đem qua Việt Nam. Nếu đem so sánh với các điều kịch nghệ thô sơ của dân tộc Việt Nam lúc bấy giờ thì Lý Nguyên Cát đã đạt đến một nghệ thuật quá cao, nên Đức Trần Hưng Đạo mới nhờ Lý Nguyên Cát dạy lại, huấn luyện lại cho những kịch sĩ của ta và lập thành một lối kịch nghệ riêng cho triều đình nhà Trần.

Môn kịch nghệ này lần lần lượt lượt lưu lại cho đến đời thân phụ của Đào Duy Từ. Cụ Duy Đào Từ như chúng ta đã biết là người tỉnh Thanh Hóa, làng Hoa Trai, con của một kép hát - Cụ Đào Tá Hán - và vì vậy mà cụ không được đi thi.

Cụ là người thông kim bác cổ, văn võ song toàn. Hận vì không được thi mà vượt tuyển vào Nam và vì sinh kế, Cụ đến ở một vùng châu thổ trù phú của tỉnh Bình Định (huyện Bồng Sơn), chăn trâu cho một phú hộ để đợi thời. Khi đến đây, thì Cụ Đào Duy Từ thấy ở địa phương Bình

Định này có nhiều bộ môn văn nghệ đặc biệt qua những điệu hát, điệu hò, điệu ca, điệu múa v.v... Cụ bèn đem cái truyền thống kịch nghệ của Trung Hoa mà cha ông của Cụ đã học được phối hợp với các điệu dân ca, múa hát riêng của vùng này mà thành lập nên cái môn gọi là HÁT BỘI.

Bằng chứng trong bộ môn Hát Bội, chúng ta có những điệu hát như hát khách. KHÁCH, đó là những điệu hát do người phương ngoài đem đến - những bộ môn chịu ảnh hưởng kịch nghệ của Trung Hoa thời nhà Nguyên - Còn hát nam tức là một điệu hát lấy những câu lục bát làm chuẩn. NAM, đó là điệu hát riêng của người Việt phương Nam. Tất nhiên ai cũng biết điệu lục bát là một điệu thơ đặc biệt của Việt Nam mà bên Tàu không có rồi sau mới biến thành nhiều điệu hát khác như hát nam xuân, nam ai, nam tấu mã v.v...

Chỉ nội trong danh từ hát khách, hát nam cũng đủ chứng tỏ là bộ môn Hát Bội là một bộ môn đặc biệt do sự phối hợp giữa truyền thống kịch nghệ nhà Nguyên và các điệu dân ca của địa phương Bình Định mà thành. Tóm tắt có thể nói rằng Hát Bội là bộ môn văn hóa đặc biệt của tỉnh Bình Định và từ đó mà phát huy ra.

### **\* VÕ THUẬT:**

Bây giờ chúng ta sang bộ môn thứ hai là VÕ. Cả nước hiện đang lưu truyền câu ca dao:

*Ai về Bình Định mà coi*

*Con gái Bình Định bỏ roi đi quyền.*

Đó là bộ môn phổ thông nhất trong nhân gian đến nỗi phụ nữ cũng đều biết và biết một cách thành thạo: vừa bỏ (buông) roi là có thể đi (múa) quyền được ngay.

Một bằng chứng thứ hai nữa trong lịch sử là khi quân Tây Sơn khởi nghĩa, quân lính phần đông là nông dân, thế mà quân Tây Sơn đánh đâu thắng đó. Quân đã giỏi mà tướng cũng rất tài như Võ Văn Dũng, Trần Quang Diệu, Bùi Thị Xuân ... thấy đều là những tay võ nghệ siêu quần. Đó là chưa nói đến vị anh hùng dân tộc Quang Trung NGUYỄN HUỆ bách chiến bách thắng mà đường roi trận của Người đến nay vẫn còn vang danh.

Gần đây, có những nhà viết sử mà thiếu óc nghiên cứu, phê phán thì không hiểu quân Tây Sơn đã thắng quân nhà Thanh với cái chiến thuật nào? Có người đã đặt câu hỏi: Quân Tây Sơn dự trận Đống Đa là 10 vạn người và 200 thớt voi. Nhưng khi xuất quân ở Phú Xuân thấy ra Bắc thì chỉ có 2 vạn người. Cho nên khi ra đến Nghệ An, Hoàng đế Quang Trung mới cho dừng lại để mộ thêm hơn 8 vạn tân binh, hoàn toàn là nông dân. Trong khoảng thời gian ngắn ngủi có 10 ngày mà vừa mộ quân, vừa tạo khí giới, vừa luyện quân cho đến nổi thiên tài mà thắng 20 vạn quân Thanh đã được huấn luyện thuần thục hằng năm hàng tháng thì thử hỏi, đứng về mặt chiến thuật, quân Tây Sơn đã dùng chiến thuật gì? và món binh khí nào? Với cuộc chiến tranh cơ giới trước năm 1975 mà tại các Trung tâm huấn luyện như Đồng Đế, Lam Sơn, Quang Trung, Thủ Đức v.v... những tân binh đều phải tập luyện từ 3 đến 6 hoặc 9 tháng và lâu hơn nữa mới ra trường mà chưa chắc đã tham chiến liền. Đằng này, quân Tây Sơn thì chỉ có vồn vẹn 10 ngày vừa luyện tập vừa tạo khí giới, mà ví dụ như tạo vũ khí thì làm sao có đủ lò rèn, đủ thợ, đủ sắt thép để có thể rèn cho đủ hơn 8 vạn vũ khí để cung cấp cho hơn 8 vạn tân binh được? Cái điều đó, các nhà sử gia Tây phương không biết rõ tác dụng của môn võ nghệ thì khó mà trả lời được.

Nhưng ở đây, ta có thể giải đáp một cách giản dị là Vua Quang Trung khi mộ quân thì mỗi quân đều được lệnh vào rừng gặt cây gì chắc chắn mà có thể tạo được một ngọn roi vừa cầm tay (hoặc là tầm vông), vót cho đầu nhọn thêm một chút là được. Chuyện đó chỉ trong nửa giờ hoặc một giờ là mỗi tân binh đã có một món võ khí để sử dụng không cần đòi hỏi hàng năm hàng tháng để rèn cho được một cây đao, cây kiếm. Và, trong mười hôm với một ngọn roi để luyện võ cho tân binh tất phải có một hai đòn độc đáo nào đó được truyền lại.

Trong đòn độc đáo đó, trước đây, trong một tập san xuất bản tại Bình Định đã nhắc đến - đó là ngọn roi trận Nguyễn Huệ. Ngọn roi này hễ tránh trúng một chỗ nào đó của đối thủ là chết hoặc ngắt đi tức khắc. Rất tiếc thay người mà còn giữ được ngọn roi đó là Cụ Hồ Ngạnh thì nay đã không còn! Nếu người địa phương mà không học được ngọn roi đó coi như đã mất đi một ngành văn hóa cổ truyền của dân tộc.

Chúng ta còn nhớ, trong thời kỳ kháng chiến chống Pháp (1945-1954) ở các làng quê vào những đêm trăng, các thanh niên thanh nữ trong các đội du kích, tự vệ đều tập võ, luyện kiếm (12 thế) và dùng tầm vông vạt nhọn để đánh Tây, phải chăng đã nối tiếp truyền thống võ nghệ của nhà Tây Sơn?

Do đó, ta có thể nói rằng bộ môn võ nghệ là một bộ môn đặc biệt của tỉnh Bình Định.

### \* NHẠC VÕ TÂY SƠN:

Nói đến võ nghệ, chúng ta không thể không nhắc đến bộ môn thứ ba đó là NHẠC VÕ TÂY SƠN.

Tại sao gọi là Nhạc Võ? vì khi biểu diễn bộ môn này, nhạc sĩ không thuần là nhạc sĩ mà còn phải là một võ sĩ nữa. Nhạc khí căn bản của Nhạc Võ Tây Sơn là một giàn trống do quân Tây Sơn dùng khi thao diễn quân sĩ tại võ trường, hay là khi xuất quân cho khí thế thêm mạnh mẽ, hay là khi thúc quân lướt tới trận mạc cho mau lẹ, hay là khi hành quân tiến thối nhịp nhàng, hay là khi hãm thành, cho uy thế thêm mãnh liệt, hay là khi thành công mà khai hoàn reo mừng chiến thắng.

Bộ trống đúng theo kinh điển gồm 12 cái, mỗi cái mang tên một con giáp của thập nhị chi = tý, sửu, dần, mẹo, thìn, ty, ngọ ... và khi học nhạc thì tên các con giáp này cũng là tên của các cung bậc do tiếng trống phát ra. Đường kính mỗi mặt trống lớn nhỏ khác nhau, do bịt trống thì căng chùng, thẳng cũng khác nhau nên tiếng trống cao thấp khác nhau.

Khi biểu diễn thì nghệ sĩ dùng roi (dùi) trống, có khi dùng bằng bàn tay, bằng nắm tay, bằng cùi chỏ ... nghĩa là đủ cả bộ phận của hai tay nhảy múa trên 12 cái trống khi thì thư thả nhẹ nhàng, khi dồn dập gấp rút, khi phấn khởi hoan thai. Chỉ có hai cái tay mà đánh nổi một giàn trống 12 cái nên nhạc pháp gọi là "Song thủ đả thập nhị cổ".

Ai cũng biết rằng, sắc thái đặc biệt của nền văn hóa cổ xưa của người Việt bật nổi hơn cả là việc dùng trống. Những cuộc khai quật đã đem đến cho các nhà khảo cổ cái trống đồng mà đặc trưng hơn cả là trống đồng Ngọc Lũ là chứng cứ đặc biệt của nền văn minh Đông Sơn.

Do đó, ta có thể nói rằng việc dùng trống là sở trường của Văn Hóa Việt Nam, và trong thời Tây Sơn, cái sắc thái đặc biệt nọ của nền văn hóa dân tộc được nhà Tây Sơn khai thác đến triệt để thì nghệ thuật chơi trống cũng được đưa đến tuyệt đỉnh.

Ai có dự xem bộ môn này thấy đều phải công nhận là một nghệ thuật kỳ ảo mà không một nơi nào có được.

Nói đến Nhạc Võ Tây Sơn, chúng ta không thể nào không nhắc đến môn **VÕ NHẠC**. Võ nhạc tức là một trong bốn môn võ đặc biệt của Bình Định: côn, quyền, kiếm, cổ (trống), mà đặc biệt là khi biểu diễn võ lại xuất hiện nhạc cũng đủ những tiết tấu, nhịp nhàng như một bộ môn âm nhạc khác.

Nguyên tắc biểu diễn bộ môn này là trống phải treo lên và nghệ sĩ sẽ đánh, đá, thúc (cùi chỏ), húc (đầu) vào những cái trống treo lủng lẳng. Và dĩ nhiên khi đánh, đá, thúc, húc ... trống lại phát ra âm thanh có bài, có bản ăn khớp với điệu võ.

Nếu chúng ta bảo Nhạc Võ Tây Sơn là tĩnh thì môn Võ Nhạc là động. Vì Nhạc Võ thì 12 trống nằm yên trên giàn trống, vị trí bất động và khi ta muốn khởi một âm thanh nào đó thì ta chỉ có việc đánh trúng vào vị trí đó là được. Trái lại với Võ Nhạc thì trống di chuyển mãi. Khi ta muốn phát ra một âm thanh nào tất nhiên ta phải đoán đánh cái trống ấy trong lúc nó đang duy chuyển. Đánh cho trống phát ra âm nhạc đã khó mà khi đánh trống còn phải kết hợp chân tay đúng theo thế của một đường quyền hay một đường song kiếm v.v... lại càng khó hơn. Nghệ sĩ biểu diễn bộ môn này phải là một tay võ sĩ siêu quần đồng thời cũng là một tay nhạc sĩ lão luyện.

### **\* BÀI CHÒI:**

Ngoài ra, về địa hạt dân ca ở Bình Định lại phát xuất một điệu hô (hát) gọi là **BÀI CHÒI**.

Tại sao gọi là Bài Chòi? Theo chúng tôi nghĩ và như trên đã nói, Bình Bình là một vùng châu thổ trù phú, nơi



tập trung những tay tứ chiến. Dân số đột nhiên tăng lên. Dân địa phương sợ không đủ ăn, ngoài hoa lợi chính là mùa ruộng, người ta lại nảy sinh sáng kiến làm thêm những mùa rẫy trồng các thứ hoa màu phụ. Mà phàm làm rẫy thì không thể làm nhiều được, mỗi người làm một ít mà thôi.

Đến mùa hoa màu đã kết trái hoặc dưa, hoặc đậu, hoặc mì, hoặc bắp ... mỗi chủ rẫy đều phải cất một cái chòi để canh giữ kẻ trộm hoặc thú rừng, chim muông phá phách. Người giữ rẫy tất nhiên không thể bỏ rẫy mà đi xa được mà còn ngồi không mãi thì lại buồn chán nên mới bày ra một trò chơi nào đó để giải trí giữa năm mười cái chòi gần nhau; mà thường, trong nhân gian trò chơi nào có mang màu sắc cờ bạc thì được hấp dẫn hơn cả và muốn cho trò chơi đó hào hứng thì tất nhiên phải xướng lên một điệu hò hát nào đó đúng với âm nhạc Việt Nam. Dĩ nhiên họ phải lấy điệu thơ lục bát là một thể thơ thuần túy Việt Nam để mà hô và cất cử ra một người để liên lạc từ chòi này sang chòi khác.

Đặc biệt là nhịp hô bài chòi không phải là nhịp trường canh mà cứ ba nhịp thì lại có một cái "rụp", tức là một cái nhịp bị nhất.

Từ một trò chơi giữa những người giữ rẫy đó sau chuyển dần thành trò chơi của dân làng vào những ngày xuân gọi là Đánh Bài Chòi (tức là ngồi trên chòi mà đánh bài). Rồi cũng từ đó phát sinh ra Hát Bài Chòi, tức là một bộ môn kịch nghệ sân khấu có tuồng tập, bầu bạn như Hát Bội, Cải Lương nhưng giản dị hơn, văn chương bình dân dễ hiểu hơn. Hai trò chơi vừa kể tương đối có tổ chức quy mô, đòi hỏi nhiều người tham gia. Sau, người ta lại chỉ đặt ra những bài lục bát ngắn ngắn, kể lại những chuyện xảy ra trong làng xóm để hô chơi trong những dịp năm mười

người gặp lại nhau gọi là Hô Bài Chòi như hô về Cô Thông Tầm, về Chàng Lúa, về đánh bạc, làm sui v.v...

### \* TIẾU LÂM:

Ngoài ra, Bình Định cũng có những bộ môn khác mà các tỉnh khác đều có. Nhưng đặc biệt bộ môn sau đây có nhiều tỉnh có song lại không hiểu phát xuất ở đâu. Theo lịch sử, chúng tôi nghĩ rằng có lẽ bộ môn đó xuất phát ở Bình Định, đó là môn TIẾU LÂM.

Bộ môn này có thể nói là cả dân tộc đều ưa thích. Hễ có người ngồi kể thì tất cả bu xung quanh lại mà nghe. Câu chuyện Tiểu Lâm cũng như những bài ca dao, không phải là do những người bình dân sáng tác mà chúng ta phải nhìn nhận rằng đó là những bài do các danh nhân học giả sáng tác ra. Bài nào hay, xâm nhập được vào quần chúng thì nó ở sâu trong quần chúng, ăn sâu trong đầu óc của quần chúng, truyền từ thế hệ này sang thế hệ khác.

Môn Tiểu Lâm, mặc dù chỉ là một bộ môn kể ra rồi xúm nhau cười chơi cho vui nhưng bên trong nó hàm chứa một nội dung chế nhạo đời, chỉ trích người này, chê bai kẻ kia, mục đích chính của nó là giáo dục - một lối giáo dục bình dân, dạy cho người ta lối đối nhân xử vật, dạy trung quân ái quốc, dạy hiếu đạo luân thường ... mà nhất là chống đối lại những cái giả dối, tệ bạc, tham nhũng v.v... của xã hội.

Tại sao chúng tôi lại nói bộ môn này có lẽ xuất phát tại Bình Định?

Theo tương truyền khi quân Tây Sơn ra chiếm Bắc hà thì các cụ nhà nho ở ngoài Bắc muốn đánh đòn tâm lý bằng cách cho phổ biến bản "Chinh Phụ Ngâm Khúc" của

Đặng Trần Côn qua bản dịch của Đoàn Thị Điểm, Phan Huy Ích.

Bởi vì các cụ nghĩ rằng, quân Tây Sơn đi ra Bắc, xa vợ xa con, tất nhiên khi nghe bài "Chinh Phụ Ngâm Khúc" ắt phải nhớ vợ nhớ con mà xao lãng tinh thần chiến đấu.

Không ngờ, để đối phó lại cái phương thức tuyên truyền chiến tranh tâm lý của nhà Lê ngoài Bắc thì Vua Quang Trung đã phản ứng bằng cách cho Ngô Thời Nhiệm bày ra môn nói chuyện Tiểu Lâm, mà Tiểu Lâm phần nhiều là nói tục. Quân lính hể mà ngồi nghe Tiểu Lâm cười xòa ắt sẽ quên đi những nhớ nhung nhà cửa, vợ con, nhân tình ... và cũng không còn có thì giờ để đi ra ngoài mà phá phách dân chúng, hãm hiếp đàn bà con gái, làm điều thất nhân tâm. Phần này trong bộ "Tây Sơn Dã Sử" có thuật lại. Do đó mà bài Chinh Phụ Ngâm Khúc của các cụ nhà nho miền Bắc sử dụng không có ảnh hưởng như tiếng sáo Trương Lương thời Hán Sở tranh hùng.

Đặc biệt môn Tiểu Lâm Bình Định nói tục mà thanh, thanh mà tục và bao giờ cũng có tính cách giáo dục.

Đó là những nét phát họa, chúng tôi không có ý thiên vị, địa phương mà nói rằng Bình Định đã sản xuất được. Nhưng chúng tôi có thể nói rằng nhờ tính tình nông dân chất phác mà Bình Định còn giữ lại được cái truyền thống tốt đẹp của các nơi gom lại và nhờ thời Tây Sơn mà những bộ môn ấy được phát huy.

Chúng tôi viết bài này với hy vọng các văn nhân, học giả, những nhà Văn Hóa của nước Việt Nam nên tìm lại cái sắc thái đặc biệt của Văn Hóa bình dân ở Bình Định mà cho phát huy trở lại. Với điều kiện đó chúng ta mới có thể trả lời được: Đã có một nền Văn Hóa Bình Định. Có cùng không là do chúng ta có nuôi sống nó được cùng không. Nếu chúng ta không nuôi sống nó được thì bây giờ

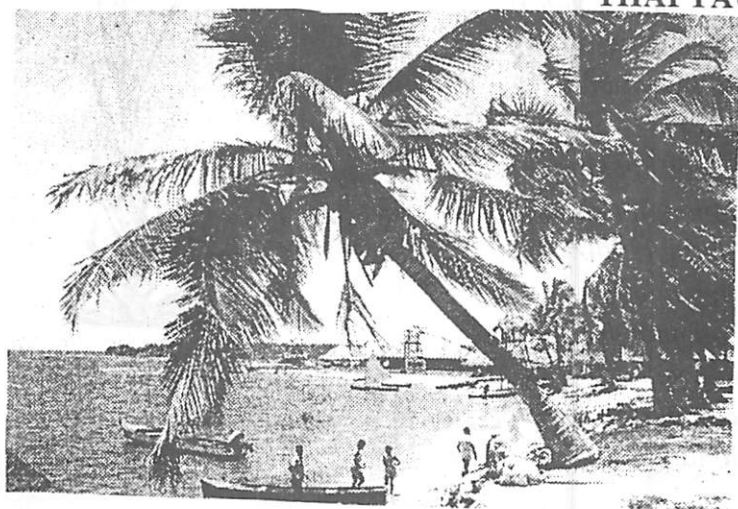
đây, chúng ta có cao đàm hùng biện, bỏ bao nhiêu thì giờ và giấy mực để chứng minh rằng có thì thiên hạ cũng sẽ chỉ nói: chúng tôi là kẻ lộng ngữ. Nhưng ngược lại, nếu chúng ta có thể duy trì, phát triển được những điều mà chúng tôi vừa trình bày thì chắc trong tương lai, hậu thế sẽ nhìn nhận rằng: "Đã có một nền Văn Hóa Bình Định".

Bây giờ chúng ta sang vấn đề thứ hai là định nghĩa Văn Hóa Bình Định là Văn Hóa gì?

Những nghiên cứu về phần trước đã giúp cho chúng ta có đủ tài liệu để đáp lại câu hỏi là nhờ những tay lỗi lạc của Dân tộc đã gom góp tinh hoa của mỗi địa phương mình đem đến tỉnh Bình Định, những tinh hoa ấy tổng hợp nhau để có một sắc thái đặc thù.

Như vậy, kết luận lại, Văn Hóa Bình Định là Văn Hóa chung của Dân tộc Việt Nam sau khi đã sa thải những thành phần quá dị biệt và giữ lại những tồn tích chung để có thể tổng hợp được. Nói tóm, Văn Hóa Bình Định là kho tàng bí tráng và sống động nhất của Văn Hóa Dân Tộc Việt Nam.

## THÁI TỬU



## ĐÓN XUÂN

*Đón xuân  
một thoáng chạnh lòng  
mênh mông đất khách  
bềnh bồng quê hương  
mưa xuân  
rả rích bên tường  
tình xuân viễn xứ  
còn vượn vấn buồn.*

THÚ TRANG

## GIỌT TRẮNG

*Ta từ  
giọt trắng đêm xuân  
lặng nghe tiếng hạc  
xa lưng lửng trời  
trông chừng ...  
ngày tháng chơi vơi  
chiếc thân lá rụng  
sương rơi bốn bề  
đâu rồi?  
hải lý sơn khê  
dặm ngàn khuất nẻo  
những tê tái lòng  
kiếp người  
con nước long đong  
đây vơi ...  
gạn đục khơi trong  
lỡ làng*



*tìm đâu?  
trong chốn lang thang  
kiếm cung một giấc  
mơ màng bể dâu  
về đâu?  
thôi lại về đâu ...  
lừng lơ  
dở cuộc công hầu phôi pha.*

**THỨ TRANG**

## **HƯƠNG QUÊ**

### **cho quê nội**

*Trường xưa mái rạ xinh xinh  
Cổng làng gạch cuốn, mái đình cong cong.  
Gió đưa biển lúa lên đồng,  
Tiếng chim tu hú, dậy lòng nhớ quê.*

### **cho quê ngoại**

*Hàng sung rũ bên dò ngang  
Mênh mông lúa trái, ngút ngàn bắp soi.  
Sắn khoai, bà mển cháu côi  
Chiều lên ngõ mát cháu ngồi đợi ông.*

### **cho quê vợ**

*Núi đồi che nón nghiêng nghiêng  
Ôm con đường sắt nối liền quê anh  
Ngày nay trái ngọt cây lành  
Nhớ ơn trời biển lòng thành rể con.*



**VIỆT THAO**

# HÀO KIỆT QUÊ TÔI

*Quê tôi Bình Định. Anh hùng hào kiệt thì nhiều và thời nào cũng có. Trong đặc san này chúng tôi xin giới thiệu đến quý vị và quý bạn hai vợ chồng danh tướng thời Tây Sơn - Bùi Thị Xuân và Trần Quang Diệu.*

NGUYỄN CÔNG LƯỢNG

## VỢ CHỒNG DANH TƯỚNG BÙI THỊ XUÂN VÀ TRẦN QUANG DIỆU

### DUYÊN KỲ NGỘ

Vùng đất Bình Định ngày nay, một dải đất trù phú của Miền Trung và được mệnh danh là "Địa linh Nhân kiệt" chạy dài từ đèo Bình Đê giáp Quảng Ngãi đến đèo Cù Mông giáp Phú Yên, khi xưa thuộc xứ Vijaya của Chiêm Thành. Trong cuộc Nam tiến của dân Việt, năm Canh Thìn (170), vua Chiêm Thành là Trà Toàn bị bại binh bởi đoàn quân chiến thắng của vua Lê Thánh Tông thì kinh đô Đồ Bàn của Chiêm quốc bị mất và biên giới Đại Việt mở rộng tới Thạch Bi Sơn (núi Đá Bia). Bình Định lúc bấy giờ là phủ Hoài Nhơn thuộc Thừa Tuyên Quảng Nam. Người Việt lúc đó vào đây lập nghiệp hầy còn thưa thớt, phải đợi nhiều đợt di dân qua nhiều triều đại đến khai phá, Bình Định mới được mở mang và trù phú như ngày nay. Lẽ dĩ nhiên trong cuộc khai sơn phá thạch đó tổ tiên chúng ta đã gánh chịu biết bao gian nan khổ ải để chống chọi với quân thù, với sơn lam chướng

khí, với thú dữ và trùng độc, với ma hời ma sói .. có biết bao chuyện vui buồn đã xảy ra và cũng nẩy nở biết bao cuộc tình đầy thơ mộng...

Tương truyền cách đây trên 200 năm tại vùng núi rừng giữa Bình Khê và Hoài Ân. Một hôm người ta mục kích cảnh đánh nhau giữa một chàng trai và con hổ dữ. Cuộc chiến xảy ra nhiều giờ rồi nhưng chưa phân thắng bại. Chàng trai có lẽ đang thấm mệt nên đang giữ thế thủ, còn thú dữ vẫn chồm vờn nhưng chỉ giữ miếng chứ không dám phủ những đòn quyết tử như lúc còn sức. Thành linh như tìm ra được chỗ sơ hở của đối phương, hổ ta phóng tới với một chiêu đầy uy lực phủ gọn lên người chàng trai. Nhưng nhanh như chớp một nữ kiệt không biết đến tự bao giờ đã xuất ngay chiêu song phi đá hổ nện ngay vào yếu huyệt của cạp dữ một đòn đích đáng. Bị đột kích bất thần hổ dữ rống lên một tiếng làm kinh động núi rừng rồi cong đuôi chạy dài.

Nữ kiệt đó chính là Bùi Thị Xuân, con gái ông Bùi Đắc Kế một hào phú tại làng An Khương, huyện Tuy Viễn, phủ Quy Nhơn (Tức thôn Xuân Hòa, xã Bình Phú, quận Bình Khê, tỉnh Bình Định ngày nay). Còn chàng trai đá hổ chính là Trần Quang Diệu, người xã Ân Tín, quận Hoài Ân, tỉnh Bình Định. Cuộc gặp gỡ ly kỳ giữa đôi trai gái tài ba này về sau đã khiến họ thành đôi vợ chồng và cũng từ đó cuộc đời sự nghiệp của họ và gia đình đã gắn chặt với cuộc sinh tồn của đất nước, hay nói rõ hơn là với một phong trào cách mệnh được khởi xướng bởi những người nông dân áo vải đất Tây Sơn.

## **ĐƯỜNG VÀO SỰ NGHIỆP**



Giở lại những trang sử cũ viết về triều đại Tây Sơn, chúng ta thấy sử liệu chẳng còn lại bao nhiêu, bởi quan niệm "được thành vua, thua thành giặc" nên khi nhà Nguyễn Gia Miêu được thế đã hủy đi rất nhiều. Tuy nhiên với công trạng quá to lớn đối với đất nước và những chiến tích vang lừng khắp năm châu bốn biển mà không một ai có thể hủy được, hoặc xuyên tạc được, thì cũng đủ cho chúng ta kết luận: Phong trào Tây Sơn quả là một cuộc cách mạng dân tộc với các mục tiêu vì dân vì nước của nó là - phá bỏ cái mục nát lỗi thời của chế độ phong kiến, rửa quốc nhục, trả quốc thù và mở mang bờ cõi. Còn triều đại Nguyễn Gia Miêu chỉ nhằm khôi phục lại đế quyền đã để mất, nên dù được nhưng sau nửa thế kỷ cai trị đã đưa nước ta vào vòng lệ thuộc ngoại bang mà thôi. Bao nhiêu đó cũng đủ thu hút lòng yêu nước của toàn dân, nên vợ chồng Bùi Thị Xuân và Trần Quang Diệu cũng đã nhập cuộc về với phong trào Tây Sơn ngay từ buổi ban đầu. Họ trung thành với lý tưởng qua bao thăng trầm vinh nhục và hy sinh mạng sống của mình cho đến lúc phong trào lui tàn.

Nói về Bùi Thị Xuân thì các sử liệu đều ghi nhận là một nữ tướng tài ba, có nghĩa đảm, giàu lòng nhân ái và độ lượng với kẻ thù. Bà có tài điều khiển voi, có thể chỉ huy một đội chiến tượng trên 100 thớt. Theo lời kể của quý cụ ở Bình Khê, trường luyện voi của quân Tây Sơn là Dãy Gò Đình nằm ở thôn Xuân Hòa (gần trường tiểu học Bùi Thị Xuân ngày nay). Mỗi lần Bùi Thị Xuân điều động tượng binh, bà thường cỡi con voi đầu đàn, mặc áo chến, lưng dắt song kiếm, tay cầm cờ hiệu. Đoàn chiến tượng thường dồn cả nơi gò với hàng ngũ lộn xộn nhưng khi nghe lệnh của bà với tiếng tù và cờ hiệu phát thì cả đoàn sắp hàng chỉnh tề, rồi di động theo đúng phương vị, lúc

qua phải lúc day sang trái, lúc tấn lúc thoái trông thật hùng dũng và đầy uy lực.

Còn Trần Quang Diệu thì được coi là hổ tướng của nhà Tây Sơn, trí dũng hơn người, có lượng bao dung và cũng đầy lòng nhân hậu. Ngay từ thuở thiếu thời ông đã là bạn tâm giao của Nguyễn Huệ. Sau vợ chồng ông là trụ cột của nhà Tây Sơn. Chiến thắng mùa xuân năm Kỷ Dậu (1789) vợ chồng ông đã đóng góp nhiều chiến công. Năm Canh Tuất (1790) Trần Quang Diệu được vua Quang Trung cử làm Đốc trấn Nghệ An và coi việc xây dựng Phượng Hoàng Trung Đô, cũng trong năm này ông được phong chức Đại Tổng quản cùng với Đô Đốc Nguyễn Văn Uyển đem 5000 quân sang Ai Lao để trừ diệt liên quân của Lê Duy Chỉ và Vạn Tượng. Kết quả Lê Duy Chỉ và 2 thổ tù bị bắt sống đưa về Thăng Long.

Sau khi vua Quang Trung băng hà (1792), Thái Tử Quang Toản lên nối ngôi mới 10 tuổi, đổi niên hiệu là Cảnh Thịnh, cậu ruột là Thái Sư Bùi Đắc Tuyên làm phụ chính. Tuyên chẳng có công trạng gì với nhà Tây Sơn, nhưng vì là anh ruột của bà Thái Hậu họ Bùi, mẹ vua, nên được dư vào hàng hoàng thân quốc thích. Đáng lẽ Tuyên phải hết lòng giúp ấu chúa chính đốn triều nghi, xây dựng đất nước, mở mang bờ cõi, trái lại Tuyên đã giẫm lên bước chân của Trương Phúc Loan, cậy quyền, ý thế rồi chuyên quyền, buôn quan bán nước, bạc đãi những công thần, để kết bè kết đảng, tranh lợi với trăm họ ... Do đó khiến lòng dân ly tán, quần thần nản lòng, càng đẩy nhà Tây Sơn đến chỗ bại vong. Nhưng đến năm Ất Mão (1795) Võ Văn Dũng mưu cùng Phạm Công Hưng đem quân vây nhà bắt Tuyên chìm xuống sông Hương cho đến chết. Tướng Trần Quang Diệu từ Diên Khánh kéo quân về Kinh có ý tranh phong với Võ Văn Dũng. Nhưng Trần

Quang Diệu vốn là người nghĩa khí, trọng lễ phải nên chịu nghe lời giảng hòa của vua Cảnh Thịnh, hai ông Diệu và Dũng bắt tay giao hảo như cũ.

Để chính đốn triều nghi Trần Quang Diệu được giữ chức Thiếu Phó, Nguyễn Văn Huấn giữ chức Thiếu Bảo, Võ Văn Dũng giữ chức Đại Tư Đồ và Nguyễn Văn Tứ giữ chức Đại Tư Mã, gọi là Tứ trụ Đại thần trông coi việc quân quốc. Thế nhưng vua Cảnh Thịnh vì còn nhỏ tuổi chưa đủ uy lực để điều khiển triều đình, bè đảng của Bùi Đắc Tuyên vẫn còn, nên có nhiều kẻ cơ hội đang núp bóng xúi vua giết hại công thần. Năm Bính Thìn (1796) Trần Quang Diệu bị thu mất binh quyền. Năm Mậu Ngọ (1798) Tiểu triều Nguyễn Bảo con vua Thái Đức Nguyễn Nhạc bị bắt giết đi. Trấn thủ Qui Nhơn là Lê Trung cũng bị giết khiến con rể của Trung là Đại Đô Đốc Lê Chất phải bỏ trốn sang hàng Nguyễn Vương. Rồi đến lượt Thiếu Bảo Nguyễn Văn Huấn cũng bị giết. Do vậy thế lực Tây Sơn ngày càng suy yếu, khiến Nguyễn Vương có cơ hội đánh chiếm Qui Nhơn để đổi tên đất là Bình Định năm Kỷ Mùi (1799) có ý răn đe là đã dẹp yên được căn cứ địa của phòng trào Tây Sơn.

Cũng trong năm này, Thiếu Phó Diệu được trao lại binh quyền thì hàng ngũ tướng sĩ Tây Sơn chỉ còn hai người là trụ cột của quốc gia, Ông và Đại Tư Đồ Võ Văn Dũng. Thế mà trong khi Trần Quang Diệu và Võ Văn Dũng đang lo tái chiếm Qui Nhơn, vua Cảnh Thịnh lại nghe lời bọn nịnh thần gửi mật thư cho Võ Văn Dũng bảo Dũng tìm cơ hội giết Trần Quang Diệu đi. Nhưng Võ Văn Dũng đã đưa thư cho Diệu xem nên ông đã tức tốc đưa quân về Kinh đòi vua trao kẻ loạn thần. Khi bắt được kẻ loạn thần rồi ông mới chịu kéo quân về lại Qui Nhơn.

Tháng giêng năm Canh Thân (1800), quân Tây Sơn kéo vào Qui Nhơn chia ra hai cánh, Trần Quang Diệu chỉ huy 45.000 bộ binh tiến chiếm thành Bình Định. Tướng giữ thành là Võ Tánh và Ngô Tùng Châu liệu cự không nổi phải đóng cửa thành cố thủ. Quân Tây Sơn vây kín bốn mặt, đắp lũy quanh thành, ngày đêm công phá. Còn Võ Văn Dũng thì đem lực lượng hải quân trấn tại cửa Thị Nại gồm 557 tàu chiến đủ loại, 1827 đại bác đủ cỡ và 53.250 thủy binh, mục đích chặn đường của Nguyễn Vương từ Nam kéo ra.

Tháng giêng Tân Dậu (1801) Nguyễn Vương ra giải cứu cho Võ Tánh với một hạm đội gồm 91 chiến thuyền, 91 đại bác và 10.400 thủy binh, cộng thêm một lực lượng bộ binh do Nguyễn Văn Thành, Lê Chất, Nguyễn Đình Đắc và Trương Tấn Bửu từ Phú Yên đổ ra dàn trận ở Chợ Giã, nằm bên bờ đầm Thị Nại.

Trận hải chiến có bộ binh yểm trợ thật qui mô này đã xảy ra rất ác liệt và dữ dội trong đêm rằm tháng giêng, rồi kết thúc vào chiều ngày mười sáu tháng giêng năm 1801 đã quyết định phần nào số mệnh của một bên. Nguyễn Vương bị thiệt hại nặng nề, Chưởng Thủy Quân Võ Duy Nguy tử thương cùng với 4.000 quân, còn quân Tây Sơn con số thiệt hại tăng lên gấp bội. Kết cục mặt trận Thị Nại bị phá vỡ, ông Võ Văn Dũng phải rút lui về hợp với quân Thiếu Phó Diệu để lập phòng tuyến mới và tấn công thành Bình Định.

Nguyễn Vương tuy chiếm được cửa Thị Nại nhưng không đủ lực để giải nguy cho Võ Tánh. Đang khi do dự Nguyễn Vương nhận được mật thư của Võ Tánh khuyên nên lợi dụng lúc Đại quân của Tây Sơn bị cầm chân ở Bình Định mà đánh úp Phú Xuân. Vương liền nghe theo, để Nguyễn Văn Thành ở Chợ Giã làm nghi binh còn Ngài

đem quân đánh vào cửa Tư Dung. Ngày 11 tháng 6 năm 1801 quân Nguyễn chia làm hai cánh tiến vào cửa sông Hương, nhưng đã bị chặn ngay lại ở cửa Hữu và cửa Đông rồi bị đẩy lui bởi hỏa lực của Tây Sơn do Phò Mã Nguyễn Văn Trị chỉ huy. Vương hạ lệnh cho quân sĩ lên bờ. Phò Mã Trị định xông ra bắt sống đám thủy binh này, thì bị Lê Văn Duyệt và Lê Chất đánh bọc hậu. Trị mất liên lạc với căn cứ, đành phải bỏ chạy nhưng bị bắt liền sau đó. Ngày 15-06-1801 Nguyễn Vương hoàn toàn làm chủ kinh đô Phú Xuân. Bà Bùi Thị Xuân và một số cận thần phải phò vua Cảnh Thịnh chạy ra Bắc.

Cũng trong tháng này, tại thành Bình Định, Võ Tánh và Ngô Tùng Châu hết lương thực và quân nhu, Võ Tánh lên lầu Bát Giác tự hỏa thiêu, còn Ngô Tùng Châu cũng Tuẫn tiết bằng thuốc độc. Trần Quang Diệu vào thành Bình Định, theo lời khẩn cầu của Võ Tánh trước khi chết, đã tha chết cho binh tướng trong thành và làm lễ mai táng rất trọng thể cho Võ Tánh và Ngô Tùng Châu để đề cao gương tiết nghĩa.

Đến tháng 11 vua Cảnh Thịnh đem quân 4 trấn ngoài Bắc và quân Thanh Hóa, Nghệ An, cả thảy 30.000 quân vượt sông Linh Giang định về khắc phục Phú Xuân. Nữ tướng Bùi Thị Xuân cũng đem 5.000 quân đi theo. Trước sức tấn công của quân Tây Sơn, tướng Nguyễn là Nguyễn Văn Chương phải rút về Đồng Hới.

Tháng giêng năm Nhâm Tuất (1802), Nguyễn Quang Thùy tiến đánh lũy Trấn Ninh, nhưng đánh mãi mà không chiếm được. Vua Tây Sơn nản lòng muốn lui binh, bà Bùi Thị Xuân nhất định không chịu và xin được đốc chiến. Bà thúc voi ra trận với khí thế cương quyết và gan dạ phi thường. Trận chiến diễn ra từ sáng đến tối chưa ngã ngũ

thì được tin thủy quân của Tây Sơn bị thua ở Nhật Lệ, bà đành phải lui binh.

Tháng ba năm Nhâm Tuất (1802), hai ông Trần Quang Diệu và Võ Văn Dũng đang ở Bình Định nghe tin Tây Sơn bị thua ở Nhật Lệ và Trần Ninh, với bỏ thành dẫn quân theo đường núi qua Ai Lao ra Nghệ An để hiệp binh với vua Tây Sơn hầu tính chuyện tái chiếm Phú Xuân. Tháng sáu năm đó hai ông ra tới Qui Hợp thì Nghệ An đã mất. Tại đây Trần Quang Diệu đã gặp lại vợ là nữ tướng Bùi Thị Xuân. Quân sĩ thì đã bỏ trốn gần hết. Họ thực hiện kế hoạch phân tán và cải trang để đi lần ra Bắc. Ông Trần Quang Diệu và vợ đi về phía huyện Thanh Chương mấy ngày thì bị bắt. Còn ông Võ Văn Dũng cũng bị bắt ở Nông Cống. Vua Cảnh Thịnh cùng ba em là Quang Bàn, Quang Duy, Quang Thiệu và mấy người bề tôi đều bị bắt sống. Chỉ có Tiết Chế Khanh Công Nguyễn Quang Thùy (con thứ hai của vua Quang Trung) và vợ chồng Đô Đốc Tú thì tự sát để bảo toàn danh tiết. Trên đường giải về kinh chịu gia hình, trong số tù nhân đó chỉ có ông Võ Văn Dũng là trốn thoát được. Ông về lại Tây Sơn đổi tên là Võ Văn Độ, cải trang, mấy lần tính chuyện khôi phục cơ đồ nhưng thất bại, sau chết bệnh tại quê nhà.

## NÊU GƯƠNG TIẾT NGHĨA, LƯU TRUYỀN SỬ XANH

Tháng 7 năm Nhâm Tuất, Nguyễn Ánh xuống chiếu lấy danh nghĩa "*Vị cứu thế nhi phục thù, xuân thu đại nghĩa, diếu vạn chi dân, phạt tội vương giả chi nhân*", đem vua tôi nhà Tây Sơn ra làm lễ hiến phù (dâng tù) trước tổ tiên ở nhà Thái Miếu, rồi đem ra pháp trường hành quyết.

Nghe danh vợ chồng danh tướng Trần Quang Diệu và Bùi Thị Xuân, Nguyễn Ánh truyền dẫn đến xem mặt. Vua Gia Long có ý muốn dụ hàng, nhưng tướng Trần Quang Diệu đã khẳng khái trả lời: "Nhà vua thắng là ở trời chứ không phải là ở tài mình. Tôi nay thất thế, ngài muốn làm gì thì làm. Một người tôi trung không bao giờ thờ hai Chúa. Nếu nhà vua rộng lượng tha chết cho tôi, như tôi đã từng tha cho tướng sĩ của nhà Vua ở thành Bình Định độ trước thì tôi sẽ xin về quê làm ruộng và đóng thuế như người thường dân. Ví như nhà vua e ngại thì tôi sẵn sàng chết theo đại nghĩa." Ông cũng tâu với vua Gia Long xin tha chết cho mẹ già đã 80 tuổi không thể làm hại cho xã tắc, và tội cũng chỉ do ông gây ra. Nguyễn Ánh quay ra hỏi Bùi Thị Xuân:

- Ta với Nguyễn Huệ ai hơn?

Bùi Thị Xuân ung dung đáp:

- Nói về tài ba thì Tiên đế ta bách chiến bách thắng, quân Đại Thanh cũng phải khiếp sợ, hai bàn tay trắng dựng nên cơ đồ. Còn nhà ngươi bị đánh phải trốn chui trốn nhủi, phải cầu viện ngoại bang, chỗ hơn kém đã rõ ràng như ao trời với cũng nước. Còn nói về đức độ, Tiên đế ta lấy nhân nghĩa mà đối xử với kẻ trung thành thất thế như đã đối xử với Nguyễn Huỳnh Đức, tôi của nhà ngươi. Còn ngươi dùng tâm của kẻ tiểu nhân đối với việc trung nghĩa, hết lòng vì Chúa, chẳng nghĩ rằng ai có Chúa nấy. Ái tích tôi trung của người tức là khuyến khích tôi trung của mình trung với mình. Chỗ hơn kém cũng đã rõ như ban ngày và đêm tối. Nếu Tiên đế ta không thừa vong sớm thì ngươi dễ gì trở lại đất nước này".

Nguyễn Ánh hỏi gần:

- Nhà ngươi có tài sao không giữ ngai vàng cho Cảnh Thịnh?

- Nếu có một nữ nhi như ta nữa thì cửa Nhật Lệ không để lạnh, nhà người cũng khó lòng đặt chân lên đất Bắc Hà.

Ngày mồng 6 tháng 11 năm Nhâm Tuất, nhằm ngày 30 11-1802, vợ chồng Trần Quang Diệu và Bùi Thị Xuân cùng gia đình bị điệu ra pháp trường để thọ hình. Ông bị xử chém. Bà và con gái tên Xuân Bích thì bị voi dày. Giáo sĩ Bissachère, theo lời thuật lại của một người thân tín đã được mục kích cảnh gia hình này, đã mô tả lại như sau:

*"... về quan Thiếu Phó (Trần Quang Diệu) là kẻ được người trong gia đình cùng tất cả những kẻ quen thuộc yêu kính, quan đã làm một việc hiếu, trong ngày quan bị xử hay là ngày trước đó. Quan đã tâu thâu đến vua (Gia Long) rằng - mẹ quan già đã 80 tuổi, không thể làm hại cho xã tắc được nữa, xin vua tha chết cho bà, vì bà mang tội cũng là tại quan. Quan được như ý. Phần quan chỉ bị chém thôi.*

*Quan có một cô con gái mười lăm tuổi, đầy đủ vẻ đẹp của người thiếu nữ. Khi cô thấy một con voi tiến về phía cô và tung cô lên trời, cô thét một tiếng náo ruột "Mẹ ơi! Cứu con với!". Mẹ cô là nữ tướng Bùi Thị Xuân hét lớn "Con nhà tướng không được khiếp nhược". Người con gái nhắm mắt thọ hình không một tiếng kêu ... Khi voi bị đánh đập, đã tung cô lên hai lần rồi lấy ngà đỡ cô.*

*Đến lượt bà Thiếu Phó (Bùi Thị Xuân), bà hiên ngang tiến đến trước mặt voi như để khiêu khích nó. Khi bà đến gần, người ta kêu lên để bà quỳ xuống cho voi dễ cuốn, nhưng bà không nghe cứ đi thẳng đến voi. Người ta kể rằng đầu voi bị kích thích nhiều, cũng còn phải dục ép lắm, nó mới tung bà lên, dường như nó còn nhận được ra bà là chủ cũ của nó.*



*Người ta nói rằng chỉ có vị liệt nữ đó, cùng chồng bà và em vua Tây Sơn là không đổi sắc mặt khi giờ chết đến ..."*

Dù mộng ước có dở dang, dù sự nghiệp vẫn chưa thành nhưng với tiết nghĩa ấy, công trạng ấy của vợ chồng danh tướng Trần Quang Diệu, Bùi Thị Xuân cùng gia đình cũng đủ lưu truyền sử xanh để đời hậu thế cảm phục mà theo gương.

\*

## NGƯỜI NAY CẢM THÁN

Xin quý vị dừng lại một vài giây để tưởng niệm người xưa, để thấy lòng mình đang dâng lên bao niềm cảm kích, thương mến, xót xa và hòa lụy khắp anh hùng. Những người cùng một lứa bên trời lận đận như chúng ta chắc không ai không liên tưởng đến ngày Cộng quân cưỡng chiếm miền Nam - Biến cố 30-4-1975 mà mỗi chúng ta đều chứng kiến. Dù lúc đó quý vị đang ở tuyến địa đầu Quảng Trị - Huế, đang ở Cao nguyên, đang ở Cần Thơ, hoặc tại Thủ đô Sài Gòn, hay đang lênh đênh trên biển cả, tâm trạng của mỗi chúng ta đều cũng như nhau: Tất cả đều mang một nỗi buồn vong quốc.

*Cổn cổn Trường giang đông thệ thủy  
Lãng hoa đào tận anh hùng  
Thị phi thành bại chuyển đầu không  
Thanh sơn y cựu tại  
Kỷ độ tịch dương hồng  
Bạch phát ngư tiêu, giang chữ thượng  
Quán khán thu nguyệt xuân phong*

*Nhất hồ trọc tửu hỉ tương phùng  
Cổ kim đa thiếu sự  
Đô phó tiểu đàm trung*

Xin tạm dịch:

*Trường giang cuồng cuộn chảy xuôi  
Mang bao bọt nước cuốn trôi anh hùng  
Chuyện đời thành bại hóa không  
Nghìn năm núi biếc trời hồng tịch liêu  
Trên sông hai lão ngư tiêu  
Cùng xem thế sự đổi màu thời gian  
Uống say vui cuộc tương phùng  
Chuyện xưa tích cũ vẫn thường lớp lang  
Nếu đem thế sự luận bàn  
Rồi ra cũng chỉ tan trong tiếng cười.*

Trên đây là tiểu sử của hai vợ chồng danh tướng Trần Quang Diệu và Bùi Thị Xuân mà người viết đã sưu tầm qua các sử liệu để làm công việc phổ biến gương sáng của tiền nhân. Nhưng đây cũng là một câu chuyện mang nhiều tính chất lịch sử, bi tráng, chiến tranh, tình yêu lãng mạn ... của một giai đoạn lịch sử. Ước mong được sự lưu tâm của Hội Điện Ảnh Việt Nam viết thành truyện, dựng thành phim. Thiết tưởng nó sẽ là một tác phẩm hay và vĩ đại.

**NGUYỄN CÔNG LƯỢNG**  
Sưu tầm

## CƯỚC CHÚ:

Xin cảm ơn và mạn phép quý tác giả hoặc quý vị sở hữu các tài liệu liệt kê dưới đây cho tôi được tham khảo để chỉ vì phổ biến những gương sáng của tiền nhân.

- Việt Nam Sử Lược của Trần Trọng Kim.
- Việt Sử Toàn Thư của Phạm Văn Sơn.
- Nhân Vật Bình Định của Lộc Xuyên Đặng Quý Địch.
- Hoàng Lê Nhất Thống Chí của Ngô Văn Gia Phái.
- Đại Nam Nhất Thống Chí, Quốc Sử quán triều Nguyễn biên soạn.
- Việt Nam Danh Nhân Tự điển của Nguyễn Huyền Anh.
- Việt Sử xứ Đàng Trong của Phan Khoang.
- Quang Trung Nguyễn Huệ Anh Hùng Dân Tộc của Hoa Bằng.
- Việt Nam Thời Bành Trướng: Tây Sơn, của LM Nguyễn Phương.
- Sử Địa Tập San, số 21, Sài Gòn 1971.
- Tam Quốc Chí của La Quán Trung.



# Bài dịch LÊ THÁNH TÔNG ĐÁNH CHIÊM THÀNH

TRƯƠNG TOẠI

## 1 DỊCH NGHĨA:

Năm Tân Mão, Hồng Đức năm thứ hai, công nguyên 1471, Minh Thành Hóa thứ bảy.

1. Mùa Xuân ngày mồng hai tháng giêng, nhà vua coi việc khi đại quân sắp vào đất địch binh sĩ cần phải kín đáo luyện tập. Thế rồi xuống chiếu cho quân Thuận Hóa ra biển thao luyện thủy chiến. Nhà vua lo lắng sông núi nước Chiêm có nơi chưa dễ biết rõ, bèn sai Nguyễn Vũ là viên thổ tù Thuận Hóa vẽ những nơi hiểm trở, thuận tiện của xứ này để dâng lên.

2. Ngày mồng sáu, viên Chỉ huy Cang Viễn bắt sống viên quan giữ cửa quan Câu Đê nước Chiêm là Bồng Nga Sa. Cầm Tích là phiên tù ở Sa Bôi, Đạo Nhị là phiên tù ở Thuận Bình đến châu, dâng sản vật ở địa phương. Sứ thần nước Ai Lao, trấn thủ Quan Bình là bọn đầu mục Lang Lê đều vội mang sản vật địa phương đến hiến.

3. Nhà vua tự soạn ra sách Bình Chiêm phát cho các doanh; trong sách nói có 10 lẽ tất thắng, có ba việc đáng sợ. Nhà vua lo tướng sĩ chưa hiểu, sai chỉ huy Nguyễn Thế Mỹ dịch ra quốc ngữ để nhắc lại.

4. Khiến Giám sát ngự sử Lê Bá Di phát lúa kho Thuận Hóa làm gạo cả vỏ chở tới chỗ vua đóng.

5. Ngày mồng năm tháng hai, Trà Toàn sai em là Thi Nại và sáu viên đại thần ngầm đem 5000 quân và voi, đến sát dinh vua.

Ngày mồng sáu, vua bí mật sai các tướng quân Lê Hy Cát, Hoàng Nhân Thiêm Tả du kích tướng quân và Lê Thế, Trịnh Văn Sái Tiên phong tướng quân đem hơn 500 chiếc thuyền, ba vạn tinh binh, ban đêm ra cửa Áp và cửa Tỏa, vượt biển gặp ngầm tiến vào cửa biển Sa Kỳ (1), lập lũy đắp thành, chặn đường về của giặc. Người Chiêm Thành không biết gì về việc này.

Ngày mồng bảy, nhà vua tự mình dẫn hơn 1000 chiếc thuyền, hơn 70 vạn tinh binh ra hai cửa biển Tân Á[ (2) và Cựu Tọa (3), dựng cờ thiên tử, đánh trống hò reo tiến tới. Bí mật sai Nguyễn Đức Trung Bộ binh tướng quân dẫn bộ binh ngầm đến chân núi, giặc vừa trông thấy ngựa doanh liền tan rã, giậm đạp lên nhau, chạy về Đồ Bàn, đến núi Mộ Nô (4), bỗng thấy quân của Hy Cát đã chặn đường về, sợ hãi hoảng hốt, vượt qua chân núi cao, người ngựa và đồ quân tư, xác ngập đầy đường. Bọn Lê Niệm, Ngô Hồng tung quân ra đánh, chém một viên đại tướng, còn thì sợ hãi chạy tan cả.

Bấy giờ vua đến Mễ Cần (5), tung binh đến đánh, chém hơn 300 thủ cấp, bắt sống hơn 60 người. Trà Toàn nghe tin em mình thua chạy, rất sợ hãi, sai người thân tín mang biểu đến xin hàng. Nhà vua cũng sai sứ đi lại không ngớt.

Ngày 27 nhà vua tự mình đem đại quân công phá thành Thi Nại, chém hơn trăm thủ cấp.

Ngày 28 nhà vua tiến binh vây thành Đồ Bàn.

Ngày 29 đến sát chân thành, vây thành mấy vòng.

Ngày mồng một tháng ba thành Đồ Bàn bị hạ, bắt hơn 3 vạn người, chém hơn 4 vạn thủ cấp, bắt sống Trà toàn rồi đem quân về.

Trước đó, các doanh đã làm xong phi kiều, Trà Toàn ngày ngày đem lễ vật đến xin hàng. Nhà vua cho gọi bọn

Lê Quyết Trung đến bảo rằng: "Chí chiến đấu của giặc đã tan, kỳ hạn đánh thành của ta đã tới, Trà Toàn nay đóng trong thành, một hồi trống trận có thể nổ được. Ta sắp phát pháo hiệu, chỉ e chúng biết, không bằng mật ước các doanh cùng một lúc tiến đánh." Bèn bảo khắp các tướng sĩ gấp rút bắc thang lên thành. Được một lát, nhà vua trông thấy đằng xa quân sĩ doanh Tiền khu đã trèo lên tường thấp trên thành, liền phát ba tiếng pháo để hưởng ứng. Lại sai nội thần đem quân thần vũ phá cửa Đông mà vào; sai Đồng thái giám Nguyễn Đàm dụ các tướng sĩ ở các doanh rằng: "Kho tàng, của cải đều phải niêm phong, không được đốt cháy, vua nước Chiêm Trà Toàn phải bắt sống đưa đến viên môn, không được giết chết."

Nhà vua ra lệnh chỉ huy Ngô Nhạn dẫn tên giặc đầu hàng là Bô Sản Ha Ma đến, lại sai bày ra những món dùng làm lễ vật đem đến xin hàng mà ở nước ta không có, sai viên quan úy Đỗ Hoàn chỉ tên từng thứ một, có cái hộp bạc giống như thanh kiếm, nhà vua hỏi là vật gì. Hoàn trả lời rằng đó là đồ vật của nước Chiêm, từ xưa người làm chủ trong nước phải có vật đó để truyền cho con cháu. Ha Ma là bác ruột của Trà Toàn.

Quân Thuận Hóa bắt sống Trà Toàn dẫn đến trước mặt nhà vua, cúi đầu quỳ xuống. Nhà vua hỏi qua người thông dịch rằng:

"Người là vua nước Chiêm phải không?"

Trà Toàn trả lời:

"Phải"

Nhà vua hỏi: "Có biết ta là vua không?"

Trà Toàn trả lời:

"Thần nhìn thấy phong thái, đã biết là thánh thượng rồi!"

Nhà vua hỏi: "Người có bao nhiêu con?"

Trà Toàn trả lời: "Thần có hơn mười đứa con".

Đỗ Hoàn nói: "Hấn kêu thương xin làm bề tôi, xin bệ hạ tha cho khỏi chết".

Nhà vua nói với Trà Toàn rằng: "Trong chốn giáo gươm, sợ người bị hại, may còn sống đến đây, thực ta yên lòng."

Rồi sai đưa Trà Toàn ra ngoài ty trấn điện sửa nhà nhỏ cho ở đấy. Kẻ tả hữu dẫn Trà Toàn đi hơi gấp. Nhà vua bảo: "Dẫn đi thông thả thôi, người ta cũng là vua một nước, sao lại bức bách nhau đến vậy?"

Ngày mồng hai, nhà vua thấy đã phá được thành Đồ Bàn, liền xuống chiếu rút quân về.

Ghi chú:

- 1). Sa Kỳ: Ở huyện Bình Sơn tỉnh Quảng Ngãi ngày nay.
- 2). Tân Áp: hay cửa Áp, sau là Đại Áp ở huyện Tam Kỳ tỉnh Quảng Nam ngày nay.
- 3). Cự Tọa: Cách cửa Tân Áp 7 dặm, nay là cửa Tiểu Áp.
- 4). Mộ Nô: bên cạnh cửa biển Sa Kỳ ngày nay.
- 5). Mễ Cầm: sách Việt Sử Cương Mục Tiết Yếu gọi là Thái Cầu, ở huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi.

## II - PHIÊN ÂM:

Tân Mão, Hồng Đức nhị niên, Minh thành Hóa thất niên (công nguyên nhất tứ thất nhứt niên)

1 - Xuân, chính nguyệt sơ nhị nhật, thượng dĩ đại quân tương lâm địch cảnh thời, sĩ tốt vuơ nghi bế tập. Ư thị chiếu Thuận Hóa quân xuất hải dĩ thí chu sư. Thượng lự Chiêm quốc sơn xuyên hữu vị dị tri, nãi mệnh Thuận Hóa thổ tù Nguyễn Vũ đồ kỳ hiểm dị dĩ tiến.

2. Sơ lục nhật, chỉ huy Cang Viễn sanh trí Chiêm quốc Câu Đê quan lại Bồng Nga Sa. Sa Bôi phiên tù Cầm Tích, Thuận Bình phiên tù Đạo Nhị lai triều hiến phương vật. Ai Lao quốc sứ thần Quan Bình trấn thủ đầu mục Lang Lê dâng các bốn phương vật lai hiến.

3. Đế thân chế Bình Chiêm Sách ban chư doanh, sách trung hữu tất thắng chi lý giả thập, hữu khả cụ chi sự giả tam, Thượng lự tướng sĩ vị hiểu lệnh chỉ huy Nguyễn Thế Mỹ dịch vi quốc ngữ, dĩ thân dự chi.

4. Mệnh Giám sát ngự sử Lê Bá Di phát Thuận Hóa thương túc tác đáí xác mẽ, chuyển tào hành tại.

5. Nhị nguyệt sơ ngũ nhật, Trà Toàn lệnh đệ Thi Nại cập đại thần lục nhân tương binh tượng ngũ thiên nhân, tiếm lai cận đế doanh. Lục nhật, đế mật lệnh Tả du kích tướng quân Lê Hy Cát, Hoàng Nhân Thiêm cập Tiền phong tướng quân Lê Thế, Trịnh Văn Sái đẳng tướng chu ngũ bách dư tao, tinh binh tam vạn, dạ xuất Áp Tọa hải khẩu, cấp độ hải tiếm nhập Sa Kỳ hải môn, lập lũy trúc thành, tiết tặc qui lộ. Chiêm nhân bất chi tri. Thất nhật, đế thân suất chu sư nhất thiên dư tao, tinh binh thất thập dư vạn, xuất Tân Áp, Cựu Tọa nhị hải khẩu, thụ thiên tử tinh kỳ, cổ tảo nhi tiến tiền. Mật lệnh Bộ binh tướng quân Nguyễn Đức Trung suất bộ binh tiếm hành sơn cước, tặc tướng vọng kiến ngự doanh, toại đại hội, suất tương lặn tịch, tẩu nhập Đồ Bàn, hành chí Mộ Nô Sơn, hốt kiến Hy Cát quân đẳng dĩ tiết qui lộ, thắng hoàng thất cứ, hoành du cao sơn cước, nhân mã quân tư, cương thi mãn lý. Lê Niệm, Ngô Hồng đẳng tủng binh kích chi, trảm đại tướng nhất nhân, dư giai kinh tán. Thời đế chí Mễ Cẩn, tủng binh tấn kích, trảm thủ tam bách dư cấp, sanh cầm lục thập dư nhân. Trà Toàn văn đệ bại tẩu, nãi đại kinh cụ, dĩ kỳ thân tín, phụng biểu khát hàng, đế diệc dĩ sứ, vãng lai



vô gián. Nhị thập thất nhật, đế thân suất đại quân công phá Thi Nại thành, trăm thủ bách dư cấp. Nhị thập bát nhật, đế tấn binh vi Đồ Bàn Thành. Nhị thập cửu nhật, trực đế thành hạ, vi chi sở trùng. Tam nguyệt sơ nhất nhật, Đồ Bàn thành hãm, phu hoạch tam vạn dư nhân, trăm thư tứ vạn dư cấp, sanh cầm Trà Toàn hoàn, ban sư.

Tiên thị, chư doanh phi kiều ký thành, Trà Toàn nhật tống hàng khoản, thượng triệu Lê Khuyết Trung đẳng vị viết: "Tặc chi đấu chí dĩ giải, ngã chi công kỳ ký thành, Trà Toàn kim nhật thừa thành, nhất cổ khả bạt. Dư tương phát pháo, khủng bỉ tri chi, bất như mật ước chư doanh, đồng thời tấn thảo". Nãi biến dụ tướng sĩ, khả cấp thê thành. Hữu khoảnh, thượng diêu kiến tiền khu doanh quân dĩ đăng thành điệp, nãi liên phát pháo các tam hưởng dĩ ứng chi. Hựu mệnh nội thần lĩnh Thần vũ quân chước đông môn quan dĩ nhập, mệnh Đồng thái giám Nguyễn Đàm dụ chư doanh tướng sĩ viết: "Phủ khố tài vật các nghi phong thủ, bất đắc thiêu phần, Chiêm quốc Trà Toàn sanh trí viên môn, bất đắc tiết sát" Đế mệnh chỉ huy Ngô Nhuận dẫn hàng tặc Bô Sản Ha Ma chí, thả lệnh trần liệt cầu hàng hóa tài khí dụng, phi ngã quốc sở hữu, mệnh úy Đỗ Hoàn lịch chỉ kỳ danh, hữu ngân hạp bình như kiếm, thượng vấn thị hà vật dã. Hoàn đối viết Chiêm vật, tự cổ vi quốc chủ, tất hữu thử khí, truyền chi tử tôn, Ha Ma nãi Trà Toàn chi bá phụ. Thuận Hóa quân sanh cầm Trà Toàn, dẫn chí thượng tiền, phủ phục nhi quy. Dịch vấn viết: "Nhĩ Chiêm vương dư?" Đối viết: "Thị dã". Thượng viết: "Quân hồ?". Đối viết: "Thần vọng kiến phong thái, dĩ tri kỳ vi thánh thượng hĩ". Thượng viết: "Nhĩ tử kỷ nhân hồ?" Đối viết: "Thần chi tàn tức hữu thập dư nhân". Đỗ Hoàn viết: "Bỉ khát liên vi thần, nguyện bệ hạ đãi dĩ bất tử". Thượng viết: "Phong đích chi hạ, khủng nhĩ ngộ hại,

hạnh năng sanh trí, thật úy ngã tâm!" Nãi mệnh Trà Toàn xuất trấn điện ti ngoại tiểu tập cư chi. Tả hữu phù khứ sảo cấp, thượng viết: "Từ dẫn khứ, bĩ nãi nhất quốc chủ khởi hà như thị quãn bách hồ! Sơ nhị nhật, thượng dĩ Đồ Bàn dĩ phá, tức chiếu ban sữ.

## TRƯƠNG TOẠI

### ỨC PHAN SAN

*Tích niên thu chiến đoạt nguy khoa  
Kim nhật tha hương khổ nhưc hà?  
Đản nguyện nhân dân như thử sĩ  
Bất sâu định quốc dĩ an gia.*

### ĐÀO TẤN

### NHỚ PHAN BỘI CHÂU

*Mùa thu năm ấy đoạt khoa cao  
Nay lại xa quê cực lắm nào ?  
Chỉ muốn dân mình noi chí ấy  
Yên nhà vũng nước chẳng buồn đau*

### VIỆT THAO phụng dịch

## 大越史記全書 本紀 卷之十二

辛卯洪德二年 明成化七年（公元一四七一年）

1、春、正月初二日、上以大軍將臨敵境時、士卒尤宜閑習。於是詔順化軍出海以試舟師。上慮占國山川有未易知、乃命順化土酋阮武囿其險易以進。

2、初六日、旨揮翌（翌）遠生致占國俱低關吏蓬莪沙、沙孟藩會琴檳、順平藩會道貳來朝進獻方物、哀牢國使臣官平鎮守頭目郎儲等各貢方物來獻。

3、帝親制平占策頒諸營、策中有必勝之理者十、有可惧之事者三、上慮將士未曉令、旨揮阮世美譯爲國語、以申諭之。

4、命監察御史黎伯夷發順化倉粟作帶殼米、轉漕行在。

5、二月初五日、茶全令弟尸耐及大臣六人將兵象五千人、潛來近帝營。六日、帝密令左游擊將軍黎希葛、黃仁添及前鋒將軍黎勢、鄭文泗等將舟五百餘艘、精兵三萬、夜出厭坐海口、急渡海潛入沙奇海門、立壘築城、截賊歸路、占人不知。七日、帝親率舟師一千餘艘、精兵七十餘萬、出新厭、舊坐二海口、樹天子旌旗、鼓噪而進前。密令步兵將軍阮德忠率步兵潛行山脚、賊將望見御營、遂大潰、率相躡（躡）藉、走入闔槃、行至幕奴山、忽見希

葛軍等已截歸路、倉惶失據、橫險高山脚、人馬軍資、僵尸滿野。黎念、吳洪等擬兵擊之、斬大將一人、餘皆驚散。時帝至米產、縱兵進擊、斬首三百餘級、生擒六十餘人。茶全聞弟敗走、乃大驚惧、遣其親信、奉表乞降。帝亦遣使、往來無間。二十七日、帝親率大軍攻破尸耐城、斬首百餘級。二十八日、帝進兵圍閩槃城。二十九日、直抵城下、圍之數重。三月初一日、閩槃城陷、俘獲三萬餘人、斬首四萬餘級、生擒茶全、班師。先是、諸營飛檄既成、茶全日送降款、上召黎厥中等謂曰：「賊之圖志已解、我之攻期既成、茶全日乘城一破可拔。予將發砲、恐彼知之、不如密約諸營、同時進討。」乃徧諭將士、可急梯城。行頃、上遙見前驅營軍已登城堞、乃連發砲各三響以應之。又命內臣領神武軍斬東門關以入、命同大監阮耽論諸營將士曰：「府庫財物各宜封守、不得燒燬、占國茶全生致械鬥、不得戕殺。」帝命指擒吳鴈引降賊遺產詞糜至、且令陳列求降貨財器用、非我國所有、命尉杜預歷指其名、有銀匣形如劍、上問是何物也。環對曰占物、自古爲國主、必有此器、傳之子孫。詞糜乃茶全之伯父。願化軍生擒茶全、引至上前、俯伏而跪。譚問曰：「爾占主賊。」對曰：「是也。」上曰：「君乎。」對曰：「臣望見風采、已知其爲聖上矣。」上曰：「爾子幾人乎。」對曰：「臣之殘息有十餘人。」杜環曰：「彼乞憐爲臣、願陛下待以不死。」上曰：「鉢鏑之下、恐爾遇害、幸能生致、實慰我心。」乃命茶全出鎮殿司外小葺居之。左右扶去稍急。上曰：「徐引去、彼乃一國主、豈可如是窘迫乎。」初二日、上以閩槃已破、卽詔班師。

## Xuân Giang Hoa Nguyệt Dạ (\*)

1 - Xuân giang triều thủy liên hải bình  
Hải thượng minh nguyệt cộng triều sinh.  
Diễm diễm tùy ba thiên vạn lý,  
Hà xứ xuân giang vô nguyệt minh?  
Giang lưu uyển chuyển nhiều phương diện,  
Nguyệt chiếu hoa lâm giai tự tản.  
Không lý lưu sương bất giác phi,  
Giang thượng bạch sa khan bất kiến  
Giang thiên nhất sắc vô tiêm trần  
10-Hiệu hiệu không trung cô nguyệt luân.  
Giang bạn hà nhân sơ kiến nguyệt?  
Giang nguyệt hà niên sơ chiếu nhân?  
Nhân sinh đại đại vô cùng dĩ,  
Giang nguyệt niên niên vọng tương tự.  
Bất tri giang nguyệt chiếu hà nhân,  
Đã kiến trường giang tổng lưu thủy,  
Bạch vân nhất phiến khứ du du,  
Thanh phong phố thượng bất thăng sâu,  
Thùy gia kim dạ biên chu tử,  
20-Hà xứ tương tư minh nguyệt lâu?  
Khả lân lâu thượng nguyệt bồi hồi,  
Ứng chiếu ly nhân trang kính đài.  
Ngọc hộ liêm trung quyển bất khứ,  
Đảo y châm thượng phát hoàn lai.  
Thử thời tương vọng bất tương vãn,  
Nguyện trực nguyệt hoa lưu chiếu quân.  
Hồng nhan trường phi quang bất độ.  
Ngư long tiềm được thủy thành vãn.

Tạc dạ nhàn đàm mộng lạc hoa.  
30-Khả lân xuân bán bất hoàn gia,  
Giang thủy lưu xuân bất dục tận,  
Giang đàm lạc nguyệt phục tây tà.  
Tà nguyệt trầm trầm tàng hải vụ,  
Kiệt thạch Tiêu tương vô hạn lộ.  
35-Bất tri thừa nguyệt kỷ nhân quy?  
Lạc nguyệt diao tình mẫn giang thụ ...

### TRƯƠNG NHƯỢC HƯ(1)

(\*) Đây là bài Thơ được các học giả cận và hiện đại (Trung Quốc, Đài Loan, Nhật Bản, Triều Tiên ...) cho là bài thơ tả cảnh tình hay nhất trong hàng vạn bài thơ Đường.

LÊ PHƯƠNG NGUYÊN dịch  
BAN THỰC HIỆN ĐẶC SAN HIỆU ĐỈNH VÀ CHÚ THÍCH

#### Dịch nghĩa:

### ĐÊM XUÂN, HOA & TRĂNG TRÊN SÔNG

1-Nước thủy triều lên mặt sông xuân phẳng liền với mặt bể  
Trên mặt bể, trăng sáng cùng với thủy triều lên,  
Ánh trăng lấp lánh trôi theo sóng đến muôn ngàn dặm,  
Nơi nào trên sông xuân mà không có ánh trăng?  
5-Dòng sông chảy quanh cồn đất, đầy hương thơm ngát,  
Trăng chiếu lên rừng hoa trắng như tuyết;  
Trăng sáng đến nỗi làm cho người ta không thấy sương bay  
trong không trung,  
Và cũng không thấy bãi cát trắng trên sông.  
Bầu trời và sông cùng một màu, nhìn không gợn một mảy  
bụi.  
10-Một vầng trăng đơn độc tỏa sáng trên không,

10-Một vầng trăng đơn độc tỏa sáng trên không,  
(Trước cảnh ấy) du khách tự hỏi: Ai là người ở bên sông đã  
trông thấy trăng đầu tiên?  
Và vầng trăng trên sông đã chiếu xuống con người lần đầu  
tiên là từ năm nào?  
Người ta sinh ra trong đời, hết đời này đến đời khác, không  
bao giờ cùng tận,  
Cũng như vậy, vầng trăng trên sông, năm này đến năm  
khác soi sáng mãi đến vô cùng ...  
Không biết vầng trăng trên sông chiếu sáng cho ai?  
Chỉ thấy dòng nước lấp lánh, chảy xuôi trên dòng sông  
dài,  
Phiến mây trắng trên bầu trời bay mãi ...  
Trên sông Thanh Phong Phủ (2) bờ đã khiến (cho lòng du  
khách) không vơi nổi sầu ...  
Đêm nay người nhà ai, dong con thuyền nhỏ trên sông?  
20-Và ở nơi nào đó, (có người ngồi trên lầu) ngắm trăng  
thương nhớ.  
Đáng thương cho vầng trăng bồi hồi chiếu ở trên lầu,  
Trăng nên chiếu sáng nơi đài gương của người cô phụ;  
Trăng chiếu lên rèm cửa, cuốn rèm lên trăng cũng không  
đi,  
Trăng giải kên tảng đá giặt áo, phôi mài trăng vẫn còn  
nguyên ...  
Trong lúc này đây, cùng trông ngắm nhau mà chẳng nghe  
thấy nhau;  
Thiếp mong được như vầng trăng kia tới chiếu sáng nơi  
chàng ở.  
Chim Hồng chim Nhạn cứ mãi bay xa mà không chở được  
ánh trăng theo,  
Loài cá rồng bơi lặn làm gợn lên những làn sóng trên mặt  
sông.

*Đêm qua ở nơi đằm nước thanh vắng ta mộng thấy hoa  
rụng ...*

*30-Cảm thương cho người đã nửa xuân rồi, vẫn chưa trở về  
nhà,*

*Trên đằm nước (của dòng sông), vầng trăng lặng dần về  
hướng tây,*

*Mảnh trăng tà chìm dần trong làn sương ngoài biển.*

*Núi Kiệt thạch (3), sông Tiêu Tương (4) đường dài vô hạn,*

*Không biết có ai cười trăng về đêm nay ...?*

*Trăng lặng làm dậy lên mối tình xao xuyến, đầy ấp hàng  
cây bên bờ ...*

**Bản dịch thơ Việt:**

## **ĐÊM XUÂN, HOA & TRĂNG TRÊN SÔNG**

*Nước triều dâng, sông xuân liền biển,*

*Sóng và trăng cùng hiện cuối trời.*

*Đêm xuân diễm ảo ngàn khơi,*

*Sóng đưa vạn dặm nơi nào không trăng?*

*Dòng sông trôi lâng lâng hương ngát,*

*Quanh rừng hoa trắng tuyết trắng pha;*

*Làn sương mỏng, bờ cát xa*

*Cùng tan biến mất cùng nhà dưới trăng ...*

*Trời, sông, nước không giăng vết bụi,*

*Một vầng trăng thui thủi trên cao,*

*11- Ngắm trăng, trước nhất, ai nào?*

*Trăng soi Người, đã tự bao năm rồi?*

*Cuộc sống cứ đời đời nối tiếp,*

*Trăng trên sông ngàn kiếp y nhau.*

*Ai người trăng dãi biết đâu?*

*Sông dài chỉ thấy một màu trăng sông ...*



Phiến mây trắng nhẹ buông cánh mỏng,  
Sông Phố trên khơi động côi sầu.  
Thuyền ai đêm vắng về đâu?  
Mà lòng thương nhớ gửi lầu trăng soi ...  
21-Thương lầu vắng trăng bồi hồi chiếu,  
Phòng điểm trang mà liễu vọng trông;  
Cuộn rèm trăng vẫn như không,  
Trên chày đập áo, phũ xong lại còn ...  
Cùng mong ngóng, mỗi mồn tin đợi,  
Thiếp nguyện làm trăng dôi dôi theo;  
Chim Hồng, chim Nhạn bay về  
Ánh trăng để lại, cá gieo ngấn vàng.  
Mộng đêm rồi hoa mang mác rụng,  
Nửa xuân đời, chàng cũng còn xa ...  
Ngày xuân theo nước trôi qua,  
Mặt đầm lặng ngắt, trăng tà về Tây ...  
33-Trăng chìm dần, sương dày mặt bể,  
Lối xa về Thạch kè, Tiêu tương;  
Cưỡi trăng, ai kẻ hồi hương?  
Bên bờ cây đứng tình vương trăng tàn ...

### LÊ PHƯƠNG NGUYỄN dịch năm 1993

(1) Trương Nhật Hư người đất Dương Châu, sống vào khoảng 660-720 đời Đường từng giữ chức Binh tào, cùng với Hạ Tri Chương, Trương Húc, Bao Dung họp thành nhóm Ngô Trung Tứ Sĩ. Trương Nhật Hư chịu nhiều ảnh hưởng thơ Nhạc Phủ đời Nam Triều, thường dùng thể ca hành bảy chữ diễn tả cảm xúc nhẹ nhàng trước cảnh vật thiên nhiên và cuộc đời. Bài *Xuân Giang Hoa Nguyệt Dạ* là một trong hai bài thơ còn lưu lại của Ông rất nổi tiếng. Bài thơ vẽ nên cảnh sông nước triều dâng tràn ngập ánh

trăng xuân bao la huyền diệu nhân đó nghĩ xa về vũ trụ nhân sinh. Nhất là tình cảm nhớ nhung gia giết của người du tử đối với người cô phụ ở quê nhà mà thương tiếc tuổi xuân.

(2) Thanh Phong Phố là tên con sông còn gọi là Sông Phố hiện nay tọa lạc tại tỉnh Hồ Nam Trung Hoa.

(3) Kiệt Thạch là tên một hòn núi nằm phía bắc huyện Xương Lê tỉnh Hà Bắc hiện nay.

(4) Tiêu Tương: là tên sông: Sông Tương chảy đến huyện Linh Lăng tỉnh Hồ Nam nhập vào sông Tiêu nên gọi là sông Tiêu Tương.

Những cách làm cho sống lâu: Từ, Kiệm, Hòa, Tĩnh thì Tĩnh là cao siêu hơn cả.

**Cổ Ngữ**

## **ĐỈNH CAO TRÍ TUỆ**

Phó tiến sĩ hỏi vợ:

- Hôm nay ngày mấy?

Vợ:

- Ngày mấy thì xem trên tờ báo ông cầm trên tay đấy!

Phó tiến sĩ gắt:

- Ố hay! Đây là báo hôm qua mà!

**Làng Văn số 216**

## 春江花月夜

春江潮水连海平，海上明月共潮生。  
滟滟随波千万里，何处春江无月明？  
江流宛转绕芳甸，月照花林皆似霰。  
空里流霜不觉飞，汀上白沙看不见。  
江天一色无纤尘，皎皎空中孤月轮。  
江畔何人初见月？江月何年初照人？  
人生代代无穷已，江月年年只相似。  
不知江月待何人？但见长江送流水。  
白云一片去悠悠，青枫浦上不胜愁。  
谁家今夜扁舟子？何处相思明月楼？  
可怜楼上月徘徊，应照离人妆镜台。  
玉户帘中卷不去，捣衣砧上拂还来。  
此时相望不相闻，愿逐月华流照君。  
鸿雁长飞光不度，鱼龙潜跃水成文。  
昨夜闲潭梦落花，可怜春半不还家。  
江水流春去欲尽，江潭落月复西斜。  
斜月沉沉藏海雾，碣石潇湘无限路。  
不知乘月几人归？落月摇情满江树。

# TÂY SƠN THẬP BÁT CƠ THẠCH

ĐÀO ĐỨC CHƯƠNG

Dại Nam thực lục tiền biên, quyển 11 (1), chép việc khởi binh của Tây Sơn như sau: “Giặc Tây Sơn là Nguyễn Văn Nhạc nổi loạn, giữ thành Qui Nhơn. Nhạc là người thôn Tây Sơn, huyện Phù Ly (2), phủ Qui Nhơn, trước làm Biện lại, tiêu mất thuế tuần, bèn cùng mưu với em là Lữ và Huệ vào núi dựa thế hiểm làm giặc, bè đảng ngày một đông, địa phương không thể ngăn giữ được. Đến đây đem đồ đảng đánh úp phủ Qui Nhơn. Tuần phủ Nguyễn Khắc Tuyên bỏ chạy. Nhạc bèn chiếm giữ lấy thành, thả tù ra, lừa dân làm binh, dựng cờ hiệu Tây Sơn và cho bè đảng chia nhau đi cướp bóc. Trăm họ náo động. Việc báo lên, Chúa sai bọn Chương cơ Nguyễn Cửu Thống (con Nguyễn Cửu Thông, lấy Công chúa Ngọc Huyền), Nguyễn Cửu Sách (con Nguyễn Cửu Pháp, lấy Công chúa Ngọc Anh), Cai cơ Phan Tiến, Cai đội Nguyễn Vệ, Tổng nhung Tống Sùng, Tán lý Đỗ Văn Hoảng đem quân đi đánh không được. Sùng và Hoảng đều chết ở trận. Bấy giờ binh tinh đã lâu, tướng sĩ không quen trận mạc, khi phải đi đánh, phần nhiều thác cớ cầu miễn. Trương Phúc Loan thì lại ăn hối lộ mà sai người khác, mọi người đều căm oán, ra trận là chạy ngay...”

Là những sử gia nhà Nguyễn, viết về kẻ thù số 1 của bản triều, thêm vào đó sự ràng buộc của nền quân chủ chuyên chế kết hợp với quan niệm Trung quân ái quốc, dù

cho khách quan đến đâu họ không thể viết hoàn toàn trung thực; nếu tệ hơn, còn hạ thấp uy tín của đối phương và bào chữa cho triều đại họ đang phục vụ.

Theo tài liệu sử nhà Nguyễn, nguyên nhân cuộc nổi dậy rất tầm thường: Nguyễn Nhạc làm Biện lại ở Vân Đồn (?), đánh bạc thua sạch tiền thu thuế năm Tân Mão (1771), bị Đốc trưng Đàng truy tố, phải trốn vào núi, dựa thế hiểm, tụ binh làm giặc.

Cũng theo các tài liệu sử, công cuộc nổi dậy của Tây Sơn mạnh như thác đổ, tiêu diệt cả hai thế lực Nguyễn Trịnh và hai cuộc xâm lăng của ngoại bang. Thế thì không thể một sớm một chiều làm nên việc lớn, phải có sự chuẩn bị từ lâu, có nhân lực vật lực hùng hậu, người lãnh đạo đầy mưu lược và thu phục nhân tâm.

Thật vậy, cuộc khởi nghĩa bắt nguồn từ lúc anh em Tây Sơn thọ giáo Trương Văn Hiến, gốc người Hoan Châu (Hà Tĩnh), một nhân sĩ văn võ song toàn. Thầy giáo Hiến có người anh thúc bá là quan Nội hữu Trương Văn Hạnh, một đại thần đời chúa Nguyễn Phúc Khoát (1738 – 1765), dám phản đối Trương Phúc Loan chuyên quyền nên bị giết. Trương Văn Hiến sợ bị vạ lây, trốn khỏi Phú Xuân vào ẩn dật ở An Thái, mở trường dạy văn võ, mong tìm người tài đức trừ nạn quyền thần. Giáo Hiến hy vọng anh em Tây Sơn có thể làm nên việc lớn nên hết lòng rèn luyện từ văn đến võ, cấy vào tư tưởng cách mạng và hun đúc ý chí quật khởi. Riêng về võ, Nguyễn Nhạc học kiếm, Nguyễn Huệ luyện đao, Nguyễn Lữ sức yếu nên theo môn miên quyền.

Lớn lên, Nguyễn Nhạc nối nghiệp buôn trâu nguồn của thân phụ, mở rộng thương trường và dời nhà từ ấp Phú Lạc sang ấp Kiên Mỹ khách hộ, thôn Vĩnh An, thuộc (tức là tổng) Thời Hòa, huyện Tuy Viễn (nay hai thôn Phú Lạc

và Kiên Mỹ thuộc xã Bình Thành huyện Tây Sơn). Lợi dụng nghề nghiệp, ông mở rộng giao thiệp, quy tụ hào kiệt, kết nạp phú gia và học sĩ, thân thiện với các tù trưởng dân tộc Bana ở Tây Sơn Thượng. Còn Nguyễn Lữ theo đạo Ma Ní tức Minh Giáo, trở thành thầy pháp nổi tiếng chữa lành nhiều con bệnh, được các bộ lạc người Thượng sùng bái như thánh sống. Trong khi đó, Nguyễn Huệ vẫn tiếp tục học thầy giáo Hiến, được dịp quen biết nhiều bậc cao thủ có hàng trăm môn đệ.

Thiên thời, địa lợi, nhân hòa đã đến, cần thêm sức mạnh tâm lý để củng cố nhân tâm. Có một thầy địa lý người Tàu đi dạo khắp vùng sông núi Tây Sơn tìm địa cuộc. Nguyễn Nhạc khéo dàn cảnh cạy vỏ hột thầy địa lý ở núi Ngang, ấp Trinh Tường (nay là thôn Trinh Tường, xã Bình Tường, huyện Tây Sơn), rồi đánh tráo quách dựng hài cốt của song thân để được táng nơi địa huyết phát vương.

Lại nhân nhà có giỗ lớn, Nguyễn Nhạc mời bà con, bạn bè, khách khứa đến hàng trăm, bỗng nửa đêm trên hòn Trưng Sơn (cao 422 mét, thuộc ấp Phú Lạc) chiêm trống vang rền, ánh lửa lập lòe, mọi người đến xem nhưng chỉ Nguyễn Nhạc được thần linh gọi lên núi để Ngọc hoàng ban chiếu phong vương.

Một hôm, Nguyễn Nhạc cùng đoàn tùy tùng trên đường từ đèo An Khê về Kiên Mỹ, khi đến Hoành Sơn tức núi Ngang, ngựa lồng lên làm đứt dây cương, chạy thẳng vào chân núi, rồi ông té nhào, trặc chân không đứng dậy được. Khi đoàn tùy tùng đến thì “tình cờ” Nguyễn Nhạc thấy được chuỗi kiếm trong vách đá.

Nguyễn Nhạc bèn tổ chức cầu đảo ba ngày đêm, khẩn nguyện nếu quả có chân mạng đế vương, xin trời ban cho ấn. Đến đêm thứ ba, lúc giữa khuya, một vòi lửa

vụt bay từ hòn Một đến hòn Giải (hai ngọn núi nhỏ nằm trước mặt núi Ngang), rồi nổ lớn như sét đánh. Sáng hôm sau Nguyễn Nhạc dẫn mọi người lên hòn Giải, tìm chỗ có tiếng nổ, thấy một mảng đất ở sườn núi bị sạt lở, cây cỏ cháy sém. Nguyễn Nhạc nhặt được giữa đồng đất đá ngổn ngang, một quả ấn bằng vàng, mặt có khắc “Sơn hà xã tắc” bằng chữ Hán, viết lối triện. Từ đấy, núi Giải mang tên mới là hòn Ấn, núi Ngang là hòn Kiếm, nay vẫn còn gọi.

Câu chuyện Nguyễn Nhạc được trời phong quốc vương còn cho cả ấn kiếm, lan truyền khắp phủ Qui Nhơn; nhân sĩ hào kiệt qui tụ rất đông vì tin ông có chân mạng đế vương. Năm Tân Mão (1771) đời chúa Định Vương Duệ Tông Nguyễn Phúc Thuần (1765- 1775), tương đương niên hiệu Cảnh Hưng thứ 32 vua Lê Hiển Tông, mọi người tôn Nguyễn Nhạc làm Tây Sơn Vương.

Lực lượng và uy quyền đã có nhưng Nguyễn Nhạc chưa vội khởi binh, cần thời gian xây dựng hậu phương vững mạnh, chiến khu an toàn. Vương cho dời Tổng hành dinh từ Tây Sơn Hạ lên Tây Sơn Trung (gần chân đèo An Khê), ông và bộ tham mưu đóng ở ngọn núi phía nam, nay vẫn còn tên gọi là núi ông Nhạc (3), chia nhân sự làm ba khối : Quân sự do Nguyễn Huệ, Trần Quang Diệu, Võ Văn Dũng và Võ Đình Tú chỉ huy, đóng ở ngọn núi phía bắc, người đời quen gọi là núi ông Bình (4), nơi đây tổ lò rèn đã sáng chế ra một vũ khí mới gọi là Hỏa hổ (5). Việc hành chánh, ngoại giao, tuyên vận giao cho Võ Xuân Hoài và Trương Mỹ Ngọc đảm nhận. Về kinh tế, tài chánh có Nguyễn Lữ, Nguyễn Thung và Bùi Thị Xuân chuyên trách. Cơ sở kinh doanh Trường Trầu, Nguyễn Nhạc giao cho vợ cả là Trần Thị Huệ quản lý để kinh tài cho tổ chức. Vấn đề quân lương, ngoài những trung tâm

sản xuất có sẵn như đồng Hữu (ở Phú Phong), đồng Vụ (Trình Tường), đồng Quang (Thuận Ninh) thuộc Tây Sơn Hạ, còn có cánh đồng Thượng Giang ở Tây Sơn Trung. Nguyễn Nhạc còn cho phá rừng Mộ Điều ở Tây Sơn Thượng thành đồng lúa màu mỡ, rộng hàng nghìn mẫu, giao cho người vợ thứ, con của vị đầu mục người Bana, cai quản, ngày nay nơi đây còn mang tên gọi là đồng Cô Hầu.

Để tăng cường quân số, Vương rút Nguyễn Lữ từ ban tài chánh, sung vào ban tuyển mộ, rồi cùng em lên Tây Sơn Thượng đi khắp các buôn làng để tuyển binh và đưa xuống Tây Sơn Trung cho Nguyễn Huệ luyện tập khếp vào đội ngũ.

Vì vậy Nguyễn Nhạc lấy trọn số tiền thu thuế năm 1771 để sung vào quỹ nuôi quân thì đúng hơn, nhưng đối với quan trên Biện Nhạc phải nói thác là thua bạc để che mắt chính quyền. Sử gia nhà Nguyễn vin vào cơ ấy để hạ thấp giá trị của cuộc khởi nghĩa của Tây Sơn.

Từ ngày bị truy nã đến khi khởi nghĩa (1771- 1773), Nguyễn Nhạc có hai năm kiện toàn lực lượng, tuy chưa xuất đầu lộ diện nhưng vùng đất Tây Sơn đã nằm trong tầm ảnh hưởng của phong trào Tây Sơn. Và có thể nói Nguyễn Nhạc có tài dùng người, đã cảm hóa những tay anh chị, thảo khấu trở thành những vị tướng tài ba, đức độ. Người đời thường nhắc nhở Tây Sơn thập bát cơ thạch, tức 18 tảng đá làm nền móng cho nhà Tây Sơn; ý muốn nói đến những người đầu tiên giúp Tây Sơn làm nên nghiệp lớn, gồm 7 vị tướng, 6 nhân sĩ và 5 bậc anh thư.



## THẤT HỔ TƯỚNG

Thật xứng đáng với danh hiệu người đời dành cho 7 vị tướng của Tây Sơn, đó là Trần Quang Diệu, Võ Văn Dũng, Lê Văn Hưng, Nguyễn Văn Tuyết, Võ Đình Tú, Nguyễn Văn Lộc và Lý Văn Bưu.

### 1 - Trần Quang Diệu (?- 1802)

Họ Trần quê quán ở tổng Trung huyện Bồng Sơn phủ Qui Nhơn, nay thuộc thôn Vạn Hội (Vạn Đức và Đông Thắng hợp nhất) xã Ân Tín huyện Hoài Ân tỉnh Bình Định. Họ Trần có ông tổ làm thượng thư dưới thời chúa Nguyễn, nay mộ vẫn còn (6).

Trần Quang Diệu học võ từ nhỏ, lớn lên được thọ giáo cụ Diệp Đình Tông, một cao thủ của thôn Vĩnh Thạnh huyện Tuy Viễn (sau tách ra là huyện Vĩnh Thạnh) nhưng phải ẩn nấu trong rừng Kim Sơn (nay thuộc huyện Hoài Nhơn) vì thuở tráng niên giết tên quan huyện sở tại khét tiếng tham ô dưới thời chúa Nguyễn Phúc Khoát (1738- 1765). Họ Diệp có đủ 5 môn binh khí : côn, thương, đao, kiếm, cung nhưng ông Diệu chỉ học môn đại đao suốt 5 năm, từ cách đánh trên bộ, trên ngựa, trên thuyền đều tinh thông nên được thầy cho xuất môn. Khi từ giã, thầy tặng cho thanh Huỳnh Long bảo đao lưu truyền từ đời nhà Trần và căn dặn: “ Thời thế nhiều nhương, con nên kíp xuống núi đem sở học làm sở hành kẻ uổng phí đời trai ” (7).

Một hôm ông Diệu từ Vạn Hội đến Kiên Mỹ thăm Nguyễn Nhạc, bạn mới quen nhưng rất tương đắc. Khi ông đi qua vùng Thuận Ninh, ở phía bờ bắc sông Côn (nay thuộc huyện Tây Sơn) gặp cọp chặn đường. Lỡ không mang theo võ khí, họ Trần phải đánh nhau với cọp bằng

tay không từ sáng sớm đến trưa nên đuối sức, may gặp Bùi Thị Xuân đi săn, ra tay cứu thoát.

Họ Trần yêu cầu đưa về Kiên Mỹ, Nguyễn Nhạc rất mừng vì gặp được Bùi Thị Xuân bấy lâu nghe tiếng nhưng chưa có dịp làm quen. Ba chí lớn gặp nhau, vườn đào kết nghĩa, rồi Nguyễn Nhạc làm môi giới cho Trần Bùi nên duyên cầm sắt.

Trần Quang Diệu là một trong bảy người hợp tác sớm nhất (8) với Nguyễn Nhạc, trong thời kỳ trước khởi nghĩa ông được phân công vào ban quân sự đầu tiên gồm 4 người (9) và đã cùng với Nguyễn Huệ rèn luyện số tân binh người Thượng do Nguyễn Nhạc và Nguyễn Lữ tuyển mộ ở vùng rừng Mộ Điền.

Rằm tháng tám năm Quý Tỵ (tháng 9- 1773), Tây Sơn Vương Nguyễn Nhạc làm lễ xuất quân, lập đàn tế cáo trời đất giữa đèo An Khê, nơi ghẹo Cây Khế có trảng đất rộng rợp bóng mát của hai cổ thụ, tục gọi là cây Ké và cây Cây. Trần Quang Diệu được phong Đô đốc, thống lĩnh đạo quân thứ hai, có Võ Văn Dũng và Lê Văn Hưng bên võ, La Xuân Kiều và Cao Tắc Tựu bên văn cộng tác; theo đường núi ra bắc, đánh chiếm hai huyện Phù Ly và Bồng Sơn (10).

Trần Quang Diệu ra quân trận đầu dễ như trở bàn tay. Quốc kỳ thêu kim tuyến vàng chữ Tây Sơn Vương trên nền đỏ hình vuông, viền tua xanh; và quân kỳ cũng nền đỏ, tua xanh, thêu tên họ chức vụ cấp chỉ huy bằng chỉ vàng, bay phất phới trên các huyện đường.

Bình Định xong hai huyện Phù Ly và Bồng Sơn, Trần Quang Diệu giao binh quyền cho hai tướng Võ Văn Dũng và Lê Văn Hưng cùng hai quan văn là Cao Tắc Tựu và La Xuân Kiều ở lại trấn giữ, ông đem quân vào Tuy

Viễn hợp với đạo quân thứ hai của Nguyễn Nhạc, đánh phủ thành Qui Nhơn (11).

Ở mặt trận mới, Trần Quang Diệu chỉ trợ chiến, giữ an ninh vòng đai để phòng bị quân viện bao vây. Hạ thành Qui Nhơn xong, ông được giao trấn giữ để đạo quân Nguyễn Nhạc tiến chiếm hai kho lương quan trọng ở Càng Rang và Nước Ngọt (12).

## 2 - Võ Văn Dũng (?- 1835)

Họ Võ người thôn Phú Phong (13) thuộc (sau gọi là tổng) Thời Hòa huyện Tuy Viễn phủ Qui Nhơn. Ông là vị tướng cao cấp của Tây Sơn thoát khỏi sự trả thù tàn nhẫn của Gia Long, thọ trên 90 tuổi.

Võ Văn Dũng sinh trưởng trong một gia đình giàu có, cha mẹ rước thầy về nhà dạy văn luyện võ, ông học chữ thì tối, còn võ, học đâu nhớ đó, mỗi năm phải rước thầy mới để thay.

Năm 20 tuổi, ông vào Phú Yên buôn ngựa, gặp được bậc cao thủ, hậu duệ của Lương Văn Chánh, truyền cho môn trường kiếm và đoản đao. Sau 5 năm tập luyện, thông thạo cả cách đánh dưới đất và đánh trên ngựa cùng sự phối hợp hai môn trên, Võ Văn Dũng được thầy cho xuất môn và căn dặn : “ Học võ để phòng thân và dẹp nổi bất bình khi gặp, chớ không phải để đấu sức khoe tài “ (14).

Ông là bạn cố giao của Nguyễn Nhạc, là một trong bảy người được Nguyễn Nhạc mời hợp tác sớm nhất (15).

Năm Tân Mão (1771) Nguyễn Nhạc được những người cộng tác tôn làm Tây Sơn Vương, tổng hành dinh dời lên vùng núi gần đèo An Khê, Võ Văn Dũng được sung vào tổ quân sự đầu tiên gồm 4 người (16).

Ngày khởi nghĩa (tháng 9- 1773), trước ba quân, ông được phong phó Đô đốc, chỉ huy phó đạo quân của Trần Quang Diệu, lãnh trách nhiệm đánh chiếm huyện Bồng Sơn, rồi cùng với học sĩ Cao Tắc Tụ trấn giữ huyện này để Trần Quang Diệu rảnh tay đem quân tăng viện đánh chiếm phủ thành Qui Nhơn.

### 3 - Lê Văn Hưng

Ông người làng An Đông, nay là thôn An Đông, xã Bình Thành huyện Tây Sơn, có ngọn roi xuất chúng, đánh ngã hàng trăm người. Lê Văn Hưng cầm đầu một đảng cướp có vài chục thủ hạ; cũng giống như Chàng Lía trước kia, ông cấm đồng bọn không được xâm phạm tài sản của người cùng huyện. Ông chuyên đi cướp ở vùng xa, của cải lấy được chia làm ba, để lại khổ chủ 1 phần, cho dân nghèo 1 phần và đảng cướp đem đi 1 phần. Vì vậy, ông được lòng dân địa phương và cả dân chúng ở những vùng bị cướp cũng thương mến che chở.

Lê Văn Hưng rất gan dạ, lúc xông vào cướp thì cầm roi tiên phong, lúc rút luôn luôn thủ vai cản hậu, gặp chống cự chỉ đánh ngã chứ không đánh chết hoặc gây trọng thương. Có một lần vào cướp ở Phú Yên, gặp khổ chủ là bậc cao thủ quyết chặn đường rút của toán cướp, trời gần sáng, ông phải xuống độc chiêu, đối thủ hộc máu chết tại chỗ. Tuần phủ Phú Yên họp cùng quan phủ Qui Nhơn ra lệnh tầm nã, ông phải lẩn trốn trong vùng rừng núi Tây Sơn.

Năm 1771, nghe tin Nguyễn Nhạc được dân trong vùng tôn làm Tây Sơn vương, Lê Văn Hưng dẫn thủ hạ ra thú và xin gia nhập. Trong quân, được Nguyễn Huệ và Trần Quang Diệu rèn luyện, tài năng ông phát hiện, thăng nhanh chóng từ lính lên cai, đội và sau là tướng.

Ngày khởi nghĩa (1773) ông được phong Đề đốc, làm thuộc tướng của Trần Quang Diệu. Khi nghe tin Nguyễn Nhạc đã chiếm huyện lỵ Tuy Viễn ở An Thái, Trần Quang Diệu chia đạo quân của mình làm ba đội. Một giao cho Lê Văn Hưng giữ bộ chỉ huy làm lực lượng trừ bị, còn hai đội kia hành quân chiếm huyện lỵ Bồng Sơn và Phù Ly. Sau đó, ông và học sĩ La Xuân Kiều được lệnh trấn giữ huyện Phù Ly.

Mùa đông năm Quý Tỵ (1773), Nguyễn Nhạc mở mặt trận phía nam, ông được cử làm phó tướng cùng với Ngô Văn Sở và Nguyễn Văn Lộc vào chiếm Phú Yên, Diên Khánh và Bình Thuận. Bình định xong ông cùng với Nguyễn Văn Lộc ở lại trấn giữ.

#### 4 - Nguyễn Văn Tuyết

Họ Nguyễn quê quán ở thuộc Thời Độn, huyện Tuy Viễn nay là xã Nhơn An, huyện An Nhơn. Nguyễn Văn Tuyết, lúc nhỏ thích đánh lộn, lớn lên có sức mạnh phi thường, nhắc bổng tảng đá lớn như bưng nổi cơm, đồng bọn tôn làm đầu nậu chợ Gò Chàm, ai đến đây mãi vớ phải xin phép Tuyết.

Một hôm, ông lão râu tóc bạc phơ và hai thiếu nữ đến chợ Gò Chàm ngang nhiên khuya chiền múa võ. Tuyết giận lắm, dẫn thủ hạ đến hỏi tội. Ông già không trả lời và cũng không chống đỡ mặc cho côn quyền tới tấp giáng vào người. Tuyết sợ hãi bỏ đi. Dò biết ông ấy nghỉ đêm tại miếu thổ địa sau chợ, Tuyết cầm gươm đến phục thù. Ông lão và hai thiếu nữ ngủ say, Tuyết đâm mạnh nhất kiếm vào yết hầu ông lão, sức cản dội lại, kiếm gãy. Thất kinh, Tuyết toan bỏ chạy nhưng không kịp, ông lão đã nắm chặt cổ tay tuyết và ôn tồn nói : “ Người tư chất thông minh, sức mạnh hơn người, sao không lo rèn võ

luyện văn để giúp đời, lại theo bọn thảo khấu, tiếng tăm lu mờ ! “

Tuyết quì xuống bái phục, xin theo làm môn đệ. Ông lão tên là Trần Kim Hùng, một cao thủ nổi tiếng ở thôn Trường Định thuộc Thời Hòa huyện Tuy Viễn, con trai duy nhất mất sớm để lại hai cháu nội gái, ông buồn đi khắp nơi cho khuây khỏa và tìm người chân truyền mạch võ. Gặp Tuyết, biết là quý nhân, ông lão rất mừng, hết lòng dạy dỗ. Sau 5 năm học văn luyện võ, ông lão cho Tuyết xuất môn với lời căn dặn : “ Thời thế nhiều nươg, con phải đem sở học làm việc nghĩa “.

Nghe Tuyết trở lại quê quán, bọn đồ đảng cũ đến thăm, ông khuyên nên hoàn lương. Một ngày trong năm 1771, nghe tin ở vùng Tây Sơn có Nguyễn Nhạc đang chiêu mộ hào kiệt, ông cùng một số thủ hạ tìm đến sơn trại đầu quân. Nguyễn Văn Tuyết được sung vào ban chỉ huy trường huấn luyện quân sự (17) các tân binh người Thượng, ở Tây Sơn Thượng (nay là An Khê).

Ngày khởi nghĩa (tháng 9- 1773) Nguyễn Văn Tuyết được tuyên phong tả Đô đốc, sung vào đạo quân thứ nhất do Nguyễn Nhạc trực tiếp chỉ huy. Sau lễ tế cáo trời đất tại đèo An Khê, Nguyễn Nhạc cho quân trực chỉ hướng đông, dừng chân nghỉ đêm ở thung lũng chân núi Bà Phù, mở tiệc khao quân và đãi yến các tướng lãnh. Nhân đấy, Nguyễn Nhạc cải danh núi bà Phù là Tâm Phúc và nay người địa phương vẫn quen gọi thung lũng này là Hóc Yến.

Mục tiêu đầu tiên của Tây Sơn Vương là chiếm gọn huyện đường Tuy Viễn, ở nam ngạn sông Côn, gần thị tứ An Thái (nay là thôn Mỹ Thạnh, xã Nhơn Phúc, huyện An Nhơn) để làm nức lòng tướng sĩ. Tả Đô đốc Nguyễn Văn Tuyết và phú thương Huyền Khê được lệnh trấn giữ ly sở

này để Nguyễn Nhạc đem đại binh vây thành Qui Nhơn (18).

## 5 - Võ Đình Tú

Ông là con của đại phú gia ở Phú Phong, tính can đảm và lòng thương người. Có một nhà sư, không ai rõ tông tích, thường ghé ngang ngồi nghỉ chân ở cổng ngõ nhà họ Võ. Bọn trẻ trong làng thấy nhà sư mặt mày lem luốc, quần áo rách rưới bèn kéo nhau đến chọc ghẹo. Võ Đình Tú mới 14 tuổi nhưng không theo hùa với đám bạn trẻ, trái lại ông rất lễ phép với nhà sư và thường đem cơm nước, bánh trái ra cúng dường.

Tương truyền, một hôm trời mưa to gió lớn, không ai dám ra đường, đến chiều trời tạnh thì gia nhân mới phát hiện Võ Đình Tú mất tích, từ ấy cũng không thấy nhà sư lui tới nữa. Mọi người đinh ninh rằng ông bị nhà sư bắt cóc.

Bẵng đi mười năm, Võ Đình Tú trở về nhà, là một thanh niên cao lớn, cường tráng, tính tình điềm đạm, ít nói, suốt ngày đóng cửa đọc sách, không lập gia đình và chỉ kết thân với Võ Văn Dững.

Những ngày đầu tụ nghĩa, ông được Võ Văn Dững tiến cử với Nguyễn Nhạc, Vương thân hành đến rước. Từ ấy Võ Đình Tú trở tài thao lược, binh pháp tinh thông, Nguyễn Nhạc rất trọng nể. Ông kết thân với Nguyễn Huệ và thường đàm đạo về sự tương quan giữa võ thuật và chiến thuật. Bà Bùi Thị Xuân tặng ông một lá cờ nền đỏ, thêu bốn chữ "Thiết côn vô địch" bằng kim tuyến vàng.

Ngày khởi nghĩa, quân chia làm 3 đạo, ông được phong Đại tổng lý, sung vào đạo quân thứ ba, cùng với Nguyễn Huệ, Bùi Thị Xuân và Võ Xuân Hoài lo mặt hậu cứ như : tuyển mộ và huấn luyện quân sĩ, thúc đẩy sản

xuất, giữ an ninh vùng Tây Sơn để cho đạo quân thứ nhất và thứ hai đánh chiếm các thành lũy mở rộng lãnh thổ.

## 6 - Nguyễn Văn Lộc

Lúc nhỏ, ông chăn trâu cho một phú nông ở làng Kỳ Sơn (nay là thôn Kỳ Sơn, xã Phước Sơn, huyện Tuy Phước), không có tiền thuê thầy dạy võ, chỉ học lóm nhưng nhờ thông minh và chịu khó nên trở thành bậc cao thủ lúc nào không hay biết.

Tương truyền một hôm Nguyễn Văn Lộc đi chơi về khuya bị quân canh bắt, ngờ là kẻ trộm, trói vào cột đình. Ông dùng miệng sành cắt dây, đánh gục tuần đình và chạy thoát vào cánh đồng lúa chín. Mỡ báo động vang lên từ làng này sang làng nọ, đám đông vây chặt, ông phải giựt gậy của quân canh, đánh tháo vòng vây, rồi trốn lên Tây Sơn.

Nghe tin Nguyễn Nhạc tụ tập quân anh, ông đến xin yết kiến. Nguyễn Nhạc biết ông là người tài, trong bụng ngay. Ngày khởi nghĩa, Nguyễn Văn Lộc được phong hữu Đô đốc, sung vào đạo quân thứ nhất do Nguyễn Nhạc thống lĩnh, trách nhiệm đánh chiếm huyện đường Tuy Viễn và phủ thành Quy Nhơn.

## 7 - Lý Văn Bưu

Người đời còn gọi tên ông là Mưu, quê quán ở ấp Đại Khoan khách hộ, phường Đại An, xã Phỉ Lam, tổng Trung, huyện Phù Ly (nay thuộc huyện Phù Cát).

Nơi đây là vùng đồi thấp và gò đồng, nhiều cỏ dại, thích hợp việc chăn nuôi, săn bắn. Ông chuyên nghề nuôi ngựa chiến, lại có tài vừa phi ngựa vừa múa kiếm, bắn cung, phóng lao trăm phát trăm trúng. Người đương thời



tặng ông danh hiệu Phi Vân Báo tức con heo bay trong mây.

Nghê danh, Bùi Thị Xuân đến làm quen và học nghề luyện ngựa chiến, rồi tiến cử lên Nguyễn Nhạc. Ông được trọng dụng, giao cho việc luyện tập ngựa chiến và đào tạo kỵ quân.

Nhờ tài thao lược, ông được Tây Sơn Vương phong Đô đốc và vó ngựa của ông giẫm nát trên các mặt trận trong Nam ngoài Bắc.

## LỤC KỶ SĨ

Người đời gọi danh hiệu này là muốn nhắc tên tuổi 6 học sĩ đã đóng góp vào cuộc khởi nghĩa Tây Sơn thành công, đó là Nguyễn Thung, Võ Xuân Hoài, Trương Mỹ Ngọc, Cao Tắc Tụ, La Xuân Kiều và Triệu Đình Tiệp.

### 8 - Nguyễn Thung

Ông là một phú nông có trang trại khá đẹp ở vùng Tuy Viễn, quen biết với Nguyễn Nhạc từ lúc anh em Tây Sơn còn thọ giáo thầy Trương Văn Hiến. Nguyễn Thung có nhiều gia nhân, ban đầu làm ruộng, sau buôn muối; chở hàng lên Tây Sơn Thượng đổi sản phẩm miền núi, đem về đồng bằng bán lấy lời.

Tính ông hào phóng, đãi người rất hậu nên thu phục được nhiều người, trong đó có đảng cướp Nhưng Huy và Tứ Linh. Tương truyền, Nhưng Huy lập gánh hát bội nhưng chỉ để dụ người đến xem hát, quên việc tuần phòng, nhân đấy cho thủ hạ đi cướp những nhà giàu; địa bàn hoạt động từ Phú Yên trở vô nên tránh được tai tiếng nơi bản quán là phủ Qui Nhơn. Nguyễn Thung còn kết nạp được bọn cướp biển Tập Đình, Lý Tài (người Hoa) và

một phú thương ở cửa Giã (nay là thành phố Qui Nhơn). Biết uy tín của Nguyễn Thung rất lớn ở vùng Tuy Viễn, Nguyễn Nhạc tìm cách thuyết phục ông ta về với Tây Sơn trong những ngày trước khởi nghĩa. Sự kết hợp lực lượng và chia quyền hành đã thành công tốt đẹp, theo *Chính biên liệt truyện* (quyển 30, trang 2b và 3a) Nguyễn Nhạc tự xưng là Đệ nhất trại chủ, Nguyễn Thung làm Đệ nhị trại chủ và Huyền Khê (19) làm Đệ tam trại chủ.

### **9 - Võ Xuân Hoài**

Quê quán của ông ở Bình Khê (nay là huyện Tây Sơn), theo nghiệp bút nghiên từ nhỏ, giỏi văn chương, thông kinh sử. Ông là bậc hiền sĩ, đức cao, hiểu rộng, mọi người đều kính nể.

Ngày khởi nghĩa, ông được phong Đại học sĩ, sung vào đạo quân thứ ba do Nguyễn Huệ thống lãnh, lo việc hậu phương yểm trợ tiền tuyến.

### **10 - Cao Tắc Tự**

Chỉ biết ông người phủ Qui Nhơn, nhưng không rõ chi tiết về quê quán. Tương truyền ông rất đẹp trai, học rộng lại thông binh pháp. Ông vốn trầm tĩnh nhưng khi bàn quốc sự thì nói năng lưu loát, đầy thuyết phục và hiển nhiều kế hay, mọi người kính nể.

Ngày khởi nghĩa, ông được phong Hiệp biện Đại học sĩ, sung vào đạo quân thứ hai do Đô đốc Trần Quang Diệu thống lãnh. Sau khi chiếm huyện lỵ Bồng Sơn, ông được giao tổ chức chính quyền cho huyện này.

### **11 - La Xuân Kiều**

Ông là một văn gia nổi tiếng của huyện Phù Ly (nay thuộc huyện Phù Cát), giỏi Nôm, thông Hán tự, rành điển

tích. Ông lại có tài bắn cung, cưỡi ngựa rất hoạt bát. Văn võ kiêm toàn, thật hiếm có.

Ngày khởi nghĩa, La Xuân Kiều được phong Hiệp biện Đại học sĩ, sung vào đạo quân thứ hai, sau khi chiếm huyện Phù Ly, ông được giao việc cai trị ở huyện nhà.

## 12 - Triệu Đình Tiệp

Không rõ quê quán, tương truyền ông rất nghiêm nghị, chuộng thực tế, ghét xa hoa, lại cẩn trọng việc làm, giữ mình thanh khiết và trọng chữ tín. Tiếng đồn ông hay chữ, cai trị giỏi, mọi người nể trọng. Ông cũng được phong Hiệp biện Đại học sĩ trong ngày khởi nghĩa.

## 13 - Trương Mỹ Ngọc

Nếu ở Phù Cát (nguyên là Phù Ly) có La Xuân Kiều, ở Bình Khê (Tuy Viễn tách ra) có Võ Xuân Hoài thì ở An Nhơn (Tuy Viễn cũ) có Trương Mỹ Ngọc là ba ngôi sao văn học của tỉnh Bình Định (tức phủ Qui Nhơn cũ).

Trương Mỹ Ngọc là người có khí phách, được uy tín với dân trong vùng, thấy cảnh nhiều ruộng của bọn tay chân Trương Phúc Loan, ông theo giúp Tây sơn, được Nguyễn Nhạc trọng dụng, phong Hiệp biện Đại học sĩ. Với tài kinh bang tế thế, ông giúp Tây Sơn Vương rất nhiều trong việc xây dựng guồng máy hành chính trước và sau khởi nghĩa.

## NGŨ PHỤNG THƯ

Nét độc đáo của lực lượng Tây Sơn, không những có Thất hổ tướng, Lục kỳ sĩ mà còn xuất hiện Ngũ phụng thư là 5 bậc anh thư đã đóng góp không nhỏ trong cuộc khởi

nghĩa thành công; đó là Bùi Thị Xuân, Bùi Thị Nhạn, Trần Thị Lan, Nguyễn Thị Dung và Huỳnh Thị Cúc.

#### 14 - Bùi Thị Xuân

Tương truyền Võ Văn Dũng và Bùi Thị Xuân có chung một nguồn gốc. Thời chúa Nguyễn (1533- 1775), hai anh em Lê Kim Bảng và Lê Kim Bôi gốc người Nghệ An vào lập nghiệp ở vùng Phú Phong. Để tránh sự chú ý của chính quyền về gốc tích của mình, họ hẹn nhau khi sanh con, cải sang họ mẹ. Sau Lê Kim Bảng lấy con gái họ Bùi ở Phú Phong, sinh hạ Bùi Thị Xuân, Bùi Thị Thu và Bùi Thị Nhị, không có con trai. Lê Kim Bôi làm rể nhà họ Võ ở Phú Mỹ (?) sinh được con trai, Võ Văn Dũng là con út (20). Vậy Bùi Thị Xuân và Võ Văn Dũng là chị em thúc bá.

Một thuyết khác cho rằng nữ tướng Bùi Thị Xuân là ái nữ của Bùi Đắc Chí và gọi Bùi Đắc Tuyên bằng chú, quê quán ở ấp Xuân Hòa khách hộ, thôn An Hòa, thuộc Thời Đôn, huyện Tuy Viễn. Sinh trưởng trong một gia đình khá giả, bà được theo đòi nghiên bút, lại khéo tay nổi tiếng viết chữ đẹp và công dung ngôn hạnh vẹn toàn. Tuy vậy, địa thế và phong thổ ảnh hưởng rất lớn đến con người, quê hương bà chỉ có phía tây liền với Phú Phong, còn phía đông lấy suối làm ranh giới, nam giáp núi, bắc giáp sông; bà được hun đúc bởi đất hiểm nên không theo nếp nữ nhi thường tình mà thích võ hơn văn, lơ là việc trang điểm và thường mặc áo hiệp sĩ.

Năm 12 tuổi, một hôm thầy đồ có việc phải đi, giao lớp lại cho trưởng tràng coi sóc. Bọn học trò trai đem Bùi Thị Xuân ra giễu cợt bèn ra câu đối : “Ngoài trai trong gái, dưa cải dưa môn”. Một người trong bọn đối lại : “Đứng Xuân ngồi thung, lá vông lá chóc”. Cả bọn cười

âm lên. Bùi Thị Xuân giận đỏ mặt, vung tay đi quyền tới tấp vào hai người ấy rồi bỏ về, từ ấy quyết theo nghiệp võ (21)

Họ Bùi học võ với một bà lão suốt ba năm, đêm nào cũng luyện tập từ đầu hôm đến gà gáy. Học xong môn quyền rồi đến song kiếm, lại còn học nhảy xa, nhảy cao, nhảy sào... môn nào cũng điều luyện, tiếng đồn bay xa khắp vùng. Xuất sư, bà mở trường dạy võ cho nữ giới, môn sinh có đến vài chục người, xuất sắc nhất là Bùi Thị Nhạn.

Từ ngày cứu Trần Quang Diệu thoát khỏi nanh vuốt của mãnh hổ, Bùi Thị Xuân gia nhập phong trào Tây Sơn. Ngày khởi nghĩa bà được phong Đại tổng lý, sung vào đạo quân thứ ba lo việc củng cố hậu phương yểm trợ tiền tuyến.

### **15 - Bùi Thị Nhạn**

Bùi Đắc Lương, một cự phú ở ấp Xuân Hòa, sinh hạ 3 trai là Bùi Đắc Chí, Bùi Đắc Trung, Bùi Đắc Tuyên và hai gái là Bùi Thị Loan, Bùi Thị Nhạn. Bùi Thị Xuân là trưởng nữ của Bùi Đắc Chí, còn Bùi Thị Nhạn là quý nữ của Bùi Đắc Lương, nên mặc dù vai vế trong gia tộc là cô cháu nhưng bà Xuân lớn tuổi hơn bà Nhạn (22).

Bùi Thị Nhạn thông minh, có năng khiếu về võ nghệ, là môn đệ xuất sắc nhất trong võ đường Bùi Thị Xuân. Bà mau chóng trở thành một nữ kiếm khách và là một sĩ quan cao cấp trong đạo quân của Bùi nữ tướng.

Sau bà Nhạn kết duyên với Nguyễn Huệ, khi người vợ trước là bà Phạm Thị Liên qua đời.

### **16 - Trần Thị Lan**

Cũng theo Nhà Tây Sơn của Quách Tấn và Quách Giao, Trần Thị Huệ và Trần Thị Lan là con của Trần Kim Báu và cháu nội của võ sư Trần Kim Hùng, quê quán ở ấp Trường Định khách hộ, thuộc (tổng) Thời Hòa, huyện Tuy Viễn, phủ Qui Nhơn nay là thôn Trường Định, xã Bình Hòa, huyện Tây Sơn (quận Bình Khê cũ).

Tương truyền, lúc Thị Huệ 8 tuổi và Thị Lan 3 tuổi thì mẹ mất, cha buồn phiền bỏ nhà vào huyện Quảng Phước phủ Bình Khương (23) mở trường dạy võ, gửi hai con sống với ông bà nội ở quê nhà. Lớn lên Thị Huệ học nữ công với bà nội, Thị Lan thích theo nghiệp võ của ông nội, học chuyên về kiếm thuật và luyện thân lạnh lẽo như chim én nên lấy biệt hiệu là Ngọc Yến.

Chín năm sau, Trần Thị Lan được 12 tuổi thì cha mất. Ông nội phải dẫn hai cháu vào Ninh Hòa thọ tang, để có tiền lộ phí ông phải bày kế mãi võ. Khi về đến chợ Gò Chàm, ông đang mãi võ thì gặp sự xung đột với Nguyễn Văn Tuyết nhưng tiền hung hậu kiệt.

Sau này Trần Thị Huệ kết duyên với Nguyễn Nhạc, Trần Thị Lan lên thăm chị ở cơ sở kinh doanh Trường Trầu (ấp Kiên Mỹ) gặp được Bùi Thị Xuân, hai bên kết nghĩa và nằm trong đội quân Bùi nữ tướng. Khi Nguyễn Văn Tuyết tìm đến Tây Sơn, lại gặp Trần Thị Lan, cháu nội của thầy mình, cả hai rất mừng và kết duyên cầm sắt.

### 17 - Nguyễn Thị Dung

Bà Dung là em của Nguyễn Văn Xuân, người làng Lạc Phố huyện Mộ Đức tỉnh Quảng Ngãi. Nghe tiếng thầy Trương Văn Hiến ở An Thái, anh em đến xin thọ giáo. Trường không thu nạp nữ sinh nên chỉ có Nguyễn Văn Xuân được nhận, còn Nguyễn Thị Dung thì Giáo Hiến giới thiệu đến võ đường của Bùi Thị Xuân ở Xuân Hòa.

Nguyễn Thị Dung sở trường về kiếm, tham gia vào cuộc khởi nghĩa của Tây Sơn là một sĩ quan cao cấp trong đội nữ binh của Bùi Thị Xuân. Sau Nguyễn Thị Dung kết duyên với Trương Văn Đô người làng Mỹ Khê huyện Sơn Tịnh (cùng tỉnh), một danh tướng của Tây Sơn.

## 18 - Huỳnh Thị Cúc

Thị Cúc là em của Huỳnh Văn Thuận, người làng Đông Quang huyện Sơn Tịnh tỉnh Quảng Ngãi. Huỳnh Văn Thuận và Nguyễn Văn Xuân là bạn tâm giao, cả hai đều có tài văn học và cùng thọ giáo Trương Văn Hiến. Như trường hợp của Thị Dung, bà Huỳnh Thị Cúc cũng được họ Bùi thu nhận vào võ đường.

Trong hàng môn đệ của Bùi Thị Xuân, đều đứng dưới cờ khởi nghĩa của Nguyễn Nhạc, sau đó họ lần lượt kết hôn với các tướng lãnh Tây Sơn. Duy có Huỳnh Thị Cúc quyết không lập gia đình, suốt đời gắn bó với đoàn nữ binh của Bùi Đại tướng.

Trên đây là 18 người đầu tiên đến với anh em Nguyễn Nhạc, họ là những tảng đá đắp móng xây nền dựng lên cơ nghiệp nhà Tây Sơn.

Nói vậy, công thần buổi ban đầu của Tây Sơn không chỉ có thế, phải còn nhiều người nữa, chẳng hạn bên võ có : Đô đốc Đặng Văn Long tự là Tử Vân, hiệu là Đặng Thiết Tý (cánh tay của họ Đặng cứng như sắt), người huyện Tuy Viễn; Nội hầu Phan Văn Lân, học trò Giáo Hiến, người miền ngoài, không rõ phủ huyện; Nguyễn Văn Xuân, tì tướng của Trần Quang Diệu, sau khi hạ thành Quy Nhơn được theo phò tá Nguyễn Nhạc ở mặt trận phía bắc; Tư mã Ngô Văn Sở lãnh cờ hiệu Chinh nam

Đại tướng quân, tiến chiếm gọn ba phủ Phú Yên, Diên Khánh và Bình Thuận...Ngoài các tướng, bên văn cũng có các học sĩ theo giúp Tây Sơn như : Mã Vĩnh Thắng người huyện Tuy Viễn, nức tiếng về thơ và từ; Võ Văn Cao quê nhà ở chân núi Cù Mông phía địa phận tỉnh Phú Yên, tính cương trực, làm việc cẩn trọng và nghiêm túc, ghét thơ văn phù phiếm, chuộng Nho giáo, chống tư tưởng Lão Phật; Lưu Quốc Hưng người Phú Yên, bản chất chính trực và cương quyết; Huỳnh Văn Thuận người Quảng Ngãi, hay chữ từ nhỏ, thông kinh sử, có tài thuyết phục; Nguyễn Văn Huấn và Nguyễn Văn Danh tổ tiên ở Nghệ An bị chúa Nguyễn bắt vào huyện Mộ Đức tỉnh Quảng Ngãi, nhà nghèo nhưng hiếu học, anh em đều thọ giáo thầy Trương Văn Hiến...

Các nhân vật vừa nêu trên có thể họ đến với Tây Sơn sau ngày khởi nghĩa, hoặc vì một lý do nào khác mà người đời không liệt vào hàngThập bát cơ thạch ?

Có điều đáng tiếc cho lịch sử Việt Nam, cuộc khởi nghĩa của Tây Sơn chỉ cách nay trên 200 năm, thế mà những gì đã xảy ra ở triều đại này rất mơ hồ, nhiều tài liệu còn trái ngược nhau, chẳng hạn như giữa Nguyễn Huệ và Nguyễn Lữ, ai anh, ai em? Lai lịch những công thần và diễn biến của cuộc khởi nghĩa ra sao? Ngày nay chỉ còn biết căn cứ vào các bức thư của giáo sĩ, vào sự tương truyền, vào rất ít ở chính sử, liệt truyện của triều Nguyễn và Thanh sử...

Ai đã gây ra nạn khan hiếm tài liệu về Tây Sơn? Nguyễn Ánh, khi lên ngôi (1802) không những trả thù tận gốc rễ những người theo Tây Sơn mà còn có cả một sách lược dài hạn tiêu hủy tàn tích Tây Sơn, tận diệt nền văn hóa Tây Sơn. Chính sách ấy được duy trì suốt triều đại nhà Nguyễn (1802- 1945).



Năm 1885- 1887, Mai Xuân Thưởng người làng Phú Lạc xã Bình Thành huyện Tây Sơn, ứng nghĩa Cần Vương chống Pháp ở Bình Định, bị triều đình Đồng Khánh kết tội “Dương vị Hàm Nghi khởi nghĩa, âm vị ngục Nhạc phục thù”. Bản án trăm quyết 11 người , ngoài 5 tướng lãnh như Bùi Điền (Thống trấn), Nguyễn Đức Nhuận (Hiệp trấn)..., 7 người còn lại đều là Mai tộc gồm : Mai Xuân Thưởng (Nguyên Soái) cùng bà con liên hệ với ông như Mai Xuân Quang (anh ruột), Mai Xuân Khánh (em ruột) cũng bị xử tử với tội danh “không biết can ngăn”; 4 người anh em họ là Hòa, Vân, Nghị, Dao bị xử chém với tội danh “đã nhận chức hàm”. Các người khác trong Mai tộc tuy không can dự cũng bị liên lụy như 3 người bác là Chất (72 tuổi), Đức (65 tuổi), Hanh (62 tuổi); 4 anh họ thân là Dư, Dương, Tuyết, Ngân và 5 người em họ thân là Cẩm, Hoán, Dũng, Hóa, Pháp đều bị giải về quê quán giao cho chính quyền địa phương quản thúc (24). Bản án khắc nghiệt với Mai tộc chỉ vì Mai Xuân Thưởng có bà cao tổ cô Mai Thị Hạnh là vợ của Nguyễn Phi Phúc, tức thân mẫu của Nguyễn Nhạc.

## ĐÀO ĐỨC CHƯƠNG

### GHI CHÚ

(1) Bản dịch của Nguyễn Ngọc Tĩnh, Đào Duy Anh hiệu đính, tập 1, trang 243.

(2) Địa danh huyện chép sai, đúng ra Nguyễn Nhạc ở huyện Tuy Viễn phủ Qui Nhơn, sau tách ra là huyện Bình Khê và nay là huyện Tây Sơn.

(3,4) Hai núi này cao và rậm, nằm phía đông đèo An Khê. Từ hòn Ông Nhạc núi trùng điệp, lớp chạy thẳng về nam, lớp rẽ xiên về đông nam. Đối diện với núi Ông Nhạc là núi Ông Bình, cao 793 mét, địa thế hiểm trở và kỳ bí tưởng như không có lối vào (*Nước non Bình Định* của Quách Tấn, trang 53).

(5) Hỏa hổ là binh khí độc đáo của Tây Sơn, cán dài đầu có gắn liềm móc, vừa là bó đuốc tung nhựa dầu rái đang cháy vào hàng ngũ đối phương, vừa có thể phóng đoản côn gắn đầy móc câu khi xáp trận (*Sông Côn mùa lũ* của Nguyễn Mộng Giác, tập 1, trang 386).

(6) *Non nước Bình Định* của Quách Tấn, trang 360.

(7,10,14,18,21,22) *Nhà Tây Sơn* của Quách Tấn và Quách Giao, các trang 47,34,41,37,42,57.

(8,15) Bên văn có Nguyễn Thung, Võ Xuân Hoài, Trương Mỹ Ngọc; bên võ có Trần Quang Diệu, Võ Văn Dũng, Võ Đình Tú, Bùi Thị Xuân.

(9,16) Nguyễn Huệ, Trần Quang Diệu, Võ Văn Dũng, Võ Đình Tú.

(11) Phủ Qui Nhơn có 3 huyện : Bồng Sơn, Phù Ly và Tuy Viễn. Huyện Bồng Sơn nay chia làm 3 huyện là Hoài Nhơn, Hoài Ân và An Lão; huyện Phù Ly nay chia 2 huyện là Phù Mỹ và Phù Cát; huyện Tuy Viễn nay chia làm 5 huyện là Vĩnh Thạnh, Tây Sơn (Bình Khê), An Nhơn, Tuy Phước và Vân Canh.

(12) Càng Rang và Nước Ngọt thời ấy thuộc huyện Phù Ly, nay thuộc huyện Phù Cát.

(13) Hai thôn Phú Phong và Xuân Hòa xưa, nay ghép thành xã Bình Phú huyện Tây Sơn (tức quận Bình Khê cũ).

(17) Ban chỉ huy quân trường gồm Nguyễn Văn Tuyết, Võ Đình Tú và Lê Văn Hưng.

(19) Không rõ tên họ, chỉ biết biệt hiệu.

(20) Theo *Những mẩu chuyện về Tây Sơn*, trang 53.

(23) Địa danh này thay đổi nhiều lần : phủ Thái Khương (1653), phủ Bình Khương (1690), phủ Bình Hòa (1803), phủ Ninh Hòa (1831), tỉnh Khánh Hòa (1832). Từ năm 1910 hệ thống phủ huyện không như trước, mà phủ và huyện đều trực tiếp cai quản một số tổng; nơi nào quan trọng gọi là phủ, nơi bình thường gọi là huyện. Và huyện Quảng Phước cải danh là phủ Ninh Hòa.

(24) *Việt Nam những sự kiện lịch sử* của Dương Kinh Quốc, tập 1, trang 311.

## SÁCH BÁO THAM KHẢO

1 - *Non nước Bình Định* của Quách Tấn, Nam Cường xuất bản, Sài Gòn 1967.

2 - *Nhà Tây Sơn* của Quách Tấn và Quách Giao, Nxb Trẻ, Sài Gòn 2000.

3 - *Lịch sử nội chiến ở Việt Nam* của Tạ Chí Đại Trường, Nxb Văn học sử, Sài Gòn 1973, An Tiêm tái bản, California 1991.

4 - *Gió lộng cờ đào*, tiểu thuyết lịch sử của Mộng Bình Sơn, Nxb Tổng hợp Tiền Giang, năm 1989.

5 - *Sông Côn mùa lũ*, tiểu thuyết lịch sử của Nguyễn Mộng Giác, Nxb Văn học tái bản, năm 1998.

6 - *Danh nhân Bình Định* của Bùi Văn Lăng, tác giả xuất bản, Hà Nội 1942.

7 - *Nhân vật Bình Định* của Lộc Xuyên Đặng Quý Địch, soạn giả xuất bản, Sài Gòn 1971.

- 8 - *Những mẫu chuyện về Tây Sơn*, nhiều tác giả, ty Văn hóa và Thông tin Nghĩa Bình, năm 1979.
- 9 - *Những phát kiến về triều đại Tây Sơn* của Hứa Hoàn, nguyệt san Làng Văn số 114, tháng 2- 1994.
- 10 - *Quang Trung Nguyễn Huệ* của Hoa Bằng, Đại Nam tái bản tại Hoa Kỳ.
- 11 - *Những vì sao đất nước*, tập 4 và 5, nhiều tác giả, Nxb Thanh niên, Hà Nội 1985.
- 12 - *Xứ Đàng Trong (1558- 1777)* của Phan Khoang, Nhà sách Khai Trí, Sài Gòn 1970.
- 13 - *Việt Nam sử lược* của Trần Trọng Kim, Tân Việt tái bản, Sài Gòn 1964.
- 14 - *Việt sử tân biên* của Phạm Văn Sơn, quyển 3, tác giả xuất bản, Sài Gòn 1959.
- 15 - *Đại Nam thực lục tiền biên*, bản dịch của Nguyễn Ngọc Tĩnh, Đào Duy Anh hiệu đính, Nxb Sử học, Hà Nội 1962.
- 16 - *Từ điển Nhân vật lịch sử Việt Nam* của Nguyễn Quang Thắng và Nguyễn Bá Thế, Nxb Khoa học Xã hội, Sài Gòn 1992.
- 17 - *Việt Nam Danh nhân từ điển* của Nguyễn Huyền Anh, Nxb Khai Trí, Sài Gòn 1972.
- 18 - *Việt Nam những sự kiện lịch sử 1858- 1945*, tập 1, của Dương Kinh Quốc, Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội 1981.
- 19 - *Giáo tử gia* của Minh Tân Phạm Hà Hải, Nxb Tổng hợp Đồng Tháp, năm 1996.
- 20 - *Nghiên cứu địa bạ triều Nguyễn*, Bình Định, tập 1, của Nguyễn Đình Đầu, xuất bản tại Sài Gòn 1996.

# Mùa Xuân Dân Tộc Quang Trung

Mỗi mùa xuân về  
lòng vui rộn rã  
lịch sử oai hùng  
núi cao sông cả  
cuồn cuộn trào lên  
sức sống Rồng Tiên  
ôi Nguyễn Huệ anh hùng  
hào khí thiêng liêng ...

Trong nắng xuân  
lòng toàn dân reo vui hội tụ  
gió mang xuân dân tộc về  
tìn yêu nhắn nhủ  
Việt Nam dân tộc anh hùng  
Tây Sơn ngút trời  
Hùng khí Nguyễn Huệ Quang Trung

Tôn Sĩ Nghị với hai mươi vạn quân phu  
ào ào xâm lược  
hãi hùng thay  
quân thù cướp nước  
dày xéo Thăng Long, phá nát Bắc Hà  
oan khiên thấu trời, oán than dậy đất  
phẫn nộ dân ta ...

Hướng về Tây Sơn  
lửa dân tộc bùng lên chất ngất  
cờ Quang Trung phơ phất  
hồn nước tung bay

Con ơi! con ngủ cho say  
mẹ cha theo nước mơ ngày quang vinh  
Quang Trung Nguyễn Huệ Bắc Bình  
cờ reo trống thúc chuyển binh rợp trời ...

Khắp nước nơi nơi  
người người tin tưởng  
nhớ xưa: sáu lần tiến vào nam  
dụng binh mưu thần vô lượng  
đánh tan tác hai vạn quân Xiêm  
cứu khổ nhục dân lành  
trận Rạch Gầm, Xoài Mút rục rở sử xanh  
tuổi trẻ anh hùng Nguyễn Huệ vang danh  
tướng tài ba bách thắng

Nay theo ý dân reo hò trong nắng  
tại Bàn Sơn làm lễ tế trời  
lên ngôi Hoàng Đế Quang Trung  
hướng Thăng Long xuất phát đại binh hùng ...

Chàng đi cho thiệp đi cùng  
theo vua Nguyễn Huệ Quang Trung diệt thù  
đường ra phương bắc bụi mù  
mùa xuân Kỷ Dậu ngàn thu lẫy lừng ...

Mười vạn dân quân  
theo gọng kiếm bắc tiến

đô đốc Lộc, Tuyết lãnh tả quân vượt biển  
đô đốc Bảo, Long lãnh hữu quân  
voi ngựa lên đường  
Vua Quang Trung  
trên chiến tượng oai hùng  
chỉ huy quân trung, hậu, tiền phương  
ba mặt tiến lên  
khí thế ngút trời quân dân quyết thắng  
giặc thù nát tan, đòn hãn cay đắng  
chỉ trong năm ngày  
tiêu diệt trọn hai mươi vạn quân phu Thanh  
chiến công này  
số một thế giới tướng tài danh  
xác giặc nghẽn cả dòng sông Nhị Hà  
thây quân thù phơi chật gò Đống Đa  
Vua Quang Trung vào Thăng Long  
tết mừng năm Kỷ Dậu  
giữa tiếng reo hò quân dân anh hùng chiến đấu ...

Lịch sử loài người  
Nguyễn Huệ Quang Trung  
thế giới danh nhân đệ nhất anh hùng  
người nhìn xa kế hoạch mười năm  
quốc gia phát triển  
chấm dứt cống người vàng  
đòi Lương Quảng về Việt Nam  
dân hùng mạnh tiến  
nếu người sống lâu  
nước Việt Nam nhất định phú cường ...

Hương về Quang Trung  
tình yêu tổ quốc noi gương

đoàn kết một lòng  
ngày về dựng nước  
hùng khí Tây Sơn  
Nguyễn Huệ Quang Trung tài ba thao lược  
trong mỗi người Việt Nam  
mang hình ảnh Nguyễn Huệ anh hùng  
nhất định Việt Nam sẽ tự do phú cường  
vì ta có hàng triệu Quang Trung ...

Mỗi mùa xuân về  
toàn dân rộn rã  
lịch sử oai hùng  
Việt Nam cao cả  
sức sống cuộn cuộn dâng lên  
rực rỡ giống Rồng Tiên  
đuốc Nguyễn Huệ soi đường  
tin tưởng thiêng liêng ...

Trong nắng xuân  
người Việt năm châu reo vui hội tụ  
gió mang xuân dân tộc về  
tin yêu nhắn nhủ  
dân tộc ta quật khởi anh hùng  
năm châu hướng về  
mùa xuân dân tộc Quang Trung ...

## HUY LỰC BÙI TIÊN KHÔI

Người ta nóng nảy, nông nổi, hẹp hòi thì xử việc, việc hay hỏng; tiếp người, người hay giận mà chính mình cũng thiệt thòi.

**Lữ Khôn**



# NHỚ TRƯỜNG QUI NHƠN

ĐẶNG HIẾU KÍNH

Khoảng tháng 4 năm 1933, tôi lên 10 tuổi. Còn hơn một tháng nữa là các bạn cùng tôi trong lớp ba là lớp sơ đẳng của trường Vân Hội thuộc tổng Dương An, phủ Tuy Phước, Bình Định, sẽ khăn gói xuống tỉnh lỵ Qui Nhơn để dự thi Yếu lược. Đó là bằng cấp đầu tiên cho cuộc đời học sinh.

Tâm trạng của đứa bé lên 10 lúc đó thật là giản dị: chưa biết lo sợ; buồn vui lẫn lộn và việc gì cũng đến đâu hay đến đó. Có lẽ vì tôi còn quá non nớt, ấu trĩ, nên trong tâm trí không hề bận rộn những sắp đặt toan tính gì hết, mặc dù khi đi thi bất cứ một môn gì mình cũng phải có sự chuẩn bị học hành cẩn thận. Tôi nhớ là tôi cứ thản nhiên, thường thường... Nhìn đến các bạn cũng thế cả, rồi ngày thi gần kề dần dần mà chúng tôi vẫn không nao núng!

Cha mẹ tôi hằng ngày nhắc nhở luôn, nào làm bài tập, nào ôn sách vở các môn. Thỉnh thoảng lại bảo các chị tôi kêu chính tả, ngày ấy gọi là ám tả - hoặc ra toán đố lấy trong sách toán đố có giải đáp. Tôi không hề biết lo là gì tuy cũng biết mình không phải là học sinh giỏi trong lớp. Ngày được Ba tôi cho lên xe kéo đưa xuống tỉnh lỵ, lòng tôi mới thấy có sự thay đổi lớn! Tôi phải rời Mẹ tôi mà đêm đêm bàn tay ấm dịu vẫn xoa nhẹ và êm cái lưng mảnh khảnh của tôi. Tôi phải xa các em tôi mà không ngày nào là không cùng tôi nô đùa ngoài bãi cát sông Hà; tôi phải xa tất cả, khóm chuối, hàng cau, từ những con chó quẩn quít đến mấy lồng cu, lồng sáo quen thuộc ... Ra đi như thế chưa biết bao nhiêu ngày và trước mắt sẽ gặp

điều gì chờ đợi, tôi thật không nghĩ ra được, rồi sự hoang mang ngại ngùng bắt đầu xâm chiếm lòng tôi.

Đến tỉnh lý, quang cảnh đột ngột đổi thay. Cây cỏ ít dần, nhà cao cửa rộng khắp nơi, đường sá dọc ngang chằng chịt, xe cộ đông đảo rộn ràng. Điểm nổi bật nhất là tiếng động âm vang không ngừng hòa tan trong đám bụi mờ làm "quấy rối ý xanh cao" của bầu trời xanh nơi tỉnh lý. Tôi cảm thấy sợ sợ, từ một làng quê hẻo lánh yên tĩnh với những tháng ngày bình dị không thay đổi dưới bầu trời quang đãng, trong tiếng chim hót, tiếng gà gáy, bỗng chốc cảnh tượng trở nên hoàn toàn khác biệt. Cái gì đối với tôi cũng lạ mắt, lạ tai. Tôi đang lạc vào một thế giới mới lạ vậy.

Giờ phút đầu tiên đến gần khuôn viên nhà trường đã để lại trong lòng thơ ngây của tôi một hình ảnh đậm đà khó quên. Từ xa đi lại, dãy hàng rào keo tây xanh cắt xén thật ngay thẳng xen giữa những trụ xi măng có giăng dây kẽm gai nhọn, dẫn đến hai trụ vôi lớn có ráp hai cánh cổng gỗ rộng bằng hai cánh song chắc chắn. Trên đầu hai trụ đúc là một tấm bảng gỗ dài sơn chữ tên trường, trông thật cổ kính, uy nghi. Tôi nhìn đi nhìn lại hàng chữ lớn: "Collège de Quinhon", lòng nhóm lên một niềm kính trọng chen lẫn một chút hãnh diện: tôi sắp vào đó để thi yếu lược. Và nếu may mắn, sẽ được học ở đó, trường lớn và xem oai nghi quá, so với trường làng nhỏ bé và tầm thường của quê tôi. Nhắm đi nhắm lại hai tiếng Collège, lúc còn ở lớp ba, chúng tôi chưa từng nghe thầy nói đến bao giờ, nay cái danh từ mới này thật tình đã cho tôi một khám phá mới cho mở kiến thức nhỏ bé của tôi.

Vào cổng, tôi men theo con đường chính có hàng rào xanh thấp viền hai bên, dẫn đến một gian hành lang rộng (hồi đó gọi là Couloir), hành lang này cắt đôi một dãy dài

hơn 12 lớp học, có cửa vào cao rộng và cửa sổ rất sáng sủa. Đối diện với dãy lớp và nhìn qua một sân trường rộng là một dãy hai gian nhà lớn nằm hai bên 1 hành lang khác rộng như hành lang phía trước lớp. Hai dãy này dùng làm hai phòng ký túc xá (gọi là Dortoir) cho các học sinh nội trú của trường. Những dãy giường sắp đặt đều đặn, có mùng trắng tinh mắc trên giá gỗ thẳng đều, trông thật lạ mắt đối với tôi. Hai dãy lớp và nhà ký túc đều được nối hai đầu bằng một nhà chơi (Préau) và một phòng ăn (Réfectoire) ở mỗi đầu, tất cả vây lại thành một cơ trại nghiêm chỉnh và ấm cúng. Mái trường lợp ngói đỏ, nền trắng xi măng bóng. Sân trường rộng nằm giữa các dãy lớp và hai gian ký túc xá, là nơi tập thể dục với các dụng cụ thể thao như trụ đu (barre fixe), giá đu (barres parallèles), sạp nhảy (tremplin), lưới bóng chuyền (voley ball), trụ giá leo dây, đu bay (agrès), v.v...

Tôi rất tiếc là thời đó cách nay gần 70 năm, phương tiện chụp ảnh ít ỏi và khó khăn nên bây giờ tôi không có được một tấm hình nào của ngôi trường cũ. Chỉ hình dung mô tả lại qua trí nhớ mà thôi. Một vài bạn cùng làng với tôi, sau khi đậu xong bằng yếu lược kỳ tháng 5 thì đến tháng 9 lại phải thi tuyển vào lớp Nhì rồi mới được tiếp tục học nữa. Tôi còn nhớ rõ tên những vị thầy xưa: thầy Lê Đình Khởi, dáng người cao dong dỏng, dạy lớp Nhì Nhất Niên, phụ trách tất cả các môn học; lớp Nhì Nhị Niên do thầy Hà Huy Liêm, khổ người mập và trắng trong áo lương hay áo xuyên đen, nói giọng Hà Tĩnh rất hoạt bát; lớp nhì nhì niên này năm sau lại được một ban giáo sư lớp trên xuống dạy giờ từng môn một riêng biệt, như quý thầy Lê Trọng Thích, dạy Pháp Văn, Việt Văn, Sử Địa và Luân Lý. Thầy luôn luôn mặc áo xuyên hoặc áo đoạn dài đen, đầu bịt khăn đóng, mãi đến những năm về

sau 1940 mới thầy đổi qua âu phục bằng đồ tussor và tropical màu rất sang. Thầy giảng dạy rất rành mạch, chậm rãi, tỉnh thoả xen một vài tiếng hơi cà lăm, giọng Quảng Nam đã lạt nhiều và pha một ít giọng Bắc, có lẽ vì thầy được đào tạo học tập ở Hà Nội trong nhiều năm. Môn toán học do thầy Lê Âm, người thấp và mập, trán cao, đầu cật ngắn, thường mặc áo dài xa tanh đen hay áo dài trắng về mùa hạ, chân luôn luôn đi giày hạ. Quý vị này đều tốt nghiệp Cao Đẳng Sư Phạm của trường Cao Đẳng Hà Nội, được rèn luyện trong lò giáo dục Âu Tây mà vẫn giữ nếp trang phục rất là cổ Việt Nam. Âu là cũng phản ảnh ít nhiều một tư tưởng tồn cổ và thủ cựu vậy. Áo quần thì quốc phục, lúc giảng dạy thì dùng toàn Pháp ngữ, nhưng nếp sống chung thì vẫn pha trộn cũ mới hài hòa. Thầy Âm rất nghiêm minh, rất ít cười nói ba hoa, học sinh rất sợ thầy, tuy lúc nào thầy cũng tỏ ra một tấm lòng sẵn sóc rất đậm tình cha con (paternel) với môn sinh. Thầy là quý tế của Cụ Phan Châu Trinh là nhà cách mạng nổi tiếng. Mãi đến năm 1954 tôi mới được cơ may gặp lại Thầy ở Sài Gòn với thầy Trần Cảnh Hảo, trong bộ bà ba trắng giản dị với những lời nói rất dịu dàng dễ thương trái hẳn với cung cách nghiêm khắc của một giáo sư Toán ngày xưa. Tiếc là sau đó một thời gian ngắn thì nghe tin Thầy qua đời. Kế đến là thầy Thái Chí cũng người Quảng Nam, dạy môn Lý Hóa Vạn Vật. Thầy kiêm luôn những giờ sinh hoạt thanh niên, gọi là Cours de Loisirs dirigés, dạy thủ công, trồng hoa, ghép cây, làm điều. Ngay cả môn thợ mộc (menuiserie) thầy cũng giảng dạy luôn, có một bác thợ mộc già phụ tá. Rồi đến thầy Thuần, người Hà Nội, phụ trách môn Hội họa, người mập mạnh nhưng lại bị rủi ro ngã bệnh đang khi giảng dạy và sau đó vĩnh viễn ra đi. Đến cụ Ngô Xuân Thọ (thân sinh của thi sĩ

Xuân Diệu, lúc đó đang học đệ tứ niên), Cụ Thọ dạy Hán Văn cho cả mười lớp học của trường, từ lớp Đồng ấu đến lớp Đệ tứ niên cao đẳng tiểu học. Bây giờ nhớ lại thấy chúng tôi thật là sai quấy đối với giờ học chữ Hán với Cụ Thọ, vì tất cả đã dùng cái giờ ấy như một giờ xả hơi, làm những việc khác với việc học tập Hán văn. Cho nên về sau, ai nấy cũng rất dốt về chữ Hán.

Tôi cũng không quên được thầy Phạm Trường Xuân dạy văn chương Pháp Văn, người Nam kỳ, dáng người nhanh nhẹn và có tiếng là giỏi môn Võ Tàu. Thầy chơi quần vợt mỗi ngày và rất thân mật với học sinh. Thầy Nguyễn Vỹ cũng dạy môn văn chương, nay trên 100 tuổi và vẫn còn sáng suốt, đang sống ở Nhà Trang. Lễ thượng thọ của Thầy đã được tổ chức khoảng tháng 6 năm 2000, do các cựu môn sinh hiệp lại tổ chức ngày kỷ niệm sinh nhật 100 năm cho thầy. Cuốn video cho thấy quang cảnh buổi lễ rất cảm động, nhất là khi thấy có nhiều vị học sinh tác người xem già hơn thầy, lụm khụm lên khán đài dâng hoa cho thầy. Đặc biệt thầy là vị thầy duy nhất từ trường Qui Nhơn còn sức khỏe đến ngày này. Rồi đến thầy Nguyễn Văn Mùi, rất nổi tiếng vì dạy giỏi, nói tiếng Pháp rất hay, lại có một phương pháp trình bày bài dạy rất đặc biệt. Tiếc là Thầy chỉ ở với trường khoảng hai năm rồi lại thuyên chuyển về trường Vinh.

Từ lớp Nhất (Cours Supérieur) trở lên bốn lớp cụ thể, quý vị giáo sư thuộc ngạch Cao đẳng sư phạm Hà Nội chia nhau phụ trách các môn chuyên khoa. Thỉnh thoảng Ông Huỳnh Văn Di, nguyên giáo sư Khoa học, là Tổng giám thị (surveillant général) được chỉ định dạy thế những giờ vắng thầy. Ông là một hình tượng rất kính nể của học sinh, vì ông chấp chưởng rất nghiêm khắc luật của nhà trường, ngay đến cả ông Hiệu trưởng người Pháp (ông

Casimir Michel, giáo sư cử nhân toán) cũng rất xem trọng. Phần các giáo sư người Pháp có các ông Martin, ông Boularand, bà Martin, bà Boétron, bà Boularand, ông Daydé; rồi đến ông Rivière, ông Legal, ông Doris, ông Lebris, ông Grégory, v.v..., các vị kế tiếp nhau đến và đi trong suốt thời gian giảng dạy từ năm 1930 đến 1945.

Khoảng tháng 10 năm 1934, trong dịp lễ Toussaint, một trận bão lớn thổi qua bờ biển Qui Nhơn, quét nặng thành phố, nhà cửa đổ nát, cây cối và các trụ cột ngửa nghiêng, khiến cho lúc học sinh trở lại trường sau ngày lễ đã không vào lớp được, trường tạm đóng cửa. Cho đến khi tu bổ xong. Mái trường bị gió thổi tốc bay cả lớp ngói lợp, sườn gỗ xơ xác, trần bằng các lớp cong queo. Thiệt hại vật chất rất cao. Lúc bảy giờ chánh quyền phải huy động nhân công ráo riết đi về miền núi các phủ huyện phía Tây để cắt tranh sẵn về lợp lại trường ốc, có lẽ đô thành không có sẵn ngân sách để lợp ngói kịp thời. Thời gian tu bổ cấp tốc đã giúp sinh hoạt nhà trường hồi phục và những gian nhà lợp ngói đỏ xinh xắn ngày xưa bây giờ được lợp bằng tranh sẵn trông rất mộc mạc quê mùa.

Độ một năm sau, vào đầu mùa hạ, ngay đêm cuối của ngày bãi trường hết niên khóa, cũng là ngày trường tổ chức lễ phát phần thưởng long trọng cuối năm cho học sinh, trường Qui Nhơn lại một lần nữa trải qua một tai nạn khủng khiếp. Đang đêm tịch mịch, trường phát cháy lớn, bắt đầu từ lớp đệ tứ niên.

Chúng tôi ở trọ học không xa trường bao nhiêu nên nghe động vội hè nhau chạy đến nơi thì một cánh tượng hải hùng làm kinh sợ mọi người: ngọn lửa bốc cao, cháy lan rất nhanh, mái tranh sẵn rất nhạy lửa, tiếng nổ, tiếng hò làm vang động cả một khu phố. Học sinh quanh vùng cùng các giáo sư đều đông đủ, vòng trong vòng ngoài tìm

phương cứu chữa. Đội lính cứu hỏa ở đồn khố xanh được phái đến rất tích cực cứu nguy. Riêng trong đám giáo sư và học sinh, tôi rất xúc động và cảm phục khi nhận ra thầy Lê Ấm mình mặc bà ba trắng, thân thể trắng kiện, chân đi đất, đang giành lấy một cái thang dài leo lên chỗ mái nhà chưa cháy tìm cách giật tranh ra và cửa tiện những khúc rui mè để rả đôi các gian phòng không cho ngọn lửa lan bén đến. Ngày thường, chúng tôi chỉ thấy thầy áo dài tề chỉnh, ít nói ít cười giờ đây con người mô phạm mực thước ấy đã biến đổi hẳn thành một chiến sĩ can đảm, hành động rất hăng say trước mặt nhiều vị chức sắc chỉ khoanh tay đứng nhìn. Những hiện tượng tương phản ấy đã kích động thâm tâm chúng tôi, tuy nhỏ bé, cũng thấu hiểu được cái phẩm giá cao quý, cái đạo đức thâm hậu của vị giáo sư khả kính ấy. Ông Hiệu trưởng Casimer Michel cũng tích cực không kém, mình trần trùng trực, đầu tóc quăn rối, miệng hô hào chỉ huy, tay xách từng thùng nước lớn tạt vào những mảnh lửa ở chân tường đang sắp bén qua gian kế. Cái cảnh tượng kinh khiếp xảy ra cho ngôi trường thân yêu đã để lại trong cõi lòng non dại của chúng tôi những vết in sâu đậm mãi cho đến ngày khôn lớn. Về sau mỗi lần gặp một đám cháy, hình ảnh xa xưa ấy lại hiện lên. Điều đáng tiếc là sau vụ hỏa hoạn ấy, không thấy ai nói đến cuộc điều tra nguyên nhân, chỉ trong đám học sinh rả rả mách nhau cái tin mơ hồ là đám cháy xảy ra do sự bất mãn của một học sinh lớp lớn vì điểm trung bình thấp không được cho lên lớp trên. Mọi việc chìm lắng dần, vì từ ngày hôm sau là mọi người về quê, ngôi trường lặng lẽ nằm dài dưới cảnh cô quạnh thảng năm.

Rồi cũng "nhờ" tai nạn hỏa hoạn vừa qua, lần này nhà chức trách mới có biện pháp xây cất lại các lớp bị thiêu hủy và lợp ngói lại cho toàn trường.

\*  
\*   \*  
\*

Đám học sinh tiểu học chúng tôi sau khi thi đậu bằng Tiểu học Pháp Việt (Primaine) ở cuối lớp Nhất (cours supérieur), phải thi tuyển vào đệ nhất niên cụ thể (concours d'admission en Première année primaire Supérieure) rồi mới tiếp tục cho hết học trình bốn năm Cao đẳng tiểu học. Mỗi năm, học sinh phải đủ điểm trung bình 9/20 trong các kỳ thi Tấn ích đệ nhất và đệ nhị lục cá nguyệt mới được lên lớn trên. Ai ở dưới điểm trung bình phải qua kỳ thi lên lớp, cũng rất gian nan. Đến cuối năm đệ tứ niên C.Đ.T.H., trường tổ chức long trọng ngày thi Thành Chung. Đầu bài thi do nhà Học Chánh Trung Kỳ ở Huế gửi vào, Hội đồng khảo thí cũng do nha bổ nhiệm vào. Sau hai ngày tổ chức các môn thi viết gồm có Luận Pháp Văn, chính tả Pháp văn, luận Việt Văn, Sử, Địa, một bài dịch Hán văn, một đề vẽ và viết chữ ronde, bài Lý hóa và Vạn vật, xong rồi các bài thi được rọc phách, gom lại và gửi về Huế để chấm điểm. Hơn một tuần sau, kết quả kỳ thi viết gửi lại, trường công bố và những thí sinh đủ điểm mới được gửi ra kinh để vào vấn đáp tại trường Collège Quốc học. Trường này lúc bấy giờ chưa có lớp Tú Tài. Mọi người vào thi vấn đáp chung với thí sinh các trường khác như trường Vinh, trường Thanh Hóa và các trường ở Huế. Mãi đến năm 1938, nhà Học chánh Trung Kỳ mới có sự thay đổi nhỏ trong kỳ thi Viết ở các tỉnh là cho thi viết làm hai đợt. Đợt một (1erè série) chỉ ra đề thi luận và chính tả Pháp văn, rồi bài thi gom lại gửi về Huế chấm. Có kết quả đợt I gửi về rồi, các thí sinh đủ điểm (45 trên 90) mới khăn gói lên đường ra kinh thi các môn thuộc



đợt II (2ème Série), gồm các môn thi viết khác trừ hai môn luận và chính tả Pháp văn đã được tổ chức cho thi loại từ trước. Hai môn này gọi là môn thi loại (épreuves éliminatoires). Như thế là hội đồng trung ương chỉ còn chấm bài của số thí sinh đã qua được đợt I. Thường thường, đợt I là một cửa ải rất khó cho mọi thí sinh; qua được đợt I, mới vào thi đợt II, ải thi này gian nan không kém phần lo sợ cho thí sinh. Cái khổ là nhiều thí sinh có học lực khá nhưng hai môn Pháp văn không đủ giỏi để được điểm trung bình (45/90), mặc dù về các môn khác như toán và lý hóa họ có nhiều tự tin hơn.

Ở Huế, sau khi có kết quả thi viết đợt II, thí sinh mới vào thi các môn vấn đáp. Lần này, trừ môn luận và chính tả, có thêm môn bình giảng một bài tập đọc Pháp văn và môn thể thao, do một viên đội người Pháp phụ trách!

Đến năm 1943, lại có thay đổi mới: nha Học Chánh Huế bổ nhiệm một Hội đồng khảo thí đặc biệt cho trường Qui Nhơn. Thí sinh đậu xong đợt I rồi mới thi đợt II ngay tại trường; đậu xong đợt II mới được vào vấn đáp, và kết quả chung kết cũng do hội đồng Qui Nhơn quyết định. Như thế các thí sinh ở vùng Bình Định Qui Nhơn khỏi phải ra tận Huế để thi đợt II và vấn đáp như trước.

Cũng nhân chuyện thi cử, tôi nhớ lại một việc xảy ra khá lý thú. Số là kỳ thi DEPSI năm 1944, trong đợt II có thi môn Hán văn (Caractère chinois). Như chúng ta đã trải qua và đã biết, giờ dạy Hán văn ở nhà trường thường do một cụ Nho học xưa như cụ Cử hay Cụ Tú đảm nhiệm. Các cụ bao giờ cũng dễ dãi, không áp dụng kỷ luật nghiêm khắc như giáo sư các môn khác, nên học sinh coi thường giờ học đó, thường vắng mặt hoặc có hiện diện cũng lơ đãng, qua loa và lo học những môn khác. Ông thầy chỉ dạy cho đủ bài vở, không kiểm soát và rất ít khi

cho điểm phạt. Vì thói quen như thế nên tất cả các bạn trong lớp không ai chú tâm coi trọng môn Hán văn, may ra có một vài người chăm chỉ hơn. Đến kỳ thi, đề thi vẫn đặt ra tương đương với trình độ lớp Tứ niên. Hôm ấy, trong phòng thi một giáo sư người Pháp là ông Casimer Michel (cũng là đương kim hiệu trưởng) đưa đề cho một giáo sư Việt là thầy Trần Cảnh Hảo, một giáo sư rất thông thạo Hán văn. Thầy chép bài Hán tự lên bản cho thí sinh chép lại và dịch ra Pháp văn. Bài chép dài dằng dặc, khoảng 75 chữ, vừa khó, vừa dễ. Không một ai hiểu và đọc thông suốt được. Không khí nặng nề, lo sợ bao trùm, cả đám bần khoản lúng túng, chưa biết phải làm sao. Nếu không làm được bài, chắc chắn là sẽ bị điểm xấu, hoặc bị điểm 0, thì thật là tai hại cho kết quả kỳ thi. Đang trong cơn hoạn nạn nguy nan, mọi người rất là thất vọng, thì giáo sư Trần Cảnh Hảo lên tiếng, giọng rất bình thản tự nhiên với GS Michel là ông sẽ đọc lại một lần bài vừa viết để thí sinh dò lại khỏi sai lầm! (Je vais relire une fois le texte pour qu'ils ne fassent pas d'erreur, Monsieur Michel!) Mọi người liền chột hiểu, mấy chục con tim đang đau khổ vì lo sợ bỗng rộn lên một nỗi mừng kín đáo, không ai bảo ai. Vì lẽ bài Hán tự mà khó khăn là làm thế nào để nhớ mặt chữ mà đọc lên cho thành câu thành bài, còn việc dịch ra Pháp văn không phải là điểm khó khi đã hiểu được chữ Hán. May thay, lời giáo sư T.C.H vừa dứt và không gặp sự phản đối của G.S. Michel, mọi thí sinh khắp khởi mừng run và vội vã ghi chép những chữ Hán tự vừa được từ từ đọc lên. Thế là thoát nạn! Ai nấy cũng ngầm hiểu là G.S T.CH vừa cứu bồ một đám thí sinh lười, đã xem thường môn học Hán Văn. Tôi còn nhớ đầu đề bài thi có bốn chữ "Nam Sơn chi trúc" (Cây trúc ở núi Nam Sơn). Rồi mọi người cố hiểu theo ý mình để dịch hơn 70

chữ trong bài, và cũng rất an tâm là thế nào cũng được điểm trung bình!

Từ sau năm 1944, tôi từ giã Qui Nhơn, từ giã ngôi trường xưa thân yêu đã đổi tên thành Collège Võ Tánh. Những tháng năm sau đó, tuy theo học ở Huế và ở Hà Nội, lòng tôi vẫn cứ mang nỗi niềm nhung nhớ trường xưa trong cái hình ảnh khả kính khả ái, của một ngôi trường cũ cất theo dạng chữ Điền, nơi đó đã thành toàn bao nhiêu thế hệ trẻ phục vụ cho đất nước.

Và từ năm ấy về sau này, đời sống thay đổi và xoay vần theo thời cuộc đã không cho tôi cái vui và may mắn được tiếp xúc với các thế hệ trẻ sau này. Với tôi, đó là một mất mát thiệt thòi lớn lao khi mình vẫn thềm thồng cái niềm tự hào hãnh diện vì những thành công đa diện của các bạn trẻ đàn em.

Tôi tha thiết mong rằng những điều ghi chép trên đây về mái trường xưa Qui Nhơn góp được phần nối tiếp một nhịp cầu giữa xưa và nay trong ký ức chung của các thế hệ chúng ta.

**ĐẶNG HIẾU KÍNH**



# BÌNH ĐỊNH TẤT NIÊN

Kính tặng Hội Ái Hữu Bình Định Bắc Cali

Tình cờ dự tiệc tất niên,  
Đồng hương Bình Định kết liên vui mừng  
Hàng năm mở hội tung bừng,  
Cùng nhau gặp gỡ chúc xuân mọi nhà.  
Quê hương dù cách quan hà,  
Lâng lâng câu hát, đậm đà ca dao.  
Huê tình thoáng gió thấp cao,  
Hòa cùng nhạc điệu dập dào yêu đương.  
Công lao Bình Định Võ đường,  
Tạo bao nữ kiệt, bao trượng anh hào.  
Quang Trung áo vải cờ đào,  
Cứu dân giữ nước trải bao công trình.  
Quân Xiêm tán đởm hồn kinh,  
Giặc Thanh quét sạch phủ tình dân ta  
Nước non Bình Định bao la,  
Trải bao hưng phế cửa nhà nát tan.  
Người dân Bình Định hiên ngang,  
Cùng nhau góp sức sẵn sàng dựng xây.  
Hợp đoàn ái hữu hôm nay,  
Cộng Nô giải thể chờ ngày hồi hương.  
Chung xây dựng nước hùng cường  
Con dân Bình Định danh dương khắp miền  
Tiện đây gửi chút lòng riêng  
Chúc cho Bình Định miên miên trường tồn.

SA GIANG

# MUA NƯỚC - BÁN NƯỚC

ĐẶNG ĐỨC BÍCH

## I - MUA NƯỚC:

### *1 - Mua ruộng vườn nhà cửa:*

Từ đời xưa, Ông Bà chúng ta đã tạo dựng ruộng vườn nhà cửa, sau khi qua đời, để lại cho con cháu. Do sự cần cù làm việc, dành dụm đồng tiền từng tháng, từng năm, mua từng khoảnh vườn, thửa ruộng. Phần lớn là do Ông Bà trồng dâu, nuôi tằm, dệt vải, nuôi gà vịt hoặc buôn bán tảo tần dành dụm.

Nhìn sang miếng đất vườn bên, chủ đất ở xa, đất còn bỏ trống chưa cất nhà; một bên khác là sương mạ đất thổ thiếu nước canh tác. Ông Bà dò hỏi mua thêm để mở rộng diện tích gia cư và để làm cửa cho con cháu sau này. Chúng ta phải cảm phục sâu xa điều đó, có nhiệm vụ bảo tồn và phát triển tốt đẹp hơn. Không nên bán phần đất mà Ông Bà dày công tạo dựng để lại. Không thể nói vì làm ăn thua lỗ mà bán đất, vì cờ bạc thiếu nợ mà bán vườn hoặc vì chạy chọt quan chức trên để được địa vị cao hơn và vững chắc hơn mà đem bán tài sản đất đai của Ông Cha ta. Chúng ta phải để dành tiền xây nhà mới, lập giàn hoa trồng cây ăn trái. Chúng ta phải lập hàng rào kiên cố chung quanh, bảo vệ khoảnh vườn mà Ông Bà chúng ta đã tốn bao mồ hôi, nước mắt tạo dựng được.

### *2 - Mua đất đai, mở rộng lãnh thổ quốc gia:*

Từ thế kỷ thứ 2, Chiêm Thành quen cậy hùng mạnh thường đem quân quấy nhiễu nước ta. Thời Tiền Lê, sau

khi Lê Hoàn lên ngôi, đề cử sứ giả là Từ Mục và Ngô Tử Canh sang giao hiếu bị vua Chiêm Thành bắt giữ. Vua Tiền Lê tức giận cử binh mã sang đánh quân Chiêm và chiến thắng vẻ vang.

Đến đời nhà Lý, quân Chiêm tiếp tục gây rối ven biển Đại Việt. Vua Lý Thánh Tông sai Lý Thường Kiệt nam chinh. Lý Thường Kiệt vượt sông Tu Mao, dàn quân tấn công vây bắt được vua Chiêm Thành là Chế Củ. Chế Củ xin dâng 3 châu: Địa Lý, Ma Linh và Bố Chính để chuộc tội và được tha về. Ông Bà chúng ta đã mua thêm một phần đất mới.

Đến đời Trần, Trần Nhân Tông năm 1306 đã gả Huyền Trân Công Chúa cho vua Chiêm Thành là Chế Mân, đổi lấy hai châu là Châu Ô và Châu Lý. Nhà Trần há không phải đem con gái ngà ngọc mà đổi lấy đất đai, mua thêm phần đất, mở mang bờ cõi về phương Nam, tạo thêm một phần lãnh thổ cho đất nước Việt Nam sao?

Qua nhiều đổi thay của thời đại, ngày nay chúng ta có một giang sơn cẩm tú chạy từ ải Nam Quan đến mũi Cà Mau là do công trình dựng nước và giữ nước của Cha Ông chúng ta dày công tạo dựng, tốn bao máu xương và nước mắt để tô điểm đất nước thêm phần rực rỡ.

Đất nước Hoa Kỳ cũng vậy. Nằm ở trung tâm Bắc Mỹ, Hoa Kỳ là một vùng đất liên tục trải dài giữa Đại Tây Dương và Thái Bình Dương với một hình chữ nhật rộng mênh mông. Nhìn trên bản đồ ta thấy ba mặt hơi lõm ra, đó là bờ biển Đại Tây Dương, bờ biển Thái Bình Dương, phía nam giáp Mễ Tây Cơ và vịnh Mễ Tây Cơ.

Sở dĩ đất nước Hoa Kỳ có một hình thể vuông vức như hiện tại là nhờ công lao gây dựng của tiền nhân, tốn bao bạc tiền, xương máu và công sức.

- Ngày 20/12/1803, Tổng Thống Jefferson cử đặc sứ James Monroe đi Paris thương lượng với chính quyền Pháp mua lại vùng Louisiana với giá 15 triệu Mỹ kim.

- Năm 1819, Tổng Thống Andrew Jackson ký hiệp ước với Tây Ban nha mua lại vùng Florida với giá tiền 5 triệu Mỹ kim, mở rộng phần đất phía Đông giáp với Thái Bình Dương.

- Chiến tranh giữa Hoa Kỳ và Mễ Tây Cơ xảy ra ngày 13/5/1846 và chấm dứt vào tháng 2/1848. Trận đánh diễn ra trên nhiều chiến tuyến, từ California, Rio Grande đến phía nam Texas. Để chiếm phần thắng, Hoa Kỳ huy động 12,000 binh sĩ do Tướng Winfield Scott chỉ huy, tiến thẳng vào trung tâm Mễ Tây Cơ với mục tiêu là Mexico. Ngày 17/9/1847 mới kết thúc chiến tranh. Tháng 2/1848 Hoa Kỳ ký hiệp định Guadalupe Hidalgo, Mễ Tây Cơ nhường Tiểu bang Texas, California, Nevada, Utah, New Mexico, Arizona, Colorado, Wyoming. Để bù đắp lại, Hoa Kỳ trả cho Mễ Tây Cơ 15 triệu Mỹ kim và đồng thời xóa bỏ 3 triệu Mỹ kim mà chính phủ Mễ Tây Cơ nợ của Hoa Kỳ.

## **II - BÁN NƯỚC:**

### ***1 - Biên giới Việt Nam xưa và nay:***

#### ***a - Biên giới phía Bắc***

Vào năm 111 trước Tây lịch, thời Hán Vũ Đế bên Tàu, biên giới thực sự giữa Giao Chỉ và Trung Hoa trên lý thuyết chỉ là biên giới hành chánh.

Đến năm 1076, quân Tống kéo vào nước ta định vượt qua sông ở bến đò Như Nguyệt. Hai bên đánh nhau kịch liệt. Để cổ võ binh sĩ, Lý Thường Kiệt cho người ban đêm vào đền thờ Trương Hát, giả làm Thần nhân cất tiếng mắng giặc, báo trước chúng sẽ thất bại, với bài thơ:

*Nam quốc sơn hà Nam Đế cư  
Tiệt nhiên định phận tại thiên thư  
Như hà nghịch lỗ lai xâm phạm  
Nhử đẳng hành khan thủ bại hư*

Bản dịch của Nguyễn Đồng Chi:

*Nước Nam Việt có vua Nam Việt  
Trên sách trời chia biệt rành rành  
Cớ sao giặc dám dòm hành  
Rồi đây bay sẽ tan tành cho coi.*

Sau đó quân ta chiến thắng vẻ vang quân Tống.

Những thế kỷ kế tiếp vào đời Trần, đời Lê, đời Tây Sơn, Đế quốc Mông Cổ, quân nhà Minh, quân nhà Thanh liên tiếp bị đánh bại. Biên giới Việt Nam vẫn được quyết liệt bảo vệ, duy trì, không hề bị thay đổi chút nào.

Trong những năm Pháp chiếm Việt Nam, Pháp đã ký nhiều hiệp ước với Trung Quốc từ năm 1885 đến năm 1895. Hiệp ước ở Tien Tsin và hiệp ước ở Bắc Kinh đã ấn định rõ vị trí Địa Lý các Mốc đánh dấu chủ quyền, dựa vào các cứ điểm thiên nhiên hay nhân tạo cố định. Có tất cả 300 Mốc đánh dấu ranh giới giữa hai quốc gia Việt Nam và Trung Quốc được đặt tại các địa điểm ấy.

*b - Hoàng Sa và Trường Sa:*

Về phương diện lịch sử, toàn vùng Đông hải đều thuộc về Việt Nam. Ngay từ đời Lê Thánh Tông (1460-1497) đã nói đến chủ quyền Việt Nam trên quần đảo Hoàng Sa, được gọi là đảo Cát Vàng. Đến đời Chúa Nguyễn đã thiết lập những liên lạc thường xuyên có tính cách hành chánh, quân sự và quan thuế, chưa kể việc xây dựng quân trại, miếu vũ, mộ bia, đã trở thành những di tích lịch sử.

- Năm 1634, dưới thời Chúa Nguyễn Phúc Chu, sử sách đã nói tới đội Hoàng Sa có nhiệm vụ tuần tiễu hải



phận Xứ Đàng trong, kiểm soát các thương thuyền, thu lượm được nhiều hàng hóa, kim khí, vật dụng tại quần đảo Hoàng Sa, đem về nộp Phủ Chúa tại Phú Xuân.

- Về sau, tài liệu của Lê Quý Đôn (1726-1784) và cuốn Hoàng Việt Địa dư chí của Phan Huy Chú năm 1834 cũng nói nhiều về chủ quyền đảo Hoàng Sa Cát Vàng.

- Năm 1920, trong những năm Pháp chiếm Việt nam, Quan thuế Pháp gửi quan thuyền đến tuần tiễu thường xuyên quần đảo Hoàng Sa.

- Năm 1926 đến 1933, chính quyền Pháp đã cử chiến hạm và phái đoàn thám sát hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa.

- Năm 1932, Toàn quyền Đông Dương ra nghị định số 156/SC, đặt quần đảo Hoàng Sa thành đơn vị hành chánh sát nhập vào tỉnh Thừa Thiên.

Năm 1933, Nghị định số 4762 ngày 21/12/1933, Thống Đốc Nam Kỳ sát nhập quần đảo Trường Sa vào tỉnh Bà Rịa.

- Năm 1951, sau đệ nhị thế chiến, Nhật Bản phải rút lui khỏi các nơi mà họ dùng vũ lực để chiếm đóng, trong đó có Hoàng Sa và Trường Sa. Hoa Kỳ triệu tập Hội nghị 51 Quốc gia tại San Francisco, Thủ Tướng Chính phủ Việt Nam là cụ Trần Văn Hữu, Trưởng phái đoàn Việt Nam, đã long trọng tuyên bố trước phái đoàn Ngoại giao của 51 nước như sau:

"Et comme il faut franchement profiter de toutes occasions pour étouffer les germes de discorde, nous affirmons nos droits sur les îles Spratley et Paracels qui, de tout temps, ont fait partie du Viet-Nam." Tạm dịch là: "Và vì phải lợi dụng tất cả mọi trường hợp để chặn đứng những mầm xung đột, chúng tôi xác nhận chủ quyền của

chúng tôi trên các quần đảo Trường Sa và Hoàng Sa, đã luôn luôn từ xưa thuộc lãnh thổ Việt Nam".

Lời tuyên bố đó đã được Hội nghị San Francisco long trọng ghi vào biên bản và trong tất cả 51 nước tham dự phó hội, không có một phái đoàn nào phản đối gì cả.

- Năm 1956, Hải quân VNCH thường xuyên thám sát quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa. Một Trung đội Địa phương quân tỉnh Quảng Nam gồm 40 người do 1 sĩ quan cấp úy chỉ huy trú đóng tại Hoàng Sa.

- Sắc lệnh số 143/NV ngày 13/7/1961 của Tổng Thống VNCH đặt quần đảo Hoàng Sa thuộc tỉnh Quảng Nam thay vì tỉnh Thừa Thiên và thành lập quần đảo này thành xã Định Hải thuộc quận Hòa Vang.

- Sắc lệnh số 709/BNV/HC ngày 21/10/1969 của Thủ Tướng chính phủ VNCH, xã Định Hải được sát nhập làm một với xã Hòa Long, cùng thuộc quận Hòa Vang tỉnh Quảng Nam.

Những sự kiện trên đây chứng tỏ rằng Hoàng Sa và Trường Sa thuộc về lãnh thổ Việt Nam. Chúng ta đang khai thác hải sản, xa cừ, đồi mồi, cát trắng và sẽ khai thác phốt phát, chất đốt và dầu khí trong tương lai.

## **2 - Vụ nhượng lãnh thổ, lãnh hải trước kia:**

Năm 1954, khi cộng sản Trung Quốc đưa công nhân sang xây giúp cộng sản Việt Nam đường hỏa xa Hà Nội - Hải Nam Quan, đã di chuyển Mốc đánh dấu chủ quyền vào nội địa Việt Nam 300 mét, như cộng sản Việt Nam đã nêu ra. Vấn đề này đến nay vẫn chưa giải quyết.

- Năm 1958 Phạm Văn Đồng với tư cách Thủ tướng chính phủ dưới quyền lãnh đạo của ông Hồ Chí Minh, ngày 14/9/1958 gửi văn thư công nhận chủ quyền của Trung Quốc trên quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa. Đây là một sự chuyển nhượng mờ ám tài sản của quốc dân

Việt Nam do Đảng cộng sản Việt Nam nhượng cho Đảng cộng sản Trung Quốc. Mọi quyết định về lãnh thổ của Quốc gia Việt Nam phải do Quốc dân quyết định, Đảng cộng sản Việt Nam không có quyền làm việc này. Không có một chính quyền nào mê muội lại công nhận chủ quyền của một nước khác trên quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa bằng văn bản.

- Năm 1979, Trung Quốc dàn 350,000 quân dọc biên giới Việt Hoa và đưa 220,000 quân tiến đánh 6 tỉnh giáp giới Trung Quốc. Đảng Tiểu Bình tuyên bố là dạy cộng sản Việt Nam một bài học vì Việt Nam đem quân sang đánh Campuchia, một đảng cộng sản mà Trung Quốc đỡ đầu. Trung Quốc tiến sâu vào Việt Nam 40 cây số, chiếm đóng 23 thị trấn thuộc các tỉnh biên giới Quảng Ninh, Lạng Sơn, Cao Bằng, Hà Giang, Lào Cai và Lai Châu.

Sau chiến trận đó, đôn quan thuế của cộng sản Việt Nam dời sâu 480 mét về phía nam Ải Nam Quan.

- Tháng 5/1992, Trung Quốc ngang nhiên di chuyển cột đánh dấu Mốc biên giới vào sâu trong nội địa Việt Nam 400 mét, làm xảy ra một cuộc chạm súng tại quốc lộ số 1 ở Lạng Sơn. Đến tháng 7/1992, Trung Quốc chiếm 36 nơi, tổng số đất đai lọt vào tay Trung Quốc là 789 cây số vuông thuộc hai tỉnh Cao Bằng và Lạng Sơn. Sau đó lính biên phòng Trung Quốc trục xuất nông dân Việt Nam ra khỏi vùng tranh chấp và đốt nhà họ như tại Cao Bằng, Lạng Sơn. Có nơi Trung Quốc đưa nông dân của họ sang lập nghiệp.

Riêng về lãnh hải, Trung Quốc đánh chiếm quần đảo Hoàng Sa làm 2 đợt:

- Lần thứ nhất vào năm 1956. Lúc này cộng sản Việt Nam làm chủ Bắc Việt theo hiệp định Genève năm 1954. Ông Hồ Chí Minh giữ yên lặng, không có một phản ứng

gì, sau lại chuyển nhượng toàn vùng Đông Hải cho Trung Quốc bằng văn bản Phạm Văn Đồng ký ngày 14/9/1958.

- Lần thứ hai vào tháng 1/1974. Thừa lúc Mỹ rút quân khỏi Việt Nam, Trung Quốc đem quân đánh chiếm quần đảo Hoàng Sa. Hải quân VNCH chống trả kịch liệt, anh dũng giao tranh đòi lại đất. Cộng sản Việt Nam giữ thái độ lặng thinh, dù Nga Sô tố cáo hành vi bá quyền của Trung Quốc. Mười một chiến hạm VNCH được phái đến đảo Duy Mông thuộc nhóm Nguyệt Thiềm để đánh đuổi quân xâm lăng đòi lại các đảo đã bị chiếm.

### **3 - Vụ nhượng lãnh thổ, lãnh hải mới đây:**

#### **a - Cắt lãnh thổ:**

- Hiệp định cắt lãnh thổ Việt Nam nhường cho Trung Quốc ngày 30/12/1999.

Hiệp định này ký vào thời kỳ:

- Ông Lê Khả Phiêu làm Tổng Bí Thư Đảng Cộng Sản Việt Nam.
- Ông Trần Đức Lương làm Chủ Tịch Nhà Nước.
- Ông Nông Đức Mạnh làm Chủ Tịch Quốc Hội.
- Ông Phan Quang Khải làm Thủ Tướng.
- Ông Nguyễn Mạnh Cầm làm Bộ Trưởng Ngoại Giao.

Theo Hiệp định này thì Việt Nam nhường cho Trung Quốc 789 cây vuông dọc theo biên giới hai tỉnh Cao Bằng và Lạng Sơn.

- Hang Pak Bó, thánh địa của Cộng sản Việt Nam, nơi mà ông Hồ Chí Minh ẩn thân lãnh đạo cuộc kháng chiến. Trước kia hang Pak Bó cách biên giới Việt Trung khoảng 50 km, bây giờ nằm sát biên giới.

- Bản Giốc một thắng cảnh Việt Nam có Suối reo, thác đổ. Ai có dịp thăm Bản Giốc mới thấy cái đẹp thiên nhiên, cái đẹp của Quê hương xứ sở. Giờ đây muốn thăm Bản Giốc chúng ta phải làm Visa hộ chiếu, phải vượt biên

giới đến thăm. Mà hỡi ôi! đến nơi đâu còn tên Bản Giốc nữa, cảnh cũ mà người không xưa, Bản Giốc đã đổi thành tên Trung Hoa ...

- Ải Nam Quan, địa đầu của nước Việt Nam từ phía Bắc. Qua mấy ngàn năm, đây là cửa ngõ giao thương giữa Việt Nam và Trung Quốc, trên quốc lộ số 1 được đánh cây số Zero từ đầu cầu Nam Quan. Chúng ta học Sử Việt, nước Việt Nam hình chữ S chạy dài từ Ải Nam Quan đến mũi Cà Mau. Bây giờ Ải Nam Quan đã nằm sâu trong lãnh thổ Trung Quốc, còn đâu tiếng thân thương Ải Nam Quan nữa ...

- Mất đất, dĩ nhiên là mất cả dân. Mấy ngàn năm qua dân chúng, chiến sĩ tại vùng này là lực lượng đầu tiên chống quân Trung Quốc. Họ là những người hy sinh tài sản, tính mạng trước tiên chống lại kẻ thù, họ đã được các Triều đại tuyên dương công trạng. Bao nhiêu di tích lịch sử, huyền sử phải xóa bỏ, giờ đây họ trở thành những người Trung Hoa bất đắc dĩ, phải cúi mặt chịu sự cai trị của kẻ thù.

#### *b - Cắt lãnh hải:*

Vịnh Bắc Việt có diện tích 126,250 cây số vuông. Chiều ngang nơi rộng nhất khoảng 310 cây số và nơi hẹp nhất khoảng 20 cây số.

- Năm 1887, nước Pháp với tư cách bảo hộ Việt Nam, đã ký hiệp ước với nhà Thanh định rõ lãnh hải trong vùng Vịnh Bắc Việt. Theo hiệp ước, lãnh hải Vịnh Bắc Việt được phân chia như sau:

- Việt Nam: 62%
- Trung quốc: 38%

Mới thoát nhìn, người ta thấy rằng Việt Nam chiếm một diện tích lớn hơn. Nhưng không đâu, phân tích chi tiết thì chúng ta mới thấy không phải vậy. Danh từ lãnh hải

vùng vịnh Bắc Việt đã nói lên vùng biển này thuộc về Bắc Việt, thuộc về Việt Nam. Nhà Thanh khi đạt được 38%, họ coi như một món quà trên trời rơi xuống, chứ để gì họ chịu nhận phần nhỏ hơn nước ta.

- Ngày 25/12/2000, Cộng sản Việt Nam ký hiệp ước Việt - Hoa phân chia vùng vịnh Bắc Việt ra như sau:

- Việt Nam: 53%
- Trung Quốc: 47%

Như vậy là cộng sản Việt Nam đã cắt 9% lãnh hải vùng Vịnh Bắc Việt giao cho Trung Quốc. Thiệt hại cho Việt Nam không biết là bao; những nguồn lợi sơ khởi đã bị mất:

+ Vùng có nhiều hải sản như cá thu, cá hồng, cá song, mực là những hải sản quý.

+ Vùng biển có mỏ hơi đốt và dầu lửa rất cần thiết cho kỹ nghệ hiện đại.

+ Vùng có một số đảo phải nhượng cho Trung Quốc.

Về vấn đề này, an ninh quốc gia bị đe dọa. Trong những cuộc hội đàm Việt - Hoa, Trung Cộng đòi cho được mấy đảo nhỏ trong vùng. Nếu xảy ra chiến tranh, các phi trường Quảng Đông, Quảng Tây, Vân Nam, Hải Nam, quá xa, phi cơ chỉ có thể tới oanh tạc, nhưng khi trở về thì thiếu nhiên liệu. Nếu Trung Quốc lập căn cứ Không Quân, Hải Quân, trạm tiếp vận tại đây thì toàn bộ lãnh thổ Việt Nam bị đe dọa nặng nề. Các ông Lê Khả Phiêu, Phạm Thanh Nhân, Phạm Văn Trà, Lê Đức Anh đều là Tướng lãnh, cầm quân trên mấy chục năm, các ông phải biết rõ điều này hơn ai hết?

#### **4 - Ai ký hiệp định bán nước:**

Đảng Cộng sản Việt Nam độc quyền lãnh đạo đất nước. Đảng cộng sản Việt Nam theo sự chỉ đạo của ngoại

bang, hết Liên Xô đến Trung Quốc, rồi lại quay sang Trung Quốc.

- Tháng 9/1989, Tổng Bí Thư Cộng Sản Nguyễn Văn Linh, Cố vấn Trung ương Đảng Phạm Văn Đồng, Thủ tướng chính phủ Đỗ Mười bí mật đi Trung Quốc. Những điều kiện tiên quyết mà Trung Quốc đòi hỏi ở Cộng sản Việt Nam không được tiết lộ. Nhưng dần dần mọi người cũng biết, đó là:

- Cộng sản Việt Nam phải ký vào hiệp định hòa bình ở Campuchia.
- Cộng sản Việt Nam phải loại bỏ phe thân Nga trong ban lãnh đạo Đảng.
- Cộng sản Việt Nam phải thực hiện đòi hỏi này vào Đại hội 7 tháng 6/1991.

Sau khi các điều kiện trên được thỏa mãn, Trung Quốc cho cộng sản Việt Nam được bang giao. Như vậy Trung Quốc là chủ mới của cộng sản Việt Nam thay thế Liên Xô. Từ chủ trương mở cửa về kinh tế, khép chặt về chính trị, cải cách và quản trị kinh tế tiến tới kinh tế thị trường, quân đội làm kinh tế, liên doanh với Tư bản ngoại quốc, cộng sản Việt Nam mọi thứ theo in hệt Trung Quốc.

- Cộng sản Việt Nam ký hiệp định cắt đất nhường cho Trung Quốc ngày 30/12/1999.

Vậy ai là người quyết định cắt đất, cắt lãnh hải Việt Nam? Mọi người đều biết là tập đoàn lãnh đạo Hà Nội - Bộ chính trị Đảng cộng sản Việt Nam.

Các ông Nông Đức Mạnh, Lê Khả Phiêu, Trần Đức Lương, Phan Văn Khải, Nguyễn Mạnh Cẩm quyết định? Các ông này không có quyền.

Người quyết định cắt đất, cắt lãnh hải Việt Nam nhường cho Trung Quốc là các ông:

- Đỗ Mười, cựu Tổng Bí Thư Đảng.

- Lê Đức Anh, cựu Chủ tịch Nhà Nước.
- Võ Văn Kiệt, cựu Thủ Tướng chính phủ.

Đây là bộ ba Tam Đầu Chế có uy quyền tuyệt đối.

### III - KẾT LUẬN:

Đất nước Hoa Kỳ chạy dài từ Đại Tây Dương sang Thái Bình Dương như một thảm lụa. Công lao ấy là nhờ tiền nhân của họ tạo dựng. Hoa Kỳ mua Louisiana từ chính quyền Pháp, mua vùng Florida từ chính quyền Tây Ban Nha, Alaska từ Liên Xô, vùng đất rộng mênh mông ở phía Nam và phía Tây từ Mễ Tây Cơ. Con cháu họ có nhiệm vụ bảo vệ biên cương và sự toàn vẹn lãnh thổ.

Đối với Việt Nam, trải qua mấy ngàn năm dựng nước và giữ nước, Tổ Tiên chúng ta đã tốn biết bao máu xương và nước mắt để tô điểm dãy Giang Sơn cẩm tú Việt Nam thêm phần rực rỡ. Giờ đây cộng sản Việt Nam cắt đất, cắt biển dâng cho Trung Quốc với mưu đồ tìm sự hỗ trợ của Bắc Triều để được tồn tại. Cộng sản Việt Nam phải chịu trách nhiệm trước Quốc dân Việt Nam.

Hiện nay Việt Nam tràn ngập sản phẩm Trung Quốc. Từ đồ đạc linh tinh trong nhà như nồi niêu, xoong chảo, đồ điện, lư hương, đồ thờ, phim ảnh, văn hóa phẩm, đến xe đạp, dụng cụ nhà nông như bình xịt thuốc trừ sâu rầy, máy cày, máy bơm nước v.v... mọi thứ được đưa từ Trung Quốc sang. Ngay cả xe gắn máy cũng là xe Trung Quốc nhái theo dạng xe Honda Nhật chạy nhan nhản từ Bắc đến Nam. Thử hỏi kinh tế Việt nam sẽ đi về đâu? Nên công nghiệp Việt Nam sẽ tiến bộ đến mức nào?

Sau 27 năm cưỡng chiếm Miền Nam chuyên chế Đảng trị, hơn nửa thế kỷ cai trị sắt máu Miền Bắc, cộng sản Việt Nam đã đem được gì cơm no áo ấm cho dân chúng, hay là dân quê vẫn áo rách thiếu ăn? Mang tiếng



là nước sản xuất Nông nghiệp, thế mà người dân Việt Nam ở nông thôn không đủ gạo để ăn, không có áo lạnh để mặc, làm sao nói đến mở mang kinh tế, phát triển kỹ nghệ? Nhật Bản và Đức Quốc là hai nước bại trận sau thế chiến thứ 2, bị Đồng Minh áp đặt nhiều điều kiện khắc khe, kể cả chia đôi lãnh thổ. Thế mà giờ đây nền kinh tế Nhật đứng hàng thứ 2, kinh tế Đức đứng hàng thứ 3 trên thế giới. Thử hỏi kinh tế và kỹ nghệ Việt Nam chừng nào theo kịp các nước Á Châu chung quanh như Thái Lan, Đài Loan, Nam Hàn, Singapore, chứ đừng nói so sánh đến các nước tiên tiến đại kỹ nghệ Âu Mỹ.

Đất nước Việt Nam là của Dân tộc Việt Nam. Đất nước Việt Nam là của chung, không của riêng ai. Không ai có quyền chuyển nhượng hoặc cắt xén một phần đất đai để bán, đổi dưới bất kỳ một hình thức nào, để mưu đồ lợi lộc riêng tư, duy trì địa vị, củng cố quyền lực của cá nhân và phe nhóm, đảng phái chính trị nào.

Việc làm đúng sẽ được lưu danh ghi vào sử sách như Ngô Quyền, Lý Thường Kiệt, Trần Hưng Đạo, Quang Trung Nguyễn Huệ, được ca tụng, con cháu Việt Nam ngàn đời học hỏi, noi gương sáng. Hành động sai sẽ bị phỉ nhổ như Trần Ích Tắc, Lê Chiêu Thống là những kẻ bán nước, lưu xú mãi ngàn năm:

*Trăm năm bia đá thì mòn*

*Ngàn năm bia miệng vẫn còn trơ trơ*

Cộng sản Việt Nam cắt đất, cắt biển dâng cho Trung Quốc, họ nghĩ rằng sẽ che đậy được Quốc dân sao? Họ không dám công bố nội dung Hiệp định mà chỉ tiết lộ và diễn dịch từng phần để trấn an dư luận. Lê Công Phụng, Thứ trưởng Ngoại giao cộng sản Việt Nam giải thích vụ cắt lãnh hải vùng vịnh Bắc Việt, Việt Nam chiếm diện tích lớn hơn Trung Quốc, Việt Nam: 53%, Trung Quốc:

47%, là một luận điệu che đậy tội bán nước của tập đoàn cộng sản Việt Nam. Lãnh hải vùng vịnh Bắc Việt là vùng biển thuộc Bắc Việt, thuộc Việt Nam, cắt chia cho Trung Quốc 47% thì còn gì là biển, còn gì là tài nguyên Quốc gia. Sao không đem so sánh với Hiệp định vùng vịnh Bắc Việt mà nhà Thanh ký với Pháp năm 1887? Từ nay quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa vĩnh viễn thuộc về Trung Quốc, Việt Nam khó mà lấy lại. Trong Hiệp định nhượng lãnh thổ, lãnh hải mới đây, Trung Quốc cố nài cho được một số đảo trong vùng vịnh Bắc Việt. Đây là những cứ điểm mà Trung Quốc sẽ dùng làm bàn đạp tiến chiếm vùng biển phía Nam, và cũng là mối đe dọa an ninh lãnh thổ Việt Nam.

Mất đất, mất dân là một sỉ nhục cho Dân tộc. Ông cha ta đã có công dựng nước và giữ nước. Tổ tiên ta đã tốn bao xương máu đánh đuổi quân Hán, Tống, Mông Cổ, Minh, Thanh để bảo toàn lãnh thổ. Giờ đây Ải Nam Quan, Bản Giốc, Đồng Đăng, Động Tam Thanh, tượng núi Tô Thị đã nằm sâu trong lãnh thổ Trung Quốc.

Nhà thơ Lý Minh Đạo đã làm bài thơ - Khóc cho Quê hương - nói lên những Địa danh thân thương, di tích Lịch Sử, thắng cảnh mà ngàn đời đã được ấp ủ, bao che bởi Quê hương Việt Nam yêu dấu, giờ đây phải xa lìa Đất Mẹ, đem thân đứng ngơ ngác với Bắc Triều:

*Pak Bó, Nam Quan, Bản Giốc ơi  
Thôi kể từ đây cách biệt rồi  
Xa lìa Đất Mẹ tâm can nát  
Bỏ lại Quê Hương lệ trào rơi  
Bởi kẻ vô lương phùng bán nước  
Mang xác người nhưng tâm địa sài lang  
Phá nát non sông đọa dày Dân tộc  
Chưa vừa lòng? nay còn bán đứng cả Giang San  
Giang San đó không phải do chúng tạo dựng*

*Mà Tổ tiên hàng ngàn năm đổ xuống  
Chính máu xương mình để gầy dựng Quê hương  
Lũ chúng nó sao vô ơn bội nghĩa  
Cắt đất dâng người mà chẳng chút lương tâm.*

Cộng sản Việt Nam đã theo chân Trung Quốc, tiếp tục tiêu diệt mọi sinh lực Quốc gia. Ngày nay Quốc dân hầu như không còn phương tiện tự bảo vệ nữa, trí tuệ của Dân tộc được tận dụng để phục vụ ngoại bang. Mọi đoàn kết Quốc gia bị phá vỡ, đất nước không còn khả năng chống đỡ ngoại xâm. Vì thế cộng sản Việt Nam làm ngơ trước những vụ xâm lấn, chiếm dần lãnh thổ, họ chỉ mong sao duy trì chế độ độc tài, củng cố địa vị, bảo tồn quyền lực của Đảng.

Cộng sản Việt Nam phải hoàn toàn chịu trách nhiệm trước Quốc dân về việc chuyển nhượng bất hợp pháp đất đai, làm mất một phần lãnh thổ, lãnh hải Việt Nam. Cộng sản Việt Nam đã tự đặt mình dưới sự chỉ đạo của Đảng cộng sản Trung Quốc, trong mưu đồ tìm sự hỗ trợ để được tồn tại và đồng thời tiêu diệt mọi tiềm lực Quốc gia, từ trí tuệ của Dân tộc đến tiềm năng, tài nguyên đất nước.

Trái bao thời đại, Tổ tiên chúng ta đã bảo vệ từng tấc đất, từng ngọn cỏ trong việc bành trướng lãnh thổ. Lấy Trường Sơn, sông Cửu Long, biển Nam Hải làm địa bàn hoạt động, chúng ta như muốn thi gan đấu sức với non cao bể cả, nói lên chí quật cường của Dân tộc Việt Nam chưa bao giờ chịu lùi bước trước nguy nan.

Ngày nay, đương đầu với những thử thách lớn, chúng ta chỉ có một con đường là trường kỳ chiến đấu trên mọi mặt quân sự, chính trị, ngoại giao, để bảo vệ chủ quyền và sự vẹn toàn lãnh thổ, lãnh hải Quốc gia Việt Nam.

**ĐẶNG ĐỨC BÍCH**

## QUÊ HƯƠNG CÁCH BIỆT

Đã chục năm rồi, quê hương cách biệt,  
Chưa về thăm, cho dù chỉ một lần.  
Cố nhân ơi, lòng luống những ngại ngần,  
Tình nghĩa trọng, xin hãy đừng trách vội.  
Nước phải có nguồn, cây luôn có cội,  
Nhớ thương nhiều nhưng biết nói sao đây!  
Đồng lúa xanh bát ngát tận chân mây,  
Dòng sữa ngọt chất chiu từ bú mớm.  
Hàng dừa nghiêng rì rào trong nắng sớm,  
Con đường làng tấp nập mỗi chiều buông,  
Làn khói lam lảng vắng lúc hoàng hôn,  
Tình thơ đại bên giàn hoa thiên lý.  
Cây ổi, cây xoài, dây bầu, dây bí,  
Trái sai quần, cơn gió nhẹ đong đưa.  
Nhớ làm sao, thương nhớ mấy cho vừa!  
Những sáng tinh mơ, sương treo ngọn cỏ,  
Chim hót sau vườn, bướm vờn trước ngõ,  
Mùi hương cau, hương lựu ngát bên thềm.  
Mái nhà tranh ru giấc ngủ hằng đêm,  
Sao gần cách hóa ra tuồng xa lạ.  
Trời đất mênh mông, mịt mù biển cả,  
Tuyết rơi bay, giăng trắng khắp bốn bề.  
Cố hương ơi! Xin hẹn một ngày về.

NGÔ ĐÌNH PHÙNG



# TỪ NGUYỄN HUỆ - HÒA BÌNH ĐẾN CƯỜNG ĐỂ - QUI NHƠN

THƯ TRANG

Theo dòng thời gian nối tiếp từ năm 1945 đến 1975, tỉnh Bình Định đã tiếp nhận hai chế độ chính trị khác nhau, nên tuy cùng một mái trường mà đã mang hai sắc thái sinh hoạt của hai nền giáo dục khác nhau khá rõ nét. Đó là trường Nguyễn Huệ hòa Bình và trường Cường Để Qui Nhơn. Người dân Bình Định và cả ba bốn thế hệ học sinh nối tiếp nhau vẫn quen gọi là trường Hòa Bình, nhưng thực sự trên văn bản giấy tờ là trường Collège Võ Tánh Qui Nhơn (trước 46). Vì để tránh Pháp đổ bộ lên Qui Nhơn và máy bay Pháp oanh tạc nên trường đã dời về thôn Hòa Bình xã Nhơn Phong huyện An Nhơn (sau 46) còn mang tên là Trường Nguyễn Huệ Nam. Sau ngày cải tổ giáo dục (1950) được đổi tên là trường Cấp III An Nhơn nằm rải rác trên bốn địa điểm Hòa Bình, Tri Đình, Đặng Quát và Gò Ngựa dưới những lũy tre um tùm bao phủ.

Tôi là người được may mắn tiếp thu cả hai nền giáo dục Hòa Bình và Cường Để. Hình ảnh những bức tranh "vân cầu" từ thời thơ ấu, khi còn học ở Hòa Bình (49-53) và gặp lại thầy xưa bạn cũ sau (30-4-75) đã ám ảnh trong tôi như một điệp khúc. Tôi cũng không quên những ngày tháng hồi sinh êm đềm tuy ngắn ngủi, khi được trở lại ghé nhà trường Cường Để (55-56), khi chính quyền quốc gia vừa tiếp thu tỉnh Bình Định. Giờ đến Mỹ, qua những lần hội ngộ với mấy Anh bạn già còn sống sót như Trương

Toại, Bùi Đắc Khải, Huỳnh Hữu Dung, Bùi Chí Lương v.v... là có dịp được tâm tình cho hả hê. Niềm vui bất tận.

Những quá khứ về thầy, về bạn, cùng những kỷ niệm vui, buồn đầy ắp của tuổi thơ cứ tranh nhau tuôn ra như một dòng lũ. Vì sợ những kỷ kia bị mai một, sớm chôn vùi dưới lòng đất thì tiếc quá. Và có thể còn nhiều anh em lớn tuổi nữa cùng học chung với chúng tôi vào thời đó, ở bên này hay bên kia đã gặp nhau, hoặc chưa một lần gặp mặt có dịp đọc những trang viết này ắt phải chấp nhận một mẫu số chung là "gặp thời thế, thế thời phải thế" Quay về với quá khứ thật xa, chúng ta không khỏi mỉm cười khi nhìn thấy thầy Đào Trữ thuộc giai cấp Cường hào, địa chủ, vì là con cháu cụ tuần vũ Đào Phan Duân đã thoát xác một cách ngượng ngập qua bộ bà ba đen giống lính XDNT thời Việt Nam Cộng Hòa khi lên lớp. Thầy Nguyễn Thúc Biểu một giáo sư nóng tính và trực tính, cũng thuộc giai cấp địa chủ đã can đảm mắng đám học trò được tôi luyện theo đoàn - đảng bằng câu chuyện dưới cờ sáng thứ hai đầu tuần, về đề tài "Phê và tự phê" Thầy nói: "Tuần vừa rồi tôi nghỉ dạy ngày thứ ba, có một số anh chị (học trò) đã phê bình tôi là "thầy Biểu nghỉ dạy không lý do". "Các anh phê bình sao ngu thế! Vì có lý do nên tôi mới nghỉ dạy. Chẳng hạn, lý do là tôi ở nhà ngủ với vợ tôi! làm sao các anh biết được? nên các anh phải phê bình là: thầy Biểu nghỉ dạy không biết lý do". Trước cách lập luận dạy đời ngang ngang vững chắc với với âm điệu sang sảng trong micro khiến cả một số giáo sư đứng cạnh đó và mấy ngàn học trò ngồi dưới sân cờ đều im thin thít. Thầy nổi tiếng là một gs nhiệt tình, dạy giỏi, thẳng thắn và gàn hơn ai hết. Sau đó thầy là người đầu sổ trong danh sách các giáo sư biên chế (cho nghỉ dạy) Rồi đến các thầy Nguyễn Hoài Nghi dạy Việt Văn, thầy Ngô Uyên dạy

toán, lý hóa, thầy Hồ Xuân Trang dạy Pháp Văn, thầy Vũ Nguyên Huân dạy Anh văn, thầy Huỳnh Kim Long, Huỳnh Kim Lang cũng thuộc giai cấp địa chủ đạo Công Giáo. Những năm sau thầy Long và thầy Lang (em ruột cha Lãng) đã tìm đường vượt biển vào Nha Trang tại cửa Cách Thử xã Chánh - Phù Cát, nhưng không thành. Tôi còn nhớ rõ như in; một ngày nào đó, đầu tháng 3/1954, tin hai thầy dạy trường Hòa Bình bị bắt ở cửa Cách Thử vì can tội trốn vào vùng địch. Mẹ tôi vội vã thức dậy từ gà gáy làm vịt nấu xôi, sai tôi đi thăm và mang xôi đến biếu thầy. Nhà tôi cách chỗ hai thầy bị bắt chừng ba cây số. Tôi đến trước mặt hai thầy kính cẩn chào và biếu nén xôi, khi cả hai còn gục đầu xuống, với chiếc mũ phớt che mặt. Hai cánh tay đang còn bị trói quặp sau lưng. Thầy đã ngược lên nhìn tôi với đôi mắt hiền từ, thiết tha, thầm cảm ơn đứa học trò có nghĩa, nhưng thầy cũng từ chối không nhận quà. Tôi ứa nước mắt, nhìn theo thầy mãi cho đến khi người Công an kéo tôi đi chỗ khác ... Rồi con tạo thật trở trêu, 28 năm sau (1982) cũng tại nơi này (đình làng Phương Phi) xã Cát Chánh đứa học trò của hai thầy năm xưa cùng 31 nạn nhân "đồng hội đồng thuyền" cũng bị trói gô, vì mang cùng một thứ tội danh như thầy ngày trước. Hầu hết các thầy kể trên đều bị biên chế hoặc đi tù từ 52 đến 54. Một số lớn các thầy nòng cốt, ngoan đảng, được tập kết ra Bắc sau hiệp định Genève (20/7/1954) như thầy Ngô Chanh, Nguyễn Quỳnh, Trần Thiên Niên, Nguyễn Can, Lê Khắc Nhân, Nguyễn Ngọc Ban, Lê Đức Kế, Lê Đức Giảng v.v...

Nhắc đến thầy Nguyễn Hoài Nghi chắc các bạn ba lớp lớn không ai quên được cái đêm "Bình thơ lịch sử" kéo dài suốt năm tiếng đồng hồ vào cuối năm 1952 tại phòng học lớp tám Gò Ngựa. Đề tài là bài thơ "Những

ngày xưa thân ái" của thi sĩ Phạm Hồ. Phạm Hồ vừa là thi sĩ, vừa là họa sĩ nổi tiếng ở liên khu V thời chín năm kháng chiến chống Pháp. Với nội dung bài thơ đã nói lên tình bạn khấn khít của hai đứa học trò ở tuổi ấu thơ, khi còn học trường làng với nhiều kỷ niệm. Lớn lên, một đứa bỏ làng theo giặc. Gặp lại đứa kia là bộ đội đã bắt chết đứa theo giặc ...

*Tôi bán hấn rồi  
Những ngày xưa thân ái  
Không ngăn nổi tay tôi  
Những ngày xưa thân ái  
Chấn hấn đã quên rồi  
Riêng tôi, tôi còn nhớ  
Ruộng đồng mênh mông biển lúa  
Sương mai lấp trắng cỏ đường  
Hai đứa tôi sách vở cặp chung ...  
Song song bước nhỏ, chân trần  
Gói cơm mẹ vắt, xách từng tơn  
Nón rộng thòng quai  
Trong túi diêm nhốt đế  
Những ngày xưa em đẹp thế  
Không đem chung hai đứa một ngày mai  
Hấn bỏ làng theo giặc mấy năm nay  
Tôi buồn, tôi giận hấn  
Đêm nay gặp hấn  
Tôi bán hấn rồi  
Những ngày xưa thân ái  
Không ngăn nổi tay tôi ...*

Hai lớp 7A và 7B do thầy Nghi hướng dẫn, đứng trên lập trường nhân bản, vị tha, khen và bênh vực bài thơ, cho rằng: Khi kẻ địch nằm xuống, đã trả giá cho những lỗi lầm - Thì giờ đây trước cái chết của bạn mình do mình



gây ra. Người bộ đội xúc động theo nhân tính, rồi tình bạn đã sống lại trong anh với những kỷ niệm xưa ... Lớp tám do Châu Diệu Ái lãnh đạo đứng về phía lập trường chệch, chống lại bài thơ. Cho rằng địch với ta là hai giới tuyến rõ ràng. Không thể lẫn lộn bạn với thù. Bài thơ là biểu hiện một thứ tình cảm ủy mị của người lính tiểu tư sản, thiếu tính giai cấp vô sản chuyên chính ...

Hai mươi một năm sau từ Bắc về lại miền Nam với mảnh bằng tiến sĩ hóa ưu hạng, Châu Diệu Ái giữ chức vụ Chủ biên tạp chí Kiến Thức Khoa Học TP/HCM. Khi gặp tôi (1994) tại Sài Gòn đã than thở: "Mình chỉ là con cờ lót" khi ra ứng quốc hội, thua cả chị công nhân quét rác lề đường. Chính gậy ông đã đập lưng ông. Lời nói từ đầu kháng chiến vẫn còn đó "trí thức không bằng cục phên". Hai ông tiến sĩ Châu Diệu Ái, Mạc Như Đường (tức là Mạc Đường) cựu học sinh Hòa Bình, Viện trưởng Viện Khoa Học Sử TP/HCM bây giờ chắc đã sáng mắt khi thấy rõ cái "thiên đường XHCN". Không phải chỉ có hai anh cùng nhóm khoa bảng của những cựu học sinh Hòa Bình cũ mà cả một lớp người trí thức đã được đào tạo từ trứng nước XHCN như nhà văn Dương Thu Hương, tiến sĩ Hà Sĩ Phu, Tiêu Dao Bảo Cự, tiến sĩ Nguyễn Thanh Giang, Vũ Thư Hiên v.v... Tất cả họ đều thấy rõ: Chủ Nghĩa CS là một quái thai của thời đại. Nó đang ghi vào lịch sử nhân loại những khúc kỳ quặc nhất mà những trang cuối cùng nó đang lật.

Sau 30/4/75, lịch sử lập lại một lần nữa, tỉnh Bình Định dưới chế độ mới, trường Cường Để được đổi tên thành trường Quốc Học. Lễ kỷ niệm được tương xứng tổ chức, thành phần tham dự gồm cả bốn thế hệ học sinh: thời Collège Võ Tánh Qui Nhơn, Nguyễn Huệ Hòa Bình cũ, Cường Để cũ và cả thế hệ HS mới "Giải phóng". Có

cựu học sinh Hòa Bình cũ và cũng là cựu hs Cường Để Qui Nhơn. Anh học sau tôi một năm. Những khi buồn, anh thường rủ tôi đến các quán bia ở Thanh Đa lai rai tâm sự... Có một hôm tôi gặp ngay vị thầy cũ hồi dạy ở Hòa Bình. Tôi còn nhớ rõ mồm mộp là khoảng đầu thập niên 50, ông ta đẹp trai phong độ, da trắng hồng hào thường mặc quần short, áo chemise ngắn tay bằng vải xi ta chỉ đánh, tóc hớt cao, một mái. Đó là thầy Trần Thiên Niên dạy toán. Ông hồ hởi sớm nhập cuộc theo Đảng một cách nhiệt tình hơn ai hết. Giờ này sao ông tàn tạ đến thế. Trông ông gầy nhom, răng rụng nhiều chiếc, miệng hơi móm. Ông đi từ bàn này sang bàn khác gợi chuyện với khách không quen, rồi ngồi xuống lấy chai bia rót uống một cách tự nhiên như người Hà Nội - và xỏ tiếng Pháp lung tung - dù không được ai mời. Tôi chùn lòng xúc động, nhớ đến ngày xưa, rồi so với hiện tại khi đất nước đã thống nhất hình ảnh một ông giáo về già dưới chế độ XHCN là như thế sao? Một chút gì thôi thúc, tôi động lòng băng khuâng đứng lên đi lại bàn bên cạnh, mời ông sang bàn tôi, tự nhận mình là học trò cũ, rồi mời ông cùng dùng bia với tôi. Phước nháy tôi rồi ôm tai nói nhỏ: "Đừng cho địa chỉ ông ấy đến nhà là anh chết luôn. Ông ấy uống bia như uống nước. Ông có thể ngồi từ sáng tới chiều ..."

Giờ qua Mỹ đã hơn 5 năm, mỗi khi nhớ về hình ảnh hai người thầy cũ ở Hòa Bình, một ông thì khát tình thầy trò. Một ông thì khát bia như khát nước - Và cả đám học trò Hòa Bình cũ - ngày gặp nhau trong đêm dạ tiệc ở Qui Nhơn cùng 2 ông tiến sĩ học Mạc, họ Châu ở Sài Gòn. Tất cả như những cỗ máy đang được vận hành trong một guồng máy khô khan, vô thức cho đến khi rã rời đến ngày nhắm mắt, xuôi tay. Khi nhớ đến đám học trò Cường Để, sau những tháng năm dài lao lý trong các trại tù cải tạo từ

Nam ra Bắc (sau 30/4/75) có người đã gục ngã, có người còn sống âm thầm nơi đất mẹ, có kẻ đã lưu lạc tha hương ...

Tôi xót xa bàng hoàng sức nhớ đến một nhà thơ nào đã viết:

*"Kẻ thắng người thua đều khôn nạn*

*Đoạn trường oan nghiệt phải rằng đây ..."*

Rồi cũng chính nơi phần đất tạm dung này, một hội đoàn của gia đình cựu học sinh Cường Để đâm ấm được thành lập. Hằng năm các đứa con Cường Để đã bay về tổ Houston họp mặt trò chuyện vui chơi sinh hoạt văn nghệ. Rồi bốn số đặc san Cường Để và Nữ TH cũng ra mắt đều đặn hằng năm đã sưởi ấm cho hàng ngàn con tim Cường Để đang lưu lạc trên khắp cùng thế giới. Dù trên thực thể trường Hòa Bình đã khóa sổ, mất hết dấu vết. Trường Cường Để còn đó, nhưng đã đổi tên ngót hai mươi sáu năm rồi! Nhưng những tiếng vọng, những âm vang khác nhau của mỗi thời cùng dưới một ngôi trường qua hai chế độ vẫn còn tồn tại mãi mãi với thời gian.

**THỨ TRANG**  
San Jose, California



# GẮNG CHÍ

## Bài Xướng

Sáu mươi lăm tuổi chưa nên chi  
Gãm phận làm trai chẳng ích gì!  
Nghĩa cả bẽ bàng lòng đại trượng  
Niềm riêng e thẹn trí hài nhi  
Tinh thần, học hạnh lo tu tiến  
Sự nghiệp, công danh mặc thị phi  
Còn được chút nào nguyên gấng chí  
Hẹn cùng non nước phải ra gì.

THÁI TẮU

## Bài Họa

Kiếp người tự hỏi đã nên chi  
Lợi quả đáng ghi những việc gì  
Nợ nước chu toàn người sĩ khí  
Tình nhà giữ vẹn kẻ nam nhi  
Sống đời vô trợn tình nhân nghĩa  
Nương đạo đức dồi mặc thị phi  
"Tam tự lục hồn" cần gấng chí  
Thực hành cho được quý hơn gì

GIÁC LƯỢNG TUỆ ĐÀM TỬ

# CẨM CHÂU HÁT BỘI

BUI THỨC KHÁN

Hát Bội là một bộ môn nghệ thuật có một quá trình hình thành và phát triển lâu dài trong lịch sử dân tộc.

Trước khi có tên gọi là Hát Bội thì bộ môn nghệ thuật này được gọi chung chung là Hát Tuồng tức là hát diễn theo một tuồng tích, phần lớn là lịch sử.

Dưới thời nhà Trần (1226-1340) khi quân Nguyên sang xâm lấn nước ta (1285), quân kháng chiến của Hưng Đạo Vương Trần Quốc Tuấn có bắt được một người Trung Hoa tên là Lý Nguyên Cát, có tài về múa hát, diễn tuồng. Hưng Đạo Vương truyền giao người này cho Tướng Trần Nhật Duật tổ chức các Đội Hát Tuồng để ủy lạo giúp vui cho tướng sĩ.

Lý Nguyên Cát dạy cho người mình điệu Hát Bội, chỉ dạy về hình thức không thôi như cách múa men, vẽ mặt mày, mặc xiêm giáp ..., còn về nội dung các giọng hát thì người mình đã có sẵn từ trước.

Khi Đào Duy Từ (1572-1634) vào Nam giúp Chúa Nguyễn (sau 1592), ông đã cho du nhập điệu Hát Bội vào Bình Định (lúc đó gọi là Phủ Hoài Nhơn), với những cải tổ quan trọng về nội dung và hình thức, nhất là hình thức biểu diễn, ca múa, trở thành một bộ môn có nề nếp, quy củ và tính nghệ thuật cao mà sau đó được gọi là Hát Bội Bình Định. Cụ Đào Duy Từ được suy tôn là vị Tổ Đầu Tiên (Tiên - Tổ) của Hát Bội Bình Định!

Đến hậu bán thế kỷ 19, dưới thời Vua Tự Đức nghệ thuật Hát Bội Bình Định được nâng cao và phát triển rực rỡ với Cụ Đào Tấn (1845-1907), người làng Vinh Thạnh,

xã Phước Lộc, huyện Tuy Phước. Cụ là một đường quan khoa bảng và là nhà tổ chức, đạo diễn và biên soạn tuồng Hát Bội xuất sắc. Người đời tôn Cụ Đào Tấn là Hậu Tổ của Hát Bội Bình Định.

### **Sao gọi là Hát Bội?**

- Theo các bộ Tự Điển xưa cũ nhất thì Bội có nghĩa là hơn, là bằng hai, như gia bội là thêm bằng hai, bằng ba. Và Tự Điển này cũng ghi: trò bội là cuộc ca hát và hát bội là con hát, kẻ làm nghề ca hát.

Ai đã đi xem Hát Bội đều nhận chân rằng trong điệu hát này việc gì cũng gia bội. Một viên tướng có tính nóng thường vẽ mặt rần rục, dữ dằn, bộ tịch hung hăng, nói năng nóng nảy. Thực ra, tướng hồi xưa đâu có những cử chỉ, ngôn ngữ và mặt mày quá hung tợn như vậy. Nhưng vì muốn cho khán giả dễ nhận thấy tính tình bên trong của vai tuồng nên diễn viên phải gia tăng điệu bộ và hóa trang cách hung bạo như thế.

- Bội là gập lên, nhân lên, như một tấm gương phản chiếu hình ảnh khắp mọi nơi, bởi cách tổ chức trình diễn Hát Bội theo lối Bát Diện (8 mặt), tám cái sân khấu đầu lưng nhau, quay mặt ra 8 hướng theo hình Bát Quái: Tây Bắc, Chánh Bắc, Đông Bắc, Chánh Đông, Đông Nam, Chánh Nam, Tây Nam, Chánh Tây (Càn, Khảm, Cấn, Tốn, Ly, Khôn, Đoài). Một đội tuồng gồm 8 đoàn nhỏ, rất đông đảo kếp, nghệ sĩ Tám sân khấu đều hát chung một tuồng, cùng một lúc. Hướng Tây Bắc dành cho Vua, gia quyến của Vua và các quan đại thần vì hướng này thuộc Càn, tượng trưng cho Trời (Vua là Thiên Tử tức Con Trời). Các mặt sân khấu khác dành cho các hạng, tùy theo thứ bậc phẩm hàm ... của các quan trong Triều cũng như các tầng lớp dân chúng mà ngồi trước, ngồi sau và xem hát ở

cửa nào, sân khấu nào cũng được. Ví dụ hát Tuồng "Cổ Thành" khi đến lớp Trương Liêu lên giáo đầu thì cả 8 sân khấu đều có nhân vật Trương Liêu xuất hiện, cũng vẽ đúng một bộ mặt, đội mũ, mang hia, mặc quần áo đều giống nhau.

Về sau này vì hoàn cảnh kinh tế, xã hội, người ta giản lược đi. Ở Triều đình chỉ còn hát Tứ diện (4 mặt sân khấu), và trong dân gian các gia đình có thế lực hoặc cự phú - tổ chức hát lưỡng diện (2 mặt sân khấu) mới có đủ khả năng kêu gọi đào kép qui tụ và có đủ tiền bạc để nuôi ăn và chi trả các khoản.

### **Và sao lại có người gọi là Hát Bội?**

- Danh từ "Hát Bội" mới có lúc sau này, hồi Cải Lương mới ra đời. Theo cụ Vương Hồng Xển trong "Hồi Ký 50 Năm Mê Hát": các kỹ giả buổi ấy, để cho thấy có sự canh tân, cải cách ..., bèn chối bỏ danh từ "Hát Bội" và hô hào dùng hai chữ "Hát Bội" thay thế cho Hát Bội, cho có vẻ mới hơn. Đó là sự sai lầm, việc dùng chữ không nhằm lối, nhằm chỗ đến nay vẫn chưa tẩy sạch. Hát nào lại không ra bội? v.v...

Hát Bội ở Miền Nam được truyền từ Miền Trung vào và có ít nhiều sự khác biệt với Hát Bội ở Bình Định, nhất là về âm nhạc. Điệu Hát Bội Miền Nam có pha trộn với điệu đàn, điệu hát Chàm - trở nên điệu ca xứ Huế - rồi pha lẫn một phen nữa với điệu du dương của nhạc Miên, nhạc Tiều (Triều Châu) trở nên đờn ca điệu Sài Gòn, điệu Bạc Liêu.

Nói chung, Hát Bội là một nghệ thuật tượng trưng - Tượng trưng từ cách thiết trí, dàn cảnh trên sân khấu cho đến điệu bộ, màu mè để diễn tả, biểu lộ cái vui, buồn, giận, sợ, ganh ghét, thương yêu ...

Hát Bội có nhiều giọng (thể điệu): Nói Lối, Hát Nam. Hát Khách. Xướng Bạch. Ngâm. Thán Oán Quân bang, Quân bài v.v...

- Nói Lối: Vẫn cất giọng cao gần như hát. Có 4 cách lối: lối Xuân, lối Ai, lối Xướng và lối Thường.

- Hát Nam: Một giọng đặc biệt của Việt Nam. Câu văn dùng trong điệu Hát Nam là thể lục bát, song thất lục bát giáng thất.

Hát Nam có 5 điệu tùy cảnh ngộ: Nam Xuân, Nam Ai, Nam Dựng, Nam Chạy và Nam Biệt. Còn có Nam Thoàn và Lý Nam qua Ai.

- Hát Khách: Cũng gọi Bắc Xướng, là một giọng hát có đờn kèn đưa hơi, mừng tượng giọng điệp khúc "Đại quá trường" của Tàu. Giọng hát Khách rất hùng hồn và dũng cảm.

Hát Khách có 5 điệu: Khách thi, khách phú, khách tử, khách tẩu mã, khách tiểu. Sau hết có lối "Khách nam liên xướng".

- Xướng: nói lớn lên một cách chậm rãi cho mọi người đều nghe. Một vài tuồng mới ra mắt khán giả thường Xướng 4 câu đố tổ tôm. sự hoặc hoàn cảnh của mình.

- Bạch: Bày tỏ mấy câu để biểu thị chí hướng tài lực trước khi xưng tên. Bạch thường dùng 4 câu Hán văn 7 chữ.

- Ngâm: điệu ngâm Thi Đường luật, giọng nghiêm nghị, tha thiết, dùng tỏ tình luyến ái lúc sắp xa nhau.

- Thán: Than thở, than thân trách phận.

- Oán: ai oán, dùng khi khóc người quá cố.  
hoặc khi oán trách vận mạng.

- Quân bang: khi kéo quân đi, quân cầm cờ hiệu đồng thanh hát 4 câu để thị oai.



- Hát bài: Chúc thọ Vua, do các mỹ nữ vừa múa, vừa hát.

Tán: đương hát Nam vai tuồng đệm thêm một câu chữ Hán, gọi là Tán.

Hường: tiếng Việt đệm ở giữa hai câu hát hoặc hai câu đối để phụ nghĩa.

- Vĩ: tiếng kéo dài ở sau báo hiệu chuyển điệu hát cho ban nhạc biết để trở nhạc theo điệu đó. Một ít tiếng Vĩ thường dùng.

- Hồ: muốn qua Ngâm, Thán hay Lý.
- Xong hay Tới a: muốn qua hát Nam.
- Thưa thánh bẩm: muốn hát khách.
- Hảo a: muốn hát khách tấu v.v...

Láy: thêm những tiếng a, ư, ýa, ừ, hừ ở sau câu hát để cho ăn theo đờn.

Ngoài các giọng hát chính, có nhiều giọng hát phụ khác dùng cho các vai tuồng đặc biệt hay trường hợp đặc biệt như giọng đào điên, điệu thiên (của sư tăng), điệu phù thủy, giao duyên, lý quân canh, lý mọi, lý quảng, ru con v.v...

Về âm nhạc của Hát Bội, nhạc sĩ nhạc công sử dụng các thứ trống (trống chiêng, trống cái, trống cơm, trống "bắc cầu", trống lệnh) chiêng, chập chĩa, đờn, kèn và ống sáo ... đờn chính là cây đờn cò (đờn nhị) rồi đến đờn kìm, đờn tam, đờn gáo, đờn sến ...

\*

\* \*

Những điều trên đây nhắc lại cho chúng ta các khái niệm sơ yếu về nghệ thuật Hát Bội. Và sau đây

là những chuyện về CẦM CHẦU HÁT BỘI mà chúng tôi muốn chia sẻ với người đọc.

CHẦU tức là Trống Chầu, một thứ trống lớn để trên cái giá ba chân, không thuộc về âm nhạc của sân khấu mà thuộc quyền "sử dụng" của khán giả. Người cầm chầu đại diện cho khán giả để thưởng phạt các diễn viên trên sân khấu. Nếu người cầm chầu thưởng phạt công bình, biết chỗ hay để thưởng, chỗ dở để chê thời diễn viên sẽ được khích lệ, phấn khởi trong lòng và hát hay thêm.

Ngày xưa ở các Rạp Hát và về sau ở các Trường Hát, người ta thường đặt hai cái trống chầu liền phía trước mặt và hai bên sân khấu. Có 2 vị cầm chầu. Nếu là người có uy tín và điệu nghệ - thông hiểu văn chương, tổng tích và nghệ thuật hát bội với các giọng, các thể điệu thì tiếng trống chầu được điểm rất sôi nổi, thích đáng, tài tình, làm nức lòng khán, thính giả và diễn viên.

Đôi khi có một cái trống chầu được đặt thêm ở giữa để dành cho các vị có chức phận, danh tiếng - một vị khách danh dự - điểm trống cho cuộc hát thêm phần trịnh trọng. Lại có khi một khán giả sành điệu, có uy tín và tuổi tác, cũng người vào chỗ này nhưng không điểm trống sôi nổi, dồn dập như hai trống chầu hai bên. Người này chỉ vung tay điểm trống khi nào thấy cần thiết để làm nổi bật những chỗ hát hay, những câu tuồng đặc sắc, hoặc giả là trống chầu hai bên thường chưa đúng mức thì trống chầu giữa phải bổ khuyết. Do đó người ta gọi trống chầu ở giữa là "Chầu bổ".

Cầm chầu là một cách thưởng thức nghệ thuật Hát Bội. Vừa thưởng thức tài nghệ của diễn viên, vừa

thưởng thức những câu tuồng, những câu thi, phú ... mà văn chương hay, đẹp, tuyệt tác. Thưởng thức bằng tiếng trống châu điểm xuyết thích đáng, tài hoa, bay bướm.

Một điệu bộ đúng qui cách, một hơi hát xuất sắc, một câu văn hay đều được thưởng. Như hay vừa thưởng một tiếng "thùng", đánh ngay giữa mặt trống của mặt trống. Nếu hay hơn được thưởng hai tiếng gọi là "châu đôi". Và thật hay, hay hơn nữa, thưởng ba tiếng gọi là "châu ba". Dù vậy, có khi phải thưởng nhiều hơn, điểm nhiều tiếng trống liên tay để cho cuộc hát tưng bừng, hào hứng, thật xứng đáng với tài năng của nghệ nhân, nghệ sĩ và cả tác phẩm sân khấu.

Có người nói, để có thể tránh được lỗi đánh trống châu "lấp họng" diễn viên, phải đợi cho đào kép hát dứt một câu lối, một câu nam hay khách ... rồi mới "châu", giống như đặt một dấu chấm cho một câu viết. Nhiều người đã cầm châu như thế đó. Và cầm châu như vậy thì tiếng trống nghe rời rạc, tẻ nhạt và hiền lành, chân chất quá, chẳng "điệu nghệ" chút nào! Người cầm châu có "ngón nghề cao" không điểm trống kiểu dễ dãi, thật thà đó mà tiếng châu của họ gấn bó hài hòa, quyện nhập và nâng đỡ câu hát và làm hơi của đào kép một cách tài tình, chí thiết! Có lúc phải dôi trống để thỏa lấp khoảng trống ngắn ngủi, giúp đào kép ngưng hát một chút xíu để lấy hơi hát tiếp câu sau. Điều này thường gặp trong Hát Nam. Nhờ tiếng trống dôi nâng đỡ, đẩy đưa, người nghe không kịp nhận ra câu hát trước có kẻ lơ hơi mà lại nghe câu hát tiếp theo được cất lên ngon trớn, ngọt ngào.

Người cầm châu phải điểm châu vào chỗ trống trong câu hát khách để không lấp tiếng hát mà còn giúp tiếng hát trội nổi, nhịp nhàng, ăn khớp với giàn kèn đồn phía trong. Tôi thường hình dung việc điểm trống châu cho câu hát khách, hát phú giống như một bàn tay xòe ra, tiếng trống phải rơi vào các kẽ của ngón tay. Châu rơi. Nghe tiếng trống châu điểm cho câu hát khách, hát phú, chúng ta nhận biết ngay "ngón nghề" của vị khách cầm châu ... Nể nhau từ chỗ đó!

Điểm trống châu có khi mạnh, khi nhẹ, khi lơ, khi dồn. Đánh trống vào mặt trống hay điểm nhẹ ở phía ngoài. Có khi tiếng trống vừa vang lên lại phải hãm bớt một chút xíu cho êm ái, dịu dàng. Hãm bằng cách, lấy bàn tay xoa xoa hay chặn hẳn trên mặt trống. Trước một điệu bộ hay, tiếng trống thường cũng nổi lên óng ỏi, dồn dập chứ không phải đợi diễn viên cất lên câu hát rồi mới điểm trống. Có lần diễn viên diễn bộ xong, chờ một tiếng "châu" rồi mới vào câu hát. Đem hát dứt nhưng trống châu không "hồi" mà giáng lên mấy tiếng rồi ngưng. bạn hát "ky" hồi trống như vậy lắm (?)

Muốn phạt một câu hát dọc, hát gãy, hát đậm hơi lạc điệu hay một điệu bộ không đúng cách, thay vì đánh dùi trống vào chính giữa mặt trống, người cầm châu đánh ngoài bìa trống, nghe "tan" chứ không nghe "thùng" làm cho diễn viên biết lỗi mà sửa. Những lỗi lớn hơn bị phạt bằng cách gõ vào vành trống nghe tiếng "cắc" để cảnh cáo diễn viên. Thực ra, người cầm châu ai cũng muốn thưởng chứ ít ai muốn "phạt" đào kép!

Ngày xưa, những đám Hát Bội thường tổ chức nơi sân đình miếu, đền từ ... hoặc nơi các tư gia Đoàn Hát thường gọi là Ban Hát được rước đến và Rạp Hát đã được dựng sẵn (hát xong tháo gỡ, dọn dẹp).

Trả tiền cho Ban Hát có hai cách: trả một số tiền hai bên đã thỏa thuận, hoặc hát thưởng (thưởng). Hay, thưởng nhiều - Dỏ, thưởng ít. Cách thưởng này thông dụng nhất.

Thưởng thì dùng thẻ tre trên có ghi số tiền các loại. Không sẵn thẻ thì thưởng bằng tiền (xu) cột từng xâu nhỏ cho khỏi vắng mất. Trọng tài là người cầm châu. Hát hay thì đánh trống thưởng và thưởng tiếp tiền thẻ hay tiền xâu đựng ở trên chiếc mâm thau để trước mặt người cầm châu. Nếu là thẻ tre, người của Đoàn Hát gom lại để sau đó tính tiền với chủ nhà (người đứng tổ chức hát).

Người cầm châu phải là người có uy tín và rành điệu thì Ban Hát mới kiêng sợ và chủ nhà mới kính nể, đám hát mới được vui vẻ, tốt đẹp. Có uy tín mà không rành điệu cho lắm thì sự thưởng phạt sẽ bất công. Rành điệu mà không uy tín thì sự thưởng phạt có công bình cho mấy cũng kém giá trị đối với chủ nhà và ban hát. Bởi vậy trong mười đám có đến sáu, bảy đám xảy ra những chuyện xích mích, mất lòng giữa Ban Hát và người cầm châu hoặc giữa người cầm châu và chủ nhà. Thưởng ít thì Ban Hát bất mãn, còn thưởng nhiều thì chủ nhà bực mình, không bên này thì cũng bên kia hậm hực (tiếng địa phương gọi là Sục). Một nhà nho ở Phú Phong, Bình Khê là Cụ

Nguyễn Dật, ngày trước có bài thơ CẦM CHÂU như sau:

*Ông cha thuở trước tội gì đâu,  
Con cháu sinh ra muốn đánh châu.  
Nghĩnh mặt lì lì ngồi phản ngựa,  
Hươi tay lia lịa đập da trâu.  
Múa hay, nhảy lẹ ùm ba tiếng,  
Ngọt giọng, ngon hơi ném một râu.  
Bóp lăm, vãi nhiều sao cũng sức,  
Chủ nhà, Bạn hát: đất loi đầu!*

Thật vậy, lăm khi người cầm châu bị kẻ bất bình quăng đá, ném đất đến lỗ đầu, chảy máu! Người ta nói, ở đời có bốn cái ngu ... Cầm châu là một (?).

Trong Hồi Ký "50 Năm Mê Hát", cụ Vương Hồng Xển có nói: Cầm Châu là đánh trống châu cho Hát Bội diễn. Lại mấy ai khen? Châu ít ư? Ký hát trong buồng nó xỏ nho cho nghe mà ngộp: Già mà mắc dịch - Da trâu đâu phải ông cha gì nó mà nó không dám đánh. Hát khô cổ, rất họng mà nó không châu cho ấm ấm mình nhờ! Châu rời rộng ư? Đánh lung tung không khéo con mẹ hàng ghé đầu chưa chi chửi đồng. Thứ đồ dề xồm không nên nét. Đánh lu bù để nịnh con Lưu Kim Đính. Báo hại mình mua ghé mắc, ngồi đây không nghe được câu nào cho đáng đồng tiền"!

Chẳng phải chỉ trong Miền Nam mà ở Bình Định vẫn nghe những câu na ná như vậy. "Hôm qua trời mưa, chướp lạch nháy nháy ba cái rồi nổi sấm sét đánh ba tiếng đùng đùng, trúng con trâu già cháy da chết tươi, chết tươi". Hoặc là: "Có một ông đi cày, sợ đau trâu, không dám đánh roi nào! v.v...

Trống Châu cũng có vai tồng giục khách. Trước khi "ra tồng" chừng nửa tiếng, một tiếng đồng hồ, người ta

đánh châu ba, có trống chiến phục theo để cho khán giả xa gần nghe mà sửa soạn đến rạp. Câu tục ngữ: "nghe trống châu cái đầu lảng lướt! Nghe trống chiến nó điếng trong bụng, miêu tả cảnh chộn rộn của các bà, các cô lúc sửa soạn xem hát. Thật vậy, có người đã viết: Bên trong vọng ra một điệu nhạc lạ lùng lắm, nỉ non mà rộn ràng, trầm lắng mà thúc giục, điểm theo những nhịp trống châu lôi cuốn đến nỗi người tới trễ quỳnh cả lên, hấp tấp đến run tay khi nhận vé vào cửa!

Ngày trước mỗi khi có Hát Bội ở rạp hay ở Trường Hát, tiếng trống châu luôn vang động khắp nơi, khắp vùng, cách xa hàng mấy cây số cũng nghe được: từ tiếng trống giục rạp trước khi mở màn cho đến tiếng trống tán thưởng lúc cuộc hát diễn tiến có câu nói: "rầm rộ như trống châu Bình Định", kể cũng không ngoa! Người chưa quen tai lúc đầu hơi khó chịu, nhưng quen rồi thì lại ... khó chịu, nếu đêm hát trống châu đánh nhỏ và ít quá!

Thú thực, tôi cũng là người có một thời rất thích cầm châu hát bội! Nếu có ai đó bảo "ngu" thì cũng chịu vậy! Cầm châu, trước hết vì thích câu hát, thích chữ nghĩa, mê điệu nghệ, mê tiếng hát và ghiền tiếng trống, tiếng kèn. Sau nữa là có người rủ ren, nhờ vậy! tôi cầm châu Hát Bội từ tuổi đôi mươi, và theo thời gian, tay nghề vững vàng hơn, sành sỏi hơn nên các Đoàn Hát Bội Bình Định hễ có dịp là nhờ tôi cầm châu cho họ "để hát", nhất là lúc gặp họ hát ở nơi xa, nơi đó ít có người cầm châu.

Tôi cũng lấy làm e ngại khi được mời cầm châu lúc mới mở tuồng. Mới vào tuồng đã có gì hấp dẫn và gay cấn mà điểm trống rộn rã? Nếu đánh trống lơ lả lúc đầu tuồng thì làm sao thúc giục khách còn ở xa, còn ở bên ngoài rạp nhanh chân vào xem hát để Đoàn hát có "thu nhập tốt"! Nếu vì lý do đó mà đánh châu rầm rộ lúc đầu

đêm hát mới khai diễn thì người sành điệu thể tất cũng chê mình là ... không biết cầm châu! Bởi vậy tôi thường dành cho người của Đoàn Hát làm cái việc đánh trống ráo trước rồi tôi mới chậm rãi nhập cuộc!

Cầm châu phải có hai người hợp ý - nghĩa là sành điệu - thì mới thú vị! Một trống cầu đánh yếu thì trống châu kia phải "bỏ khuyết" để góp phần thành - công cho đêm hát. Có những đoạn chỉ cần một trống điểm cầm chừng và đến lúc "nóng" thì hai trống "hợp đồng tác chiến"! Gặp trường hợp người "đối tác" non tay thì cái hứng thú cầm châu cũng giảm đi nhiều! Có lần, tôi muốn xem hát vì gặp tuồng ưng ý và lâu lâu cũng muốn cầm châu cho vui nhưng người Bạn tâm đắc vắng mặt nên sau hồi phân vân, lưỡng lự, tôi đành nằm nhà:

*Đêm qua nghe trống châu thôi thúc,  
Nửa muốn đi mà nửa lại không.  
Điểm xuyết chẳng đồng tay đạt điệu,  
Thôi đành hờ hững với ca công!*

*(Thư gửi Bạn - 1962)*

Năm 1954, vài tháng sau Hiệp định Genève, các đào kép Hát Bội của Bình Định, trải 9 năm không hành nghề, hầu hết đều dồn lên An Khê, Pleiku, Kontum ... hợp nhau lại hình thành một ĐOÀN HÁT BỘI BÌNH ĐỊNH rất tầm cỡ. Đào kép tên tuổi đều có mặt đầy đủ, từ lớp trung niên đến thanh niên đã thành danh trước năm 1945 như: Cửu Vị, Xã Đại, Ký Sậu, Hoàng Chinh, tư Cá, Long Trọng, Bình Liêu, Bốn Trừu; các đào Thu An, Ngọc Thu, Thúy Triều, Ngọc Lan, Kim Lan v.v... Nhiều khi trong đêm hát, một vai tuồng có hai người thay nhau thủ diễn vì con hát đông, tạo sự nỗ lực thi thố tài năng, gây sự hấp dẫn mà cũng còn là cách anh em nghệ nhân, nghệ sĩ chia xẻ, giúp đỡ nhau tạm đứng trên hai mặt nhân sinh và nghệ thuật,



chờ đợi ngày chính quyền quốc gia tái lập tại tỉnh Bình Định ... Những tuồng tích xưa cũ, nhiều tuồng nổi tiếng nhưng trước kia các Đoàn Hát ít trình diễn vì thiếu nghệ sĩ đảm trách các vai quan trọng, nay được đem ra thao dợt và đưa lên sân khấu. Lúc đầu y trang còn giản đơn, dần dà được các Mạnh Thường Quân vào Sài Gòn mua sắm đồ Hồng Kông, Chợ Lớn ... mang về, giúp cho sân khấu rạng rỡ, đẹp đẽ, lôi cuốn khán giả thêm.

Đoàn Hát Bội Bình Định thời gian đầu đứng chân khá lâu ở thị trấn An Khê, đêm nào cũng có suất hát và luôn được tán thưởng. Bà con người Việt, người Hoa ở An Khê hết lòng thương mến, lưu luyến Đoàn Hát, nhất là yêu thương các đào hát, hầu hết đã qua thời xuân sắc nhưng sắc vai còn rất ngọt, rất xinh. Có những chị người Hoa ban ngày cũng đến rạp để gặp gỡ, chuyện vãn với các cô đào này và lo lắng, giúp đỡ tận tình khi có một hai cô đào đau ốm hay sinh nở. Ngày Đoàn Hát dọn đi nơi khác (Pleiku, Kontum, Ban Mê Thuộc), giới khán giả mộ điệu ở An Khê đã đưa tiễn rất nồng hậu, thắm thiết. Các chị người Việt, người Hoa ôm các cô đào mà nước mắt lưng tròng, không muốn rời tay, rời bước!

Đoàn đến thành phố Pleiku và trình diễn ở đây hơn một tháng. Ngày ấy Pleiku chỉ có rạp Ciné DIỆP KÍNH chứ không có trường hát. Hội Đồng Hương Chính Thành Phố bao giàn Đoàn Hát chừng mười đêm để gây quỹ cho Hội Đồng và cũng là cách giúp đỡ thiết thực Đoàn Hát.

Trụ sở của Hội Đồng Hương Chính Thành Phố rất to lớn, rộng rãi đúng nghĩa của một Hội trường nằm ngay trên đường phố chính. Phía phải của Hội trường có 2 gian phòng rộng làm văn phòng của Trưởng Phố kiêm Cảnh Sát trưởng Thành phố, phần còn lại để dành hội họp, chứa trên sáu trăm người. Đoàn Hát Bội được dùng nơi này làm

Rạp Hát. Các đêm hát diễn tiến tốt đẹp, có kết quả khá về tài chánh tạo được cơ hội cho Đoàn dừng chân tại Thành phố trong một thời gian tiếp theo.

Tôi rời quê hương vượt thoát đến vùng Quốc gia sau Hiệp Định Genève (7-1954) và làm việc tại Văn phòng Trưởng phố kiêm Cảnh sát trưởng Thành phố Pleiku. Tôi cũng đóng góp chút ít vào việc tổ chức các đêm hát của HDHC như làm giấy mời quan khách, các nhà hảo tâm, các Chủ sở Trà Catecka và BIỂN HỒ người Pháp xin yểm trợ tiền bạc v.v... Đêm lại tôi được chỉ định cầm chầu cho Đoàn Hát Bội trình diễn.

Khoảng tháng 12-1954 quân đội Pháp rút khỏi Pleiku dồn về Ban Mê Thuột theo kế hoạch và lộ trình rút quân về Pháp, trao trả độc lập hoàn toàn cho Chính Phủ Quốc Gia Việt Nam. Trung Tá Lam Sơn đến nhận chức Tiểu khu trưởng Pleiku. Ông cũng là người rất thích Hát Bội Bình Định, hiểu biết văn chương tuồng tích và kỹ thuật cầm chầu. Vào dịp cuối tuần ông chạy xe đến An Khê xem Hát Bội lúc Đoàn đóng rạp tại đây. Khi Đoàn Hát đến trình diễn tại Pleiku, Trung Tá Lam Sơn thường đến thăm chơi. Ông vào tận hậu trường hỏi han, chuyện vãn với đào kép, xem họ hóa trang sửa soạn ra tuồng. Mọi người đều kính mến ông. Họ thường gọi ông là ông Quan Năm hay ông Năm. Có hôm ông cũng ra ngồi xem hát và cầm chầu.

Thời gian này, Trung Tá Lam Sơn trong tư cách Tiểu khu trưởng, bao giàn Đoàn Hát Bội đến hát một đêm tại Sân Vận Động Pleiku cho sĩ quan và binh sĩ Tiểu khu xem (trả 5.000\$ cho đêm hát). Ông chỉ định Đoàn Hát Bội phải trình diễn vở tuồng "LƯU KIM ĐÍNH GIẢI GIÁ THỌ - CHÂU" mà ông đã xem ở An Khê và chấm định tuồng này. Đoàn Hát xin cho đổi tuồng khác vì người thủ vai yêu đạo Dư Hồng là ông Ký Sân bị đau cảm. Trung Tá

Lam Sơn không chịu, bảo cố gắng uống thuốc cho lành, diễn vai này có sút một chút cũng không sao, chủ yếu là các vai khác, nhất là vai LƯU KIM ĐÍNH!

Đêm Hát Bội diễn tuồng LƯU KIM ĐÍNH GIẢI GIÁ THỌ CHÂU diễn tiến mỹ mãn, đào kép nỗ lực diễn ca, có thể nói là quá xuất sắc. Tiếng trống châu nổi lên dồn dập, vang vọng ra bốn bên đồi núi xa gần, khuấy động bầu không khí lạnh lẽo im ắng người không đến xem hát được cũng thấy náo nức, xôn xao trong lòng!

Một lần ở Hội trường HĐHC thành phố, Trung Tá Lam Sơn biết tôi mới vượt thoát đến vùng tự do, đã hỏi tôi khá nhiều về tình hình và cuộc sống của người Bình Định trong 9 năm dưới quyền VMCS. Ông cho biết thân phụ ông là cụ Nguyễn H. có thời làm Tổng Đốc tỉnh Bình Định. Tôi thưa là có nghe thân sinh tôi và những người cao tuổi nói là cụ Nguyễn H. làm Tổng Đốc Bình Định khoảng đầu thập niên 1930. Cụ H. là con trai ông Nguyễn TH.

Về sau tôi biết Trung Tá Lam Sơn tên là Phan Đình Th. Đường binh nghiệp và công danh của ông rất đổi gập ghềnh: từ năm 1954 đã mang lon Trung Tá mà hơn mười năm sau mới lên Đại Tá rồi cũng lâu lắm mới lên Chuẩn Tướng và giải ngũ sớm! Tôi suy gẫm và hiểu được lý do đổi họ của nhân vật khả kính này. Từ ngày đó cho đến sau này, tôi thường giữ trong lòng hình ảnh "Ông Quan Năm hào hoa, và yêu chuộng HÁT BỘI BÌNH ĐỊNH"!

Từ năm 1964 tình hình chiến sự ngày thêm ác liệt các Đoàn Hát Bộ Bình Định không còn điều kiện hoạt động. Riêng tôi cũng rời địa phương từ ngày đó và về làm việc tại tỉnh lỵ Qui Nhơn. Trong không khí chiến tranh, dầu sôi lửa bỏng, tôi không còn lòng nào nghĩ đến HÁT BỘI và chuyện CẦM CHÂU!

Dịp tất niên GIÁP DẦN (đầu năm 1975) cơ quan của chúng tôi có tổ chức đêm HÁT BỘI BÌNH ĐỊNH với các đào kép tên tuổi. Đoàn hát khá hay và vui vẻ lắm. Dù lận bận tôi cũng ngồi cầm chầu theo ý kiến của đồng nghiệp và Đoàn Hát. Tôi cảm thấy không còn giữ được cái mặn nồng, thú vụ đối với ... nghiệp dĩ này! Vài tháng sau thì chúng ta bị mất quê, mất nước và những gì đã xảy ra từ đó, mọi người đều biết ...

Gần đây, có lẽ nghĩ rằng tôi vẫn còn "nặng tình với HÁT BỘI BÌNH ĐỊNH như ngày xưa, con cháu ở quê nhà có gửi sang cho tôi mấy bộ VIDEO HÁT BỘI BÌNH ĐỊNH do đào kép mới trình diễn. Hình ảnh, diễn ca và nghệ thuật cũng khá lắm. Được như vậy là đã có nhiều công phu học tập, rèn luyện, nhất là về năng khiếu và thiện chí của lớp trẻ. Dù vậy, chúng ta thật khó lòng tìm lại được "Chút hương xưa". Điều đáng nói là tiếng trống chầu đó như mất hẳn trong HÁT BỘI BÌNH ĐỊNH hiện thời. Chỉ còn nghe loáng thoáng đó đây những tiếng điểm câu bằng trống con, trống chiêng hay trống cán. trống tum.

Qua rồi những hình ảnh và âm thanh kỳ diệu của HÁT BỘI BÌNH ĐỊNH một thời huy hoàng, lừng lẫy!

**BÙI THỨC KHÁN**



## CÒN ĐÂU

*Còn đâu những buổi tan trường,  
Áo dài trắng tỏa ngập đường tôi yêu.  
Còn đâu tâm sự những chiều,  
Ly kem Phi Diệp mỹ miều giai nhân.  
Còn đâu ngày tháng thông dong,  
Đan tay dạo phố Gia Long chuyện trò.  
Còn đâu những buổi hẹn hò,  
Suối Tiên, Gành Ráng, sang đò Hải Minh.  
Còn đâu giây phút tâm tình,  
Trăng tà in bóng soi mình đầu non.  
Dừa cao bóng ngã chập chờn  
Tung tăng bãi biển sóng mơn gót hài  
Còn đâu ước vọng tương lai,  
Biển dâu đời đổi nào ai đâu ngờ.*

**NGUYỄN BƯỜNG**

Trên đời không có gì vĩ đại bằng con người. Trong con người không có gì vĩ đại bằng trí tuệ.

**A. Haminton**

# LA SƠN PHU TỬ NGUYỄN THIẾP

( 1723 - 1804 )

## CÙ HÒA PHONG

Trong lịch sử thời Nhà Nguyễn Tây Sơn ít đề cập đến một nhân vật nổi tiếng thời Lê - Trịnh, đã góp phần rất quan trọng trong công cuộc chinh Nam phạt Bắc và đánh đuổi quân nhà Thanh ra khỏi bờ cõi nước Đại Việt đó là La Sơn Phu Tử Nguyễn Thiếp.

Nguyễn Thiếp tự là Khải Xuyên hiệu là Lạp Phong Cư Sĩ ... nhưng người đời kính trọng gọi cụ là La Sơn Phu Tử hay La Sơn tiên sinh. Quê ở làng Mật Thôn, Xã Nguyệt Ao, huyện La Sơn, Tỉnh Nghệ An. Cụ sinh ngày 25 tháng 8 năm Quý Mão ( 1723 ) trong một gia đình thuộc hàng vọng tộc ở xứ Nghệ, một nơi có truyền thống lâu đời về khoa bảng và văn học. Nguyễn Thiếp lúc thiếu thời thông minh sáng suốt học rộng hiểu sâu, đậu Hương Cống ( tức Hương Giải ) năm 20 tuổi. Năm 26 tuổi thi Hội trúng tam trường và tám năm sau Ông được bổ làm Huấn Đạo ở Anh Đô ( thời Vua Lê Chúa Trịnh những nho sinh trúng thức và giám sinh có thi hội trúng tam trường thì được bổ làm Huấn Đạo ) hết khóa 6 năm Huấn Đạo ông được bổ làm Tri Huyện Thanh Chương, đến năm Mậu Tý ( 1768 ) Nguyễn Thiếp xin từ quan về quê, ông cất nhà trên núi Thiên Nhận, sống ẩn dật ở đấy.

Năm 1786 Quang Trung chinh Bắc lần thứ nhất nghe tiếng tăm Nguyễn Thiếp khi trở về Nam nhiều lần viết thư mời cụ cộng tác cụ từ chối chưa chịu ra giúp Quang

Trung, song cũng từ đây giữa Quang Trung và Nguyễn Thiếp đã có quan hệ thường xuyên trong trao đổi thư từ.

Tháng tư năm 1788 Quang Trung ra Bắc lần thứ hai lại viết thư mời gặp Nguyễn Thiếp, hai người đã gặp gỡ nói chuyện ở đại doanh của Quang Trung đóng ở núi Nghĩa Liệt.

Tháng Chạp năm 1788, trên đường đưa quân ra bắc lần thứ ba đánh quân nhà Thanh, Quang Trung lại hội kiến với Nguyễn Thiếp ở Nghệ An về kế hoạch chiến đấu và có hỏi: *“Hay tin Vua Lê Chiêu Thống sang Nhà Thanh cầu lỵ, Vua Thanh cho quân sang đánh, tôi sắp đem quân ra chống cự, mưu đánh và giữ nước được hay thua, Tiên Sinh nghĩ thế nào?”*

Nguyễn Thiếp nói: *“Bây giờ trong nước trống không, lòng người tan rã, quân Thanh thì ở xa tới đây mà lòng bọn tướng sói thì hênh hoang tự đắc chúng không cần biết tình hình quân ta yếu hay mạnh, binh lương và trận chiến sẽ xảy ra như thế nào, còn quân lính thì phân vân không biết là sang đánh hay đến giữ theo sự khẩn khoản của Vua Lê...”*. Hai người rất tâm đắc, bàn tính rất lâu và cuối cùng trước khi tiễn khách Nguyễn Thiếp nói thêm *“Tôi tin chắc Chúa Công đi xa chuyến này không quá mười ngày quân nhà Thanh sẽ bị dẹp tan”*.

Những kế hoạch La Sơn Phu Tử đã bàn định cùng với Vua Quang Trung đúng như lời tiên đoán của La Sơn Phu Tử trước khi chia tay, chưa đầy một tuần lễ, hai mươi chín vạn quân Thanh đã bị quân Quang Trung đánh tan tác Tôn Sĩ Nghị sợ mất mật, quăng cả ấn tín triện son, bỏ cả yên cương áo giáp mà chạy thoát thân về Thanh quốc. Giữa trưa ngày Mồng Năm tháng Giêng năm Kỷ Dậu (1789) Vua Quang Trung cỡi voi mình mang chiến bào màu đỏ đã bị nhuộm đen vì khói thuốc súng dẫn đoàn

quân đại thắng tiến vào thủ đô Thăng Long đã sạch bóng quân thù ngoại xâm.

Cuộc gặp gỡ trao đổi về phương kế chiến đấu với quân nhà Thanh giữa La Sơn Phu Tử với Vua Quang Trung đã trở thành một sự kiện đi vào lịch sử. Sau này mỗi lần nói đến sự nghiệp đại phá quân Thanh của Vua Quang Trung người ta không quên nhắc tới sự kiện ấy. Đánh quân nhà Thanh xong Vua Quang Trung bắt tay vào củng cố, xây dựng đất nước trên các mặt kinh tế, chính trị, văn hóa, quốc phòng... La Sơn Phu Tử Nguyễn Thiếp được nhà Vua mời làm Viện Trưởng và lập Sùng Chính Viện.

Sau khi Vua Quang Trung băng hà (1792) La Sơn Phu Tử cũng xin lui về núi sống cuộc đời ẩn dật như xưa.

Đầu năm 1801 Vua Cảnh Thịnh mời và lưu giữ La Sơn Nguyễn Thiếp ở thành Phú Xuân khi quân Nguyễn Anh chiếm thành Vua Cảnh Thịnh cùng tướng sĩ chạy ra Bắc Hà. Nguyễn Anh biết La Sơn còn ở trong thành nên cho người triệu cụ tới có ý muốn mời cụ làm quan nhưng Nguyễn Thiếp từ chối xin về và mất năm 1804 tại La Sơn thọ 81 tuổi.

Nguyễn Thiếp đã để lại một số thơ văn khoảng vài trăm bài trong ấy một nửa là thơ còn lại là thư từ, văn, ký, tựa, tấu chương và khảo, tất cả trong ấy có chừng năm sáu bài thơ Nôm còn tất cả đều viết bằng Hán tự.

Trong Văn tịch chí của Phan Huy Chú chép: *La Sơn Tiên Sinh thi tập là một quyển Lạp Phong Văn Các và cuốn Hạnh An Thi Cảo do chính La Sơn cư sĩ Nguyễn Thiếp soạn có hơn một trăm bài có cả tựa của Tiên Sinh.* Khi đọc thơ của La Sơn Nguyễn Thiếp, Phan Huy Chú bình phẩm “thơ thật thanh nhã, lý thú, thung dung, thực là lời nói của người có đức” mà quả thực như vậy La Sơn là một mẫu



mực của một nhà Đạo Học. Ông mang phong thái của người hiền triết hơn là mẫu người thi nhân vì trong thi văn của Ông mang tính chất ý nghĩa đạo đức, răn mình, khuyên người đời với lời lẽ điềm đạm, chân thật, tình cảm thể hiện nhẹ nhàng và chừng mực. Thơ của Ông cũng có rất nhiều bài hay, thật sâu sắc, thật cảm động có nhiều bài ghi lại một tâm trạng lo buồn, một nỗi niềm ưu tư trước cảnh đời đen tối dân chúng cực khổ trước sự bóc lột của đám tham quan thời Vua Lê – Chúa Trịnh như bài *Vũ Trung vọng cố hương* (trong mưa nhìn quê cũ), *Thừa Phúc* ( Phúc đáp quan hiệp trấn Bùi Huy Bích) *Phù Thạch phùng lão ngư* ( gặp ông già đánh cá ở Phù Thạch) *Chu hành hữu cảm* ( đi thuyền cảm xúc) ...

Ngoài những áng thơ văn sáng tác, La Sơn Phu Tử khi làm Viện trưởng Viện Sùng Chính do vua Quang Trung giao phụ trách trong việc dịch thuật một số kinh điển bằng chữ Hán ra chữ Nôm trong ấy có Kinh Dịch, Kinh Thư, Kinh Thi...

Trong cuộc đời làm quan trường thời Tây Sơn và kể cả sau này khi trở về ở ẩn trên triền núi La Sơn cụ đặt biệt chú trọng đến vấn đề nhân tâm như ông từng bày tỏ: *Dân là gốc của nước, gốc vững nước mới yên, muốn gốc vững thì phải chăm lo không để dân đói khổ, dân luôn thương nhớ kẻ có nhân, được vậy lòng người sẽ quy phục. Nói tóm lại chăm lo và tạo điều kiện dân giàu thì nước mới mạnh...*

Nguyễn Thiếp rất quan tâm đến việc giáo hóa dân chúng bằng học hành, Ông thường nói : *"Người không học không biết đạo vì đạo là cái lẽ làm người thường ngày, kẻ đi học là học những điều dạy dỗ ấy"* trong việc dạy dỗ và học hành cụ đã phá lối học từ chương để mưu cầu danh lợi. Cụ xem những điều kể trên là thiết yếu có liên quan mật thiết và gắn bó với nhau trong thế đạo nhân tâm đến

sự thịnh suy của quốc gia dân tộc. Song song trong các vấn đề kinh tế, chính trị, văn hóa Nguyễn Thiếp còn là người thiết tha với đạo tiên, phong thủy, sấm ký, Cụ rất hâm mộ và miệt mài nghiên cứu môn lý học rất thịnh hành đời Tống lấy Tâm Học làm gốc giữa hai phương diện lý khí và tâm linh, Nguyễn Thiếp chú trọng nhiều về tâm tính tức là vấn đề tâm lý đạo đức của con người trong cuộc sống.

Ngày nay nhắc tới La Sơn Phu Tử Nguyễn Thiếp là nhắc tới một tâm hồn của dân tộc đã có một nhãn quan nhìn xa trông rộng, Ông ủng hộ và cộng tác với Nhà Nguyễn Tây Sơn vượt lên khỏi tầm nhìn và tiếng chê bai của giới nho gia đương thời, đó là một hướng nhìn vượt bậc trong tư tưởng của Ông. Nhưng rất tiếc tài năng Kinh bang tế thế” của Ông chưa được thi thố thì Đại Đế Quang Trung đột ngột băng hà nên những kế hoạch cải cách để xây dựng một quốc gia hưng thịnh cũng ngậm ngùi ra đi cùng La Sơn Phu Tử Nguyễn Thiếp.

## CÙ HÒA PHONG



## THƯƠNG NHỚ

Vui chơi giữa cảnh phồn hoa,  
Mà lòng mãi nhớ quê nhà xa xăm ...  
Nhớ tình, nhớ nghĩa viếng thăm,  
Nhớ ơn sanh dưỡng nghìn năm cuộc đời ...  
Dẫu cho vật đổi sao dời ...  
Lòng ta vẫn giữ một lời keo sơn ...  
"Công Cha như núi Thái Sơn",  
"Nghĩa Mẹ như nước trong nguồn chảy ra."  
Con hằng mãi nhớ thiết tha ...  
Cha lo con học ... Mẹ thì mớm cơm.  
Ngày nay con đặt danh thơm ...  
Công ơn dưỡng dục sớm hôm nhớ hoài.

**MINH TÂN - PHẠM HÀ HẢI**

## CHA NÀO CON NẤY

Quỳnh sung sướng khoe với mẹ:

- Mẹ ơi, vợ con bảo là trên đời nó chỉ yêu có mỗi mình con và con là người đàn ông đầu tiên trong đời nó!

Bà Cả mắng yêu:

- Rõ là cha nào con nấy, ngọc ơi là ngọc!

**Làng Văn số 216**

# THAM VỌNG BÀNH TRƯỚNG CỦA HẢI QUÂN TRUNG CỘNG TRONG VÙNG BIỂN THÁI BÌNH DƯƠNG

ĐẶNG VĨNH MAI

Sau khi khối Cộng sản Liên Xô sụp đổ (1991), chấm dứt thời kỳ chiến tranh lạnh và sau khi Hoa Kỳ giảm bớt sự hiện diện quân sự trong vùng Thái Bình Dương (mất căn cứ Hải Quân Cam Ranh ở Việt Nam, trả lại căn cứ Hải Quân Subic và căn cứ Không Quân Clark ở Phi Luật Tân, căn cứ Không Quân ở Thái Lan v,v...) đã đưa đến một khoảng trống quyền lực quân sự tại vùng Châu Á Thái Bình Dương.

Với tham vọng bành trướng bá quyền nước lớn của giới lãnh đạo tại Trung Nam Hải nên Trung Cộng đã tìm mọi cách nhảy vào trám khoảng trống quyền lực đó bằng mọi kế hoạch và bằng mọi thủ đoạn. Trong bài này tôi chỉ muốn đề cập đến phần tăng cường và hiện đại hóa Hải Quân của Trung Cộng nhằm thực hiện ý đồ làm bá chủ lâu dài trong vùng biển Thái Bình Dương mà trước hết là trong vùng Đông Nam Á qua các diễn biến sau đây:

a). Tháng 1-1974, Hải Quân Trung Cộng ngang nhiên chiếm trọn quần đảo Hoàng Sa. Quần đảo này cách đất liền Việt Nam nơi gần nhất là 123 hải lý và cách lục địa Trung Hoa nơi gần nhất là 235 hải lý.

b). Tháng 2-1988, Hải Quân Trung Cộng xua quân chiếm thêm nhiều đảo và bãi ngầm trong quần đảo Trường Sa, nơi mà lâu nay họ chỉ mới chiếm đóng và dựng bia trên một số ít đảo từ năm 1982. Quần đảo Trường Sa cách xa lục địa Trung Hoa khoảng 950 hải lý (khoảng 1500 km), nơi còn đang tranh chấp của các nước liên hệ như Đài Loan, Phi Luật Tân, Mã Lai Á, Brunei và Việt Nam.

c). Sau khi chiếm được quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa, Trung Cộng sẽ xác định quyền lực trên biển Đông, mở rộng ảnh hưởng xung quanh vùng biển phía Nam Trung Hoa và nắm độc quyền kiểm soát hải lộ thương mại quốc tế, mà phần lớn phải đi ngang qua vùng biển Trường Sa.

Để thực hiện các mục tiêu chiến lược kể trên, Trung Cộng đã phải cải tổ lại quân đội, đặc biệt là hiện đại hóa về Hải Quân. Trung Cộng ý thức rằng chỉ có Hải Quân là lực lượng chính trong việc bành trướng thế lực ra bên ngoài lục địa và làm chủ trên Đại dương. Với quan niệm chiến lược này, Trung Cộng đã phải giảm bớt một (1) triệu quân (từ 4 triệu 750 ngàn xuống còn 3 triệu 750 ngàn) và biên chế từ 11 Đại quân khu xuống còn 7 đại quân khu, để lấy tiền hiện đại hóa Hải Quân.

Dựa vào tám bản đồ mới nhất của nước Trung Hoa phát hành năm 1992 phổ biến trên toàn thế giới và áp dụng vào chương trình giảng dạy trong nước thì Trung Cộng cho rằng tất cả các nước xung quanh, các quốc gia Hải đảo và bán đảo như Việt Nam, Mã Lai, Thái Lan, Indonesia, Singapor, Brunei không mấy chốc sẽ trở thành những cái "ao nhà" của Trung Cộng. Cũng trong năm 1992 Trung Cộng đã ban hành một bộ luật về Lãnh hải. Với luật này, Trung Cộng cố tình đơn phương áp đặt theo

tham vọng của họ mà không theo các điều lệ của luật Quốc tế về biển. Căn cứ theo bản đồ địa dư nước Trung Cộng và luật lãnh hải, Trung Cộng công bố như sau:

- "Những vùng nước, vùng biển được đánh dấu trên bản đồ Trung Quốc phổ biến năm 1992 là những phần đất thiêng liêng thuộc Trung Quốc bất khả phân".

- Và: "Bất cứ những tàu thuyền nào, bất kể của quốc gia nào xâm nhập vào vùng biển của các đảo: Đài Loan, Bành Hồ, Đông Sa, Trung Sa, Nam Sa thì các máy bay và chiến hạm Trung Quốc có quyền ngăn chặn, bắt giữ và truy kích."

Sau đây là những kế hoạch mà Trung Cộng đã dồn hết khả năng để từng bước phát triển Hải quân, nắm quyền lực trên biển:

1/. Trong khi chưa trang bị các Hàng không mẫu hạm, Trung Cộng mở rộng tầm hoạt động của các máy bay chiến đấu đặt ở các phi trường dọc theo bờ biển và các hải đảo như đảo Hải Nam, Hoàng Sa v.v... để yểm trợ cho Hải Quân. Ngoài ra Trung Cộng còn đặt mua và sử dụng các loại máy bay chiến đấu S.U. 7 và MIG 31 do Nga Sản xuất với tầm hoạt động trên 1500 km.

2/. Áp dụng kỹ thuật tiếp tế dầu trên không của không quân IRAN và mua máy bay tiếp tế dầu của ISRAEL (giống như loại tiếp tế dầu KC 135 của không quân Hoa Kỳ).

3/. Đến cuối năm 1994, Trung Cộng đã chi 2 tỷ Mỹ kim để mua 2 Hàng không mẫu hạm kiểu MINKS của Anh Quốc và đặt mua máy bay chiến đấu oanh kích và trực thăng kiểu HARRIER để trang bị cho mẫu hạm.

4/. Trung Cộng đã cải tiến và trang bị cho Hải Quân nhiều loại hỏa tiễn tầm xa, Hỏa tiễn HẢI đối KHÔNG và hỏa tiễn phóng từ tàu ngầm.

Ngày 15-9-01, một khu trục hạm loại SOVREMENY có trang bị hỏa tiễn của Hải Quân Trung Cộng đã cho phóng thử lần đầu tiên phi đạn SSN-2 Sunburn. Loại hỏa tiễn này do Nga chế tạo trong thời kỳ chiến tranh lạnh. Hỏa tiễn SSN-2 Sunburn là loại phi đạn thuộc thế hệ mới chống chiến hạm, tự động tìm mục tiêu, siêu thanh, có thể trang bị cả hai loại đầu đạn Qui Ước và Nguyên Tử, có tầm hoạt động trong khoảng từ 80 đến 85 Hải lý. Sức nổ mạnh, có thể làm chìm hầu hết các chiến hạm Hoa Kỳ. Đây là loại vũ khí mạnh nhất trong kho vũ khí đang cải tiến của Hải Quân Trung Cộng. Không được biết chính xác hiện nay có bao nhiêu loại hỏa tiễn này, nhưng các giới chức Hoa Kỳ cho biết Trung Cộng có thể có khoảng vài trăm. Lô hàng đầu tiên có 48 hỏa tiễn loại SSN/2 Sunburn đã được Nga Sô chuyển giao cho Trung Cộng hồi năm ngoái (2000). Sau cuộc khủng hoảng quân sự tại eo biển Đài Loan giữa Trung Cộng và Hoa Kỳ vào năm 1996 thì Trung Cộng đã bắt đầu mua vũ khí loại này. Sau đó Trung Cộng lại tiếp tục cho thiết lập các loại vũ khí chống Hàng Không Mẫu Hạm và tiếp nhận chiếc Khu trục hạm Sovremeny đầu tiên năm 2000. Các nhân viên tình báo của Hoa Kỳ cho biết Trung Cộng có thể mua thêm hai (2) khu trục hạm loại này có trang bị hỏa tiễn trong vài năm tới.

**Một bản so sánh tổng quát về loại hỏa tiễn của các nước trên thế giới như sau: (không so sánh về số lượng)**

Số T/T	Quốc gia	Loại 1	Loại 2	Loại 3	Loại 4
1	Anh				x
2	Pháp		x		x
3	Hoa Kỳ			x	x
4	Liên Xô			x	x
5	Trung Cộng	x	x	x	x
6	Bắc Hàn	x	x		
7	Irak	x			
8	Israel	x			

#### GHI CHÚ:

- Loại 1: Hỏa tiễn tầm trung bình MRBM (Medium Range Ballistic Missile) có tầm bắn từ 800 km đến 2400 km.

- Loại 2: Hỏa tiễn tầm trung gian IRBM (Intermediate Range Ballistic Missile) có tầm bắn từ 2400 Km đến 5500 Km).

- Loại 3: Hỏa tiễn tầm xa / liên lục địa ICBM (Inter Continental Range Ballistic Missile) có tầm bắn từ 5500 Km trở lên.

- Loại 4: Hỏa tiễn phóng từ tàu ngầm SLMB (Submarine Launched Ballistic Missile) có khả năng bắn đến các mục tiêu ở dưới nước, trên không và trên đất liền.

5/. Ngày nay, ngoài việc mua sắm thêm nhiều tàu chiến từ các nước Nga, Anh, Pháp, Tây Ban Nha; Trung Cộng còn sản xuất hàng loạt tàu ngầm nguyên tử tấn công kiểu HAN (xem hình) được trang bị bằng các hỏa tiễn mang đầu đạn nguyên tử. Theo viện nghiên cứu chiến lược Quốc tế cho biết Hải Quân Trung Cộng gồm có: Một quân số trên 200 ngàn người, kể cả không quân của Hải



Quân và Thủy Quân Lục Chiến. Ngoài ra Hải Quân Trung Cộng có một hạm đội gồm 2 tàu ngầm nguyên tử phóng hỏa tiễn, 5 tàu ngầm nguyên tử loại tấn công, 56 tàu ngầm tấn công chạy bằng Diesel, 20 khu trục hạm, 30 tuần dương hạm, 450 chiến đấu cơ và 26 tàu đổ bộ.

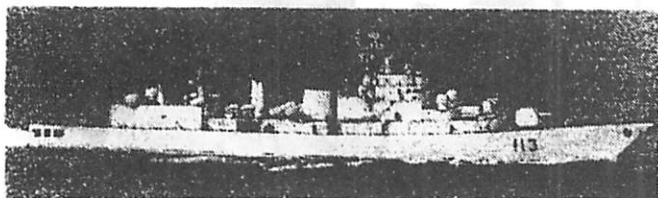
6/. Để mở rộng phạm vi hoạt động của Hạm đội Trung Cộng đã hoàn tất xây dựng một căn cứ Hải Quân trên Ấn Độ Dương phần đất thuộc Miến Điện gần eo biển MALACCA. Kể từ đầu thập niên 90, Trung Cộng đã bắt đầu đào tạo chuyên viên kỹ thuật và phi công Hải Quân để phục vụ trên các Hàng không mẫu hạm sẽ có mặt trên Thái Bình Dương kể từ năm 2002.

Hiện tại Hải Quân Trung Quốc chưa phải là đối thủ chính của Hải Quân Hoa Kỳ. Tuy nhiên đã được Viện nghiên cứu chiến lược Quốc tế xếp hạng sau đối thủ của họ là Hoa Kỳ. Ngoài ra, Hải Quân Trung Cộng luôn luôn trội hơn về phẩm cũng như lượng đối với tổng cộng các lực lượng Hải Quân của các nước trong vùng Đông Nam Á và Nhật Bản.

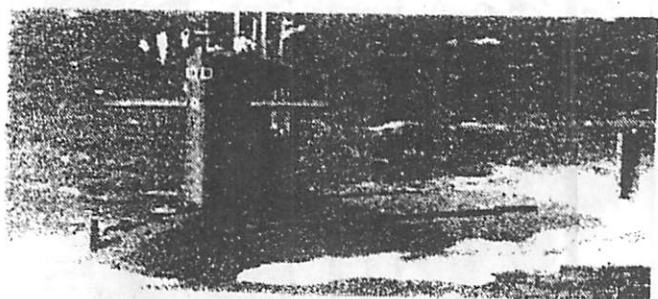
Trong tương lai gần và với quyết tâm hoàn thành tham vọng bá quyền, Hải Quân Trung Cộng sẽ trở thành một lực lượng gieo rắc kinh hoàng cho tất cả các nước Đông Nam Á và sẽ là đối thủ đáng lưu ý của Hoa Kỳ trong vùng Thái Bình Dương. Ý đồ bá quyền của Trung cộng đã quá rõ ràng. Một khi họ đã kiểm soát được một Hải lộ quan trọng đi vào Ấn Độ Dương như eo biển MALACCA, Đông TIMOR v.v... thì Hải Quân Trung Cộng có thể chế ngự được các nước trong vùng Thái Bình Dương mà cụ thể là Nhật Bản và các quốc gia hải đảo.

**ĐẶNG VĨNH MAI**

# MỘT VÀI HÌNH ẢNH VỀ CẢI TỔ VÀ TĂNG CƯỜNG LỤC QUÂN VÀ HẢI QUÂN TRUNG CỘNG



*Chiến hạm Qingdao 113 loại Luhu của HQ Trung Cộng*



*Tàu ngầm nguyên tử loại HAN của Trung Quốc*

Hoa nào thắm đỏ bên đường  
Mùa thi thối thục, bãi ruộng mùa phơi? (19)

Hoa nào như gió nhè nhẹ thổi  
"Chi hoa vương giả" nào đây sách vở? (20)  
Hoa nào gói phận cây cau? (22)  
Nắng mưa nấp bóng, thành bại nấp mình?

### TRỤC LỐI HẠM T.43 CỦA HẢI QUÂN TRUNG QUỐC



Trục lối hạm T.43 của Hải quân Trung quốc



Trung Cộng tăng cường quân sự. Bộ Đệi Trung Cộng đang duyệt binh qua quảng trường Thiên An Môn

## **Gửi Anh Cựu Chiến Binh Mỹ** *(Veterans Day 1992)*

*Xưa Tôi, Anh trên cùng chiến tuyến,  
Chuyến địa đầu bảo vệ tự do.  
Áo anh bạc màu nắng mưa nhiệt đới,  
Ba lô tôi mòn theo bước hành quân.  
Tôi đêm cao nguyên rừng sâu hun hút,  
Anh ngày duyên hải nắng cháy bờ vai.  
Anh Khe Sanh nằm nghe đạn pháo,  
Tôi Lộc Ninh cơm vắt giữ đồn.  
Những mong ngày thanh bình,  
Anh về xứ cờ hoa,  
Tôi trở lại làng xưa nương sấn.  
Nhưng Anh trở về không mang chiến thắng,  
Tôi nạn nhân của một ván bài.  
Mang danh bán nước tay sai,  
Rừng xanh cải tạo, tóc xanh ngả màu.  
Mười mấy năm sau, sự đời nghiệt ngã,  
Nay kẻ thù gác bỏ AK,  
Đang trải thảm hoa đón khách.  
Anh được mời trở lại,  
Tôi được đuổi ra đi.  
Anh nên công danh an nhàn cuộc sống,  
Tôi sợ không dò dẫm vào đời.  
Chiều nay, Đông về tuyết trắng rơi rơi,  
Anh ngồi khóc bạn bên Tường Đen tưởng niệm,  
Tôi khóc Quê Hương trên mỗi bước phong trần.  
Chiều Washington mây vẫn thương tiếc,  
Sáng Việt Nam không biết mặt trời.*

**QUÁCH TỬ**

# HÌNH ẢNH SINH HOẠT

\*

## ĐẠ TIỆC TẤT NIÊN TÂN TỶ 2001

### HỘI ÁI HỮU BINH ĐỊNH BẮC CALIFORNIA

*Cung Chúc Tân Xuân*

- Bảng "chúc mừng năm mới" trang nghiêm treo ngang bức kháng đài, tại buổi Dạ Tiệc Tết Tân Tỵ 2001 tại Nhà Trang Phú Lâm, San Jose, California.



#### BAN CHẤP HÀNH

Hội Ái Hữu Bình Định Bắc California

- Từ phải sang trái Lê Như Lâm TB/BC Võ Bá Trác PCT đặc trách kế hoạch, Đặng Đức Bích PCT/NV, BS Cai Văn Dung CT, Tony Đình PCT/Ng V., Đặng Vĩnh Mai PCT đặc trách Văn Hóa, Xã Hội, Trần Văn Ngô TTK kiêm thủ quỹ



- Ban Tiếp Tân đang ghi danh và gắn băng tên cho Quan khách tại buổi Dạ Tiệc.



- Thiếu tướng Huỳnh Văn Lạc (mang kiếng đứng giữa bàn khăn trắng) quê ở Phù Cát, Bình Định, cùng đồng hương Bình Định đứng nghiêm chỉnh chào Quốc Kỳ trước khi khai mạc dạ tiệc.

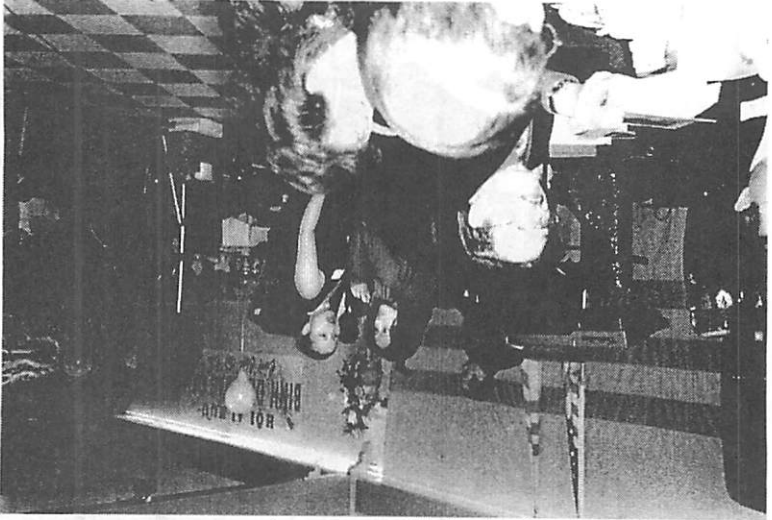


- *Bác sĩ Cai Văn Dung, Hội Trưởng, AHBD Bắc Cali ngỏ lời với quan khách - Thiếu tướng Nguyễn Văn Chức (mang kính, tóc hớt cao), tỉnh Trưởng Tỉnh Bình Định trước 1975, tham dự dạ tiệc Tất niên.*



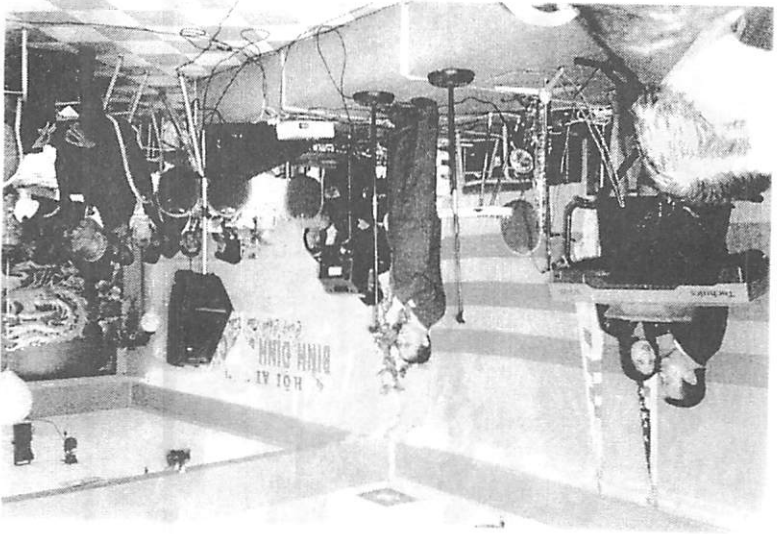
- *Đồng hương và Quan khách đang lắng nghe văn nghệ giúp vui.*

• Ông Đặng Vinh Mai, Phó Chủ Tịch / Đặc Trách Văn Hóa Xã Hội (đang cảnh quốc kỳ VN) hướng dẫn các cháu phát hành Đặc Sản, gói biếu đến Đồng hương và Quan khách tại buổi Dạ tiệc Tết Niên.



hương trong dịp Tết Tân Tì 2001.

• Ông Đặng Đức Bích, Phó Chủ Tịch / NV Hội AHBĐ Bắc Cali cảm ơn Đồng hương Bình Định và Thân hữu giúp đỡ hoàn thành cuốn Đặc Sản Bình Định, là món quà Xuân gói biếu Đồng







- *Võ Sinh Quang Trung đang biểu diễn Võ Thuật Bình Định trước Quan khách, tiết mục mở đầu buổi Dạ Tiệc Tết Tân Tị 2001 tại nhà hàng Phú Lâm, San Jose California.*



- *Một Võ Sinh Quang Trung Bình Định đang biểu diễn thế võ trong "Tây Sơn Liệt Quan Chi Bình Pháp".*



- Trên 400 Đồng hương Bình Định và Thân hữu tham dự Dạ Tiệc Tất niên mừng Xuân Tân Tỵ 2001.



- Đồng hương và Quan khách đang lắng nghe Ca sĩ giúp vui.



- Đồng hương và Quan khách đang vui vẻ hàn huyên tâm sự.



- Đồng hương và Quan khách đang theo dõi và thưởng thức chương trình Văn Nghệ "Đột Xuất" trên sân khấu.



- Đồng hương và Quan khách đang lắng nghe Văn Nghệ "Cây nhà lá vườn"



- Đồng hương và Quan khách cổ võ và nhiệt liệt hoan nghênh chương trình Văn nghệ giúp vui.

## QUI NHƠN TRONG TA

Ta bỏ lại Qui Nhơn thành phố cũ  
Ngõ hẻm chiều hai đứa rủ nhau chơi  
Tuổi mộng mơ, ngày ấy đẹp tuyệt vời  
Mùa phượng nở bờ môi em thêm thắm

Em gái Qui Nhơn màu da xạm nắng  
Mỗi hè về tắm nắng biển khu Hai  
Gốc dừa xanh nơi hò hẹn nhau hoài  
Nghe sóng vỗ, thuyền khơi bờ cát trắng

Em Qui Nhơn người em miền biển mặn  
Vẫn trong anh màu cát trắng quê hương  
Đất nước ly tan em giận, anh hờn  
Và xa cách tình ta từ thuở ấy

Dáng em yêu, hằng đêm anh vẫn thấy  
Vẫn trong anh và trong cả hồn thơ  
Mất quê hương, ta như kẻ dại khờ  
Mong sống lại tuổi thơ ngày tháng cũ

Em yêu ơi! Tình xưa anh còn giữ  
Hàng dương reo, mộ Mạc Tử mến yêu  
Cánh bướm trôi, gió Nôm rộ, con diều  
Chiều Ghềnh Ráng ngày mới yêu mong đợi

Mai anh về, anh sẽ mang nắng mới  
Về bên em phơi phơi gió tự do  
Nổi giòng sông, cất tiếng hát câu hò  
Xây hạnh phúc, ấm no cho quê mẹ

NGUYỄN HÒA

# NGÀY XUÂN NHỎ LẠI

NGUYỄN MẠNH AN DÂN

Hai giờ bốn mươi lăm, ngày hai mươi chín tháng chạp, đầu năm 1975, Tiểu đoàn trưởng 2/46, Thiếu tá Nguyễn Hữu, không thông qua âm thoại viên, trực tiếp gặp các Đại đội trưởng thuộc quyền trên tần số nội bộ và gọi tất cả đến gặp ông tại Bộ Chỉ Huy Tiểu đoàn.

“Các cậu đến gặp tôi ngay bây giờ”. Giọng “ông già” chậm và rõ, cách nói vẫn là một kiểu ra lệnh nhưng không phải là thứ lệnh khô cứng, lạnh lùng như vẫn thường có ở một cấp chỉ huy ngoài mặt trận. Đơn vị vừa được rút về mấy giờ trước từ Trà Cao sau hơn nửa tháng lặn lội suốt một tuyến dài qua các mật khu lầy lội Trà Cú, Phước Chỉ. Tiểu đoàn trưởng bố trí phòng thủ căn cứ Trâm Vàng và hai đại đội tác chiến còn lại rải dọc theo mép rừng cao su, cách quốc lộ và xóm nhà một đoạn ngắn và cách gia đình lớn không quá nửa tầm súng cối 60. Ngày cuối năm, vị trí đóng quân nhẹ nhàng. Không ai nói với ai những tất cả ngấm hiều: dưỡng quân, ăn Tết.

Trâm Vàng là Bộ Chỉ Huy tiền phương, là điểm tiếp liệu chung của nhiều quân binh chủng trong chiến dịch hành quân Campuchia nhiều năm trước. Căn cứ rất rộng với một lô cốt vuông vức được xây âm dưới lòng đất bằng xi măng cốt sắt làm Trung Tâm Hành Quân và một vòng tuyến với bờ đất cao đủ chỗ rải quân cho một tiểu đoàn đầy đủ quân số. Căn cứ vẫn thường bị pháo và thỉnh thoảng đặc công vẫn bò vào quấy nhiễu nhưng đối với

một đơn vị bộ binh, quanh năm hành quân lưu động thì về Trâm Vàng là nghỉ ngơi, hưởng phước.

Tết nhất có khác, phòng hành quân có một chút gì vui vui, lạ lạ. Lổ thùng đạn đại liên xếp vuông với tấm poncho phủ gọn ở trên như một cái bàn thấp cùng mấy hộp bánh mứt Bảo Hiên và mấy chai rượu bọc giấy hoa như làm cho căn hầm sáng và đẹp hơn. “Phòng họp” lớn lổ nhổ những người; các âm thoại viên đang lui cui kéo giầy ráp nối máy móc vào trụ en ten cao nhòng trên nóc; Chĩ Huy Trưởng hậu cứ, Sĩ Quan Ban Một, Sĩ Quan Tiếp Liệu và các Hạ Sĩ Quan chuyên môn gần như có mặt đầy đủ trong những bộ quân áo hồ cứng thẳng tưng đang tươi cười chào hỏi những người mới đến. Ngày cuối năm, đơn vị được “ra hành quân” là một dịp lớn để mọi người vui với nhau một chút. Tiểu đoàn trưởng không cầm bản đồ, không hỏi han tình hình quân số và trang bị, không nhắc cái này, la điều kia như thường ngày, chỉ lấy ra năm chai rượu, nói “Mỗi cậu một chai, giao thừa lai rai một chút cho ấm bụng” và hất đầu ra hiệu cho mấy anh em phục vụ “dọn tiệc”. Trà được bưng tới, bánh được mở ra. Mấy sĩ quan hậu cứ lễ nghĩa và bóng bẩy chúc Tết sớm, mấy sĩ quan tác chiến rồn rảng cười nói. Buổi tất niên bất ngờ, đạm bạc nhưng vui. Lĩnh mà, vậy là tốt rồi, được ngồi thoải mái với nhau vài tiếng đồng hồ, nói năm điều bảy chuyện, uống hớp nước, ăn chút bánh mà không phải nơm nớp lo âu cho sự an nguy của chính mình và của đơn vị là tiên trên đời rồi, số một rồi.

Giữa cuộc vui, Tiểu đoàn trưởng chậm rãi cho biết đã liên lạc với phòng ba chiến đoàn, không có kế hoạch gì đặc biệt, ông kết luận: “Chắc mình ăn Tết ở đây”, và âu yếm nhìn các Đại đội trưởng trẻ, độc thân của mình, nói thêm, giọng ấm áp: “Cậu nào có bạn gái hay người quen

biết gì nhẩn hậu cứ mời lên chơi cho vui, không dễ gì được nằm gằn lộ như thế này đâu”. Các Đại đội trưởng mau mắn đáp lại: “45 làm gương trước đi, mời chị lên chơi”. Tiểu đoàn trưởng cười cười: “Có, chiều nay bà ấy và mấy cháu sẽ lên, mười sáu năm rồi tôi chưa bao giờ được ăn Tết ở nhà, cũng chưa bao giờ được ở trong một căn hầm nào đẹp như thế này, cả nhà ăn Tết ở đây cũng tốt, năm mới mấy cậu ghé chơi”. Giọng Tiểu đoàn trưởng đều đều, không có vẻ gì than vãn, trách oán nhưng có chút nao nao, buồn buồn. Lúc chia tay ông đi với các Đại đội trưởng ra cửa hầm, dặn nhỏ: “Dường quân ở đây, dặn em út lục soát, mở đường cẩn thận, nhưng cứ lờ cho anh em họ la cà ra xóm một chút, Tết nhất chắc không đến nỗi nào đâu.” Ông nói với theo khi mọi người đã đi được một đoạn ngắn, giọng nghiêm lại: “Nhớ kiểm soát kỹ, tuyệt đối không được để em út say sưa, phá phách”.

51 Tùng, Đại đội một, trở về vị trí đóng quân của mình. Lại hậu cứ, lại bánh, rượu và báo xuân. Câu chuyện vui vẻ và thân mật, một ít giấy tờ phải ký, một ít tình hình quân số và tiếp liệu được trình báo những phần lớn là những lời thăm hỏi chúc mừng. Hạ sĩ quan quân số, Trung sĩ nhất Thế, hỏi nhỏ khi Tùng đang lật lật mấy tờ báo xuân: “51 cần tôi ghé Phú Nhuận không?”. Tùng suy nghĩ một chút rồi cười cười gật đầu: “Ờ, nhẩn giùm cô ấy sáng mồng một tôi đón ở Gò Dầu, quán Đồng Nội, gần trường Lê Văn Trung, chốc nữa tôi sẽ viết cho cô ấy mấy chữ nhờ ông chuyển hộ”. Thường Vụ đại đội, Hạ Sĩ Quan Tiếp Tế, Hạ Sĩ Quan Chiến Tranh Chính Trị bàn bạc rất lâu với nhau và cùng kéo đến gần Tùng: “Chắc mình nghỉ ở đây, có chút tiền phụ cấp Cây Mùa Xuân Chiến Sĩ,



chúng tôi định chiều mai tặng khẩu phần ăn xôm xôm một chút, đại đội ăn chung với nhau một bữa, 51 nghĩ sao?”. Tùng gật đầu: “Được, nhưng nhớ đừng gôm hết lại một chỗ, các trung đội quây quần bên phần tuyến của mình; Ban Chỉ Huy, súng cối và BK tách riêng ra một chỗ khác, coi chừng bị pháo. Tôi sẽ xuống từng chỗ với anh em”.

Buổi chiều cuối năm im ả, bên xóm vắng tiếng trẻ đùa và xe cộ qua lại trên đường với dáng vẻ vội vàng, hối hả như đang chạy đuổi với thời gian. Các nhân viên hậu cứ lần lược từ giả. Tùng đi suốt một vòng tuyến, từng lúc dừng lại chỗ này chỗ kia nói chuyện với những người lính đang ăn vội bữa cơm chiều, anh ngồi chơi với anh em một lúc lâu đợi cho các toán tiền đồn vào vị trí mới chậm rãi trở về hầm chỉ huy của mình. Kế hoạch đón tết vừa riêng vừa chung đều làm Tùng thấy vui. Mấy năm liền, tuy tiếng là hòa bình, ngưng bắn nhưng chưa năm nào đơn vị được rời vùng hành quân và ngày đầu năm nào Tùng cũng chỉ có thể hút với anh em một điếu thuốc, nhấp với họ chút rượu chắt chiu trong những nắp bidong sóng đổ ngay tuyến phòng thủ giữa mặt trận. Ý nghĩ về một bữa cơm đơn vị làm Tùng thấy ấm lòng, anh nghĩ đến lá thư viết vội cho Thiên Kim vừa gửi Trung sĩ nhất Thế với lời tái bút vui vui: “Khi nào nghe lơ xe hô lớn Gò Dầu nghe bà con là em xuống xe, nhìn bên trái sẽ thấy anh đứng đón, nhớ là đừng tìm ông có râu cao bồi, coi chừng lộn với ông nào khác. Tết nhất anh sẽ làm đẹp để đón tiểu thư”. Lần đầu Thiên Kim lên thăm Tùng ở đơn vị, nghe anh em nói với nhau “cô lên, cô lên” nàng đã thẹn đỏ mặt và chờ lúc không có ai mới phụng phịu cự nự người yêu: “Cô chắc là chữ mấy ông lính gọi các bà vợ người chỉ huy của họ, em là gì của anh mà cũng cô cô trong này, kỳ cục”. Tùng đã cười hã hã trên lại nàng: “Cô là tiếng ngắn gọn,

dễ nghe và nhiều ý nghĩa nhất trong các tiếng, em không chịu cho gọi như vậy anh em họ sẽ kêu bằng bà người yêu của ông Trung úy nghe còn dễ sợ hơn nữa, tùy em quyết định đi” và Thiên Kim đã chịu thua, đã tiếp tục làm “cô lên” bất cứ lúc nào có thể.

Ước mơ của người lính thật đơn giản, ông Tiểu đoàn trưởng muốn được đoàn tụ cả nhà trong hầm chỉ huy qua với nhau một cái Tết gia đình; ông Đại đội trưởng muốn những người lính có thể ngồi ăn chung với nhau một bữa cơm bên bờ tuyến có chút thịt cá phụ trội và những lời thăm hỏi chúc mừng năm mới. Chuyện như đã chắc trong tầm tay mà cũng không thực hiện được. Trong vòng hai mươi bốn tiếng đồng hồ tiếp đó, nhiều sự việc bất ngờ đã xảy ra. Kế hoạch không đến từ Chiến đoàn, Sư đoàn, nó đến từ một chỗ cao hơn. Sáu giờ chiều ngày 29, Tiểu đoàn 2/46 nhận lệnh yểm trợ đơn vị bạn thi hành công tác. Đại đội công sự nặng thuộc Tiểu đoàn 25 công binh chiến đấu kéo đến, có Tiểu đoàn trưởng, Sĩ quan tham mưu Quân đoàn, Sĩ quan chuyên môn Cục Công Binh đôn đốc và kiểm soát. Máy phát điện được mở lên, xe ủi, xe xúc, xe cẩu hụ tới hụ lui. Lệnh phải hoàn tất một ụ thuyết trình đã chiến kiên cố và gọn đẹp trước sáu giờ sáng.

Trong đêm, Trinh sát Sư đoàn, Trinh sát Trung đoàn, các Tiểu đoàn 1 và 3/46, một số tiểu đoàn Địa phương quân Tiểu Khu Tây Ninh và Hậu Nghĩa nhận được lệnh chuyển quân. Toàn bộ các điểm trọng yếu chung quanh khu vực Trâm Vàng đều có lực lượng lục soát và án ngữ. Chưa có tin tức chính xác nào được phổ biến những căn cứ vào lệnh điều động, mọi người đều có thể dự đoán một giới chức rất quan trọng sẽ đến thăm căn cứ Trâm Vàng.

Sáu giờ sáng ngày 30 tháng Chạp. Tiếp liệu Tiểu đoàn 2/46 với lệnh cấp phát đặc biệt từ Phòng 4 Sư đoàn

và phương tiện chuyên chở của Tiểu đoàn 25 vận tải đã có mặt và trang bị bổ sung quân trang quân dụng cho toàn đơn vị. Những đôi giày bố, nón sắt, giày ba chạc và khăn quàng cổ mới được cấp phát ngoài cấp số. Tiểu đoàn 2/46 nhận lệnh kiểm tra quân phục, quân số, trang bị và lục soát, lập các toán án ngữ bảo vệ toàn bộ khu vực trước khi tập trung tại tọa độ XT... trước mười giờ sáng.

Những khẩu lệnh quân trường được hô to. Bên trái làm chuẩn, cao trước thấp sau, Trung đội hàng dọc, Đại đội hàng ngang, Tiểu đoàn được tập hợp thành một khối hình chu U dưới sự điều động của Tiểu đoàn phó. Tiểu đoàn trưởng và ban tham mưu đang chuẩn bị thuyết trình trước phái đoàn trung ương tại trung tâm hành quân mới vừa hoàn tất trong đêm trước. Tin tức chính thức cho biết: Đại diện sư đoàn 25/BB, Tiểu đoàn 2/46 được vinh dự đón tiếp Nguyên thủ Quốc gia và phái đoàn Chính phủ thăm viếng và ủy lạo nhân nhân dịp Tết dân tộc.

Băng đạn được tháo ra, sáu lần thao tác án toàn súng được lập lại. Đội hình sẵn sàng trong tư thế chờ đợi. Một chút kiêu hãnh, một chút xót xa. Máu của biết bao anh em đồng đội đã đổ ra ở Suối Đá, máu của biết bao anh em đồng đội khác đã đổ ra để dành lại từng tấc đất, từng bụi cây trước khi cắm được ngọn cờ tổ quốc lên bờ đất đổ nát của căn cứ 82 và còn nhiều nữa ở Phú Thứ, ở Phước Tân, ở Cần Đăng, Trại Bí, Dầu Tiếng, Phú Hòa Đông, Chà Rây, Hồ Bò, Trung Lập... Tiểu đoàn 2/46 từng đổ máu, từng hy sinh nhưng chưa bao giờ lùi bước và cũng chưa bao giờ không chu toàn nhiệm vụ dù nhiều khi cái giá phải trả ra thật đáng đau lòng. Người lính 2/46 đã làm hết sức mình, họ không hiểu biết gì nhiều, không đại ngôn lớn lối tự khoát cho mình một lý tưởng, một mục đích gì to lớn, vĩ đại. Họ cố gắng chu toàn nhiệm vụ của những

người lính nhỏ nhoi vì anh em đồng đội, vì đơn vị, vì quân đội và vì tổ quốc của mình. Họ không chờ đợi và không hề biết có ngày hôm nay. Họ chỉ làm những việc phải làm, vậy thôi.

Những người lính im phất trong hàng. Mười hai giờ ba mươi, đợt khách đầu tiên ào tới. Những cận vệ vòng ngoài gườm gườm, M 18 cặp nách bố trí khắp nơi; những chuyên viên rà mìn máy móc rờ rờ rà tìm từng bụi cỏ, gốc cây. Mười hai giờ bốn mươi phút đợt khách thứ hai ào tới, máy vi âm mới được lắp ráp dù đã có sẵn, chuyên viên quay phim, chụp hình chạy tới chạy lui. Một giờ chiều Nguyên thu Quốc gia đến. Quân cảnh, cận vệ và tùy tùng đông nghẹt. Kèn trống rộn ràng. 2/46 Hành Khúc của chuẩn úy trợ y Bửu Phôi, người đoạt giải văn học nghệ thuật bộ môn hoà âm vang vang “ 2/46 lòng vang chiến công, về đây chung sức đắp xây quê hương, một lòng vì dân đoàn ta chiến đấu, quyết đem thân mình bảo vệ quê hương. Long An giúp dân, giúp dân, giúp dân; Tây Ninh trấn biên, trấn biên, trấn biên; đây Kamphuchia xông pha bao lần...” .Những lời chào bóng bẩy được đọc lên; những lời khen ngợi rườm rà được nói ra; những cái bắt tay, những lời thăm hỏi máy móc được lập lại. Người lính im phất trong hàng, trong một giây phút, hình như lòng quặn lại, mắt mờ đi, loáng thoáng đâu đó hình ảnh mẹ già, vợ trẻ, con thơ, mái nhà tranh, khu xóm nghèo và những xôn xao ngày Tết không trọn vẹn; rồi đâu đó hình như có tiếng hô xung phong, những tiếng nổ, máu, những xác người, những anh em đồng đội nằm xuống, những người khác tràn lên, lại những người nằm xuống...Cứ như thế, nhập nhòa giữa những bóng bẩy hào quang là những hồi ức buồn thảm. Lại trống, lại kèn, người lính thoáng vui rồi chợt buồn. Chiều ba mươi Tết, giờ này đây, hàng ngàn

anh em đồng đội, những người đã bất ngờ nhận lệnh, đã mò mẫm di chuyển, đã căng mắt bố phòng suốt đêm qua và đang ghìm súng bảo vệ ở đâu đó giữa hiểm địa, rừng sâu. Người lính, không có giờ giấc, không biết tháng ngày, chiến đấu và hy sinh. Đằng sau mỗi vinh quang là những gian khó và thảm kịch. Người lính không hề có tròn nét môi cười, không biết thế nào là trọn vẹn niềm vui. Quân kỳ có thêm một giây biểu chương màu Bảo Quốc, người lính ưỡng ngực, ngấn đầu nhưng trong lòng thoáng chút xót xa. Buổi lễ chấm dứt, những người khách lên xe, người lính ở lại. Ba lô lên vai và những ngày mới sẽ đến. Còn một đêm nữa là năm mới.

Đơn vị về tới tuyến phòng thủ lúc 5 giờ 30. Buổi cơm chung dự định sẽ bắt đầu vào lúc 6 giờ. Poncho đã được trải ra, thịt quay, chả lụa đã đựng đầy nhiều nón sắt. Hình như có bánh chưng, dưa kiệu và vài món linh tinh khác. Binh nhất Vinh, thằng em phục vụ thân thiết lăn xả chạy tới chạy lui báo cho Tùng biết diễn tiến những chuẩn bị ở từng trung đội. Tùng nói: “Kiếm cho tao cái ly, năm nay ăn tết đang hoàn một chút, cứ nắp bình đồng hoài coi không được.” Vinh đáp lớn: “Xong rồi 51, sáng nay em hỏi mua lại cái ly caphê ngoài quán, định trả tiền nhưng bà chủ nói tặng ông sĩ quan uống rượu Tết cho vui” và cười cười, bước lại gần Tùng, nói nhỏ, giọng có vẻ ngượng: “Chốc nữa em hát tặng Trung úy bài “Xuân Này Con Không Về”. Tùng nhìn người lính trẻ: “Cậu hát được à? Sao lâu nay không thấy ngheu ngao cho vui. Tốt lắm, nhưng đâu phải chỉ mình tao “không về” hát tặng chung anh em đi”. Vịnh dạ dạ và nói thêm, giọng nhỏ lại “Em cũng hát cho em nữa”. Tùng nói “đúng, hát tặng chung tất cả chúng ta”. Hai thầy trò đều cười vui, nhưng bài hát đó không bao giờ được hát .

Sáu giờ thiếu mười lăm, súng cá nhân nổ rất hừng rừng cao su phía xa, cùng lúc, mưa pháo phủ ngập căn cứ Trâm Vàng. Chiến thuật mới: tấn công các đơn vị hành quân lưu động bằng bộ binh và khóa miệng các căn cứ hỏa lực, các đơn vị yểm trợ bằng pháo kích. Chưa có tin tức chính xác nào từ Chiến đoàn. Tiểu đoàn ra lệnh các đơn vị trực thuộc phân tán con cái bố trí dọc mép rừng cao su để tránh pháo và chờ lệnh. Bữa cơm tất niên của Đại đội một vừa được bày biện đã vung vãi vì sức nổ, mảnh đạn và sỏi cát của trận pháo kích, Những người lính bụng trống vượt bờ đất lao về phía trước giữa những tiếng nổ.

Sáu giờ chiều, Tiểu đoàn trưởng 2/46 gọi các Đại đội trưởng nhận lệnh hành quân tại bìa rừng cao su phía sau căn cứ Trâm Vàng. Sĩ quan Ban 3 đưa phóng đồ hành quân vụn vụn chỉ có một vòng tròn đỏ cách điểm xuất phát 2 cây số về phía Cầu Khởi. Tiểu đoàn trưởng ngắn gọn thông báo tình hình và ban hành những chỉ thị cần thiết. Theo đó, Tiểu đoàn X/46, đơn vị hành quân án ngữ bảo vệ an ninh cho buổi lễ đón tiếp thượng cấp đã bị tập kích trên đường rút lui sau khi hoàn tất nhiệm vụ. Liên lạc vô tuyến với X/46 đã hoàn toàn bị gián đoạn và khả năng có thể là đơn vị bạn đã bị tổn thất nặng và đang tản lạc trong khu vực hành quân. Nhiệm vụ của 2/46 là tiến về hướng được ghi nhận đã có giao tranh, giải tỏa áp lực địch, tìm đón những binh sĩ thất lạc, tải thương và gồm nhặt xác những chiến sĩ đã hy sinh.

Tiểu đoàn trưởng dặn tới dặn lui: “Cẩn thận tối đa. Chắc chắn có nhiều người của mình tản lạc trong khu vực, đừng ngộ nhận tác xạ lầm quân bạn và cũng đừng lơ là để địch quân trà trộn tập kích.” ông nói thêm trước khi các Đại đội trưởng trở về vị trí chặn bị điều động đơn vị di chuyển, giọng rất buồn: “Bảo em út cố gắng, rất nhiều

anh em đang cần đến mình. Tết nhứt tôi biết, nhưng tình hình không thể trì hoãn được. Rán lên.”

Trời tối dần, đơn vị di chuyển chậm chạp, từng lúc phải dừng lại bố trí, quan sát, nhận dạng và đón người. Những binh sĩ thất tán mừng rỡ gặp lại quân bạn nhưng trạng thái căng thẳng, hoảng hốt đã biến họ thành ngần ngại, lơ lửng và những lời trình bày của họ lộn xộn, rối ren và trùng lặp về diễn tiến trận đánh và không ai chắc chắn điều gì về số phận đơn vị của mình. Điều ghi nhận rõ nhất là trận đụng độ rất ác liệt và phần thất lợi về phía quân bạn.

9.30 đêm, những đơn vị đầu tiên tiếp cận khu vực giao tranh. Trời tối đen, không khí lặng lẽ và lạnh lẽo. Những ánh hỏa châu nhấp nhòe, lung linh vội sáng vội tắt trên một khu vực tiêu điều, xác xơ, vung vãi những cành cây đổ vì đạn pháo của cả hai phía. Những xác người đầu tiên đã được tìm thấy. Không ai có thể xác nhận được hình dáng và lý lịch của những chiến sĩ bất hạnh này.

9.40 Tiểu đoàn cho biết Chiến đoàn đã tái liên lạc vô tuyến được với Tiểu đoàn X/46. Đơn vị bạn bị đột kích, hai Đại đội bọc hậu bị cắt đứt khỏi đội hình chung và bị thiệt hại nặng chưa liên lạc và kiểm kê được; Tiểu đoàn bị pháo kích và hệ thống liên lạc bị hư hại nhưng đã tái hoạt động trở lại. Đơn vị bạn đã về đến vị trí an toàn dù quân số không đầy đủ.

Lệnh dừng quân và phòng thủ đêm được ban hành. Những người lính lấm lũi đào hố, căn mình. Những toán tiến đồn lặng lẽ tiến về phía những vị trí được chỉ định. Người lính mệt mỏi mở bao cơm sấy nguội lạnh và lạp lẹo mò mẫm dùng bữa cơm chiều; không khí im ắng, nặng nề; người người lặng thầm, chịu đựng. Đêm cuối năm, vài tiếng đồng hồ nữa là giao thừa, năm mới. Rừng đêm, bất

trắc và tử khí. Người lính uống vội hớp nước, nằm lăn ra đất nhìn lên trời cao tối tăm cố quên những thực tế đau lòng, ráng dỗ giấc ngủ chờ đến phiên được kêu dậy, đổi gác.

10.30 Tiểu đoàn gọi các Đại đội; Đại đội gọi các Trung đội để hỏi nhau cùng một câu hỏi: “Có nghe thấy gì không?”. Tiếng rên. Rất nhiều tiếng rên đau đớn và thê thiết xa có gần có. Các thương binh rải rác đâu đây có lẽ vừa qua cơn tê điếng lúc đầu cộng với khí lạnh trời đêm làm họ không còn chịu đựng được nữa. Tiểu đoàn trưởng gợi ý, không phải ra lệnh: “Ráng cho biệt kích dò theo tiếng kêu lên đón anh em về được không, lạnh thế này, chờ đến sáng chắc chết hết.” “Không được, mìn cơ động đã gài cùng khắp, lạnh quạng không giúp được ai mà hại đến anh em mình”. Các đại đội trưởng đồng loạt trả lời. Trách nhiệm với đơn vị buộc phải từ chối nhưng lòng đau như cắt, đứng ngồi không yên. Tiếng rên như những vết đâm xé ruột những người hiện diện.

11.20 binh nhất Vinh mò tìm đến hầm chỉ huy, dúi vào tay Tùng chiếc bình đồng nặng nặng, thì thầm: “51 làm hớp rượu cho ấm”. Tùng mở nắp bình rượu. Vinh cười khẻ và nói tiếp: “51 dùng đỡ nắp bình đồng, chiều nay có cái ly, lúc chạy qua bờ đất rớt lại nhưng pháo rất quá em không dám quay lại lấy, 51 thông cảm.” Tùng cầm tay người lính trẻ bóp nhẹ: “Được rồi, không sao”. Vinh dục “51 uống đi” Tùng cầm bình rượu định uống nhưng rồi ngưng lại, bảo Vinh: “Cậu ra gọi ông Thượng sĩ thường vụ vào làm với tôi vài nắp, tôi không muốn uống một mình.”

Người Thượng sĩ già nhẹ nhàng đến ngồi bên Tùng, nói nhỏ, cố tỏ vẻ bình thản, đứng dưng nhưng giọng nói run run, xúc động: “Tôi mới đi một vòng tuyến, hết nghe



tiếng rên rỗi, chắc chịu hết nổi. Chết lảng xẹt, sao không ráng một chút nữa cho biết năm mới với người ta!” . Tùng nói: “Thôi, mình không làm gì được, có đau lòng cũng vậy thôi. Phú cho trời đi . Ông làm với tôi chút rượu cho ấm. Tôi tưởng ở Trâm Vàng nên định sáng mai cho ông về hậu cứ chơi với bà ấy và mấy cháu một bữa cho vui không ngờ mình ở đây. Tôi rất tiếc.” Tùng uống một nắp rượu rồi chuyển cả bình và nắp cho người đối diện. Người Thượng sĩ già cầm bình rượu, run run kê miệng bình sát vào nắp, cẩn thận rót nhẹ cho rượu khỏi đổ ra ngoài, nói nhanh trước khi đưa nắp rượu lên ực một hơi: “Cảm ơn 51 đã nghĩ đến nhưng không sao đâu, quen rồi, mấy chục năm nay có bao giờ tôi được ăn Tết ở nhà đâu, mẹ cháu và sắp nhỏ cũng quen rồi, không chờ và cũng không hy vọng sẽ có tôi ở nhà. Thêm một năm nữa cũng đâu có sao”. Tùng uống với người lính già phụ tá gần nửa bình rượu. Có tiếng bước chân khe khẽ và tiếng gọi thì thầm kêu nhau đổi gác. Tùng nói:”Thôi, ông về nghỉ đi, bảo khẩu trưởng súng cối thay ông đốc canh, tôi cũng còn thức ở đây, để tôi coi ngó anh em cho”. Người Thượng sĩ đứng dậy, nói nhỏ “Mừng tuổi 51” rồi nói lớn hơn một chút “51 nghỉ đi, tôi không ngủ được, nói vậy chớ Tết nhất mà, cũng nóng ruột. Tôi sẽ kiểm soát anh em canh gác cẩn thận”

12 . 05 giờ đêm, Tiểu đoàn trưởng gặp các Đại đội trưởng trên máy, nói gọn bốn chữ: “ Chúc mừng năm mới”. Các Đại đội trưởng cũng lập lại mấy chữ tương tự và hỏi thêm; “Chiều nay rồi chị và mấy cháu tính sao, 45?”. “ Không biết, gấp quá tôi dặn bà ấy đưa mấy đứa nhỏ về lại Sài Gòn nhưng không biết giờ đó còn đón được xe hay không? Không khéo mấy mẹ con đón giao thừa lêu bêu ngoài đường không chừng. Tôi đã gọi hậu cứ nhờ tìm mà chưa thấy ai báo gì, cũng kẹt”.

12.10 giờ, Tùng gọi các Trung đội trưởng chúc mừng năm mới, nhận lại lời chúc rồi sang tần số nói chuyện với 53 Thắng, chàng trung úy có người yêu là nữ sinh viên Chính Trị Kinh Doanh thời còn là lính mới tò te ở trường Chiến Tranh Chính Trị, hai người đã đính hôn và cũng giống như Thiên Kim, cô nàng thường lên đơn vị thăm Thắng bất cứ lúc nào có thể. Bạn chiến đấu và đồng cảnh, Tùng nói chuyện với Thắng tự nhiên, thoải mái: “Ông có hẹn cô ấy mai lên không?” “Có” Thắng đáp và nói thêm “10 giờ sáng, quán Đồng Nội, còn ông?” “Cũng có, cũng quán Đồng Nội, 10 giờ sáng”. Thắng cười cười và nói, giọng lo lắng “Đã liên lạc được với thằng X/46, cũng nhẹ gánh. Không biết mai mình có ra sớm được không?” “Hy vọng ra sớm” Tùng nói nhưng thật tâm anh không nghĩ như vậy, và thực tế đã chứng minh không phải như vậy.

5.30 sáng ngày mừng một tháng Giêng, Tiểu đoàn 2/46 cuốn mìn, lấp hố, rời vị trí đóng quân đêm, mở rộng đội hình án ngữ và lục soát toàn bộ khu vực khả nghi. Mười chín thương binh nặng nhẹ, mười một tử thi được tìm thấy, hai mươi bốn binh sĩ thất lạc được đón về.

11 giờ sáng ngày mừng Một. Chiến đoàn cho biết đã kiểm kê đầy đủ quân số Tiểu đoàn X/46. Tiểu đoàn 2/46 chấm dứt nhiệm vụ tìm đón binh sĩ thất lạc, gồm xác, tải thương và nhận nhiệm vụ mới: hành quân truy kích địch. Lệnh hành quân chỉ định 5 mục tiêu, lộ trình tổng cộng 11 cây số. Cuộc hành quân không chạm địch, không tổn thất nhưng kéo dài năm ngày. Ngày mừng Năm tháng Giêng, Tiểu Đoàn 2/46 được rút về làm lực lượng trừ bị cho Chiến đoàn tại căn cứ Đức Dũng, gần ngã ba Phước Hiệp.

Đại đội nhận tuyến phòng thủ, Thường vụ phân chia khu vực trách nhiệm cho các Trung đội rồi trở vào gặp Tùng tại hầm chỉ huy: “Mới mừng năm, chưa hạ nêu, vẫn còn Tết, 51 muốn nói chuyện với anh em không tôi tập hợp?”. Tùng hỏi Vinh “Mấy chai rượu hậu cứ mang lên còn không?”. Vinh đáp: “Còn 51?”. Tùng dặn thường vụ tập hợp Đại đội rồi quay lại nói với Vinh “Cậu đi mời mấy ông 50, 52, 53, 54 tới chơi và chuẩn bị hát “Xuân Này Con Không Về”. Vinh cười, đưa tay gãi gãi đầu và nói, vẻ bẽn lẽn: “Em sẽ đi mời mấy thẩm quyền kia ngay, còn vụ “Xuân Này Con Không Về” 51 cho em đổi lại là Đồn Vắng Chiều Xuân. Bài kia buồn quá em sợ mới làm mấy câu đã khóc không hát được hết bài. Tùng thấy nghèn nghẹn những vẫn gượng cười cười, dễ dãi : “Muốn đồn vắng thì đồn vắng”.

Hôm đó Tùng đã nói chuyện rất lâu với những anh em sinh tử của mình, chia xẻ với họ nỗi niềm về cả một thế hệ nhiều kiêu hãnh và cũng đầy bất hạnh, uống với họ những nắp rượu đắng cay và kết luận với hy vọng một cái Tết vui hơn, đầy đủ hơn. Hy vọng đó không bao giờ có, tháng âm lịch chậm sau dương lịch hơn 30 ngày. Đã đầu tháng 2 năm 1975. không đầy 3 tháng sau là thảm kịch 30 tháng tư, thời gian không dài những tai biến và đau bể đã liên tục xảy ra cho một đơn vị tác chiến giữa một giai đoạn khó khăn, sinh tử cuối cùng. Nhiều anh em đã không còn, Trung sĩ nhất Võ Siêng, quyền Trung đội trưởng Trung đội 3 hy sinh ngày 27 tháng 4; người khách, người bạn chiến đấu, Trung Úy Nguyễn Đức Thắng vĩnh viễn lìa xa anh em đêm 28 tháng tư, Thiếu úy Nguyễn Trung Còn, Trung đội trưởng Trung đội một nằm lại giữa cánh đồng bưng ba tiếng đồng hồ trước khi đơn vị không còn biết một nơi nào còn có quân bạn để tìm đến chiều

ngày 29, tháng tư. Đại đội một, Tiểu đoàn 2/46 không bao giờ còn có dịp ăn với nhau một cái Tết, cho dầu là chỉ để uống với nhau chút rượu đấng trong nắp bình đồng bên bờ tuyến phòng thủ.

NGUYỄN MẠNH AN DÂN

---

### ĐỀ MAI SƠN THỌ VIÊN

*Nhàn hương Mai sơn bốc thọ viên  
Thạch đầu cao cú tiểu vô ngôn  
Mai sơn tha nhật tàng mai cốt  
Ứng hữu mai hoa tác mộng hồn*

ĐÀO TẤN

### BÀI THƠ SINH PHẦN Ở NÚI MAI

*Tìm cảnh sinh phần ở núi Mai  
Lặng cười trên đá ngắm khoan thai  
Núi Mai ngày ấy xương Mai gởi  
Mộng hồn ứng được hóa hoa mai.*

VIỆT THAO phụng dịch

## QUÊ TÔI

Quê tôi đây - nằm bên đường quốc lộ,  
Rẽ vào đây - đường đất rộng thênh thang.  
Con mương nhỏ, cống xây, chiều nắng đổ  
Tiếp cống làng cao vút đứng hiên ngang.

Quê tôi đây - trường xưa thay mái ngói,  
Sân đình vui, muôn thuở bóng hàng me.  
Cánh đồng trải sau làng vùng đông rọi,  
Xóm làng quen ấp ủ những bờ tre.

Vườn sây trái vào thu vàng óng ả,  
Tiếng chim reo trong vắt buổi trưa hè,  
Xuân nhẹ nắng sáng màu xanh cho lá,  
Trời sang đông gió bắc lạnh da se.

Vươn tay vẫy chào trăng dĩa ẻo lả,  
Long lanh sương, cài thảm cỏ bình minh,  
Chiều xuống chậm bướm đùa theo sóng mạ,  
Bếp lều tranh nằm nhả khói thanh bình.

Mùa lúa chín tiếng gà vang hối hả  
Giục làng trên xóm dưới kéo ra đồng.  
Mặt trời lặn, bước chân bò thong thả  
Theo lúa vàng trĩu gánh trở về thôn.

Những đống rạ chất đầy như dãy núi  
Đèn đuốc lên đập lúa rộn ngoài sân,  
Đêm thôn xóm vui hơn ngày mở hội.  
Mừng được mùa chè xôi nước quen thân.

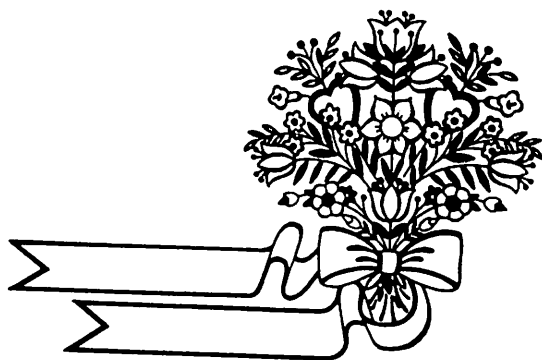
Rồi năm mới pháo giao thừa, nôi bánh tét,  
Lễ xuất hành, cây nêu Tết ... Quê tôi.  
Và trăng sáng hát hò quên gạo trắng  
Cảm nhịp chày trai gái hẹn thành đôi.

Tôi lớn lên trong vườn khoai ruộng thóc,  
Đọt rau bùi, trái chín ngọt tình thương ...  
Nhờ hai buổi trường làng tôi biết đọc  
Luyện tay mềm tôi viết chữ QUÊ HƯƠNG.

Tôi nhớ mãi con mương làng câu cắm,  
Những đêm mưa đơm dệp ở sau nhà,  
Mùa keo chín tu hú về rộn lấm  
Đất viên tròn làm đạn bắn chim sa ...

Quê thương mến! Giờ muôn vàn xa cách  
Biết còn không, hình nét nhớ thân yêu?  
Bước gian truân không dám hứa ra nhiều  
Nhưng vẫn hẹn Quê hương ngày tái ngộ.

VIỆT THAO



# ĐÒN BÁNH TẾT MỪNG XUÂN

LÊ CHU

Nói đến Tết ở quê nhà mà không nói đến bánh tét, e rằng chưa đủ. Những đêm gần Tết, bên ngoài trời tối đen như mực, chúng tôi quây quần ngồi cạnh bếp để canh nồi bánh - Nhìn ngọn lửa bập bùng, tỏa hơi ấm vào những đêm giá lạnh. Cái không khí gia đình đoàn tụ, cái não nức chuẩn bị đón xuân - Hình ảnh tuy đơn sơ, mộc mạc nhưng là những kỷ niệm không quên.

Thế nhưng, gia đình tôi còn giữ một kỷ niệm khác về đò bánh tét ngày xuân - cứ mỗi lần nhắc đến, chúng tôi vô cùng xúc động.

Cha tôi, thuộc thế hệ còn theo cựu học. Nhưng vào những khoa thi cuối, ngoài phần Hán học, sĩ tử học thêm phần Quốc ngữ, Toán và cả phần nhiệm ý tiếng Pháp. Cha tôi thi ở Huế, đậu tú tài Hán học. Sau đó, ông trở lại quê nhà, sống theo nghề nông và tham gia công tác dạy học do làng tổ chức. Phần lớn bà con trong vùng đều quen biết cha tôi và nhiều người trong số họ, thời ấy, là học trò của cha tôi. Đất nước còn đắm chìm trong màn đêm của chủ nghĩa thực dân, cùng cảm thông với cảnh ngộ của người dân mất nước, bà con trong làng xã ngày ấy đối xử với nhau rất là thân mật và khắng khít. Gia đình này gắn bó với gia đình kia, vui buồn có nhau. Gia đình tôi không giàu có, vừa đủ ăn. Ngoài những mảnh ruộng gần nhau, gia đình tự canh tác, cha tôi còn được hưởng vài mẫu ruộng ở các làng xa, thừa hưởng gia sản do ông bà nội tôi để lại. Bà tôi vốn tần tảo, ngoài ruộng vườn, Bà tôi nuôi tầm dẹt vải. Dành dụm được tiền, Bà tậu ruộng cho con

cháu. Những đám ruộng ở xa, độ hai mẫu, gia đình tôi không quán quuyến nổi, nên thuận để cho bà con ở đó canh tác và họ chia lại hoa lợi. Nào ngờ, chính những mảnh ruộng đó lại là chứng tích tội "bóc lột" nông dân, theo quy định của chính quyền cộng sản.

Thế hệ của cha tôi, vào những năm cuối thế kỷ 19 đầu thế kỷ 20, đều có ít nhiều liên hệ đến các phong trào quần chúng như phong trào cổ động đàn ông cắt tóc ngắn (đầu bào) và phong trào chống thuế nặng, sưu cao, sử gọi là phong trào dân biến, đám cầm quyền gọi là "giặc đồng bào". Sở dĩ có từ đó là vì trong các tịch, các lời kêu gọi của các nhà lãnh đạo phong trào luôn luôn kêu gọi đồng bào thức tỉnh và tham gia công cuộc đấu tranh. Bị đàn áp, bị bóc lột, bị đè nén, người dân luôn áp ủ mối hận trong lòng. Thế nên, vào mùa Thu 1945 khi nghe nói đến Độc lập cho đất nước, mọi người đều hân hoan. Không tiếc công tiếc của, mọi người chung sức chung lòng đấu tranh cho sự nghiệp của Đất nước và Dân tộc. Có những bà mẹ quê, vui vẻ và tự nguyện đem tư trang cúng vào tuần lễ vàng. Lấy vàng mua vũ khí đánh Pháp đang âm mưu trở lại Việt Nam - Mẹ tôi là một trong những bà mẹ quê đó. Cha tôi hăng hái tham gia công tác của ủy ban xã. Trong gia đình tôi có người tự xếp bút nghiên lên đường tranh đấu. Mặc bao nhiêu gian khổ, mọi người vẫn hy sinh, vẫn chịu đựng, không khí vẫn hăng say.

Nhưng đến năm 1952, một bầu không khí thê lương, ảm đạm, nghi kỵ, lo sợ bao trùm. Đảng đang phát động phong trào cải cách ruộng đất. Nước ta, người dân chủ yếu sống bằng nông nghiệp, việc cải cách ruộng đất vốn không phải là sai. Các nước cũng thực hiện cải cách ruộng đất. Xuyên qua lịch sử VN, cái triều đại vẫn thực hiện cái cách ruộng đất. Và ngay tại tỉnh nhà, dưới cái triều vua



Gia Long, Minh Mạng, Thiệu Trị, Tự Đức cũng có cải cách ruộng đất, ấn định công điền, tư điền. Nhưng chưa có cuộc cải cách nào mà máu đổ thịt rơi, mà oan khiên chồng chất như phong trào "phóng tay phát động quần chúng" đấu tranh diệt địa chủ của CS. Phong trào này bắt nguồn từ Trung Quốc sau khi Mao kiểm soát toàn bộ lục địa Trung Hoa. Cán bộ CSVN được đưa sang Trung Quốc để chứng kiến và học tập phương pháp đấu tố địa chủ do "người anh em" của đất nước "núi liền núi sông liền sông", đầy nghĩa tình đồng chí, chủ xướng. Họ lặn lội sang Việt Nam để hướng dẫn phong trào. Tại các tỉnh thuộc Liên khu V (Nam, Ngãi, Bình Tuy, Phú), phong trào phát động từ năm 1953 và đến giữa năm 1954 thì ngưng, vì CSCN chuẩn bị tập kết ra Bắc theo hiệp định Genève, nhưng với các tỉnh từ vĩ tuyến 17 trở ra phong trào lên đến cao điểm những năm 54-55. Vì phạm quá nhiều tội ác, nhân dân ta thán, CS thấy thất bại, nên ra lệnh ngưng. Võ Nguyên Giáp thay mặt Đảng xin lỗi đồng bào - Trường Chinh sau đó mất chức Tổng Bí Thư Đảng - Hồ Viết Thắng bị loại ra khỏi Trung Ương Đảng. Thế nhưng, khi CSCN chấm dứt trò chơi tàn bạo này thì đã biết bao nhiêu nạn nhân bị ngã gục, bị thương tích, thể xác lẫn tâm hồn. Biết bao gia đình tan nát. Báo chí, sách vở và phim ảnh nói nhiều về thảm cảnh này. Xin ghi lại vài câu thơ cổ vũ cho phong trào đấu tố địa chủ vào thời kỳ đó.

Một cửa Xuân Diệu, nhà thơ trưởng thành từ quê nhà:

*Lôi cổ bọn chúng (xin hiểu là địa chủ) ra đây*

*Bắt quỳ gục xuống, đọa đầy chết thối.*

và một cửa Tố Hữu, ủy viên Bộ Chính Trị, sau này có thời làm đến Phó Thủ Tướng. Một "nhà thơ lớn" của CSCN:

*"Giết, giết nữa, bàn tay không phút nghỉ*

*Cho ruộng đồng lúa tốt, thuế mau xong  
Cho Đảng bền lâu, cùng ráng sức chung lòng  
Thờ Mao Chủ Tịch, thờ Xít-la-lin bất diệt ..."*

Lời hịch từ Trung ương sắc mùi sắt máu như vậy, thảo nào dám cán bộ đao phủ ở địa phương chẳng đã đang tâm phạm bao nhiêu là tội ác, mặc tình đày đọa giết hại người dân. Gia đình nào bị quy là thành phần địa chủ thì như bị đập xuống bùn đen. Bị vu cáo, bị nhục mạ, bị hành hạ bằng mọi cách - Bị bao vây mọi mặt, bị cô lập hoàn toàn. Sống ở quê hương mà như bị lưu đày - Tuyệt đường sinh sống - Không ai dám tiếp xúc - dù bà con thân thuộc - "quan hệ" với địa chủ trong lúc này chỉ rước họa vào thân. Một hôm, đám trẻ thuộc các gia đình trong xóm rong chơi trong khu vườn của cha tôi. Khi ra về, một cháu đã bị một trận đòn oan - Bà mẹ vừa đánh con, vừa rượt theo thằng bé vừa quát tháo: "Ai cho mày vào nhà địa chủ? Tao đã cấm, sao mày không nghe?" Bà mẹ muốn nhân cơ hội này để chứng tỏ bà đã "dứt khoát lập trường - quyết tâm căm thù địa chủ". Không ai xa lạ, Bà mẹ này là con cháu của cha tôi, đã được gia đình tôi cứu mang nhiều bận. Nguyên nhân là vì Bà quá lo sợ ông chồng bị liên lụy. Phải cố gắng để tỏ cho cán bộ CS thấy là gia đình Bà đã "tiến bộ". Cha tôi nghe câu chuyện. Ông buồn, rất buồn, và mắt đỏ hoe. Thật đau lòng. Cũng như những gia đình địa chủ nạn nhân khác, gia đình tôi đang sống trong địa ngục trần gian. Là một nhà nho cuối thời, tính tình điềm đạm, ưa giúp người mỗi khi có ai gặp khó khăn. Ông được bà con thương yêu. Nay bỗng nhiên bị hành hạ, bị vu cáo, cha tôi rất lấy làm khổ tâm. Lắm lúc ông muốn chết cho yên thân. Gia sản bị tịch thu, vì là "của nhân dân". Một sớm tinh sương, đám đông từ nhiều nơi ập đến nhà cha tôi. Đòn gánh, dây thừng đã được chuẩn bị sẵn. Cán bộ bảo,

tài sản của địa chủ, sở dĩ có được là do bóc lột của nông dân. Nay nông dân có quyền thu lại công sức mà họ đã đổ ra. Thực ra, bọn cán bộ đã biết trong nhà có những thứ gì. Người nào, tổ nào được chỉ định khuân món gì. Họ lấy sạch. Mẹ tôi ngẩn ngơ. Bao nhiêu mồ hôi nước mắt đổ ra mới có được chút tài sản. Mất của đã đành lại còn bị sỉ nhục và còn bao nhiêu cực hình sẽ chờ đợi giáng xuống gia đình tôi. Bàn thì bị khuân đi, Tượng Phật, ảnh Phật, bài vị ông bà bị vứt vào một góc. Cha tôi nhìn cảnh đó, thật đau lòng, cố nén đau thương, vì nếu để lộ sự bất bình thì lại bị ghép thêm tội ngoan cố. Hai mươi một năm sau, bản thân tôi cũng chịu cảnh bị đát như cha tôi. Sau ngày 30/4/75, CS chiếm trọn miền Nam, tôi là sĩ quan QLVNCH nên nhà cửa được CS chiếm cứ từ những ngày đầu. Vợ con tôi được lệnh ra khỏi nhà với túi áo quần. Mọi thứ trong nhà được cán bộ "quản lý" rất là chu đáo, không chừa món gì. Ảnh Phật, ảnh gia tiên trên bàn thờ bị vứt vào sọt rác. Thay vào đó là ảnh "Bác Hồ vĩ đại".

Vào khoảng 1953, gần Tết, em trai tôi, 12 tuổi, nó ước ao được vài lát bánh Tết. Trong hoàn cảnh kiệt quệ của gia đình. Ước mơ đơn giản của em tôi khó thành hiện thực. Gia đình tôi lâm cảnh đói khổ. Bà con thân thuộc lớp bị quy là địa chủ, lớp quá nghèo khổ. Không ai giúp được ai. Những người khác, lo sợ nếu liên lạc với gia đình địa chủ sẽ mang họa, nên tránh xa. Em gái tôi, sáng sáng ra vườn chăm sóc các luống rau. Sáng ba mươi tết, theo thông lệ, cô ấy đến đám rau lang để cắt rau, bỗng nhiên phát hiện dưới đám rau có một đòn bánh tét không lớn mà cũng không nhỏ. Ai đó đã "vô tình" bỏ quên và còn cẩn thận lấy các đọt rau phủ lên để che dấu.

Cô ấy rất đỗi ngạc nhiên và vô cùng mừng rỡ. Niềm vui bất chợt vừa đến, tiếp theo là nỗi lo. Liệu có ai "gài

bầy chằng". Sống trong một xã hội bị áp bức mọi bề, việc gì cũng sợ. Giằng co giữa sợ và thèm. Rút cuộc, cái thèm đã thắng. Chiếc bánh hấp dẫn quá. Nhớ lại những ước ao của cậu em trai mấy hôm trước, nhìn quanh thấy vắng bóng người, cô em tôi vội dấu đòn bánh trong bó rau và mang thẳng vào nhà. Xử lý nhanh và gọn. Bánh được cắt ra, dành phần cho cha tôi và em tôi, còn là hai mẹ con cùng thưởng thức món quà xuân thật bất ngờ. Nhưng với cha tôi, mẹ tôi và em gái tôi biết là không thể nói lên sự thật về lai lịch chiếc bánh. Ông cụ không bằng lòng. Mẹ tôi đành phải nói dối, bánh tết này do em gái tôi lén lút lấy rau đổi bánh. Còn cậu em trai tôi - Cả nhà đều thương nó nhất là mẹ tôi. Lòng bà quặn đau, vì món quà xuân mà nó hằng mơ ước, nay đã có nhưng không thể để cho cậu ấy thưởng thức hương vị xuân. Cán bộ CS thường hỏi nó, hôm qua em được ăn những gì. Ra đường hỏi người già, về nhà hỏi con nít. Còn nhỏ tuổi, vốn không có kinh nghiệm về CS - Lỡ nó chỉ nói thật, bao nhiêu người bị vạ lây. Người ta sẽ truy ra kẻ nào đã tiếp tay cho địa chủ. Như vậy, vô tình phản bội kẻ làm ơn. Em gái tôi bèn đem những lát bánh dành cho cậu em trai, cắt thành từng miếng nhỏ cho vào nồi nấu chung với một ít cơm. Thế là cậu em trai tôi có một món cháo ngon tuyệt. Nó không hề biết rằng niềm ước mơ của nó đã thành hiện thực. Nó vẫn ước ao được ăn bánh tết nhân ngày Xuân ...

Giữa năm 1954, phong trào đấu tố địa chủ lấn dần và ngưng. Người CS lo tập kết ra Bắc. Gia đình tôi qua khỏi cơn hãi hùng. Từ trong vực thẳm của cuộc đời, gia đình tôi luôn luôn nhớ ơn vị ân nhân nào đó, bất chấp hệ lụy nếu việc lỡ, đã có hành động nhân ái và cao cả đối với gia đình tôi. Đứng trước những đau thương của kiếp người, mỗi người có lối hành xử khác nhau. Có người đập lên kẻ

khác để mình được sống. Có người đã xúc động và cảm thông trước khổ đau của người khác, mở rộng từ tâm và đôi khi chấp nhận hiềm nghèo. CS ra sức gieo rắc hận thù, nhưng tự đáy lòng, con người vẫn còn nhất điểm lương tâm. Một người làm ơn ản danh nào đó đã để lại cho chúng tôi sự cảm kích nhớ đời.

LÊ CHU

## KHÔNG CÓ CÁ SẤU

Trên một bãi biển vắng vẻ ở Úc, một du khách thay quần áo tắm xong, trước khi bước xuống nước, cẩn thận hỏi thăm lũ trẻ địa phương.

- Ở đây có cá sấu không?

Lũ trẻ tranh nhau trả lời:

- Không, không có cá sấu! Không có cá sấu đâu!

Du khách vui vẻ nhảy xuống nước, bơi lặn ùng ùng. Chợt nghe lũ nhỏ léo nhéo gọi theo om sòm:

- Ông ơi! Không có cá sấu vì cá sấu bị cá mập ăn hết rồi!

Làng Văn, số 210

# THƯ VỀ CHA MẸ

"Phụ mẫu tôn bất khả viễn du"  
Mà sao con mãi mãi xa mù!?  
Mà sao con mãi thân lưu lạc,  
Lạnh cuối chân trời mấy độ thu?!

Con đã ra phường bất hiếu nhân,  
Giữa con nước xoáy cuộc phong trần,  
Cho bè một cánh trôi dòng thăm,  
Lạc tự phương nào một đóa vân!

Tự thở sơ sinh đã hiểu gì,  
Gieo mầm luân lạc cảnh sinh ly,  
Cho đau những cánh hoa tươi mộng,  
Cho úa màu xuân nắng dậy thì!

Một thở quê nghèo ngấp máu xương,  
Thanh bình thù hận mãi còn vương,  
Ai gieo nghịch cảnh vào hư sử?  
Cho núi sông buồn lệ dẫm sương!

Giờ phải xa hơn nửa địa cầu,  
Lệ lòng từng giọt, giọt rơi mau,  
Ước mong lòng bách xanh tươi mãi,  
Đẹp bước chân về vịn trước sau!

VÕ NGỌC UYỂN

# Bài dịch MIẾU CÔNG THẦN: LẶNG VĨ TÁNH

TRÁC NHƯ

## I - DỊCH NGHĨA:

Ra lệnh Bình Định, Phú Yên lập miếu công thần

Chiếu rằng: "Trải bao năm dụng binh khoảng Kỷ mùi - Canh thân các tướng sĩ theo trăm ở Phú Yên, Bình Định hoặc giữ cô thành mà tuần tiết hoặc xông vào trận dữ mà bỏ mình, một lòng nghĩa khí có thể sánh với thần minh. Trong buổi gian nan chưa kịp nêu tặng. Nay võ công đã định, bốn biển lặng trong, kính trọng kẻ có đức, báo cáo người có công là việc nên làm trước hết. Vậy ra lệnh hai dinh lập miếu thờ".

Bình Định dựng hai miếu: Một: ở trong thành trước Lầu Bát Giác thờ Võ Tánh, Ngô Tùng Châu và những người chết trận chết bệnh trong thành gồm 260 người.

### Chính giữa thờ hai người:

Võ Tánh: Chưởng Hậu Quân Bình Tây Tham Thừa (Thặng) Đại Tướng Quân, truy tặng Thái Úy Quốc Công.

Ngô Tùng Châu: Lễ Bộ, Truy tặng Thái Tử Thái Sư Quận Công.

### Gian phía bên trái thờ sáu người:

Đoàn Văn Cát: Đô Thống Chế, tiền đồn Ngự Lâm Quân, truy tặng Chưởng Cơ

Hoàng Công Thành: Phó Thống Chế, trung đồn, Truy tặng Chưởng Doanh

Thịnh: Vệ úy, vệ Hậu Quân Trung Kích, truy tặng Chưởng cơ

Nguyễn Công Giao: Vệ úy, vệ Nghị Vũ, truy tặng Chưởng Cơ

Phạm Văn Trường: Vệ úy, vệ Hùng phong, truy tặng Chưởng Cơ

Nguyễn Văn Phụng: Vệ úy, vệ Chiêu Vũ, truy tặng Chưởng Cơ

### Gian phía bên phải thờ một người:

Nguyễn Tấn Huyền: Cai cơ, Thống binh đạo Ứng Nghĩa, truy tặng, Chưởng Cơ

### Nhà bên trái thờ 131 người:

Mai Văn Phụng: Vệ úy, vệ Hậu Quân Thiên Trường, truy tặng Chương Cơ  
Nguyễn Văn Tường: Vệ úy, vệ Tín Trực, truy tặng Chương Cơ  
Hoàng Phúc Bảo: Vệ úy, vệ Thần sách Quân uy vũ, truy tặng Chương doanh  
Trần Văn Xung: Vệ úy, vệ Trung vũ, truy tặng Chương doanh  
Nguyễn Trữ: Cai cơ, Hậu Quân Tiên phong, truy tặng Chương Cơ  
Nguyễn Văn Căn: Cai cơ, Phó hậu chi, truy tặng Chương Cơ  
Phạm Trữ: Cai cơ, vệ Trung kích, truy tặng Chương Cơ  
Hoàng Thân: Cai cơ, vệ Dực vũ, truy tặng Chương Cơ  
Nguyễn Thiệu: Cai cơ, đội Thuộc viễn, truy tặng Chương Cơ  
Nguyễn Văn Sĩ: phó vệ úy, vệ Hùng phong, truy tặng Vệ úy  
Phạm Văn Hưởng: Phó vệ úy, vệ Nhuệ phong, truy tặng Vệ úy  
Dương Văn Lộc: Phó vệ úy, vệ Nhuệ phong, truy tặng Vệ úy  
Nguyễn Văn Đạo: Phó vệ úy, vệ Chiêu vũ, truy tặng Vệ úy  
Võ Văn Toán: phó vệ úy, vệ Tuyên vũ, truy tặng Vệ úy  
Võ Hạo: phó vệ úy, vệ Tuyên vũ, truy tặng Vệ úy  
Phạm Văn Khách: Phó trưởng chi, Tiền chi, truy tặng Chính chi  
Nguyễn Văn Căn: Phó trưởng chi, Hữu chi, truy tặng Chính chi  
Đỗ Hiến: Trưởng hiệu, truy tặng Chính chi  
Đỗ Lâm: Trưởng hiệu, truy tặng Chính chi  
Nguyễn Tiểu: Trưởng hiệu, truy tặng Chính chi  
Trương Lâm: Trưởng hiệu, truy tặng Chính chi  
Trần Lợi: Trưởng hiệu, truy tặng Chính chi  
Lê Ngụy: Trưởng hiệu, truy tặng Chính chi  
Hoàng Thung: Trưởng hiệu, truy tặng Chính chi  
Trương Điển: Cai đội, truy tặng cai cơ  
Đỗ Cường: Cai đội, truy tặng cai cơ  
Phạm Nghĩa: Cai đội, truy tặng cai cơ  
Nguyễn Nghị: Cai đội, truy tặng cai cơ  
Nguyễn Khoa: Cai đội, truy tặng cai cơ  
Võ Trữ: Cai đội, truy tặng cai cơ  
Phan Hiến: Cai đội, truy tặng cai cơ  
Nguyễn Hán: Cai đội, truy tặng cai cơ  
Hoàng Nhị: Cai đội, truy tặng cai cơ  
Võ Phú: Cai đội, truy tặng cai cơ  
Nguyễn Trung: Cai đội, truy tặng cai cơ  
Nguyễn Sĩ: Cai đội, truy tặng cai cơ  
Võ Nguyệt: Cai đội, truy tặng cai cơ  
Hoàng Phụng: Cai đội, truy tặng cai cơ



Nguyễn Trang: Cai đội, truy tặng cai cơ  
Lê Điển: Cai đội, truy tặng cai cơ  
Nguyễn Văn: Cai đội, truy tặng cai cơ  
Lê Quý: Cai đội, truy tặng cai cơ  
Nguyễn Tiễn: Cai đội, truy tặng cai cơ  
Nguyễn Lý: Cai đội, truy tặng cai cơ  
Trần Tự: Cai đội, truy tặng cai cơ  
Đào Ngoan: Cai đội, truy tặng cai cơ  
Nguyễn Thân: Cai đội, truy tặng cai cơ  
Trần Triệu: Cai đội, truy tặng cai cơ  
Võ Nghĩa: Cai đội, truy tặng cai cơ  
Nguyễn Thái: Cai đội, truy tặng cai cơ  
Hồ Thu: Cai đội, truy tặng cai cơ  
Nguyễn Khương: Tổng nhung, truy tặng cai cơ  
Nguyễn Linh: Phó đội, truy tặng, khâm sai cai đội  
Lê Nghĩa: Phó đội, truy tặng, khâm sai cai đội  
Nguyễn Tần: Phó đội, truy tặng, khâm sai cai đội  
Lê Tường: Phó đội, truy tặng, khâm sai cai đội  
Mai Thiệu: Phó đội, truy tặng, khâm sai cai đội  
Trần Hương: Phó đội, truy tặng, khâm sai cai đội  
Mai Tứ: Phó đội, truy tặng, khâm sai cai đội  
Huỳnh Hanh: Phó đội, truy tặng, khâm sai cai đội  
Nguyễn Phân: Phó đội, truy tặng, khâm sai cai đội  
Lê Thảo: Phó đội, truy tặng, khâm sai cai đội  
Nguyễn Phân: Đội trưởng, truy tặng cai đội  
Nguyễn Đổ: Đội trưởng, truy tặng cai đội  
Phan Tiễn: Đội trưởng, truy tặng cai đội  
Huỳnh An: Đội trưởng, truy tặng cai đội  
Trần Nguyên: Đội trưởng, truy tặng cai đội

Nhà bên phải thờ 120 người:

Phan Văn Thanh: Vệ úy, vệ Hữu quân vũ lương, truy tặng chưởng cơ  
Phụng: chính trung chi, Ngự lâm quân, truy tặng chưởng cơ  
Hiên: chính tả chi, Tiền đồn, truy tặng, chưởng cơ  
Bùi Tuấn: Cai cơ, vệ Nghị võ hậu quân, truy tặng chưởng cơ  
Nguyễn Văn Tường: Cai bạ, doanh Bình Định, truy tặng, tham mưu  
Chế Danh Sách: Cai đội, truy tặng cai cơ  
Phan Minh: Cai đội, truy tặng cai cơ  
Phan Xuyên: Cai đội, truy tặng cai cơ  
Nguyễn Ngôn: Cai đội, truy tặng cai cơ

Nguyễn Thủ: Cai đội, truy tặng cai cơ  
Bùi Cửu: Cai đội, truy tặng cai cơ  
Nguyễn Thành: Cai đội, truy tặng cai cơ  
Võ Lao: Cai đội, truy tặng cai cơ  
Lê Thuận: Cai đội, truy tặng cai cơ  
Nguyễn Quý: Cai đội, truy tặng cai cơ  
Lê Thái: Cai đội, truy tặng cai cơ  
Võ Trị: Cai đội, truy tặng cai cơ  
Nguyễn Lý: Cai đội, truy tặng cai cơ  
Huỳnh Hạnh: Cai đội, truy tặng cai cơ  
Nguyễn Cửu: Cai đội, truy tặng cai cơ  
Lê Lựu: Cai đội, truy tặng cai cơ  
Nguyễn Bình: Cai đội, truy tặng cai cơ  
Võ Hưng: Cai đội, truy tặng cai cơ  
Nguyễn Bình: Cai đội, truy tặng cai cơ  
Nguyễn Đạt: Cai đội, truy tặng cai cơ  
Nguyễn Lộc: Cai đội, truy tặng cai cơ  
Lê Khiêm: Cai đội, truy tặng cai cơ  
Nguyễn Phụng: Cai đội, truy tặng cai cơ  
Phạm Hạc: Cai đội, truy tặng cai cơ  
Vân Lũy: Cai đội, truy tặng cai cơ  
Nguyễn anh: Cai đội, truy tặng cai cơ  
Nguyễn Kinh: Cai đội, truy tặng cai cơ  
Đặng Xuyên: Cai đội, truy tặng cai cơ  
Bùi Lưu: Cai đội, truy tặng cai cơ  
Trương Thuận: Cai đội, truy tặng cai cơ  
Nguyễn Quý: Cai đội, truy tặng cai cơ  
Nguyễn Giáo: Cai đội, truy tặng cai cơ  
Nguyễn Chiêu: Cai đội, truy tặng cai cơ  
Trần Tấn: Cai đội, truy tặng cai cơ  
Nguyễn Chiêm: Cai đội, truy tặng cai cơ  
Nguyễn Thiện: Cai đội, truy tặng cai cơ  
Trần Lâm: Cai đội, truy tặng cai cơ  
Huỳnh Nghĩa: Cai đội, truy tặng cai cơ  
Nguyễn Thanh: Cai đội, truy tặng cai cơ  
Lê Châu: Thư ký, truy tặng tham luận  
Phạm Tạo: Phó đội, truy tặng khâm sai cai đội  
Lê Như: Phó đội, truy tặng khâm sai cai đội  
Trần Thắm: Phó đội, truy tặng khâm sai cai đội

Mai Vị: Phó đội, truy tặng kham sai cai đội  
Nguyễn Quyền: Phó đội, truy tặng kham sai cai đội  
Trịnh Hào: Đội trưởng, truy tặng cai đội  
Lê Phụng: Đội trưởng, truy tặng cai đội  
Lê Niên: Đội trưởng, truy tặng Cai đội  
Phạm Tấn: Đội trưởng, truy tặng cai đội  
Nguyễn Văn Đăng: Đội trưởng, truy tặng cai đội

**Theo danh sách công thân tính là 260 vị nhưng trong phần liệt kê thấy có sự khác biệt:**

Chính giữa thờ 2 vị nhà bên hãi 67 vị  
Gián trái 6 vị nhà bên phải 55 vị  
Gián phải 1 vị tổng cộng chỉ có 131 vị, chức tước được ghi như sau:  
Hậu quân tham thừa đại tướng quân: 1  
Lễ Bộ Thượng Thư: 1  
Đô Thống Chế: 1  
Phó Đô Thống Chế: 1  
Vệ Úy: 9  
Cai cơ: 7  
Chính chi: 2  
Phó vệ úy: 6  
Phó trưởng chi: 2  
Cai đội: 66  
Phó đội: 15  
Đội trưởng: 10  
Trưởng hiệu: 7  
Tổng nhung: 1  
Cai bạ: 1  
Thư ký: 1

## **II - PHIÊN ÂM:**

Mệnh Bình Định, Phú Yên lập công thân miếu.

Chiếu viết: "Kỷ Mùi, Canh Thân gian tích tuế dụng binh chư tướng sĩ đẳng tòng trầm ư Phú Yên, Bình Định hoặc thủ cô thành nhi tuấn tiết hoặc lâm kiên trạn dĩ tổn khu, nhất xoang nghĩa khí khả đối thần minh, không tổng chi thu vị hoàng tình biểu. Kim nhung công đại định, tứ hải vỹ thanh, sùng báo tối vi thủ vụ, kỳ lệnh nhị doanh lập miếu tự chi". Bình Định kiến miếu

nhị: Nhất tại thành nội Bác Giác Lâu tiên tự Võ Tánh, Ngô Tùng Châu cấp thành nội trận vong bệnh cố, phàm nhị bách lục thập nhân.

Chính trung Chưởng Hậu Quân Bình Tây tham thừa đại tướng quân tặng Thái úy quốc công Võ Tánh, Lễ bộ tặng Thái tử thái sư quận công Ngô Tùng Châu nhị nhân.

Tả gian: Ngự lâm quân tiền đồn đồ thống chế tặng chưởng cơ Đoàn Văn Cát, Trung đồn phó thống chế tặng chưởng cơ Hoàng Công Thành, Hậu quân trung kích vệ vệ úy tặng Chưởng doanh Thịnh, Nghị vũ vệ vệ úy tặng Chưởng cơ Nguyễn Công Giao, Hùng phong vệ vệ úy tặng chưởng cơ Phạm Văn Trường, Chiêu vũ vệ vệ úy tặng Chưởng cơ Nguyễn Văn Phụng lục nhân.

Hữu gian: Ứng nghĩa đạo thống binh cai cơ tặng Chưởng cơ Nguyễn Tấn Huyền nhất nhân.

Tả hạ: Hậu quân Thiên trường vệ vệ úy tặng Chưởng cơ Mai Văn Phụng, Tín trực vệ vệ úy tặng Chưởng cơ Nguyễn Văn Tường, Thần sách quân uy vũ vệ úy tặng chưởng doanh Hoàng Phúc Bảo, Trung vũ vệ vệ úy tặng Chưởng doanh Trần Văn Xung, Hậu quân tiên phong cai cơ tặng Chưởng Cơ Nguyễn Trử, Phó hậu chi cai cơ tặng Chưởng Cơ Nguyễn Văn Cẩn, Trung kích vệ cai cơ tặng Chưởng Cơ Phạm Trử, Dục Vũ vệ cai cơ tặng Chưởng cơ Hoàng Thận, Thuộc viên đội cai cơ tặng Chưởng cơ Nguyễn Thiệu, Hùng phòng vệ phó vệ úy tặng Vệ úy Nguyễn Văn Sĩ, Nhuệ phong vệ phó vệ úy tặng vệ úy Phạm Văn Hương, Dương Văn Lộc; Chiêu vũ vệ phó vệ úy tặng Vệ úy Nguyễn Văn Đạo, Tuyên vũ vệ phó vệ úy tặng vệ úy Võ Văn Toán, Võ Hạo; Tiền chi phó trưởng chi tặng Chính chi Phạm Văn Khách, Hữu chi phó trưởng chi tặng Chính chi Nguyễn Văn Cẩn, Trưởng hiệu tặng Chính chi Đỗ Hiến, Đỗ Lân, Nguyễn Tiêu, Trương Lân, Trần Lợi, Lê Nguy, Hoàng Thung; Cai đội tặng Cai cơ Trương Điển, Đỗ Cường, Phạm Nghĩa, Nguyễn Nghị, Nguyễn Khoa, Võ Trử, Phan Hiến, Nguyễn Hán, Hoàng Nhị, Võ Phú.

Nguyễn Trung, Nguyễn Sĩ, Võ Nguyệt, Hoàng Phụng, Nguyễn Trang, Lê Diễm, Nguyễn Vân, Lê Quý, Nguyễn Tiệp, Nguyễn Lý, Trần Tự, Đào Ngoạn, Nguyễn Thận, Trần Triệu, Võ Nghĩa, Nguyễn Thái, Hồ Thu; Tổng nhung tặng Cai cơ Nguyễn Khương, Phó đội tặng Khâm sai cai đội Nguyễn Linh, Lê Nghĩa, Nguyễn Tần, Lê Tường, Mai Thiệu, Trần Hương, Mai Tứ, Huỳnh Hạnh, Nguyễn Phân, Lê Thảo, Đội trưởng tặng Cai đội Nguyễn Phân, Nguyễn Đổ, Phan Tiệp, Huỳnh An, Trần Nguyên đặng nhất bách tam thậ nhất nhân.

Hữu hạ: Hữu quân Vũ lương vệ vệ úy tặng Chửơng cơ Phan Văn Thịnh, Ngự lâm quân trung đồn chính trung chi tặng Chửơng cơ Phụng, Tiền đồn chính tả chi tặng Chửơng cơ Hiền, Hậu quân Nghị võ vệ cai cơ tặng Chửơng cơ Bùi Tuấn, Bình Định dinh cai bạ tặng tham mưu Nguyễn Văn Tường, cai đội tặng Cai cơ Chế Danh Sách, Phan Mính, Phan Xuyên, Nguyễn Ngôn, Nguyễn Thủ, Bùi Cửu, Nguyễn Thành, Võ Lao, Lê Thuận, Nguyễn Quý, Lê Thái, Võ Trị, Nguyễn Lý, Huỳnh Hạnh, Nguyễn Cửu, Lê Lưu, Nguyễn Bình, Võ Hưng, Nguyễn Bình, Nguyễn Đạt, Nguyễn Lộc, Lê Khiêm, Nguyễn Phụng, Phạm Hạc, Văn Lũy, Nguyễn Kinh, Nguyễn Anh, Đặng Xuyên, Bùi Lưu, Trương Thuận, Nguyễn Quý, Nguyễn Giáo, Nguyễn Chiêu, Trần Tấn, Nguyễn Chiêm, Nguyễn Thiện, Trần Lân, Huỳnh Nghĩa, Nguyễn Thịnh; Thư ký tặng tham luận Lê Châu; Phó đội tặng Khâm sai cai đội Phạm Tạo, Lê Như, Trần Thắm, Mai vị, Nguyễn Quyên; Đội trưởng tặng Cai đội Trịnh Hảo, Lê Phụng, Lê Niên, Phạm Tần, Nguyễn Văn đặng nhất bách nhị thậ nhất nhân.

**TRÁC NHƯ**

命平定富安立功臣廟

詔曰已未庚申間積歲用兵諸將士等從朕於富安  
平定或守孤城而殉節或臨堅陣以捐軀一腔義  
氣可對神明倥偬之秋未遑旌表今戎功大定四  
海永清榮報最爲首務其令二營立廟祀之平定

建廟二一在城內八角樓前祀武性吳從周

及城內陣亡病故凡二百六十人

正中掌後  
軍平西驂

乘大將軍贈太尉國公武性禮部贈太子太  
師師公吳從周二入左間御林軍前屯都統

制贈掌奇段文葛中屯副統制贈掌奇黃公  
誠後軍中戟衛衛尉贈掌營盛毅武衛衛尉  
贈掌奇阮公交雄鋒衛衛尉贈掌奇范文長  
昭武衛衛尉贈掌奇阮文奉六人右間應義  
道統兵該奇贈掌奇阮進暄一人左夏後軍  
天長衛衛尉贈掌奇枚文鳳信直衛衛尉贈  
掌奇阮文祥神策軍威武衛衛尉贈掌營黃  
福寶忠武衛衛尉贈掌營陳文衛後軍先鋒  
該奇贈掌奇阮禱副後支該奇贈掌奇阮文  
謹中戟衛該奇贈掌奇范褚翼武衛該奇贈  
掌奇黃慎屬員隊該奇贈掌奇阮紹雄鋒衛  
副衛尉贈衛尉阮文仕銳鋒衛副衛尉贈衛  
尉范文香揚文祿昭武衛副衛尉贈衛尉阮  
文道宜武衛副衛尉贈衛尉武文算武皓前  
支副長支贈正文范文客右支副長支贈正  
支阮文謹長校贈正文杜憲杜璘阮標張璘  
陳利黎巍黃椿該除贈該奇張典杜彊范義  
阮毅阮科武褚潘憲阮漢黃貳武富阮忠阮

仕武月黃鳳阮莊黎映阮雲黎貴阮便阮理  
陳緒陶阮慎陳趙武義阮泰胡秋總戎贈  
該奇阮姜副隊贈欽差該隊阮苓黎義阮秦  
黎祥枚紹陳香枚四黃幸阮粉黎黎討隊長贈  
該隊阮分阮觀潘便黃安陳原等一百三十  
一人右厦右軍武良衛衛尉贈掌奇潘文盛  
御林軍中屯正中支贈掌奇風前屯正左支  
贈掌奇軒後軍毅武衛該奇贈掌奇裴俊平  
定營該簿贈參謀阮文祥該隊贈該奇制名  
策潘茗潘川阮言阮首裴玖阮誠武牢黎順  
阮貴黎泰武治阮理黃幸阮貼黎榴阮評武  
興阮秉阮達阮祿黎謙阮鳳范鶴文壘阮英  
阮經鄧川裴雷張順阮貴阮教阮昭陳進阮  
占阮善陳璘黃義阮盛書記贈參論黎珠副  
隊贈欽差該隊范造黎如陳審枚謂阮權隊  
長贈該隊鄭好黎鳳黎年范泰阮文等一百

人二十



# TÌNH LỤY

## CẢM BIẾN

*Còn chua ngọt quả Trường quả Cám  
Còn hoa cài miếng đạn hố bom  
Rừng hoa muôn sắc ngàn hương  
Tắm thơm đất Mẹ hôn thương nhọc nhằn.*

*Mười quả búa vừa chằng bụng dạ?  
Trăm Táo rừng chẳng thỏa, ghê thay!  
Tròn chân vắt cần rừng mây  
Vuông bờ vai nặng những cây gỗ dài ...*

*Dụng lò rèn hai tay thêm khỏe  
Búa đập rèn thổi bể cho hay  
Xích xe tăng, cọc kềm gai  
Rèn ra đinh, đục, búa, bay, cuốc, rìu ...*

Đó là cái đói, sữa rừng thay sữa mẹ; đó là bệnh tật và sự nhọc nhằn của một phần công việc bước đầu, của tù khổ sai lâm sản và tự rèn ra dụng cụ làm rẫy, của hơn hai trăm ngàn quân công cán chính VNCH, những úy tá tướng, những hạ sĩ an ninh, tình báo, cán bộ phượng hoàng, xây dựng nông thôn, cảnh sát, quốc hội, đảng phái, viên chức xã ấp, bác sĩ, kỹ sư, chánh án, chức sắc tôn giáo ... tình lụy của một thời, kẻ thắng buộc họ trở lại thời kỳ đồ đá, mà họ vẫn sống vẫn tìm ra hạnh phúc, trong nỗi đớn đau. Phải chăng là thú đau thương?

1. Rằm tháng bảy, lễ Vu Lan Tân Ty năm nay 2001 trùng với lễ Lao động Hoa Kỳ. Ngày xá tội vong nhân cũng là ngày báo hiếu. Chị Hải Mã có hai em từ Orlando bay về San Jose Cali, để thăm mẹ, đi chùa, thăm bà con và bạn cũ của thời 1981-85. Nàng cũng vừa nhận được phong thư của linh mục Bùi Đức Sinh bàn về hạnh phúc. Thư này là một bản sao bài giảng suy niệm của cha ngày 26 tháng 8 vừa rồi ở nhà thờ Maria Goretti San Jose.

Cũng như các đại gia đình khác, con cái lớn lên, làm ăn, lấy vợ lấy chồng, cùng đạo hay khác đạo và các cháu lớn lên có thể không theo đạo nào, hay theo cha hoặc mẹ. Đại gia đình của Hải Sư cũng thế, bà cụ cố 87 tuổi, sùng đạo Phật, ham bố thí và thích đi chùa, nhưng con cháu ít khi rảnh rỗi để đưa đi. Bà cụ có 5 con tiểu gia đình của con bà có 2 theo Chúa, 2 theo Phật và 1 thì vợ con theo Chúa còn chồng theo lương. Ngay trong tiểu gia đình của nàng Hải Sư tín ngưỡng cũng lung tung. Từ lọt lòng các con nàng đều được rửa tội theo đạo Công Giáo, lớn lên có đứa vượt biên, về sau theo một nhánh của đạo Tin Lành, giờ thì không theo đạo nào rõ ràng. Những đứa khác một số còn ngoan đạo, một số đã lạt lòng lơ lửng 10 điều răn. Nàng tự an ủi rằng đạo nào cũng tốt thôi, miễn là chị em trong nhà biết thương yêu đùm bọc, biết làm lành lánh dữ. Rể của nàng thì một trở lại đạo còn hai theo Phật, chỉ trên danh nghĩa mà thôi, chứ chẳng biết kinh kệ chùa chiền triết lý nhà Phật, chỉ tối ngày vui đầu vào việc học việc làm, giữ cho đừng thất nghiệp. Dâu của nàng chắc chẳng biết gì tín ngưỡng, dâu nói với mẹ chồng chỉ biết đại khái cha mẹ ruột theo đạo Ông Bà.

Bao nhiêu cái khác nhau, từ tuổi tác, môi trường giáo dục, giới tính, nguồn gốc gia đình, thói quen, trí thông minh, tính nết bẩm sinh ... chỉ còn biết đi tìm vài điểm

chung mà sống với nhau cho được êm ả. Trong ruột thịt, thân tộc và thích tộc là một niềm chung, lỏng lẻo, một thứ tình lụy gia đình, chín bỏ làm mười, che chở, chia xẻ và dựa vào nhau mà sống. Sống như vậy hình như chỉ có vẻ ấm áp bề ngoài cho thiên hạ khỏi dị nghị, cho ông bà đại lão an tâm.

2. Chẳng có bông hồng, chẳng có bông trắng nào cài áo, mà lòng vẫn có cái đỉnh ninh mình còn mẹ là còn một an ủi lớn, một neo lòng cho bến đỗ ruột rà, rằng thương mẹ thì phải thương nhau, cho mẹ vui mẹ sống thêm ít tuổi. Hôm thứ bảy chủ nhật 14 và rằm tháng 7 Tân Tỵ 2001, các con trẻ và con già tụ lại quanh các bà mẹ. Một mặt bà cố cùng với dì và mợ đi chùa Pháp Duyên để di chuyển bình cốt của ông cố về chùa gần nhà. Kinh tụng cầu siêu cả mấy giờ. Một mặt gia đình chị cả góp lời nguyện trong nhà thờ xin cho thân bằng quyến thuộc đã qua đời sớm gặp tôn nhan Chúa, xin cho mẹ mình được mạnh khỏe sống lâu, xin cho các con đẹp bổ tị hiềm, đi lại với nhau, xin cho cháu nội mới sinh mạnh khỏe mau ăn chóng lớn, xin cho gái út ở xa sắp sinh cháu ngoại được bình an vượt cạn, mẹ tròn con vuông... xin nhiều thứ lắm! Những lời xin xảy ra trước và sau những kiên trì dẫn dụ con cái đoàn kết, thương nhau và có ứng nghiệm ngay trong đêm đoàn tụ, quanh bà cố; đa số là những điều tốt đẹp đến với các nhà con, từng mảnh nhỏ hạnh phúc khiêm nhường, làm cho cố rất vui. Hai ba chục con cháu chắt ở với cố đến gần nửa đêm mới chịu ra về mà còn bịn rịn, mà cố không thấy mệt, cố vẫn cười vui, chưa chịu đi ngủ.

3. Cha Bùi Đức Sinh, dòng Đa Minh, đồng tế cùng 4 cha nữa, trong thánh lễ chúa nhật 26-8-2001 tại Thánh

Đường Maria Goretti San Jose. Bài suy niệm của cha Sinh giảng giữa lễ, được cha chủ tế xem là món quà quý dành cho cộng đoàn, trước khi cha Sinh trở về VN, sau 10 tháng ở Hoa Kỳ "Với một số công tác mục vụ".

Cha Sinh nói rằng 10 giới răn và 6 điều luật của Chúa là cái cửa hẹp mà giáo dân phải chiến đấu để lách vào. Cha nói: "Để vào nước Mỹ và trở thành công dân Mỹ người ta coi nhẹ mọi gian khổ, như vượt đại dương, bỏ lại sau lưng quê hương, người thân, nhà cửa ... Và nếu có điều kiện luật lệ nào khắt khe hơn 10 giới răn 6 điều luật để vào nước Mỹ có lẽ người ta cũng sẵn sàng chấp nhận ..." Cha tiếc cho những ai yếu kém đức tin, quá nặng với đời sống vật chất, trần tục và xác thịt, họ không dành được một phút mỗi ngày để nhận ra Chúa là nguồn sống của mỗi người, giúp họ sống hạnh phúc ngay trong đời này và mai sau, "Để hợp thức hóa việc ở lại nước Mỹ, nhiều người phải ăn chục năm chờ 24, tức là 1440 phút mỗi ngày! Để được vào nước Trời chỉ cần một giây, một phút mà thôi, bất cứ ở đâu, Mỹ hay Việt Nam, Hà Nội hay Roma. Năm 1989 đức Hồng y Etchegaray, sứ thần Tòa Thánh, sang thăm VN. Trước mặt giáo dân, tu sĩ và hàng giáo sĩ, Ngài nói: "Thiên Chúa đặt chúng ta ở đâu, chúng ta phải trở bông kết trái ở đó", nghĩa là được ơn cứu độ ngay ở nơi chốn chúng ta được đặt vào".

"Ở đâu cũng thế, mỗi người đều có ơn gọi và một nhiệm vụ, một nén bạc Chúa trao cho. Ở đâu cũng có khó khăn phải khắc phục, có cám dỗ phải vượt qua ... Sự cuồng nhiệt trong tranh đấu (cho chính nghĩa hay cho tự do tôn giáo) không biết gì đến yêu thương và bao dung, làm cho người ta rơi vào kiêu căng, hận thù, và cuối cùng là chiến tranh ... Theo định nghĩa của Thánh Tôma Aquinô thì hạnh phúc tuyệt đối là đẩy lui mọi sự ác, và

thu gom mọi điều thiện (chỉ có trên nước trời). Trần gian này chỉ có hạnh phúc tương đối thôi. Càng đẩy lui được nhiều điều ác, càng thu gom được nhiều điều thiện thì càng có hạnh phúc. Nếu chỉ đẩy lui điều ác như đói rách, dốt nát, bạo quyền, mà không thu gom điều thiện, như yêu thương, tha thứ, trong sạch, liêm chính, thì chưa có hạnh phúc.

"Giàu sang, nhà cửa bạc triệu trong tay, mà vợ chồng bất hòa, ly tán; con cái đứa không cha, đứa mất mẹ, ai bảo được là gia đình hạnh phúc? Vất vả tối sớm thu góp của cải, trong khi vợ chồng không mấy khi gặp mặt nhau, con cái không được giáo dục, còn bị ảnh hưởng gương xấu để mặc chúng hư đi vì internet, phim ảnh và bạn bè xấu, ai bảo thế là hạnh phúc?

Sống trong một nước an ninh, có hệ thống lá chắn chống tên lửa ngoại xâm, của cải vật chất và lương thực dư thừa, đầy đủ phương tiện để thành người tài giỏi và giàu có, trong khi bản thân mình lại thiếu đức độ, trốn thuế, trốn nghĩa vụ, cờ bạc, nghiện ngập, đam mê, ai bảo được là có hạnh phúc?

"Được sống trong một nước hòa bình thịnh vượng, người này tránh né bạn bè vì ghen ghét, hay hận thù; người kia xa cách xã hội vì tính ích kỷ, hay mặc cảm tội lỗi; người khác nữa trốn tránh nhà cầm quyền vì làm ăn bất chính, sao được gọi là có hạnh phúc?

"Thà mình nghèo, nghĩa là không được như người ta, nhưng gia đình đoàn tụ, hòa thuận, vợ chồng yêu thương phục vụ lẫn nhau, khi buồn cũng như lúc vui, khi về già cũng như khi còn trẻ; yêu thương phục vụ con cái bằng một nền giáo dục tốt và bằng gương lành ... Có tiền của thì hãy đầu tư vào giáo dục con (đưa con đến những trường học có bảo đảm) thành người tốt về đức dục lẫn trí

dục, hơn là dành dụm cho con ý lại vào tài sản cha mẹ để phung phá chứ không tạo dựng sự nghiệp.

"Đừng vội hãnh diện và vui mừng khi thấy con cái học hành cao và đậu đạt, nếu nó không có đời sống trong sạch và đạo hạnh. Càng tài giỏi có giáo dục là người biết phát triển đồng đều thể lực, trí tuệ và đức dục. Càng lớn lên, càng tài giỏi, càng giảm đi nét xấu và tội lỗi, càng thêm đức hạnh. Nếu chỉ phát triển thể lực mà không đức dục, sẽ trở thành vũ phu. Nếu chỉ phát triển về trí tuệ mà không đức dục, sẽ trở thành cường hào ác bá".

Những bài học đức trí thể mỹ muôn đời đó mỗi thời đều có người nhắc lại, một cách đậm đà, ấm nồng ngọn lửa trong tim và cập nhật. Người giàu có vào nước thiên đàng khó hơn lạc đà chui qua lỗ kim. Đó là cái giàu vật chất. Cha Sinh nói "Giàu có là người thấy mình đầy đủ không còn thiếu chi. Kẻ nghèo khổ là kẻ có bạc triệu trong tay, có hàng chục biệt thự mà vẫn thấy mình còn thiếu thốn. Sự giàu có mà Chúa lên án, không phải vì họ có của, mà vì họ có lòng ao ước không kiềm chế được. Chỉ khi nào người hết lòng tham muốn, hết đam mê mới biết mình là người giàu có".

4.

*Ta lớn như rừng già thẳng tắp  
Thân vươn cao che lấp mặt trời  
Ngẩng đầu lên, chân bước tới  
Vào tương lai như ngàn sợi nắng hồng*

*Ôi óng vàng rạng đông tươi thắm  
Quyện sắc màu đỏ thắm hoàng hôn  
Trăng sao vờ vợi tâm hồn  
Rửa cho kỳ sạch nhục buồn xa xưa.*

Ngày xưa vua Duy Tân hỏi và tự trả lời: tay dơ lấy nước mà rửa, nước dơ lấy gì mà rửa? - Nước dơ lấy máu mà rửa.

Ngày nay hậu thế phải hỏi thêm: máu dơ lấy gì mà rửa? Có cần một câu trả lời khiêm tốn mộc mạc: phải lọc máu, phải thay máu, phải thông đường ống tuần hoàn và hô hấp, kể cả thực quản và bao tử, thực phẩm, kiến thức và bầu khí quyển. Máu sạch là do khai thông uất nghẽn của thần kinh, tiêu hóa, tuần hoàn và bài tiết, của tâm can và trí não?

Có thứ tình đem lại vinh quang, có thứ tình ô nhục, tình xuất thế, tình nhập thế. Bảy thứ tình ái ố hỉ nộ lạc dục bi có trong một thân xác, có trong cộng hưởng của nhiều người. Nhưng tất cả mọi cuộc đời không trừ một ai đều lụy vì tình, không tình này thì tình khác. Tình đã trao đi cũng có khi lấy lại, có sứt mẻ đui què, có phá giới ngã mạn, có ăn năn trước giờ lên máy chém.

Tôi là kẻ đốt than, là thằng bé sơn tràng. Tôi lụy vì than với củi. Tôi thông cảm với anh Phương Triều Minnesota khi anh viết:

*Ta ôm tình lụy như ôm củi  
Vừa ướt vừa khô cháy kiểu nào  
Lửa tim người đã mang đi hết  
Un khói nồng thêm hơi thở đau.*

*Khói chỉ mong manh mà lửa lụi  
Cháy tàn hy vọng gửi làm nhau  
Nè em đếm thư niềm khinh bạc  
Đã tận cùng chưa những bán rao.*

Lửa tim đã mang đi hết, cho đi hết, nghĩa là không còn gì, không đòi lại được. Không phải nhiều lời vẫn thấy tình trung hậu. Chỉ nhìn việc làm mà biết lửa trong tim.

Lửa tàn tim lạnh, không còn đủ nhiệt, hâm đi hâm lại tình người mà tình cứ giá băng. Ai đã mượn được hương trầm nhang khói thơm tho, chuông mõ, lời kinh, lễ đạo, suy niệm những con đường hạnh phúc, lần mò lách qua cửa hẹp nước trời và nát bàn thì ai đó có tìm ra hạnh phúc của riêng mình?

Vu lan 2001  
**CẢM BIẾN**



Khi chọn bạn hãy từ từ, khi thay bạn càng từ từ hơn.

**Khuyết danh**



# XUÂN VIỄN XỨ

*Bao năm Tết đến mấy lần Xuân,  
Bèo dạt mây trôi đã mấy lần.  
Lưu lạc tha phương sầu viễn xứ,  
Nặng tình non nước nghĩa tình thâm.*

*Sống đời giữa cuộc thế lần khôn,  
Tết ở quê người chẳng thấy Xuân.  
Mồng một mồng hai không khí Tết,  
Mồng ba mồng bốn đã tàn Xuân.*

*Bạn bè gặp gỡ chỉ qua loa,  
Chào hỏi đôi câu nghĩ xót xa.  
Chén rượu tách trà chưa phải dạ,  
Đón mừng năm mới thật phôi pha.*

*Bao năm xa xứ bạt ngàn sương,  
Mờ mịt chân mây cách dặm trường.  
Trời đất giao mùa hoa lá tốt,  
Tuổi đời thêm một lại buồn thương.*

**PHAN VĂN HÀM**



# KHA TRẦN ÁC

(Đạo chôn phù vân)

Sương thu lạnh gió thu heo hắt  
Lũ bò câu còn ngái ngủ bên đàng  
Dưới thiên chùa vại chú quạ lang thang  
Bọn chim sẻ kêu vang mừng ngày mới

Một người chân khập khễnh  
Đang đi tìm quá khứ  
Rồi lại hỏi tương lai?  
Chim quạ ơi đưa ta về cố quận  
Bò câu ơi mang hộ giùm thư ta  
Gởi người em gái quê nhà  
Nhớ ta có nhớ riêng ta nhớ nàng

Xa xa ở cuối đường  
Một bà lão di dân  
Lướt lon nhom độ nhật  
Chiếc xe mới vụt qua  
Thẳng nhanh kêu keng két  
Ngày ngày như mọi ngày  
Bao vây một kiếp người

Một buổi sáng tinh sương  
Tiếng chim quạ qua đường  
Rùng rợn và thê lương  
Phía trước không có ai  
Phía sau chẳng thấy gì  
Đất trời rộng mênh mông  
Chân bước đi khập khễnh

*Ngoảnh mặt vút càn khôn  
Lòng bồi hồi tan nát  
Ôi thôi một kiếp người*

*Ở đời địa vị tranh nhau  
Bạc tiền nhà cửa sang giàu lợi danh  
Xưa nay tạo hóa công bình  
Xuôi tay rồi cũng một mình có chi  
Ví dầu tiền của đem đi  
Thế gian ắt phải lấm khi hoạ hoãn  
Lòng không vương bận bụi trần  
Chân mây trở lại muôn phần an vui*

**SÔNG CÔN**

Hay nóng giận nản lòng là triệu chứng của tâm hồn yếu đuối.

**Plutarque**

## **NẾU VẬY ...**

Bác sĩ vỗ vào lưng cậu thanh niên, trấn an:

- Cậu yên tâm! Tim gan tì phế thận, máu huyết, da dẻ của cậu đều tốt cả. Tôi không phải làm gì cho cậu hết!

Thanh niên ấp úng:

- Thưa bác sĩ ... nếu vậy ... ông đưa lại cháu 50.

**Làng Văn số 216**

# MỘT CHUYẾN HỒI HƯƠNG

NGUYỄN THẾ GIÁC

Trở về quê hương là cả một động lực không ngừng kích thích trong trái tim háo hức lâu ngày. Động cơ đó có khác nào chiếc lò xo dòn nén từ bao nhiêu năm qua tạo thành một sức ép, áp xuất ấy chỉ chờ cơ hội thuận tiện sẽ vượt khỏi sự kiềm hãm của con đê thể diện hờ và đập nước liềm sỉ hảo vây quanh khối óc bị thương tổn dặt dòn, từ ngày giòng Bến Hải nổi lên những con sóng bạc đầu nhận chìm chuyến dò bên này vĩ tuyến 17 chớ đây ấp những tâm hồn có thừa tình tự dân tộc, không thiếu bản lãnh nổi vòng tay lớn với người có cùng hoàn cảnh gieo neo nửa muốn theo cha, nửa chiều lòng mẹ. Cuối cùng chung qui cũng chỉ vì mặc cảm mang nặng vết tích một đoàn quân chiến bại, bị lưu đày... đành làm loài chim Việt ray rút nhớ phương Nam! (Việt điệu sào Nam chi)

Những chuyện đau lòng đó, chắt chiu từ một dĩ vãng ngút ngàn, bỗng dung trở thành thứ lá chắn tâm lý tiêu cực,

một chiều. Vẫn biết tự ti mặc cảm chỉ ôm lấy niềm khổ hận vào người, nhưng cũng đã làm chùn bước cho những kẻ ưu tư đến vận nước không ít, mãi cho đến hôm nay đỡ ray rút phần nào, chỉ vì thế hệ nối tiếp may mắn thấy được ít nhiều công lý qua vùng ánh sáng le lói cuối đường hầm, đã hóa giải cho một triệu một trăm ngàn tay súng bị hàm oan: *Đầu hàng trước địch quân!*

Điều đau buồn nhất là giữa những kẻ cầm cờ trắng đó có người cha chúng nó là một trong những bị can trước vành móng ngựa gia đình, cha mình cũng đã từng miệt mài dun rui sau những hy sinh cao cả nhất của một đời làm lính chiến cầm súng bảo vệ trên mỗi chặng đường quê mẹ qua nhiều cuộc binh biến lầy lùng.

Nhìn lại bằng nhãn quan vô tư với nhiều dữ kiện, phải chăng lối về là cả một sa bàn của người yêu nước có trái tim rất Việt Nam, chắc chắn mang trong người giòng máu của cha ông từ: Đinh, Lê, Lý, Trần, Lê, Nguyễn hun đúc, đây chân thành và giàu lòng quả cảm?

Vàng, chính nó đã thôi thúc, đôi khi dụ dỗ như một lời vỗ về của con nước mùa thu ôm lấy mạn thuyền, rồi cũng có lúc bộc phát dữ dội, còn hơn sóng vỗ trùng dương, lời cuốn tôi không khác cơn lốc xoáy đẩy bầy lá vàng tôi tả muôn phương, những lúc đó tôi cơ hồ muốn quỳ theo chiều gió, chỉ vì ngày hạ đỏ năm xưa bùng lên sức nóng, tưởng chừng thiêu chột mầm hy vọng đây hoa hồng trên lối về cố quốc, mà suốt thời gian dài từ ngày làm lũi ôm cả khối hận thù bỏ nước ra đi làm kiếp người không còn Tổ Quốc để thừa tự, chẳng có một tấc đất để cao rao.

Hăm sáu năm dài đằng đẵng, từng giờ... từng phút... âm thầm trôi qua trước sự đứng đưng của những kẻ bán đứng linh hồn cho một thế lực luôn vỗ ngực tự hào: Yêu Tổ Quốc là yêu Xã Hội Chủ Nghĩa! Oan nghiệt thay, những vi

khuẩn đó đã bao phen làm cho dân tộc điêu đứng, đất nước què quặt, xã hội lầy lụa... thế mà giữa lòng Cộng Đồng Người Việt Lưu Vong Hải Ngoại còn ngụy trang thân phận tôi đòi của mình, hụp lặn trôi theo giòng cuồng lưu trái mùa, phá vỡ con đê dân tộc, tiếp tục gây phân hóa giữa những người đã một thời có cùng tâm hồn đồng dạng.

Trong lúc đó, cũng không thiếu gì những nhân tố tích cực, nhưng nhìn lại vốn liếng trong tầm tay mình, chỉ còn biết thở dài tượng hình một dấu tán thán từ trong suốt giòng ngôn ngữ tị nạn, nên mãi kiên nhẫn bấm đốt ngón tay khẳng khiu, nằm dài người mỗi mắt chờ ngày hồi hương trong danh dự, để được khiêm nhường chụp lấy chút hạnh phúc cuối đời vun vội vào lòng kẻ bơ vơ lưu lạc, chỉ mong nối kết vòng tay dở dang với những người đồng chủng đã từng chia sẻ một phần tế bào của Lạc Long Quân và bà Âu Cơ, thứ đến hàn gắn những đổ vỡ tâm linh với mảnh đời tang thương, sống nhọc nhằn làm thân giấy leo của kiếp cây Chùm Gỏi.

Thời gian miệt mài dun rùi, trái đất tưởng chừng mỗi mòn trong vòng thái dương hệ và người cầm bút cũng cảm thấy dài lê thê cho một tâm hồn văn nghệ sĩ ứa nước mắt vừa đau thương, vừa thù hận, vừa ngậm ngùi... cho quê hương bất hạnh. Trên hầu hết những đứa con tinh thần của họ không thiếu vắng bóng dáng của người làm văn học giàu truyền thống và chân chính, hơn bao giờ hết xem giải giang sơn gấm vóc là công trình đã một thời cần cù, nhẫn nại của tiền nhân từ ngày lập quốc đến nay.

Tôi cũng không tránh khỏi cái thường tình nhạy cảm linh động ấy. Đôi khi chính mình đã trêu tượng cảnh trả thù, hà khắc, bẽ bàng... trộn lẫn cơn đau nghiệt ngã chảy miệt mài qua những giòng cảm nghĩ, rồi trang trải trên trang giấy nhặt nhòa, nhưng có điều lúc nào hầu như cũng

tưởng tiếc đến một que hương bất hạnh, bị kẻ phò bày  
ngụy ngữ Huynh Đệ Trương Kính làm chiêu bài, rồi dùng  
cường lực và mưu mô xảo quyệt, bắt buộc những người  
ngã ngựa thảng tư không được thừa nhận mảnh đất chôn  
nhau qua nhiều hình thức tinh vi, đã thế còn dựng lên những  
chiêu bài nào Giao Lưu, nào Hợp Nhất, nào Về Nguồn...  
vượt biên giới với xảo thuật nổi lại nhíp cầu hậu chiến,  
nhưng cùng lúc đó ra lệnh đội ngũ văn hóa, văn công nô  
dịch thuộc loại ngoan ngoãn sáng tác theo toa đặt hàng,  
phục kích sẵn chờ kẻ qua cầu ra tay rút nhíp, như thế có  
khác gì mai phục nguồn văn học Hải Ngoại, gián tiếp  
không cho những suy tư ngoài quỹ đạo Xã Hội Chủ Nghĩa  
hội nhập vào giòng sinh mệnh dân tộc. Cuối cùng hàm ý  
chỉ để những kẻ thiết tha đến tiền đồ rùi trái chân tiếp tục lỗ  
bước, chết dần... chết mòn... trên phần đất mà Người Việt  
Lưu Vong chưa hơn một lần đổ mồ hôi và nước mắt vun  
quén.

Lắm lúc những khi buồn, ngồi nghĩ về đất nước hăm  
hiu, trải qua biết bao phen tương tàn cốt nhục, tôi nhủ với  
lòng, dù gì nước mắt cũng chảy xuôi, người xưa còn cắn  
hạt muối làm hai cho bày con trăm đứa, vì nặng lòng đến  
sự liên đới hoang đường xa xưa ấy, lòng tôi chùng xuống  
vùng vị tha trong khối lý tưởng da vàng, tóc đen, mũi tẹt,  
cho nước mắt tiếc thương đổ đầy đôi má héo hắt, len lỏi  
theo giòng thời gian hững hờ, những mong ghi đậm nét  
cho một chuyến hồi hương có nhiều ý nghĩa của một người  
con lúc nào cũng trần trở nhớ về đất mẹ, lúc nào cũng dõi  
mắt cuối trời, dù biết nghìn trùng xa cách.

Thế là biết bao kỷ niệm buồn, vui từ ngày đặt chân  
xuống phi trường Tân Sơn Nhất. Kia là đường băng quen  
thuộc thuở nào trải dài như mở rộng linh hồn, rồi ôm gọn  
con chim sắt từ... từ chậm chạp đi qua, tôi rảo mắt tìm mãi

những ngọn đèn xanh màu nước biển chạy dọc theo phi đạo đánh dấu giới hạn, nay không còn nữa. Có lẽ cả một thời gian dài Nhà Nước dùng chính sách bế quan tỏa cảng với thế giới bên ngoài chăng? Vốn biết một khi đỉnh cao trí tuệ nghĩ rằng những gì liên quan đến hàng không đã coi là xa xỉ phẩm cận bã còn sót lại của bọn tàn dư tư bản. Đất nước chẳng chịu trùng tu thì làm sao tồn tại với thời gian? Càng nhìn càng buồn cho thế thái nhân tình, nhưng bù vào đó những ngọn cỏ cao phủ đầu xôn xao nháy múa, như vẫy tay chào bóng dáng kẻ thân quen trở lại. Trước cảnh cũ người xưa dĩ nhiên bồi hồi có, xúc động có, háo hức có... và lo sợ lòng người tráo trở cũng không thiếu, ắt hẳn mọi cái có cũng như âu lo thập thò bờ qua bờ cảm giác tạo thành một chấn động đồ với niềm xao xuyên vô biên, ai tinh ý hoặc cùng trạng huống cũng có thể đọc được trong tâm tư âm áp niềm thiết tha, lo lắng của người Hải Ngoại hồi hương sau cuộc biển dâu dài đằng đẵng.

Từ đó lòng mình không sao tránh khỏi những cơn sóng vô tình len lỏi vào tận cùng tâm thức, ký ức tôi mở rộng, để cho bày kỷ niệm vọt đứng lên giữa chút không gian nhỏ bé, đã giam hãm nhiều ước vọng lâu ngày, đôi khi những ai, ái, ố, hỷ, nộ, lạc, dục ấy cũng đã từng biểu đồng tình mở cửa cho hận thù lai láng chảy trong tâm hồn vốn dĩ dễ cảm xúc, tất cả những dữ kiện ấy lúc nào cũng muốn nhảy vọt ra ngoài bày biện cho vui đi nỗi nhớ, làm giảm bớt phần nào chút thương tâm, từ ngày những kẻ mang nhãn hiệu giải phóng nhân dân miền Nam động binh xâm lấn đến giờ.

Mãi xao xuyên với những phũ phàng không ngớt đe dọa, quên băng tiếng động cơ ngừng hẳn từ hồi nào, nhân viên phi hành tưởng chừng cũng vui trong niềm vui của chúng tôi, nên niềm nở mở cửa và vồn vã lời chúc tụng,



vùng trời quê hương lùa vào đôi mắt thèm khát được nhìn lại mảnh đất quen thuộc, mà một thời bạn bè cũng như Chiến Hữu của tôi đem cả sinh mệnh để bảo vệ, tôi say sưa trong im lặng, đứng ngây người như thiếp sâu vào một giấc chiêm bao sau cơn ngủ muộn, giữa trưa mùa hè ở vùng nhiệt đới nào đó, chớp mắt mới biết mình đang đứng trên phi trường Tân Sơn Nhất, phi cảng mà trước đây ngót ba mươi năm mỗi lần máy bay đáp xuống phi đạo, tôi không thấy xao xuyến gì cả, tôi nhớ rõ rành rành, ngày đó vống mô yên chí quét qua một vòng, nhận diện phố phường quen thuộc, cúi đầu cảm ơn đáng thiêng liêng đã che chở cho cánh chim bằng an toàn trên giòng không lưu chi chút mắc cửi, rồi chỉ việc mang hành trang lên xe bus làm lữ chèn chân giữa lòng người xuôi ngược đến trại Tiếp Liên, ngồi thở phào... hít thở chút không khí Sài Gòn, chờ hút xong thuốc và gọi taxi về nhà, giản dị đến thế, không có gì phải nghĩ ngợi, phải bận tâm suy tư!

Hôm nay khác hẳn, có lẽ khoảng không gian bất thiệp làm tôi chẳng nhìn ra những gì còn lại của ngày trước, dấu biết thời gian cũng đã xa lác... xa lợ, vật đổi sao dời làm sao tránh khỏi. Chân vừa khập khểnh bước xuống bậc thang cuối cùng, lòng tôi bỗng dung rung rung khi chạm phải mặt đất quê hương, tôi cố gắng nén lòng cho khỏi vỡ òa lên tiếng khóc, lưng thững bước, đầu óc quay cuồng cố bình tâm chứng minh có sự khác biệt nào giữa hai điểm đến? Nhưng tuyệt nhiên không! Hai điểm đến vẫn là phi trường Tân Sơn Nhất, đường bay Quốc Tế nổi tiếng của Thủ Đô Sài Gòn được người ta trân trọng đặt tên Hòn Ngọc Viễn Đông dạo nào, chỉ khác nơi khởi hành và thời gian thế thôi!

Ngày trước tôi lên tàu từ một địa phương trên quê hương yêu dấu của mọi miền đất nước, nơi đã cưu mang tôi từ lúc

sinh ra đến thừa thiếu thời, lớn lên nổi trôi với vận mệnh thăng trầm qua mọi biến cố lịch sử và thời đại, tôi biết thật nhiều những địa danh nổi tiếng, suốt thời quân ngũ rày đây mai đó của một quân nhân mang nặng nghiệp dĩ chiến trường, ngày ngày chỉ biết trang bị niềm vui với đầu súng nở hoa, những mong chận đứng bước tiến địch thù.

Bây giờ tôi được đáp máy bay từ bên kia bán cầu, hai Quốc Gia đã là cựu thù một thời, cách nhau khoảng chừng hăm ba hăm bốn tiếng đồng hồ, bao nhiêu múi giờ, nghĩa là khung trời quê mẹ chập choạng vào đêm, thì bên đất tạm dung của tôi đang nhận nơi đó làm quê hương thứ hai, là bình minh óng ả, là thiên đàng thật của tuổi trẻ đam mê nhiều kỳ vọng.

Tôi về với âm ập bầu tâm sự của một kẻ xa quê của thiên niên kỷ cuối cùng, vừa chịu nặng trong tâm hồn chỉ vì chữ hiếu chưa tròn để được làm người có tổ tiên, ông bà, cha mẹ. Vốn biết những thứ đòi hỏi vô hình ấy tuy không có trọng lượng thật đấy, nhưng lại là một trọng lực như sức hút của quỹ đạo trái đất, làm lương tâm của người con thảo kính chật cứng niềm tiếc thương về một người cha sắp sửa ra đi vĩnh viễn.

Cùng lúc đó nào ngôi trường cũ, mái nhà xưa, bạn bè rong chơi của một thời để chớm, tuổi ấu thơ với vô vàn kỷ niệm vụn vặt nhào trộn thành một mớ tơ vò, nay có dịp được moi móc kéo ra khỏi mấy tầng ký ức chùng chất bụi mù thời gian, tôi cảm thấy lồng ngực râm ran chỉ vì quá cảm động, xao xuyến như chưa từng xao xuyến bao giờ, thế là tôi bắt gặp hai cái khác nhau chỉ vì thời gian và hoàn cảnh.

Vốn biết thời gian miệt mài dun rui, duyệt qua hành trình tìm Tự Do, ngoảnh lại dấu chân mình đã đi nửa vòng trái đất, tôi cũng như hầu hết ngót ba triệu người Việt Hải

Ngoại có lòng với quê hương, đếm qua... đếm lại... thiếu điều mòn nhẵn cả những đốt ngón tay, suốt hăm mấy năm ròng rã, để rồi ngày lại ngày vẫn làm giống dân Do Thái Da Vàng mơ về đất Hứa. Tuy nhiên, người Do Thái ít ra hôm nay có Thánh Địa Jerusalem để tôn thờ, có giòng Jordan để soi thân mình gỡ trang cụ ước, coi như đã thực hiện được một phần nào giấc mơ lập quốc, tuy chưa hoàn hảo, còn tôi nói riêng và người Việt có tinh thần Quốc Gia nói chung đã bị những kẻ ra rả là cốt nhục, là những ngón tay nhiệt thành, nhưng sự thật trong bàn tay sắt thô bạo bọc nhung, cộng với khối óc quỷ quyết muối mặt ăn cắp mất vùng trời Thủ Đô của kẻ yêu chuộng hòa bình, rồi hợp thức hóa một cái tên mà dân miền Nam từ đó cho đến nay vẫn còn lạnh lùng khiếp đảm chỉ vì hậu quả của sự trả thù man rợ và điều ngoa nhất trong thế giới loài người.

Ài đánh rơi những gì quý giá của mình mà không tiếc rẻ, nhiều lúc tiêu tụy như tương tự một nhân tình vừa vượt khỏi tầm tay. Người Việt đã bị cưỡng bách bỏ lại những kỷ niệm buồn, vui chất ngất, nên dù ở Hải Ngoại ngoài vòng cương tỏa thật đấy, chúng tôi vẫn nuôi một giấc mơ hồi hương, nhưng thực hiện có bảo đảm an toàn hay không, nhanh hay chậm, còn tùy vào thiện chí tương kính của người anh em đối với những kẻ bất đồng chính kiến, mà tôi nhớ không lầm họ đã từng rêu rao nặng tính cách tuyên truyền với thế giới như tính hiếu hòa mọc mạc của một kẻ chiến thắng.

Người Việt tị nạn có mặt hầu hết trên các Quốc Gia Tự Do sau cơn trở mình của loài rồng không gia phả. Sự thật mỗi cá nhân bất lực có một khoảng cách xa quê khác nhau, nhưng lấy cái mốc thời gian bảy lăm lăm chuẩn, coi như chúng tôi đã đánh mất quê hương hơn một phần tư thế kỷ rồi đó!

Hăm sáu năm nhọc nhằn, bao truân chuyên đổ đầy Thái Bình Dương mênh mông, bao nước mắt đủ cho cây rừng biên giới giao cành khắc khoải, quả thật nặng hoàn đôi vai cho một đời người đưa thân lưu lạc trên vạn dặm điều linh với nỗi lòng đoài đoạn về mảnh đất thiêng mà cha ông ra sức phá Tống bình Chiêm, diệt Thanh dẹp Minh một thuở.

Thế hệ lưu vong đầu tiên là thế hệ của chúng tôi, có kẻ đã miễn cưỡng ra đi mang theo một vết nhục, hằn sâu trên mỗi tế bào bỏ cuộc, cũng vì làm người có thừa chất xám mà không bảo vệ được quốc gia mình yêu chuộng, thậm chí ngày nay nhiều bậc trí dũng thời trước còn đầy đủ khả năng Lãnh Đạo Chỉ Huy, ưu tú về mọi mặt, nhưng tuyệt nhiên vẫn không chịu hướng dẫn cho cháu con mở đường cứu nước, loại người ích kỷ và uơ hèn như thế, thì thử hỏi làm sao dám kết liễu đời mình cho tròn tiết tháo của con nhà võ như những dũng Tướng ngày xưa khi nghe tin kinh thành thất thủ?

Thế hệ thứ hai cũng đã lác đác gởi thân nơi đất khách, những kẻ còn lại chắc chắn trong tiềm thức còn mang nhiều nỗi tiếc cho bạn bè thân quen yên nghỉ giữa lòng đất mẹ, biết bao đứa con cưng của đất nước tuy đã được Tổ Quốc Tri Ân và không thiếu lễ nghi quan cách Truy Thăng, Truy Tặng, với lời nhân danh Thượng Cấp trịnh trọng gắn lên cổ áo quan, nhưng đến hôm nay mộ phần đã bị người anh em đào xới, hài cốt chẳng biết phiêu bạt về đâu, xem chừng người huynh đệ đó hả hê và thoả mãn lòng thâm thù truyền kiếp. Số còn lại có những lúc đăm chiêu nhìn mảng trời xanh mơ về Tổ Quốc, nơi cha anh đã bao phen dùng máu, mồ hôi, nước mắt trộn lẫn, trịnh trọng viết lời cáo phó ba mươi tháng tư bảy lăm, để lại từng trang sử oai hùng trên giòng Quân Sử của một Quân Lực đã bị cưỡng bức mệnh

một.

Thế hệ thứ ba nói rất tiếng Mỹ có khác gì người bản xứ, nhưng chúng nó cũng dư biết thân phận kẻ tị nạn, tất cả quyền lợi xem như đặc ân của họ ban phát, lớp trẻ ngày nay thông minh và nhạy cảm làm sao không so sánh được người Mỹ da vàng khác xa người Mỹ da trắng. Vẫn hiểu mình có đủ ngôn từ cũng như tư cách để phấn đấu sống còn và vươn lên trên mọi lãnh vực, nhưng hội nhập được vào giòng chính là khi nào họ cần đến lá phiếu của người thiểu số, việc chen chân vào guồng máy tinh vi phá vỡ quỹ đạo bảo thủ, nhưng khó lòng đánh tan thứ mặc cảm kỳ thị, một khi lũ âm binh da màu và chủng tộc đa dạng lén lút còn đó, chắc chắn chẳng để cho một người không phải là con cháu chú Sam được nhiều quyền lợi tinh thần cũng như vật chất, nên lớp trẻ gốc Việt ít nhiều cũng thói chí khưng lại đành thúc thủ, nghiên ngẫm câu Ca Dao:

Ta về ta tắm ao ta,  
Dù trong dù đục ao nhà vẫn hơn.

Nói chung, dù có gởi thân đến năm hoặc mười thế hệ trên đất nước người ta, dù có tinh thần hòa đồng mật thiết vào một quốc gia đa chủng và thích nghi với xã hội văn minh nhất thế giới cách mấy đi nữa, mình cũng cảm thấy lạc lõng như kẻ đầu hôm sớm mai, nên giấc mơ hồi hương đã thai nghén từ ngày mới đặt chân lên xứ sở này và thiết nghĩ giấc mơ ấy sẽ nung nấu mãi, chỉ vì không nơi nào đẹp hơn quê hương mình, như một Văn Hào Âu Châu nghiên ngẫm để lại những suy nghĩ giá trị với thời gian cho thế hệ mai hậu một chút tư duy hàng hữu.

Nhưng khó quá, nhớ quê hương ai không nhớ? Chỉ vì lý tưởng Quốc Cộng đã làm mai một ý chí biết bao người

có tâm huyết về dân tộc giống nòi. Tôi đang đứng trên bờ lưỡng lự, nhưng thiết tưởng lý trí là kim chỉ Nam đã chọn hướng đi đúng từ ngày vượt mặt bỏ nước.

Như vậy là cánh chim sắt đã mang tôi đến Sài Gòn, vùng đất hiền hòa, tình người lai láng, Thủ Đô của những tâm hồn yêu chuộng Tự Do ngày trước. Tôi quyết định chỉ dừng ở đây một thời gian ngắn để được cúi đầu tưởng niệm đến Thành Phố bị bứt tử cuối cùng, trong giờ thứ hai mươi lăm của mùa tang tóc năm nào, rồi phải gấp rúc lên tàu nội địa đi thêm một phần ba chiều dài đất nước nữa, mới thấy được chính quê mình.

Bình Định đất địa linh nhân kiệt, ở vùng núi non hiểm trở đó trên hai trăm năm về trước người anh hùng áo vải Nguyễn Huệ chiêu binh mãi mã dựng cờ khởi nghĩa với chiêu bài phò Lê diệt Trịnh.

Bình Định, cũng là nơi tôi cất tiếng khóc chào đời, giữa lúc hai tên Đế Quốc tranh giành ảnh hưởng, lũ Thực Dân khát máu ấy nuôi mộng bá quyền hoàn vũ kèn cựa nhau, đem binh hùng tướng dữ cướp đất làm thuộc địa, áp đặt chư hầu trên toàn cõi Đông Dương, chiến tranh Nhật Pháp từ đó bùng nổ, mẹ tôi thường kể cho nghe vào những ngày tôi bắt đầu có trí khôn.

Thế là quê hương lớn: Việt Nam! Tôi vừa đặt chân đến, sau cơn bão lửa bảy năm thiêu rụi một sa bàn mà tuổi trẻ các ca.... các củm mộng bình sinh, đem cả sinh mệnh mình bảo vệ từng hòn đất.

Quê hương nhỏ: Bình Định! Tôi sắp sửa về sau ngót ba mươi năm theo đơn vị ngược xuôi dẫm nát miền Cao Nguyên Duyên Hải, giữ vững biên cương bờ cõi, đem lại chút thanh bình tối thiểu cho người dân vốn dĩ cả đời quàng quặt lam lũ, nhưng vẫn đói nghèo như con bệnh trầm kha đeo đuổi triền miên.

Từ Sài Gòn về Bình Định, nếu muốn ngồi xe đò dùng Quốc Lộ I, ai thích đi mây về gió, thoải mái tính hiếu kỳ nên dùng máy bay, tất cả mọi phương tiện cũng dễ dàng thôi.

Ngày trước máy bay đáp xuống phi trường Qui Nhơn, nhưng hôm nay đường bay đó đã không còn nữa, em tôi viết thư hướng dẫn rõ ràng cho người về khỏi ngỡ ngàng. Hà Nội quyết định đóng cửa phi trường vĩnh viễn, dùng chiêu bài an toàn thành phố che mắt dân lành, rồi âm thầm cắt chia cho những cán bộ cao cấp, gọi là có công cách mạng, lợi dụng chương trình nói rộng thành phố, con đường mới tinh của Qui Nhơn bây giờ lấy tên là Đại Lộ Trần Du mà người dân bản xứ phần uất đọc lái thành Đại Lộ Trừ Dân.. Đúng vậy, đường sá thênh thang nhưng cùng đình không thể chen chân dựng lên một mái ấm khả dĩ, như em tôi tiếp chuyện trên đường điện thoại viễn liên.

Ngồi thu mình trong lòng máy bay hai động cơ, tôi hồi hộp vô cùng, chẳng biết Nhà Nước có bảo trì đúng tiêu chuẩn như những đường bay Quốc Tế của các quốc gia văn minh tiên tiến hay không? Nhưng nỗi lo âu nào rồi cũng qua đi, máy bay giảm tốc độ và xuống thấp dần, phi trường Phù Cát làm sao tôi quên được, chỉ vì hai ngọn tháp của người Chiêm Thành vẫn phủ phục mơ về một vương quốc huy hoàng.

Ngày trước khi Quân Đội Hoa Kỳ thiết lập và đồn trú, Căn Cứ Phi Trường Phù Cát thật nhộn nhịp, máy bay lên xuống nườm nượp, bây giờ vắng như chùa bà Đanh (người Bình Định thường ví von) những hăng ga chứa máy bay nay đã rỉ sét, nhiều ngôi nhà tiền chế màu trắng thanh lịch đã bị thổ phỉ gàn hết, đường băng lồi lõm là hậu quả của những chiến dịch vườn không nhà trống.

Tôi loay hoay nhận hành lý và làm thủ tục nhập cảnh

theo đúng câu tục ngữ: Nhập giang tùy khúc nhập gia tùy tục! Nhà tôi ngỡ ngác trước sự trống vắng đến nỗi da gà, nhưng bậm gan mặc cho búa riều hần học. Đứng chờ người nhà thuê xe về lại Qui Nhơn, ngồi trên chiếc taxi ọp ẹp, tôi chợt nhớ đến biết bao địa danh vang bóng một thời, trong đó Tam Quan Bông Sơn là những Quận địa đầu mà tôi đã có dịp đi qua hoặc nhiều lúc dừng quân của một thời giày xỏ, áo trận. Tôi cố vận dụng khối óc già nua nhớ lại những bài thơ ghi vội vã từ ngày ấy, nhưng in đậm nét cho một quê hương khói lửa ngút trời:

Về Tam Quan nhìn rừng dừa cụt ngọn.  
Gác Nhíp chênh vênh mấy gọng đường rầy.  
Cầu Nước Mặn gãy lìa làm hai đoạn.  
Đời chiến binh chờ sống mái đêm nay.

Bông Sơn triền miên khói lửa, thành phố chỉ là đoạn đường trên Quốc Lộ I, nếu không có chiến tranh có lẽ ít ai biết đến Thị Trấn này, con phố mà đầu đường là Quận Lý, cuối đường là nhà thương trường học. Thời chiến tranh cả hai thế lực ra sức giành giựt mở rộng địa bàn hoạt động, để rồi dong đất ốm yếu này đã từng đứng lên ngồi xuống không biết bao phen:

Mai này viếng phố Bông Sơn;  
Nghe con xe nước cãm hờn bên sông.  
Lại Giang róc rách xuôi giòng.  
Dừa cao cúi xuống đứng mong người về.

Chiến tranh đã là thứ vũ khí oan nghiệt, cắt quê hương ra thành mảnh vụn. Nhớ lại ngày xa xưa ấy, ngồi trên xe Jeep theo đoàn công voa leo qua đèo Phú Cũ nhìn hút mắt



đến Cầu Vọi, con đường đất đỏ chạy lên Quận Hoài Ân giấu mình sau những túp lều tranh chi chít, dỗi mắt xa về hướng Bắc là rừng dừa dọc bờ sông Lại, làm sao tôi có thể quên được hình ảnh đoàn xe mở đèn mắt mèo, mục đích hạn chế ánh sáng, chở một đơn vị thiện chiến đến điểm xuất phát, chuẩn bị cho ngày N... tái chiếm Thị Trấn Bồng Sơn trong chiến dịch tá chiếm lãnh thổ đã mất:

Qua đèo nhớ cả nhánh sông.  
Thuyền ai thấp thoáng bên giòng Lại Giang.  
Pháo về giết mảnh trăng vàng.  
Địch về chỉ thấy khăn tang nảo nùng.  
Ta đi nối sợi thủy chung.  
Cho mưa dân tộc lên vùng bình nguyên.

Miền Trung nói chung, Bình Định nói riêng, xú cày lên sỏi đá... Tuy nhiên cũng còn khá hơn những Tỉnh có chữ Quảng đứng đầu ở tận cùng hướng Bắc. Vàng, không thể chối cãi được! Khi tôi gia nhập vào một Quân Trường Sĩ Quan ngày trước, những người bạn cùng khóa dân gốc miền Nam thường trêu chọc hoài:

— Nghe đâu người dân ngoài Trung nghèo đến độ chữ lót cũng nghèo! Nhưng tại sao mày lại có cái tên cứng còm đầy đủ vậy?

Tôi chỉ mỉm cười, cảm ơn người bạn đã cho tôi chút xao xuyến về một quê hương nghèo rớt mồng tơi ấy. Cảnh nghèo mà người Bình Định thường than vãn: Nghèo tàn, nghèo mạc; nghèo khắc ra tro; nghèo ho ra trấu; nghèo thấu Ngọc Hoàng...

Bình Định là một tỉnh lớn vào hàng thứ nhì của miền Nam bấy giờ, sau Gia Định, về địa dư cũng như dân số, lúc sinh tiền ông tôi kể chuyện:

Thời Nguyễn Hoàng gia tộc được lệnh Chúa Nguyễn cho phép xuôi Nam tìm kế sinh nhai, tổ phụ nhà mình chọn đất Bình Định màu mỡ để lập nghiệp.

Ông tôi nói cứ nói, tôi nghe thì để vậy chứ không dám cãi lại. Thời Quân Chủ ra sao không biết chứ đến ngày tôi chào đời khói lửa ngút trời, kể đến chín năm kháng chiến chống Tây, rồi tới diệt Nhật, xong đầu vào đó Việt Minh cướp chính quyền, kể đến Cách Mạng Tháng Tám:

Cách Mạng Mùa Thu nuôi quân hũ gạo.

Giảm tức, giảm tô vang dội chiến khu.

Cha an trí tận núi rừng An Lão.

Mẹ phần đàn con, phần đi thăm tù.

Thuế má ngát trời làm ruộng không đủ đóng thuế, nên những thành phần Địa Chủ, Phú Nông còn nước hiên điền tập thể cho Nhà Nước đỡ lụy và thân, mẹ tôi buồn nói với thầy tôi:

Phận nghèo đi tới xứ mô cũng nghèo.

Thế là nghèo đói như định mệnh khắc khe, thời tôi chưa thấy ngày nào giàu sang phú quý, mặc dầu có tiếng con ông này cháu bà nọ.

Theo thống kê dưới thời Đệ Nhất và Đệ Nhị Việt Nam Cộng Hòa, không biết ngày nay các thầy nón cối dép râu chia chác ra sao, bốn ba tha phương cầu nơi nương tựa ở Hải Ngoại không có thì giờ cập nhật hóa được, trước đây mười năm sau khi nuốt trọn miền Nam nghe đầu đỉnh cao hiu hắt sáp nhập Quảng Nam, Quảng Ngãi gì đó thành ra Nghĩa Bình, rồi lại còm không lành canh không ngọt đoạn tình, cuối cùng ly dị Nghĩa Bình, đến nay phần giới hạn địa dư Bình Định trở lại như những ngày trước, vẫn đèo Bình Đê là ranh giới tỉnh nhà:

Có ai về Bình Định,

Lên Đèo Bình Đê đón gió Sa Huỳnh,  
Gió xứ Quảng ngập Trường Sơn đổ xuống.  
Như tiếng kèn ngày Nguyễn Huệ dấy binh.

Về phía Nam Bình Định có đèo Cù Mông sừng sững,  
cuối chân đèo giáp giới Sông Cầu thuộc Quận Tuy Hòa  
Tỉnh Phú Yên, đèo Cù Mông tuy không hiểm trở, nhưng  
đã phân chia ranh giới rõ rệt:

Có ai về Bình Định,  
Qua Sông Cầu lên giốc Cù Mông.  
Nhìn biển Qui Nhơn sóng trào gành đá.  
Bờ cát trắng phau quỳện lấy rừng thông.

Ai là con dân Bình Định mà không biết đến hai ngọn  
đèo nổi tiếng ở tỉnh nhà là một điều thiếu sót vô cùng. Đèo  
Mang Giang, Đèo An Khê chót vót then mây như chất chứa  
những gì kỳ bí từ khi Nhà Nguyễn Tây Sơn động binh khởi  
nghĩa:

Có ai về Bình Định,

Đi mạn Pleiku đổ xuống An Khê.  
Theo giòng Sông Côn xuôi về hạ bạn.  
Gió cuốn cao nguyên từng đợt nã nề.

Có ai về Bình Định,  
Uống nước Côn Giang nhớ vị anh hùng.  
Làm rạng rỡ giòng nòi lạc Việt.  
Sử sách vẫn còn ca tụng tiếng Quang Trung.

Qui Nhơn có bè ngang chạy chưa ngút hơi đã hết,

thành phố nhỏ xíu nhưng thật dễ thương, phía Bắc nhìn  
đâm Thị Nại, gợn sóng lăn tăn, tháp Thầy Bói hát hiu nhang  
khói, phía Nam bãi cát trắng phau đối diện Nam Hải mệnh  
mông trời nước, rặng thùy dương mỗi chiều nồm lên nghe  
óng ả như tiếng sáo diều cao vút, hoàng hôn trên biển Qui  
Nhơn đẹp vô cùng, đã thu hút không biết bao du khách,  
chính người bản xứ từ những vùng lân cận khi có việc về  
Tỉnh cũng muốn ở lại vài ngày dạo phố, tắm biển hoặc đi  
thăm những thắng cảnh, nào lên Gành Ráng Suối Tiên, đi  
bộ ra đầm Thị Nại nghe giọng hát đả đót của cô gái đưa đò.  
Nhất là ai có tâm hồn nghệ sĩ đi thăm mộ Hàn Mặc Tử để  
nghe người thi sĩ bất hạnh rên rỉ mỗi lúc trăng lên, chúng ta  
hãy lắng lòng đi theo nhà điu dất nhìn lại quê mẹ như  
chính mình bước lên những lối mòn thân quen một thuở:

Chiều xuống chậm như nước ròng tháng hạ.  
Bờ cát phẳng phiu in vết chân sò.  
Thị Nại u buồn ôm còn bàn nghiêng ngả.  
Tít mờ xa lơ lửng mấy con đò.

Đêm yên tĩnh sóng vỗ thềm cát trắng.  
Đóm lửa lập lòe bên nấm mộ Hàn.  
Rặng dương liễu cúi đầu trong yên lặng.  
Nhìn sao sa dưới đáy biển ngổn ngang.

Bến Bạch Đằng nhìn Vinh Quang, Xóm Trủ.  
Thuyền Rớ chênh vênh mấy gọng giữa giòng.  
Chim bói cá gục đầu vào cánh ngủ.  
Bên hàng cây cọc đáy đứng song song.

Khúc nhạc đưa đò Gò Bồi, Xóm Lách.  
Giọng khao khao của dân biển Vũng Nôm.

Nghê đả đót nhưng hùng hồn thử thách.  
Kiếp hải hồ đối manh áo chén cơm.

Thuở nhỏ tôi học ở trường làng, thời Việt Minh chống Tây tôi học trường Cấp II tại An Nhơn, Khi Hiệp Định Geneve được ký kết, Quốc Gia tiếp thu Nam Ngãi Bình Phú tôi vào trường giòng Thánh Giu Se nội trú, rồi xuống Qui Nhơn, có thể nói thành phố Qui Nhơn đã nuôi tôi lớn khôn, nhận diện được những vấn nạn ghê hồn trên đất nước. Ngày đó phương tiện giao thông thật khó khăn, thế mà tôi lợi gần hết những nẻo đường trong Tỉnh, cho nên hình ảnh quê hương in đậm trong tâm trí tôi. Kế đến làm người trai thế hệ cầm súng giữ quê hương tôi được dịp đi xa hơn, nhưng quê mẹ vẫn sừng sững trong trái tim kính mến:

Không biết bao giờ trở về quê cũ.  
Vòng qua Long Hậu lên tận Phú Đa.  
Thăm người con gái gọi anh bằng chú.  
Chắc em đâu còn lứa tuổi ngọc ngà.

Không biết bao giờ trở về quê cũ.  
Hữu Pháp độ rày chả hiểu ra sao.  
Nhớ lúc về quê đi ngang Xóm Trủ.  
Cô gái Gò Bồi hát giọng ngọt ngào.

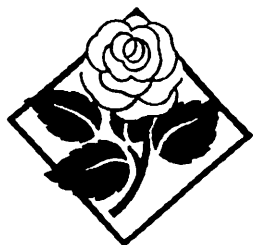
Không biết bao giờ trở về quê cũ.  
Hội gò Đống Đa mỗi độ Xuân sang.  
Khấn vái người xin quê hương đoàn tụ.  
Cho Bắc Nam thôi chém giết tương tàn.

Rồi nay mai tôi cũng phải trở về quê hương thứ hai, nơi mà gia đình tôi đã ký thác nửa cuộc đời còn lại sau mùa binh lửa. Tôi bây giờ mới thấy thấm thía một kiếng hai quê, để rồi quê nào cũng là tiếng chuông ngân vang trong tiềm thức cả. Tôi ở bên này nghe tâm tư nhói lên niềm nhớ và nếu ở bên kia cũng không tránh khỏi quặng lòng đau, thế mới biết người Việt có trái tim ấm áp nghĩa tình, chỉ vì miền đất Tự Do đã mớm sù cho người tị nạn chúng tôi những an ủi, những vỗ về... để kẻ bất hạnh đứng lên đi nốt quãng đường làm một công dân tối thiểu.

Tôi vượt nước mắt ngậm nga bài thơ Tôn Phu Nhân quy Thục:

Lìa Ngô bịn rịn chòm mây bạc.  
Về Hán trau trịa mảnh má hồng.

Nguyễn Thế Giác



# TÌNH LÍNH CHIẾN

*Một ly rượu nhỏ mà thôi  
Em mời ta uống với lời nồng say  
Bàn tay ngà ngọc đêm nay  
Cất vào hành lý lòng này của anh  
Cuộc đời phiêu bạt điêu linh  
Của người lính chiến đa tình mộng mơ  
Phải chăng sương khói hững hờ  
Phút vui gặp gỡ vu vơ ân tình?  
Không, đêm nay ta với mình  
Là đêm trường cửu của tình trăm năm  
Tình ta đúng độ trăng rằm  
Em vui đi chứ ... sao thâm giọt rơi!  
Mai này chiến cuộc hết rồi  
Anh về thưa mẹ ngỏ lời cưới em!*

**MANG ĐỨC LONG**

Đứa nô lệ chỉ một chủ, đứa tham lam thì những ai làm lợi cho nó là chủ nó cả.

**La Brugère**

# TUỔI THƠ QUÊ NỘI

LÊ THỊ BẠCH LIÊN

Lúc lên năm lên sáu người mà tôi yêu mến nhất là mẹ và cha tôi. Mẹ tôi là người gần gũi và săn sóc tôi tỉ mỉ hơn.

Mẹ tôi vào thập niên ba mươi là nữ sinh Đồng Khánh Huế. Ông ngoại tôi là một nhà giáo, dân trong làng gọi là ông Trọ Ba. Ngoại tôi thuở ấy đã vượt qua tục lệ mới cho phép mẹ tôi đi học xa như vậy, từ Phù Cát Bình Định ra Huế! Lúc ấy đến giờ mẹ tôi vẫn thuộc nhiều bài thơ của các thi sĩ Pháp và thi sĩ tiền chiến Việt Nam. Chẳng hạn, bài Về Hè của Tế Hanh: "Sung sướng quá giờ cuối cùng đã hết - Đàn chim non hơn hờ rủ nhau về ..."

Trong gia đình chúng tôi còn giữ được vài tấm hình khi mẹ còn rất trẻ, còn đi học, lúc thành hôn, rất đẹp đôi, dù lúc đó chỉ là hình trắng đen.

Mẹ tôi là niềm hãnh diện của chúng tôi; và khi nhớ lại những ngày thơ ấu thì niềm vui sướng ấy lại hiện về.

Mẹ tôi đẹp lắm, khuôn mặt tròn, đôi mắt to đen, sống mũi cao và thẳng, đôi môi xinh xắn cân đối với khuôn mặt, tóc bới gọn (mẹ kể rằng mấy bà đầm người Pháp, giáo viên của trường, bắt buộc học trò phải bới tóc, không được để xõa). Chiếc áo dài của mẹ lúc ấy đơn giản, không bó sát mà hơi rộng. Nhìn tấm hình cũ, ai cũng bảo mẹ là một cô đầm nào đó, chứ không phải là một cô gái Việt Nam. Mẹ giống ông ngoại tôi, có đôi mắt đen như hạt nhãn và sống mũi dọc dừa. Mẹ kể rằng thỉnh thoảng bà ngoại đi ra Huế thăm mẹ ở nội trú (interna) trong trường.



Tốt nghiệp bằng thành chung trường Đồng Khánh, mẹ được bổ về Qui Nhơn dạy *Enfant Francais*. Rồi mẹ lập gia đình. Cha tôi là học sinh trường Bưởi Hà Nội, tốt nghiệp đổi về làm ngân hàng Qui Nhơn. Mẹ bị hư thai khi mới sinh con trai đầu lòng, nên thay vào đó cha mẹ nhận một bé trai sơ sinh làm con nuôi, cho mẹ đỡ buồn. Đó là anh Hai, anh nuôi của tôi. Năm 1942 mẹ sinh ra tôi, là gái, thứ Ba (gọi tên theo thứ tự Bình Định quê tôi). Rồi hai năm sau mẹ sinh cho tôi một em gái nữa, em Tư.

Năm 1947 cha tôi đưa gia đình tản cư về quê nội, huyện Phú Phong. Từ đó đến năm 1955 mẹ sinh thêm ba người con nữa: em Năm (trai), em Sáu (trai) và em Bảy (gái) út. Em Năm ra đời trên đường tản cư. Lúc này tôi còn quá nhỏ, chỉ nhớ mang máng mẹ có mang theo dì Chiểu (là một cô em họ xa, do bà ngoại tôi đem vào giúp mẹ), dì bồng em Năm. Chúng tôi đi về quê, một vùng núi Vĩnh Thạnh. Nơi ấy hy vọng lính Pháp sẽ không đánh vào. Nơi ấy người thượng xuống đi chung chợ với người kinh ở thôn Vĩnh Phúc. Nhà nội tôi ở Vĩnh Thạnh cách nhà cha tôi chừng 5 km. Nhà nội là một nhà xưa bề thế, nhà lá mái lợp ngói, ba gian hai chái, to rộng mát mẻ, đàn chim sẽ hay đến làm tổ dưới mái. Vườn thì rộng mênh mông với nhiều cây ăn trái.

Nội chia cho cha tôi một thửa đất rất rộng ở sát thửa đất bác Bốn tôi. Nhà cha tôi cũng rộng nhưng cất đơn giản, mái tranh vách đất, chia nhà ra làm ba, nhà lớn nhà giữa và nhà bếp. Nhà lớn có phòng khách, phòng ngủ. Nhà giữa chứa đồ dùng và một kho đựng lúa. Kho lúa giống như một cái hộp gỗ mỗi bề khoảng 2 mét, cất cao cách mặt đất nửa mét. Sáu mặt kho không phải bằng gỗ mà bằng sườn tre vách đất nhồi rơm. Mặt trên cùng chừa một lỗ vuông mỗi bề nửa mét, có nắp đậy cũng bằng đất.

Tá điền đổ lúa vào miệng kho này. Bên dưới mặt trước kho đục một cửa tròn đường kính một tấc để lấy lúa ra bán hoặc xay thành gạo. Xây kho lúa kiểu đó chống được ẩm ướt và chống cháy. Dẫu có cháy nhà cũng còn hy vọng có lúa mà sống. Dưới nền nhà có đào hầm sâu 2 mét có cây chống và nền là những thân cây tròn to. Hầm để tránh phi pháo và cũng để chứa đồ. Nhà bếp cũng khá rộng vì có cả phòng ăn. Phân nửa nhà bếp có vách che làm chỗ nấu nướng. Phân nửa không vách, kê bàn ghế và một bộ ván to, có thể dùng nằm ngủ trưa hay trò chuyện trong gia đình. Gian bếp cũng là nơi tiếp bà con và lối xóm thân tình. Phía sau bếp là ảng nước cách vách vài mét. Xế xế nhà bếp chừng mười mét là chuồng heo chuồng gà. Gà thì nhiều không đếm xuể, gà thả đi rong trong vườn tự kiếm ăn nhưng nhà cũng túc túc cho lúa vài lần một ngày.

Cha tôi có nuôi một con chó, giống lai berger, tên Rái. Lông nó xám, thân to lớn, ai thấy cũng sợ, nhưng nó không hề cắn bậy bao giờ. Rái rất khôn, canh giữ nhà, kẻ trộm vào là nó cắn tận mạng. Một bữa có con rắn to bằng bắp tay, dài chừng mét rưỡi bò vào nhà, con Rái nhào tới cắn giữa mình rắn nhảy nhay vung mạnh nhiều lần, mọi người an tâm tiến lại đập chết rắn. Nhưng gia súc của nhà thì Rái không bao giờ cắn, chỉ cắn heo hàng xóm đến phá khoai đậu của nhà trồng, nó cắn cho heo què hết chạy được mới thôi. Rái cắn được cả chồn, nó rình ban đêm khi chồn vào vườn bắt gà, nó không sủa tiếng nào, phóng ra ngoạm cổ chồn, nhưng chồn rất lanh, nhiều con chạy thoát. Thuở đó giới chức xã thôn ra lệnh giết chó, và người thi hành đã để ý đến con Rái của tôi, vì Rái non trẻ và to lớn, làm thịt chắc được nhiều và nấu ăn ngon lắm. Rái rất khôn, nó đánh hơi nguy hiểm nên chui xuống gầm tủ trong

buồng ngủ nằm im nhiều giờ, mặc cho họ sục kiếm chán, họ bỏ đi, tôi mới thở phào nhẹ nhõm.

Vườn nhà tôi vuông vức mỗi bề chừng 50 mét, cha tôi trồng đủ các thứ cây, nào là dứa, chuối, cà phê, tiêu, thơm, đu đủ, xoài, mít, măng cầu. Có vài cây ổi (chim bay rớt hột trong vườn) cạnh hàng rào. Sau khu vườn là cánh đồng lúa bát ngát. Phía trong xa là những xóm nhà với những hàng cau cao vút. Trước mặt nhà là con đường cái quan. Bên kia đường là triền dốc rồi đến một miếng đất thổ của cha. Đất này khi thì trồng mè, khi thì trồng thuốc lá. Kề miếng đất là con sông Côn uốn khúc, nước trong xanh. Sát bờ sông có một cây vừng to vươn cao trên bờ nước, rợp bóng mát cả một bến sông. Đó là nơi quen thuộc cha con tôi thường lui tới bơi lội. Cha thường cột chiếc ghe nhà ở đấy. Về phía hạ lưu bên dưới cây vừng chừng năm chục mét, dòng sông rẽ làm hai nhánh, ở giữa là cồn cát sỏi và đám cây rậm rừ rì mọc quá đầu. Phía bờ trái bên này nước sông bắt đầu chảy xiết, càng xuôi càng mạnh, rồi vượt qua ghềnh đá bọt tung trắng xóa. Phía hữu ngạn, bên kia sông là thôn Định Thành. Ngày ngày cô lái đò đưa khách sang sông nhưng không qua chỗ cây vừng mà cặp bến phía trên cách nó vài chục mét.

Bên trái khu vườn là hai mảnh đất rộng của nhà tôi được ngăn ra bằng con đường đất nhỏ. Mảnh đất kề nhà, cha đào một cái ao sát bờ ruộng, để lấy nước vào. Trên bờ ao cha trồng bạc hà, rau ... Bà nội tôi thường bỏ xuống ao những bó chà cho tôm ở. Lâu lâu bà bắt tôm về nấu canh hay kho mặn. Mảnh đất còn lại, to hơn mảnh kia, thường gọi là miếng đất cây Da, cha tôi làm sân banh, cho thanh thiếu niên trong làng đến chơi bóng đá hay bóng chuyền. Sân banh vẫn chiếm chưa hết đất; phần còn lại cha trồng mè, đậu phụng, khoai mì. Lúc đó cha còn trẻ, tôi thường

theo cha ra xem cha đá banh. Cha đá quả bóng bay xa vút, trông nó nhỏ dần, nhỏ dần ... cha rất thích bóng đá.

Ông nội tôi mất sớm, tôi chỉ còn bà nội. Bà có nhiều ruộng đất, bà chia cho các con, mà tôi chỉ biết phần của cha tôi thôi. Đất chia cho cha tôi quá nhiều mà phần của bác tôi lại còn nhiều hơn gấp bội, vì bác là trưởng nam nhận thêm phần hương hỏa từ đường để lo giỗ chạp tổ tiên. Mỗi lần cúng giỗ bác tổ chức linh đình, một số các chị tá điền và những người làm công tុ tập từ ngày hôm trước để làm bánh trái, như quết bánh ít lá gai, đồ bánh thuẫn. Sáng sớm ngày giỗ thì làm heo, gà vịt. Khách dự đông vui, kể ra người vào nườm nượp, chuyện trò rôm rả. Hai vợ chồng bác tôi chính hiệu là nhà giàu ở quê. Khác với nhà cha mẹ tôi, tuy mỗi năm cũng có tổ chức cúng giỗ một vài lần nhưng lạng lẽ, vì cha mẹ tôi không thích ồn ào. Chẳng hạn cha tôi nói "Hôm nay là ngày giỗ chú Chín con". Chú Chín là em cha tôi, mặc dù chú mất lúc còn trẻ mà cũng được chia phần ruộng đất. Phần ấy giao qua cho cha tôi để lo ngày giỗ cho chú. Phần hương hỏa từ đường giao qua bác tôi để lo giỗ cho ông bà tổ tiên, nghĩa là toàn cấp lớn. Cúng chú Chín, mẹ tôi làm một mâm cơm đặc biệt hơn ngày thường, nhang đèn hoa quả cúng vái, và không mời ai cả.

Nhớ đến bà nội là nhớ đến một phần tươi đẹp tuổi thơ của tôi. Ông tôi mất sớm từ lúc mẹ tôi chưa về làm dâu. Có thể nói bà tôi là một phụ nữ Việt Nam tiêu biểu thời bấy giờ. Độ ấy bà chừng 70 tuổi. Dù lưng đã còng, tuổi cao mà vóc dáng khỏe mạnh; tóc muối tiêu búi gọn gàng. Bà không biết chữ nhưng ba con trai bà được cho ra Hà Nội ăn học ở trường Bưởi. Cả ba đều thông thạo tiếng Pháp. Bác Bốn gái cũng không biết chữ nhưng điều khiển

vài chục người làm công nuôi tằm, kéo kén, dệt tơ, làm ruộng, nuôi heo gà bò ...

Gia đình tôi thì khác, mẹ tôi không biết việc ruộng đồng. Chín năm 1945-1954 sống trong nông thôn mà mẹ vẫn không biết sàן gạo. Cha tôi có nuôi vài ba con bò và có tập cây bừa. Ba con trai của bà nội được chia nhiều ruộng đất. Chú Bảy tôi bỏ vùng Việt minh vào thị thành, thím Bảy cứ ở quê. Chú thím lúc ấy có 2 con, một trai một gái, cứ nuôi con, sống cạnh sự chăm sóc của nội tôi. Tôi còn có hai người cô ruột là cô Sáu (cha tôi thứ năm) và cô Mười. Ngày xưa làm con gái thì ít được đi học, gái chỉ theo chồng. Nội tôi cho rằng cho con gái đi học chỉ tổ viết thơ cho trai! mẹ tôi tuy rất hiền nhưng tôi nghĩ rằng mẹ không được lòng bà nội như bác Bốn và thím Bảy. Mẹ tôi quanh quẩn trong nhà với các con nhỏ và chiều chiều cùng cha tôi ra vườn trồng rau xà lách, cải, hành, ngò, ớt, tỏi, dưa leo ... Chúng tôi thường chạy theo mẹ vẫy quanh vọc đất, hái hoa, bắt bướm ... Tôi là gái đầu nên biết giữ em chút ít, còn anh Hai nuôi làm việc nặng hơn, anh chăn bò và thường theo trẻ lối xóm đưa bò đi ăn xa nhà một chút. Có một lần chuồng bò bị cháy vì un trâu sưởi ấm bò mẹ mới sinh bê. Chuồng cháy, cha tôi sợ anh Hai bị bỏng vì anh thường ngủ trên gác của chuồng. Nhưng anh Hai rất giỏi, ảnh nhảy phóc xuống đất, rút then chuồng, đuổi chúng chạy ra ngoài an toàn. Cha mẹ tôi mừng và cưng anh hơn. Năm 1949 mẹ sinh thêm một bé trai, em Sáu, tôi cưng nó lắm. Mẹ đặt tên em theo địa danh của thôn nhà.

Cha mẹ mở trường tư dạy tiểu học. Trường là một nhà dài lợp lá dừa ngăn thành bốn năm phòng, mà chỉ có hai thầy giáo dạy là cha và mẹ mà thôi. Học trò là các anh chị thanh niên trong làng. Cũng có một số ở bên kia sông Côn, con sông xinh đẹp làm ranh giới hai thôn Định

Thành và Vĩnh Phúc. Tôi chưa là học sinh của trường vì cha mẹ cho tôi học ở nhà. Tôi dùng cây que tre viết chữ trên tờ lá chuối. Nhưng ở trường mỗi khi tan học tôi thường chạy đến chơi trò chuyện với các anh chị lớn. Họ hay chọc ghẹo tôi: ê ê Bạch Liên ăn cắp chuối chiên (mà tôi có ăn cắp bao giờ?) họ bị tôi rượt đánh tung bùng. Thế mà tôi vẫn thích chơi với họ. Giờ nghỉ trưa, ăn cơm, các anh chị lấy cơm nắm trong mo cau. Thức ăn chỉ là một gói muối ớt. Thế mà họ học giỏi và thành đạt. Xem ra có rất nhiều học trò thương yêu quý trọng cha mẹ tôi, cái nghĩa thầy trò ngày xưa sâu đậm. Tôi còn nhỏ không hiểu sâu, chỉ biết Việt minh buộc cha mẹ phải đóng cửa trường sau vài ba năm gì đó.

Tuổi thơ tôi cũng như tất cả mọi người, có nhiều kỷ niệm, dù phải chịu đựng chiến tranh. Anh hai, tôi, em tư phải vào đội thiếu nhi; nếu không thì gia đình sẽ gặp rắc rối. Chúng tôi sinh hoạt với sắp trẻ trong xóm, có huynh trưởng hướng dẫn; cũng lửa trại, múa hát. Dịp lễ lớn chúng tôi mặc đồng phục sơ mi xám tro quần đen. Lễ lớn thì phải đi lên xã, xa nhà cả năm cây số, cha tôi phải đi theo chăm sóc con. Đến khuya mới tan lễ trở về nhà thì dọc đường cha tôi phải cõng em Tư tôi, đứa em mà ông cưng nhưt nhà vì nó ốm yếu; mỗi tay cha nắm tay tôi và anh Hai. Thật là một người cha hiếm có, rất thương con. Các bạn tôi phải tự đi về, cha mẹ họ ở nhà phải lo việc đồng áng.

Mẹ tôi có học nữ công ở trường Đồng Khánh nên anh em tôi lúc nào cũng ăn mặc đẹp, mẹ khâu lên áo, hoa đỏ lá xanh và áo quần lúc nào cũng được ủi thẳng thơm. Các bạn tôi ít có áo quần là ủi nhưng họ không phải nghèo, họ ăn mặc sạch sẽ, họ cũng có nhà lớn, vườn rộng cây trái sum suê. Chúng tôi là người tản cư từ thành phố về quê;

còn các bạn tôi là người ở đây lâu năm. Tới mùa hè các vườn đầy trái chín. Những cây dâu, còn gọi là trái chua, gốc lớn, một người ôm không xuể, mà trái sai dày đặc từ gốc trở lên. Tôi thích nhất là xoài, tuy rằng ăn chẳng bao nhiêu mà hay chạy đi lượm xoài rụng. Những cây xoài lâu năm quá to cao, không thể nào hái cho hết; thành thử mỗi lần gió lớn là tôi chạy ủa đến gốc cây xoài; chẳng hạn cây ở nhà bà Xã Tư, là bà nội của Thuần, bạn tôi; hay các cây xoài nhà bà Năm Riêng, bà Sáu Sự, bà Bảy Thược. Tôi nghĩ các bà ấy có họ hàng với nhau, ở đây lâu đời rồi. Các bà rất mộc mạc, chất phác, hiền lành, dễ thương. Tôi là bạn của cháu nội cháu ngoại các bà ấy. Nội tôi cũng là bạn thân của các cụ. Tất cả người lớn đều thương mến chúng tôi. Có những lúc trưa hè tôi cùng chín mười đứa bạn rủ nhau đi hái xoài. Chúng tôi leo lên cây xoài quỳ, thân cây sãi dài lên bờ ao nhà bà Xã Tư. Thuần chạy vào nhà bà nội nó lấy chén ra múc tương trong khạp, khạp đang nắng ngoài sân. Ngồi dưới bóng mát bên bờ ao, cạp những trái xoài xanh chấm tương đậu nành, nhai rau rầu, chuyện trò rôm rả, hỏi trên đời còn gì thích hơn?

Mỗi lần tết đến, càng lui về dĩ vãng xa xưa càng nhận rõ các tập tục đậm đà của ông bà tổ tiên mình. Mẹ tôi lo sắm sửa áo quần mới cho các con, theo khả năng từng năm, khi ít khi nhiều. Chợ phiên hăm tám tết phải họp chợ ban đêm để tránh máy bay. Tôi nắm tay mẹ xin đi theo ra chợ để tìm mua cho được con gà cổ bằng đất sét nung, có vẽ màu bên ngoài, rất đẹp. Mừng Một Tết chúng tôi đi mừng tuổi ông bà cha mẹ xong xuôi, là anh chị em trong họ hàng, chừng mười đứa thiếu nhi (con cô, con bác, con chú) theo nội đến nhà từ đường, nhìn cung kính bàn thờ tổ tiên, lẳng lẳng ướp mình trong hương trầm dịu vợi, với màu sắc bánh trái hoa quả lung linh, mà lòng nhẹ tênh với

gió xuân trộn mùi thuốc pháo, trộn màu mai vàng, sen trắng, bánh chưng xanh ...

Rời từ đường, chúng tôi ngồi đò ngang, qua sông Côn, đến thôn Định Thành, vào một ngôi nhà lớn khang trang. Nhà có cây xoài to rợp bóng trước sân. Ở đó đã có chừng vài mươi người lớn và trẻ em tụ tập chơi tết, trẻ em xúng xính trong những bộ quần áo mới tinh. Người lớn quanh năm tất cả ngược xuôi, ba ngày tết mới nghỉ ngơi, đến đây gặp nhau thăm hỏi và chúc tết, mừng tuổi nhau. Thấy nội tôi tới, mọi người đều cung kính cúi chào; kể thừa bà, người thừa Mợ, thừa Thím ... Bà tôi chào lại rồi giới thiệu chúng tôi với mọi người. "Này, hai đứa này là con ông Năm, hai đứa này là con ông Bốn". Bà tôi gọi các con trai của người bằng ông. Chúng tôi cúi đầu chào mọi người. Sau đó người lớn trò chuyện còn bọn con nít làm quen với nhau rồi đi ra vườn leo cây hái trái. Dĩ nhiên chúng tôi được mời dự một bữa cỗ linh đình; rồi được các bạn mới dắt đi chơi các vườn lân cận. Tôi còn nhớ cây khế to của nhà bác Thượng, trái rất nhiều và ngọt lịm. Quay lại với bà nội tôi nghe có người hỏi bà về mẹ của tôi: "Thím Năm độ này có khỏe không Mợ?" - "Ôi, nó ốm nhom, cái mặt còn bằng bàn tay, suốt ngày sợ máy bay quá chừng". Tôi cười thầm trong bụng mà không dám nói gì vì mọi người ở đây hầu như không quen biết nhau.

Chúng tôi vui đùa thỏa thích độ vài giờ mới ra về; với những gói quà kèm theo lời thăm hỏi chúc tết mang về cho cha mẹ.

Tôi tuy là gái mà lại rất thích ra ngoài rong chơi với bạn bè. Bà nội thường mắng yêu tôi: "Con gái gì mà không lo may vá, khâu thùa, lại cứ rong chơi núi đồi sông ruộng ..."



Khi giặc Pháp tấn công dữ dội địa phương tôi thì nhà nội tôi ở Vĩnh Thạnh (Phú Phong, Bình Định) bị cháy tan, bác và cha tôi phải đưa bà về sống với chúng tôi. Cha tôi cất một căn nhà khang trang để bà ở cạnh chúng tôi. Chị em tôi chạy qua chạy về như con thoi. Mẹ tôi nấu món gì ngon thì đem đến cho bà. Bà cũng cho các cháu nhiều quà vật.

Giữa mùa gặt, lúc nào rảnh rỗi không được cha mẹ bảo đi coi gặt ở nhà tá điền thì tôi cùng các bạn trong xóm ra đồng mót lúa chơi. Chị em tôi chỉ chú ý mót những cọng lúa còn sót lại bên chân rạ nên chỉ được ít lúa thôi; còn các bạn tôi họ kiếm được nhiều hơn vì họ xin các thợ gặt khi bó lúa cố ý để sót cho họ được nhiều nhiều. Thấy tôi không bắt chước bạn, mấy chị thợ gặt cười cười bảo tôi "Ruộng của mày thiếu gì lúa, mày muốn cất mấy mà không được, đi lượm làm gì!" Đúng vậy, xung quanh họ toàn là ruộng của tôi, lúa chín vàng đầy đồng, các tá điền lãnh ruộng của cha tôi, họ xin làm rẽ. Bà và cha mẹ la rầy tôi không chịu ở trong nhà; tôi thích ra ngoài, cái gì tôi cũng tham dự, em Tư tôi rất sợ đĩa và sâu rau, nhưng nó ham chơi, chạy theo tôi ra ruộng cấy lúa; đến khi nó thấy con đĩa bơi lại gần nó hét lớn và lập tức nhảy lên bờ. Đi bữa thì chúng tôi làm quần xắn tròn tới bắp vế, đứng trên bờ, tay nắm đuôi bò cho bò kéo đi và lấy làm thích chí lắm!

Cha tôi chỉ làm ruộng theo kiểu tài tử thôi. Ông tập cày bữa trên miếng đất thổ sát nhà, bỏ phân rồi gieo tủa các thứ đậu, mè, hay trồng mì trồng lang. Tôi thường đi theo cha để giao hạt; cha một tay cầm cày, một tay cầm roi thá dí đôi bò (tức là hô cho bò queo phải hay queo trái) còn tôi lúp xúp theo sau luống cày với 2 túi đựng đầy đậu phụng, thọc tay vào túi nắm 2 nắm đậu rồi 2 tay

thoản thoắt thay nhau bỏ từng hạt đậu cách đều chùng gang tay rơi xuống rãnh cày, đất nâu mịn tơi như bột. Ai thấy tôi làm cũng khen và không ngờ con bé giỏi đến thế.

Cha tôi rất thương yêu và săn sóc các con theo kiểu của ông. Cha dạy chúng tôi học chữ, dạy bơi, thể dục, dạy lễ độ và cách đối xử với mọi người, dạy khoa học thường thức ... Nhà ở gần sông. Thường những ngày nắng tốt cha đưa 4 đứa con ra sông tập bơi, rồi bắt từng đứa đến kỳ cọ. Đôi bàn tay to của cha làm chúng tôi rất sợ nhưng không thể tránh được, thấy thế cha mỉm cười. Cha tập cho tôi bơi. Coi bộ trong mấy chị em, tôi là người có khiếu về môn này. Cha dạy tôi cách bơi crawl, bơi sải (hai chân thẳng đập đều, cánh tay vươn tới trước), cách bơi ếch, bơi ngửa v.v... Cha bơi nhanh và đẹp. Tôi cũng bơi nhanh nổi tiếng; tuy còn nhỏ chỉ chừng mười, mười một tuổi. Nội tôi gọi tôi là con rái cá.

Một hôm, em Sáu bị sốt cao, làm kinh phong, mẹ tôi bảo tôi chạy đi tìm bà nội (bà đang ở nhà bác Bốn, cũng gần đó); rước nội về, tôi chạy trước, bà chạy sau ... Tới khi bà chữa cho em Sáu tỉnh lại rồi bà mới nói: "Tao tưởng nó đem em nó ra sông trấn nước thẳng nhỏ, một xí nữa thì tao chạy thẳng ra sông!" Có một lần, tôi không nhớ là lẽ lạt gì mà tôi được ở trong đám thí sinh dự thi bơi trên sông Côn. Trên bờ, người xem đông lắm, bọn tôi ngồi trên thuyền giữa sông. Trống giục thình thình, rồi một hồi còi hiệu, chúng tôi nhảy tồm xuống nước, như nhái, trong mình không một mảnh vải che thân... Vừa là còn rất bé, vừa lại ở nhà quê nghèo, nên đó cũng là chuyện thường thôi, đứa nào cũng tổng ngồng mà không hề biết xấu hổ thẹn thùng.

Đến mùa gặt, cha sai phái tôi đi coi gặt, nghĩa là đến tại ruộng chín của tá điền ngồi xem họ gặt, họ gánh về

sân đập, giê gió hay quạt cho sạch lép, cuối ngày xem và đếm số vuông lúa họ tổng kết trước mặt tôi, tôi ghi nhớ kỹ để về trình lại với cha. Trước khi đi coi gặt cha có dặn dò kỹ lưỡng mọi điều. Mà người dân quê chất phác lắm, họ ăn thiệt làm thiệt, mọc mạt thực thà như đếm một cọng một là hai. Có hai cách chia lúa giữa chủ đất và người làm rẻ (tức tá điền): cách thứ nhất, gọi là biệt lượng, nghĩa là tá điền lãnh khoán, giao cho chủ điền một số lúa nhưố định, theo thỏa thuận với nhau từ trước, không phân biệt được mùa hay mất mùa, tá điền lời ăn lỗ chịu. Cách thứ hai là hai bên thỏa thuận từ trước một tỉ lệ chia lúa, chẳng hạn 3/5 hay 4/6, thì khi tới vụ, chủ điền được tá điền mời đi coi gặt.... sau khi đã trả công bằng lúa cho thợ gặt, số còn lại sẽ chia theo tỉ lệ nói trên. Tỉ lệ này còn tùy theo ruộng đất tốt hay xấu, ở xa hay ở gần. Từ nhà tôi đến nhà các tá điền (chẳng hạn nhà bà Trang) thường thì họ cho người đến đón tôi. Đa số tá điền không chọn biệt lượng vì sợ mất mùa không đủ lúa đong cho cha tôi. Tôi ở ruộng bà Trang đến chiều thợ gặt mang hết lúa về sân bà Trang đập lúa, sần sẩy, lãnh công ... họ ra về hết rồi bà mới cho người đong lại số lúa tổng kết trước mặt tôi xem được bao nhiêu vuông (một vuông là 40kg). Xong rồi họ đưa tôi về nhà. Có khi trời tối quá, phải hai người đưa, một người cầm đuốc đi trước, một người đi sau với tôi. Mỗi khi lội suối họ phải cõng tôi. Ngày coi gặt, bà Trang làm gà tiếp đãi tôi tử tế, đặt một ghế xích đu trong hiên cho tôi ngồi thoải mái, để xem người ta làm việc. Tôi về rồi thì vài hôm sau, đàn ngựa chở lúa đến nhà tôi. Mỗi con ngựa có hai giỏ lúa đeo hai bên hông. Đó là loại giỏ tre hình trụ đường kính và chiều cao chừng sáu, bảy tấc có lót bao lác, giỏ đựng đầy lúa mới. Sau đó lúa phải đem phơi thật khô rồi đem đóng thuế nông nghiệp cho Việt minh. Có năm

không đủ lúa đóng thuế, cha phải đi mua thêm. Vì vậy mà chủ đất từ từ hiến hết ruộng, mặc dù đó là ruộng của ông bà tổ tiên cơ khổ nhiều đời mới khai phá thành đất thực, hay tằn tiện gian lao mới mua sắm được.

Có thời kỳ quân Pháp tấn công dữ dội quê tôi. Trên trời thì máy bay bắn phá, ném bom. Dưới đất thì lính Pháp vào bất cứ nhà nào họ muốn. Bum bum bum là tiếng mỗ báo động mỗi lần dồn dập, bất kể ngày đêm, có khi đang ngủ giữa khuya cha mẹ cũng lôi con dậy, trông vào mỗi đứa một cái xách đeo vai, trong xách đựng vài bộ áo quần. Mẹ bỗng đứa nhỏ nhất. Cha đeo súng sẵn hai nòng cưỡi ngựa đi trước, đến chỗ nhà sàn dựng sâu trong núi, gần làng người thượng. Nhà này trước đây cha tôi thuê người thượng làm. Sàn nhà cách đất chừng 2 mét, nhà vuông vức mỗi bề 4 mét, sàn bên bằng tre đập dập. Khi nào có động gia đình tôi mới lánh cư đến đó ít hôm, chờ cho Pháp rút hành quân, lại dọn về. Đi vào núi lánh cư vui lắm. Từng đoàn người lũ lượt kéo nhau đi. Mẹ tôi có được dì Chiêu (là người bà con bên ngoại) giúp đỡ, nên đi đường cũng bớt vất vả. Mẹ thì tay xách nách mang, em Tư lẻo đẻo theo sau, có lẽ vì người lớn đi mau làm em mệt, nên thỉnh thoảng em đứng khựng lại, nhõng nhẽo, bắt mẹ phải quay lại sát bé, bé mới chịu đi tiếp. Cha tôi thì lo vòng ngoài, thăm dò tin tức và canh chừng thú dữ tấn công đoàn người chạy giặc. Chúng tôi phải ở nhà sàn để tránh thú dữ. Một hôm cha tôi đi về dựng khẩu súng nơi góc cột nhà dưới đất, quên khóa an toàn, tôi đến táy máy sờ cò súng làm hổ rầm một tiếng kinh hoàng, nhà sàn bị thủng một lỗ. Mẹ tôi nói rằng may quá, không có ai trên sàn. Mọi nhà chung quanh đều lo sợ. Kể từ đó tôi rất sợ súng.

Trong suốt cuộc chiến, quân Pháp có lần đã đánh đến cách chỗ này chừng 7 km. Có lần tôi theo cha đi coi tù

binh Pháp. Họ ngồi ở bãi đất. Trong số họ một nửa là Pháp, một nửa là Việt. Số tù này tạm chia vào ở các nhà dân, có bộ đội canh gác, dân lo cho họ ăn uống. Bác tôi phải nuôi 4 người vì nhà rộng và khá giả. Những tù này có vẻ đã an phận. Tôi còn nhớ họ được đặt tên Việt, một người tên Độc Lập, một người tên Tiết Kiệm. Nhưng họ không biết tiếng Việt. Cha mẹ tôi phải nói tiếng Pháp với họ, họ rất ngạc nhiên thích thú vì sao trong đám dân quê lại có người nói tiếng Pháp sành sỏi! Mẹ tôi lại thường ăn mặc rất đơn sơ vì khổ và sợ. Máy bay thường đến ném bom, sống chết vô chừng, nên mẹ tôi không hay chú ý đến bề ngoài. Trời đổ lạnh thì mẹ hay thường mặc áo len của cha. Một thời gian ngắn sau thì số tù binh này được di chuyển đi nơi khác xa, không rõ đi đâu. Họ từ giã cha mẹ tôi với lòng lưu luyến.

Đối diện nhà tôi là một gia đình nghèo thiếu ăn. Mẹ tôi thường giúp họ cách này cách khác. Cho trái cây trong vườn, trái đu đủ nấu ăn có sữa cho con bú ... Bên trái nhà tôi là nhà bà Hàm. Bà mới sinh con mà phải đi cấy. Ở nhà đưa con lớn chăm em, nấu nước cháo cho em uống thay sữa. Có biết bao cảnh khổ nghèo. Cô Sáu của tôi từ quê chồng ở Phú Phong, một lần khi chạy trốn máy bay oanh tạc cô đã ngã gãy chân. Vết gãy không có thuốc chữa, cô nằm chịu đau đớn hết ngày này qua ngày khác. Vết thương bị nhiễm trùng và cô đã qua đời vì vậy, để lại một đàn con thơ sáu đứa. Cha mẹ tôi tận tụy chăm sóc gia đình qua cuộc chiến; và cũng nhờ ơn trên che chở, chứ nếu bị rui ro thì cũng đành bó tay. Không có thuốc tây, cha tôi trồng cây kí ninh. Cây này mình dây, sần sùi, nổi gai cạn như những chấm u u, không sắc nhọn. Dây màu xám xanh, khi cắt thân dây bên trong màu vàng, vị rất đắng. Cha có đem dây kí ninh cho lối xóm, bảo họ xắt lát phơi

khô, giã thành bột, trộn với ít mật ong, vò viên làm thuốc trị sốt rét.

Thỉnh thoảng bà ngoại tôi từ Phù Cát lên Vĩnh Thạnh thăm gia đình tôi. Bà phải băng qua huyện Hoài Ân, lên Kim Sơn, trèo đèo Đốc Đót, băng rừng, đi mất 3 ngày mới tới nơi tôi. Bà thương chị em tôi vô cùng. Bà nấu cho nhiều món ăn nhớ đời. Bà biết ý các cháu thích ăn gì. Ngoại thường tắm rửa thay áo cho các cháu buổi tối trước khi đi ngủ. Chân tôi thường có mụn ghẻ do đĩa cắn hay gai quào, vì tôi hay nghịch ngợm như con trai. Tôi sợ nhất là lúc ngoại tìm cách rửa chân tôi, nên tôi thường trốn biệt một chỗ, ngồi lặng thinh, mặc dầu nghe tiếng ngoại gọi hoài. Ngoại nói: "Rửa cho mày, mày tưởng bộ tao sướng lắm hả?" Tôi xúc động và tôi đầu hàng, thế là ngoại thắng tôi, tôi cắn răng chịu đau cho vết ghẻ mau lành. Bà nội cũng rất thương cháu nhưng cách thương không giống bà ngoại.

Còn cha tôi thường nghiêm khắc trong việc giữ con và dạy con. Nhưng chúng tôi cũng tìm cách để được trốn đi chơi. Ba anh em hẹn nhau tụ ở đầu xóm, đem theo dây, rựa để lên núi chặt củi, mặc dầu ở nhà không bao giờ thiếu củi. Củi từ các nhánh cây khô trong vườn dư sức chụm. Ba anh em lên ra đi. Thân hình thì còn quá nhỏ, đi cái thân không còn không xong, hướng hồ là gánh hay vác củi. Trong đám hơn 10 đứa đi chung cũng có đứa lớn. Bọn nhỏ như tôi leo lên núi chỉ nhặt củi rồi ném xuống bờ sông, chứ không làm sao vác được. Củi dồn xuống bờ, kết thành bè, thả trôi theo bờ sông. Vài đứa lớn lội theo bè, xuôi về nhà, còn bọn nhỏ đi bộ lang thang. Ra đi từ sáng sớm, đến khoảng 3 giờ chiều mới mờ về đến xóm. Ba anh em không dám vào nhà mà leo lên cây xoài góc vườn thấy cha tôi đi ra đi vào, tay chống nạnh, mặt hầm hầm.

Chúng tôi mong cha đi ngủ trưa nhưng cha đang lo phiền, cho nên cuối cùng ba đứa đành phải bước vào, chịu trận. Cha tôi hét lên, tay chỉ lên giường ở bếp: "nằm sắp xuống". Cha rút cây roi dắt sẵn trên mái nhà, và nói: "Ai cho phép chúng mày đi?" Anh Hai trả lời: "Dạ thưa tụi con về lâu rồi, vì sợ cha quá mà không dám vào, nên ngồi trên cây xoài, đợi cha ngủ dậy". Nghĩa là trả lời chẳng ăn nhập đâu vào đâu! Tôi nằm sắp sát chỗ cha tôi, vì dù sao nắm tay cầm roi của ông cũng cao hơn mép giường, khi đánh ít đau hơn, so với đầu ngọn roi. Tôi không cố ý làm như vậy mà chỉ tình cờ chỗ đứng của 3 đứa và chỗ đứng của cha tôi. Nếu cha tôi qua đầu bên kia mà đánh thì tôi chịu ngọn roi. Tôi biết cha hầm hè dữ tợn bề ngoài, trong lòng cha đau hơn là những đòn roi mà các con nhận lãnh. Mẹ tôi không bao giờ đánh con, bà lặng lẽ đi xoa dầu trên các vết roi, trên thân thể của con.

Thời kỳ năm 1952 phi cơ Pháp ném bom dữ dội. Từ sáng tinh mơ mẹ tôi đã bảo người nhà nấu cơm rồi bôi xách, đưa các con ra hầm trú ẩn. Mẹ trải chiếu cho các con ngồi chơi hay học, dưới tàng cây cổ thụ bên bờ sông Côn, mẹ canh chừng tiếng máy bay. Hễ nghe tiếng ì ì là mẹ lừa tất cả các con xuống hầm. Hầm đào theo hình cánh chõ, sâu độ 2 mét, hai vách hầm dựng sát các cây tròn bằng bắp chân, bên trên gác cây to hơn, rồi đổ đất cao lên. Bên trên đất cha trồng cỏ xanh um. Ngày lại ngày, cứ thế mà sống. Mẹ tôi người rất sợ máy bay oanh tạc, sợ nhất làng! Một hôm buồn quá, tôi lén trốn về nhà, vì vườn nhà có nhiều trái cây hấp dẫn: đu đủ chín đỏ, ổi thơm lựng, xoài vàng óng, mít bát ngát ... Từ hầm chạy về nhà chỉ chừng 50 mét. Thành linh có tiếng u u, tôi chưa kịp chạy ra hầm thì máy bay to bụi đã sà qua đầu, tôi ôm gộc

dừa trốn nó! Thật là hú vía! Mẹ tôi vừa khóc vừa trách mắng tôi.

Năm 1954 mẹ sinh em gái út của tôi, em Bảy. Khi sinh, cha tôi phải che cái chòi tranh ngoài bờ rào, ngay bên miệng hầm trú ẩn ở góc vườn, mẹ mới chịu an tâm mà sinh! May mắn thay, năm đó ký hiệp định đình chiến Pháp Việt ở Genève. Ai ai cũng mừng rỡ, vì từ nay không còn sợ máy bay ném bom nữa, không còn giặc giã. Út Bảy mới được vài tháng tuổi. Cha mẹ tôi rất vui mừng, người bắt đầu vạch ra một chương trình mới. Cha thường nói với bạn bè rằng ông tuyệt vọng vì lũ con không được đến trường học. Đứa lớn như tôi đã 12 tuổi, đáng lý đã vào trung học, nhưng thật ra tôi chưa hề đến trường, chỉ học ở nhà với cha mẹ.

Trước khi đưa nhiều người tập kết ra miền Bắc, bên ngoài cầu Hiền Lương, vĩ tuyến 17, Việt minh đã tổ chức một lễ lớn tại Phù Cát, gọi là lễ "Ba Ngàn Ngày Kháng Chiến" cho Liên khu 5 Nam Ngãi Bình Phú. Nhân dịp này, bà ngoại tôi lên Vĩnh Thạnh nói với cha mẹ cho tôi về với ngoại, đi xem đại hội. Ông ngoại tôi qua đời trong những năm gian khổ đầu cuộc chiến, để lại bà cô đơn. Bà dắt tôi về quê ngoại, đi cùng một cậu bé khác, tên Tào, con của một người quen với bà. Chúng tôi đi bộ 3 ngày, qua nhiều rừng, trũng và đèo Đốc Đót, sợ cọp muốn chết! Nhiều đoạn vắng hoe, lâu lắm, thỉnh thoảng mới có một quán trọ ven đường. Chiều ngày đầu tiên, nhìn mặt trời còn cả cây sào mà trước mặt anh Tào bỗng hiện ra một con hổ, nó chạy băng qua đường mòn. Bà lo ngại, không đi nữa, dừng tìm chỗ ngủ qua đêm. Chỗ đó đồng không, quanh quẻ, chỉ có một cái chòi lụp xụp của một người chăn bò, bà cháu ngủ nhờ ở đó. Sáng ra chúng tôi đi theo một toán lính qua đèo. Ngựa của họ chở đồ nặng, có



lẽ là đạn dược. Khi leo đèo tôi thấy ngựa tội nghiệp, nó chở nặng quá, nếu nó sẩy chân ngã đè mình mình cũng chết. Đi thì vẫn phải đi, đến ngày thứ ba hết rừng, xuống ruộng núi nương rẫy Kim Sơn, rồi xuống đồng bằng, có nhiều nhà dân, tôi mừng vì hết sợ thú dữ.

Đến nhà ở Phù Cát tôi gặp bà Ba, bà là vợ hai của ông ngoại tôi. Bà hiền lành dễ thương và có với ông tôi hai người con, tôi gọi bằng dì và cậu, cả hai đều hơn kém tôi có vài tuổi. Sát nhà bà ngoại là nhà ông Bốn, em ruột của ông ngoại. Các dì con của ông Bốn rất thương tôi, đón tiếp tôi niềm nở. Tắm rửa ăn uống xong, gia đình và bạn bè chừng 10 người rủ nhau đi xem đại hội, mở ra ở sân bay Phù Cát. Bạn của dì Cúc tôi (mẹ tôi và dì là chị em con chú bác) có chiếc xe đạp, tôi ưu tiên được chở bằng xe đạp. Đến nơi, cũng là lần đầu tiên trong đời tôi thấy ánh đèn điện rực rỡ ở sân bay. Dì đã dặn dò tôi kỹ lưỡng là cháu đi xe đạp nên đến trước dì, cháu phải ngồi chờ dì ngay ở cổng, không được tự ý đi lung tung, vì người quá đông cháu sẽ bị lạc. Tôi quên hết lời dặn, tôi đi lang thang và quả nhiên bị lạc, bà con chia nhau đi tìm rất lâu mới gặp. Dì dắt tôi đi xem cùng khắp, được ăn uống phủ phê, và cô khách quý tí hon này được nuông chiều rất mực.

Ở Phù Cát được vài tuần thì ngoại lại dắt tôi về nhà cha mẹ. Ở nhà, một số thanh niên theo lệnh Việt minh lên đường đi ra miền Bắc, trong số đó có một người anh con bác Bốn tôi.

Chừng vài tháng sau nữa thì cha mẹ tôi mượn được một chiếc ghe lớn đưa cả gia đình xuôi dòng sông Côn, hồi cư về thị xã Qui Nhơn.

Tôi viết ra theo trí nhớ về một vài chi tiết có thật dĩ vãng của tôi, cho các con và nhất là các cháu tôi biết thêm về họ Lê họ Bùi, thân tộc một phần chảy trong dòng

máu của nó, trên mảnh đất thuộc tỉnh Bình Định, miền Trung của nước Việt nam xa xôi./.

**LÊ THỊ BẠCH LIÊN**

### **QUÍ MÃO (1) TRỪ TỊCH THƯ HOÀI**

*Tuế hoa tự dịch thông thông vãng  
Hương mộng tùy xuân nhiễm nhiễm qui  
Tự tiểu phù sinh châu Giáp Tý (2)  
Vị tri ngũ thập cửu niên phi.*

**ĐÀO TẤN**

### **TẢ NỖI LÒNG ĐÊM GIAO THỪA TẾT QUÍ MÃO**

*Năm tháng trôi nhanh ngựa trạm qua  
Xuân mang dịu dịu mộng quê nhà  
Cười thay, nếu sống tròn sáu chục  
Năm chín chưa hay những lỗi lầm.*

**VIỆT THAO** phụng dịch

(1) Quý Mão tức năm 1903, lúc Đào Tấn 59 tuổi ta.

(2) Chu Giáp Tý : Đến năm sáu mươi tuổi.

# CÔ LÁNG GIỀNG XƯA

*Dáng nàng thanh bạch lan,  
Nói năng cũng dịu dàng;  
Tính tình tuy giản dị  
Có lúc cũng ngang tàng ...*

*Về thôn Vân gặp chàng  
Cất bước từ xuân quang,  
Chàng là Đại hải thủy  
Không khắc Hỏa trên bàn.*

*Bắt đầu dạy lũ trẻ,  
Sau lại chẵn đàn dê,  
Đến thời ra phố bán  
Chủ hiệu thuốc tràn trề*

*Kịp lúc đời ly loạn  
Tha hương bứt cả đoàn,  
Qua quê người tị nạn  
Mạnh dạn việc nhà hàng.*

*Mấy năm sau chuyển hướng  
Lãnh việc Điện cô nương,  
Suốt ngày hàn với rập  
Các mạch điện vô thường.*

*Hăm hai năm tận tụy  
Đến lúc được hồi hưu,  
An nhàn xem báo chí  
Đàn, hát, coi ti vi ...*

Ngày trời quang gió tạnh  
Ra vườn nhổ cỏ tranh,  
Trồng sen, hồng, trắng, đỏ,  
Nuôi cá hồ trong xanh.

Giang khổ bao năm trường,  
Nuôi con dạ mến thương,  
Gia đình vui ấm cúng  
Mấy kẻ bằng cô nương.

Ngày quá cổ lai hi,  
Khi nhớ thuở xuân thì,  
Lòng há sờn can đảm  
Miệng vẫn cười hi hi ...

**ĐẶNG HIẾU KÍNH**



# MỘT NGÀY NHƯ MỌI NGÀY

TRẦN QUÁN NIỆM

Dù đêm qua thức khuya đón giao thừa, nhưng Nguyên cũng dậy thật sớm. Nhẹ nhàng kéo mép chăn đắp lại cho Hồng còn say ngủ, Nguyên khẽ vén màn cửa sổ. Bên ngoài tuyết rơi tự hồi nào. Như có phép lạ vừa xảy ra trong đêm, lớp bột trắng trinh nguyên bao phủ cảnh vật, biến khoảng vườn trơ trụi mùa Đông thành cảnh rục rờ tinh khiết như trong chuyện thần tiên. Những cành cây khẳng khiu đen đúa, nay thành cành thủy tinh trong suốt. Nguyên nghĩ thầm, mấy anh chuyên viên khí tượng bị tổ trác, đêm qua nghe tin tức chẳng thấy nói gì. Giá mà hôm Christmas trời cho chút tuyết trắng thì thiên hạ thích phải biết. Qua Mỹ đã khá lâu, nhưng Nguyên vẫn chưa chán tuyết, chàng vẫn thấy nét đẹp tuyệt vời của những bông tuyết trắng ngần âm thầm rơi rụng. Ngắm cảnh vật một lúc, Nguyên yên lặng sửa soạn, mặc quần áo rồi xuống nhà dưới.

Nấu ấm nước. Pha trà. Nguyên nhấp từng ngụm nhỏ, nhìn ra ngoài cửa sổ. Tuyết vẫn rơi nhẹ nhàng, êm như ru. Chén trà nóng rẫy, tỏa hơi ấm trong lòng tay. Vị trà ngọt chát, thơm dịu dịu, khiến Nguyên tự nhiên cảm thấy lâng lâng sung sướng. Niềm hạnh phúc đơn giản nhẹ nhàng tạo nên bởi sự tương phản giữa cái ấm áp và an bình của buổi sáng sớm ngồi trong nhà, nhìn ra cái lạnh lẽo đang bao phủ ngoài kia.

Không bao lâu, Nguyên nghe tiếng lũ trẻ lục đục tắm rửa, sửa soạn tên lâu. Rồi im lặng. Thông thường giờ này bọn trẻ đã nhao nhao xuống nhà chuẩn bị đi học. Mấy cái

đầu lấp ló ở chân cầu thang, dồn cục lại thì thầm, xô đẩy nhau nhưng không đứa nào chịu xuống. Nguyên cười thầm nhìn mấy phong bao mừng tuổi xếp ngay ngắn trên bàn. Khẽ liếc về phía cầu thang, vờ như không biết. Có tiếng cười khúc khích, rồi lại xô đẩy nhau, rồi thì thầm. Thấy đã gần giờ xe buýt tới, Nguyên gọi to:

- Ra cả đây nào. Làm gì mà núp núp, lén lén. Xe sắp tới rồi đó.

Ba toa tàu dúm vào nhau, dồn cục, xô đẩy rồi lại cười khúc khích, tiến gần đến bàn Nguyên ngồi. Đầu tàu là thằng Hùng, lớn nhất. Rồi đến Dũng, toa giữa. Toa chót là Nancy, sinh bên này. Nguyên ngẩng mặt chờ đợi.

Thằng Hùng, mặt sượng sùng lí nhí:

- Năm mới chúc con mừng tuổi ba ...

Nó nói ngập ngừng, câu chúc đã học thuộc lòng chắc do Hồng dạy, giọng ngọng nghịu như tàu chệt. Nó còn định nói nữa nhưng nghĩ mãi không ra. Thấy nó đứng đực mặt, khổ sở quá, Nguyên cầm trên tay mấy phong bì đựng tiền mừng tuổi, nét mặt anh làm vẻ trang trọng:

- Ba lì xì tiền mừng tuổi cho các con này. Phần này của Hùng đây. Chúc con mau lớn, học hành tiến bộ. Nhớ ngoan ngoãn làm gương cho các em nghe không. Phần này của Dũng ...

Nhìn nét mặt tụi nhỏ, tự nhiên Nguyên khựng lại. Chúng chẳng có vẻ mừng rỡ, hớn hởi, mong đợi như ngày chàng còn bé, mỗi khi Tết về. Đứa con gái út còn nháy nhó chỉ vào cườm tay ra hiệu đã tới giờ. Nổi phẩn khởi đầu ngày ngượng hẩn. Nguyên nói vắn tắt rồi đưa cả ba phong bao lì xì. Như chim sợ lồng, lũ trẻ nhào ra lấy áo lạnh, đi giầy, chen nhau ra khỏi cửa.

Còn lại mình Nguyên với nỗi bức tức không tên. Niềm vui đơn sơ lúc uống tách trà nóng tan biến đâu mất.

như làn hơi nước mỏng manh. Nguyên nhìn quanh. Trên bàn, cành hoa vàng Hồng cắm khéo léo trong chiếc lọ sứ, thúc cho nở bằng cách ngâm nước ấm, trông rực rỡ như hoa mai thật. Hồng treo lư thưa vài tấm cạc chúc tết hiếm hoi của một số bạn thân. Từ ngày sang đây, thiệp tết cũng vắng bóng. Bạn bè theo lệ mới gửi cạc Giáng Sinh lu bù, chúc Tết tây theo cho tết ta. Bàn thờ tổ tiên, Nguyên đặt trên lầu, và cũng vừa thắp mấy nén nhang, mùi thơm còn phảng phất. Hồi còn nhỏ, những ngày giáp Tết, công tác chính của Nguyên là đánh bóng đồ đồng bày trên bàn thờ. Ba Nguyên giao cho Nguyên cả chục món, nào bộ tam sự, nào đôi lộc bình, nào lư trầm, nào đôi hạc. Nguyên và đám anh em bà con, cong lưng mà đánh. Mùi thuốc đánh đồng tanh ngòm, nhớt đồng xanh lè bám chặt vào da. Ba Nguyên kiểm soát cẩn thận, chỉ một sơ suất nhỏ cũng phải làm cho toàn hảo. Bù lại ngày tết, bàn thờ sáng rực rỡ, trang nghiêm. Nguyên khoái chí ngắm chiếc lư đồng bóng lộn. Màu vàng mờ mờ hàng ngày nay trở thành tươi tắn, như khoe sắc. Ba Nguyên gật gù ra vẻ thích ý. Ông là trưởng tộc nên những ngày giáp tết, các cô chú dì cậu kéo về, người góp của, kẻ góp công, sửa soạn cỗ bàn nhộn nhịp. Đám anh chị em, choai choai tuổi Nguyên cũng theo về, tụ họp chơi đùa, "vui như tết".

Nghe tiếng động trên lầu, biết Hồng sắp xuống, Nguyên bước ra ngoài qua lối cửa sau. Tuyết đầy, dễ đến cả tắc. Nguyên vừa bước, vừa xuyt xoa khe khẽ, không phải vì lạnh mà vì tiếc rẻ cho lớp tuyết trinh trắng bị giẫm vỡ. Nguyên bốc một nắm hột trong chiếc thùng dành riêng để nuôi chim trời, rải trên tuyết. Chút nữa đây đàn chim co ro trốn lạnh trong bụi, sẽ sà xuống tranh nhau món quà quý báu. Nhiều người thường tưởng tượng, kiếp chim nhỡn như sung sướng, bay nhảy vui đùa tự do, không lo lắng gì.

Thật ra chúng suốt ngày không ngừng bươi chải kiếm miếng ăn độ nhật, vất vả không thua gì loài người. Những ngày tuyết giá như bữa nay, lại càng khổ hơn. Nguyên muốn hái một cành lộc mới, nhưng cây cối trơ trụi, chỉ còn những cây xanh thường xuyên là còn lá, nhưng cũng bị tuyết phủ đầy, lại có gai. Nguyên lựa đại một cành để bẻ nhất.

Nguyên gõ thông thả mấy tiếng lên cửa trước. Cửa mở hé với nét ngạc nhiên của Hồng. Nguyên vừa cười vừa nói:

- Thưa bác, đây có phải nhà bác Nguyên không đấy ạ. Năm sớm chúng tôi xin đến mừng tuổi hai bác. Bác trai thì năm nay thăng quan tiến chức, tài lộc rồi rào. Bác gái buồn may bán đất, đầu năm con trai cuối năm con gái.

Hồng, má tựa hoa đào, cười bẽn bẽn.

- Rõ ... khéo. Em không nghĩ ra, cứ tưởng ai đến xông đất sớm, làm em cứ cuống cả lên. Ba đứa không đủ rồi sao mà còn khéo chúc.

Biết Hồng vừa tính buột miệng nói câu "rõ khi" quen thuộc của nàng, nhưng kịp chữa thành "rõ khéo", Nguyên nhắc trêu:

- Đầu năm, đầu tháng đừng nói bậy bạ mà rông cả năm đó nghe.

- Gớm ai mà không nhớ, khỏi cần ông tướng nhắc. Thôi rũ hết tuyết đi. Để em đóng cửa lại kéo lạnh. Năm nay tuyết sớm quá nhỉ. Lúc nãy, mấy đứa nhỏ có mặc đủ ấm không biết. Đưa em cành lộc để em đi cắm nào.

Nguyên đưa cành lá cho Hồng, kèm theo hộp quà vẫn dấu sau lưng:

- Có ai gửi quà đến tặng em đây.

- Hồng kêu lên, tuy không dấu được sung sướng, ngạc nhiên:



- Anh chỉ khéo bày vẽ.

Nguyên chùi giầy trên tấm thảm, rũ những bông tuyết bám trên vai, trên tóc, rồi ôm vai vợ, bước vào. Năm nào cũng vậy, Nguyên mời đám bạn bè vui tính hoặc mấy anh em trong nhà đến xông đất giùm. Dần dà bạn bè và em út tản mác đi vùng khác làm ăn cả, thành thử năm nay Nguyên tự xông đất lấy. Tuy cố làm vẻ ồn ào vui nhộn, nhưng Nguyên vẫn bắt gặp cái cảm giác nhạt nhẽo như khi mừng tuổi mấy đứa con. Dù cố gắng tạo dựng, nhưng cái không khí tết không có ở đây. Thấy Hồng loay hoay trong bếp, Nguyên hỏi vọng vào:

- Em làm gì trong đó?

- Em sửa soạn thức ăn sáng. Xong rồi còn chuẩn bị làm cỗ cúng nữa chứ.

- Sơ sơ thôi, có gì đem ra đây ăn sáng đi em. Cỗ bàn để đó, chút nữa hãy tính. Có ai đâu mà bày vẽ. Nấu qua loa mâm cơm canh cúng ông bà là được rồi. Thời buổi này, cái gì cũng giản dị thôi. Chắc các cụ cũng thông cảm cho con cháu.

- Anh này hay nhỉ. Đã làm cỗ thì phải sửa soạn cho đằng hoàng chứ, luộm thuộm coi đâu được. Vả lại làm sơ sơ không đủ cúng, các cụ quở chết.

Vừa ăn, Nguyên vừa chăm chú nhìn Hồng. Nàng trang điểm thật đậm đà khéo léo, tuy nhiên nhìn kỹ, đã có những vết nhăn châm chim nơi đuôi mắt. Làn da cũng bớt mịn màng. Đã lâu, hôm nay Nguyên mới có dịp nhìn kỹ khuôn mặt Hồng dưới ánh sáng ban ngày. Nguyên biết mình cũng đứng tuổi, nhưng vẫn cảm thấy ngạc nhiên khi thấy tác dụng của thời gian trên khuôn mặt con người. Căn nhà hình như rộng thêm. Ngày đầu một năm. Chỉ có hai người ngồi ăn sáng. Có lẽ Hồng cũng có cảm giác tương tự. Nàng chép miệng:

- Tết nhất gì mà nhà cửa vắng vẻ quá nhỉ. Giá mình bảo lũ trẻ nó nghỉ học bữa nay mà lại hay ...

- Thì cũng tại em. Em cứ bảo em làm một mình cũng được. Phải để Nancy nó phụ em, vừa làm vừa học chữ. Lớn lên nổi cơm không biết nấu mà ăn mới là phiền.

- Anh biết sao anh không cần. Năm nào chúng nó cũng nghỉ một ngày, xơ rở cũng chẳng ích lợi gì. Thăng Hùng năm nay lên trung học, bài vở nhiều, nó thích đi học. Nghỉ một ngày thì mất bài. Đàng nào 2 giờ bọn nó cũng về tới, mình cúng muợn đi một chút cũng được có sao đâu.

- Thôi đành vậy chứ biết sao đâu. Mình muốn một đàng mà xã hội chạy theo một nẻo.

Nguyên đáp xuôi, sợ tranh luận tiếp tục, chẳng giải quyết được gì, lại sinh cãi nhau ngày đầu năm. Lúc nãy nhìn ra ngoài Nguyên thấy xe cộ nối đuôi nhau đi làm, bây giờ khu xóm trở lại cái vắng lặng cố hữu vùng ngoại ô. Năm nào cũng vậy. Nguyên xui vợ nghỉ vài ngày ăn tết. Nguyên lý luận, mình làm lụng vất vả cả năm, mấy ngày tết mà không dám nghỉ cho thoải một chút cũng kỳ. Hồng thì cứ tiếc giờ overtime.

Bữa ăn sáng tàn trong yên lặng. Hồng dọn dẹp chén đĩa, rồi đứng tựa bàn bếp sửa soạn món nấu. Nguyên mở TV theo thói quen. Chương trình ngày đi làm nhạt phèo, toàn những show bình dân, chọc cười rẻ tiền hay mấy màn đố vui xổ số dành cho mấy bà nội trợ vô công rồi nghề, ít học coi mà thôi. Nguyên tắt TV, mở nhạc. Âm thanh tràn đầy không khí, cô ca sĩ lả nhải ca tụng nắng Sài Gòn, hoa mai trên đồi biên giới, trong khi ngoài kia tuyết rơi phơi phơi làm Nguyên tắt vội nút nhạc, ra bếp xem có phụ gì được cho Hồng không. Tay nàng thoăn thoắt gọt rửa mấy củ xu hào, cà rốt. Nguyên cười:

- Hôm nay có nấu bóng không em?

Biết Nguyên trêu, vì mỗi lần làm cỗ là nàng phải nấu món đó, một thói quen không thể bỏ, do mẹ nàng truyền lại, như Nguyên đã mấy lần nhận xét, Hồng vênh mặt:

- Thiếu thế nào được. Cỗ thì phải có bát bóng chứ. Mẹ em nói thế mà.

Nguyên cười:

- Nhớ hồi chưa cưới, lần nào đến nhà em ăn cơm, mẹ em cũng giới thiệu hết món này đến món khác, nào là món này do "em Hồng" nấu đấy, món kia cũng do "em Hồng" nấu đấy, cậu Nguyên nếm thử xem, làm anh no đến tận cổ, mà vẫn phải gấp mãi, vừa khen rồi rít.

- Đã no thì thôi ai bảo gấp.

- Không gấp mà được. Mẹ em gấp hộ đầy cả bát, chứ tha à.

- Mà có ngon thật không đã nào?

- Ngon thật chứ. "Em Hồng" nấu thì có là món "mâm đá" hầm bảy ngày không mềm, anh ăn vẫn ngon.

- Thế có nghĩa là em nấu dở chứ gì?

Nguyên cười lấp liếm:

- Sao em đa nghi thế? Không ngon thật sao anh lại chịu khó rước "em Hồng" về?

- Xí, anh chúa là xảo, ai mà tin cho nổi.

Chợt Hồng đổi giọng mơ màng

- Ngày xưa mỗi lần giỗ tết thật là vui, cậu mẹ, họ hàng anh em đông đủ ...

Hồng im lặng nhìn đăm đăm ra cửa sổ. Những bông tuyết vẫn lặng lẽ rơi, âm thầm như hai giọt nước mắt lăn trên má Hồng. Nàng có tật hay cảm động, dễ cười dễ khóc. Nguyên cầm tờ giấy mềm chấm nước mắt cho vợ, an ủi:

- Nước mất nhà tan. Cả triệu người chịu cảnh ly tan chứ có phải mình mình đâu.

Hồng quay lại, giọng buồn rầu:

- Vẫn biết vậy, nhưng cứ tết đến là em lại thấy nhớ nhà nhiều hơn. Họ hàng, bạn bè thân thuộc chẳng còn ai.

Nguyên lảng sang chuyện khác:

- Hay mình đi chùa lễ Phật. Nhiều khi gặp người quen cũng nên. Từ ngày sang đây mình chưa đi chùa lần nào.

- Ừ nhỉ. Nhớ hồi còn bé, lần nào mẹ đi lễ chùa cũng cho em đi theo. Lại còn hái lộc, xin xăm nữa kia. Vui lắm. Nhưng thức ăn đang làm dở dang thì sao? Bọn nhỏ về mà mình không có nhà đâu được. Mấy lại biết chùa ở đâu mà đi?

- Hôm nọ anh có nhận được thư mời mà. Thức ăn thì mình bỏ tủ lạnh, chút về làm tiếp. Chùa lễ vào lúc 12 giờ trưa, mình về nhà cỡ 2 giờ là cùng. Lúc đó bọn nhỏ cũng vừa về tới. Năm nay cúng muộן vậy.

Ngừng trước cửa chùa để Hồng xuống trước, Nguyên lái xe quanh quanh kiếm chỗ đậu. Đường phố chật hẹp nghèo nàn. Nhìn mặt ngoài ngôi chùa Nguyên đã nản. Nguyên tưởng tượng đến cảnh chùa rộng rãi, có sân trước, sân sau, có cổng tam quan, có cây to bóng mát, ngờ đâu chùa chỉ là một ngôi nhà thường được sửa sang lại, nằm lẫn lộn với những ngôi nhà khác. Tìm được chỗ đậu xe cũng khá xa, Nguyên cài kín khuy áo lạnh, sửa lại khăn quàng cổ, vừa đi vừa để ý tránh những đống tuyết vụn. Trước mặt chùa mấy vị trong ban tiếp tân, chấp tay vui vẻ chào đón:

- A Di Đà Phật. Chúc mừng ông năm mới. Mời ông vào chùa.

Nguyên vụng về chào lại theo kiểu nhà Phật, lại vừa đưa tay bắt theo thói quen. Một người thân mặt hỏi:

- Chắc ông ở xa tới. Chúng tôi ít có dịp gặp ông vào những ngày thường.

Nguyên hơi ngượng:

- Chúng tôi cũng ở gần đây thôi. Ngày thường bận rộn quá thành thử không đến chùa luôn được.

Nguyên trao đổi vài câu xã giao rồi bước vào chánh điện. Mấy lời chào hỏi vồn vã vừa qua làm Nguyên có cảm giác thân thuộc, bớt xa lạ. Khác hẳn bề mặt khiêm tốn bên ngoài, chánh điện được trần thiết trang nghiêm, ấm cúng. Mùi khói trầm hương thơm ngát. Đèn nến sáng rực rỡ. Bên cạnh bàn thờ Phật, một cây đào thật lớn, đơm hoa hồng tươi. Cành cây vừa nhú lá non xanh nõn, tuy hoa già gắn vào nhưng khéo léo như thật. Trên bệ cao, tượng Phật to lớn, thép vàng óng ánh, mỉm cười hiền từ. Thỉnh thoảng tiếng đại hồng chung lại vang lên, âm thanh ngân nga thánh thót. Khung cảnh quen thuộc gây cho Nguyên một cảm giác thân quen, ấm áp. Liếc tìm Hồng thì đã thấy nàng nhập bọn với mấy bà mấy cô, nói cười thoải mái. Ai ai cũng tươi cười cởi mở, không nề hà quen lạ, thấy nhau là chào hỏi chúc mừng. Ngoài đường phố là khung cảnh đất khách quê người, nhưng chỉ sau một lần cửa là khung cảnh quê nhà của ngày thanh bình. Nguyên tìm một chỗ trống, ngồi xếp bằng khoan khoái thở hít mùi hương hoa, khói trầm quen thuộc, tâm hồn trở nên bình thản an nhiên. Sau ba hồi chuông trống bát nhã làm rung động lòng người, giờ hành lễ bắt đầu. Lời đọc kinh của Nguyên hòa nhịp với tiếng tụng đều đặn trầm trầm của đám đông, điểm tiếng mõ, tiếng chuông làm Nguyên như hòa nhập vào khung cảnh chung quanh. Bên phía nữ giới, Hồng quỳ nghiêm trang, hai tay chắp trước ngực, nét mặt thư giãn, thành kính. Chiếc áo dài nhung đỏ thẫm, làm nổi bật nước da trắng.

Khóa lễ vừa xong, thay vì ở lại ăn cơm chay, Nguyên nhắc Hồng ra về vì sợ bọn nhỏ chờ ở nhà. Hồng còn tíu tít nói chuyện với bạn mới, quyến luyến mãi mới từ giã nổi.

Trên xe Hồng vui vẻ:

- Thật là vui. Thế mà từ trước tới giờ mình chẳng biết có chùa mà đi lễ. Mấy chị bạn mới quen dễ thương ghê, ai cũng cho địa chỉ, lại mời ra giêng tới nhà chơi.

Nguyên cũng thấy lòng phấn khởi:

- Tiếc là bọn nhỏ hôm nay hụt mất coi múa lân và đốt pháo. Để mai anh em mình và lũ nhỏ tới nữa. Nghe mấy người nói, mai thứ bảy còn đông vui hơn. Chương trình cũng có múa lân như hôm nay. Mình sẽ ở lại lâu lâu, tha hồ cho em nói chuyện. Còn anh kiếm cơm chay ăn, xem hương vị ra sao. Ăn thịt thà ở xứ Mỹ này cũng độc hại lắm. Toàn chất hóa học, ung thư lúc nào không biết.

Cái cảm giác lạc lõng, hụt hẫng, trở trên buổi sáng biến đâu mất. Nguyên đã tìm được tiếm tựa. Chàng không phải đóng kịch một mình nữa; cả cộng đồng đồng đảo sẽ hỗ trợ chàng trong việc chuyển tiếp những giá trị tinh thần của dân tộc qua lũ con chàng. Con nít cần có một môi trường sống động vui tươi để quan sát và học hỏi. Nguyên quay qua Hồng, giọng vui:

- Sau Tết mình phải cho bọn nhỏ mỗi tuần tới chùa một lần. Nghe nói có rất nhiều sinh hoạt dành cho thanh thiếu niên, như lớp dạy cắm hoa, tập dượt văn nghệ, lớp dạy Việt ngữ, lớp tu thiền. Anh chắc lũ nhỏ thế nào cũng thích.

## TRẦN QUÁN NIỆM



# BÚN SONG THẦN AN THÁI

NGUYỄN NHÂN THỐNG

Không như các loại bún làm từ bột gạo, bún An Thái được làm từ bột đậu xanh, nấu canh hay xào thịt đều ngon và bổ: sợi bún thường kéo đôi, gọi là "song thẳng", lâu ngày đọc thành song thần. Bún song thần An Thái là một trong những đặc sản của đất Bình Định.

Người Bình Định có câu ca:

*Nón ngựa Gò Găng  
Bún song thần An Thái  
Lụa đậu tư Nhơn Ngãi  
Xoài tượng chín Hưng Long*

Những ai về thăm Bình Định, quê hương của bún song thần mà không nhớ mua một ít đem về làm quà cho người thân, là điều thiếu sót vô cùng. Những tấm bún vuông vức, hay cuộn lại thành hình số tám, được gói cẩn thận, bày bán lẫn lộn với loại bún thường làm bằng bột mì tại các phố chợ.

Bún song thần đem về nấu canh với tôm, cua hay thịt nạc thì ngon tuyệt. Nước canh ngọt và bổ. Tuy nhiên, nấu canh thì nên dùng loại bún duỗi có dạng hình số 8 ngon hơn vì sợi nó thẳng và rời. Bún song thần đem xào thịt càng thơm ngon, và nếu phải để lâu, sợi bún vẫn dai và rời, chẳng hề đóng cục như loại bún thường.

Song thần là tên gọi xuất phát từ "song thẳng" có nghĩa là dây bún đôi, thường kéo ra một lần hai sợi, lâu ngày đọt trại thành "song thần". Riêng loại bún duỗi hình số 8 cũng là loại bún song thần nhưng đã biến thể chỉ còn có một sợi mà thôi.

Theo khẩu truyền bún này có từ thế kỷ 18, nghĩa là lúc người Hoa đến thị trấn An Thái, huyện An Nhơn, tỉnh Bình Định sinh cơ lập nghiệp và phát triển nghề làm bột đậu xanh và nghề làm bún. Dưới thời phong kiến, các quan địa phương lai kinh đều mang theo bún song thần là đặc sản của Bình Định về triều để tiến vua ngự thiện. Vì sản xuất có hạn, nên nó quý và hiếm. Trong thời kỳ chiến tranh, bún song thần An Thái có mai một đi một thời gian dài nhưng ngày nay đã phục hồi trở lại.

Bún song thần làm bằng bột đậu xanh, đậu trắng hay đậu đen, nhưng làm bằng bột đậu xanh là có giá trị hơn cả.

Đậu đem phơi nắng cho thật khô rồi ngâm nước lạnh cho nở đều mới xay. Việc xay bột là cả một nghệ thuật. Lúc xay phải tốn rất nhiều nước để cho bột lắng qua nhiều đợt, vì vậy phải dùng đến nước sông mới xuể. Trên các bãi cát ven sông Côn, những trại xay bột mọc lên khắp nơi. Nước dùng để lắng bột phải là loại nước trong và mát. Nhiều người thường bảo, chỉ có dùng nước sông Côn mới xay được bột tốt, nhất là nước lấy ở đoạn sông chảy qua thị trấn An Thái. Có lẽ đoạn sông này, lòng sông toàn cát sạch không lẫn bùn dơ chẳng? Chẳng thế mà ở đây có câu ca:

*Nước trong thời bột mới trong*

*Đậu xanh vẫn đục tại lòng anh đen!*



Những cối xay bột làm việc liên tục suốt cả đêm vì ban đêm nước sông mát mẻ, bột không bị sinh.

Bột xay xong, được lọc qua nhiều lần và phân thành loại bột nhất, bột nhì. Tinh bột được mang đi phơi thật khô trước khi đem làm bún. Thông thường 1,2 kg bột đậu sẽ làm được 1 kg bún. Bún có hai loại: bún tạ hình vuông, mỗi bề dài độ ba tấc tây và sợi bún được kéo đôi, còn bún duỗi chỉ kéo ra sợi chiều dài đến vài chục mét cuộn lại thành hình số 8.

Để làm bún, trước tiên người thợ nhào bột cho đều với nước lạnh. Cái khó là nhào bột thế nào cho vừa, không khô mà cũng không nhão quá. Xong, người ta cho bột vào một cái rá thiếc có đục thủng nhiều lỗ nhỏ li ti, vừa nặn bột, vừa rê đều trên mặt chảo nước sôi. Đợi cho bún chín mới dùng chiếc rá nhấn vớt bún ra bỏ vào một chảo gang chứa nước lạnh cho bún nguội dần và nở đều. Bây giờ mới đem bún rải lên tấm vĩ tre có chiều dài từ ba đến bốn mét và rộng độ năm tấc tây đem đi phơi nắng cho khô. Đặc biệt sợi bún không bao giờ dính tay hay dính vào tấm vĩ như loại bún thường. Khi bún đã khô không nên gỡ liền mà phải đợi qua đêm để cho bún dịu rồi mới lấy ra xếp thành từng kiện; riêng loại bún duỗi thì đem xếp lại thành từng bó.

Ngày nay, bún xong thân An Thái được chở đi bán khắp nơi trong nước.

**NGUYỄN NHÂN THỐNG**



# ÔNG NGUYỄN NHẠC DỤ BẦY "NGỰA TRỜI" & NHỮNG CON "CHIẾN MÃ" THỜI TÂY SƠN

THÁI TÁU

Theo Âm Lịch, mỗi năm cầm tinh một con vật tiêu biểu. Năm nay, theo Dương lịch là năm 2002, theo Âm lịch là năm Nhâm Ngọ, cầm tinh con ngựa của thập nhị chi Tý Sửu Dần Mẹo Thìn Ty Ngọ ...

Thông thường năm con vật nào, nói chuyện con vật ấy. Vậy tôi xin được lược kể hầu quý độc giả trong buổi đầu xuân nhân nhã về chuyện Ông Nguyễn Nhạc dụ bầy "Ngựa Trời" trên núi Hiến Hách và những con "chiến mã" thời Tây Sơn (1771-1802).

Ông Nguyễn Nhạc là con trưởng của ông Hồ Phi Phúc và bà Nguyễn Thị Đồng. Ông sinh năm Quý Hợi (1743) tại làng Kiên Mỹ xã Bình Thành huyện Bình Khê nay thuộc khuôn viên Điện Tây Sơn, huyện Tây Sơn tỉnh Bình Định. Đã hơn 200 năm qua mà nay trong khuôn viên Điện vẫn còn "cây me" già cành lá sum sê và "giếng mồi" trong của gia đình ông bà Hồ Phi Phúc thuở xưa.

Ông Nhạc là anh cả trong ba em nhà Tây Sơn. Ông là người có công đầu và công lớn nhất trong Phong Trào Tây Sơn vào cuối thế kỷ thứ 18. Nhưng vì hào quang chiến thắng trận Đống Đa quá oanh liệt trong lịch sử dân tộc của người em kế là Vua Quang Trung Nguyễn Huệ vào mùa Xuân năm Kỷ Dậu 1789 mà danh Ông Trung Ương Hoàng Đế Thái Đức Nguyễn Nhạc ít nhiều bị lu mờ.

Ông Nguyễn Nhạc là người đa mưu túc trí, rất am tường về tình thế lại hiểu biết sâu sắc và nhạy bén về tình người. Do vậy mà Ông đã thành công rất nhiều về mặt tâm lý chiến, đã tập hợp được đông đảo sức mạnh đồng bào Kinh Thượng cũng như hàng trí thức, phú hào theo giúp nhà Tây Sơn khởi nghĩa.

Theo dân thoại Bình Định cũng như sách báo viết về nhà Tây Sơn đều thuật lại rằng thuở tiềm long, để thu phục người dân tộc thiểu số miền Tây Nguyên nhất là vùng Tây Sơn Thượng Đạo tức vùng An Khê, An Túc ngày nay theo về với nhà Tây Sơn, Ông Nguyễn Nhạc đã có những công tác Thượng vận như sau:

Ông Nhạc vốn biết người Thượng có tài bắn ná rất giỏi, có sức mạnh và sự chịu đựng bền bỉ, khi đã tin vào ai thì hết lòng trung thành, chắc chắn một dạ như đinh đóng cột. Để họ tin rằng Ông là người của Trời sai xuống trị vì thiên hạ, Ông bèn nghĩ ra kế dùng "giỏ bội" để gánh nước. Giỏ bội thường đan bằng tre, hoặc giang hoặc nứa, lớn nhỏ cao thấp tùy người sử dụng. Mặt giỏ là những lỗ trống to bằng ngón chân cái. Giỏ bội nhà nông thường dùng để gánh mạ, mì, lang, sắn hay gánh cỏ ... làm sao có thể gánh được nước? Thế mà Ông Nhạc lại gánh được nước mới tài. Bởi lẽ Ông dùng một loại dầu rái trong (tức là dầu lấy ra từ câu dầu rái trên rừng thường dùng để trét ghe thuyền) phết đều trên mặt một loại giấy trắng trong để khô rồi đem lót vào bên trong của giỏ bội như một thứ ny lông trắng ngày nay.

Làm xong, thử kỹ. Ông Nhạc dùng đôi giỏ bội này xuống suối mà gánh nước và Ông cố ý đi ngang qua các buôn làng Thượng, nhất là Thượng bộ tộc Xà Đàng (Sédang) ở vùng An Khê vốn không phục nhà Tây Sơn. Người Thượng đứng xa trông thấy Ông Nhạc gánh nước

bằng giỏ bội mà không thấy nước chảy ra ngoài đều cho Ông Nhạc là kỳ nhân. Người Trời. Ca dao địa phương còn truyền tụng câu:

*Ông Nhạc là con Người Trời*

*Gánh nước bằng bội không rơi hột nào.*

Riêng viên chúa Xà Đàng thì còn nghi ngờ cho là bùa phép, y dương dương tự phụ nói với thuộc hạ rằng "Nếu Ông Nhạc có tài thì hãy dụ bầy thiên mã của Trời trên núi kia (chỉ núi Hiên Hách) trở về, khi đó ta sẽ đem cả làng theo hết". Nghe tin, Ông Nhạc mỉm cười rồi suy nghĩ.

Các bộ tộc Thượng như Bana (Banard) Radê (Rhadé) Giarai (Djarais thì họ đã tin Ông là Người Trời vì họ đã nghe qua những câu chuyện như một đêm nọ vào nửa khuya, Trời đã giáng hạ trên đỉnh Tây Sơn ban cho Ông Nhạc làm Vua nước Nam, hay chuyện Trời ban cho Ông ấn kiếm và cả bút nghiên ... Kỳ này, Ông quyết tâm phải lập kế dụ cho bằng được bầy ngựa Trời để lôi kéo thêm bộ tộc Xà Đàng. Bộ tộc này rất đông mà trở về với Ông thì vùng Tây Nguyên mới thực là đất của Tây Sơn.

## ÔNG NGUYỄN NHẠC DỤ BẦY NGỰA TRỜI

Ngựa rừng trên núi Hiên Hách (còn gọi là Hãnh Hót) mà người Thượng thường gọi ngựa Trời (hay ngựa Thần) rất nhác hễ trông thấy bóng người là tóa chạy. Gia đình Ông Nguyễn Nhạc lúc bấy giờ có nuôi ngựa và được Đinh lão ở Bằng Châu huấn luyện về cách nuôi ngựa nên đã có kinh nghiệm về nuôi ngựa, thuần dưỡng ngựa. Ông Nhạc mới nghĩ ra kế là dùng ngựa cái để dụ ngựa rừng, Ông bèn đi khắp nơi tìm mua một số ngựa cái tơ, khỏe, đẹp đem về nuôi trong tàu. Hằng ngày ông đích thân chăm sóc như bỏ cỏ tươi cho ăn, pha nước đường cho uống, tắm rửa,

chải lông vuốt ve trù mến mà nhất là tập luyện sao cho ngựa có thói quen hề nghe tiếng hú của chủ thì tìm chạy đến. Khi ngựa đã được tập luyện thuần thục, khôn ngoan, Ông Nhạc mới kín đáo đem thả trên núi Hiển Hách.

Bầy ngựa nhà vừa thả thì bầy ngựa rừng thấy lạ liền chạy đến lân la làm quen, ve vãn. Vài ba hôm sau thì ngựa nhà và ngựa rừng quen thân nhau, Ông Nhạc mới lần mò lên núi Hiển Hách và cất tiếng hú. Nghe tiếng hú quen thuộc, bầy ngựa nhà tìm chạy đến, bầy ngựa rừng vội và chạy theo nhưng khi nhác trông thấy bóng người thì bầy ngựa rừng vội vã tháo chạy lui. Ông bỏ cỏ cho ngựa nhà ăn, vuốt ve rồi ra về. Bầy ngựa rừng tuy bỏ chạy nhưng ngó chừng, khi thấy vắng người thì mon men tìm đến ăn cỏ với bầy ngựa nhà rồi đùa giỡn, hí gọi thật là thân thiết.

Hôm sau Ông Nhạc lại trở lên. Bầy ngựa rừng vừa thấy bóng người cũng lại bỏ chạy. Nhưng lần này có con chạy rồi chốc chốc lại dừng ngoái đầu nhìn, có con thì dạn hơn mon men đến gần có lẽ vì thấy người không làm hại gì và có lẽ cũng vì đã say mê các nàng ngựa trẻ đẹp, nghe theo tiếng gọi ... mà trở nên dạn dĩ không còn sợ sệt người nữa.

Hôm sau và nhiều hôm sau nữa, khi thấy bầy ngựa rừng kể cả con ngựa chúa đàn đã dạn dĩ, quen thân như bầy ngựa nhà. Ông Nhạc mới kỳ hẹn với chúa Xà Đàn và thuộc hạ, nếu muốn biết Ông là người thế nào thì hãy đến xem Ông gọi bầy Ngựa Trời sẽ rõ.

Một buổi sáng trời xanh trong, nắng đẹp, gió mát. Rừng Hiển Hách cây lá xào xạc vui tươi, chim chóc líu lo. Chúa Xà Đàn và thuộc hạ đến núp sau những tảng đá cao, tản mát trong các bụi cây, tất cả im phăng phắc, hồi hộp chờ xem. Ông Nguyễn Nhạc ung dung tiến ra đứng

giữa trắng rừng cất tiếng hú. Tiếng hú thanh, trong ngân vang vừa dứt thì bầy ngựa từ các nơi lần lượt kéo đến vây quanh Ông. Có con lân la đến bên Ông hểnh mỏ, vểnh tai, vẫy đuôi như mừng, như nói. Ông bỏ cỏ tươi cho cả bầy ăn rồi Ông tuần tự vuốt mỏ con này, vò đầu con kia, nắm kỳ con nọ, rờ rẫm, vuốt ve châu thân ngựa kể cả con ngựa chúa đàn, thân thiết, triu mến trước sự thán phục của chúa Xà Đàng và thuộc hạ.

Thế là sau hôm đó, chúa Xà Đàng giữ lời hứa đem cả bộ tộc về giúp nhà Tây Sơn và bắt chước người Giarai gọi Ông Nhạc là "Vua Trời". Chúa Xà Đàng ấy tên là Bok Kiom sau này đã được Tây Sơn Vương Nguyễn Nhạc tin dùng ban thưởng một con ngựa, một cây roi bịt vàng, một ngọn giáo bằng bạc, một chiếc nón lông đen chóp bạc, quai tua điều và đề cử làm tướng lo việc sơn phòng vùng An Khê, Pleiku, Kontum. Trong trận hạ thành Qui Nhơn, Bok Kiom đã dẫn đầu một toán quân nửa đêm bắc thang xông lên thành giết chết lính gác, đốt thành phối hợp với quân ba mặt ập vào hạ thành Qui Nhơn vào lúc trời vừa tảng mờ sáng.

Cũng cần nói thêm trong buổi đầu khởi nghĩa, nhà Tây Sơn đã giúp đỡ và đối xử tốt với người thiểu số. Do đó đã thu phục đã hầu hết các bộ tộc trên vùng Tây Nguyên tham gia đông đảo vào phong trào cả nhân lực, tài, vật lực. Và theo tài liệu các Giáo sĩ đương thời cũng cho biết hầu hết các quân tướng trong các đoàn voi chiến dưới sự chỉ huy của Nữ chủ tướng Bùi Thị Xuân, là người dân tộc thiểu số. Mãi về sau này khi nhà Tây Sơn suy vong, Nguyễn Ánh đã cho sứ giả đến dụ các tộc trưởng quy phục triều đình. Chẳng những họ không theo mà còn bắt giữ sứ giả của nhà Nguyễn giết đi để tỏ lòng trung thành với chủ cũ. Ở Tà Núa trong một nhà nông gần

đây còn tìm thấy một túi muối, một túi gạo. Tương truyền rằng đây là kỷ vật ghi nhớ công ơn Bok Nhạc đã cấp phát gạo muối, trâu bò, giống má cho dân làng vùng này khi lâm cảnh thiếu thốn, đói khổ.

## TÂY SƠN NGŨ THẦN MÃ

Ngày xưa cũng như ngày nay, ngựa là con vật nuôi trong nhà khôn ngoan, hiền lành và trung hậu giúp người trong việc di chuyển (cỡi), chuyên chở (xe ngựa, ngựa thồ) hay biểu diễn nghệ thuật (đua). Ngoài ra, ngựa xưa, ngựa còn là con chiến mã giúp các tướng soái xông pha trận mạc, da ngựa bọc thây. Bởi vậy người và ngựa, ngựa với người gắn bó nhau mật thiết, hổ tương nhau như tay chân. Ngựa nhờ người mà vang danh, người nhờ ngựa mà tả xung hữu đột, tung hoành tứ phương, danh lưu thiên cổ. Ngày xưa, Thái Tử Tất Đạt Đa có con Kiên Trắc, Thầy Huyền Trang có con Bạch Mã, Ngài Quan Vân Trường có con Xích Thố, Đại Khánh Lương Vương có con Nhật Nguyệt Tiêu Sương Mã ... và gần đây trong thời Tây Sơn (1771-1802 ở Bình Định có 5 con ngựa chiến nổi danh mà người đời tôn vinh là Thần Mã.

Theo cuốn "Tây Sơn Nhân Vật Chí" của Đinh Sĩ An, người Bình Khê tỉnh Bình Định là một nhân vật nổi danh về văn học đã từng được Vua Quang Trung trọng dụng kể lại 5 con Thần Mã đó là Bạch Long, Xích Kỳ, Ô Du, Ngân Câu và Hồng Lư. Được gọi là Thần Mã vì 5 con ngựa chiến này vừa có dáng đẹp, dũng mãnh, tài năng lại có lòng trung nghĩa với chủ ở thời Tây Sơn. Và, mãi về sau này khi nhà Tây Sơn mất, người Bình Định vẫn tưởng nhớ và coi như một con vật linh thiêng cũng như người: Sinh vi Tướng, tử vi Thần.

## 1 - Bạch Long Câu của Vua Thái Đức Nguyễn

### Nhạc:

Bạch Long Câu chính là con ngựa chúa đàn trong bầy ngựa rừng trên núi Hiển Hách đã được Ông Nguyễn Nhạc dụ về như vừa nói ở trên và thuần dưỡng, tập luyện trở thành một con chiến mã rất tinh khôn, nhanh nhẹn và giỏi diang chiến trận.

Bạch Long Câu là một con tuấn mã chân cao, lưng thon, dáng đẹp và nhanh như gió, nhẹ nhàng như bay. Lúc ngựa phi xa trông như một làn mây trắng vút ngang. Con Bạch Long này đã gắn bó với Vua Thái Đức Nguyễn Nhạc như hình với bóng suốt cả cuộc trường chinh, khi vào Nam, lúc ra Bắc, diệt chúa Trịnh, thắng chúa Nguyễn, đuổi quân Xiêm, tả xung hữu đột từ Đệ Nhất Trại Chủ đến Tây Sơn Hiệu Trưởng Tiên Phong Tướng Quân, rồi Tây Sơn Vương và cuối cùng là Trung Ương Hoàng Đế Thái Đức Nguyễn Nhạc. Người địa phương kính trọng 3 Vua Tây Sơn: Nguyễn Nhạc, Nguyễn Huệ, Nguyễn Lữ, đồng thời cũng quý mến các on chiến mã của Ba Vua, nên ca giao địa phương có câu:

*Nhông nhông ngựa ông đã về*

*Cắt cỏ Gò Đè cho ngựa (các) Ông ăn.*

Nhưng rồi năm 1793, khi Vua Thái Đức băng hà, con Bạch Long cũng xổng chuồng chạy mất. Một thời gian sau, thỉnh thoảng vào những buổi chiều tà, hay những đêm trăng non, thấp thoáng trên vùng Hoàng Sơn lại thấy một con ngựa trắng xuất hiện vẫn dáng vẻ dũng mãnh quen thuộc thuở nào nhưng có khác là tiếng hí sao mà áo não thê lương đến kỳ lạ. Người ta nghi rằng đó là hồn con Bạch Long của Vua Thái Đức nhớ chủ mà hiện về thăm. Tương truyền, mộ của Vua Thái Đức táng trên vùng núi này. Từ đó về sau người trong vùng không còn ai dám



nuôi ngựa trắng nữa và vinh danh con chiến mã Bạch Long là Thần Mã.

## **2 - Xích Kỳ Mã của Đại Đô Đốc Nguyễn Văn Tuyết**

Ông Nguyễn Văn Tuyết người xã Nhơn An, huyện An Nhơn tỉnh Bình Định. Lúc nhỏ Ông đã có sức mạnh phi thường, tính hay ngộ nghịch ưa đánh nhau với lũ trẻ trong làng. Sau lớn lên nhờ võ sư Trần Kim Hùng ở thôn Trường Định cùng huyện thấy ông có tư chất thông minh, lại có sức mạnh hơn người nên đã dốc lòng truyền dạy võ nghệ và những kinh nghiệm của giới giang hồ, võ lâm đồng thời cũng khuyên ông đem tài năng ra giúp nước.

Kịp đến, nghe tin đồn chúa Võ Vương Nguyễn Phúc Khoát có con tuấn mã lông màu đỏ tía, bờm kỳ và đuôi lông đen huyền vốn dòng Bắc Thảo loại thiên lý mã có sức chạy vạn dặm không đổ mồ hôi, không chồn vó là cống phẩm của nước Cao Miên, chúa Võ Vương rất mực yêu thích. Nhân một chuyến tuần thú phương Nam đến Qui Nhơn thì bị Nguyễn Văn Tuyết ngay trong đêm đó xông vào chuồng bắt rồi cỡi thẳng lên An Khê đầu quân Tây Sơn. Tại đây ông Tuyết lại có cơ duyên gặp cô Trần Thị Lan trong đoàn tượng binh của Nữ chủ tướng Bùi Thị Xuân là cháu nội của Sư phụ Trần Kim Hùng đang sống cùng chị là Trần Thị Huệ vợ của Ông Nguyễn Nhạc, cùng nhau kết duyên vợ chồng.

Khi Ông Nguyễn Nhạc xưng Vương thì Ông Nguyễn Văn Tuyết được phong Tả Đô Đốc cùng với Hữu Đô Đốc tháp tùng Vua đi chinh chiến đó đây. Tháng 10 năm Mậu Thân (1788) Đô Đốc Tuyết đã cỡi con Xích Kỳ này Phú Xuân cấp báo tình hình là 3 đạo quân của Mãn Thanh đã tiến vào Thăng Long để quân Tây Sơn kịp tạm lui binh.

Ngày 25 tháng 11, Ông Nguyễn Nhạc lên ngôi Hoàng Đế, Đô Đốc Tuyết được phong chức Đại Đô Đốc giao nhiệm vụ kinh lược Hải Dương, tiếp ứng mặt Đông. Ngày 4 tháng Giêng năm Kỷ Dậu (1789), Đại Đô Đốc Tuyết đã đồng loạt với các cánh quân khác tiến công đạo quân Mãn Thanh đóng ở Hải Dương. Diệt xong giặc ngoại xâm, Đại Đô Đốc Tuyết cùng con Xích Kỳ trở về Phú Xuân thì nghe tin Vua Quang Trung băng hà. Ông cùng Bà Bùi Thị Xuân phò Vua Cảnh Thịnh lo trấn giữ kinh thành. Sau hai vợ chồng được cử ra giữ Bắc thành.

Năm Nhâm Tuất (1802), Đại Đô Đốc Tuyết cùng phu nhân hộ giá Vua Bảo Hưng cùng cung quyến qua sông Nhị Hà lên phương Bắc đến Xương An thì bị vây. Con Xích Kỳ cùng Đại Đô Đốc xông pha chiến trận phá vòng vây, chẳng may cả hai đều trúng đạn tử trận. Đó là ngày 16 tháng Sáu năm Nhâm Tuất (1802).

### **3. Con Ô Du của Tướng Đặng Xuân Phong**

Ông Đặng Xuân Phong người làng Đông Hòa, huyện Tây Sơn tỉnh Bình Định là một tráng sĩ trẻ. Ông có một con ngựa sắc lông đen nhánh như mun nên gọi là Ô Du. Bốn chân thon nhỏ như chân nai, lúc đi thì khoan thai uyển chuyển như cọp, lúc chạy thì thoăn thoắt như bay. Thường ngày Ông tay cầm côn đồng, vai mang cung sắt, mình cỡi Ô Du từ thôn Thuận Nghĩa chạy lên Phú Lạc vào núi Trưng Sơn để săn bắn và luyện võ. Ông giỏi võ, thích cỡi ngựa lại có tài bắn cung. Một hôm cao hứng đang cỡi ngựa có đàn quạ đen bay ngang qua, Ông bèn giương cung bắn 5 phát, 5 con quạ rụng xuống như 5 quốc chín. Nữ tướng Bùi Thị Xuân thấy vậy liền tiến cử Ông Đặng lên Tây Sơn Vương, Ông Đặng được thu dụng và sau đó cử đi Quảng Nam đánh giặc lập công.

Nhờ con Ô Du nhanh nhẹn mà tướng Đặng Xuân Phong lập ngay chiến công đầu là đã đánh lấy Thăng Bình rồi ruổi quân phi ngựa như gió ra giết được 2 tướng giặc. Tôn Thất Quyền và Tôn Thất Xuân. Năm Nhâm Tý (1792) Vua Quang Trung băng hà, tướng Đặng Xuân Phong cùng với Võ Xuân Đài phi ngựa mang lễ vật từ Phú xuân ra phúng điếu.

Năm Cảnh Thịnh thứ ba, Tướng Đặng Xuân Phong được thăng chức Thái Phó ban tước Huyện Công Tuy Viễn. Sau khi Nguyễn Bảo con Vua Thái Đức bị giết, Thái Phó Đặng liền từ quan lui về Đông Hòa dưỡng lão rồi âm thầm bỏ đi nơi khác cùng với con Ô Du.

#### **4 - Con Ngân Câu của Nữ Tướng Bùi Thị Xuân**

Bà Bùi Thị Xuân người thôn Xuân Hòa, gần thị trấn Phú Phong, huyện Tây Sơn tỉnh Bình Định. Bà là con gái của ông Bùi Đắc Chí (cũng có người cho bà là con ông Bùi Đắc Kế), là vợ của Thiếu phó Trần Quang Diệu.

Thuở nhỏ bà rất xinh đẹp, nữ công khéo, viết chữ đẹp nhưng tính tình muốn làm con trai: thích học võ, múa kiếm, chèo thuyền, cỡi ngựa. Mỗi lần nghe các bậc lão Nho bàn chuyện với thân phụ mình về chuyện Hai Bà Trưng cỡi voi ra trận đánh tan quân Tô Định, Bà Triệu sức địch muôn người cùng anh nổi dậy đánh quân Ngô, chuyện nàng Lương Hồng Ngọc mang kiếm lên ngựa cùng chồng là Hàn Thế Trung ra trận đánh tan quân Kim trên sông Dương Tử hay Hoa Mộc Lan giả dạng con trai thay cha tòng quân đánh giặc trên sông Hoàng Hà v.v... thì Bà náo nức trong lòng cứ muốn có võ nghệ để làm nên việc lớn.

Bà giỏi võ nghệ là do một bà thầy ở An Vinh cảm tình truyền dạy và Bà có được con ngựa quý là do một phú

ông họ Đinh ở Lai Nghi tặng để đền ơn dạy võ cho con gái ông ta khi Bà lập trường dạy võ ở quê nhà. Con ngựa ấy lông toàn sắc trắng nên gọi là Ngân Câu hay ngựa Kim. Vóc to, sức mạnh, có tài đi trong đêm tối như đi giữa ban ngày mặc dù trên đường đi có hầm hố, ụ gò, chướng ngại. Thấy vậy có người bảo rằng dưới chân ngựa có mắt sáng. Con ngựa này từ một con tuần mã trở thành chiến mã là do tướng Lê Văn Bưu (sẽ nói ở phần sau) tập luyện cả ngựa lẫn voi. Cũng nhờ tài phi ngựa như bay mà con Ngân Câu đã giúp Bà chiến thắng trận Rạch Gầm chém bay đầu tướng Lục Côn của Xiêm như ngày xưa Quan Vân Trường cỡi Xích Thố chém Huê Hùng đời Tam quốc bên Tàu. Cũng nhờ con Ngân Câu của Nữ tướng Bùi Thị Xuân cứu được Vua Bửu Hưng trong trận Đâu Mâu. Lại cũng nhờ con Ngân Câu mà Bà Bùi từ Diễn Châu vượt đường dài đến Giáp Sơn tả xung hữu đột với kẻ thù cứu được chồng là tướng Trần Quang Diệu mang trọng bệnh bị bắt sống tại Hương Sơn đang áp giải. Bà điu chồng trên lưng ngựa chạy về Thanh Hóa nhưng đến sông Thanh Chương thì con Ngân Câu bị trúng đạn tử thương. Hai vợ chồng vô cùng thương tiếc con Ngân Câu - một con chiến mã tinh khôn, thiện chiến.

Ở đây chúng tôi chỉ nói đến con chiến mã Ngân Câu của Bà Bùi mà không nói đến Bà là Chủ tướng của "Ngũ Phụng Thư" 5 người con gái tài giỏi thời Tây Sơn với đoàn voi trận, cũng như thái độ của Bà đối với Chú là Bùi Đắc Tuyên lộng quyền và cái chết của chồng bà là tướng Trần Quang Diệu cũng như mẹ con Bà một cách rất hiên ngang trước sự trả thù tàn khốc và man rợ của nhà Nguyễn gia Miêu. Vì thế tên tuổi và hình ảnh của Bà luôn chói sáng cùng nhật nguyệt mà cụ Vân Sơn Nguyễn Trọng Trì khi viết về Bà trong bài "Bùi Phu Nhân ca" đã ca tụng:

*Bạch mã trì khu cổ chiến trường  
Tướng quân bách chiến thanh uy dương.*

### **5 - Ngựa Hồng Lư của Đô Đốc Lý Văn Bư**

Ông Lý Văn Bư còn gọi là Mu, người làng Đại khoang, huyện Phù Cát, tỉnh bình Định. Ông sinh trưởng trong một gia đình giàu có chuyên nghề nuôi ngựa và buôn bán ngựa từ đời ông Cao tổ. Vì vậy mà ông Lý được gia đình rèn luyện về võ nghệ từ thuở ấu thơ để lâm thời chống trả bọn cướp bóc, bảo vệ tài sản gia đình. Lớn lên chẳng những Ông giỏi võ mà còn có biệt tài thuần dưỡng ngựa và cỡi ngựa.

Các tay giang hồ hào kiệt thường đến với Ông rất nhiều một phần vì mến tài đức, võ nghệ, một phần vì muốn có ngựa tốt và một phần nữa cũng muốn nhờ cậy ông thuần dưỡng ngựa và truyền bí quyết điều khiển ngựa chứng.

Trong trại ngựa của Ông có hàng mấy trăm con, nhưng con ngựa mà Ông ưng ý nhất là con Hồng Lư vì sắc lông của nó toàn màu hồng tuyệt đẹp. Thoạt nhìn thì như ngựa bình thường chân cao lỏng lỏng, bụng thon ốm như đỏi cỏ. Nhưng khi nhìn kỹ thì thấy có nét đặc biệt, đầu như đầu lừa, tính tình hay trở chứng muốn đi thì đi, muốn chạy thì chạy chẳng ai điều khiển được, thuộc loại ngựa bất kham chỉ riêng chủ mới điều khiển được dễ dàng mà thôi. Ông Lý cỡi ngựa ít khi dùng yên cương, Ông chỉ dùng đôi chân khi thì bấp vế, lúc thì ống chân, gót chân. Hồng Lư tuy dĩ dụng nhưng chạy rất nhanh và bền bỉ. Khi ra trận Hồng Lư dường như có linh cảm ý chủ, tự tiến thối, lướt xông, quần thảo địch thù đúng theo ý chủ. Một nhíp nhẹ của đôi chân chủ, Hồng Lư đã phi như bay vượt thoát mọi chướng ngại đuổi theo địch một cách dễ dàng. Một

tiếng hí của Hồng Lư cất lên (trừ các con Thần mã nói ở trên) các ngựa khác đều khiếp sợ cúp đuôi cụp tai cắm đầu bỏ chạy. Nhờ Hồng Lư mà Ông Lý Văn Bưu đã tổ chức được một đoàn Chiến mã cho quân Tây Sơn và một đội Sảo mã (ky binh nữ) đi tiên phong dò xét địch tình, kêu gọi quân lương, làm công tác chiến tranh chính trị.

Khi nhà Tây Sơn khởi nghĩa, Ông Lý Văn Bưu được phong chức Đô Đốc Đô Đốc Lý và con Hồng Lư lúc bấy giờ có mặt trên khắp chiến trường từ trận đánh với quân Xiêm năm năm 1784, tháp tùng Vua Quang Trung ra Bắc tảo trừ quân Thanh kéo vào Thăng Long đến các trận ở đồn Tân Quyết, Nhân Mục rồi Khương Thượng.

Sau khi Vua Quang Trung băng hà, Bùi Đắc Tuyên lộng quyền, triều chính Tây Sơn đổ nát thì Đô Đốc Lý viện cố tuổi già sức yếu từ quan lui về quê sống lại nghề cũ nơi mảnh đất quê hương thân yêu. Ngày ngày Ông cùng con Hồng Lư dạo quanh trên các núi đồi, gò đồng, nhìn trời mây sông nước nhớ lại những nơi dụng nghiệp thuở xưa mà lòng thanh thản, tự tại.

\*

\* \*

Ngoài 5 con ngựa chiến mà người đời thường gọi là "Tây Sơn Ngũ Thần Mã", Bình Định còn có con "Bằng Châu Kỳ Mã" và "Linh Phong Song Tuấn Mã".

\* **Bằng Châu Kỳ Mã**: Là con ngựa của Ông Đinh Cường ở Bằng Châu thuộc huyện An Nhơn, thường gọi Ông là Đinh lão, thầy dạy võ của 3 anh em nhà Tây Sơn. Tính Ông "chẳng chẳng ngang thiên". Con ngựa của Ông cũng giống như con Bạch Long của Vua Thái Đức

Nguyễn Nhạc lông trắng như tuyết, chạy nhanh như gió thuộc loại thiên lý mã. Nhưng đặc biệt là 2 con mắt đỏ ngầu như 2 hòn than. Gặp sông sâu lửa cháy chủ giục, ngựa vẫn xông vào. Chủ lâm nạn ngựa biết tìm đường chạy về nhà báo tin bằng cách dậm chân, hí rống.

\* **Linh Phong Song Tuấn Mã**: Là con ngựa Hồng của Nguyễn Mai Xuân Thường (1860-1887) Thủ lĩnh Cần Vương chống Pháp và con ngựa Ô (dòng Ô Du) của Quản Trấn Trần Tân thường gọi là Quản Nhã hay Quản Trấn

Đó là 2 con ngựa thường đi song đôi với nhau thân thiết như đôi bạn nên gọi là Song Tuấn Mã và rất mực trung thành với chủ.

Chuyện kể rằng trong trận thủy bối ở Bầu Sấu, Mai Nguyên soái bị trúng đạn máu ra ướm đầm cả nhưng y, con ngựa Hồng chở Mai Nguyên soái nhào xuống Bầu Sấu lội một mạch sang bên kia bờ chạy thẳng về Phú Lạc. Sau, ngựa Hồng theo Nguyễn soái vào Linh Đồng ẩn thân rồi cùng Nguyễn soái ra quy hàng để cứu Mai mẫu. Trên bước đường hoạn nạn, ngựa Hồng luôn theo sát bên chủ chia sẻ buồn vui. Khi Mai Nguyên soái bị bắt cầm tù thì ngựa Hồng bỏ ăn. Ai đến gần thì ngựa hí, cắn, đá dứt khoát không cho ai cỡi. Lúc Nguyễn soái ra pháp trường thọ hình ở Gò Chàm An Nhơn, ngựa Hồng cùng đến. Lúc Nguyễn soái thọ hình, ngựa Hồng cất vó hí lên lồng lộng giữa cơn mưa tầm tã rồi chạy thẳng về mật khu Linh Đồng như uất ức.

Con ngựa Ô Du của Quản Trấn cũng trung nghĩa không kém. Khi Quản Trấn bị Tham Mậu bắt đem chôn sống vì tội xúc phạm danh dự cấp trên, con ngựa Ô liền chạy về nhà hí thảm thiết báo nguy. Khi Quản Trấn chết, ngựa Ô đi theo linh cữu đưa chủ ra mộ, nước mắt ròng

ròng. Chôn cất xong mọi người ra về, ngựa Ô ở lại không chịu về. Đói ra gò ăn cỏ qua loa, khát xuống bầu uống nước, đến ngày tuần thì chạy về nhà trong giây lát rồi cũng chạy ra mộ trở lại, tuần nào cũng thế. Đến ngày tuần chung thất (49 ngày), ngựa Ô chạy về nhà hí rống một tiếng dài rồi chạy ra mộ hí tiếp một tiếng nữa đoạn chẩy thẳng lên Linh Đổng sống với con ngựa Hồng của Mai Nguyên soái.

Thời gian lâu sau, người ta không còn thấy bóng dáng ngựa Ô, ngựa Hồng đâu nữa cả song những đêm trăng sáng trời trong nơi mộ phần của Mai Nguyên soái và của Quán Trần, thỉnh thoảng người ta nghe có tiếng ngựa hí âm vang vọng dài trong gió núi. Người địa phương đã ca rằng:

*Ngựa đâu tiếng hí mơ màng*

*Người nay thốn thức can tràng người xưa*

Người xưa rõ ràng là những nhân vật lịch sử can trường, dẫm nghìn da ngựa, da ngựa bọc thân, nặng tình với non sông, dân tộc. Còn người nay, cứ mỗi lần cáo thơm lần giở lòng sao khỏi thốn thức nhưng với hoàn cảnh hiện tại thì, than ôi!

*Ta kiếm mẽ, ngựa què thân lưu lạc,*

*Nhìn trăng tàn, cỏ úa, hận đêm thâu*

*Ta biết đi đâu! ta sẽ về đâu?*

*Chí lớn ngậm ngùi, đường cùng, tóc bạc!*

Nói thế, nhưng người viết vẫn hy vọng một ngày mã đáo thành công, ca khúc khải hoàn.

Houston, Đầu năm Con ngựa 2002

**THÁI TẮU**



### Sách tham khảo:

- *Nhân vật Bình Định, Lộc Xuyên Đặng Chí Định, soạn giả xuất bản 1971.*
- *Võ Nhân Bình Định, Quách Tấn-Quách Giao, NXB Trẻ TP/CHM 2001*
- *Các Ngôi Sao Tây Sơn, Nguyễn Văn Nhân, NXB Văn Nghệ T/HCM 2001.*
- *Danh Tướng Việt Nam, Nguyễn Khắc Thuần, NXB Giáo Dục TP/HCH 2001.*

### NGẪU ĐỀ

*Nhĩ bối nguyên lai vô sự mang  
Danh đồ khởi tận thuộc văn chương  
Phong trần lão ngã kinh lao碌  
Thả mạn tranh dăng hí tiểu trường.*

ĐÀO TẤN

### TÌNH CỜ ĐỀ THƠ

*Tục luy, này con chữa vấn vương  
Công danh nào phải đích văn chương.  
Bụi trần cạn sức ta kinh sợ,  
Chen lẩn vào chi chốn hí trường.*

VIỆT THAO phụng dịch

# NGÀY XUÂN UỐNG RƯỢU MỘT MÌNH

*Gió Xuân đến khi trời dịu mát,  
Nắng Xuân về tươi tốt cỏ cây.  
Ánh dương chiếu tỏa quanh đây,  
Tường chùng hoa rụng bay đầy khắp nơi.*

**Thơ LÝ BẠCH  
LAM NGUYỄN dịch**

## DƯỠNG TÓC

Bà vợ đi phố về, trao ông chồng một chai mỹ phẩm:

- Tết tới, em tặng mình chai thuốc dưỡng tóc, giữ cho tóc khỏi rụng.

Ông chồng ngạc nhiên:

- Nhưng tóc anh có rụng bao giờ đâu?

Bà vợ nhẹ nhàng:

- Em biết! Cái này để anh tặng lại cô thư ký ở sở anh. Tội nghiệp! tóc cổ rụng đầy áo lót của anh!

**Làng Văn số 209**

# QUÊ HƯƠNG TRONG TRÍ NHỚ

HỒNG ÂN

Nơi chôn nhau cắt rốn của tôi là thôn Trường đình nhưng chỉ sống ở đây cho đến bảy tuổi. Bảy năm! Ôi, thời gian thật dài của mẹ, được gia đình ngoại đùm bọc trong khi ba tôi đang ở phương xa cấp sách đến trường. Mỗi năm ba tôi chỉ một lần về thăm gia đình vào dịp tết trong vòng một tuần lễ. Mỗi lần về, ba mua cho tôi thật nhiều quà quý báu, nào là búp bê biết nháy mắt mở mắt, nào là xe lửa chạy trên đường rầy bằng dây thiêu ... Những món quà đắt giá này, sau tôi được biết là do những đồng tiền mà ba tôi phải kiếm sống tần tiện kham khổ, vừa đi học vừa dạy kèm để nuôi thân, ngoài ra còn phải chu cấp cho hai chú tôi cũng đồng thời theo ba tôi đi học nữa. Gia đình nội tôi cũng ở cùng làng, chỉ cách nhà ngoại khoảng một cánh đồng. Gia đình ngoại nổi tiếng giàu có nhất nhì trong làng, ruộng cò bay thẳng cánh; ngược lại gia đình nội cuộc sống có phần eo hẹp hơn, nhưng là một gia đình nho giáo, ông nội tôi là một nho sĩ uyên thâm, đạo đức, trong vùng người người kính mến.

Ba tôi cưới được mẹ tôi là do người cậu của của tôi. Ba là bạn học của cậu. Hai người cùng tuổi, quê cùng làng, học cùng trường; khi đi học trường xa ở cùng nhà trọ. Ba thường lui tới chơi với cậu. Mỗi dạo hè về, hai người rủ nhau mở lớp dạy hè tại nhà ngoại. Mẹ tôi lúc đó, ba tôi chỉ coi như em không từng để ý, vì hai người cách nhau đến năm tuổi. Thời ba má tôi, nghe kể lại cách nhau năm tuổi là lớn lắm! Cậu tôi lập gia đình năm mười tám, ba tôi vẫn còn không! Vào thời trai gái lấy vợ lấy chồng rất

sớm: hai mươi, hai mốt mà chưa lập gia đình thì bị chê là già rồi! Thế mà hai mươi mốt tuổi ba tôi "vẫn chưa có gì?" Cho đến lúc viết bài này tôi cũng chưa kịp trêu ba tôi: Hay là ba còn đang lằm nhằm đến câu:

*May ai thì nấy đặng nhờ,*

*Rủi tôi tôi chờ trẻ nhỏ lớn lên!*

Tình cờ hay cố ý không biết mà một ngày kia cậu tôi bèn đặt ba tôi một câu hỏi chắc là đầy thú vị:

- "Toa sao chưa chịu cưới vợ!"

Ba tôi trả lời: "Chưa tìm ra đối tượng."

- Toa thấy em gái moa thế nao?

- Cô nào?

Cậu tôi trả lời: "Cô em nhỏ, cô lớn đã có người hỏi rồi!" Sao không biết ba tôi lại thẹn đỏ mặt: Cô ấy còn nhỏ mà! Cậu tôi cười cười nói: "Hừ! Nó không còn nhỏ nữa đâu!" Tuy nói vậy nhưng ba tôi cũng đã thâm để ý đến mẹ tôi. Lúc đó mẹ tôi mới 16 tuổi. Quả thật cậu tôi nói đúng, mẹ tôi tới tuổi nhỏ giò trở mã trông lành con gái hẳn ra. Từ đó ba tôi tới nhà cậu tôi thường xuyên hơn, hầu như mỗi tối, lần này chắc hẳn không phải vì bạn mà vì muốn được thấy mặt em gái bạn ...

Rồi thì đám cưới ba mẹ tôi diễn ra trong năm đó và sau ba năm mong đợi tôi đã được mở mắt chào đời nơi thôn Trường Định thân yêu ấy. Gia đình nội tôi rất đổi vui mừng vì tôi là đứa cháu nội đầu tiên. Tôi được cái vinh dự ông nội đặt tên, ba tôi chỉ thêm vào chữ lót cho có vẻ hoa lá cành một tý. Thế là cái tên đầy kỷ niệm gắn liền với tôi cho tới ngày nay dù phải đổi quốc tịch quê hương tôi vẫn giữ nó.

Sau khi tôi ra đời ba tôi lại càng quyết ý vào Saigon nổi lại con đường học vấn mà bao năm tháng bị bỏ dở dang vì nghĩ rằng đó là con đường tương lai duy nhất cho

gia đình chúng tôi sau này. Ba tôi thừa với hai bên nội ngoại, xin gởi vợ con rồi lên đường lúc tôi chưa tròn một tuổi. Ông ngoại và cậu cả rất thương đứa cháu tội nghiệp không được có ba ở gần. Mẹ tôi ngày thường đi chợ bán buôn để dành dụm tiền phụ chồng trên đường "xôi kinh nấu sủ". Tôi hàng ngày ở nhà được ông ngoại nuông chiều đủ thứ. Lúc nhỏ sức khỏe tôi rất kém đau yếu liên miên, mỗi lần đầu hơi ảm một tý là tôi bị làm kinh, khiến cả nhà hốt hoảng, người thì cạo gió, lễ môi, kéo tóc, người thì cạy miệng chế nước tiểu ... Sau cùng tôi cũng tỉnh dậy. Cái mà tôi ghét nhất là cái tô nước tiểu của cậu út tôi (cậu lớn hơn tôi 2 tuổi) dầm với sả to tổ chẳng mà tôi bị ép uống. Cái thứ hai mà tôi ghét là thuốc Căn Cơ Tán hòa với nước. Tôi chưa thấy thứ thuốc nào mà đắng hơn thứ thuốc đó. Mỗi lần bịt mũi để đỡ bị đắng mà phải uống hai tô đó là tôi ói ra tới mặt xanh.

Thế mà hết bệnh tôi lại theo chơi với anh chị con của cậu cả. Nhà ngoại tôi rất lớn, có sân chơi trước nhà rất rộng, lát gạch đỏ, xung quanh sân xây trụ, mỗi trụ ngoại tôi đặt một chậu hoa kiểng rất là đẹp mắt; chúng tôi thường lái xe đạp trong sân hoặc cả bọn kéo ra tắm mưa, mỗi khi trời mưa xuống nước mưa thật ảm. Trước nhà ngõ lợp bằng ngói Hải Phòng đỏ chói có con đường dẫn vào sân hai bên hàng rào dọc theo là những hàng bưởi, hoa bưởi trắng ngần và mùi thơm thoảng dịu, những trái bưởi to tròn, ai cũng phát thèm.

Thường thường mỗi buổi trưa chúng tôi hay ra vườn leo lên cây hái trái hoặc trò chơi buôn bán, lá, đất bunn, sỏi ... là những hàng hóa mà chúng tôi dùng để trao đổi, hoặc làm nhà ... vườn rộng cây trái sum sê, nào xoài, ổi, mận, cam, quít, mít, măng cầu ... mùa nào trái ấy tha hồ mà thưởng thức.

Bà ngoại tôi trồng rất nhiều dưa leo, cà tây, cải ... đủ thứ trong vườn rau vây quanh là những tấm rả cải. Bà chăm sóc hằng mỗi buổi sáng, tưới bón, nhổ cỏ, bắt sâu ... Tôi thích ăn những trái dưa leo còn nhỏ bằng ngón tay, nó thật giòn và mát. Mỗi sáng tôi thường theo mẹ tôi ra vườn, giở những rơm phủ vòng quanh đóng rạ (Ôi! nói là đóng rạ nhưng thực ra nó to và cao vút, muốn bắt chim con hoặc trứng chim sẽ lớt ổ để trên chóp phải dùng cái thang thật dài mà trèo lên ...) Mẹ tôi giở từng nắm rơm lên, rơm còn ẩm ướt hơi sương. Chao ôi vô số là nắm rạ! ... Món nắm xào trứng, gia vị một chút nước mắm, nó ngọt lũng nôi, ăn với cơm nóng thì ngon tuyệt cú mèo! Đến nay tôi vẫn không sao quên được cái hương vị ngọt ngào đậm tình quê hương yêu dấu ấy. Tỉnh thoảng những chiều mưa dầm mẹ tôi cũng thường đem nắm ra đúc bánh xèo. Ngồi bên cạnh mẹ, chờ mẹ cho nếm những lá bánh xèo nóng thơm ngát mùi mỡ dầu mùi bột mùi nắm quện lại với mùi vị nước mắm trong thì thật là thích thú. Rồi cũng có lần ông ngoại công tôi đi ra sa bắt cá. Sa của ông ngoại không xa nhà là bao nhiêu, cá đủ thứ đủ loại lớn nhỏ nhiều vô kể. Tôi thích nhất là món cá cũng (trong nam gọi là cá lóc nhỏ) nướng dầm nước mắm trong và món canh cá chốt nấu rau răm. Từ khi ly hương cho đến nay tôi chưa bao giờ lại được lại những món ăn ngon và tinh khiết như vậy.

Có những đêm hè, ngoài vườn lập lòe ánh đóm, chúng tôi thường trải chiếu ra hè, quây quần bên ngoại để được ngoại kể cho nghe chuyện cổ tích, chuyện Tây Sơn anh hùng Nguyễn Huệ, chuyện bà tiên tổ họ Trần và cô Hầu người thượng đều là vợ của Nguyễn Nhạc, chuyện ông Cao tổ Trần Tân, Quảng binh trong phong trào Cần Vương Bình Định, chuyện Bà Trưng Bà Triệu ... Tôi thích

nhất là chuyện Bà Trưng Bà Triệu cứ bắt ngoại kể hoài không chán ...

Rồi cũng một đêm hè oi bức nọ, đang như mọi hôm, chúng tôi trải chiếu ra hè ngồi chơi quây quần bên ngoại, bỗng nhiên nghe nhiều tiếng súng và nhiều tiếng chó sủa. Ngoại tôi hoảng hốt không kịp dọn chiếu, đưa chúng tôi vào trong nhà, đóng cửa lại. Đêm ấy cả gia đình thật hoang mang không hiểu đã xảy ra chuyện gì. Bên ngoài hàng xóm tiếng chó sủa rang xa xa ... Đêm ấy ngoại và cậu tôi không ngủ được. Sáng hôm sau có người vào nói nhỏ với ngoại tôi, Việt Cộng đã vô làng Vĩnh Lộc bắt dượng tôi (tức chồng người chị cả của mẹ tôi) dẫn đi đâu không biết và bắn chết mấy người khác. Tôi tuy còn nhỏ nhưng cũng mừng tượng được cái chuyện không may đã xảy đến cho gia đình và tôi có linh cảm từ nay cảnh thanh bình của quê tôi không còn tồn tại nữa. Cả ngày hôm đó ngoại tôi ít nói hẳn, vẻ mặt lo âu đăm chiêu hiện lên ánh mắt. Đêm ấy mới vừa chạng vạng, ông ngoại và cậu của đi đâu mất, nhà chỉ còn lại bà ngoại, mợ, mẹ và lũ nhóc chúng tôi dồn lại trong một phòng không ai dám thì thào một tiếng. Mỗi lần nghe tiếng chó sủa, bà ngoại và mẹ tôi run lên cầm cập.

Sáng sớm hôm sau ông ngoại và cậu cả tôi về ra lệnh cho cả nhà phải dời xuống Qui Nhơn vì thôn Trường Định V.C đã về tối hôm qua bắt bớ một số người ở trong làng. Sau này tôi mới biết đêm hôm ấy ông ngoại và cậu tôi phải ngủ trên cành cây trong vườn.

Và cũng từ đạo ấy sống ở Qui Nhơn, rồi càng lúc càng đi xa không có dịp về sống ở thôn Trường Định thân yêu của tôi nữa. Nghe nói từ đạo ấy V.C thường xuyên về làng Trường Định, dân làng dần dần tản cư lên quận tỉnh hết. Mẹ tôi ở Qui Nhơn vài tháng thì ba tôi đưa vào Sài

Gòn, lúc này ba tôi đã ra trường và hành nghề "godautre" ở một trường trung học. Cuộc sống của gia đình cũng tạm ổn định. Thế là 7 năm sống xa nhau, đây là lần đầu tiên gia đình chúng tôi mới sống đúng nghĩa là một gia đình.

Sau khi mẹ và tôi vào Saigon, ngoại tôi buồn và dăm chiêu hơn, chỉ biết đi vô đi ra trong nhà thật là tù túng. Thỉnh thoảng ngoại vào Sài Gòn thăm chúng tôi rồi lại về Qui Nhơn. Nhà cửa ruộng vườn cha ông để lại bao đời lam lũ nay trở thành hư vô. Ngoại tôi càng lúc càng sầu hơn và cuối cùng sau một cơn tai biến mạch máu não, ngoại tôi đã trút hơi thở cuối cùng, mang theo nỗi buồn luyến tiếc quê hương.

Bây giờ đã lớn khôn, quê hương ngàn trùng xa cách. Tôi bây giờ đã là mẹ của hai con, mỗi lần nghĩ về làng Trường Định, lòng tôi trĩu nặng một niềm đau ái lằng lằng của một thời thơ ấu vàng son mà trong ký ức của tôi không bao giờ quên được.

HÔNG ÂN





# ĐOÀN KẾT BÀI HỌC BỊ BỎ QUÊN

NGUYỄN AN PHÙNG

Nói đến hai chữ "Đoàn Kết", chắc có lẽ không một ai trong chúng ta, từ già đến trẻ, từ những người ở các vùng xa xôi hẻo lánh cho đến các phố thị đều không hiểu, không biết. Nó gọn gàng, đơn giản, không bóng bẩy hay tối nghĩa, nó dễ dàng như chúng ta lấy một viên kẹo từ trong túi, hoặc nó dễ hiểu, dễ biết như chuyện buổi sáng mặt trời mọc ở phương đông và chiều tối lặn về phương tây. Nhưng trên thực tế, thực hành hai chữ "Đoàn Kết" chắc có lẽ chúng ta, ai cũng nhận thấy nó không đơn giản một chút nào cả. Sự đoàn kết hay không đoàn kết mà kết quả của nó đã góp phần thật nhiều cho sự hưng thịnh, cũng như điêu tàn cho những triều đại trong quá khứ cũng như hiện tại khắp mọi nơi trên thế giới. Vậy đoàn kết từ đâu mà có? Do đâu mà ra? Nó là một yếu tố từ bản tâm của con người hay do những hoàn cảnh địa dư bên ngoài tạo thành? Giáo dục có ảnh hưởng gì đến hai chữ "Đoàn Kết" hay không? Có một mẫu mực nào để đo độ đoàn kết cho toàn thể các sắc dân trên thế giới hay không? Có những sắc dân này đoàn kết hơn sắc dân khác là tại sao? Phải chăng đó là những yếu tố di truyền, hay sự ban thưởng không đồng đều của đấng toàn năng? Vì vậy, càng tìm hiểu, ta lại càng thấy phức tạp, như đang lạc vào một mê hồn trận. Thật lắm lắm, có một lần người viết quan sát một anh thợ hồ đang làm việc. Anh ta dùng kéo cắt một bao xi măng và đổ ra nền đá. Bọt xin măng nhuyển

đều màu xám. Chất xi măng thì có lẽ chúng ta cũng không lạ gì mấy, nó sẽ dính chặt với nhau khi anh thợ hồ cho nước vào và trộn đều. Người viết chợt nghĩ nếu anh thợ hồ kia không đổ nước vào xi măng và anh ta cứ trộn đi trộn lại chất xi măng thuần túy thì nó có dính lại hay không? Câu trả lời cho cái kết quả rất đơn giản ấy là "không". Chất xi măng này hoàn toàn rời rã và không dính lại. Vậy có nghĩa là xi măng, chất dính liền nhau, nhưng cần phải có một chất xúc tác là nước. Từ những nhận xét trên, người viết tự hỏi. Vậy với con người thì chúng ta phải cần có những chất xúc tác nào để làm cho một đơn vị gia đình, một đoàn thể, một quốc gia, hay xa hơn nữa là một cộng đồng thế giới có được sự đoàn kết? Những yếu tố nào làm tan rã sự đoàn kết? Bất xứng danh, bất xứng lợi có phải là một trong những thành tố này chăng? Những câu răn dạy của tiền nhân như "Đoàn kết thì sống, chia rẽ là chết", hoặc bài học vỡ lòng về chuyện một bó đũa sẽ khó bị bẻ gãy hơn một chiếc đũa. Như vậy, đoàn kết đã có tự bao giờ? Nó được phát triển như thế nào theo với nền văn minh của nhân loại. Đoàn kết sẽ góp phần phúc lợi như thế nào trong thế kỷ 21, cũng như trên con đường dài của nhân loại để hiểu rõ tường tận cội nguồn, gốc rễ của hai chữ "đoàn kết", chúng ta phải lội ngược dòng thời gian, trở về với cái quá khứ của những ngày phôi thai trên quả địa cầu này. Những ngày tháng mà con người được tạo sinh và bắt đầu cuộc sống. Các hành trình tranh đấu với những khắc nghiệt của thiên nhiên như gió mưa, bão táp, lụt lội, sấm sét bệnh tật, đã làm cho con người vào buổi sơ khai có khuynh hướng hợp quần để tự bảo vệ, cũng như đôi khi họ cầu khẩn cho mùa màng, bệnh tật v.v... tất cả những sự hợp quần để mưu sinh như săn bắn, trồng trọt, hay chống lại với những loài thú dữ. Sự mưu sinh của những nhóm bộ

lạc này thường đụng chạm và xung đột quyền lợi với những bộ lạc khác. Do đó, họ thường đánh nhau để chinh phục kẻ yếu, và chiếm giữ những quyền kể trên. Từ những khởi đầu như vậy, con người thường đã có khuynh hướng hợp quần, đoàn kết với nhau để thực hiện chung một mục đích, một quyền lợi. Như vậy, đoàn kết nó dính liền với lịch sử hình thành của nhân loại, và nó là một yếu tố nội tại mà người viết vẫn tin rằng đáng toàn năng đã ban phát một cách đồng đều cho mọi sắc dân, mọi chủng tộc trên khắp thế giới. Sự đoàn kết có khác nhau giữa các chủng tộc, hay các đoàn thể có thể là do những yếu tố bên ngoài đã tác dụng và thúc đẩy. Đoàn kết và sự phát triển của nó phải được bắt đầu từ mọi người, mọi giới, từ trên xuống dưới. Trước hết, con người cần phải tìm hiểu và xác định một cách rõ rệt cái ý nghĩa thực sự của cuộc sống, cái ý nghĩa về sự hiện diện của con người trên mặt địa cầu này. Thật ra cho đến giờ phút này các nhà lãnh đạo tinh thần, các tổ chức nghiên cứu của nhiều quốc gia cũng đã cố gắng tìm hiểu cũng như chấp nhận một giải thích nào đó cho sự có mặt và ý nghĩa cuộc sống của nhân loại. Con người cần hiểu biết và xác định một cách rõ rệt rằng, chúng ta phải sống cho những mục tiêu cao cả. Sống cho nhân loại, sống cho quốc gia dân tộc, sống cho gia đình, sống cho những người thân yêu và cuối cùng là một chút sống cho bản thân của chúng ta. Hiểu rõ như vậy, mới thấy được cái tầm mức quan trọng của hai chữ "đoàn kết". Một quốc gia, một tổ chức, một tập thể v.v... Tất cả đều phải có những người lãnh đạo, chỉ huy. Chính những người này lúc nào cũng phải đi trước và thể hiện tinh thần đoàn kết. Tập thể nhân loại chung chung nó vẫn xoay tròn trong cái vòng lẩn quẩn của danh và lợi. Tranh danh nơi chính trường, tranh lợi nơi hợp chợ. Câu chuyện nho nhỏ

của vua Càn Long khi đi thị sát Giang nam, đến Dương châu, thấy một bến sông đầy thuyền bè đang chen chúc. Quay sang nhà sư đang đứng bên cạnh và hỏi rằng: khanh có đếm được trên sông kia có bao nhiêu chiếc thuyền không? Nhà sư không dẫn đo, không suy nghĩ, đã đáp: chỉ có hai chiếc, một chiếc thuyền danh, một chiếc thuyền lợi. Câu trả lời của nhà sư đã cho thấy một cách bao quát hai chữ danh lợi, cái mục tiêu chính, cái động lực chính đã khiến cho con người khổ sở, vật lộn để đeo đuổi và tìm kiếm. Danh không phải xấu tất cả, lợi cũng vậy. Danh phải được xây dựng trên một căn bản vững chắc. Ngoài cái tài làm cảm phục người khác. Cái đức, cái nhân, cái nghĩa, cái lễ, cái tín, phải được học tập, trau dồi. Cái nhân, bao trùm tình thương yêu đồng loại, con người kỷ sở bất dục vật thi ư nhân. Cái mình không thích thì đừng đẩy cho người khác. Mình muốn đứng thì cũng phải để cho người khác đứng. Cái gì mình muốn làm cũng phải để cho người khác cùng làm, không thể giành hết phần cho ta được. Phải hiểu người khác, và nghĩ đến người khác. Mình sống thì cũng phải để cho người khác cùng sống. Đứng ngay, đứng thẳng, đứng hiên ngang mang cái chính khí, cái nghĩa với đồng bào, với dân tộc, với bạn bè, với người thân. Không luôn cúi, nịnh bợ, bè phái, phe đảng. Dựa thế, dựa thân, sống như cây "tầm gửi" để mua lấy cái danh bất xứng, hèn hạ. Cái bệnh chung của con người là không bao giờ nhìn thấy mình, chỉ có thấy người khác, lúc nào cũng mang trên người hai cái túi. Cái túi ở trước ngực đựng đầy cái xấu của thiên hạ và cái túi sau lưng dùng để cất dấu cái xấu của mình. Câu chuyện lưu danh của Nhạc Phi và Tần Cối đã cho thấy một cách rõ rệt. Nhạc Phi trung trinh báo quốc đã được dân chúng thương cảm, mến phục và lập miếu thờ ở Hàng Châu. Tần Cối bán nước

hãm hại dân lành đã làm cho người đời oán hận, đã tạc tượng để phỉ nhổ và nguyên rủ. Cách đây vài năm, người viết đã có dịp ghé đến miếu và mộ của Nhạc Phi. Trong lúc đang đứng nhìn nắm mộ cỏ xanh và miên man suy nghĩ, chợt người bạn gốc Hoa đứng bên cạnh cất tiếng hỏi người viết rằng: Anh có bao giờ ăn bánh "giò cháo quẩy" chứ? người viết trả lời là đã ăn rất nhiều lần. Người bạn hỏi tiếp: Vậy anh có biết cái loại bánh mà anh đã ăn đó có liên quan đến nắm mộ này không? Giật mình, người viết thật hồ thẹn với cái kiến thức kém cỏi của mình. Bánh giò cháo quẩy được làm bằng bột, có hai mảnh xoắn vào nhau và chiên trong chảo dầu lớn. Thật giản dị nhưng thật sự nó đã gắn liền một phần với lịch sử của Trung Quốc. Tần Cối, gian manh, bán nước hãm hại dân lành, đã bị dân chúng dùng bột tạo thành hình của hai vợ chồng xoắn lại với nhau để chiên trong chảo dầu, và trở thành một thức ăn thông dụng trong dân gian cho đến ngày nay. Tiếp với chữ danh thì khoan dung, độ lượng và một trong những đặc tính của người cấp trên, người chỉ huy có thể dùng để tạo được tinh thần đoàn kết. Khoan dung với người khác, khoan dung với chính mình và khoan dung với tất cả. Khoan dung là tinh thần độ lượng, biết tiếp nhận ý kiến của người khác, đôi khi những ý kiến này có thể nghịch và trái với ý mình. Phải biết nhìn thấy được chính mình, làm chủ được bản tâm của mình thì tinh thần khoan dung độ lượng mới được thể hiện một cách chính xác. Xử thế cẩn trọng cũng là một trong những yếu tố có thể giúp phát triển tinh thần đoàn kết. Suy nghĩ chín chắn. Nhìn sự việc ở cả hai mặt phải và trái. Thông thường, một số người lúc nào cũng thấy mình cao hơn người khác mặc dù trên thực tế thì ngược lại. Để cảm thấy mình cao hơn, họ thường rón đứng nhón gót, và vì đứng nhón gót lâu ngày

nên họ quên mất cái gốc gác thật sự của họ, nên cứ tưởng rằng mình đã thật cao hơn người khác. Tinh thần đoàn kết còn có thể được xây dựng trên một "nhân cách cao quý", lấy cái nghĩa, quên cái lợi, bao gồm sự tôn trọng, sự tự nhận thức bản thân, sự thể hiện giá trị của mình. Nhân cách cao quý sẽ không cậy tài lên mặt, coi thường người khác, mà là một tinh thần trách nhiệm xã hội rõ rệt. Sống cho đúng cái nhân cách, sống cho đáng sống, và chết cho đáng chết, mà thể hiện rõ rệt nhất là hai câu nói của Mạnh Tử: "Sở đức hữu thậm ư sinh giả" và "Sở ác hữu thậm ư tử giả". Công minh, rõ ràng minh bạch trong mọi vấn đề sẽ giúp cho mọi người gần gũi và thông hiểu nhiều hơn. Đoàn kết đã mang đến hưng thịnh cũng như điêu tàn cho nhiều quốc gia, triều đại. Một nền văn minh được phát triển mạnh mẽ. Một quốc gia bị xóa tên trên bản đồ thế giới cũng dính liền với hai chữ đoàn kết. Có ai về Ninh Thuận, có ai đến Nha Trang? có ai ghé Bình Định, Quảng Nam với thánh địa Mỹ Sơn còn đó. Đâu rồi một nền văn minh của dân tộc Chăm-pa? Đâu rồi những thời vàng son của Bradravarman, Rudravarman, Indrapurá, Viyara? Còn lại chẳng chỉ là những ngôi tháp cổ với các dấu vết của hoang phế, rong rêu. U buồn theo dòng thời gian để khóc than cho một dân tộc. Đâu rồi một Chế Bồng Nga? Hay chỉ còn lại là những đoàn ma hời. Đêm đêm dất nhau tìm về cố quốc. Trong bóng đêm, đoàn ma hời đã không những lục lọi, tìm kiếm khắp các thành quách, đền đài để tìm lại một di vật quý báu mà Tổ tiên, cha ông của họ đã để lại. Bảo vật này không gì khác hơn là một tập sách mỏng, trong đó có ghi một hàng chữ Chăm-pa, dịch ra tiếng Việt của chúng ta là hai chữ "Đoàn kết". Lạnh mình, người viết như chợt tỉnh một chơn mê. Cảm thương người và cũng cảm thấy thương ta. Thương bà con, thương bạn

bè, thương cho những người Việt tha hương trên khắp mọi nẻo đường thế giới. Người viết xin nguyện cầu với tiền nhân, với hồn thiêng sông núi, hãy giúp cho tập thể người Việt tha hương, một ngày nào đó, sẽ không trở thành những con ma Việt, để đêm đêm lại nối gót theo đoàn ma Chấm, tìm về cố quốc, và lại lục lọi từ cố đô cho đến mọi hang cùng, ngõ hẻm, để tìm lại cái bảo vật mà tổ tiên, cha ông của chúng ta để lại. Bảo vật này cũng chỉ là một tập sách mỏng, gồm vồn vẹn có hai cữ đồng nghĩa với tập sách của người Chàm.

Mùa Thu 2001  
NGUYỄN AN PHÙNG

## LUI VỀ CHÍ LINH

*Cất bước lên đường xa cố hương  
Vào sinh ra tử sống xem thường  
Nghĩa âm còn nặng thân mười thước  
Sương gió chưa tàn mộng bốn phương  
Cơ cực rau khoai ăn chẳng tủi  
Điều tàn sông núi nghĩ mà thương  
Lam Sơn nuôi chí trừ Minh tặc  
Vó ngựa dặm ngàn giữ vững cương*

TỨ ĐỨC

# BA HOA

*Hoa nào hẹn nở ngày sau, (1)*  
*Truyện xưa, gió tuyết, khẩn cầu nở thêm ?*

*Hoa nào thích nở về đêm? (2)*  
*Hoa nào chỉ tại vì tên nặng mùi? (3)*

*Hoa nào giờ tốt sánh đôi? (4)*  
*Hoa nào tối đến cho đời lên hương? (5)*  
*Hoa nào chúc thọ vô cương? (6)*  
*Hoa nào tìm vỡ, máu hồng nhớ không? (7)*

*Hoa nào cười cợt gió đông, (8)*  
*Để chàng thi sĩ tư vương thần thờ?*  
*Hoa nào đem cúng bàn thờ? (9)*  
*Hoa nào tinh khiết chẳng dơ lấm bùn? (10)*

*Hoa nào tình tỏ với nàng, (11)*  
*Mặc chông gai vẫn một lòng đắm say?*  
*Hoa nào ngàn dặm trải dài? (12)*  
*Hoa nào e lệ thẹn thay người đời? (13)*

*Hoa nào hướng phía mặt trời? (14)*  
*Hoa nào Tết đến giục người điểm trang? (15)*  
*Hoa nào loan báo thu sang, (16)*  
*Vàng in sắc áo cho chàng giặt giặt?*

*Hoa nào bán được mới hay? (17)*  
*Hoa nào thơm phức tóc cài dễ thương? (18)*



*Hoa nào thắm đỏ bên đường  
Mùa thi thôi thúc, bãi trường chia phôi? (19)*

*Hoa nào, như giả, nhiều gai? (20)  
"Chi hoa vương giả" nào đây sách tâu? (21)  
Hoa nào gọi phận cây cao, (22)  
Nắng mưa nấp bóng, thanh tao nép mình?*

*Hoa nào giác ngộ chúng sinh? (23)  
Hoa nào thích quá rung rinh cửa nhà? (24)  
Hoa nào nức tiếng gần xa? (25)  
Hoa nào đẹp nhất, ai mà chẳng mơ? (26)*

*Hoa nào làm khó nhà sư? (27)  
Hoa nào rờ bậy ở tù cũng ưng\*? (28)  
Hoa nào nở rộ sáng trưng? (29)  
Hoa nào có được danh lừng bốn phương? (30)*

*Hoa nào đưa lối dẫn đường? (31)  
Hoa nào lỡ dính nhà thương tới hoài? (32)  
Hoa nào vòng xếp trong ngoài, (33)  
Tiễn người đi trước, bỏ lui chuyện đời?*

*Hoa nào không tươi vẫn tươi? (34)*

**TRẦN KIM VÂN**

Xin xem giải đáp ở trang cuối.

## ĐÀN XƯA

*Nhớ tiệc Tiên Đường rỉ máu tay  
Đàn xưa lỗi hẹn bấy lâu ngày  
Cung trầm đáy nước chiêu hồn khách  
Điệu lừng lừng trời hạt cánh bay  
Biền biệt chiêu xưa tin nhận vắng  
Ngẩn ngơ chiếu rượu lệ vơi đầy  
Lạ gì dạ kẻ chuyên lừa đảo  
Đại nét son tô bút điểm mày*

TRẦN QUỐC SÙNG

## BÊN BỜ SÔNG VỊ

*(Họa bài Đàn Xưa)*

*Lui ẩn khi cờ chưa đến tay  
Bên bờ sông vị sống bao ngày  
Năm tàn mắt dôi trông tin nhận  
Tóc bạc sử dôi đợi hội mây  
Rượu uống đã vơi sao chưa ấm  
Sầu đông càng lắc lại thêm đầy  
Chiều trời bóng xế soi lòng nước  
Nhác thấy chòm râu chạy hổ mày*

TU ĐỨC

# MỘT SỐ NHẬN ĐỊNH VỀ BÀI VIẾT CỦA ÔNG NGUYỄN GIA KIỂNG

LÝ MINH ĐẠO

Kính gửi ông Nguyễn Gia Kiểng

Kính thưa ông,

Sau khi đọc xong bài viết của ông, đăng trên tuần báo Thời Luận số ra thứ 6 ngày 12 tháng 5 năm 2000 với đề tài: "Để Lịch sử đừng lặp lại". Tôi ghi nhận 4 vấn đề cần được ông làm sáng tỏ; tôi đi thẳng vào đề ngay.

Thứ nhất: Vấn đề lịch sử.

Vấn đề lịch sử mà ông nêu lên liên quan đến triều đại nhà Nguyễn Tây Sơn. Một khi viết về Lịch Sử Dân Tộc, trước tiên ông phải theo đúng tôn chỉ của nó: Công bằng, chính xác và trung thực; đúng, sai, công, tội, phải được phân minh. Cái mà ông gọi là: "Loạn quân Tây Sơn, một đám loạn quân thuần túy ..." cai trị một cách tàn bạo để rồi cuối cùng cũng bị tiêu diệt một cách tàn bạo". Là do ông viết ra hay trích ra từ một tài liệu lịch sử nào, sách vở nghiên cứu nào, sao không thấy ông dẫn chứng, sách tên gì, tác giả là ai, hàng thứ mấy, dòng nào và ngày, tháng, năm nào? Lịch sử không phải là Dã sử, Hoang sử hay phiếm sử, muốn ghi gì thì ghi, muốn chép gì thì chép, phải, trái, trắng, đen lẫn lộn. Ông mạ lỵ, bôi nhọ và xuyên tạc lịch sử. Đây là một trọng tội bởi lẽ mạ lỵ, chà đạp lịch sử là chà đạp, mạ lỵ Đất nước, là chà đạp, mạ lỵ Dân tộc.

Ông nên nhớ rằng, triều đại nhà Nguyễn Tây Sơn chỉ trị vì có 24 năm (1778-1802) chứ không phải 30 năm như ông đã nói, là một triều đại, "VỀ VANG, HUY HOÀNG

HIỂN HÁCH" trong lịch sử bốn ngàn năm "Dựng Nước và Giữ Nước" của Dân tộc Việt Nam. Quang Trung Hoàng Đế là một bậc Đế Nhất Anh hùng, Dân tộc không một ai có thể phủ nhận được, ngay chính cả kẻ thù của Dân tộc Việt Nam.

Ông Kiểng, ông là con dân Việt Nam thuần túy, hay là ông mang dòng máu lai căn, mất gốc, quên hết cội nguồn dân tộc, phản bội Tổ tiên, bôi nhọ, xuyên tạc lịch sử ăn nói quàng xuyên, viết lách nông nổi. Lời nói là một đội máu (nhất ngôn ký xuất, tứ mã nan truy), cho nên phải uốn lưỡi bảy ln trước khi nói ra, ngoài ra ông chớ quên rằng: "hàm huyết phún nhân tiên ông tự khẩu".

Lịch sử Việt Nam là Lịch sử của một dân tộc kiên cường, bất khuất, những trang lịch sử oai hùng của dân tộc nào là: Đấng Đa, Bạch đằng, Vạn kiếp, nào là Yên Thế, kỹ hòa, Định Tường. Là những trang lịch sử vẻ vang, viết lên bằng MÁU, bằng XƯƠNG của hàng triệu, triệu con dân Việt ngã xuống để cho Tổ quốc, để cho Quê hương được sống còn, để cho Dân tộc được tồn tại trong đó có chúng ta. Ông là người vô ơn, bội phản. Ông Kiểng, ông là ai, lấy tư cách gì mà chà đạp "Lịch sử, ông là ai, nhân danh cái gì mà bôi nhọ, xuyên tạc lịch sử. Dân tộc Việt Nam quyết không dung tha cho bất cứ kẻ thù nào xúc phạm đến lịch sử dân tộc. Ở một đoạn khác ông ghi rằng: "Ba mươi năm Tây Sơn đã là một đại họa cho nước ta, đói kém, chết chóc v.v..." Ông Kiểng, ông có biết rằng trong suốt dòng lịch sử Việt Nam chưa có một vị vua nào hiên ngang đòi lại hai tỉnh Lương Quảng của nhà Thanh đồng thời đòi cưới hỏi Công Chúa của Thanh Triều làm thế thiếp; duy chỉ có Quang Trung Đại Đế mà thôi. Hai đòi hỏi trên đã được vua Càn Long nhà Thanh chấp thuận. Công việc đang tiến hành tốt đẹp, thì sứ thần Vũ Văn

Dũng được hung tin cấp báo Hoàng Đế băng hà. Bất hạnh thay! Tài hoa mệnh yếu, mộng lớn không thành, đại cuộc vỡ tan, để lại trong lòng con dân Việt bao nỗi đau thương, niềm nuối tiếc về một bậc Anh Hùng, áo vải Tây Sơn, cờ đào cứu nước, Bắc phạt, bình Nam, kỳ tài kiệt xuất, suốt bốn ngàn năm lịch sử xuất hiện chỉ một lần thôi.

### **Thứ hai: vấn đề Khổng Giáo.**

Ông cho rằng: "Thật là khờ khạo mọi trí thức quốc gia trong cũng như ngoài chính quyền đều đề cao Khổng Giáo mà họ không ý thức được rằng họ đang gián tiếp tuyên truyền cho cộng sản bởi lẽ Chủ nghĩa cộng sản là một thứ Khổng Giáo cải tiến".

Trước tiên tôi xin thưa với ông rằng, trí thức Quốc gia không khờ khạo, u mê như ông tưởng, họ đề cao Khổng Giáo là có luận cứ, là có nền tảng vững chắc rõ ràng, bởi lẽ Khổng Giáo là một tôn giáo như bao nhiêu tôn giáo khác. Khổng Giáo đặt nền tảng trên một học thuyết nhân bản; đó là học thuyết NHÂN ÁI, một học thuyết vị tha vô lượng, vô biên, tuyệt vời; có khác chi Bác ái bên Thiên Chúa Giáo, có khác chi từ bi bên Phật Giáo?

Khổng Giáo đặt nặng vấn đề đạo đức cá nhân, lấy nhân sinh, lấy xã hội luôn cứu cách. Khổng Giáo ít chú tọng đến thần linh, đến siêu hình. Làm người chưa xong, thì đừng mong cầu đến Thượng Đế, đến Trời Phật. Khổng Giáo chú tâm đến con người, nhưng con người có nghĩa có nhân, có trung, có hiếu, có hòa, có tín, như chúng ta đã biết, tự cổ chí kim, từ đông sang tây, biết bao nhiêu người mang hình vóc con người mà tâm địa họ có khác chi loài cầm thú; bất trung, bất nghĩa, bất nhân, bất hiếu, bất hòa, bất tín. Chính vì thế mà Đức Khổng phu tử luôn đề cao vấn đề "Tu thân", bởi lẽ chỉ có tu thân mới giảm thiểu tối

đa được những đam mê, những cám dỗ thấp hèn, để trở nên con người hoàn thiện, hoàn mỹ, làm việc thiện rất khó, làm việc ác rất ư dễ dàng, làm việc thiện một đời không đủ, làm ác một khắc có dư. Do đó Khổng tử luôn khuyên răn con người: "Nhất nhật tam tỉnh ngộ thân." Như thế vấn đề TU THÂN quan trọng đến mức độ nào.

Mặc khác, Tu thân là phương thức cải tiến xã hội tốt nhất là hiệu quả nhất, do bởi con người có cải tiến thì xã hội mới cải tiến theo; xã hội là gì nếu không phải là một tập hợp của nhiều con người. Xã hội sẽ cải tiến từ xấu ra tốt, từ loạn ra trị, từ suy ra thịnh v.v... Tu thân không xong thì đừng bao giờ nghĩ tưởng đến Tề gia, càng không bao giờ dám nghĩ đến trị quốc, bình thiên hạ.

Con người là nhân tố quyết định xã hội, xã hội thịnh hay suy, tồn hay vong, tốt hay xấu là tùy thuộc hoàn toàn vào mỗi cá nhân, vào mỗi công dân của xã hội đó. Con người tốt xã hội sẽ tốt, con người xấu xã hội không thể nào tốt đẹp được, đây là lẽ đương nhiên.

Cuộc sống của xã hội loài người là một cộng sinh, hỗ tương và hòa hợp; nếu thế thì tại sao con người lại đố kỵ, thù hận, cuối cùng đến chiến tranh tàn sát lẫn nhau. Chiến tranh là gì? Nếu không phải là người ăn thịt người, mà nguyên nhân chủ yếu là phát xuất từ lòng tham lam, ích kỷ, tư lợi hẹp hòi nhỏ nhen mà ra. Bác ái, Từ bi, Nhân ái là phương thuốc nhiệm mầu để chữa trị con bệnh trầm kha tham lam, ích kỷ đó; nếu thế thì Khổng Giáo có còn là lỗi thời, lạc hậu, thoái hóa hay không như một số người ác ý đã gán ép cho nó.

Ông Kiểng, ông cho rằng: "Chủ nghĩa cộng sản là một thứ Khổng Giáo cải tiến". Thật sự mà nói, một người có học như ông, một người có tầm cỡ, mà lại so sánh một cách què quặt, hoang tưởng và thiếu luận lý như vậy

không thể nào chấp nhận được, ông lấy râu ông nấy cắm cầm bà kia, một cách gượng ép, miễn cưỡng; nếu không muốn nói là ấu trĩ, sơ đẳng; bởi lẽ Khổng Giáo mà cộng sản là hai đối kháng quyết liệt, một bên là Hữu thần, còn một bên là Vô thần, Hữu thần lấy nhân trị làm gốc, Vô thần lấy sắt máu làm tiêu chuẩn. Bản chất và mục đích của hai học thuyết khắc kỵ nhau như nước với lửa; Khổng Giáo là Vương đạo, còn Cộng sản là Bá đạo.

Ông Kiểng, nếu ông muốn nghiên cứu về Khổng Giáo một cách sâu sắc, tường tận, ít nhất ông phải mất hàng chục năm trở lên. Tinh hoa của Khổng Giáo là ở triết lý, cái mà ông nêu ra không phải là hình thức, lễ nghi bên ngoài, cái mà ông nêu ra nó chỉ là hiện tượng, là thủ thuật, là pháp thuật mà bọn Đường, Tống, Minh, Thanh nhò hầu hết bọn họ là theo phái pháp gia, đứng đầu là Hàn phi Tử, áp dụng với mục đích, biện minh cho lý do cai trị của họ mà thôi, ông phải phân định rõ ràng các hệ phái này, để tránh khỏi những lầm lẫn tai hại.

Vào các thời đại kể trên, Khổng Giáo bị khống chế, tinh hoa của Khổng Giáo bị bóp méo, bị xuyên tạc bởi các thế lực pháp gia đang thịnh hành, hầu hết các vua chúa lúc bấy giờ đều áp dụng, hình luật, pháp luật để trị nước an dân, bọn họ lúc đầu rất được sùng ái, được tôn sùng. Nhưng cuối cùng đều bị tiêu diệt đến thảm hại như Ngô Khởi tứ chi bị chặt đứt, Thương Ưng bị ngũ mã phân thân, còn Hà Phi Tử cũng không thoát khỏi thông lệ này, bị bắt buộc uống thuốc độc mà chết.

Theo Khổng Giáo làm người không phải chỉ sống cho riêng cá nhân mình, mà còn phải sống cho tha nhân, cho nhân quần xã hội. Có yêu thương người thì mới lo lắng, giúp đỡ người; có yêu thương người như chính yêu thương

bản thân mình thì mới dám hy sinh cho người, cuộc sống như vậy mới trọn vẹn và có ý nghĩa.

Ngũ luân: "Quân thần, phụ tử, phu thê, huynh đệ, bằng hữu."

Ngũ thường "Nhân, Nghĩa, Lễ, Trí, Tín".

Ngũ luân, ngũ thường là những giềng mối, là những khuôn mẫu, những qui ước, những nguyên tắc sống làm nền tảng cho một xã hội, một xã hội có kỷ cương, có trật tự, muốn được thế thì thượng phải chính thì hạ mới nghiêm trái lại Thượng bất chính thì hạ tắc loạn. Học thuyết Khổng Giáo là một học thuyết NHÂN BẢN; trải qua gần hai ngàn năm trăm năm mà cho mãi đến bây giờ vẫn còn giá trị tuyệt đối của nó. Chính Tây phương giờ đây cũng quay về nghiên cứu triết học Đông phương để giải tỏa những bế tắc mà họ gặp phải, đây là một minh chứng hùng hồn.

Khổng Giáo chú trọng đến nhân sinh, đến con người con người hiện tại, tất cả chỉ có hiện tại còn tương lai thì mờ mịt biết bao giờ đến. tất cả chỉ có hôm nay và bắt đầu từ hôm nay. Hãy vui hưởng những cái gì mình hiện có, đừng nuối tiếc quá khứ, đừng mơ ước quá nhiều về tương lai mà đánh mất hiện tại. Hãy làm tất cả với sức lực của mình, với con tim và khối óc của mình; ngoài khả năng của con người, ngoài tầm với của con người, điều tốt nhất là vui vẻ chấp nhận. Có thể ta mới có được một cuộc sống an bình và hạnh phúc.

Ở một đoạn khác, ông chép rằng: "Sở dĩ đất nước ta ngày nay nghèo nàn lạc hậu và trì trệ là hậu quả của việc đề cao Khổng Giáo và áp dụng Khổng Giáo". xin thưa với ông rằng, con người là nhân tố quyết định xã hội, học thuyết hay chủ nghĩa dù có hay có tốt đẹp đến mấy, cũng chỉ là phương tiện, là công cụ để thực hiện mục đích cai



trị mà thôi. Chúng ta phải vô tư và công bình thừa nhận rằng sau triều đại nhà Nguyễn Tây Sơn, đất nước ta không có được một vị minh quân, hay một nhà lãnh đạo tài ba lỗi lạc để đối phó với mọi tình huống chuyển biến dồn dập trong và ngoài nước; vì thế mà đất nước ta ngụp lặn trong nghèo đói, dốt nát và lạc hậu triền miên. Đất nước nếu may mắn có được một nhà lãnh đạo, đức trọng tài cao thì đất nước sẽ giàu mạnh và con dân sẽ ấm no hạnh phúc, bằng ngược lại, gặp phải người lãnh đạo tài hèn, đức mỏng thì đất nước sẽ lầm than và muôn dân sẽ thống khổ. Lịch sử Việt Nam đã chứng minh điều này. Chính vì thế mà Thiên Chức và trọng trách của người lãnh đạo quốc gia hết sức nặng nề nhưng cũng hết sức vinh quang. Là người lãnh đạo, tài đức phải song toàn, có đức mà không có tài là người ngu, chẳng làm nên tích sự gì, có tài mà không có đức là kẻ ác, chỉ làm hại thiên hạ và làm loạn xã hội mà thôi. Thiết nghĩ ông nên đọc kỹ Tứ thư, ngũ kinh đặc biệt trung dung và kinh dịch để có được một cái nhìn sâu sắc và chính xác vì Khổng Giáo.

### **Thứ ba: Vấn đề chính trị.**

Ông cho rằng: "Đất nước ta ngày nay, nghèo nàn, lạc hậu trì trệ là do thiếu vắng lý tưởng chính trị, không có lý tưởng chính trị thì không có nhân sự chính trị".

Vấn đề chính trị hay nói rộng ra là vấn đề trị nước, an dân; không phải cho mãi đến bây giờ mới bắt đầu, mới thực hiện mà nó có tự ngàn xưa, từ khi loài người ở trong trạng thái ban sơ Bộ Lạc, bộ tộc hay gần hơn từ thời Tam hoàng ngũ đế, từ thời Hùng Vương dựng nước; con người đã biết làm chính trị rồi. Tổ tiên ta ngày xưa đâu có cần lý tưởng chính trị, học thuyết chính trị nào mà vẫn cai trị đất nước một cách đường hoàng, qui cũ, tạo nên những triều

đại vẻ vang, hiển hách làm vang danh Tổ quốc, Quê hương, làm cho kẻ thù phải khuất phục, lân bang phải nể vì.

Người làm chính trị không nhất thiết phải trang bị cho mình một lý tưởng, một học thuyết hay một chủ nghĩa, chính trị, mà điểm chính cần phải quan tâm là "MỤC ĐÍCH" của chính trị là gì? Có nghĩa là chính trị phục vụ cho "AI"? và phục vụ cho "QUYỀN LỢI" nào? Nếu chính trị để phục vụ cho Dân tộc, cho Đất nước ngàn đời vẫn đứng, ngược lại, chính trị để phục vụ cho Đảng phái, Tôn giáo, gia đình, cá nhân là hoàn toàn sai, cho dù lý tưởng, học thuyết, hay chủ nghĩa có tốt đẹp và tuyệt vời đến mấy cũng chỉ là mớ giấy lộn hay rác rưởi mà thôi. Làm chính trị theo cách thức của ông là chính trị kinh điển, sách vở, không thực tế, hoang tưởng, ông lại đi vào vết xe cũ, thất bại là điều hiển nhiên không thể tránh được.

Chính trị ngay từ nguyên ngữ cũng đã nói lên được ý nghĩa của nó; một cách đơn giản: Chính là phải trị là làm, làm phải là làm chính trị, làm sai làm quấy không phải là chính trị. Như vậy làm phải là làm thế nào để được gọi là chính trị.

Nếu là dân tộc, là quốc gia thì phải đặt Dân tộc, Quốc gia lên trên hết là phải. Tôn giáo, đảng phái, địa phương gia đình không được đứng trên Dân tộc, trên Quốc gia. Nếu là một triều đại thì vua phải cho ra vua, quan cho ra quan, thần dân cho ra thần dân là phải, nếu là gia đình thì cha phải ra cha, con phải ra con, vợ cho ra vợ, chồng cho ra chồng v.v... Mỗi cá nhân, mỗi con người phải giữ đúng vị trí và thiên chức làm người của mình, kỷ cương gia đình, tôn ti, trật tự xã hội trên, dưới phân định rõ ràng, luật pháp nghiêm minh thì làm gì xã hội không ổn định, đất

nước không an bình thịnh trị, thế giới không hòa bình an lạc.

Hầu hết các giới lãnh đạo quốc gia Đông, Tây, kim cổ, thường coi dân như cỏ rác, họ quên rằng chính họ cũng từ trong dân mà ra, họ là một phần tử của xã hội như bao nhiêu phần tử khác. Lúc còn hàn vi, công chưa thành, danh chưa toại, họ gần gũi dân; nhưng khi có được áo, mũ, cân đai, ngựa, xe, võng, lọng họ tách mình ra, xa dân đến vạn dặm; biến dân thành kẻ, tôi đòi, lúc ấy chính họ là kẻ thù của dân. Người làm chính trị cần phải khắc phục nhược điểm này. Mạnh tử, một bậc Á thánh đã nói: "Dân vi quý, xã tắc thứ chi, quân vi khinh." Đây là một tư tưởng, một lý thuyết Dân chủ tiến bộ tuyệt vời, cách đây gần hai mươi lăm thế kỷ mà mãi cho đến ngày hôm nay nhiều quốc gia trên thế giới chưa lãnh hội được, nói chi đến áp dụng, thực hiện. Mạnh Tử xứng đáng là Vạn thế sư biểu về chính trị, chỉ cần học hỏi ở ông ta là quá đủ rồi, khỏi cần phải lao tâm, nhọc sức tìm kiếm một lý tưởng một học thuyết chính trị. Đây là một bảo vật chính trị mà ông cần có: hãy nắm lấy nó, nghiên cứu kỹ càng rồi áp dụng. Ông Kiểng, quả thật ông là người ngủ mê giữa ban ngày.

### **Vấn đề cuối cùng: Tôn giáo**

Ông cho rằng vào thế kỷ 17, Công Giáo Việt Nam chiếm 10% dân số, thành thật mà nói, vào thời kỳ ấy, Thiên Chúa Giáo Việt Nam chưa phát triển được mấy, mới bắt đầu; thế kỷ 17 đất nước ta vào thời kỳ Vua Lê, Chúa Trịnh, thời kỳ ban sơ Trịnh Nguyễn phân tranh, ngay cả trong hiện tại Thiên Chúa Giáo cũng chưa chiếm được 10% dân số hưởng hồ vào thời buổi ấy, cách nay

những ba thế kỷ. Đây là một sự phóng đại quá đáng; nên xem xét lại.

Ngoài ra, đã gọi là tôn giáo mà nền tảng là Niềm tin, là "đức tin, thì không có vấn đề phê phán đúng, sai mà là vấn đề tin tưởng hay không tin tưởng mà thôi. Chúng ta có quyền tin tưởng tôn giáo đồng thời chúng ta cũng có quyền không tin tưởng tôn giáo, nhưng tuyệt đối chúng ta không nên phản bác, đả kích bất cứ tôn giáo nào, đó là một sai phạm lớn, nên tránh.

Vấn đề tôn giáo là như vậy; song vấn đề lịch sử liên quan đến tôn giáo lại là vấn đề khác cần phải được chứng minh rõ ràng, bởi lẽ lịch sử là nhân chứng ngàn đời của mọi biến cố, lịch sử còn là những dữ kiện chính xác, đáng tin cậy; đã gọi là dữ kiện thì phải có luận cứ, phải được dẫn chứng minh bạch.

Với nhận xét thô thiển của tôi, bài viết vừa rồi của ông mang tính chất phóng túng, hư cấu, hoang tưởng, đôi khi còn tỏ ra cực đoan, lập dị, biểu lộ thái độ bất chấp dư luận, xem thường độc giả.

Nói nhiều thì sai nhiều, viết nhiều thì nhầm lẫn nhiều, xin mượn câu nói của Lão Tử để kết thúc bài viết của tôi: "Tri giả bất ngôn, ngôn giả bất tri". Xin thành thật cảm ơn - Chúc Ông khỏe và Đại gia đình bình an.

Thân ái chào Ông,  
Cali ngày 14 tháng 5 năm 2000  
**LÝ MINH ĐẠO**

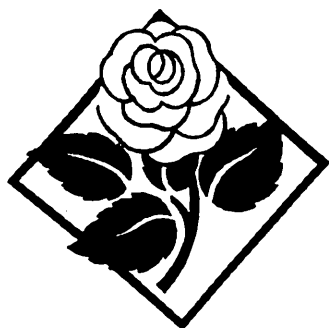
# BỂ KIẾM BÊN TRỜI

*Từ độ bên trời bể kiếm  
Xếp cánh Bằng theo gió về xuôi  
Nửa đời ngang dọc thôi đành bỏ  
Về lại vườn xưa chuyện đã rồi  
Đóng kỹ thành khung phong kiếm lại  
Đan lồng nhốt chặc ước mơ thôi  
Nơi đây cả một trời trăng gió  
Cũng đáng cho ta phí nửa đời  
Khi buồn trở lại quê nhà cũ  
Gầy lại lò hương sưởi tức lòng  
Vì ta nàng hát câu Tương Vĩ  
Tĩnh say trời đất cũng bằng không.*

**THỨ TRANG**

Tàn thu 1976

(Trong tập Về Quê Mẹ)



Cái cứu cánh vĩ đại của đời không phải là kiến thức mà là hành động.

**Huxley**

# LUNG LINH GIỌT LỆ



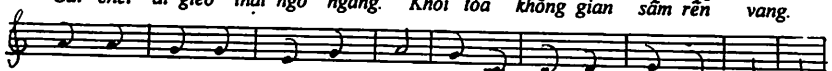
Ánh nèn lung linh giọt lệ trào. Máu chảy ruột mềm bởi vì đâu?



Tiếng than kêu cứu thật ai oán! Đồi tháp chôn vùi vạn sinh linh.



Cái chết ai gieo thật ngỡ ngàng. Khói tỏa không gian sấm rền vang.



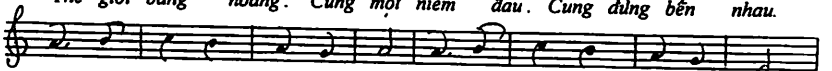
Cánh sắt như điên cuồng say máu. Sát hại nhân sinh quá bạo tàn!



Con mái cha. Vợ mái chồng. Mẹ già khóc mái đầu xanh lia đời.



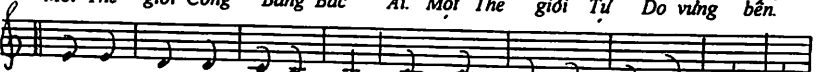
Thế giới băng hoăng. Cùng một niềm đau. Cùng đứng bên nhau.



Một Thế giới không còn khổ đau. Một Thế giới không còn hận thù.  
 Một Thế giới xây dựng niềm tin. Một Thế giới chung xây hòa bình.



Một Thế giới Công Bằng Bác Ái. Một Thế giới Tự Do vững bền.



Ánh nèn lung linh giọt lệ mơ. Thảm cảnh đau lòng da ngàn ngờ.



Tiếng hát câu kinh, hồn siêu thoát. An giấc nghìn thu nơi vĩnh hằng.  
 Tiếng hát câu kinh, hồn siêu thoát. Thôi nhé bụi tro một kiếp người.

Sáng tác Hỷ niệm đêm tốt nghiệp  
 câu nguyện vọng nhân nhân cuộc kháng B' 9.11

Xuân Diễm

# AI CA

Thơ: Linh Cường, Nhạc: Nguyễn Đình Côn

"Năm xưa con ở quê nhà, giờ đây lại thôi"  
côi xa mít mủ... Dù đã biết lâu du một  
kiếp, nầy chiều xuân nầy kiếp đêm buồn. Nụ cười  
ai giờ được luôn, "bình ty tư biệt" tâm tuyền nhân gian.  
Mà sao, mà sao vẫn lệ tràn thướt mắt! Hồn  
vẫn ở se dạt con tim. Phải chăng vẫn biết đau tim?  
Nhưng này đây củ đã chín giồng thời." Cha tôi già biết  
cuộc đời, ba và một mình mẹ tôi. Cha luôn  
xót xa nghẹn lời. Đau thương tăng vấp lên tôi ...

# CHUYỆN MA ÁM

HOÀNG THẾ DIỆM

Sau khi tốt nghiệp khóa sĩ quan cảnh sát, tôi được chuyển về Ty Cảnh Sát Bình Định. Cũng nhờ đậu khá cao, nên tôi được nhận nhiệm sở tại Quy Nhơn. Bước đầu, tôi chỉ vào một mình nhận việc, để vợ con ở lại Huế.

Tôi thuê một căn nhà nhỏ nhìn ra đầm Thị Nại. Trong nhà chỉ có một cái giường bố, một bộ bàn nhỏ với hai cái ghế cũ. Hằng ngày, tôi ăn cơm trưa ở câu lạc bộ Ty Cảnh Sát, chiều ra quán. Đời sống rất tạm bợ. Vợ tôi đang tìm cách nhờ người bà con "chạy" cho tôi đổi về gần nhà; do đó tôi cũng không nghĩ đến việc đem vợ con vào sống ở Quy Nhơn.

Công việc của tôi cũng thay đổi luôn: Khi thì làm ở văn phòng Ty, khi thì tăng cường cho các Chi Cảnh Sát ở quận, xã; do đó tôi có dịp đi xa thành phố.

Một hôm, có công việc, tôi phải mặc thường phục, lấy xe đồ đến công tác tại một xã vùng ranh Bình Định - Phú Yên. Trên chuyến xe, tôi ngồi gần một người con gái. Xe chật, thoát đầu tôi cố tránh, nhường chỗ cho cô gái, nhưng xe chạy một lúc, đường xấu, xe lắt lư, nên cô gái và tôi hầu như ngồi tựa vào nhau. Trong xe, người ta bắt đầu nói chuyện, cô gái cũng gợi chuyện hỏi tôi, nhưng rất e dè. Tôi biết là cô ấy muốn làm như mọi người để khỏi cảm lặng nặng nề. Đến nơi, tôi xuống xe và cô ấy tiếp tục hành trình.

Tôi ở lại công tác tại Chi Cảnh Sát xã trong hai hôm rồi đón xe trở về Quy Nhơn. Vừa lên xe, tôi thật ngỡ ngàng: cô gái đang mỉm cười nhìn tôi. Tôi đang loay hoay



kiếm chỗ, thì cô ấy tránh qua nhường cho tôi một chỗ cạnh cô. Thế là trên chuyến xe trở về Quy Nhơn, cô ấy và tôi chuyện trò như thể quen biết từ lâu. Cô tên Nguyệt. Nguyệt và tôi nói chuyện say sưa cho đến khi xe đến bến mà tưởng như là còn xa thành phố. Như thấy được vẻ tiếc nuối trong mắt tôi, Nguyệt nói: "Hy vọng còn gặp anh nữa". Nguyệt không cười mà mặt buồn buồn. Tôi nghĩ cả hai cùng buồn lúc chia tay. Tôi về nhà mà lòng băng khuâng xao xuyến, không biết có ngày nào gặp lại chẳng. Tôi nghĩ mình sao khờ khạo quá, có mỗi chuyện hỏi Nguyệt ở đâu thôi mà cũng không nghĩ ra. Thành phố này nhỏ xíu, tìm nhà Nguyệt đâu có khó khăn? Hơn nữa tôi là cảnh sát, thì dù tôi có đi tìm nhà một người con gái cũng chẳng ai dị nghị.

Gần một tháng sau, tôi được đi dự khóa tu nghiệp ở Nha Trang. Ngày về, khi lên đến đèo Cù Mông, xe bỗng bị trục trặc. Tài xế loay hoay sửa xe. Trời xế chiều, mùa đông, mây như thấp xuống, sớm che lấp mặt trời. Nhiều người xuống xe, đi lui tới cho giãn gân cốt, tôi thấy lạnh nên vẫn ngồi trong xe. Bỗng từ hướng đỉnh đèo có một bóng người đi xuống. Tôi cảm thấy rờn rợn vì nghĩ đến những du kích thường ra chặn xe đò. Tay tôi hơi run, sờ vào túi áo và nhẹ tay lên đạn cây súng ngắn mà tôi luôn luôn mang theo mỗi khi ra khỏi thành phố. Khi bóng người đến gần, tôi tưởng như nằm mơ: Nguyệt! Nguyệt nói với anh tài xế cho quá giang vì xe đò Nguyệt đi bị gãy láp, chắc đến ngày mai mới sửa xong. Anh tài nói: "Xe còn rộng, cứ lên kiếm chỗ ngồi đi! Nguyệt nhìn tôi ngạc nhiên, nàng gật đầu chào tôi rồi đến ngồi bên cạnh. Thế là chúng tôi lại chuyện trò huyền thiên và không hiểu sao tôi vẫn quên hỏi địa chỉ của Nguyệt.

Xe đến Quy Nhơn lúc gần nửa đêm, tôi hỏi nhà Nguyệt còn xa không, Nguyệt đáp không xa, nhưng ở lại Quy Nhơn thì tiện hơn. Tôi mừng quá nói: Tôi ở có một mình, nhà nhỏ, không biết có tiện cho Nguyệt ngủ lại không? Nguyệt đáp: - Được, để về xem thử nhà ra sao.

Nguyệt và tôi đi dọc theo đường Gia Long, đến ngã ba trước nhà sách queo trái, đi ra hướng đầm Thị Nại, dọc đường không một ánh đèn, trời lạnh. Nguyệt đi sát vào tôi. Nhà tôi không có điện. Tôi châm chiếc đèn dầu hỏa, ánh sáng mờ mờ làm căn nhà thêm ấm đạm. Tôi đưa Nguyệt vào nhà và ái ngại hỏi: Nguyệt thấy thế nào? Tùy Nguyệt đấy.

Nguyệt đáp: - Được mà. Anh ở một mình thế này có buồn, có sợ không?

Tôi hỏi: - Sợ gì?

Nguyệt cười nói: - Sợ Việt cộng, sợ ăn cướp, sợ ... ma.

Tôi cười: - Cũng có sợ chứ, nhưng cũng đành vậy chứ biết làm sao? Lương tiền có bao nhiêu mà ở cho sang?

Nguyệt ngồi xuống ghế, lấy trong xách ra một số bánh trái, nói:

- Khuya rồi, ăn tạm một chút gì rồi đi ngủ kẻo mai không đi làm nổi, mai Nguyệt cũng phải đi sớm.

Tôi ái ngại nhìn cái ghế bố nhỏ xíu, tôi không có bất cứ cái gì có thể trải xuống đất để nằm. Nguyệt nhìn tôi như thấu hiểu ý nghĩ của tôi, nàng cười: - Vậy hai người ngủ chung một ghế bố có được không?

Thế là đêm đó Nguyệt và tôi ngủ chung. Sáng hôm sau Nguyệt dậy và đi lúc tôi còn ngủ say.

Gần một tuần sau, Nguyệt trở lại lúc tôi sắp tắt đèn đi ngủ. Nguyệt nói như không để tôi hỏi:

- Em đã quyết định rồi, em về ở với anh. Gia tài của em chỉ có chừng này!

Nguyệt đặt túi xách trên bàn. Từ đó chúng tôi sống như vợ chồng. Hằng ngày Nguyệt đi làm sớm. Nàng bảo là đi may vá thuê cho người ta. Tôi ăn trưa tại câu lạc bộ Ty Cảnh Sát, tối vừa về đến nhà thì Nguyệt đã lo sẵn cơm nước. Chúng tôi ăn cơm tối rất trễ. Nguyệt cũng mang về một cái giường cho hai người. Một lần, tôi nói thật với Nguyệt là tôi đã có vợ con. Nguyệt bảo rằng nàng đã biết từ lâu. Nguyệt còn nhắc tôi viết thư và gửi tiền cho gia đình, ở đây Nguyệt và tôi sống thế nào cũng được.

Nguyệt và tôi sống như vậy hơn một năm. Nhân tôi có giấy được nghỉ phép, tôi nói với Nguyệt là tôi sẽ về thăm nhà, Nguyệt không nói năng gì, chỉ thoáng vẻ buồn buồn.

Hơn một năm mới được về thăm cha mẹ, vợ con, cả nhà mừng lắm. Sáng hôm sau, vợ tôi thức dậy sớm, đứng nhìn tôi chăm chăm, nàng hỏi:

- Anh sao thế? Anh có bệnh hay sao mà độ này anh yếu hẳn ra.

Tôi nói: - Anh có sao đâu, có lẽ xa nhà, ăn uống không thường nên có gầy đó thôi.

Vợ tôi nói: - Không phải, em thấy anh khác lắm.

Nói xong, vợ tôi vội sang nhà cha mẹ tôi, ở kế cạnh. Sau một hồi bàn luận về tình trạng của tôi, cha mẹ tôi học tốc sang hối thúc tôi mặc áo quần đi với ông bà. Tôi đi theo cha mẹ tôi mà không biết ông bà dẫn mình đi đâu. Cuối cùng tôi mới biết mình được đưa đến nhà ông thầy pháp trong làng. Ông này nổi tiếng trừ ma quỷ. Khi vừa thấy mặt ông ta, tự nhiên tôi muốn chạy, tôi sợ. Nhưng không còn kịp nữa, ông nhảy đến nắm lấy hai vai tôi đè xuống đất, trối lại rồi nhét vào miệng tôi một miếng gì như là lá cây. Miếng tôi đắng ngét, miếng lá cây làm tôi không thở được. Người tôi nóng lên bừng bừng như sốt.

Khi tỉnh dậy, tôi mới hay rằng mình đã mê đi hơn một ngày đêm, và tôi vẫn còn nằm tại nhà ông thầy pháp. Quanh người tôi dán đầy những mảnh bùa có chữ ngoằn ngoèo và những giây nhỏ quấn chằng chịt quanh tôi. Trên ngực tôi có hai lưỡi dao lớn nằm bắt chéo nhau. Tôi có cảm tưởng như mình chết rồi và đây là đầu chử không phải dương thế nữa. Đến tối, ông thầy lại làm phép nữa, lần này tôi bị lột trần truồng, ông thầy cầm một cây roi bằng dâu (loại cây có lá dùng nuôi tằm), quất vào thân thể tôi tới tấp. Lại một điều là tôi không cảm thấy đau mà dần dần thấy dễ chịu lại. Mấy ngày ở tại nhà ông thầy pháp, tôi chỉ ăn những gì ông cho và uống thứ nước gì ông đã làm phép trừ khử. Trước khi trời sáng, ông cho tôi một viên thuốc và bảo đã trị xong. Lúc tôi sắp ra về, ông thầy chậm rãi nói:

- Anh bị ma ám mấy năm rồi mà không biết, tôi đã giải cho anh.

Tôi nói:

- Tôi có bị ma quái nào đâu? Chỉ còn ba ngày nữa là tôi hết phép phải trở về Quy Nhơn, tôi sợ kéo dài dằng dai trễ phép thì mệt lắm, tôi lo hết sức.

Ông thầy bảo:

- Anh đừng lo, anh không còn trở lại Quy Nhơn nữa, vợ anh đã xin được cho anh đổi về Thừa Thiên rồi.

Tôi lặng người, tôi biết vợ tôi nghi tôi có dang dúi với ai đó nên ghen và nhờ ông thầy pháp dẫn mặt tôi rồi dựa vào chỗ quen biết của ông cậu nên kéo tôi về Thừa Thiên. Tôi không nói gì với ông thầy nữa và định bụng sẽ hỏi vợ tôi cho ra lẽ; nhưng ông thầy tiếp tục:

- Thầy nói rõ cho con là con yêu tinh đã hãm con hơn một năm nay, nhờ phước nhà mà con còn trở về kịp thời, còn cứu chữa được. Thú thật con yêu tinh này rất cao tay,

thầy cũng khó thắng nó lắm. Ngày mai thầy còn phải đi cầu cứu các vị cao tăng, may ra chống nổi nó; chứ không mai một thế nào nó cũng về thì không biết có chống nổi nó không.

Tôi nói:

- Con có gặp yêu ma gì đâu?

Ông thầy hỏi:

- Thế trong hơn một năm nay, con có gặp hay ăn ngủ với người con gái nào không?

Tôi sợ thầy tra hỏi cho vợ tôi, nên chối. Thầy nói:

- Thầy biết cả rồi. Người con gái sống với con là con yêu ma chuyên quây phá vùng đèo Cù Mông. Không hiểu sao mà con sống đến ngày nay. Thường thì người nào đã ngủ với nó thì chỉ sau ba tháng mười ngày là chết thôi.

Tôi bắt đầu tin ông thầy, nhưng vẫn thương Nguyệt. Nguyệt thương tôi nên không giết tôi. Nguyệt chưa hề làm tôi buồn.

Hôm sau tôi về nhà, vợ tôi ôm tôi khóc như là tôi sắp chết vậy. Tôi hối hận đã có lỗi với nàng, tôi hứa sẽ quên Nguyệt. Tôi hỏi vợ tôi:

- Tại sao em nghi mà đến cầu cứu ông thầy?

Vợ tôi nói:

- Anh xem, từ hôm anh về, chuyện vợ chồng của anh khác hẳn, anh như người không còn hơi sức, như sắp chết đến nơi, nên em lo quá mới báo cho cha mẹ biết.

Tôi kể cho vợ tôi những gì đã xảy ra giữa Nguyệt và tôi. Nàng khóc và nói:

- Trời ơi! Sao anh không nhận ra những gì khác lạ ở con yêu tinh này? Nó luôn luôn tránh anh vào buổi sáng, vì lúc đó "dương" rất mạnh mà "âm" yếu, nó là ma, là "âm" cho nên chỉ gần anh vào buổi xế chiều và ban đêm.

- Tôi thấy những lý luận của vợ tôi có phần đúng, nhưng tôi vẫn không nhận ra ở Nguyệt những nét gì là ma quái cả.

Tôi trở lại làm việc tại Ty Cảnh Sát Thừa Thiên. Hơn một năm sau, chuyện dang dáu giữa Nguyệt và tôi hầu như lãng quên.

Một hôm, vào lúc gần tối, sau khi ăn cơm chiều xong, ba mẹ tôi cùng vợ chồng con cái tôi ra ngồi trước sân hóng mát, thì bỗng nhiên tôi thấy Nguyệt đi vào cổng, trên tay bồng một đứa bé. Tôi đứng bật dậy gọi:

- Nguyệt! Nguyệt!

Cả nhà ngơ ngác nhìn tôi. Ba tôi nắm tay tôi lại không cho tôi chạy về phía cổng. Tôi nói:

- Nguyệt kia! Nguyệt về thăm tôi!

Nguyệt nói:

- Em mang con về thăm cho biết bố.

Tôi nghĩ thầm:

- Tôi có con với Nguyệt ư?

Cả nhà không nghe, không thấy gì, trừ tôi. Họ chỉ nghe tôi nói mà nghĩ rằng tôi nói nhảm gì đây. Mẹ tôi vội chạy băng vườn sau đến nhà ông thầy pháp. Một lúc sau, ông thầy cầm một cây gậy màu đỏ chạy qua vừa hét lớn. Tôi không còn thấy Nguyệt nữa. Ông thầy nói:

- Tôi biết thế nào con yêu tinh cũng về đây, tôi lượng sức không chống nổi nó, nên đã lên tận chùa Tây Thiên mượn hòa thượng trụ trì cây phượng trưng này, mới mong đuổi được nó.

Nói rồi ông còn lôi trong túi áo một đạo bùa ra dán ở trước cổng nhà tôi và nói rằng từ nay con yêu ma sẽ không dám trở lại nữa đâu.

Từ đó, tôi không còn gặp lại Nguyệt. Tôi cầu nguyện cho Nguyệt được siêu thoát vì dù sao Nguyệt cũng chưa

nữ giết tôi mà chỉ để lại cho tôi một vết thương lòng khó quên. Hơn mười năm qua, tôi chưa có dịp trở lại Quy Nhơn. Quy Nhơn đối với tôi chỉ còn là một kỷ niệm.

## HOÀNG THẾ DIỆM

(Viết theo chuyện kể thật của D.V.H)

### Nhớ Quê Nhà

*Ai về nước Việt cho tôi nhắn,  
Một chút tâm tình gửi cố hương;  
Đàn con viễn xứ đang lưu lạc,  
Khắc khoải, bâng khuâng dạ đoạn trường.*

*Một dãy Trường Sơn cao ngất trời,  
Một Sông Côn cũ lừng lờ trôi.  
Rừng cây lớp lớp màu xanh biếc,  
Một mảnh giang sơn đẹp tuyệt vời.*

*Một đại dương buồn đứng trơ vơ,  
Những oan hồn chết biển dạt dờ;  
Như oán như than trời đất Việt,  
Mây trôi che phủ ánh trăng mờ.*

*Tôi nguyện tôi cầu đất nước tôi,  
Vàng trắng đất mẹ hết chia phôi;  
Đàn con viễn xứ khi về lại  
Dựng lại màu cờ nước Việt ơi.*

THÙY TRINH

## CÒN CHẴNG NỖI NHỚ

*Ở quê mình*

*Trời tháng Giêng xanh và trong  
Em đội nón quai thao hồng đôi má  
Em cười - chiếc răng sứ xinh rất lạ  
Môi son nhuộm thắm kinh kỳ  
Áo thiên thanh theo đánh em đi  
Trời bỏ ngõ rớt xuống vì sao lạc  
Ánh sáng lung linh vàng trăng rằm bạc  
Nẻo đời rạn vỡ hồng quang  
Ta ngẩn ngơ như chú mán trên ngàn  
Bỏ rừng núi dựng chòi trông dốc nhỏ  
Để nhìn em thật rõ  
Ráng chiều vờn ánh chân son  
Đôi mắt trong xanh - bóng hồng lên chớp núi  
Những tia nắng cuối thu về rất vội  
Cũng chập chờn qua lối thân quen  
Để soi đường em qua mấy nẻo thiên đường  
Ta đứng đợi - đêm bỏ ngày thở thẩn.*

*Ta đã lỡ*

*Một bước phiêu linh, chín tầng lặn đạn  
Ngậm ngùi thương lá tre bay  
Những sớm sương mai gió thoảng hiên ngoài  
Một chút động hồ tan theo hoa nắng  
Bây giờ tháng Giêng  
Sacramento - những giọt mưa rất nặng  
Gõ vào khung cửa buồn thiu  
Hình như có gió thổi nhiều  
Mang theo nỗi nhớ những chiều tháng Giêng.*

**TRẦN HOÀNH**



# SÓNG GIANG

HUỲNH THỊ KIM OANH

Như một mối duyên kỳ ngộ, chúng tôi như những dòng nước xuôi nguồn nhưng không đổ ra biển đông Việt Nam mà hiền hòa tụ lại ở một quăng sông xa lạ mênh mông trên đất Mỹ. Ở quăng sông này, tôi từ một nơi xa khuất nẻo chân trời, quanh năm tuyết phủ mây mù giá lạnh đến nơi này nắng ấm Cali để hòa nhập cùng những sông Côn, sông Lại. Ở đây tôi đã được kết nạp vào hội sau mấy tháng ... đây thử thách cam go!

- Chu cha sao anh chị đến trễ quá vậy? Tụi em chờ bất chết ... tiếng reo vui cùng tiếng nhạc, tiếng hát tuông tràn ra khi cánh cửa vừa mở.

- Anh chị bị lạc đường ...

Chúng tôi bước vội vào bên trong. Tôi đảo mắt nhìn quanh thấy không thiếu một ai cả. Căn phòng rộn ràng tiếng cười nói, tiếng đùa giỡn hòa cùng tiếng nhạc mở khá lớn tạo thành một thứ âm thanh sôi động, trẻ trung... nhưng ấm cúng mang dáng vẻ của một buổi ca nhạc bỏ túi.

Đèn bật sáng, căn phòng ăn - có khi lấy garage được sửa sang trang hoàng đẹp đẽ - đã được bày biện chu tất với thức ăn đầy ắp trên bàn. Tôi nhìn thức ăn tự nhiên mà ... nước miếng đã thấy tứa ra thấm đầu lưỡi rồi toàn bộ thực phẩm, dạ dày như réo gọi! bánh bèo, bánh nậm, bánh hời, bánh ướt thịt nướng, chả giò, soup măng cua, bún bò, bún cá, lòng heo cuốn bánh tráng với mắm nêm rau sống ... Đặc biệt là món lòng heo luộc này, món ăn đầy chất Bình Định của chúng tôi - và món "bột cuốn bột với bột" -

Mấy ai hiểu được bột cuốn bột với bột nó là gì nếu không là dân Bình Định. Chính cái bột cuốn bột với bột này nó đã tạo nên cái "nẫu" của chúng tôi. Cái "nẫu" với tình bột cuốn nghĩa bột một cách thâm đậm, chân tình, man mác như khói lam chiều trên mỗi mái nhà tranh ... cái nẫu chân chất đến dễ thương tận lòng. Quê tôi nghèo cày lên sỏi đá, nên dân quê tôi phải lo trong thực tế làm sao cho no cái bụng để đi làm đồng áng chứ không phải đi chơi, đi dạo phố. Nghèo thì làm gì có phở, có hủ tiếu, bánh mì bơ để ăn. Nên dân tôi chỉ còn có cách là ăn cơm, ăn bánh tráng cho no, cho chặt bụng. Ăn cơm thì phải có thức ăn, ăn cơm không thì ngán khó nuốt trôi. Chi bằng ta lấy bánh tráng một cái thì nhúng nước cho mềm, một cái thì nướng lên. Bánh mềm xong lấy bún bỏ vô - coi như như đi, rồi bẻ bánh tráng nướng để lên trên lớp bún làm thêm một lớp ... nhưn giả nữa. Xong, cuốn tròn lại cho thật chặt - nếu còn răng thì cắn ăn tự nhiên - cái âm thanh rạo rạo, rộp rộp trong miệng làm cho ta nghe như lưỡi ta đang đùa giỡn với bánh tráng nướng để mà vui vui nuốt cho dễ dàng không mắc nghẹn. Nếu không còn răng hả? Thì cứ làm như cái bác hàng xóm nhà tôi ở Bằng Châu ấy - Bác ăn "bột cuốn bột với bột" đúng nghĩa. Bác cuốn xong rồi lăn tới lăn lui trên mặt bàn cho chặt thêm - cái mặt bàn hình như lâu lắm quên không lau, chỉ lấy tay phủ phủ ... là xong. Tôi đứng nhìn Bác làm mà bỗng nghe như mình đang lạnh khi so sánh cái cuốn bánh tráng với cái thân hình nhỏ thó của bác. Trời đất, làm sao mà cắn cho được đây khi hai hàm răng không còn. Tôi nuốt nước miếng - nuốt nước miếng không phải vì thèm mà tự nhiên tôi cứ thấy mắc nghẹn ngang cổ. Nhưng không, bác nhẹ nhàng với tay lấy con dao dặt trên vách, lấy ngón tay chặn ngang cuốn bánh rồi cắt từng khoanh mỏng. Bác điềm tĩnh

ngồi xuống, khoan thai cầm từng miếng chấm nước mắm không chanh không đường mặn chát cái lưỡi bỏ vô miệng trệu trạo qua lại rồi nuốt một cách êm ái nhẹ nhàng. Tôi biết chắc Bác phải cố nén tiếng kêu cái ực vì thấy tôi mở mắt trân trân nhìn Bác. Tôi nghe như nghẹn cứng ngang cái cổ tôi. Tôi đã dợm chân lên hỏi Bác tại sao không ăn riêng bánh tráng nướng cho khỏi mắc cổ. Hoặc ăn bún riêng với nước mắm? Bác cười hiền từ trả lời tôi rằng cái ngon chính là cái thú vị, cái thi vị giúp mình ăn thấy ngon dù món ăn đơn sơ không là gì cả. Cái thi vị từ lúc nướng bánh tráng, nhúng bánh tráng, đứng cuộn lại cho tròn cho chặt rồi xắt ra từng khoanh. Tất cả cái tình cái nghĩa nó được cuộn lại nhau cùng. Tôi nghe thì nghe vậy, còn nhỏ thì nghĩ chi cho cao xa! Tôi vội vã bỏ chạy đi chơi vì nếu đứng thêm chút nữa chắc tôi sẽ chết vì mắc nghẹn ... giùm!

Đó là ông Bác hàng xóm phía trên ngõ nhà tôi ngày xưa.

Còn bây giờ thì tôi đang ngồi coi các bạn đang chăm chú, vân vê cuốn bánh tráng - cuốn bánh bây giờ khác cuốn bánh năm xưa chỉ có bột với bột, cuốn bánh bây giờ đủ thứ cao sang thịt, lòng, tôm, cá, cuốn với rau đủ thứ ... Nghĩ mà thương Bác hàng xóm. Không như ngày ấy, bây giờ chúng tôi đang ngồi đây với thức ăn, thức uống ngập tràn thừa mứa ... Dĩ vãng ơi! đã xa lắm rồi.

- Sao chị không ăn mà cứ ngồi nhìn không vậy?

Tôi giật mình, vội cười rồi kể câu chuyện Bác hàng xóm! Cả phòng ăn cười rộn rã. Chúng tôi thay phiên nhau kể chuyện của người, của mình trong cái xót xa, trong cái thương cảm và chia xẻ. Tôi thật ấm lòng khi ngồi đây. Chúng tôi không bàn chính trị - bởi xét cho cùng ở cái thế hôm nay, chúng tôi không biết phải xoay trở như thế nào

để không thấy mình như đang ở trên sân khấu của một vở kịch không hay. Thôi thì nếu yêu nước thì hãy đừng phản bội nước, phản bội dân. Sống tốt đẹp và có trái tim nhân ái. Để thể hiện những điều mình nghĩ, chúng tôi đến với nhau trong tình thân ái. Cái hội chúng tôi đã ràng buộc chúng tôi bằng sợi dây tình thương thiêng liêng. Chúng tôi cũng là họ đàn ông, cũng là họ đàn bà của nhau nếu hội viên có con cưới gả. Chúng tôi thăm hỏi ai còn ai mất ... job thân yêu! An ủi nhau, khích lệ nhau, giúp đỡ nhau trong khả năng. Ở xứ này ai mà thiếu ăn, thiếu mặc, chỉ có thiếu tình của cho nhau. Cái tình cảm này tôi thấy ngày một ngày hai đang loãng dần và có thể sẽ không thoát được cái vòng mà người phương tây đã tự cột chặt lấy họ tự bao giờ mà họ không hề biết. Cái chủ nghĩa tôn sùng cá nhân, cái đời sống vật chất đã níu kéo cái dây tình cảm chùng xuống rồi bung lên ... Không biết đến bao giờ thì đứt hẳn. Bởi ngày tôi còn ở xa nước Mỹ, tôi đã được nghe, được học, được thấy cảnh con cái đua cha mẹ vào viện dưỡng lão mà có khi họ không nhớ để thăm hoặc có thăm chỉ lấy lệ. Tôi nào dám nói tất cả. Nhưng hình như họ ... mắc nợ hay phải trả nợ cho chó cho mèo. Trời tuyết phủ đỏ đầy, lạnh buốt, đường trơn trượt vì nhiệt độ xuống âm 20 độ mà họ vẫn phải thức dậy sớm để dắt mấy cô mấy cậu chó mèo đi tiêu đi tiểu. Tôi hỏi tại sao phải khổ như vậy? Nếu không dắt nó đi nó sẽ cào phá hư hết cửa và đồ đạc. Họ trả lời tôi - vả lại cũng tội nó, phải cho nó ra ngoài cho thoáng, cho có không khí! Tôi đứng mà nghe lòng quặn đau. Trời ơi, nếu ước gì họ chỉ dành một phần trăm sự thương yêu chăm sóc ấy cho cha cho mẹ. Bởi cha mẹ họ thương yêu họ biết dường nào! tôi thấy họ lo cho con, thương yêu con vô bờ bến - không đánh đập, không la mắng con bao giờ. Sắm sửa cho con đến dư thừa vật chất.

Tại sao vậy? Tại sao con cái không nghĩ đến cha mẹ như cha mẹ đã nghĩ đến mình? ... Nhưng tôi nhắm mắt lại "Nước mắt bao giờ cũng chảy xuống" mà chỉ mong sao mình đừng như vậy.

Tôi vừa ăn vừa ngắm nhìn từng khuôn mặt. Đây đây là N dân của nữ trung học, N thật trẻ so với tuổi. N duyên dáng, lịch sự với tiếng hát mà người nghe muốn nghe. Như tôi đã nói cái hội của chúng tôi thật dễ thương vô cùng - cái hội mà chúng tôi không còn phải bận bịu vì con nhỏ, nhưng ... ông nội ơi, bà nội ơi! ông ngoại ơi, bà ngoại ơi! muốn đi vui với bạn thì hãy ... dẫn hay ... xách con theo cùng (xách vì chưa biết đi!) N cũng vậy, ai mà ngờ một cô bé như vậy mà đã là ... bà ngoại của đứa cháu sáu tuổi! ai cũng có thể lầm cô bé này ... chưa lập gia đình được.

Này là D (chồng của N) tóc đã hoa râu, nhưng trông như chàng trai trẻ. Hát cũng hay không thua gì vợ. Chắc có lẽ tại D là dân của La San trường giống D thật là vui vẻ, chân tình với tất cả mọi người.

Này là vợ chồng anh T chị M. Anh T vừa là chủ tịch đoàn vừa là chủ cây xăng. Anh là dân tứ xứ: dân của Bồ Đề, dân của Nhân Thảo, Tân Bình rồi Cường Để ... Anh thật là hiền, hiền đến độ chỉ cười gằn như ... e ấp! và không biết có phải ngày xưa ME của anh coi nhiều phim Ấn Độ lắm hay sao mà anh trắng ... như ông Ấn Độ ! Anh cũng chỉ cười thân thiết khi nghe. Không giận, không hờn, chỉ cười. Chị M là dân Huế, nhưng dạy ở Qui Nhơn. Chị là người được quý mến nhiều nhất của hội. Chị luôn luôn ân cần, chăm sóc mọi người. Chị không bao giờ không nấu một món gì để mang đến chung vui. Chị biết tôi không ăn được thịt, chị đã cùng anh T nấu cho tôi một cái lẩu cua, sò, tôm, cá với đủ thứ rau ngon. Tôi thật cảm động vô

cùng với nghĩa cử này. Chị thành thật khen, chê, góp ý với tất cả trong một cử chỉ lời nói ân tình. Chị hát cũng hay nhưng cứ phải theo nhắc chừng anh.

Này là N, T. hai vợ chồng này nổi bật trong hội chúng tôi. N thì ... tròn quay! còn T thì như ... cây tre miếu! N hát không thua gì Lệ Thu. Nếu ai đứng xa xa chắc sẽ tưởng rằng Lệ Thu đang hát cho chúng tôi nghe. T là MC của hội. T thật là dễ thương trong vai MC ... dzôm này. T đã làm cho buổi họp mặt sinh động hẳn lên với tiếng vỗ tay, tiếng cười như vang võ. T hát hay không thua gì ca sĩ ... mới lên nhưng chưa kịp nở thì đã sắp ... héo! Vì T cũng đã tóc hoa râm - có lẽ tuổi đời cộng với tội sĩ quan ...

Này là M, L. anh chàng M này là dân Cường Để. Anh chàng này thương vợ, lo cho vợ và cũng ... ăn hiếp vợ không ai bằng! Bao giờ anh cũng khen vợ mình hát hay. Mà quả thật L hát hay quá L hát làm cho người nghe xao xuyến cả lòng bởi cái chất giọng nhẹ nhàng đến nâng niu, pha chút bi thương hờn giận. L là người đàn bà mà tôi cho rằng ai gặp cũng phải yêu mến, bởi L hiền, đoan trang trầm lặng và xinh đẹp dù bây giờ đang đã là bà ngoại.

Này là P, T. Đây là cặp vợ chồng trẻ nhất hội. Trẻ vậy nhưng lo làm ăn cũng không thua ai. P là người vợ ngoan, người mẹ hiền trong gia đình. Là người bạn vui vẻ, dễ thương đối với mọi người ngoài đời, trong hội. T là dân của trường Bình Định. T vừa là chuyên viên âm thanh, ánh sáng vừa là sĩ quan ... thủ quỹ của hội. Cũng cần phải nói về cái quỹ của chúng tôi. Mỗi hội viên muốn gia nhập phải đóng lệ phí .... 500 đồng! Nhưng đóng bằng cách ... gửi cho mây cho gió nhờ bay ngang đóng giùm. Cho nên quỹ của chúng tôi đầy ắp ... gió mây! T được chọn là sĩ quan vì T cao nhất trong số hội viên nam.

Hai vợ chồng này thường song ca và nhảy thì được bầu là đẹp nhất trong tất cả. Đây là H, T. Đôi vợ chồng này thật tương phản nhau. H thì đúng với hoa H luôn luôn cười tươi như hoa nở rộ với má lúm đồng tiền thật duyên dáng quá. Anh T thì chỉ cười khi ... cần cười và luôn ... ẩn mình trong bóng tối để làm ... khán giả vỗ tay! Anh T này thương vợ, chiều vợ không thua gì anh M. Anh T phải hy sinh ... đóng cửa tiệm để chở vợ đến chung vui với bạn. Ngồi chờ không hát, chở vợ về dù một hay hai giờ sáng.

Này là M, L. Hai người này sao mà dễ thương quá. Lúc nào cũng nhỏ nhẹ cười, thu người trong ghế bên các bạn để lắng nghe. M được cho cái tên là người yêu của lính vì thường hát những bài về lính - lính Việt Nam Cộng Hòa như nữ ca sĩ N. M vẫn hát ngày xưa.

Này là L, Đ. Tôi nhìn ngắm anh chị thật lâu với nỗi thương mến dạt dào. Và mặc dù dưới ánh đèn mờ, nhưng không dấu được những nét mệt mỏi, lo âu của anh chị ở cuối mắt, và trên cả nụ cười. Chị với tôi hai đứa ngồi sâu trong một góc cuối phòng để nghe chị nói những điều cần phải được nói để khuây nguôi. Tôi thương chị thật lòng. Thương anh chị với tấm lòng rộng mở giúp người trong khả năng, nhưng đôi lúc ngoài khả năng vẫn ráng để giúp.

Anh Đ là người phải nói rằng thật vô cùng ... can đảm. Can đảm trong cả việc hát cũng như trong sự cố gắng để đừng ... buồn ngủ. Anh đến có khi thật trễ từ một đám cưới về, hoặc đưa con gái đi sinh ở bệnh viện. Anh chống lại cơn buồn ngủ bằng những bài kích động. Anh nhảy lắc lư theo tiếng nhạc, tiếng hát của anh. Tiếng hát mà hội cho rằng chỉ có anh và anh T là hai hội viên biểu hiện cho sự tự do nhất. Tự do hát ... theo ý mình .. đang hát ở tông Do, muốn lên La, hay si anh cứ việc coi như nhạc là nhạc ... của mình bình thản, an nhiên, tần tần bề

tay lái ... queo không cần liếc mắt, quay đầu. Chúng tôi bao giờ cũng dành những tràng pháo tay rất ... nhiệt liệt hoan hô anh. Bởi vì chúng tôi thương quý anh chị, chúng tôi vui vui vì thấy anh chị biết phải làm gì để còn đủ sức mà chiến đấu với đời.

Ngày chưa đến Mỹ tôi được nghe người ta nói nhiều về nó. Nó là nước Mỹ, là sống ở Mỹ, cuộc sống ở Mỹ và đời sống Mỹ. Thật tình tôi không thể hình dung hết được cái phức tạp, cái rộn ràng, cái bon chen, hối hả, toan tính và cả nỗi buồn lo v.v... Chỉ nghĩ đến một cách mơ hồ, không rõ rệt nhất định. Bởi nơi đó đang có con cái mình đang sống, với tình yêu thương dành cho các con cộng với nỗi hạnh phúc đầy ấp trong lòng nếu được sống cùng các con nên mọi cảm nghĩ, cái nhìn đều mang đầy nét lạc quan và đẹp đẽ, và cũng bởi cuộc sống, đời sống ở Nauy nơi tôi tạm dừng chân bảy năm thật vô cùng êm ả, trầm lắng như mặt nước trên sông mùa thu. Tất cả chỉ lạnh quanh là thế. Bây giờ tôi đã đang lẫn mình trong nước Mỹ. Tôi có thể nhìn thấy những gì tôi đã nghe trên từng nét mặt của mọi người - Không phải tất cả đâu - Nét mặt đầy suy tư, lo lắng, trầm cảm vương vấn đâu đó trông ánh mắt, làn môi và cả nụ cười - Bill ơi là bill! Chỉ vì mi! Chỉ vì mi mà ta phải xuôi xuôi, ngược ngược, chen chen lấn lấn với cuộc đời, với sức lực sắp tàn phai hay đang còn đang độ ... Người xưa ông bà bảo "An cư mới lập nghiệp" - Thì đúng thôi, nhưng ở Mỹ thì ... phải coi lại ông bà ơi! Bởi vì khi ôm cái "an cư" - tức cái nhà vào lòng rồi thì không còn ... nhớn nhớn con cá vàng nữa mà phải chạy tốc lực của 100 mét rút. Và rồi một trăm thứ tiếng khổng hiểu từ đâu đến - không, phải hiểu chứ, phải hiểu. Chúng nó từ tiền nhà, tiền xe, tiền bảo hiểm xe, tiền bảo hiểm nhà, bảo hiểm sức khỏe, bảo hiểm nhân thọ, nước, điện, điện



thoại, ơn nghĩa, đám cưới ... ôi thôi! Bill về là nỗi vui khôn tả của mọi người, nỗi vui khôn tả của người có hay không có ... trái tim biết lo !! Vui đến xót xa. Vui đến quặn lòng, vui đến ngẩn ngơ!! Chúng nó hiền như ... tờ giấy. Vậy mà sức công phá mạnh như quả bom nguyên tử! Nó chỉ cần làm bộ ... quên đi hay ngoan ngoãn nằm im trong ngăn kéo thì cái nhà không là ... nhà của ta (như bài hát nào đó) nữa mà là của ... nhà bank xiết! và nỗi lo lắng bồn chồn, nơm nớp canh cánh bên lòng lo sợ bao trùm như được tin ... giặc sắp tấn công - nơm nớp không biết khi nào nó tấn công đây? Tấn công bao lâu? - Cái job đó! Cái job nghe qua chỉ là một từ thật vô cùng đơn giản mà có vẻ dễ thương đáng yêu nữa. Nhưng không biết nó sẽ còn yêu ta được bao lâu, đến bao giờ. Nhấp nhóm không biết nó sẽ bỏ ta đi như ... những giòng sông nhỏ hay như thác nguồn âm âm đổ xuống cuốn trôi đi tất cả.

Đó là hoàn cảnh chung không của riêng ai - chỉ trừ những người trúng ... stock! Chúng ta đang ..... trong biển lo và chúng ta dù muốn dù không cũng phải ráng hết sức mình để mà ngoi lên ngụp xuống. Ngoi lên để còn hy vọng biết đâu chúng ta sẽ vớt được tấm ván hay cho dẫu ... một cộng rơm trên biển để bơi vào bờ hy vọng.

Tôi thấy được nỗi lo lắng của anh chị L, Đ. Nhưng anh chị đã đến với chúng tôi, ở đây với tất cả tình thân, tấm lòng, sự an ủi đã cho anh chị niềm vui nho nhỏ, nguôi khuây mà tạm quên đi nỗi nhọc nhằn, buồn phiền trong cuộc sống.

Tình thân và âm nhạc là niềm vui, là son là phấn tô vẻ thêm tươi, thêm đẹp cho cuộc sống, cho con người. Chúng tôi thật sự đã tìm thấy niềm hạnh phúc của những hạnh phúc khi tìm đến nhau. Không chải chuốt, không màu mè, không ty hiêm, cay đắng lẫn nhau; không nhón

chân dòm ngó đời sống riêng tư của nhau. Không giúp nhau được điều lớn thì cũng ráng giúp nhau điều nhỏ.

Chúng tôi cùng hát với nhau, chia xẻ những ngọt bùi, cay đắng, niềm vui và hạnh phúc của cuộc đời đã qua hay sắp đến. Phải nói hầu nhau ai cũng vui, cũng náo nức để đến với nhau dù đang ngồi trong một đám cưới, sinh nhật của người khác hội cũng gọi cell phone về "vợ chồng tôi sẽ đến".

Chúng tôi vui lắm. Vui và hân hoan đón tiếp những người muốn ... thăm hội coi có đúng như ai kia nói không? và "Vui quá là vui. Ở đất Mỹ này khó mà tìm được một cái hội như thế này" - một người ... khách lạ được mời đã thốt lên như vậy.

Và trong tất cả, chúng tôi tôn trọng lẫn nhau. Phải nói là tương kính lẫn nhau thì đúng hơn. Chúng tôi sống đúng với nếp sống của người dân miền Trung Bình Định dù nghèo vật chất nhưng đầy tình thương yêu và kính trọng. Điều này làm cho tôi vô cùng ấm lòng và được an ủi khi đang sống ở một đất nước không cùng màu da, văn hóa, không cùng tiếng nói và đầy vật chất bon chen này.

Hội chúng tôi hiện nay đã đầy danh sách, trên dưới đã ba mươi người, và hội chúng tôi được đặt tên gọi là Sóng Giang. Sóng Giang là những con sóng nhỏ lăn tăn, lao xao, riu rít và gợn gợn trên sông - Sông Côn, sông Lại, sông ... những con sông thân yêu đã nuôi dưỡng ruộng đồng và dân quê tôi - Những con sông tôi đã từng bơi lội của ngày thơ ấu xa xăm ...

Và cũng Sóng Giang là "Sáng Giông". Sáng giông là ai về nhà nấy để lại bắt đầu ... xách bò, xách cày đi cày tiếp. Bởi anh Bill thân yêu của chúng ta đang thập thò đứng ngoài đầu ngõ, gơ tay vẫy chào thân yêu ...

**HUỲNH THỊ KIM OANH**

# BÀI THƠ VÔ ĐỀ

Tác giả: VÔ DANH

Lời mở đầu:

Trước hết tôi xin xác nhận rằng bài thơ này không phải do tôi làm ra và cũng không biết tác giả là ai, được truyền khẩu trong trại tù cải tạo K2 trạng 4 Nghệ Tĩnh trong khoảng thời gian từ 1980-1981. Những sĩ quan nào đã một lần ở tù trong trại này và trong khoảng thời gian này đều thuộc lòng bài thơ và đạo đó gọi tên là "Bài thơ vô đề"

của tác giả Vô Danh; nghĩa là bài thơ không có tựa đề và không có tác giả. Tương truyền rằng: Vợ của một sĩ quan tù nhân từ Sài Gòn ra Nghệ Tĩnh thăm nuôi chồng nhưng công an cai tù không cho chồng gặp mặt mà chỉ cho nhận quà mà thôi, với lý do là chồng bị vi phạm kỷ luật trại. Người vợ phải ngủ lại trong nhà thăm nuôi một đêm với bao nỗi cô đơn, lạnh lẽo để ngày mai trở về lại Sài Gòn. Thao thức trong suốt đêm đó, chị đã làm bài thơ này và ngày hôm sau lén gửi cho các bạn tù khác mà chị gặp được trên đường đi lao động để chuyển lại cho chồng.

Vì bài thơ rất xúc động và hợp tình hợp cảnh với tôi cũng như bất kỳ ai đã trải qua trại tù cải tạo của Việt cộng, nên hôm nay tôi muốn ghi lại để gọi là chia sẻ với quý độc giả một kỷ niệm buồn trong tù.

Vì thời gian đã quá lâu (trên 20 năm) và không có ghi chép trên giấy tờ nên có thể có vài câu hay vài chữ không còn đúng với bài thơ nguyên gốc. Quý độc giả nào nguyên là tác giả hay nhân chứng xin góp ý xây dựng; đặc biệt là

*anh HUỖNH CÔNG ÁNH, đồng hương Bình Định, lúc đó đang ở K1 cùng trại 4 Nghệ Tĩnh có thể biết và còn nhớ bài thơ này.*

*Đặng Vĩnh Mai*

## **BÀI THƠ VÔ ĐỀ**

*Đêm nay chẳng ngủ anh biết không?  
Em gom thi tứ viết cho chồng.  
Thương anh em khóc trên từng chữ.  
Thư lạnh hơn trời đêm mùa đông.*

*Thư viết cho anh giữa chốn này.  
Đâu còn mật ngọt chuốc hương say.  
Sáu năm mòn mỏi bên song cửa,  
Một dạ thương chồng anh có hay?*

*Đoàn tù cải tạo đi quá đông.  
Tìm mãi mà sao chẳng thấy chồng.  
Giọt lệ tuôn trào qua khóe mắt,  
Anh ơi, anh ơi! có biết không?*

*Ngày xưa chinh chiến lắm đoạn trường.  
Hòa bình rồi cũng lắm đau thương.  
Sài Gòn, Nghệ Tĩnh xa xôi quá!  
Anh ở em về mây vấn vương.*

*Gắng đi anh, em vẫn đợi chờ.  
Anh về em mới hết bơ vơ.  
Bến xưa mãi đợi con đò cũ.  
Tàu lữ về ga em ước mơ.*

# BẢN KHOẢN

NGUYỄN TRÁC HIẾU

Năm 1976, chúng tôi bị CS giam giữ tại Cà Tum gần biên giới Việt-Miên. Mùa mưa đến. Những cơn mưa rừng thường đổ ập xuống thành lình như thác lũ. Sấm sét nổ âm âm trên không. Gió thổi mạnh. Những giọt mưa nặng hạt quất mạnh vào thân thể lạnh tê và đau điếng.

Một buổi chiều, trên đường gánh tranh về lợp trại, tôi bất chợt bị phủ chụp bởi một cơn mưa lớn. Tấm ny lông không đủ sức che cho tôi khỏi ướt. Gánh tranh của tôi chẳng mấy chốc sũng nước, nặng quằn vai. Tôi run rẩy lội bì bõm trên con đường rừng quanh co lồi lõm ngập nước mưa. Có lần tôi té nhào vì đã bước lầm vào một lỗ sâu trên đường. Cổ chân tôi đau điếng tưởng như đã bị treo hẳn. Bỗng có tiếng ai gọi tôi từ một căn trại nhỏ ẩn dưới một cây cổ thụ bên kia một hố bom B52.

- Hiếu! Hiếu ơi!

Tôi quay lại. Một anh bạn tôi đang vẫy vẫy tay gọi:

- Vào đây một lát. Nhờ bạn chút việc. Bớt mưa hãy về.

Nhận ra bạn quen, tôi đặt gánh tranh tựa vào một gốc cây, bước vào trại. Có năm bảy bạn tôi đi lấy tranh cũng đang trú mưa trong căn trại nhỏ xíu. Các bạn tôi đang quây quần bên bếp lửa cố sấy khô quần áo. Tâm, anh bạn vừa mới gọi tôi vào, đưa tôi một cái áo khô:

- Thay cái áo ướt ra kéo bị cảm đấy.

Tôi chưa kịp cảm ơn, anh đã nói:

- Có một bạn mình đang đau nặng. Bạn lại gốc nhà kia thăm anh ấy một chút. Tôi bước theo hướng tay Tâm chỉ. Người bệnh nằm trên giường, mặt mày bơ phờ tái mét, cổ nõn nụ cười héo hắt đón tiếp tôi. Tôi ngồi xuống cạnh anh trên chiếc chõng tre. Tâm đặt nhẹ tay lên trán người bệnh, vuốt mấy sợi tóc đang lòa xòa trên trán anh ra đằng sau rồi nói với tôi:

- Hiếu à, đây là Hải bạn thân của mình. Hải bị sốt đã gần tuần nay và yếu hẳn. Ăn gì vào cũng ói ra.

Tôi cầm lấy bàn tay Hải. Bàn tay ướt đẫm mồ hôi. Hải đang bị cơn sốt hành hạ. Tôi hỏi nhanh Hải và Tâm về bệnh tình của Hải. Hải trả lời rất yếu nhưng rõ ràng từng chi tiết. Tôi khám thấy tì tạng của Hải sưng lớn và Hải bị thiếu máu nặng. Tôi nói:

- Anh bị sốt rét là chắc rồi Hải à. Anh có đang dùng thuốc gì không?

Hải đáp:

- Anh em có cho tôi mấy viên thuốc sốt rét loại gì tôi không rõ. Y tá thì mỗi bữa bắt tôi nuốt một viên ký nin.

- Hiện giờ anh thấy trong người ra sao?

- Mệt lắm vì sốt đi sốt lại hoài. Với lại ói mửa làm tôi không ăn uống được gì ... Trong khi Hải đang nói chuyện với tôi, Tâm cúi xuống lôi từ dưới chiếc chõng tre ra một chai nhỏ thủy tinh:

- Hiếu nhìn xem, nước tiểu của Hải đỏ như máu từ mấy bữa nay rồi. Không biết thận có bị hư không?

Nhìn chai nước tiểu của Hải đậm màu như xì dầu tôi lạnh người. Tôi nhận ra Hải đang bị một trong những biến chứng nặng của sốt rét. Tôi suy tư chưa biết phải nói sao với Hải và Tâm. Bỗng có một người bạn khác bước nhanh lại chỗ chúng tôi nói nhỏ:

- Thằng y tá đang tới. Hiếu ra chỗ bếp ngồi cho ấm một chút đi.

Tôi dặn nhỏ Hải:

- Anh đừng nuốt viên ký nin nó đưa hôm nay nghe.

Hải gục đầu. Tôi lách mặt ra ngoài bếp. Tên y tá CS vừa bước vào vừa nói:

- Trời mưa nhớn quá. Xao? Anh Hải hôm nay đã bớt chưa?

- Tôi vẫn còn sốt và ói.

Hải chậm rãi đáp.

- Xót zét zùng làm ói đấy. Cứ dùng kí nin vài bữa nữa là khỏi ngay. Tên y tá vừa nói vừa đưa cho Hải viên ký nin. Hấn hỏi Hải qua loa vài câu rồi lững thững bước ra khỏi trại. Tôi trở lại nơi Hải nằm. Hải còn giữ viên ký nin trong bàn tay. Hải hỏi tôi trong lo âu:

- Không dùng kí nin được sao anh?

- Trường hợp anh không nên. Ký nin có thể làm bệnh anh nặng hơn. Anh đang đi tiểu ra máu.

- Thận tôi bị hư rồi phải không anh? Hải hỏi tiếp. Tôi giải thích:

- Không, thận anh không hư. Chỉ có hồng huyết cầu của anh bị trùng sốt rét làm vỡ nát nhiều nên anh tiểu ra máu.

- Có sao không anh? Có chữa được không anh? Không uống kí nin thì uống gì giờ anh? Thấy Hải lo âu nhiều tôi xót xa nhưng cố trấn an Hải:

- Chữa được anh ạ. Tôi đề nghị anh xin chuyển ngay về Tây Ninh để dễ bề tìm thuốc men hơn.

Tôi giải thích tỉ mỉ hơn về một biến chứng nguy hiểm của sốt rét được gọi là Blackwater Fever, tạm dịch là Sốt Nước Đen, cho Tâm nghe và đề nghị anh em xin chuyển ngay Hải và Tây Ninh. Tâm hứa sẽ đi tiếp xúc với tên y tá

CS ngay. Tâm cho biết tên y tá đã thấy chai nước tiểu màu máu của Hải nhưng vẫn tiếp tục cho Hải uống kí nin mấy ngày qua. Tôi nghĩ thầm "Quả thật là đỉnh cao trí tuệ loài người". Tôi cũng bày vẽ cho Tâm mô tả bệnh tình nguy kịch của Hải thế nào để thuyết phục tên y tá chịu chuyển Tâm ra khỏi khu rừng thâm u này ngay.

Ngày còn tại ngũ, tôi phục vụ tại Quân Y Viện Qui Nhơn thuộc quân đoàn 2. Chỉ trong vòng vài năm trước sau Mùa Hè Đỏ Lửa mà chúng tôi đã tiếp nhận và chữa trị đến vài ngàn bệnh binh sốt rét rừng từ khắp nơi chuyển về trại nội thương của chúng tôi. Đa số được chữa lành nhưng cũng có bệnh binh vừa về đến Quân Y Viện là hôn mê bất tỉnh. Thuốc men hồi đó chúng tôi có đầy đủ. Chúng tôi, bác sĩ và y tá, thay phiên nhau hết mình săn sóc những bệnh binh sốt rét đó mà một số được chuyển về trể cũng không thoát khỏi tử thần. Chúng tôi đã gặp rất nhiều trường hợp Blackwater Fever. Một lượng lớn hồng cầu của bệnh nhân bị huyết trùng sốt rét phá vỡ nát được thận thải ra ngoài. Nước tiểu bệnh nhân đậm đặc như máu hay có màu như xì dầu. Bệnh nhân bị bần huyết nặng sau vài ngày chứng Blackwater Fever xuất hiện. Sự cứu chữa phải tức tốc và đầy đủ thì bệnh nhân mới hy vọng sống sót. Những người thiếu diếu tố G-6-PD thì hồng cầu lại càng dễ vỡ khi dùng kí nin. Một biến chứng khác của sốt rét nguy hiểm hơn Blackwater Fever là Sốt Rét Não. Mảnh vỡ của hồng cầu được tim bơm lên não làm nghẹt những mạch máu li ti trong mô não, gây ra chứng phù não và bệnh nhân hôn mê, bất tỉnh ngay. Có người chỉ tỉnh lại sau năm mười ngày được chữa trị kịch liệt bằng đủ loại thuốc tốt nhất của Quân Y Viện.

Cơn mưa lớn đã ngưng. Chiều xuống rất nhanh trong rừng sâu. Tôi siết chặt tay Hải và dặn dò anh những điều



nên tránh và nên làm để có cơ sống sót. Anh nhìn tôi trùu mến. Bệnh sốt rét đã làm người bạn trai trẻ của tôi kiệt lực. Tâm cũng hứa sẽ bí mật tìm cách liên lạc ngay với gia đình Hải để hy vọng tìm được những thứ thuốc quá hiếm hoi thời đó nhưng cần thiết cho chữa trị bệnh của Hải. Trên con đường về trại, tôi cảm thấy rã rời mệt mỏi. Chưa bao giờ trong đời y sĩ tôi lại cảm thấy bất lực và đau thương tới như vậy. Chiều hôm sau, Hải được anh em vồng ra ngoài lộ để chờ xe đưa về Tây Ninh. Xe của bọn CS không đến. Đêm tôi trần trọc lo âu cho tính mạng như chỉ mảnh treo chuông của Hải. Mãi hai hôm sau nữa xe CS mới đến chở Hải về Tây Ninh. Hải đã kiệt sức.

Đêm rừng tối đen như mực. Mưa rừng rơi lào xào trên mái lá. Gió rừng vi vút thổi luôn qua vách tranh thưa lạnh ngắt. Thỉnh thoảng có tiếng thú rừng vọng về eo óc trong đêm. Tiếng ếch nhái ễnh ương vang vang đều đặn chung quanh trại. Tôi thấy lạnh và lòng trĩu buồn. Tôi tự hỏi, ngày mai mà mình cũng sốt cũng ói cũng đi tiểu ra máu như Hải thì làm sao đây? Ở đây rừng thiêng nước độc. Mạng sống tù rẻ mặt. Gia đình vợ con không biết đã lưu lạc phương trời nào? Ngày tù dài ra vô tận. Rừng núi, chim muông như không hay biết gì về thảm cảnh của những người trai sa cơ thất thế. Mưa rừng vẫn đổ ập xuống như những ngọn roi quất vào da thịt tù từng hồi, từng ngày. Rồi nước lũ từ trên non cao tràn về ngập cả doanh trại. Chúng tôi được lệnh bỏ trại đi bộ mấy chục cây số về Tây Ninh. Ngày tù cứ trôi. Hết trại tù này đến trại tù khác. Thỉnh thoảng tôi lại giật mình nghĩ về Hải.

Tôi ra tù cuối năm 1977 rồi vượt biển. Đã hơn hai mươi năm trôi qua mà tôi cũng không quên được người bạn tù bị sốt rét trong rừng Cà Tum. Tôi vẫn mãi băn khoăn không rõ số mệnh của Hải ra sao nhưng bạn tù có

sống sót trở về thì mỗi người cũng đã ly tán mỗi nơi, tôi không gặp ai để hỏi thăm về Hải. Tôi vẫn bám víu một chút hy vọng hão huyền rằng gia đình Hải có thể tìm được thuốc men cứu Hải. Cách đây không lâu, trong sân một ngôi chùa trong vùng Orlando, Florida, một người bạn tù nhận ra tôi. Anh là một trong những người sống cùng trại với Hải ở Cà Tum. Chuyện vãn một hồi anh hỏi tôi còn nhớ Hải bị sốt rét rừng không. Tôi giật mình đáp nhanh:

- Nhớ chứ. Nhớ và bản khoản hoài cả hai mươi lăm năm nay. Mà Hải có qua khỏi không anh?

Người bạn hạ giọng:

- Chúng nó đưa Hải về Tây Ninh nhưng bỏ nằm đó chớ có chữa chạy gì đâu.

- Gia đình anh ấy không đến kịp sao?

- Đến làm sao kịp. Thuốc men đâu có mà tìm cho được. Hải mất sau đó vài hôm.

Nỗi bản khoản của tôi nay đã trở thành nỗi thương tiếc. Thương tiếc những bạn tù đã oan uổng nằm xuống trong rừng sâu núi thẳm do một chính sách trả thù hèn mạt.

Orlando, nửa đêm 28 tháng 10 năm 2001

**NGUYỄN TRÁC HIẾU**

Bị người ta nhục mà giận là đem cái lỗi của người mà hành hạ báo thù mình.

**Swift**

# MẸ TÔI

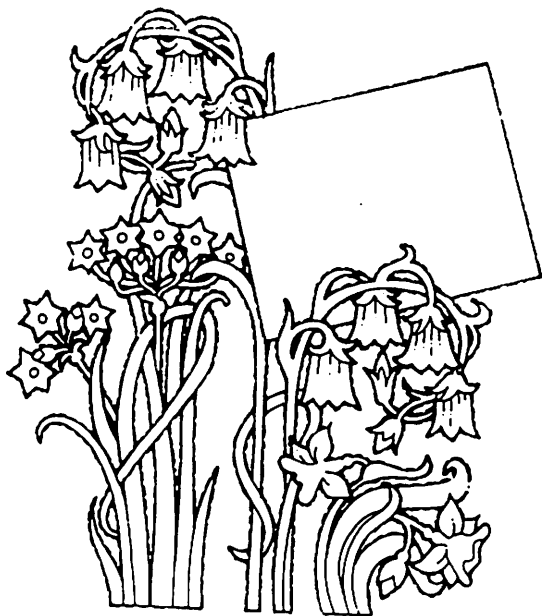
Mẹ tôi quê ở Xuân Quang,  
Có cồn cát trắng, có hàng dừa xanh.  
Thiếu thời dưới gối sinh thành,  
Tiểu thư e ấp sau vành nón thơ.  
Gỗ đầu lữ trẻ ngậy ngô,  
Lòng hằng mơ tưởng đợi chờ hữu nhân.  
Chàng hiệu trưởng trẻ độc thân,  
Yêu nàng tứ đức, thêm phần đẹp xinh.  
Đôi bên trao đổi ý tình,  
Chỉ hồng ai buộc cho mình với ta.

Chiến tranh giặc giã không tha,  
Ruộng vườn chiếm đoạt, cửa nhà nát tan.  
Mẹ cam cực khổ không than,  
Sớm khuya tần tảo chăm đàn con thơ.  
Lắm khi tóc rối bơ phờ,  
Phấn son xao lãng, xác xơ thân gầy.

Vào Nam ráng sức dựng xây,  
Giúp chồng lập nghiệp, cầu may an bình.  
Mẹ không nghĩ đến thân mình,  
Chắt chiu nuôi dưỡng gia đình, chồng con.  
Áo không sắm, ngọc không bòn,  
Xiêm y giản dị, quà ngon ít dùng.  
Đến khi gặp cảnh lưu vong,  
Bước đầu khó nhọc, má hồng thêm phai.  
Phật Trời ban phước lộc may,  
Tạm yên bỏ những tháng ngày bơ vơ.

Nay con đã đến bến bờ,  
Mẹ xong gánh nặng, rảnh giờ thanh thoi.  
Sáng ngày dạo phố, đi chơi,  
Chiều ra chăm bón rau tươi trong vườn.  
Hoa sen tỏa ngát mùi hương,  
Quanh hồ bán nguyệt cho nường rửa chân.  
Có chàng bên cạnh, vẫn nhân,  
Bạn bè quyến thuộc xa gần, thân vui.  
Mong Mẹ giữ mãi nụ cười,  
Hưởng nhân bù đắp một đời hy sinh.

Ngày 6 tháng 4 năm 2000  
**ĐẶNG THỊ MINH TÂM**



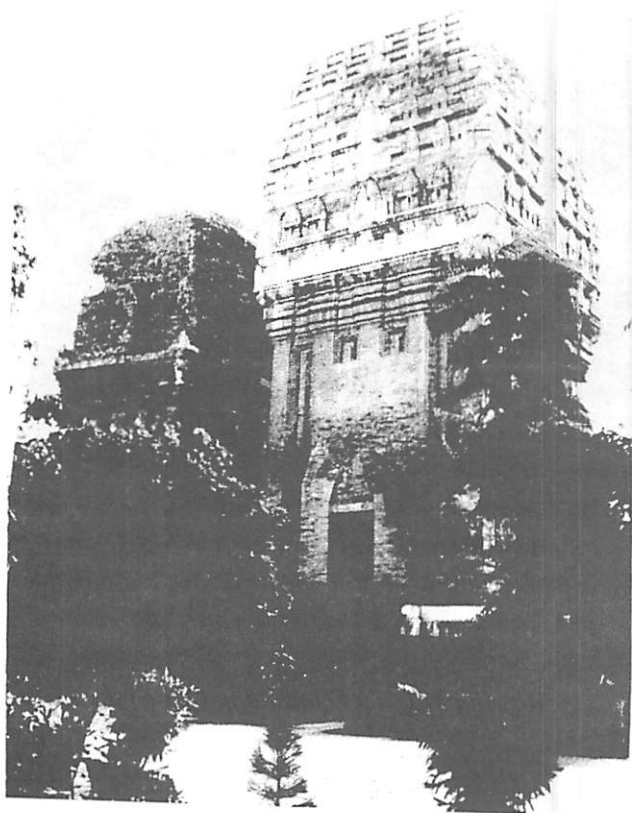
# THẮNG CẢNH BÌNH ĐỊNH



- *Viện Bảo Tàng Quang Trung - Phú Phong - Bình Khê*



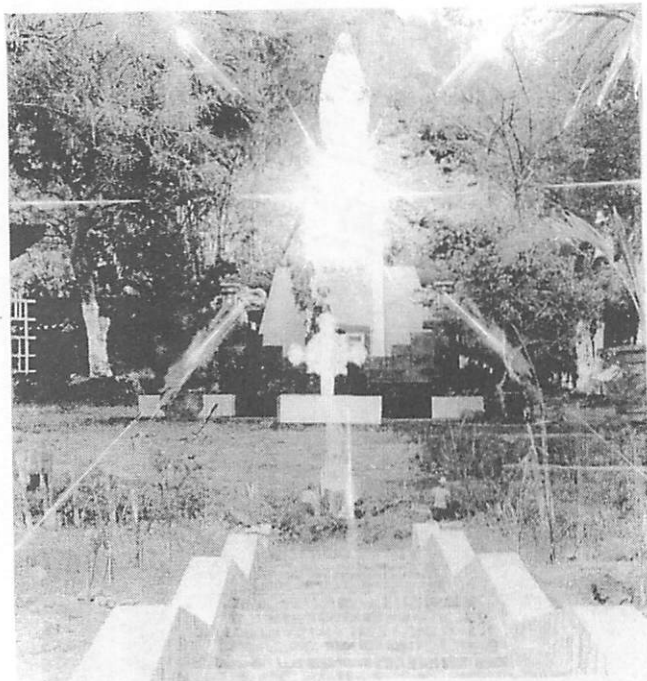
- *Bãi tắm Hoàng Hậu gần Gành Ráng Qui Nhơn*



• Tháp Đôi Qui Nhơn



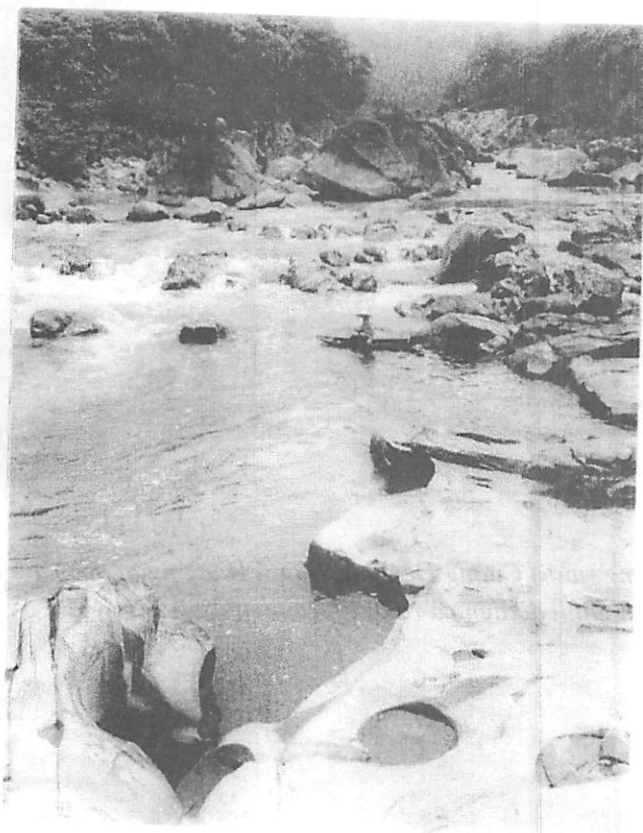
• Hồ nước ở Hầm hồ Bình Khê, dẫn ra các dòng suối



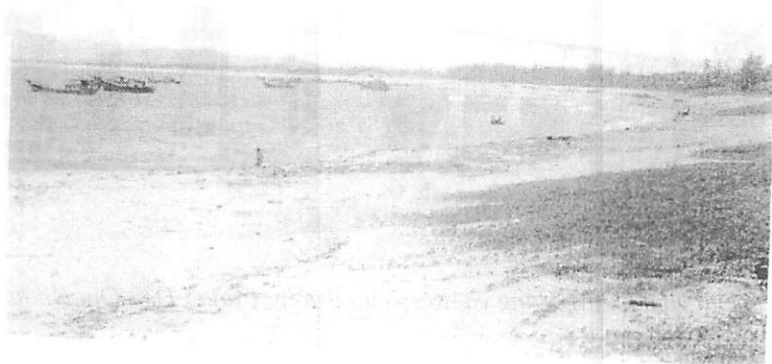
• Mộ Hàn Mặc Tử Gành Ráng Qui Nhơn



• Tháp Dương Lăng Bình Khê / Bình Định

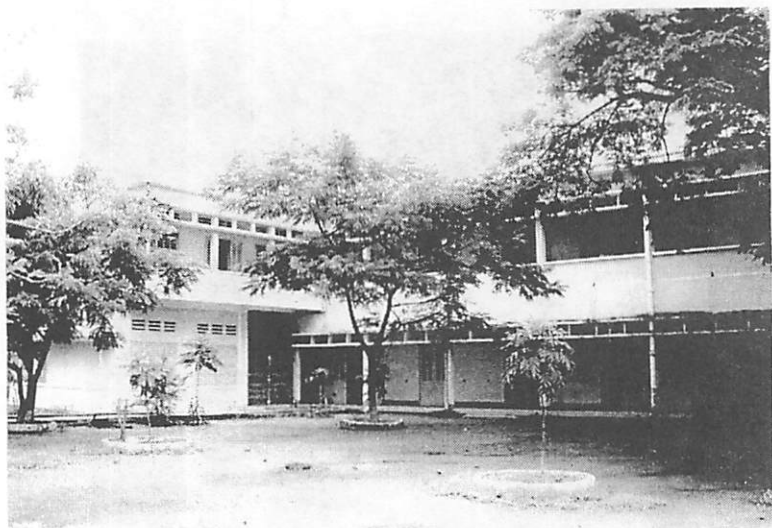


• *Hầm Hô, thắng cảnh Bình Định*

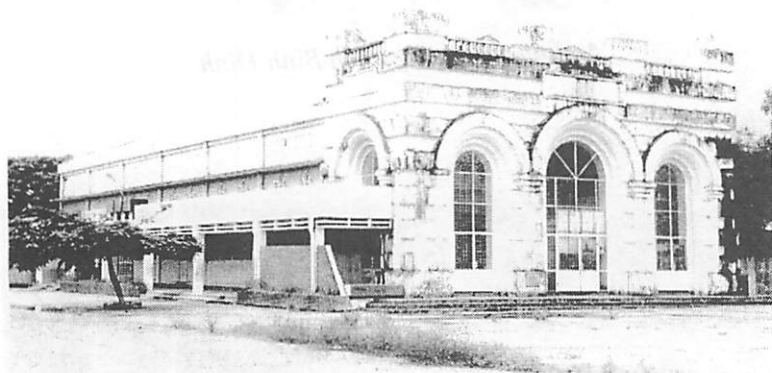


• *Bờ biển Quy Nhơn, một buổi hoàng hôn*





- Trường (mới) Cường Để, Qui Nhơn - Hàng ngàn học sinh nam nữ Bình Định đã đến và ra đi từ trường này



- Thư viện khang trang và đồ sộ của trường Cường Để - Qui Nhơn

# CHÂN HẠNH PHÚC

NGUYỄN THỊ VIỆT NAM

Khôn cũng chết, dại cũng chết, chỉ có biết thì sống. Biết thì ai cũng biết cả, nhưng áp dụng sự hiểu biết lại không phải là chuyện dễ làm. Thiên hạ thật không có cảnh ngộ nào dễ xử, nhân gian thật không có thì giờ để bỏ phí. Ai cũng muốn đi tìm hạnh phúc. Nhưng hạnh phúc là gì? Hạnh phúc của người đời là bữa cơm. Hạnh phúc của người đang ngủ đầu đường xó chợ là mái nhà và cái giường. Hạnh phúc của người đã có cơm no áo ấm và nhà cửa đầy đủ là danh vọng v.v... Lòng tham của con người không có đáy. Được cái này lại ước mong cái khác. Đứng núi này trông núi nọ. Mỗi người trong chúng ta có một thế giới riêng, có một ước vọng khác nhau. Chúng ta sống chung trong một quả địa cầu, các con cùng cha mẹ sống trong một mái nhà, nhưng mỗi chúng ta là một cá thể. Do đó muốn sống vui vẻ hạnh phúc với chính mình và những người xung quanh từ thể chất lẫn tinh thần cũng không phải là việc dễ làm.

## CHẤP NHẬN

Quý vị đã có gia đình đều hiểu rõ được điều này, sống chung là một nghệ thuật không có trường để học, thời gian trôi qua, không gian thay đổi, con người của chúng ta cũng lệ thuộc vào những kích thích tố trong cơ thể, những kích thích tố này thay đổi theo tuổi tác, nhất là không ai giống ai cả, do đó tính tình của chúng ta thay đổi, nếu như người bạn đời của chúng ta không thay đổi cùng nhịp điệu

là đã có những vấn đề phức tạp xảy ra trong cuộc sống chung. Viết đến đây tôi lại nhớ đến câu "sống mỗi người mỗi nhà, chết mỗi người mỗi mồ"??? Chắc là các cụ ngày xưa cũng có nhiều chuyện khổ tâm trong cuộc sống lứa đôi nên mới có câu này truyền lại cho chúng ta.

Một ví dụ điển hình là tính một người ngăn nắp và một người bừa bãi sống chung một nhà, cái bừa bãi của người này làm người kia bực mình và ngược lại. Nói theo các cụ ngày xưa, vợ chồng chẳng những là duyên mà phải có nợ mới thành. Khi gió thuận mưa hòa thì "yêu nhau tâm trí hao mòn, yêu nhau đến thác vẫn còn yêu nhau" và đến khi cơm không lành canh không ngọt thì "chồng gi anh, vợ gi tôi, chẳng qua là cái nợ đời của nhau". Hay ngược lại "vợ gi cô, chồng gi tôi...".

Có nhiều người thường hỏi, tại sao con cái các ông các bà chịu đựng được, mà vợ hay chồng thì không chịu nhường nhịn nhau cho vui cửa vui nhà? Với con cái, chúng ta chẳng những dạy mà còn phải dỗ, chứ đừng nói đến nhường nhịn. Còn vợ chồng cũng nhịn nhau như nhịn cơm sống mới làm bạn với nhau suốt đời được, nhưng vì sức người có hạn, đến một lúc nào đó ly nước đầy phải trào ra. Nói theo Thiền sư Nhất Hạnh thì khi giận không nên nói ngay, vì "lời nói đi ngàn dặm", nếu lời không đưa đến sự thông cảm hay quý như viên ngọc hoặc đẹp như bông hoa, thì khoan nói.

Chúng ta phải biết chấp nhận sự khác biệt giữa mỗi người. Chúng ta không thể thay đổi người khác được. Nếu chúng ta muốn sống chung với một người khác, chúng ta phải chấp nhận sự khác biệt của họ, đồng thời chúng ta phải thay đổi cách suy nghĩ của mình. Chúng ta không phải thay đổi hành động hay công việc cũng như nhân sinh quan của mình. Chúng ta chỉ cần thay đổi cái nhìn

vào sự việc, ví như khi chúng ta giăng buồm ra khơi, nếu ngược gió thì chúng ta phải chèo như thế nào để có thể đến bờ bình yên. Đời sống là tranh đấu, khi cần tiến thì ta tiến, khi phải lùi thì ta lùi, đó là biết.

Nhân vô thập toàn, do đó chúng ta nên nhìn vào điểm tốt của người chung quanh thay vì bới lông tìm vết, chúng ta sẽ yêu đời hơn, thấy đời đáng sống và dễ thương biết dường nào. Câu châm ngôn "có đi có lại mới toại lòng nhau," do đó nhường nhịn lẫn nhau để mọi người cùng vui vẻ và hạnh phúc, đem lại không khí vui tươi trong nhà.

Mỗi chúng ta là một cá thể, không người nào giống người nào cả, chả thế ông bà chúng ta thường nói "chín người mười ý". Chúng ta thường muốn người khác tôn trọng ý kiến của chúng ta, ngược lại, chúng ta cũng nên tôn trọng ý kiến của người khác, đó là chấp nhận. Chúng ta chấp nhận ý kiến của người khác, không có nghĩa là chúng ta phải thay đổi chính mình theo ý kiến của người đó, chỉ có nghĩa là ta đã nhận thức được "họ là họ, ta là ta". Khi đã nhận thức được điều này, chúng ta sẽ không thấy bực bội vì người khác không đồng ý với mình.

Sự bực bội không chỉ làm phiền những người chung quanh mà còn làm tổn thương chính bản thân ta. Vì những độc tố sinh ra do sự bực bội chạy trong cơ thể của ta, làm thiệt hại những cơ quan trong người của ta chứ có hại được người làm ta bực bội đâu? Con người sinh ra không phải để hưởng hạnh phúc mà để nên người, để mạo hiểm và đối phó với nguy nan. Biết được điều này, chúng ta sẽ không đau khổ những khi gặp hoàn cảnh khó khăn. Chúng ta sẽ bình tâm suy nghĩ để giải quyết vấn đề khó khăn thay vì ngồi đó than thân trách phận mà chẳng đi đến đâu cả.

Nếu chúng ta sống với thuyết tương đối và chấp nhận "ai cười thì hở mười cái răng", thì cuộc sống của chúng ta sẽ vui vẻ biết bao. Chúng ta không thể thay đổi cuộc đời, mà chỉ có thể thay đổi được thái độ của chúng ta đối với cuộc đời mà thôi. Có một em bé tan học khóc lóc, Ông nội đón cháu ngạc nhiên hỏi: Tại sao cháu khóc? Cháu trả lời: Bạn con nói con là con khỉ. Ông nội nói với cháu: Cháu là cái xe hơi. Ông nội biết đứa cháu thích xe hơi. Cháu trả lời: cháu không phải là cái xe hơi. Ông nội nói: bạn cháu nói cháu là con khỉ, cháu không phải là con khỉ, tại sao cháu khóc? Đứa cháu cười.

### THA THỨ

Trong cuộc sống hàng ngày, có những việc cần nhớ thì chúng ta lại quên, có những việc chúng ta muốn quên thì lại không thể nào quên được. Có những việc đáng bỏ qua, cần sự tha thứ, chúng ta tự nhủ "tha thứ" thì nó lại lẩn vẩn trong đầu của chúng ta. Theo triết lý của nhà Phật: tất cả đều do TÂM ĐẠO. Chính sự suy nghĩ của ta đã tạo ra thiên đường hay địa ngục trong cuộc sống hiện tại của chúng ta. Nếu chúng ta có chánh kiến (right view), tự chủ và kiên nhẫn chúng ta sẽ thanh thản và bình an.

Tha thứ là một nghệ thuật để sống bình an. Trước hết chúng ta học tha thứ cho chính bản thân mình trước, khi mình làm điều gì không được như ý, tự hỏi "tại sao"? Nếu mình tìm được khuyết điểm, tự nhủ lần sau mình tránh khuyết điểm này, và thất bại là mẹ thành công. Không nên đổ lỗi cho người khác hoặc tự bào chữa là mình không may mắn. Xin thưa với quý vị, họ Đổ tên Thừa là bản tính tự nhiên và ai cũng có nhưng không trông thấy, vì khi chấp nhận mình sai là cái tội của mình bị thương tổn. Thưa quý vị, một khi chúng ta chấp nhận được sự sai trái

của chính mình, đời sống của mình thoải mái và thanh thản hẳn ra. Một khi chúng ta đã chấp nhận được sự sai trái của chính mình, chúng ta chấp nhận sự sai trái của người khác dễ dàng và sự tha thứ sẽ không còn là vấn đề nữa. Một khi chúng ta học được nghệ thuật tha thứ ví như là chúng ta đã nhấc bổng được gánh nặng ngàn cân trên đôi vai nhỏ bé của chúng ta vậy, và tránh được cảnh "cười người hôm trước hôm sau người cười" hay "gậy ông đập lưng ông". Hạnh phúc tự nhiên mà đến chẳng phải đi tìm đâu cả.

Khi chúng ta biết được "nhân vô thập toàn", chúng ta không phán đoán, không chỉ trích những người chung quanh, chúng ta chấp nhận họ là họ và ta là ta, tất cả mọi người đều vui vẻ, không ai phiền não ai cả. Khi chúng ta sống chung không phiền não đó là thiên đường hạ giới. Có một bà nọ ngồi đợi chuyến bay tại phi trường, bà thấy hai cháu trai khoảng 4 và 6 tuổi phá phách, trêu ghẹo nhau, khóc lóc. Gần đó có một người đàn ông ngồi ôm đầu. Bà nghĩ thầm "ông này thật là không có tư cách, để con cái như vậy". Một lúc sau, người đàn ông ngừng đầu nói với bà: Vợ tôi mới mất hai tuần nay, tôi thật không biết làm sao, nay tôi mang hai cháu về để mẹ tôi giúp đỡ trong lúc này. Bà hối hận đã nghĩ lầm về người đàn ông đó, bà tự nhủ, từ nay không phán đoán bất cứ người nào, vì mình không ở trong hoàn cảnh của họ.

## SỨC KHỎE

Không có gì quý hơn sức khỏe và sức khỏe là nguồn cội của hạnh phúc. Ai cũng biết điều này, nhưng nói đến giữ gìn sức khỏe thì đại đa số chúng ta không ai để ý đến cả. Vì bận rộn với sinh kế, công việc hàng ngày trong gia đình, chúng ta quên hưởng hạnh phúc chúng ta đang có là

sức khỏe và sự thanh thản của tâm hồn. Ngoài mưu sinh, chúng ta đem sức khỏe đổi lấy những nhu cầu vật chất không cần thiết. Chúng ta đều biết rằng không có đủ tài chánh cũng không có hạnh phúc, nhưng chúng ta cũng biết rằng có tiền cũng không mua được sức khỏe và hạnh phúc, có chăng là "mua vui cũng được một vài trống canh".

Chúng ta làm việc không ngừng, hãy nhìn vào chiếc xe của chúng ta, mỗi mấy ngàn dặm là phải thay nhớt, chúng ta làm việc thay dầu nhớt đều đặn, nhưng sức khỏe của chính chúng ta thì chúng ta không ngó ngang đến. Muốn ăn gì thì ăn, uống gì thì uống, muốn thức đến lúc nào để chơi thì thức. Đến lúc thân thể đau đớn thì than ngắn thở dài, chạy thầy chạy thuốc khắp nơi.

Ai cũng biết phòng bệnh hơn chữa bệnh, nhưng thông thường chúng ta quên mất, chỉ đến khi đau ốm thì mới nhớ đến điều này. Một việc rất đơn giản là ai cũng biết mỗi người cần uống hai lít nước một ngày để phòng ngừa bệnh tật thông thường như táo bón, nhức đầu ... Cơ thể con người cần lọc những chất cặn bã ra khỏi cơ thể bằng nước uống, nếu chúng ta không uống đủ nước, những chất cặn bã có thể làm hư hại những cơ quan trong cơ thể. Ai cũng biết là uống rượu nhiều có thể làm hư gan, hút thuốc lá nhiều có thể bị ung thư phổi và có thể hại đến những người mình thương yêu sống chung cùng một nhà. Nhưng hút thuốc lá thì cứ hút và uống rượu thì cứ uống mà nước thì không uống. Mỗi người trong chúng ta có một thế giới riêng, nếu chúng ta suy nghĩ là sống để hưởng khoái lạc cho bản thân, hay đập lên người khác mà đi, thì chúng ta không cần gìn giữ sức khỏe của chính mình, và cũng không cần nghĩ đến ai cả, muốn làm gì thì làm. Nếu chúng ta suy nghĩ là sống để hữu ích cho mình, và cho

những người mình thương yêu cùng với nhân loại thì điều kiện đầu tiên là phải giữ gìn sức khỏe của chính cá nhân mình. Cá nhân mình có sức khỏe, mình mới vui vẻ, và khi mình vui vẻ thì những người sống chung với mình mới vui vẻ được vì "một con ngựa đau, cả tàu không ăn cỏ". Chúng ta có khỏe mạnh mới lo cho mình và cho người khác được.

Chúng ta nên sắp đặt công việc và thời gian cũng như bỏ bớt những nhu cầu không cần thiết, để chúng ta có thời gian nghỉ ngơi, và hưởng những hạnh phúc mà chúng ta đang có là sức khỏe, gia đình, con cháu nô đùa, hoặc cái đẹp của bông hoa cũng như vườn cây cỏ và những gì đang hiện hữu (the present). Hãy quên đi những lầm lẫn, hãy quên đi những thất bại, hãy quên đi những gì trong quá khứ, hãy để tâm vào công việc bạn đang làm và làm đến nơi đến chốn. Ngày hôm nay là một ngày may mắn vì chúng ta có sức khỏe, có việc để làm và hữu ích cho mình cũng như cho người. Tương lai là những gì chưa đến, dĩ vãng là những chuyện đã trôi qua, hiện tại là món quà chúng ta đang có, tại sao chúng ta lại thả mỗi bất bóng?

**NGUYỄN THỊ VIỆT NAM**

Ngày 05 tháng 07 năm 2001





## **BÂNG KHUÂNG**

*Trời lạ bâng khuâng một cánh chim,  
Đường xa nẻo mới chẳng mong tìm.  
Chuyện xưa nhiều lúc nao nao nhớ.  
Mong gặp người xưa tỏ nỗi niềm!*

## **QUA SÔNG**

*Qua bến Hà Nhung một buổi chiều,  
Nương dâu xơ xác, xóm đìu hiu ...  
Con đò đã đổi bao tay chổng,  
Khói lửa chưa vui được ít nhiều!*

## **THU HẢI ĐẢO**

*Lác đác vàng khô lá rụng rơi,  
Hơi may thoang thoảng một phương trời.  
Ngậm buồn lòng biển thổi cuồng nộ,  
Hải đảo cười đau khóc hận ... đời!*

**BÙI PHONG KHÊ**



# HUYỀN THOẠI TUỔI THƠ

GIÀ CU

Hơn hai mươi lăm năm xa quê hương nhưng đã hơn mười năm nay Việt Kiều đã có thể về lại Việt Nam, có người về hà rầm hàng năm, về thăm, về làm ăn buôn bán và có người xin về ở luôn nữa. Xa quê hương còn có ngày về nhưng tuổi thơ qua rồi thì làm sao quay trở lại được!

Năm ấy Phan được 6 tuổi, đi học lớp vỡ lòng với thầy Hữu trong làng. Thầy Hữu là con ông xã cự giàu có nhất làng. Thầy là một trong một số rất ít người trong xã, đếm không hết trên mười ngón tay, đã học trung học và đi thi trung học đệ nhất cấp (lớp chín bây giờ). Nghe nói là vì học tài thi phận cho nên thầy thi mãi mà không đậu. Hồi ấy, phải đậu cái bằng này học sinh mới được học tiếp lên lớp cao hơn, cho nên thầy phải về quê mở trường dạy học tạm để chờ kỳ thi năm sau như các ông đồ ngày xưa vậy.

Nhà ông xã rất giàu, có thể nói là giàu có nhất xã, ruộng đất rải rác khắp nơi trong xã. Nhà ông xã cự là một dinh cơ to lớn cất theo kiểu xưa, tường làm bằng thứ vật liệu như những đình miếu, chùa chiền hay những lăng tẩm tại cố đô Huế. Dinh cơ của ông xã gồm nhiều nhà dính liền nhau. Riêng ngôi nhà trên, nơi có bàn thờ ông bà nhiều đời, cái mái hiên trước đủ rộng để thầy Hữu mở lớp học tại nhà.

Lớp học có khoảng 20 đứa, là con cái của cái xóm có vài chục gia đình chạy dài dọc theo chân núi Hòn Vồ. Bạn bè của Phan là những thằng cu này thằng cu kia, con Dung, con Hạnh, con Lan, con Lài v.v...

Một hôm thức dậy trễ, vội vàng ăn qua loa một chén cơm nguội với đường tán, Phan cặp sách chạy đến trường. Khi Phan đến lớp học thì các bạn đã có mặt đủ cả rồi và thầy Hữu cũng đang bước ra từ căn nhà kế cận để đến lớp học. Vì thấy Phan hôm nay mặc chiếc áo rộng thùng thình và dài quá đầu gối, thằng cu Tủng hiếu kỳ chạy tới cầm vạt áo kéo lên coi. Cu Tủng ngạc nhiên la to:

- "A! Thằng Phan không mặc quần!"

Nghe tiếng la ngạc nhiên của Cu Tủng, cả đám đông ngừng chơi, quay nhìn về hướng Phan và Tủng. Cu Tủng một tay thì cầm vạt áo đỡ cao, tay kia chỉ xuống dưới cho bạn bè coi là thằng Phan không có mặc quần. Vài đứa hiếu kỳ chạy lại xem cho rõ một cách tò mò, tuyệt nhiên không có thái độ phê phán gì cả, kể cả con Dung, con Tùn cũng chạy lại sau đó ... Còn Phan, hấn cứ đứng đó như một tên trộm bị bắt quả tang nhưng không biết mình đã bị bắt vì tội gì! ... Thấy đám học trò lóc nhóc của mình dồn lại một chỗ, Thầy Hữu ghé lại xem, và nói:

- "Phan, con mặc áo của ba con phải không? Con về thay áo, mặc quần vào rồi đến học".

Thầy Hữu lên tiếng làm Phan hoàn hồn tỉnh mộng, lách đám đông chạy về nhà. Thấy con hấp tấp chạy về, má Phan ngạc nhiên hỏi:

- "Sao con lại chạy về không ở lại học?"

Cùng lúc ấy má Phan cũng nhận ra là con của bà đã mặc chiếc áo cũ rách nát của chồng để ngủ ban đêm, vì nhà quá nghèo và bà đã quên nhắc con thay áo khác để đi học. Bà cũng đã cười ra nước mắt khi biết con của bà vì mặc chiếc áo quá dài nên đã quên là mình không có mặc quần bên trong.

Sau khi đã biết đọc biết viết thì Phan được nhận vào học lớp năm (lớp một bây giờ) tại trường tiểu học Diêu

Trì tại xã Phước Long. Hồi ấy xã Phước An chưa có trường tiểu học. Phan không nhớ gì về năm học lớp năm, nhưng sang năm học lớp tư (lớp hai) với thầy Mười thì không bao giờ quên được. Thầy Mười nổi tiếng như cồn vì nhiều lý do: Thứ nhất là thầy có một con mắt, còn con mắt kia, hồi ấy nghe đồn là bị nổ nên bị lòi ra một cục trắng đục hình nón. Nếu để như thế thì trông thầy rất dễ sợ nên thầy mang kính đen suốt ngày. Lý do thứ hai là sự đánh học trò. Hồi ấy cả xã, có thể nói là từ lớn tới nhỏ, ai ai cũng biết chuyện thầy Mười đánh học trò. Thầy đánh ghê gớm lắm, đánh bằng roi mây, sau đó "nâng cấp" đánh bằng roi cá đuối. Khi một học trò bị kêu lên bảng để dò bài mà không thuộc bài hay không làm nổi một bài toán trên bảng đen là thầy tự nhiên nổi giận phừng phừng, rút roi mây hay roi cá đuối ra quất như mưa sa gió táp vào đứa học trò tí hon của mình cho đến khi cơn giận hạ xuống. Mỗi lần bị đánh như thế thì đứa học trò bất hạnh đó cũng đã bị te tua không còn manh giáp gì nữa. Thầy đánh thật và đánh có "chất lượng" cho nên học trò sợ thầy như sợ cọp và nhờ đó thầy rất có tiếng tăm và đã trở thành một huyền thoại. Hồi ấy cũng còn có vài vị thầy dạy vỡ lòng của những trường làng chung quanh đó cũng khá nổi tiếng nhờ đánh học trò. Có lẽ là vì câu tục ngữ "*thương cho roi cho vọt, ghét cho ngọt cho ngào*" cho nên một số thầy không ngại chuyện đánh đập và cha mẹ lại thường gửi con đến học các vị thầy nổi tiếng nhờ đánh đấm học trò.

Cũng năm này mẹ của Phan sinh đứa con thứ ba tại nhà hộ sinh gần đó. Hồi ấy nhà hộ sinh chỉ lo sinh đẻ còn vấn đề săn sóc và ẵm thực cho sản phụ thì gia đình phải lo lấy. Vinh, đứa em kề Phan, hằng ngày lãnh trách nhiệm đem cơm nước đến cho mẹ. Hôm ấy không biết vì lý do gì

mà mẹ không ăn nên sai Vinh đem phần cơm ấy cho Phan tại trường gần đó.

Khi Vinh tìm đến được lớp tư thì gặp thầy Mười mang kính đen đang đứng ngay cửa lớp nhìn ra ngoài làm Vinh sợ quá nên lùi ra xa. Sau một chút suy nghĩ, Vinh đi vòng ra phía sau trường đến bên cửa sổ phía sau lớp học. Khi Vinh vừa du lên được cửa sổ để tìm Phan trong lớp học thì thầy Mười cũng vừa đi đến phía cửa sổ. Ông ngạc nhiên thấy đứa bé đang lấp ló như muốn tìm ai trong lớp học. Ông hỏi lớn:

- "Mày là con ai?"

- "Con của má". Vinh trả lời một cách sợ sệt.

Thầy Mười hơi khựng lại, có lẽ ông nghĩ rằng mẹ của nó thuộc thế hệ con của ông nên dù nó có nói ra chưa chắc ông đã biết được nên ông hỏi tiếp:

- "Mày là cháu ai?"

- "Cháu bà ngoại". Vinh trả lời ngay không cần suy nghĩ.

Câu trả lời ngoài sự tưởng tượng của ông làm ông suýt bật cười. Ông nghĩ là nó muốn tìm ai nên hỏi tiếp:

- "Mày tìm ai?"

- "Tìm anh hai". Vinh mừng rỡ trả lời.

..... Cuối cùng thì phần cơm cũng đã tới tay người nhận.

Lớp ba thì có thầy Sử, ông không đánh học trò như thầy Mười nhưng lại bôi mặt học trò bằng mực xanh mực đen. Một hôm trong giờ ra chơi khi đi ngang qua lớp ba, Phan cười thích thú khi thấy một trò bị phạt đứng ngay cửa lớp, mặt bị bôi mực đen chỉ chừa hai con mắt và miệng nên trông như thằng hề trong những gánh xiếc nhưng khi tò mò đến gần coi xem nạn nhân là ai? Phan giật mình vì người đó là Ba Khương, người anh họ của Phan!

Học xong lớp ba thì xã Phước An đã có trường tiểu học nên Phan được chuyển về học trường của xã mình. Mùa hè năm đó, nghe nói bên kia cánh đồng có một người mở trường dạy học, vị thầy này có nhiều cái lạ và rất được dân chúng trong xóm làng kính nể. Nghe như vậy, lập tức ba Phan gửi con đến học hè.

Lớp học như một cái lều chợ, đủ mọi tầng lớp, từ lớp vỡ lòng cho tới những lớp biết tập làm toán đố, học trò tha hồ nói chuyện kinh cãi nhau còn thầy thì cứ dạy như nói chuyện với bảng đen. Nghe nói là ngày xưa thầy học giỏi lắm, học hết sách hết vở nhưng vì học tài thi phận nên bị rớt và bị điên luôn. Sau khi bình phục, gia đình đem thầy về quê và bỏ hẳn chuyện học hành thi cử, thầy đã lấy vợ, có con và bây giờ mở trường dạy học. Nhờ cái huyền thoại học giỏi, học nhiều đến hết sách hết vở đến bị điên luôn và vì cái cá tính khác thường như triết gia của thầy đã làm thầy nổi tiếng giữa đám dân quê chất phát và thích huyền thoại.

Cuối năm lớp nhì, mùa hè năm đó, nghe nói ông Trác mở trường dạy học ở thôn Đại Hội. Ông Trác là anh ông Bân, ông Bân đang làm phó chủ tịch xã và rất giỏi. Ông Bân đã giỏi, nghe nói là ông Trác còn giỏi hơn ông Bân một bậc cho nên nghe ông Trác mở trường dạy học là ba Phan lập tức gửi Phan tới học hè ngay.

Phan không còn nhớ gì về những ngày học với thầy Trác, chỉ nhớ những ngày ở đậu tại nhà một người quen mà gia đình đã gửi Phan tại đó để trọ học vì khoảng cách từ nhà Phan đến trường thầy Trác quá xa đối với đứa bé chưa quá mười tuổi. Gia đình ấy ngoài cặp vợ chồng còn hai đứa con nhỏ và một người cha già. Ông già đầu tóc muối tiêu trắng đen lộn xộn, rất hóm hèm với râu ria lồm chồm, cộng dài cộng ngắn dưới cằm, môi trên, môi dưới ...

Trong bữa ăn ông ăn rất chăm chỉ, thấy món nào ngon là ông chăm chú ăn cho hết món đó trước tiên. Ở miền quê thì ăn cơm với cá là chính. Khi có con cá nào được gắp ra đĩa là ông lo dẽ cá và gắp cá ăn liên tiếp, hết miếng này đến miếng khác cho đến lúc còn bộ xương trắng hếu với cái đầu và cái đuôi còn chút màu da cá đen đen. Suốt ba tháng trời Phan chỉ còn cách ăn hai con mắt cá hay mút cái đuôi cá mà thôi! Cái đầu cá hơi lớn nên để dành cho hai vợ chồng ông chủ. Có hai lý do Phan ít khi đụng tới đầu cá, một là vì già đình có dọn trước khi đến ở đậu nhà người ta, là phải nhường cái gì lớn cho chủ nhà; hai là biết mình không thể nuốt nổi cái đầu cá lớn được, có thể bị mắc cổ, còn bỏ cả vào miệng nhai giập để hút nước rồi nhả xương ra thì sợ trông thô lỗ quá và có khi cũng không nhai nổi và bị xương chọt miệng.

Còn nữa, khi ăn hết cá rồi là ông già lấy muống múc nước cá, nước canh để húp chùn chụt nghe rất kêu, có khi thấy chưa đủ hay múc từng muống nhỏ mất công, ông bưng cả tô lên húp nữa. Khi ông để tô canh xuống Phan thấy có vài cọng râu trắng nằm trên mặt nước canh, đấy là chưa kể vì răng cở lõm chớm, cái còn cái mất, môi và lưỡi bị lấn cấn nên mỗi lần húp xong Phan thấy nước canh nhều nhão ra hai bên mép chảy xuống tô canh hay chính ông lấy tô canh hứng những nhều nhão đó. Xong bữa ăn, râu ria của ông lấp lánh dưới đèn vì dính đầy nước canh, nước cá.

Lên bậc trung học, ba Phan rất buồn khi thấy con mình được cho học với những bậc thầy danh tiếng như vậy mà không vào được trường công. Bây giờ ông càng quyết tâm hơn, phải tìm cho được thầy giỏi cho con theo học.

Sau một thời gian dò hỏi, ông quyết định cho con tới học với thầy Thao tại xã Phước Thành. Thầy Thao cũng là

một hiện tượng lạ, một huyền thoại vì thông thường các trường tư trong làng xóm ở thôn quê là cho những lớp vỡ lòng hay tiểu học, nhưng thầy Thao lại mở trường dạy trung học. Ban đầu dường như là những lớp luyện thi vào đệ thất trường công nhưng vì có nhiều người rớt trở về nên thầy mở lớp dạy tiếp lên bậc trung học. Thầy rất thành thật không giấu giếm gì về tài năng của mình, có khi đem những cái dở của mình ra nói nữa. Thầy thường nói là mình dở toán lắm nhưng rất giỏi Pháp văn cho nên thầy không đậu được cái bằng trung học thời Tây và bây giờ thầy dạy toán cho đám học trò của mình. Có lẽ vì ảnh hưởng cái tài Pháp văn của thầy mà sau này Phan đã vào được y khoa vì môn ngoại ngữ hệ số hai còn các môn khác hệ số một.

Một hôm bỗng nhiên nghe bạn bè bàn tán xôn xao về vợ chồng thầy Mai và con Xuân. Xuân và Mai cùng học với Phan tại trường tiểu học xã Phước An nhưng cả hai đều đã lớn tuổi cho nên chỉ vài năm sau đó là hai đứa đã lấy nhau trong khi còn đi học. Nghe đồn rằng một hôm Mai đi đâu về, khi đến vò nước cạnh cửa sau, thấy Xuân đang đứng chống khu vò gạo để nấu cơm. Ở nhà quê phụ nữ thường mặc quần lụa đen bóng loáng, vì thấy vợ trong tư thế chết người đó, Mai liền kéo vợ vào buồng mà không để ý gì đến nồi gạo đang vò nửa chừng.

Không lâu sau đó má của Mai đi làm ngoài đồng cũng vừa về. Khi đến cửa sau, bà thấy cả một bầy gà đang đấm đá giành nhau ăn nồi gạo, gạo văng tung tóe, tiếng gà đấm đá la ó nhau như cái chợ. Hoảng hốt, lo sợ một điều gì bất thường đã xảy ra vì tại làm sao mà nồi gạo lại bỏ đó cho đám gà tranh nhau ăn? Bà liền bưng nồi gạo chạy vào nhà. Bà có vẻ tức giận, đi tìm đứa con dâu để cho nó một bài học về sự chín chắn, chu đáo và có ý tứ



của một người đàn bà. Thấy cửa buồng mở, bà chạy ngay vào. Khi vừa bước qua khỏi ngạch cửa thì ba tiếng la thất thanh kinh hồn táng đờm cùng phát ra một lượt, rồi tiếng nổi đất rớt xuống bể tan tành và gao văng tứ phía.

Cũng trong những năm này, Du kích Việt Cộng gia tăng hoạt động, ám sát những viên chức chính quyền địa phương và những thành phần liên hệ. Xã Phước An và xã Phước Thành trở nên bất an nên gia đình Phan dời xuống Diêu Trì thuộc xã Phước Long, và trường thầy Thao dời xuống thị trấn Vân Hội cùng xã và sáp nhập vào trường Bồ Đề Diêu Trì, nơi đây Phan gặp thêm hai người bạn mới là Trần Đình Mười và Trần Phòng, hai người bạn khá to con đến từ xã Phước Quang. Trần Phòng ở trọ tại chùa Diêu Phong.

Tối đó khi đến nơi thì Phan đã nhận ra Trần Phòng, con người cao lớn trong đám đông đang coi chiếu bóng ngoài trời do ty thông tin quận tổ chức trên sân cỏ gần trụ sở xã Phước Long. Phan len lỏi đến gần và đứng phía sau Trần Phòng. Trước mặt Trần Phòng là một đám con gái. Mọi người đang chăm chú theo dõi chuyện phim trên màn ảnh.

Cô gái trước mặt bỗng nhiên quay người lại nhìn Trần Phòng và nói một cách tức giận:

- "Cái ông này!"

Rồi hai tay sửa lại vạt áo trước khi quay người lại xem phim tiếp. Trần Phòng ngạc nhiên không hiểu ắt giáp gì cả. Sau một vài phút ngơ ngác phân vân Trần Phòng cũng ngược mắt hướng về màn ảnh để theo dõi chuyện phim.

Sau vài phút, cô gái bỗng quay người một cách nhanh chóng, một tay chụp lưng quần một bên hông, nhìn Trần Phòng và nói một cách giận dữ hơn:

- "Cái ông này kỳ cục quá!"

Có lẽ cô gái đã nghĩ rằng Trần Phòng đã kéo vạt áo mình trước đó và bây giờ lại kéo lưng quần của mình nữa. Nàng sửa lại lưng quần và quay mặt nhìn lên màn ảnh coi tiếp. Trần Phòng lại ngạc nhiên ngơ ngác không hiểu ắt giáp gì cả.

Vài phút sau, cô gái bỗng nhiên quay người lại một cách chớp nhoáng, tát vào mặt Trần Phòng một cái "bốp", rồi nói một cách cực kỳ tức giận:

- "Đàn ông gì mà kỳ cục quá!"

Rồi nàng tránh đi chỗ khác, hai tay sửa lại lưng quần. Nàng lại tưởng Trần Phòng lén kéo lưng quần của mình một lần nữa. Trần Phòng hai tay ôm má và ngơ ngác nhìn quanh không hiểu ắt giáp gì cả! Nhưng lần này Trần Phòng đã chú ý và thấy rằng cứ mỗi lần như thế nàng đều sửa lại vạt áo hay lưng quần cho nên Trần Phòng nghi có người lén kéo vạt áo hay lưng quần của nàng từ đằng sau của mình. Trần Phòng quay người lại tìm kiếm nhưng Phan đã may mắn lẩn đi chỗ khác khi thấy cô gái đánh Trần Phòng quá nặng. Mãi đến khi buổi chiếu phim gần hết Phan mới đến gặp Trần Phòng và giả bộ như vừa mới thấy bạn.

Phan học nhảy ba năm bốn lớp và đã sắp đến ngày thi trung học đệ nhất cấp, cả bọn bốn đứa: Phan, Liêm, Mười, Quang rủ nhau lên chùa Diêu Phong của Trần Phòng để học thi và ngủ luôn tại chùa, trải chiếu ngủ ngay trước bàn thờ trong chánh điện. Vì là lần đầu tiên ngủ chùa mà lại là chùa trên núi, chung quanh cây cối rậm rạp, quang cảnh trong chùa lại có vẻ huyền bí, đủ loại hình tượng, ông thiện ông ác, Phật to Phật nhỏ và các hình vẽ chín tầng địa ngục nữa ... cho nên Phan tìm cách nằm chính

giữa các bạn cho chắc ăn, mà như thế là nằm ngay ngạch cửa của cửa chính vào chính điện.

Vì học khuya nên cả bọn ngủ rất say. Khoảng mờ mờ sáng thì Phan thức giấc đồng thời Phan cũng phát giác là có một con gì đang động đậy trong quần, trong háng của mình. Phan chết điếng trong lòng vì nghi đó là một con rắn, có thể rắn chun ngạch cửa vào chùa để bắt chuột hay từ trong chùa ra ngoài kiếm ăn rồi gần sáng trở vào chùa để ngủ, vì Phan nằm ngay ngạch cửa nên rắn chun thẳng vào quần của mình.

Phan nghĩ là chắc chết rồi, con rắn này có lẽ là nhỏ, như vậy có thể là rắn mun, rắn cạp nong ... loại ấy độc lắm, cắn là chết! Phan như chết cứng, nghệt thở không biết là toát mồ hôi hay đang lạnh cóng, cái chết đau khổ đang diễn ra trong đầu. Phan không dám rục rịch vì trong háng có nhiều thứ trong đó, nếu thấy động con rắn có thể mổ bất tử hay tưởng nhầm là thứ ăn được mà nuốt bậy thì sự việc sẽ rắc rối hơn! Trong khi Phan nằm chết cứng thì con rắn cứ từng lúc động đậy như đang trở mình hay đang loay hoay tìm chỗ ngủ. Phan bỗng nhớ mẹ nhớ cha nhớ anh em ghê gớm vì trong chốc lát nữa đây sẽ không còn gặp họ nữa. Ôi! công lao cha mẹ! nghe nơi nào có thầy giỏi, thầy hay, có huyền thoại ... là gửi con đến học. Còn ta, đã học đến hết sách hết vở, và học toàn là những danh sư, mà giờ đây phải chết nơi này! Phan âm thầm khóc!

Một ý nghĩ thoáng qua đầu, tìm cái sống trong cái chết, Phan tung mình nhảy thẳng lên cao, hai tay giữ hai ống quần lia lại, hi vọng là con rắn sẽ rớt ra nhanh chóng.

Phan nghe một tiếng "phịch" do một vật rơi xuống đất từ trong háng của mình.

Trong ánh sáng lờ mờ, Phan thấy một con cóc đang nhảy từng bước về phía góc tường!

Kỳ thi năm đó Phan đậu cao và được nhận vào trường  
công Cường Để Qui Nhơn.

**Daytona Beach**

11/01

## NHỚ XUÂN

*Xa quê hương bao năm tôi vẫn nhớ  
Đò chiều về, nôm rộ cánh diều bay  
Dốc Cá mỗi mòn, biển, cát có hay?  
Xuân xứ lạ, hồn xuân sao lạnh vắng*

*Nhớ xuân xưa ta đùa vui dưới nắng  
Đượm tình mình màu cát trắng quê hương  
Sóng biển dạt dào, núi biếc thân thương  
Cùng với tiếng liễu dương reo trong gió*

*Tết năm xưa pháo nổ vang ngoài ngõ  
Gió xuân về khoe áo mới mẹ may  
Thoáng mắt nhìn núi Cẩm và làn mây  
Bầy én lượn, tung bay trời quê mẹ*

*Xuân năm xưa ta đón xuân vui về  
Những mùa xuân tuổi trẻ với làng quê  
Thuyền xa khơi, thuyền đổ bến, thuyền về  
Và thôn xóm vui xuân ngày hội lớn ...*

**NGUYỄN HÒA**

San Jose California

## BA NGOAI

*There are those of us who did not ever know our grandmothers. Maybe they passed away when we were born or maybe they live in another part of the world. Or maybe such things beyond our control, such as war, separated us from them. But for those of us who were fortunate enough to get to know our grandmother, it is truly a precious experience. The following poem I dedicate to my Ba Ngoai.*

*The gods blessed me when I was born in your house.  
And twice blessed to understand this treasure given to me.  
Born a village girl, simple in your needs  
No demands, no worldly desires,*

*Yet, in my world full of needs, you have provided.  
In my time filled with darkness, you bring light.  
In my period of desolation, you offer hope,  
And in my moment of confusion, you stand so clear.*

*Gentle as the breeze, your spirit calms the harsh wind,  
Trouble and clashing among your members,  
You only seek to ease, to soothe the raging seas.  
And from your very being, there is unity.*

*Though history books will never mention you,  
And monuments will never be built.  
Though no city street will bear your name,  
And no holiday will be named at your passing,*

*You will continue,  
Uninterrupted,  
Undiluted,  
And Forever,  
In the souls of the generations of children that you have  
given life to.*

**BICKLY DANG, O.D.**



Nhịn điều người ta không thể nhịn được.  
Dụng điều người ta không thể dụng được, chỉ có người  
kiến thức và độ lượng hơn người mới được như thế.

**Trình Di**

# *A Day at the Beach*



*From far away,  
We came and will stay,  
At this wonderful and luxurious beach.  
At daybreak the sun would wake with no words,  
The cries of the gulls could be heard,  
As the light would calmly rise.  
The waves would crash here,  
The waves would crash there,  
And the sparks of the sun could be seen.  
But soon it'll be noon,  
It has come just too soon,  
As the sun began to work its heat.  
The sky would shine brightly,  
The green sea sparks as lively,  
As clear as a new diamond ring.  
The sun slowly weakens,  
Then suddenly starts sinkin',  
Down under the sea's horizon.  
As the white moon is rising,  
The sun is soon dying,  
Against the dark. blue sky.  
And once again,  
The sun hides in its den,  
Until the next day's to come.*

*By: Amanda Uyehara*



# IN MEMORIAN

*I closed my eyes  
To catch a glimpse of you  
From afar ...*

*I can see  
Those eyes, those lips  
The golden smile that I will forever miss.  
Then I cried ...*

*I turned around  
To find nothing  
But an empty room  
And this unspeakable pain  
Of your passing  
Without a hug, without a word, not even a goodbye kiss.  
Then I walked away ...*

*I knelt down and prayed,  
Wishing  
That I, too, may be taken away  
Than go on  
With no purpose  
Nor meaning  
Then I heard you say!  
"Be still, my Love  
I am with you every step of the way  
Till we meet again,  
In another time  
In another life  
In another day."*

**HIEN NGUYEN, M.D.**



# A TRIP TO VIỆT NAM

ARIANA TRUONG UYEHARA

*The social studies teacher is talking. The class is discussing about heritage. You know, where we come from, our background. Well, she's talking very quickly so I can't keep up with her. Ugh. I wonder what my heritage is. Wait a minute, I do know what my heritage is! I am half Japanese and Vietnamese. I wonder what Vietnam is like. I just wish I could win a trip there. But I could always dream about it, couldn't I? Then I'll start by imagining that I'm there ...*

\*

\* \*

9/25/01 SAIGON:

*Hello! Today I've won a trip to Vietnam!*

*I'm left from San Francisco airport because, the Oakland,*

*and San Jose airports didn't have flights to Vietnam.*

*In case you wanted to know, I already had breakfast and lunch.*

*I just arrived (at night) in Vietnam in the Tan Son Nhat airport.*

09/26/01

Journal Entry 1 Saigon

Today I woke up and found myself in Ho Chi Minh City. I got ready and left to another restaurant. I finished eating the soup called Pho, (it's really chicken soup with onions and bean sprouts) and it costed about 25¢.

I went to visit the Army museum, that included a lot of weaponry things like an aircraft from the Vietnam war.

*I also dropped by the and saw that there was a lot of shelves of science and Social studies books I read about the Vietnam War, how it all started here, and things like that.*

I was about to leave when suddenly my bike was missing! I was about to blow up at that moment! Luckily, I still had a lot of money! I walked to a bike shop in Ho Chi Minh City and went inside. I took a look at the price and it was about \$1. I took out my wallet and got out a dollar. The cashier gave the bike, and of I went.

I got a little hungry at 12:25. I found the closest restaurant called Hong Lien and went inside. I got a little tired of eating Pho so I decided to choose the special, BBQ pork over rice and bean sprouts. I finished eating, then ordered "bun bo hue". It's a really, really, spicy soup with beef, tendons, very hot soup, a huge part of a pork, and vermicilis. I forgot to tell them to not put it too spicy (because they didn't offer to ask) so I tried it and my mouth was blistering! I had to order 4 cups of water because of that! Unfortunately, the soup and four glasses of water costs about 50¢.

I then left to look around the area because I'm never gonna see it again so I rode off for a pretty long time talking to people asking how are they and other nice questions.

I took a look at my watch and it was 5:59! I think at 1:00 I started talking and now, it's so late! I'd better find a restaurant before all the restaurants are filled!

At this time I guess I was too late ... but it's about time that they let me in! I ate at a restaurant called Hong Thu where the people here had nice service but unfortunately, not all are respectful. I ordered a bowl of Pho with meatballs and that was 25¢ and the meatballs were delicious! But, I didn't buy another one.

After I ate at the restaurant I booked a hotel called "Tamky Hotel" which costs about 1,649,472 dongs.

Well, earlier you've heard/read the word dongs, well, in Vietnamese, dongs means dollars so I'll say that word a lot. Beause of my sleepiness, it brings this to an end ... bye ...

09/27/01

Journal Entry 2 Nha Trang

Today I woke to find myself in Nha Trang

I kind of remember this city, my friend once told me about it because she traveled to this city once.

Uh-oh! I have to leave now because this hotel will kick your butt out at 11:00 sharp. That stinks!

I'm looking at my map right which says that this city is the capitol of Khánh Hòa Providence.

Anyway, I ate at this really expensive restaurant because it's the only one I could find and because the fact

09/30/01

Journal Entry 4. Hue

Ah, I had just woken up at 9:00 and found myself in Hue. I smell a smelly odor ... Oh my gosh! I smell like a skunk!

I took a shower and now I'm refreshed and hungry so I rode to a restaurant called "Hue" too!

Then I ordered a big bowl of Bun Bo Hue, but today's wasn't that spicy, and the food were a rip-off too. They cooked a small bowl of soup! It costs about \$1!! "14,995.20 dongs" That's pretty expensive! I also almost choked on a bone thanks to the lousy cooks! I heard some choking from the back and turned around. What I saw was this guy running out of the restaurant and choking running around in circles like a maniac! I don't blame him. I would have done that, too.

Now I have about 18,704.35 dongs left "thanks to the cooks.

I guess I better check out a museum around here too. I am 400 miles South of Hanoi. Rice fields surrounds this city! (I think they grow a lot to trade or sell with other countries). I just passed some.

Then came the guard. He's huge! Luckily for me I had a lot of money and so he made me pay 25¢. I was rummaging through my pocket trying to look for my stupid 25 cents when I heard the guard say "Hey Lady, I don't have all day!" In Vietnamese I mean, what's his problem?!

After that strange incident, I looked at this historical building that used to be a capitol of the "Nguyen dynasty (1802-1945).

Inside this city also included the royal Citadel, flag tower, royal palace, and royal tombs.

This brochure I received from the bossy weirdo guard says that Hue's forbidden Purple city was once reserved for the royal family; it was severely damaged during the Vietnam War. Outside the city is the religious site known as Nam Giao Hill, or Heavens Alter.

I'm kinda getting hungry right now because I've been going around for 3 hours so far. Gee, time goes so fast around here! Or else my watch is broken!

This time I dropped by a different restaurant and they didn't have Pho or the spicy soup. They said they only have raw pork so I took a taste and ran to the bathroom, barfed/or did the proper thing you do when you feel like you want to barf. I ran out again. I still could taste the taste of the raw pork in my mouth, eew ... so I ordered chicken and rice. Why did the cook leave chicken bones in my chicken when there not suppose to be there? And why didn't I have a happy dinner? Ugh! And all that was for 20 cents.

I went to the library and read a few books. Most of them were good but the one I thought was most of them was mainly based on the Vietnam War. I stayed about 2 hours reading that book until it was 6:00.

I biked to this fancy restaurant, probably for the rich. I entered and all the food looked delicious! The smell was also appetizing! The dinner I ate was 25 cents.

I booked this hotel called Century Riverside Hotel. The cost was about 974,688 dong. I have about 45,673,104.8 now; still have a lot! Ahhh ... Night ... Night.

10/01/01

### Journal Entry 5. Da Nang

Hello again! Today I woke up and I'm in Da Nang.

I went on my bicycle to a restaurant and ordered a huge bowl of Pho. "It costs about 25¢.

I'm so stuffed now I thought the wheels on my bike were going to pop! I dropped off at the Cham Museum; it has a big collection of cultural artifacts from the ancient kingdom of Champa, including many sandstone sculptures of Hindu images.

I also found out that during the centuries of Chinese and Vietnamese imperial rule, Vietnam's society was predominantly agrarian. Its major source of wealth was rice. They grew a lot of crops.

In addition to rice, the crops included coffee, tea, rubber, and other tropical products. The picture here is showing how the people get rice.

I'm so tired today; I just ate lunch too. Which costs about 25¢ I feel like taking a ride around the city right now. I rode around the whole city and now my legs hurts!

I already have dinner that is about 50¢ and I'm booking in a hotel right now, which is called Furama Resort. Well, Good night!

10/02/01

### Journal Entry 6 Binh Dinh

Hello! Today I have landed in Binh Dinh. It's where my mom was born.

Today I'm planning take a tour around the Champa tower. This tower is most famous place in Binh Dinh.

Right now feel really hungry. I dropped by the eating house because there were no restaurant here. The people said the special was rice paper rolled with egg, pork meat, bean sprout, and some special vegetable dipped with fish sauce. And I drank a big bowl of green tea. I paid the cashier 750 dongs "5¢ in the U.S."

Now I walked to the tower called "Thap Thu Thien."

This tower was created a long time ago. It is roughly 20m tall and 11 meters wide. On top of the tower has a big tree, but if you look from far away, it looks like a women with long hair.

When I walked inside it was really dark with a lot of spiders and bats flying around inside like a haunted house. And around there were a lot of big rocks built narrower at the top like a pyramid. There were many tourists walking around the tower, some were panicking because of the bats.

This tower is the place where they cremate the emperor, kings and queens.

I walked 2 miles where the statue of the famous hero, Quang Trung Nguyen Hue, stood. My mother told me the story, once, of how brave this young hero was when he saved this beautiful country in the war between China and Vietnam.

I went inside the temple and donated 300,000 dongs "20 dollars in U.S." to the monks in the tempo. They were so thankful that they in invited me in for vegetarian lunch. I ate 5 vegetarian egg rolls along with soy sauce.

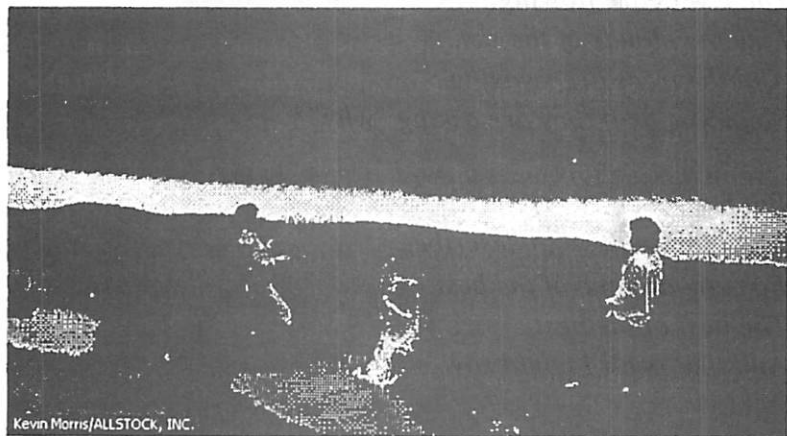
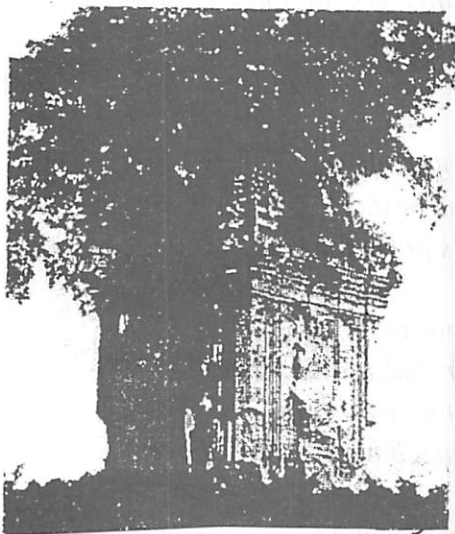
I thanked them for the delicious lunch and left.

I stopped by a shop and bought 5 very expensive ao dais about \$540 each. I had spent all my money and so now it was time to fly back to America. To took the bus

back to the airline where I had dinner then flew back to America.

Good by Vietnam!

## ARIANA TRUONG UYEHARA





# DEAR ONG, BA NGOAI,

*I made you this gift in English since I cannot write in Vietnamese*

*You are one of the best,  
The best of the best.  
So I made this poem for you.*

*Today is Valentine's Day,  
The day for friendship and love.  
So I hope you love this gift,  
Because it's much higher than above.*

*The rivers are flowing,  
Like the clouds of the sky.  
And the trees are swaying,  
Sounding as if they are asking "why"?*

*But for you,  
I don't know how to describe.  
For you are one of the best,  
The best of the best,  
And that is all I could say.*

*Have a Happy Valentine's Day!*

*Love,*

*Amanda Uyehara*

# FOUR SEASONS

## Spring

*The songs of birds begin to rise,  
Life gives out a new surprise.  
As the snow begins to thaw,  
Newborn creatures come out in awe.  
Sunshine, warmth, and bits of rain,  
You would think there is no pain.  
In this world of life and beauty,  
Everyone has a duty.  
To care for their young and life all around.  
To be aware and hear every sound.  
For life could be given right away,  
And life could be taken in just a day.  
But spring is the birth of the living,  
And also involves a lot of giving.  
And what beautiful things lie before you,  
Of life and creations, this is all true.*

*By Amanda T. Uyehara*

## Summer

The days are hot,  
The nights are warm.  
There is light everywhere,  
Without a storm.  
The sun is shiny,  
The ocean's calm,  
Children would play,  
Under a palm.  
Life is so wonderful,  
Here in this land,  
Laughter's not limited,  
Just like the sand.  
Run and have fun,  
Enjoy things all around.  
Giggle and play,  
Make a silly, weird sound.  
This is a dreamland,  
For all children, no force,  
This is the home,  
Of summer of course!

By Amanda T. Uyehara

## Fall

Golden leaves are gliding down,  
The wind is blowing with a sound.  
A hush and murmur of the breeze,  
Tells the land that it will freeze.  
The sky is getting weak and frail,  
Its weeps and groans will soon prevail.  
Bitter coldness takes its course,  
Fleeing birds are like a horse.  
The snow white clouds are getting darker,  
Nature's senses are getting sharper.  
The sun is glowing its near last,  
It knows that winter is coming fast.  
Death is crawling ever near,  
Life here is facing an endless fear.  
All this paradise will have to go,  
Taken over by the snow.  
Mother earth gives a sigh,  
Her little children will soon die.

By Amanda T. Uyehara

## Winter

A chill of the breeze,  
Make the animals freeze,  
Under the white, cold snow.

Death has arise,  
Without any warm eyes,  
For he has no pity for all.

No songs of birds,  
No flocks of herds,  
There is nothing here in the land.

Some shall survive,  
And later revive,  
After this moment of grief.

Life will not perish,  
Death shall not perish,  
Both will forever go on.

So after this season,  
After this death,  
Life will arise again.

By Amanda T. Uyehara

# TÔI VƯỢT BIỂN

TRƯƠNG QUANG TÁ

Ghe chúng tôi vừa ra khỏi cửa sông khoảng 15 phút thì thành lình ghe công an xuất hiện rượt bắn. Đạn bay vun vút qua đầu. Ghe chúng tôi là một chiếc ghe nhỏ chỉ dài có 9 mét rộng 3 mét đi sông lại chở nặng nên đành thúc thủ. Bọn công an hò hét hăm dọa, chúng tôi cố giữ ôn tồn năn nỉ. Cuối cùng chúng buộc chúng tôi phải chở thêm 25 người của chúng rồi mới thả cho chúng tôi đi. Chúng tôi vội vã quay mũi trực chỉ hướng đông. Chiếc ghe nhỏ đã chở nặng giờ càng nặng thêm. Chạy được vài tiếng, lúc 7 giờ 30 sáng, ghe tắt máy. Nước biển chảy không xiết mấy nhưng gió thổi mạnh làm ghe chúng tôi bắt đầu bị trôi giạt. Mọi người xuống tinh thần. Chúng tôi hì hục sửa nhưng máy vẫn ù lì không nổ lại. Bỗng một em bé khoảng mười tuổi tên M lại gần tôi nói nhỏ:

- Chú ơi, con biết sửa máy, chú cho con sửa thử.

Tôi ngần ngại nhìn em bé hỏi:

- Cháu biết sửa máy thật sao?

- Dạ biết. Trước đây cháu có học sửa thủy động cơ và vẫn thường đi ghe sông chở trái cây đi bán ở các chợ.

Không làm gì khác hơn được, chúng tôi đành để cho em bé ra tay. Chúng tôi xúm xít phụ em. May thay, sau khoảng 45 phút sửa, máy nổ lại. Ai nấy mừng rỡ, rối rít cảm ơn em bé nhỏ tuổi mà giỏi dang.

Chúng tôi tiếp tục chạy về hướng đông. Vừa điều khiển ghe, tôi vừa suy nghĩ về lời dặn dò "Sẽ có quý nhưn phù trợ" của sư phụ chúng tôi trước khi chúng tôi ra đi. Quý nhưn đã xuất hiện.

Khoảng 11 giờ trưa, một ghe công an khác bỗng xuất hiện rượt bắn. Biết chạy không thoát, chúng tôi tắt máy hồi hộp chờ đợi. Tôi ném nhanh xuống biển hai bài thơ Dặn Dò và Chúc Tụng của sư phụ chúng tôi. Tập điển thơ gồm 100 ngàn câu của sư phụ chúng tôi thì được giấu kỹ trong khoan máy. Nhiệm vụ của chúng tôi là mang tập điển này ra ngoại quốc để phổ biến. Công an Tuy Hòa hăm he, hạch hỏi, làm khó dễ chúng tôi kiếm ăn. Chúng tôi đành gom góp dúi cho chúng 2 cây vàng, 7 trăm ngàn tiền mặt và 5 đồng hồ Seiko để chúng thả chúng tôi đi.

Chúng tôi đổi hướng chạy về phía nam, cố tránh xa Côn Đảo khoảng 100 dặm. Nhưng không may, vừa lúc chạng vạng ngày 11 tháng 5, tàu công an lại xuất hiện rượt đuổi ghe chúng tôi lần thứ ba. Lần này chúng tôi thật sự lo âu. Công an đặc khu Côn Đảo từng nổi tiếng khắc nghiệt. Vượt biển mà gặp chúng chặn bắt được là cầm chắc vào tù nhiều năm. Tàu công an Côn Đảo là loại tàu lớn chạy nhanh như hải thuyền của hải quân VNCH ngày xưa. Tên thủ trưởng đứng trên bon tàu chăm chăm quan sát ghe chúng tôi rồi hách dịch hỏi:

- Có phải chúng mày đi vượt biên không?

Trên ghe chúng tôi có người ôn tồn trả lời:

- Thưa thủ trưởng, vâng.

- Tại sao chúng mày lại treo đủ thứ hình ảnh trong ca bin đây?

- Thưa thủ trưởng, chúng tôi cầu nguyện ơn trên phù trợ cho chúng tôi đi đến nơi đến chốn an toàn ...

Số là trước khi khởi hành sư phụ chúng tôi có dặn chúng tôi treo trong ca bin hình Phật tổ, hình Đức Chúa, hình Đức Mẹ Maria, hình Quán Thế Âm Bồ Tát, hình Phật Di Lặc, hình thầy Tam Tạng và hình sư phụ của chúng tôi.

Tên thủ trưởng chỉ tay vào tấm ảnh của sư phụ chúng tôi:

- Đưa tấm ảnh đó cho tao xem.

Hắn cầm tấm ảnh của sư phụ chúng tôi xem tới xem lui, lật qua lật lại. Chúng tôi hồi hộp chờ đợi. Chúng tôi hiểu rằng, trong giờ phút đó mạng sống chúng tôi nằm trong tay mấy tên công an nổi tiếng sắt máu này. Bỗng hắn xuống giọng:

- Nhờ tấm ảnh này mà tao cho chúng mày ra đi.

Chúng tôi sửng sờ, không tin là tại mình đã nghe được câu nói ấy từ miệng tên thủ trưởng công an. Tài công của chúng tôi, sau vài giây kinh ngạc, rú ga dọt mạnh sợ tên thủ trưởng đổi ý. Chúng tôi chạy được một khoảng xa mà không thấy ghe công an đuổi theo mới hoàn hồn. Công an Côn Đảo mà thả cho ghe vượt biển đi thoát là một chuyện lạ. Tôi lại suy nghĩ về mấy câu thơ trong bài Dặn Dò của sư phụ tôi. Quả thật tấm ảnh sư phụ chúng tôi đã giúp chúng tôi thoát cơn nguy biến này.

Đêm xuống rất nhanh. Trời trong. Nước biển tím thẫm một màu. Ghe chúng tôi giờ đây chỉ như một chiếc lá nhỏ trên mặt biển mênh mông. Máy ghe giờ đó vẫn tiếp tục nổ đều đặn. Nửa đêm, mọi người trong ghe đều thiếp đi sau một ngày lo âu, mệt mỏi. Chỉ có tài công, BT, An, cháu nhỏ B và tôi còn thức điều khiển ghe, nhìn biển, nhìn trời. Chúng tôi rất ngạc nhiên khi nhận ra một vầng mây trắng lớn tụ lại thành hình một con chim đại bàng đang sải cánh bay về phương nam. Quả đúng như lời dặn dò của sư phụ tôi "... sẽ có quý nhân phù trợ, có chim đại bàng chỉ đường cho chúng con đi ..." Trước khi ra đi, đọc những lời dặn dò ấy mà chính tôi cũng đã không tin. Tôi nghĩ bụng, ngoài biển có chăng là chim hải âu chớ làm gì có chim đại bàng. Đêm đó tôi đã thật sự bàng hoàng, vui



mừng cảm nhận sự linh ứng trong lời dẫn của sư phụ chúng tôi. Đám mây hình chim đại bàng ấy chỉ tan đi vào lúc 5 giờ sáng.

Bình mình ló dạng. Chúng tôi bước vào ngày thứ ba trong cuộc hải hành tìm tự do. Ánh nắng rực rỡ trải rộng trên biển cả bao la. Biển tương đối yên. Trời trong xanh và những mảng mây trắng trôi lơ lửng. Nhưng chỉ được đến trưa thì không gian đổi màu nhanh chóng. Mây xám, mây đen từ đâu trôi đến. Gió biển thổi mạnh. Chúng tôi nhìn trời nhìn biển mà lo âu vô hạn. Càng về chiều gió càng thổi mạnh. Sóng càng ngày càng cao đập mạnh vào mạn và mũi ghe. Có lúc ghe bị sóng đập mạnh, thân ghe rung động chuyển mình nghe răn rắc. Tôi nhờ BT ra mũi ghe xem có bị gì không. Mười phút sau BT trở lại cho biết mũi ghe bị sóng đánh toạt ra một mảnh khá lớn, nước biển có thể ùa vào bất cứ lúc nào nếu chúng tôi cứ tiếp tục đi về hướng nam. Cả ghe biết tin xôn xao lo sợ. Thợ máy lại báo cáo chỉ còn độ 80 lít dầu. Với số dầu ít ỏi đó chúng tôi khó mà có cơ hội đến được hải phận Indonesia. Sau một hồi bàn luận, chúng tôi quyết định quay mũi vào vịnh Thái Lan, chạy trong tuyến đường hàng hải quốc tế. Chúng tôi có thể gặp may nếu gặp thương thuyền quốc tế cứu hay gặp rủi đụng đầu với hải tặc Thái Lan. Tôi trực nhớ lời dặn của ông thầy bói mà tôi đã được gặp trước khi khởi hành. Bốn anh em chúng tôi cùng ra trước mũi ghe, thấp hương, quỳ lạy tứ phương, cầu nguyện Tứ Hải Long Vương phù hộ cho chúng tôi vào được vịnh Thái Lan và gặp được tàu ngoại quốc. Sau hơn một giờ vất vả bẻ vòng cung và đổi cấp, chúng tôi hướng được mũi ghe vào hướng vịnh Thái Lan. Ghe không còn bị sóng lớn đập mạnh nữa. Máy ghe may sao vẫn nổ đều. Mọi người trên ghe cũng bớt say sóng, tỉnh táo lại. Một chiếc tàu ngoại quốc chạy

gần. Tôi đánh hiệu cờ xin cấp cứu. Không rõ họ có nhận được tín hiệu không mà cứ thản nhiên chạy thẳng. Chúng tôi thất vọng. Để xóa tan cơn buồn, vài người mang máy ảnh ra chụp kỷ niệm. Hiện tôi vẫn cố gắng giữ những tấm ảnh kỷ niệm vô giá đó.

Chiều đến, đang buồn, chúng tôi nhận ra một chiếc tàu lớn màu trắng hướng mũi về phía ghe chúng tôi. Khi chiếc tàu đến gần ghe chúng tôi thì có giọng nói phụ nữ nói lớn qua loa phóng thanh "Có phải ghe vượt biên đó không?" Cả ghe chúng tôi mừng rỡ đồng thanh dạ lớn đáp lại. Nhiều người mừng quá đứng thẳng dậy, hò reo, nhảy nhót, ném mũ ném áo lên trời làm chiếc ghe nhỏ trông thành muốn lật. Tôi phải hò hét dần xếp mãi mọi người mới bình tĩnh lại. Tôi vì la lớn quá bị khan tiếng đến bảy ngày sau mới lấy lại được giọng bình thường. Sau này chúng tôi mới được biết giọng phụ nữ nói qua loa là giọng của ân nhân chúng tôi, bà Bạch Tuyết, phu nhân của thuyền trưởng Francois. Chúng tôi lái ghe chạy quanh tàu Mary rồi cập vào bên hông không có gió mạnh. Tàu thả thang dây xuống. Tuần tự tất cả chúng tôi đều được bốc lên tàu lớn. Tôi và BT lên tàu sau cùng sau khi tháo vít lỗ lù để nhận chìm chiếc ghe của chúng tôi. Đứng trên bon tàu Mary chúng tôi đều rưng rưng nhìn chiếc ghe nhỏ từ từ chìm vào lòng biển cả. Chị NTĐ bỗng òa lên khóc lớn, chúng tôi đều ôm nhau khóc theo. Đêm xuống rất nhanh. Bóng tối bao trùm đại dương. Gió mạnh và sóng lớn bắt đầu gào thét. Đến 8 giờ đêm thì bão cấp 8 trở đến. Hú hồn. Nếu không gặp được tàu Mary cứu vớt đúng lúc thì giờ đó tất cả chúng tôi cũng đã chìm sâu xuống đáy biển như chiếc ghe thân yêu của chúng tôi. Ngồi trong một góc trên sàn tàu, tôi lại miên man suy nghĩ về những may mắn

và những linh ứng mà chúng tôi vừa trải qua trong ba ngày vượt biển. Quả đã có một phép lạ.

Tàu Mary trước đó cũng đã vớt được một ghe vượt biển khác. Chúng tôi tập hợp được 30 thanh niên khỏe mạnh của 2 ghe, chia làm 3 toán, trực gác ở đài quan sát, làm vệ sinh trên tàu và phân phối thực phẩm cho mọi người. Tàu Mary tiếp tục chạy dọc ngoài khơi Việt Nam để vớt người vượt biển.

Chiều tối ngày 17 tháng 5 năm 1988, đài quan sát của tàu phát hiện một chiếc ghe vượt biển đang bị một chiếc ghe công an rượt đuổi. Cả hai đều đang hướng về tàu Mary. Chúng tôi thấy cả mấy tên công an áo vàng đang bắn về phía chiếc ghe vượt biển. Tàu Mary lập tức can thiệp. Tàu đổi hướng chạy chắn ngang giữa chiếc ghe vượt biển và ghe công an. Chiếc ghe công an khựng lại. Bọn công an uất ức nhắm bắn vào cả tàu Mary. Loa phóng thanh trên tàu Mary kêu gọi đồng bào xuống hầm tránh đạn. Tàu Mary bốc được mọi người trên ghe vượt biển lên tàu. Ghe công an đậu đằng xa không dám lại gần. Một lúc sau chúng đành hậm hực quay mũi về hướng Côn Đảo.

Sau hơn mười ngày tìm kiếm trên biển đông, tàu Mary vớt được thêm 3 chiếc ghe vượt biển nữa. Tổng cộng là 5 ghe, 327 người. Tất cả chúng tôi đều được trở thành công dân Pháp. Ba trăm người được cấp phát chiếu khán. Số còn lại chờ chính phủ Pháp gửi thêm chiếu khán. Tàu Mary đưa chúng tôi về trại tị nạn Palawan ở Phi Luật Tân.

Hạm trưởng và thủy thủ đoàn tàu Mary đối xử với chúng tôi rất tử tế. Ông Francois là thuyền trưởng, người Pháp. Vợ ông là bà Bạch Tuyết. Ông kỹ sư cơ khí Laurent cũng là người Pháp. Ba thủy thủ là người Ấn và Morocco.

Tháp tùng thủy thủ đoàn có ký giả người Pháp Patrick và bác sĩ C.

Ký giả Patrick rất thích tấm hải đồ rách nát của chúng tôi với đầy đủ ghi chú trong cuộc hải hành. Anh nhờ ông bà thuyền trưởng xin hộ anh tấm hải đồ ấy. Tôi rất quý tấm hải đồ nhưng để đền đáp phần nào ơn cứu sống chúng tôi, tôi đưa tặng anh Patrick tấm hải đồ sau khi dán kỹ lại những chỗ rách. Tôi cũng tặng cho em M. chiếc ống nhòm và hải bàn để đền ơn em đã sửa được máy ghe. Cũng nhờ em mà tất cả chúng tôi đã tìm được bến bờ tự do.

Trước khi được tàu Mary cứu vớt, tôi đã 12 lần thất bại trong cuộc mạo hiểm tìm tự do. Vào tù ra tội bao nhiêu bận tôi vẫn không nản. Từ miền Trung tôi vào Sài Gòn sống lây lất vừa đi làm đủ sống vừa tìm mối ra đi. Có lần tôi ghé thăm một người cháu gái của tôi tên H ở đường Trương Minh Giảng. H cũng đang tìm cách vượt biên. Vừa thấy tôi, H đã bô bô "Cậu đi biệt tích mấy tháng nay, cháu tưởng cậu thoát được rồi chớ ..." Sau đó H đưa tôi đến thăm một ông thầy bói mà H rất tin tài ông ta. Mới nhìn thấy chúng tôi ông thầy bói đã nói "Chào cô và Trung úy. Mời cô và Trung úy ngồi. Sao Trung úy về sớm thế? Trung úy là trung úy Hải Quân và đã tìm cách vượt biển 12 lần rồi phải không Trung úy?" Tôi hơi giật mình nghĩ thầm "Trung úy Hải Quân thì ông ta có thể đoán được nhưng sao ông ta lại biết được 12 lần?" Sau đó ông thầy bói giải thích rằng tôi thất bại 12 lần vì đã không biết cầu nguyện Tứ Hải Long Vương, 4 vị thần giữ cửa biển. Ông căn kẽ bày vẽ cho tôi cách thức cầu nguyện Tứ Hải Long Vương. Ông cũng hỏi tôi có kiêng cử gì trong chuyến mạo hiểm thứ 13 này không. Trên đường về nhà, H hỏi tôi "Sao cậu lại sững sờ khi ông thầy bói vừa hỏi

chuyện với cậu?" Tôi đáp "Cậu lấy làm lạ là ông ấy biết nhiều về cậu ..."

Dù bận kiếm sống và tìm đường đi tôi vẫn để dành thì giờ đọc thêm sách dạy hải hành của Hải Quân VNCH, giao tiếp với các bậc đàn anh trong binh chủng Hải Quân để tra dồi thêm kiến thức và kinh nghiệm lái tàu, mưu sinh thoát hiểm ngoài đại dương. Sau đó, đầu năm 1988, tôi lại đi tìm gặp BT, một học trò cũ của tôi ở trường trung học Cường Để Qui Nhơn. BT giới thiệu tôi làm hoa tiêu cho chủ ghe. BT cũng giới thiệu tôi với huynh trưởng của em. Từ đó tôi đã nhiều lần được chứng kiến sự phụ tôi "xuống biển". Huynh trưởng chúng tôi là người lao động chân tay, văn hóa thấp vậy mà mỗi lần sự phụ chúng tôi nhập vào xác huynh trưởng thì huynh trưởng nói được tiếng Miên tiếng Pháp và làm thơ trôi chảy mau mắn. Chúng tôi đã ghi chép được một bộ điển nhiều tập bằng thơ do sự phụ tôi ban xuống. Có lần huynh trưởng tôi đang ngồi bỗng ngã ngựa ra sau nói lớn "Các con hãy rời khỏi căn nhà này ngay. Công an sắp đến khám xét". Chúng tôi vội vã thu xếp dụng cụ hải hành, quần áo, đồ dùng vượt biển và chuyển sang một địa điểm khác. Quả như lời sự phụ chúng tôi báo trước. Công an áp vào khám xét căn nhà sau đó.

Ngày khởi hành, sáng sớm chúng tôi bí mật hẹn nhau ở bồn nước Công Binh đường Trần Quốc Toản. Vừa lên taxi tôi đã nghe giọng hát quen thuộc của một nữ ca sĩ Việt Nam trên đài BBC"... Chiều nay ... trên bến muôn phương ... có thuyền viễn xứ nhỏ neo lên đường ..." Tôi tự đứng thấy vui tươi và đầy hy vọng chuyến ra đi này sẽ thành công. Trên đường về chợ Hốc Môn, chúng tôi dừng lại mua mì ố, mì gói, nước ngọt và nói với đồng bào là chúng tôi đang đi đám cưới. Khoảng trưa, chúng tôi ráp lại

thành đội hình đám cưới đi hai hàng dọc theo bờ ruộng hướng về phía sông. Cũng có chú rể diện veston đen cài hoa đỏ, cũng có mấy người bưng quả đỏ theo sau. Chúng tôi vừa đi vừa ca hát chụp hình. Người đi chợ và nông dân đang cấy lúa vẫy vẫy tay chào chúng tôi. Chúng tôi đến địa điểm hẹn, xuống ghe an toàn. Phải mất hết 15 tiếng đồng hồ hồi hộp lo âu chúng tôi mới đi qua hết được những sông lạch để ra cửa sông lớn lúc 2 giờ sáng. Căng thẳng nhất là khi ghe phải đi ngang những chỗ có công an canh gác. May thay ghe chúng tôi không bị chặn xét.

Về sau chúng tôi được biết bọn công an canh phòng rất hậm hực là đã sơ hở để chúng tôi thoát được. Báo Công An đã đăng bài khuyến cáo đồng bọn đề cao cảnh giác những trường hợp giả làm đám cưới hay hội hè để vượt biên.

Mười ba năm đã trôi qua. Giờ này hồi tưởng lại những ngày gian khổ cũ tôi vẫn thấy mình đã vô cùng may mắn hơn hàng trăm ngàn đồng bào ruột thịt khác. Nhiều người hoặc đã rơi vào tay bọn công an, bọn hải tặc hoặc đã bị bão tố chôn sâu trong lòng biển cả trên đường tìm tự do. Tôi cũng nhân đây, một lần nữa, xin chân thành tri ân tất cả những ân nhân trên khắp thế giới đã góp công góp của, không ngại gian khổ đem tàu ra biển đông cứu giúp đồng loại trong cơn nguy biến. Tôi thường bồi hồi khi nghe lại những lời ca trong bài hát Những Bước Chân Việt Nam. "Ta ... nín ánh bình minh, giữa cơn tử sinh ... cuối bước nhọc nhằn ..."

Miền Đông Bắc Hoa Kỳ, tháng 5 năm 2001  
**TRƯƠNG QUANG TÁ**

# XUÂN XƯA TRÊN QUÊ HƯƠNG

*Xuân xưa Hòa Phong vạn tiếng cười  
Có ngàn câu nói nở trên môi  
Có ly rượu cúc, cành mai trắng  
Có tấm lòng thành đến muôn nơi*

*Xuân xưa Hòa Phong nắng trải đường  
Hoa hồng rực rỡ khắp muôn phương  
Cho xanh cây lúa, em hồng má  
Có ý Xuân nồng gieo yêu thương*

*Xuân xưa Hòa Phong có pháo hồng  
Có ngàn tia nắng xóa sương đông  
Có đôi chim én trao duyên thắm  
Có gió võ về sóng sông Côn*

*Và còn Hòa Phong mùa hoa nở  
Trên mắt, trên môi của nụ cười  
Lang thang sông núi chim hồ hải  
Giờ có còn mùa Xuân êm trôi?*

*Hòa Phong mùa Xuân bay lên cao  
Dịu theo tiếng hát em ngọt ngào  
Như hương Xuân thoảng trong vườn mộng  
Vườn mộng nôn nao gió gọi chào*

*Thắm đượm mùa Xuân cánh én hồng  
Bóng người yêu trẻ đứng bên sông  
Cho bao ánh nắng đùa trên má  
Xuân đẹp trong lòng Xuân biết bao.*

**CÙ HÒA PHONG**

Đầu Xuân 2002

# BẾN MÊ

TRẦN HỒNG VĂN

*Bọt trong bể khổ, bèo dậu bến mê  
(Cung Oán Ngâm Khúc)*

Johnson Space Center ngày 16 tháng 10 năm 2049

Con Huy thương của Bố.

Bố rất mừng là con cùng đoàn đã tới Hỏa Tinh an toàn. Trong màn ảnh nhỏ tại phòng kiểm soát phi hành, bố nhận ra con ngay khi con vừa bước chân từ phi thuyền Ares 98 xuống mặt đất hành tinh này. Bố đã gọi điện thoại liền về nhà cho mẹ con và bà đã bật khóc vì mừng. Con đâu biết là vào lúc 3 giờ sáng ngày 14 tháng 8 khi con cùng 24 đoàn viên bước vào phi thuyền Ares 98 tại Cap Caneveral, mẹ con đứng đó không xa đã khóc nức nở và khi hỏa tiễn khai hỏa rời mặt đất, mẹ con đã ngất xỉu trong tay bố.

Có lẽ một lúc nào đó, con nghĩ về bố mẹ và bạn bè của con ở đây, đã thăm trách tại sao bố quyết định để con ra đi và sống tại một thế giới đầy hoang vắng và lạnh lẽo như vậy. Không phải chỉ một mình con, mà tất cả bạn bè đồng hành của con đều có một ý nghĩ như trên.

Con ạ, Bố mẹ đã đứt ruột khi đưa ra quyết định táo bạo này, cũng như cách đây một thế kỷ, vào năm 1954, ông bà cố của bố lúc đó còn đang sống tại nước Việt Nam thuộc Châu Á, cũng đã đứt ruột khi đưa ông nội bố di cư vào trong miền Nam nước Việt Nam. Một thân một mình và mới chỉ 10 tuổi đầu, nghĩa là còn nhỏ hơn con 6 tuổi,



ông đã cố gắng tự tạo cho mình một cuộc đời với đúng ý nghĩa của nó. Nhưng một lần nữa, 20 năm sau, ông lại rời bỏ gia đình, một thân một mình vượt biển trốn thoát một chế độ áp bức phi nhân trên quê hương của ông để đến một đất nước hoàn toàn xa lạ, và từ đó mới có bố và con ngày nay. Bố phải kể dài dòng để cho con hiểu vì lịch sử chỉ là một sự tái diễn, đến nay bố mẹ lại gạt nước mắt để cho con ra đi, mong con sẽ xây dựng được một đời sống tại một thế giới khác, xa lánh những hiểm họa bị tiêu diệt do lòng tham lam, đố kỵ và ngu xuẩn của con người tại đây. Trong những lá thư sau, bố sẽ kể rõ những diễn biến tại hành tinh này cho con hiểu rõ mà bố nghĩ là mỗi ngày càng tồi tệ thêm.

Một điều con nên nhớ là tất cả 25 đứa trong đoàn của con đều là những thần đồng tại nước Hoa Kỳ. Con được lựa chọn ra đi vì một học sinh trung học xuất sắc nhất trên toàn quốc về môn Vật Lý. Có đứa đứng đầu môn âm nhạc, kịch nghệ. Có đứa đứng đầu môn Sinh Vật, Toán, Hóa Học, Địa Chất ... cũng như 20,000 người đang sống trên Hỏa Tinh được đưa lên trong suốt 50 năm qua đều là những nhân tài trên trái đất này. Sở dĩ có cuộc di tản này vì các nhà khoa học đã nhìn ra được mối hiểm họa loài người sẽ bị tiêu diệt trong một tương lai gần nên họ cố gắng bảo vệ lấy nền văn minh mà nhân loại đã xây dựng trong hàng chục ngàn năm qua. Một mai đây, khi sinh vật trên đất bị tiêu diệt hết, thế hệ con hay sau này sẽ trở lại và tạo dựng nên một lớp người mới, cũng như cách đây một thế kỷ, ông nội của bố đã ra đi để hy vọng một ngày nào đó trở về xây dựng một nước Việt Nam đẹp đẽ hơn vậy.

Đây là lá thư đầu tiên bố viết cho con khi con vừa đặt chân lên một thế giới mới mẻ và hoàn toàn xa lạ. Có lẽ

giờ này con đang hoang mang và lạ lùng với sinh hoạt mới, khác hẳn với sinh hoạt hàng ngày khi con còn sống tại nơi này với bố mẹ. Bố mẹ để con ra đi với một mục đích cao cả là bảo vệ lấy dòng giống nhân loại cũng như bảo vệ lấy máu huyết của người Việt Nam Á Châu hãy còn chảy trong người của bố và của con đó. Mỗi lần có chuyến về lại trái đất, con viết thư về cho bố, kể lại cho bố nghe sinh hoạt trên đó và nhất là để cho mẹ con đỡ nhớ. Tới ngày 21 tháng 10 năm 2049 này, phi thuyền Ares 110 sẽ rời trái đất để mang theo 30 người lên Hỏa Tinh và bố gửi lá thư này lên cho con.

Bố mẹ ở nơi này rất nhớ con và luôn luôn cầu nguyện cho con.

**TRẦN HỒNG VĂN**

## **THUỐC GÂY**

Hãng thuốc tây Con Cò phát minh được một loại thuốc chống mập rất hiệu quả. Người đi đường đọc thấy một bảng quảng cáo in hình một bà to béo phục phịch với hàng chữ thật to bên cạnh: "*Bà này vốn nặng 180 kí, uống thuốc chống mập Con Cò trong 2 tuần lễ, chỉ còn 80 kí.*" Ai đó viết thêm mấy chữ nguệch ngoạc bên cạnh "*... kể cả quan tài.*"

**Làng Văng số 216**

# MẮM THU TAM QUAN

NGUYỄN NHÂN THỐNG

Tam Quan của Bình Định nổi tiếng là xứ dừa thơ mộng, đồng thời cũng là nơi sản xuất loại mắm thu ngon nức tiếng.

Mỗi năm, vào khoảng tháng 3, tháng 4 âm lịch, từng đàn cá thu ở ngoài xa khơi bắt đầu tìm vào bờ để kiếm ăn và sinh đẻ. Đây cũng là mùa đánh bắt cá thu. Một chuyến đi câu hay thả lưới có thể đem về vài, ba trăm con là chuyện thường.

Những con cá thu tươi roi rói, da óng ánh xanh, thon thon, bụng bẫm, to bằng bắp chân người. Ngoài việc ăn tươi, cá thu còn dành để làm mắm. Mắm thu thường được xem như loại mắm quý giá và rất hiếm.

Cá được cho vào thùng gỗ lớn nằm sắp lớp với muối hột. Để chừng vài tuần lễ là cá bắt đầu chín nục, thịt đỏ tươi, săn chắc, bốc mùi thơm phức. Lúc ấy mới đem cá đưa ra ngoài để lấy thịt. Người ta cắt lấy đầu cá và lóc lấy lớp da ngoài để riêng, dùng vào việc khác. Sau đó, người ta lấy con dao thật bén nạo hết lớp thịt nạc ra thành từng lát thật mỏng. Còn xương sống cá thì đem phơi khô rồi cột thành từng xâu đem treo trên gác bếp hun khói, để dành. Gặp lúc trời sa mưa, biển động, người ta có thể lấy xương nướng chín rồi nhâm nhi với rượu, đậm đà không thua gì khô mực.

Mùa cá thu cũng là mùa thơm chín rộ. Người ra đón mua cả xe thơm đem về gọt bỏ vỏ và mắt rồi đem phơi nắng cho héo. Ớt to trái loại chín đỏ, đem về cắt bỏ hết hạt và cũng đem phơi nắng cho héo như thơm. Thơm, ớt trộn chung với cá, bỏ vào chiếc cối đá quết cho thật nhuyễn. Bấy giờ thịt cá đã biến thành mắm đỏ tươi, thơm ngon.

Mắm thu có đủ các mùi vị béo, ngọt, chua, cay và mặn. "Ngũ vị" đã làm cho mắm càng nồng nàn, hấp dẫn. Mắm có thể đem dùng ngay hay bỏ vào thạp đất đậy kỹ để ăn dần, nhất là phòng vào các tháng mưa bão, thức ăn tươi khan hiếm lại đất đỏ. Mắm thu có thể để lâu, mà không sợ hư hay thay đổi mùi vị.

Mắm thu Tam Quan đã được chở đi tiêu thụ khắp ba miền Bắc - Trung - Nam. Những chiếc hũ sành có gắn xi đăng hoàng còn đưa lên tận các buôn làng Tây Nguyên - Trường Sơn. Mắm thu Tam Quan vì thế mà nổi tiếng khắp nước. Tiếc rằng, ngày nay chưa có doanh nghiệp nào trong nước dám nghĩ đến việc bỏ vốn đầu tư, sản xuất mắm thu để bán rộng rãi khắp mọi miền đất nước và có thể xuất khẩu sang các quốc gia có đông Việt kiều sinh sống. Nhiều Việt kiều về thăm quê hương đã không ngần ngại đặt mua loại mắm thu Tam Quan "chính hiệu" để làm quà cho người thân ở phương xa.

Tùy theo sở thích của mỗi người mà có nhiều cách ăn khác nhau. Có thể đem chưng cách thủy mắm với trứng vịt hay trứng gà. Mắm có thể ăn riêng với cà dĩa hoặc cà chua sống thái mỏng. Thông thường, người ta ăn mắm với rau sống đủ loại như xà lách, rau húng, ngò tàu, khế, chuối chát non thái mỏng và thịt heo luộc ... Ăn cơm gạo trắng với mắm và rau sống thì còn gì khoái khẩu bằng, nhất là lúc trời se lạnh./.

**NGUYỄN NHÂN THỐNG**

# BIG APPLE

*Anh mới đến thăm Em hôm qua  
Nay chôn dưới năm tầng sỏi đá  
Mẹ mới hôn Con say giấc quá  
Sáng nay xác Mẹ cháy sáng lò.*

*Lửa luyện ngục nhục thân New York  
Cúi đầu trước Fresh hills, Staten  
Vĩnh biệt những linh hồn bằng ngọc  
Thăng hoa trong triệu tấn xà bần.*

*Chào những anh hùng trên Ground Zero  
John Jona, Padraig Carrol  
William Fisher của NYPD  
Terra Clausen, Navy Petty.*

*Big Apple xây lại Twin Towers  
Thành bốn tòa năm mươi tầng thôi  
Trên nền mô ngàn người chôn sống  
Những tinh hoa tức tưởi không lời.*

*Khủng bố vi sinh khắp địa cầu  
Cuộc sống mặt nào cũng hãi âu  
Nỗi đau này của toàn nhân loại  
Của ai còn ngẩng mặt làm người.*

*Cờ Liên Bang treo gấp trăm lần  
Việc làm ăn lay off bội phần*

*Ước gì còn tỉnh táo  
Trước cực kỳ lo âu  
Ước gì còn hát được  
Trước tận cùng thương đau.*

*Anh mới đến thăm Em hôm qua  
Nay chôn dưới trăm tầng sỏi đá  
Mẹ mới hôn Con say giấc quá  
Sáng nay xác Mẹ cháy sáng lò.*

**CẢM BIẾN**

## **MAY QUÁ!**

Cảnh sát chặn một chiếc xe cà tàng chạy qua một thị trấn nhỏ.

Cảnh sát:

- Cụ chạy 90 cây số giờ ở chỗ tốc độ giới hạn 60 cây!

Ông cụ:

- 90? Thầy đội nói thật chứ?

Cảnh sát dẫn ông cụ đến xe cảnh sát, trở vào máy:

- Đấy cụ xem!

Ông cụ hớn hở:

- Vậy thầy nhớ biên cho kỹ vào giấy phạt là cái xe tôi nó chạy tới 90 nhé! Ghi 100 cây càng tốt! Tôi bán xe cho bạn tôi. Các ông ấy cứ nghĩ là xe tôi không chạy khỏe đến thế!

**Làng Văn số 211**

# NÓI VỀ VÕ VÀ NHẠC VÕ TÂY SƠN, BÌNH ĐỊNH

PHAN VĂN HÀM

Người ta thường nghe hai câu cao dao:

*"Ai về Bình Định mà coi,*

*Con gái Bình Định cầm roi đi quyền".*

Thật thế xứ Bình Định là nơi xuất phát môn võ từ ngàn xưa và cũng là môn võ thịnh nhất từ thời nhà Tây Sơn Vua Quang Trung Nguyễn Huệ.

Ngoài ra, ai có về đồng quê ở bình Định, nghe tiếng vó ngựa lóc cóc, cỗ xe thổ mộ lăn bánh trên đồng quê, gió từ phía sông Côn thổi phơ phất ngang đầu, tiếng kéo kẹt của rặng tre già như dẻo hơn làm nôn nao lòng người lữ thứ. Ngựa qua cầu Phụng Ngọc là đã về đến làng võ An Thái lừng danh với câu ca: "Roi Thuận Truyền, quyền An Thái".

Cũng tương truyền rằng nhạc võ Tây Sơn có từ thời Vua Quang Trung Nguyễn Huệ. Vị Vua áo vải này sử dụng nhạc võ để cổ động quân sĩ trong chiến đấu và hành lễ khi có dịp tế cáo trời đất.

Nhạc võ Tây Sơn sử dụng 12 trống theo thập nhị địa chi, chia làm bốn hồi chính. Hội quân, Hành quân, Công thành và Khải hoàn. Tiết tấu bài nhạc võ khi khoan thai đồng dạt, khi dồn dập khẩn trương. Đôi khi lại có dấu lặng để rồi ào ạt dâng lên như sóng vỗ bờ. Tùy theo từng hồi mà nhạc tấu lên, thể hiện khí thế hành quân khẩn trương, tiến công thần tốc của quân sĩ. Chẳng phải sành âm nhạc,

người nghe cũng dễ dàng nhận ra tiếng gươm khua, ngựa hí, tiếng binh khí va nhau hòa lẫn tiếng quân reo, súng nổ, voi gầm ... Cặp roi trống trong tay tài hoa được sử dụng mà phần gốc, phần ngọn, khi nện vào mặt trống, lúc gõ vào tang trống như mưa để tạo nên những hợp âm phức tạp. Điều quan trọng và khó khăn nhất của nghệ sĩ khi kết thúc bài nhạc võ là phải đánh đủ 12 tiếng trên 12 trống để đồng thời hòa âm 12 cung bậc trầm bổng.

Người đánh được nhạc võ Tây Sơn ở Bình Định bây giờ chỉ còn đếm trên đầu ngón tay: Phạm Công Mỹ, Nguyễn Văn Quý, Văn Bá Hùng. Người duy nhất đánh được nhạc võ 36 trống, 45 trống là võ Sư Đình Văn Tuấn. Người chuyên biểu diễn nhạc võ Tây Sơn ở Bảo tàng Quang Trung bây giờ là Bà Nguyễn Thị Thuận. Bà chính là người gốc làng Kiên Mỹ, Quê hương anh em Tây Sơn, Bà học nhạc võ ở người cha. Hằng ngày bà cùng đội nhạc võ của Bảo tàng chuyên biểu diễn phục vụ khách tham quan. Công việc của người đánh nhạc võ khá căng thẳng. Ngoài đôi tay uyển chuyển như điều luân vũ trên 12 mặt trống đủ kích cỡ, đôi chân cũng phải di chuyển liên tục, mắt phải tập trung nhìn vào mặt trống nhưng gương mặt lại cần những nét tươi vui.

Có một du khách người Pháp khi xem nhạc võ Tây Sơn đã ghi cảm tưởng: "Nghe tiếng trống trận, nếu tôi là người lính Tây Sơn, tôi sẽ sẵn sàng xông lên".

Mời khách có dịp du Xuân đến đất Bình Định vào ngày Mồng 5 Tết tại Quận Tây Sơn dự lễ hội Đống Đa chắc chắn sẽ được thưởng thức nhạc võ Tây Sơn để sống lại những năm tháng hào hùng của cha ông.

**PHAN VĂN HÀM**



# QUI NHƠN PHỐ NHỎ TA VỀ

Ta về trời vẫn - Hanh hao nắng  
Mẹ vẫn còn lưng - Gánh chợ chiều.  
Đời vẫn khô khan - Cơn nắng hạ.  
Nhọc nhằn năm tháng - Với cô liêu.

Ta về vườn cũ - Xanh xao lá.  
Em vẫn bon chen - Cảnh chợ trời.  
Đời vẫn hắt hiu - Cơn đói lạnh  
Dật dờ trong - Bão táp - Mưa rơi.

Ta về con phố - Sao xa lạ!  
Bóng tối vây quanh - Tuổi đại khờ.  
Đời cứ bon chen - Vùng nước đọng.  
Chập chờn như những - Bóng ma chơi.

Ta về trời đất - Chao nghiêng đổ,  
Cơn lũ triều dâng - Ngập xóm làng.  
Đất nước đói nghèo - Cơn mưa, nắng.  
Quê hương tai kiếp - Nỗi thương tang.

Ta về tìm lại - Dư hương cũ,  
Tìm lại yêu thương - Tuổi thiếu thời.  
Tìm lại tình người - Năm tháng mất,  
Tìm nguồn thi bút - Dệt vần thơ.

PHAN TƯỜNG NIỆM

# TIẾNG CHIM ĐẤT KHÁCH

BÙI THỨC KHÁN

Sáng nay trời nhiều mây và se se lạnh. Nắng chưa lên nhưng tiếng chim trên những vòm cây cao trước nhà đã vang vọng rộn ràng. Ở đây sống giữa phố phường mà vẫn nghe được tiếng chim như đang sống ở một vùng quê trên đất nước nhà.

California có nhiều loài chim nhưng dễ nhận ra nhất là chim QUẠ. Trên các công viên, trên các khoảnh đất trống, hàng đàn chim QUẠ quây quần, bay lượn và gọi nhau rộn rã.

Tiếng chim Đất Khách gợi nhớ Quê Hương - Tôi vẫn vợ nghĩ về loài chim Quạ.

Thuở thiếu thời tôi đã có cái nhìn thiếu thiện cảm và bất công với giống chim này. Tôi cho nó là họ hàng bè nhóm với lũ diều hâu, chim cắt ..., chuyên bắt gà con, chuyên ăn thịt sống. Càng thương mến bầy gà con mới nở đang tung tăng theo mẹ tìm mồi, tôi càng oán giận lũ chim đen rình rập đâu đó thành linh ụp xuống bắt lấy một chú gà con rồi vụt bay đi mất ...

*"Chiều chiều Quạ nói với Diều,*

*Vườn cau kia rậm lại nhiều Gà con"*

Tôi nghĩ đây là sự thông báo tin tức, sự cầu kết giữa Quạ và Diều để hãm hại đám gà con.

*"Con Quạ đậu nóc chuồng heo,*

*Nó kêu bớ mẹ bánh xèo chín chưa."*

Câu hát khiến tôi ám ảnh bóng dáng chim Quạ rình rập bắt chú gà con mới nở, hoặc cắp lén quả trứng gà vụt bay đi. Ở quê nhà, ổ gà thường lót dưới mái chuồng heo.

QUẠ còn có tên là ÁC. Người ta thường nói "giao trứng cho ác" hay "gởi gà cho con Quạ" là việc làm không còn gì sai lầm bằng!

Dân gian còn bảo tiếng Quạ kêu là báo hiệu điềm gở, đau ốm, chết chóc. Ngày xưa ở chòm xóm nào có người qua đời, thế tất cũng có kẻ nói: "hèn chi mấy hôm nay Quạ kêu dữ qua!".

Từ Hán Việt Ô và Nha là màu đen và cũng là tên của Chim Quạ. Nói về mặt trời ta có các chữ kim Ô, Ô luân. Kim Ô là con Quạ vàng (hay Quạ lửa), Ô luân là bánh xe có Con Quạ vì tương truyền trong mặt trời có con Quạ lửa. Lại có chữ Ô Thố để chỉ Mặt trăng cũng vì tương truyền trong mặt trời có con quạ lửa và trong mặt trăng lại có con thỏ ngọc (ngọc thố). "Trái bao thỏ lặn, ác tà" là nói thảng, ngày đi qua.

Con Quạ có sắc đen như một chấm mực, điểm thêm một nét buồn cho phong cảnh buổi chiều tà:

*"Ngàn non ngậm kín bóng tà,*

*Lá cây xào xạc, chiếc nha điểm sầu" (Hoa Tiên)*

Nói về một đám người tụ họp một cách lộn xộn, dễ tan rã nhanh chóng như bầy Quạ, ta thường dùng các từ như ô hợp, ô tập hay ô tạp. Thuốc phiện màu đen nên thường gọi là ô hương hay nha phiến.

Sau này tôi nghe nói trong muôn loài chỉ có chim Quạ là có hiếu với mẹ nhất. Quạ mẹ già nua, đầu rụng sạch lông, không còn đi kiếm ăn được, các Quạ con bay đi tìm và tha mỗi về sớm cho mẹ ăn. Ô bổ là một từ Hán Việt mang ý nghĩa: quạ con tha mỗi về nuôi quạ mẹ.

Trong văn thơ người ta cũng thường mượn hình tượng đó để nói về người con có hiếu, biết phụng dưỡng cha mẹ. Nhà thơ Trường Xuyên (tức thi sĩ Quách Tấn) trong bài văn tế bà nhạc mẫu có mấy câu:

*Đức sánh sanh thành,*

*Ơn chưa báo bổ*

*Trái nặng rừng Sim hương phảng phất, ý then từ ô*

*Chim kêu Suối Sậy tiếng bơ phờ, sầu tràn viễn phố.*

Trên quê hương Bình Định còn truyền lại nhiều câu chuyện đời xưa nói về người con định trốn bỏ cha mẹ già ra đi hòng tìm cuộc sống khấm khá nơi phương xa, nhưng đã hồi tâm khi chứng kiến cảnh quạ con mớm mồi cho quạ mẹ già nua, yếu ốm.

Từ đó, tôi dần dần có thiện cảm với chim Quạ.

Và mỗi cảm tình đầy đặn hơn khi nghe sự tích chim Quạ bắc cầu qua sông Ngân để cho Ngưu Lang Chức Nữ gặp nhau trong đêm Thất tịch (mùng 7 tháng 7 âm lịch) hàng năm. Người ta gọi Cầu Ô (Ô Kiều là cây cầu do Chim quạ làm thành.

"Lọ là oanh yến hẹn hò

Cầu đông sấn lối, cầu ô đó mà"

(Bích Câu Kỳ Ngộ)

Có khi còn gọi là Cầu Ô Thước hoặc nói Ô Thước bắc cầu sông Ngân. Ô là chim Quạ. Thước là chim Khách. Hai loài chim này đêm thất tịch phối hợp kết cánh làm thành cây cầu cho Ngưu Lang, Chức Nữ gặp nhau. Cầu đó gọi là Ô Thước Kiều!

Gọi Thước là chim Khách vì nó thường cất tiếng báo tin khách xa tới hoặc người thân đi xa về. Diễn tả tâm trạng người vợ mong đợi tin tức chồng chinh chiến xa xôi, Chinh Phụ Ngâm Khúc có câu:

*Ngoài rèm thước chẳng mách tin ...*

*Trong rèm dường đã có đèn biết chăng?*

Một người đang cảm thấy trơ trọi, bơ vơ, mong chờ tin tức của người thân nhưng chẳng thấy, đã bức xúc thốt lên:

*Tình cũng lơ mà bạn cũng lơ,*

*Bao nhiêu khăng khít bấy ơ hờ!*

*Sầu mang theo lệ khôn rơi lệ.*

*Nhớ gửi vào thơ nghĩ tội thơ.*

*Mưa gió canh dài ngăn lối mộng.*

*Bèo mây bến cũ quện lòng tơ.*

*Hỏi thăm tin tức bao giờ tới.*

*CON THUỐC qua song lại ốm ờ!*

(Trơ Trọi - Quách Tấn)

Một bài thơ rất nổi tiếng cũng của nhà thơ Quách Tấn có mấy chữ Ô Y HẠNG đã gây nhiều bàn cãi và đã đi vào văn học sử. Bài thơ có nhan đề là ĐÊM THU NGHE QUẠ KÊU, nguyên văn:

*Từ Ô Y Hạng rử rê sang,*

*Bóng lẩn đêm thâm tiếng rộn ràng.*

*Trời bến Phong Kiều sương thấp thoáng,*

*Thu sông Xích Bích nguyệt mơ màng.*

*Bồn chồn thương kẻ nường song bạc,*

*Lạnh lẽo sâu ai rưng giếng vàng.*

*Tiếng dội lưng mây đồng vọng mãi,*

*Tình hoang mang gọi tứ hoang mang...!*

Ô y hạng là ngô áo thâm hay xóm áo đen.

Đời Nam Tấn bên Tàu có họ Vương, họ Tạ là hai họ lớn, tộc thuộc ở cả một xóm và đều mặc áo thâm là loại y phục quý phái thời ấy. Người ta gọi cửa ngõ của xóm này là Ô Y HẠNG.

Ở nước ta trong thời Lê mạt, họ NGUYỄN làng TIÊN ĐIỀN cũng là một họ đời đời khoa bảng và làm quan lớn.

Trong văn thơ người ta cũng thường mượn hình tượng đó để nói về người con có hiếu, biết phụng dưỡng cha mẹ. Nhà thơ Trường Xuyên (tức thi sĩ Quách Tấn) trong bài văn tế bà nhạc mẫu có mấy câu:

*Đức sánh sanh thành,*

*Ơn chưa báo bổ*

*Trái nặng rừng Sim hương phảng phất, ý then từ ô*

*Chim kêu Suối Sậy tiếng bơ phờ, sầu tràn viễn phố.*

Trên quê hương Bình Định còn truyền lại nhiều câu chuyện đời xưa nói về người con định trốn bỏ cha mẹ già ra đi hồng tìm cuộc sống khấm khá nơi phương xa, nhưng đã hồi tâm khi chứng kiến cảnh quạ con mớm mồi cho quạ mẹ già nua, yếu ốm.

Từ đó, tôi dần dần có thiện cảm với chim Quạ.

Và mỗi cảm tình đầy đặn hơn khi nghe sự tích chim Quạ bắc cầu qua sông Ngân để cho Ngưu Lang Chức Nữ gặp nhau trong đêm Thất tịch (mùng 7 tháng 7 âm lịch) hàng năm. Người ta gọi Cầu Ô (Ô Kiêu là cây cầu do Chim quạ làm thành.

"Lọ là oanh yến hẹn hò

Cầu đông sấn lối, cầu ô đó mà"

(Bích Câu Kỳ Ngộ)

Có khi còn gọi là Cầu Ô Thước hoặc nói Ô Thước bắc cầu sông Ngân. Ô là chim Quạ. Thước là chim Khách. Hai loài chim này đêm thất tịch phối hợp kết cánh làm thành cây cầu cho Ngưu Lang, Chức Nữ gặp nhau. Cầu đó gọi là Ô Thước Kiêu!

Gọi Thước là chim Khách vì nó thường cất tiếng báo tin khách xa tới hoặc người thân đi xa về. Diễn tả tâm trạng người vợ mong đợi tin tức chồng chinh chiến xa xôi, Chinh Phụ Ngâm Khúc có câu:

*Ngoài rèm thước chẳng mách tin ...*

*Trong rèm dường đã có đèn biết chăng?*

Một người đang cảm thấy trơ trọi, bơ vơ, mong chờ tin tức của người thân nhưng chẳng thấy, đã bức xúc thốt lên:

*Tình cũng lơ mà bạn cũng lơ,*

*Bao nhiêu khăn khít bấy ơ hờ!*

*Sầu mang theo lệ khôn rơi lệ.*

*Nhớ gửi vào thơ nghĩ tội thơ.*

*Mưa gió canh dài ngăn lối mộng.*

*Bèo mây bến cũ quyện lòng tơ.*

*Hỏi thăm tin tức bao giờ tới.*

*CON THUỐC qua song lại ãm ờ!*

(Trơ Trọi - Quách Tấn)

Một bài thơ rất nổi tiếng cũng của nhà thơ Quách Tấn có mấy chữ Ô Y HẠNG đã gây nhiều bàn cãi và đã đi vào văn học sử. Bài thơ có nhan đề là ĐÊM THU NGHE QUẠ KÊU, nguyên văn:

*Từ Ô Y Hạng rử rê sang,*

*Bóng lẩn đêm thâu tiếng rộn ràng.*

*Trời bến Phong Kiều sương thấp thoáng,*

*Thu sông Xích Bích nguyệt mơ màng.*

*Bồn chồn thương kẻ nường song bạc,*

*Lạnh lẽo sầu ai rụng giếng vàng.*

*Tiếng dội lưng mây đồng vọng mãi,*

*Tình hoang mang gọi tứ hoang mang...!*

Ô y hạng là ngô áo thâm hay xóm áo đen.

Đời Nam Tấn bên Tàu có họ Vương, họ Tạ là hai họ lớn, tộc thuộc ở cả một xóm và đều mặc áo thâm là loại y phục quý phái thời ấy. Người ta gọi cửa ngõ của xóm này là Ô Y HẠNG.

Ở nước ta trong thời Lê mạt, họ NGUYỄN làng TIÊN ĐIỀN cũng là một họ đời đời khoa bảng và làm quan lớn.

Khu dinh thự của Xuân Quốc Công Nguyễn Nghiễm và con trai là Tham Tụng Nguyễn Lệ, ngoài cổng cũng đề mấy chữ Ô Y HẠNG!

Họ PHAN ở làng Đông Thái tỉnh Hà Tĩnh từ ông thủy tổ đời nhà Lê đến Phan Đình Phùng là 12 đời, đời nào cũng có người đỗ đại khoa, làm qua to cho nên thuở trước người ta đã từng gọi xóm họ PHAN là Ô Y HẠNG.

Với bài thơ trên tiếng QUẠ nghe được trong ĐÊM THU là từ ngữ áo đen (ở Tàu hay ở ta) đưa đến; hoặc ô y là áo đen chỉ vào bộ lông chim Quạ.

Trong "Nhà Văn Hiện Đại", nhà phê bình văn học VŨ NGỌC PHAN cho rằng nhà thơ đã dùng điển tích khá cầu kỳ và cũng khí nhạo đời khi bảo bầy quạ xuất xứ từ Ô Y Hạng, nhất là hai chữ rử rê có cái ý không hay.

Nhiều người cũng cho rằng việc dùng điển tích như trên là "gượng ép", nhưng nhìn chung toàn cục thì đây là một bài thơ hay. Có người còn nói đó là "một trong những bài tuyệt tác nhất trong văn chương Việt Nam".

Về sau (1963) tác giả có cho biết sự ra đời của bài thơ trên, đại khái:

Một buổi chiều cuối thu năm Đinh Mão (1927) nhà thơ từ Trường Định sang An Thái hốt thuốc cho thân mẫu. Tối đó nhà thơ trở về nhà bằng lối từ bến đò An Thái sang An Vinh, dọc theo bờ bắc sông Côn đi thẳng lên. Đến khúc đường tre hai bên che khuất ánh trăng, mo nang rụng đầy mặt đất, tiếng chân dậm lên kêu sột soạt khiến bầy quạ đang ngủ trên cây giật mình vỗ cánh kêu vang. Tiếng kêu bất ngờ giữa đêm vắng nghe vừa rùng rợn, vừa lạnh lùng. Từ đó tiếng quạ ám ảnh nhà thơ. Năm 1939 một đêm trăng dịu dàng, tác giả thao thức nhớ lại rất nhiều kỷ ức. Do chữ Quạ mà liên tưởng đến màu đen, đến chữ Ô và nhớ bài thơ Ô Y HẠNG của Lưu Vũ Tích đời Đường:



*Chu tước kiêu biên dã thảo hoa,  
Ô y hạng khẩu tịch dương tà,  
Cựu thời Vương, Tạ đình tiền yến.  
Phi nhập tâm thường bách tánh gia.  
(Chu tước bên cầu cỏ trở hoa,  
Cửu Ô y hạng ánh dương tà.  
Xưa kia én đậu bầu Vương, Tạ,  
Nay tới dân gian lượn mái nhà)*

Trần Trọng San dịch.

Rồi nhớ đến bến đò An Thái mà liên tưởng đến bến PHONG KIÊU của Trương Kế trong bài Phong Kiều dạ bạc:

*Nguyệt lạc, ô đề, sương mãn thiên,  
Giang phong ngư hỏa đối sầu miên  
Cô tô thành ngoại Hàn Sơn Tự,  
Dạ bán chung thanh đáo khách thuyền.  
(Trăng tà tiếng Quạ kêu sương,  
Lửa chài, cây bến, sầu vương giấc hồ.  
Thuyền ai đậu bến Cô Tô,  
Nửa đêm nghe tiếng chuông chùa Hàn Sơn)*

Bản dịch của Tản Đà

Lại nhớ tới con Sông Côn mà liên tưởng đến dòng Sông Xích Bích với con thuyền của Tô Đông Pha, nhớ bài Tiên Xích Bích phú trong đó có dẫn câu: "Nguyệt minh tinh Hy - Ô Thước nam phi" trong bài Đoản ca hành: "Nguyệt minh tinh hy, Ô thước nam phi. Nhiễu thọ tam tạp. Hà chi khả y" của Tào Tháo, có người đã diễn thơ:

*Đêm nay sao tợ, trăng thanh  
Về Nam con Quạ lao mình trên không.  
Lượn quanh cây lớn ba vòng,  
Tìm không chỗ đậu lại vùng bay đi.*

Điển này đến điển khác nối nhau đưa nhà thơ vào cõi mộng. Lúc đầu câu 6 được viết: "Thắc thỏm riêng ai quả ấn vàng" và câu 8 là: "Tình lang mang gợn tứ lang mang". Năm 1941 khi sắp in thi phẩm MÙA CỎ ĐIỂN, nhà thơ thấy không vừa ý nên hai câu đó được sửa lại: "Lạnh lẽo sầu ai rụng giếng vàng" và "tình hoang mang gợn tứ hoang mang".

Sau 1975, học giả Nguyễn Hiến Lê (trong Hồi Ký của Nguyễn Hiến Lê) có nhắc lại việc trên và ghi thêm: Sửa như vậy hay hơn thật, nhưng tôi ngờ không hợp với tình ông đêm trăng 1927. Đêm đó ông nghĩ nhớ miên man chứ không có nỗi lòng hoang mang".

\*

\* \*

Trước có nhắc đến câu:

*Chiều chiều Quạ nói với diều,  
Vườn cau kia rậm lại nhiều gà con.*

Có người bảo câu này là sản phẩm của miền Trung Trung phần Việt Nam, ra đời lúc nhà Tây Sơn dấy nghiệp, ám chỉ việc Nguyễn Hữu Chỉnh mấy lần khuyên Nguyễn Huệ ra lấy Phú Xuân và Thăng Long. Dùng con Quạ để ví với Nguyễn Hữu Chỉnh. Con Diều để ví với Nguyễn Huệ, và "Chiều - vườn cau rậm nhiều gà con" để cụ thể hóa lời nói của Chỉnh về "Thời, Thế, Cơ". Cũng có thể nói rằng, buổi chiều trời đã nhá nhem rất hợp với thiên thời - Vườn cau rậm là hợp với địa lợi, và nhiều gà con là hợp với nhân hòa!

Một câu ca dao khác cũng được bảo là ám chỉ việc Nguyễn Huệ đem Nguyễn Hữu Chỉnh ra Bắc rồi bỏ Chỉnh ở lại Nghệ An khiến Chỉnh lo sợ phải kết vây cánh, chiêu

binh mãi mãi để phòng thân rồi gặp được cơ hội kéo quân về Thăng Long giúp Vua Lê Chiêu Thống, thay Chúa Trịnh mà lộng quyền:

*"Ai đem con Sáo sang sông  
Để cho con Sáo sổ lồng bay xa"!*

Vì sao con sáo sổ lồng? Vì gặp điều bất trắc. Để diễn ý "bất trắc" cổ nhân mượn chỗ sông ngụ ý nói đến sông gió ..., không đem con sáo vào nơi sóng gió hãi hùng thì chắc chi nó đã sổ lồng và phải bay xa.

\*

\* \*

Ở đây, tuy không nhìn thấy bóng dáng những con chim Quyên, chim Cuốc ... ở ngoài trời, nhưng có lẽ trong lòng những người Việt ly hương đã nhiều lần nghe văng vẳng tiếng kêu buồn thương thảm thiết của các giống chim này!!

Đỗ Vũ, đỗ quyên hay chim Cuốc luôn khơi dậy trong ta những nỗi đau và những niềm nhớ khôn nguôi.

*"Chim Quyên xuống đất ăn trùn,  
Anh hùng lữ vận lên nguồn đốt than"!*

Những hiện tượng này, những nghịch cảnh này chúng ta đã gặp "rất là" nhiều sau ngày tan đàn, xẻ nghệ!

Khi đặt chân đến vùng rừng núi quận Hoài Ân (Bình Định) vào một buổi chiều tà, chúng ta được chim ÉN nhắc nhớ đến Chàng LÍÁ - một kiểu Từ Hải Việt Nam.

*"Chiều chiều Én liệng truông mây,  
"Cảm thương chú Lía bị vây trong thành"...*

Nghĩ về mấy con chim nhỏ bé, tôi nhớ đến một câu của một nhà văn Tây Phương cách nay vài thế kỷ mà ngày trước chúng tôi thường lấy làm quan niệm sống của

mình: "Thà làm một con chim nhạn bay là là trên mặt đất còn hơn là làm một chim CẮT bay trên tầm cao quá mức để rồi từ đó bỏ xuống làm những việc xấu xa, đê hèn".

... Chim Sâu, chim Câu và chim Quạ vẫn hát, vẫn kêu ở quanh đây. Tôi lẩm nhẩm câu ca dao:

*"Chim chuyền bụi ớt lú lo,*

*"Lòng thương quân tử ốm o gầy mòn"*

và muốn đổi lại:

*"Tiếng chim đất khách lú lo,*

*"Nhớ về Quê cũ ... ốm o gầy mòn!"*

**BÙI THỨC KHÁN**



Nghe lời chê bai mà giận là làm ngòi cho người gièm pha, nghe câu khen ngợi mà mừng là làm mồi cho người nịnh hót.

**Văn Trung Tử**

# QUAY VỀ

## TÂM TRIỀU

CÔ TƯ HỒNG ngắm nghía mình hoài trong gương không biết chán. Con nào đó mà đẹp thế này? Chính mình Mỹ Hồng đây, chứ còn ai nữa. Ôi! Cái cằm chẻ này, má lúm đồng tiền, chiếc mũi xinh thon cao một cách kín đáo, đố ai biết được đấy là mũi sửa. Úi chà, cái da mới mịn màng mát mẻ làm sao! Thế này đứa nào dám bảo gái sẽ gần 50 xấp xỉ, là đồ bỏ?!

Chuyến du lịch Cali vừa rồi, cô Tư Hồng quả đã làm được nhiều chuyện. Thứ nhất là sửa sắc đẹp, học trưng diện, học ăn học nói cho thành người giàu sang quyền thế. Thứ hai chuyển dần một số tài sản như một kho tàng cả triệu đô la bạc mặt, ngọc quý, vàng, kim cương vào Mỹ. Thứ ba tìm ra họ hàng bản cà nông mới tới, để gửi gắm, sửa soạn cho con gái đầu lòng sang du học tại Cali UCI. Cuộc du chơi thú vị nhất là viếng thăm Las Vegas, Disneyland, Universal Studio, Tư Hồng cảm như lạc vào Thiên thai. Cali quả thật như một thiên đàng ở trần gian này, Tư Hồng chỉ có hai nỗi bực mình, thứ nhất đi đâu cũng nghe dân Việt Hải Ngoại chửi cộng sản, muốn bịt lỗ tai đi cũng không được. Tư Hồng nóng mặt, có lúc muốn quát lớn cho hả giận: "Bà thì cho chúng mày đi cải tạo tới mãn đời mới thôi". Chợt nhớ ra, đây không phải là Việt Nam, nơi y thị cậy quyền thế của chồng, có thể làm mưa làm gió được, Tư Hồng cố nuốt giận, nén mình làm ngơ. Đến ngày được rời Cali, Tư Hồng mới thở phào nhẹ nhõm, vì Hồng biết rằng nếu ở thêm vài ngày nữa, có lẽ sẽ hóa điên, vì nghe bọn Ngụy chửi cộng sản tối ngày qua cửa

miệng, báo chí, truyền thanh, tivi v.v... Điều bực mình thứ hai dù cố gắng hết sức, Tư Hồng vẫn không sao sửa được cái giọng nhà quê của mình. Đương nói bình thường, tự nhiên Hồng lại nói rống to lên, khiến nhiều người Mỹ ngạc nhiên, nhìn Hồng tưởng là con mẹ điên. Rồi ma đưa lối quỷ nữa, cứ nè chữ L phát âm thành N, thí dụ "nằm sao" đôi khi chữ N lại đọc thành L, như "Việt Lam". Chỉ một giọng nói quê kệch, bao nhiêu điệu dáng Hồng cố làm bộ thanh lịch, quý phái, tan thành mây khói.

Cô Tư Hồng chột lo lắng cho đứa con gái cưng Mỹ Hương trong tháng sắp tới, khi nó sang Cali du học. Qua thời gian học hành hàng ba bốn năm, khiến con Hương chẳng biết rồi sẽ ra sao?! Nó sẽ còn là con của mình nữa hay không?! Xem gương con Hoa, ái nữ đồng chí Phó Bí Thư, cũng du học ở Mỹ quốc, khi về nước oán trách cha mẹ, rồi tự tử. Con Hoa đã viết lá thư tuyệt mạng, nói rằng "Quá xấu hổ vì tội ác của cha chú và Bác, nên không thiết sống nữa. Con Hoa còn trắng trối cha nó hãy gấp rút bỏ ngay Đảng Cộng Sản qua hàng triệu tội ác đối với nhân dân, thì nó mới ngậm cười được ở nơi chín suối. Tư Hồng ngẫm nghĩ trường hợp con Hoa mà bồng lo sốt vó cho con gái cưng. Con Hương nhà mình ấy vậy mà giàu tình cảm đáo để, lại còn nhẹ dạ dễ tin. Để mua chuộc nó, thật chẳng khó khăn gì, cứ việc đánh mạnh vào mặt tình cảm là nó xiêu ngay. Nguy hiểm thật, thế mà bọn địch Mỹ ngụy lại có trăm phương ngàn kế quỷ quyết để cám dỗ những đứa con em Cách Mạng gửi đi du học. Hãy xem đó, con gái đồng chí Võ Nguyên Giáp còn bỏ cả cha mẹ lẫn Tổ Quốc, để chạy theo Mỹ, nó lại xin nhập quốc tịch Hoa Kỳ nữa, mới loạn chứ! Đúng là con nhà vô phúc.

Nhất định phải bàn kỹ lưỡng vấn đề này với Bố nó mới được. Con Hương cần phải được sửa soạn tâm tư, kiên

định lập trường vững chắc, trước khi sang Mỹ. Nếu chẳng tìm ra giải pháp tốt đẹp, bảo đảm con Hương đi về thuận buồm xuôi gió, thì hủy bỏ luôn việc du học. Có thể sau này, cho nó đi du lịch một chút còn tốt hơn.

Tiếng ve sầu rộn rã gọi mùa hè trở về bên trời Hà Nội, những cánh phượng đỏ thắm tô đậm dưới nắng vàng rực rỡ. Mùa tan trường đã tới qua hồi trống cuối cùng, báo hiệu những chia ly giữa thầy trò và các bạn bè cùng lớp. Bí Thư thành ủy Tư giờ cũng hóa ra đăm chiêu, tư lự, khi nghĩ tới lúc phải chia tay con gái đầu lòng. Chỉ vào thu tới, con Hương đã có mặt ở Cali, để theo học trường Đại Học UCI. Trước khi con Hương rời nước, Tư cho con cái ra ở Hà Nội nghỉ hè, vì nó chỉ thích ra Thủ Đức, nơi ghi dấu cả một thời thơ ấu.

Cánh cửa bật mở. Mỹ Hương chạy vào như một luồng gió tươi mát, Tư đã nghe thấy những tiếng chân con gái chạy nhảy trên các bậc cầu thang.

- Bố ơi! Đây là những cánh phượng đẹp nhất của Hà Nội, mùa hè đang tới rồi, tiếc sao hồi mới sinh con ra, Bố lại không đặt tên con là Phượng?!

- Thì tên còn là Mỹ Hương cũng đẹp chán rồi, như vậy con mới có số qua Hoa Kỳ để ngắm hoa phượng Mỹ chứ. Ở Cali vào tháng 5 là mùa phượng tím nở đầy trời, đẹp lắm, thế nào con cũng mê phượng tím mà ở quê ta không có.

- Vâng, con cũng đã được coi qua hình ở Cali gửi về, quả là đẹp, hẳn ở ngoài sẽ còn đẹp hơn nữa.

Tư Hùng ngắm con gái thật hài lòng, nhan sắc của Hương vượt xa mẹ nó. Hương lại có tài bắt chước những giọng nói thật hay của các diễn viên tài tử nổi tiếng, qua đủ các giọng Hà Nội, Huế, Sài Gòn. Con bé năm nay đã 19 rồi mà cứ làm bộ nhõng nhẽo con nít, như tuổi 13. Rồi

đây xa gia đình, chẳng biết con nhỏ có thích hợp được với nếp sống tự lập, nhất là xứ Mỹ xa tít bên kia Thái Bình Dương hay không?!

- Bố ơi! Xa gia đình con sẽ nhớ bố mẹ kinh khủng, rồi đến các bạn bè, những thành phố thân yêu. Sau rốt, con nhớ hoa quả, trái cây cũng khủng khiếp luôn, Bố hãy gửi sang Mỹ cho con: sầu riêng nè, xoài nữa, măng cụt, lại thêm mấy quả sầu chín, nhót, nhãn Hưng Yên nữa nghe. Đó là những sứ giả đáng yêu đến từ quê hương, để động viên con, học tốt, kết quả tốt.

Tư Hùng bật cười với lối nói loạng choạng của Hương. Lúc thì nó phát ngôn giọng điệu cách mạng, lúc lại bắt chước kiểu nói dân chế độ cũ miền Nam. Nhất trí cùng vợ, Tư Hùng thấy cần phải sửa soạn tâm tư cho con Hương, trước khi nó sang Mỹ du học.

Đang háng giọng, thói quen khi bắt đầu một câu chuyện gì quan trọng, Tư Hùng ân cần mở đầu lời nói với con:

- Hương con gái cưng của bố, cha con ta sắp sửa phải tạm xa nhau một thời gian dài ... Bởi vậy, hôm nay bố cần tâm sự cùng con thật lâu. Cũng như nhiều lần, con đã yêu quý bố, ngoan ngoãn nghe theo những ý kiến của bố, các lời khuyên răn mà con cho bố bao giờ cũng đúng, sáng suốt, quả là người cha lý tưởng. Đã có lần, con nói thật với bố rằng, sau bác Hồ là đến bố, như mặt trời, mặt trăng soi sáng đời con. Con đã tự hào vì bố, con đường lý tưởng bố từng theo đuổi, đầy vinh quang, chiến thắng liên tiếp, thành công rồi đại thành công, vẻ vang với bao nhiêu thành tích vĩ đại nhất, thế có nghĩa là bố của con cũng là người vĩ đại nhất. Theo thời gian, con lớn dần khôn lớn, để thấy rằng, bố cũng chỉ là người không cần những tầm vóc thần kỳ như các ông Tiên, ông Thánh bay bay trong



ký ức thơ ấu đầy mộng mị của con. Tuy nhiên tới nay, bố thật sung sướng khi biết rằng, con vẫn nhìn bố đầy hào quang với niềm kiêu hãnh và kính phục. Cũng vì thế, bố phải cố gắng để xứng đáng với niềm yêu kính con đã dành cho bố. Hẳn là con vẫn hằng nghĩ rằng, bố là tốt đẹp nhất, đúng và hay nhất, bố không thể lầm lẫn bao giờ. Đây chính là điểm bố quan ngại, nhờ lúc nào đó, con sẽ thất vọng, khi bố không đáp ứng được hết những kỳ vọng của con thì sao? Bởi vậy, đã đến lúc bố phải cho con nhìn thấy trước những khả năng hữu hạn, các vấn đề tiêu cực của bố, của xã hội, nhà nước ta.

Mối ưu tư nhất của bố chính là thời gian sắp tới, khi con phải xa bố để sang Mỹ. Nơi đó, đầy rẫy những nọc độc phản động của bọn Mỹ và bọn ngụy. Họ sẽ đổi trắng thay đen, tuyên truyền nói xấu cách mạng, xã hội chủ nghĩa, không còn một cái gì là tốt đẹp cả. Cộng sản chính là tội ác, quỷ quái, khát máu, dã man, vi phạm nhân quyền v.v... Tinh vi hơn nữa, tư bản Mỹ và Ngụy sẽ dùng tình cảm để lung lạc, đánh động vào lương tâm của con. Chúng sẽ nêu một vài chứng cứ thêm thắt, phóng đại to lớn gấp trăm lần, để dựng lên một thảm kịch. Thí dụ: như thảm kịch vượt biên bị hải tặc là tàu đánh cá quốc doanh của ta lẫn Thái Lan giết tróc cướp của, hãm hiếp, vụ đấu tố địa chủ, cuộc thảm sát chôn sống đồng bào Huế hồi Tết Mậu Thân. Nào cách mạng là trùm tham nhũng, tư bản đỏ v.v...

Trong khi ấy, con cứng của bố lại còn quá trẻ người, non dạ. Bố sợ con sẽ bị xúc động mãnh liệt, từ bối rối giao động đến quần trí, làm sao chống đỡ được các nọc độc của địch tấn công tới tấp, không buông tha con để mua chuộc, lung lạc và dụ dỗ con bằng được. Trưởng lớp Ái Hoa, công ái bác phó bí thư, đã hóa khùng, rồi tự tử luôn,

hắn là con biết rồi đấy. Các viên thuốc độc học đường, chính là lối tuyên truyền của bọn địch, con phải coi chừng, nguy hiểm lắm đó.

Nói thao thao bất tuyệt ... Tư Hùng tạm ngừng, rồi chậm rãi uống ngụm nước trà, nhìn chăm chăm để theo dõi phản ứng của con gái. Y thật sững sốt, thấy vẻ mặt thản nhiên, có vẻ hơi cười cợt từ con Hương. Xem ra, tất cả bài thuyết giảng của y, chỉ như nước đổ đầu vịt mà thôi.

Cha với con, hẳn là quá hiểu nhau rồi. Tư Hùng biết rằng không thể giả dối để lên lớp con gái được nữa. Những cái nhìn của nó hướng về mình, là đôi mắt phán xét, thôi đành bào chữa, trần tình kích động lòng phụ tử.

Tư Hùng tiếp tục nói, giọng trầm trầm cảm động:

Con đã biết đấy, người ta sinh ra tính bản thiện, có ai yêu thích làm điều xấu, điều ác đâu. Con người là một sinh vật lý tưởng, luôn hướng và mơ ước tới những gì đẹp, để gắng làm đẹp cho con người, cho cuộc sống. Chính vì thế, năm 1945, bố đã tham gia cách mạng với một nhiệt tình cùng tâm hồn trong sáng. Như bao thanh niên khác cùng lứa tuổi, sôi sục vì lòng yêu nước, cùng vùng lên đánh đuổi thực dân Pháp. Chủ nghĩa Dân Tộc, Dân Quyền là lý tưởng để chấp cánh cho bố bay vào bầu trời xanh hy vọng với niềm ái quốc thương quê, yêu giống nòi. Bố đâu ngờ hai chữ "cách mạng" đã biến thể như ngày nay. Sau cuộc chiến thắng cuối cùng, mà ta gọi là "Đại thắng mùa Xuân", thật ra, đây cũng chỉ là món quà mà thực dân các phía đã tặng miền Bắc xã hội chủ nghĩa, trong đó có bố. Bổng lộc trời cho này, như gia đình chúng ta hôm nay, chính bố nhiều lúc tự nhìn lại chân dung mình, bối cảnh sống, mình không còn là một chiến sĩ vì dân, vì nước, vì giống nòi như lý tưởng xa xưa, mà là sự biến dạng của lớp

thực dân đồng chủng trên quê hương. Chủ nghĩa vị kỷ, cá nhân tư lợi, dần dần xâm chiếm hết tâm tư bố. Tất cả vì miếng cơm manh áo, tình yêu vợ con. Mẹ và các con đã khổ cực quá rồi, đã đến lúc phải thụ hưởng như người ta.

Sau vụ án Nhân Văn Giai Phẩm, tuy ngoài miệng chống đối bọn nhà văn phản động, nhưng tự trong thâm tâm, bố nhất trí với nhận định của ông Phan Khôi: "Bè lũ cầm quyền, trong đó có bố, quả thật đầu óc nay chính là những cái bình vôi, hết linh thiêng thần thánh trên cây đa xã hội chủ nghĩa". Thế rồi, cuộc chiến chống Mỹ, tạo dịp cho những bình vôi lấy lại đôi chút thần bí của một cuộc thánh chiến. Nhưng sau khi chiếm trọn miền Nam, bình vôi như bố và cả tập đoàn, lại còn thảm thương hơn nữa. Chẳng những không còn thần thánh linh thiêng nữa, mà nay trở thành đối tượng bị nhục mạ, phi nhổ, bõn cọt cho nhân dân cả nước. Ôi! Những bình vôi thành các ống nhổ, ngay cả bọn con nít cũng phóng uế vào đó. Những cái ống nhổ này lại quá hấp dẫn, vì toàn dát vàng, dát bạc, đô la, ngọc ngà châu báu. Bọn đế quốc Mỹ thâm hiểm đã hạ độc kế bằng cách dâng miền Nam cho cách mạng, một con ngựa thành Troy, chiến thuật chiếm thành thời chiến tranh xưa được áp dụng lại. Vậy là đất thép, thành đồng xã hội chủ nghĩa đang bị tan rữa như bùn trước cơn mưa.

Cái hèn kém nhất của bố và cả tập đoàn, là tự lấy tay bịt mắt mình, giả đui, giả mù, trước ánh sáng sự thật. Tất cả chỉ vì tham vọng muốn ôm giữ mãi quyền bính và lợi lộc, những kho vàng vĩ đại. Hôm nay, chính lúc bố cần nói toạc móng heo tất cả sự thật, những cái xấu xa của bố và xã hội chủ nghĩa, để con sẽ không còn bị dị ứng khi vào nước Mỹ, trước các nọc độc tuyên truyền của bọn chúng. Hãy hiểu cho bố, tất cả chỉ vì tương lai của các con mà thôi, bố mẹ già rồi cũng chẳng còn tồn tại bao lâu. Bố mẹ

muốn chúng con sẽ được vinh hoa, phú quý và sung sướng, chẳng phải khổ cực một phần lớn trong cuộc đời như bố và mẹ. Vậy con nhớ đừng bao giờ bỏ lỡ cơ hội cho những dịp thăng tiến đời mình, đó nghe con.

- Thưa bố, đây là lần đầu tiên con xin phép được phản kháng bố và nhất định không theo lời bố. Một gia tài kếch xù bố đã chuyển ra nước ngoài, bây giờ chuyển đến con cái. Không! Thưa bố, tiền bạc chẳng phải là tất cả. Tuổi trẻ chúng con, cũng như bố ngày xưa, là lý tưởng, một niềm tự hào cao quý của những cái hay cái đẹp, không bao giờ có được từ những tiền bạc và tội ác. Mai kia sang Mỹ, con sẽ thân thiết với anh em sinh viên, con cái những gia đình chế độ cũ ở miền Nam. Con sẽ xin đổi họ, cầu xin họ tha thứ cho những tội ác của bố và các đồng chí đã gây ra cho các bậc cha mẹ họ. Lớp trẻ chúng con sẽ có đủ can đảm đập tan xiềng xích nô lệ bất cứ từ đâu đến, hiện tại là búa liềm Cộng sản. Bố ngạc nhiên tại sao con giác ngộ sớm vậy ư? Mà chẳng phải đợi đến lời sám hối của bố ngày hôm nay. Thưa bố, kể từ khi theo bố vào tham quan miền Nam, con đã lớn lên và trưởng thành, khi được chứng kiến nhiều thảm kịch ở miền Nam đất nước. Thảm kịch khởi đầu từ khi bố và các đồng chí giương cao ngọn cờ máu trên đường Thống Nhất Saigon ngày 30 tháng 4 năm 1975. Điều làm con xúc động kinh hoàng nhất là hành vi trả thù tàn nhẫn dã man của cách mạng đối với dân chúng và chế độ cũ miền Nam. Con không thể tưởng tượng nổi, đồng chí lão thành Nguyễn Hộ lại có thể tuyên bố một câu thật man rợ như: "Lũ Ngụy hủ, nhà cửa chúng, ta sẽ chiếm, vợ con của tụi nó, ta sẽ lấy, con cái chúng sẽ làm đầy tớ hầu hạ chúng ta; còn chính bọn chúng, cho tụi nó đi tù rục xương trong rừng già".

Thưa bố, con thấy rằng cuộc nội chiến Nam - Bắc vừa qua, còn tệ hại hơn thời Trịnh - Nguyễn phân tranh, vì xưa chỉ là oán thù giữa hai dòng họ mà thôi. Con từng đọc sử, cách mạng chê bai vua Gia Long trả thù hèn mạt, sau khi thắng được Tây Sơn, nhưng thật ra vua Gia Long còn nhân đạo hơn cách mạng ngày nay nhiều. Thật vậy, xưa, tất cả dân chúng Bình Định - Quy Nhơn, vùng đất do quân Tây Sơn khởi nghiệp dân chúng dân phải đi "cải tạo", tù đầy lữ lượt như đồng bào miền Nam ngày nay.

Bố có thể ngờ được không? Con đã khóc khi thấy bao gia đình miền Nam tan nát, Cha, chồng, con họ bị bỏ mình trong trại tù; vợ, con gái lớn bị dọa nạt, mua chuộc, dụ dỗ bởi cán bộ cách mạng, làm bằng hoại nền tảng luân thường đạo nghĩa Khổng Mạnh, mà đảng đã phát động cái gọi là chiến dịch "Hoa Nữ Về Đêm".

Có những người tù đã tự tử khi trở về, vì bị tuyệt vọng, bị phản bội kéo theo người vợ hối lỗi cùng quyền sinh; cả gia đình đều chết!

Thưa bố, những người đồng bào miền Nam, có phải là người Việt Nam ruột thịt, với huyền sử Mẹ Âu Cơ cùng sinh ra không? Tại sao lại coi họ như người dị chủng, kẻ thù không đội trời chung như vậy?

Truyền thống của dân tộc ta là khoan dung, nhân ái, ngay cả đối với kẻ thù xâm lược Trung Quốc. Sau cuộc chiến, các đời nhà Lý, Lê, Trần, Nguyễn đều phóng thích bại binh Bắc phương, còn cung cấp lương thực, thuốc men, y phục cho họ trở về Trung Hoa nữa. Vậy mà người Việt Nam đồng chủng, lại hận thù, chém giết, tù đầy, đào mả cả người đã chết, thật là kinh tởm! Đó là phải chăng bởi chủ nghĩa ngoại lai Mác-Lê đã trui rèn cho con người cộng sản đã mất hết nhân tính?

Bố ơi! Bố sợ con sang Mỹ sẽ bị tuyên truyền phản động, rồi bị tâm thần khủng hoảng ư? Thưa bố, chẳng phải đợi đến ngày xa lắc xa lơ ấy, thật ra con đã đau đớn tuyệt vọng từ lâu rồi. Càng lớn lên, trí hiểu biết, phê phán càng trưởng thành, con càng thấy ghê tởm chủ nghĩa cộng sản, cái chủ nghĩa bố cao rao, phụng thờ như một tôn giáo. Bố có thể tưởng tượng được rằng con suýt nữa đã tự tử, cách đây hai năm không? Con muốn chết vì chẳng thể chịu đựng được cực hình phải làm con của bố. Con thấy nhục nhã quá! Khuôn mặt hiền từ dịu dàng của bố, lại có thể ở một góc cạnh khác, nhuộm đầy máu dân lành vô tội ư? Đảng Cộng sản của bố đã hiện nguyên hình, chẳng khác gì một đảng cướp, với đầy tội ác khủng khiếp; hóa ra, con cũng chỉ là con gái một tên tướng cướp hay sao? Con đã muốn quyên sinh để cảnh tỉnh bố, trở về đường ngay lẽ phải, với quê hương và dân tộc Việt Nam. Nhưng sau này, con tự trấn an, thôi không hủy hoại mạng sống mà xét chẳng lợi ích gì nữa. Tất cả quá muộn, bố thật già yếu rồi, cơ thể bệnh hoạn, gần đất xa trời, cũng như đảng của bố, như ngọn đèn trước gió, chẳng biết đảng nào giã từ tội ác trước.

Thời gian gần đây, con rất hồ hởi, vì thấy bố tỏ ra ăn năn hối hận trước con đường lầm lỗi đã đi qua, tuy bố chẳng nói ra lời, bởi tự ái và quyền lợi, nhưng con biết bố đã phục thiện và khá tiến bộ rồi. Con từ đó, lấy lại sự an tâm, để tiếp tục yêu thương, kính mến bố như thuở xưa. Vì, dù sao, con vẫn là con gái của bố, nên phải tha thứ cho đấng sinh thành ra con, vì vậy, con chỉ nhìn bố ở những khía cạnh tốt mà thôi.

Tư Hùng nhìn con gái một cách trìu mến lẫn thán phục, không ngờ nó đã khôn ngoan đến thế, tuy còn ít tuổi.

Rõ ràng, "Con hơn cha, nhà có phúc". Tư Hùng nói với con gái:

- Bố lo cho con quá, sang học bên Mỹ, bạn học con, đa số là cái gia đình Ngụy di tản, chẳng hiểu rồi con sẽ cô đơn, lạc lõng, hay bị người ta chế nhạo, chọc tức và con có chịu đựng được như vậy không?

- Bố khỏi lo, con sẽ còn Ngụy hơn cả Ngụy đấy nhé. Bao nhiêu năm nay, bạn bè thân thiết của con đều ở trong các gia đình chế độ cũ miền Nam. Con đã học hỏi được từ họ rất nhiều cái hay, cái đẹp. Từ cách sống đến thẩm mỹ, văn hóa, nghệ thuật. Con đã đọc nghe nhiều sách báo văn thơ miền Nam. Có thể nói, khi nói chuyện với họ, các anh chị em sinh viên, sẽ cứ tưởng như con ở trong hàng ngũ của họ. Con phải hết sức học hỏi để chan hòa với họ, tránh không bị nhận diện ra chân tướng con cái cộng sản. Bố có biết nay người ta chế nhạo Cộng sản Việt Nam như thế nào không?

- Họ nói rằng hình ảnh Việt cộng răng đen mã tấu, đồng hồ hai cửa sổ, cái nôi ngồi trên cái cốc ... đã xưa rồi. Chân dung Việt cộng hôm nay là một quái nhân vũ trụ, cái mặt dày như cái thớt cho người ta băm vằm, bản mặt dày, mặt dạn như da con tê giác; hai cái tai to như tai voi, hình loa thành cái ống nhổ cho thiên hạ tha hồ mà phì nhổ vào đó, đúng như bố cũng đã từng nói. Họ còn bảo, mặt mũi Việt cộng mới là mặt mo, làm toàn bằng vàng, bạc, kim cương tha hồ mà xỉ vả không suy suyễn. Thiên hạ còn nói, nay Việt cộng có tiền triệu đô la gửi bằng ngoại quốc cũng đến tới hàng ngàn tên. Đấy bố coi, nếu con không ẩn mặt, tàng hình giỏi thì đến độn thổ mới thoát được sự chế nhạo của người Việt hải ngoại. Vậy bố từ nay phải ăn chay, làm việc thiện để phúc đức cho con đấy nhé. Chuyến này con xuất ngoại du học để tìm đường cứu nước

và cứu cả bố đấy. Bố thì tội ác đầy mình, bố có biết không?

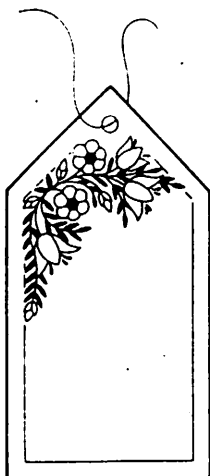
Thế hệ trẻ chúng con sẽ là những người đào mộ chôn chủ nghĩa cộng sản cuối cùng ở Việt Nam.

Báo chí Việt cũng như Anh ngữ tại Cali, đua nhau đưa hàng tít lớn: Cô Lê Thị Mỹ Hương con gái bí thư Thành Ủy Hải Phòng xin tỵ nạn tại Mỹ, đã từ chối hồi hương sau khi tốt nghiệp tại UCI. Các báo còn in một số ảnh chụp cô Mỹ Hương cầm cờ vàng bao sọc, đứng hàng đầu trong nhiều cuộc biểu tình tại thủ đô tỵ nạn Little Saigon.

Khi được hỏi tại sao tỵ nạn? Cô Mỹ Hương đã trả lời muốn làm ngọn đuốc sáng tự do, để thức tỉnh giới cầm quyền Việt Nam, sớm hủy bỏ gập chủ nghĩa cộng sản để quay về với chính nghĩa Tự Do, Dân Chủ Toàn Thế Giới.

**LITTLE SAIGÒN**

Tháng 10/2001





# ĐÚNG VÀ SAI

NGUYỄN THỊ VIỆT NAM

Ngày xưa ông, bà chúng ta thường nói "một của một con không ai từ", hoặc "trời sanh voi sanh cỏ". Sống trong xã hội nông nghiệp, tổ tiên chúng ta do kinh nghiệm trong cuộc sống hằng ngày đã để lại cho chúng ta những câu ca dao tục ngữ trên. Xã hội nông nghiệp cần nhân lực hơn nữa xã hội chúng ta không có hệ thống an ninh xã hội, do đó cần đông con nhiều cháu để nuôi dưỡng trong lúc tuổi già sức yếu không thể tự làm việc để nuôi thân. Hơn thế nữa, trong thời gian đó các cụ không có sự lựa chọn nào khác hơn. Ngày nay trong xã hội kỹ thuật hóa cộng thêm những khám phá mới trong mọi phương diện khoa học như phương tiện truyền thông, y khoa, v.v..., quan niệm của chúng ta thay đổi. Theo phương Tây "Your destiny is your choice", chúng ta có quyền chọn lựa cách sống thích hợp tùy theo khả năng của mỗi cá nhân. Tuy nhiên, người Á Châu đa số tin vào số mệnh, triết lý sống của Phật Giáo. Khổng Tử và Lão Tử thì "Your destiny is your chance". Trong xã hội hiện nay, những vấn đề quan trọng như nhân mãn và làm thế nào để con người có được cuộc sống "hạnh phúc" và tiện nghi hơn.

Để ngăn chặn nạn nhân mãn vào cuối thập niên 50 các khoa học gia đã khám phá và làm được thuốc ngừa thai. Vấn đề quân bình dân số thế giới cho đến nay vẫn là một việc quan trọng.

Tại Trung Hoa lục địa, vì sợ nhân mãn đưa đến đói kém đã có chính sách một gia đình chỉ được có một con.

Kết quả của chính sách này là không biết bao nhiêu em bé gái mới sanh ra đã bị giết chết, vì sợ không có con trai nối dõi, cũng như không có người nuôi dưỡng vào lúc tuổi già, do quan niệm "trọng nam khinh nữ" và "con gái là con người ta". Cũng do sợ nhân mãn chính phủ Trung Hoa bắt buộc phá thai, dù bào thai đã hơn 30 tuần. Kết quả là ngày nay, ở Trung Hoa bị nạn gái thiếu trai thừa và đàn ông phải tìm vợ ở nước ngoài.

Tại Ấn Độ cũng không hơn gì Trung Hoa, kể từ ngày có máy siêu âm, những gia đình không muốn có con gái đã phá thai khi được biết là sẽ có con gái. Kết quả cũng là gái thiếu trai thừa.

Tại Hoa Kỳ vào đầu thập niên 70, không phải do nhân mãn mà vấn đề nam nữ bình quyền và tự do cá nhân, Reo v. Wade, hợp thức hóa vấn đề phá thai. Cho đến nay các chuyên gia về đạo đức học, tôn giáo, khoa học và chính trị cũng vẫn bàn luận về vấn đề này. Những người tán đồng phá thai cho rằng, những đứa con sinh bất đắc dĩ sẽ bị bỏ rơi, không nuôi dưỡng đầy đủ chu đáo sẽ trở thành gánh nặng cho xã hội và rất tội nghiệp cho đứa trẻ. Những người phản đối phá thai, lý luận rằng, đó là giết người, mỗi người trước khi làm bất cứ việc gì phải nghĩ đến kết quả cũng như hậu quả của việc mình làm. Về việc quân bình dân số thế giới, hai chuyên viên về dân số học người Hoa Kỳ đã cho dùng chất "Quinacrine" thuốc chữa bệnh sốt rét, vào việc ngưng sanh sản. Ông Stephen Mumfort lo sợ rằng, nhân mãn ở những nước chậm tiến trên thế giới sẽ đưa đến di dân vào những nước khác. Riêng Ông Elton Kessel thấy sự khổ sở của phụ nữ ở những nước chậm tiến trong vấn đề cư mang, sanh đẻ và dưỡng dục khi làm chuyên gia về dân số học ở Ấn Độ.

Ông Mumfort và ông Kessel có cùng một mục đích trong việc kế hoạch hóa gia đình, nhưng với hai lý do hoàn toàn khác nhau. Mumfort muốn ngăn ngừa nhân mãn ở những nước chậm tiến, Kessel muốn ngăn ngừa sự khổ đau của phụ nữ và trẻ em ở những nước này. Để đạt mục tiêu, hai ông đã cộng tác thành lập "Non-profit center for research on population and security".

Tổ chức này đã cung cấp thuốc Quinacrine và phí tổn để ngăn chặn vấn đề nhân mãn bằng cách đặt thuốc Quinacrine vào tử cung của hơn 100,000.00 phụ nữ tại 17 quốc gia để ngưng hẳn việc sinh sản mà không cần giải phẫu. Tổ chức này và cơ quan kế hoạch hóa gia đình tại địa phương, đã không cho những người phụ nữ đến xin ngừa thai biết rõ "đây là thuốc tuyệt sinh chứ không phải là thuốc ngừa thai". Trong số 17 quốc gia này có Việt Nam.

Đến giữa thập niên 90, các khoa học gia được biết chất Quinacrine có thể gây ra bệnh ung thư, tuy không biết chắc, World health organization đã phản đối và ngưng việc dùng thuốc Quinacrine vào việc hạn chế sinh sản.

Tuy nhiên, ở Việt Nam và Ấn Độ, những chuyên gia về vấn đề kế hoạch hóa gia đình lý luận rằng "chẳng thà có thể bị ung thư còn hơn là để phụ nữ có thể bị chết trong khi sanh sản, khổ sở, nghèo đói cả mẹ lẫn con." Có nghĩa là không có cách nào hơn!

Hiện nay quốc hội Hoa Kỳ đang thảo luận về việc nghiên cứu dùng tế bào phôi thai stemcells researchs - vào việc chữa những bệnh nan y. Các chuyên viên tôn giáo học, đạo đức học và các khoa học gia các ngành đều có những ý kiến khác nhau. Những người đồng ý cho rằng, vấn đề nghiên cứu tế bào phôi thai để chữa bệnh là cần

thiết. Nhờ đó mang đến cuộc sống tốt đẹp hơn, không những cho người bệnh mà cho cả thân nhân của họ nữa, như trường hợp những người bị bệnh Parkinson - chân tay run rẩy, bệnh Alzheimer - lẫn hay quên hoặc không biết gì hết, bệnh MS - liệt. Những người này cần người trông coi gần như 24 giờ một ngày. Ngoài ra còn nhiều bệnh nan y khác có thể chữa trị được bằng tế bào phôi thai.

Những người phản đối, trong đó có Đức Giáo Hoàng, cho rằng dùng tế bào phôi thai nghiên cứu sẽ đưa đến những hậu quả khác, ví dụ: thụ thai cho mục đích chữa bệnh. Như trường hợp cách đây khoảng hơn 10 năm, có một gia đình quyết định có thêm con để chữa bệnh cho đứa con đang cần matching -bonemarrow. Hơn nữa sẽ đưa đến trường hợp "desinged children, có nghĩa là muốn có con trai hay con gái với những điều kiện di truyền theo ý muốn như cao, thấp, màu mắt, màu tóc, màu da, trình độ thông minh v.v... Thêm vào đó vấn đề "cloning để giúp những gia đình không thể nào có con bằng những phương pháp khác như mượn người mang bầu, thụ thai trong ống nghiệm, v.v...

Trong năm 2000, một khám phá lớn trong y học là "Genome". Nhờ vào tối tân của máy computer, các khoa học gia có thể đọc được cấu trúc của DNA và sự phối hợp của tất cả protein tạo thành. Không biết khoa học rồi sẽ đưa chúng ta đến đâu, sống trẻ mãi không già, miễn nhiễm bệnh tật, trường sinh? Cũng nhờ sự tiến bộ của khoa học, 1927 Virginia in Buck v. Bell, đã cho tuyệt sinh sản nhưng người bị bệnh tâm thần (mentally handicapped) mãi đến 1970 mới ngưng. Sau Hoa Kỳ là Canada, Germany, Finland, Estonia Iceland đã bắt buộc những người bệnh tâm thần phải tuyệt tự.

Tự khai thiên lập địa, con người luôn tìm mọi cách để đời sống được tiện nghi hơn và hạnh phúc hơn. Ngày xưa có một ông hoàng lúc nào cũng không thấy vui và hạnh phúc. Theo lời quân sư của ông, ông gửi tùy tùng đi khắp cả nước để tìm "cái áo hạnh phúc". Cuối cùng tùy tùng của ông hoàng gặp một nhà nông nghèo nhưng rất là vui và hạnh phúc. Hỏi ra người nông phu nghèo đến nỗi không có áo mặc !

Suốt thế kỷ 20, hạnh phúc giống như ảo ảnh, các nhà tâm lý học tìm mọi cách để chữa bệnh tâm thần. Càng ngày chúng ta có nhiều khoa học gia về tâm lý, tìm mọi phương cách nghiên cứu để giúp cho con người được hạnh phúc hơn. Cho đến nay qua không biết bao nhiêu thập niên nghiên cứu, cũng như thử nghiệm và chữa trị, chuyên gia tâm lý học mới chỉ có thể giúp cho hàng triệu người bớt buồn phiền chứ không có hạnh phúc hơn! Kể từ sau Thế chiến thứ hai, đời sống con người đã được tiện nghi hơn nhờ kỹ nghệ hóa. Tuy nhiên, theo thống kê, tỷ lệ con người cảm thấy hạnh phúc hơn không thay đổi? Theo thống kê tài chánh như lương cao, nhà và xe tốt đẹp cộng với danh vọng, thời tiết tốt đẹp cũng không làm con người "cảm nhận được hạnh phúc hơn". Tất cả những thứ này chỉ thoáng qua trong thời gian ngắn.

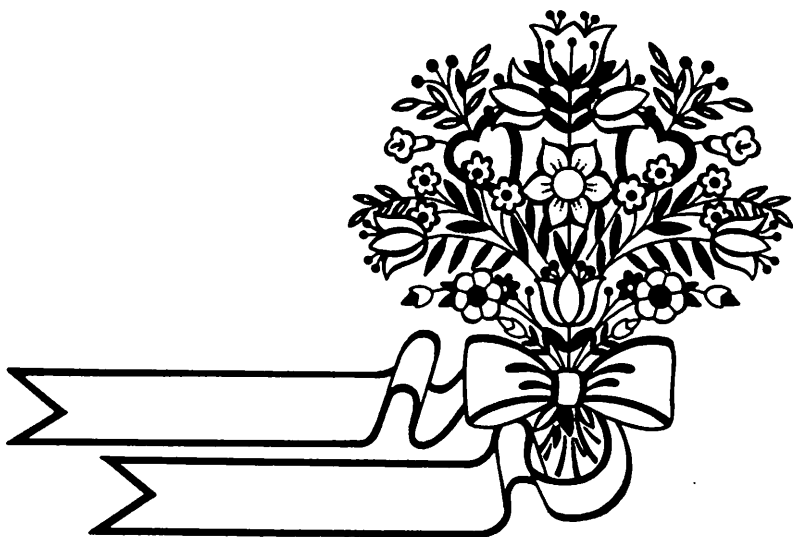
Hiện nay, các khoa học về tâm lý kết luận rằng "những người có một gia đình trên thuận dưới hòa, thân thiện, gần gũi với họ hàng thân thuộc, có tình bạn hữu và tinh thần tôn giáo cũng như có hy vọng cho tương lai, làm cuộc sống hàng ngày của họ có ý nghĩa hơn. Từ sự suy nghĩ cuộc sống có ý nghĩa, những người này thấy hạnh phúc hơn, thấy đời đáng sống hơn".

Chúng ta sống trong Silicon Valley, chắc chắn không quên cơn sốt "thị trường chứng khoán" trong vài năm qua

mới là triệu phú đó, bây giờ chẳng những trắng tay mà còn nợ thuế chính phủ. Bao nhiêu người tưởng là sẽ về hưu sớm, bây giờ thì không những chẳng về hưu, muốn tìm việc làm không ra !!! Người Việt chúng ta đa số đều biết truyện "Tái ông mất ngựa", tưởng là mất đó nhưng lại là được, tưởng là may đó nhưng lại là xui xẻo. Do đó, điều đúng của ngày hôm nay, chưa chắc đã đúng cho ngày mai. Điều đúng cho người này, chưa hẳn đã đúng cho người khác. Ai đúng? Ai Sai?

**NGUYỄN THỊ VIỆT NAM**

Ngày 09 tháng 08 năm 2001



# ĐẦU THIÊN NIÊN KỶ

## LẠM BÀN VỀ

# LỊCH TA VÀ LỊCH TÂY

VÕ NGỌC UYỂN

Để tạo được lợi ích thiết thực trong các vấn đề sinh hoạt hằng ngày, con người đã tìm cách phân chia thời gian theo từng mùa, theo khí tiết mà ta gọi là lịch. Người Đông phương làm lịch dựa theo sự vận hành của mặt trăng gọi là âm lịch (sao Thái Âm: Mặt trăng) và người Tây Phương làm lịch dựa theo sự vận hành di chuyển của mặt trời ta gọi là dương lịch (sao Thái Dương: Mặt trời). Hầu hết các quốc gia trên thế giới đều dùng lịch Tây để giao dịch với nhau, rất là phổ biến và thông dụng, chỉ có vài nước Châu Á ngoài việc dùng dương lịch còn dùng cả âm lịch để sinh hoạt theo phong tục và tập quán mà thôi. Đó là các nước: Trung Hoa, Đài Loan, Mông Cổ, Nhật Bản, Triều Tiên, Singaport, Mã Lai, Nam Dương. Riêng đa số dân Việt Nam hiện vẫn còn dùng nó trong các việc cần thiết như: Tết Nguyên Đán, tế lễ, cúng giỗ, ăn chay, xây dựng, gả cưới, chôn cất v.v... Và Âm lịch còn gọi là lịch ta để phân biệt với dương lịch. Dương lịch mới được thống nhất và thông dụng ở phương Tây vào thế kỷ thứ 16 sau Công Nguyên, còn âm lịch đã có từ xa xưa cách nay hơn bốn ngàn năm vào các thời nhà Thương, nhà Châu. Câu hỏi được đặt ra ở đây là: Âm lịch có giá trị gì? Và nó còn ảnh hưởng đến mức độ nào đối với dân tộc Việt Nam ta nói chung và với người Việt ở Hải ngoại nói riêng?

Thời rất xa xưa, khi loài người chưa biết tìm lửa để nấu nướng thức ăn và soi tỏ chỗ ở của mình thì ánh trăng đối với họ là một điều rất quý giá khi màn đêm buông xuống. Người cổ xưa thấy trăng đi lại trong vòng 29 ngày khi tròn khi khuyết rất đều đặn như một người bạn trung thành không bao giờ lỗi hẹn và lấy đó làm đơn vị chính để đo thời gian. Cuốn lịch cổ nhất của loài người tính theo tuần trăng là âm lịch Ba-bi-lon (Trung Đông) sáng chế cách đây bảy tám ngàn năm.

Âm lịch Trung Quốc có từ 42 thế kỷ trước đây, mỗi năm 12 tháng, trong 354 hoặc 355 ngày cũng giống như âm lịch của cổ Hy Lạp. Nhưng nếu số ngày trong mỗi năm chỉ có như thế thôi thì chỉ năm trước và năm sau là thời tiết không đúng với lịch nữa rồi, qua 3 năm thời tiết chênh lệch với lịch hằng tháng, qua sáu, bảy năm thì lịch là mùa hè mà thời tiết vẫn còn là mùa xuân. Tuy vậy cũng phải qua vài trăm năm liên tục nghiên cứu những sai lệch kỳ quặc ấy, các nhà thiên văn xưa kia mới tìm ra được cách làm cho âm lịch tương đối ăn khớp với thời tiết nghĩa là trong 3 năm phải có một năm thêm một tháng (năm nhuận), 5 năm có 2 năm nhuận hoặc là 19 năm có 7 năm nhuận. Tuy gọi là âm lịch nhưng lịch này không còn thuần túy là âm lịch nữa mà đã phối hợp âm lịch với dương lịch vì tháng thì tính theo tuần trăng, năm thì bám theo thời tiết mà thời tiết thì thay đổi theo từng mùa: Xuân, Hạ, Thu, Đông nối nhau là do quả đất xoay chuyển quanh mặt trời, lúc gần lúc xa tùy theo quỹ đạo hình bầu dục.

Chỉ có lịch của Hồi Giáo mới gọi là hoàn toàn âm lịch, cứ theo tuần trăng mà tính một năm có 12 tháng, trọn năm 354 ngày. Cho nên nếu có người Hồi Giáo nào khoe là 102 tuổi rồi thì đúng ra chỉ có 96 năm thôi.



Người Ai Cập sáng chế ra dương lịch cách nay 6.000 năm. Bấy giờ người ta tính năm theo chu kỳ nước lũ của sông Nil, con sông quyết định vận mạng của nhân dân Ai Cập. Nhưng những người làm lịch chỉ tính mỗi năm 365 ngày mà thực ra dương lịch là 365 ngày và 2.422/10.000 ngày (tức là gần 1/4 ngày). Cho nên theo lịch này thì cứ 4 năm thiếu mất một ngày, qua 1000 năm, lịch và thời tiết sai nhau 250 ngày mới gặp nhau, rồi lại dần dần sai lệch mãi cho đến hết chu kỳ khác. Tình hình hỗn loạn này ở Ai Cập kéo dài hơn 4000 năm, mãi đến năm 240 trước Công Nguyên (cách đây 2.240 năm) người ta mới sửa lịch lại, cứ một năm có một năm nhuận 366 ngày (thêm một ngày).

Người La Mã làm dương lịch cách đây khoảng 3.500 năm, lúc đầu cũng giống như Ai Cập, mỗi năm có 365 ngày. Năm 46 trước Công nguyên Hoàng Đế La Mã là Guille César nhờ một nhà Thiên văn Hy Lạp nghiên cứu sửa đổi lịch qui định mỗi năm 12 tháng gồm 7 tháng 31 ngày, 4 tháng 30 ngày, riêng tháng 2 có 28 ngày cộng lại là 365 ngày và cứ 4 năm thì tháng 2 có 29 ngày. Lịch này gọi là lịch César. Nhưng rồi người ta lại phát hiện ra cái sai to lớn của lịch César. Bởi vì trung bình mỗi năm lịch César so với thời gian quả đất đi một vòng quanh mặt trời thì dài hơn 78/10.000 ngày tức là 11 phút 14 giây. Một năm sai lệch như vậy có là bao, qua 100 năm chỉ thừa có 3/4 ngày. Ấy thế mà đến năm 1.582 tức qua 17 thế kỷ dùng lịch César người ta phải sửa đổi và quyết định rút đi bớt 10 ngày cho hợp với thời tiết. Năm 1.582 như vậy chỉ có 355 ngày. Người đứng đầu sửa đổi lịch César là Đức Giáo Hoàng thứ 13 GréGoire. Một hội đồng các nhà Bác học thời đó nghiên cứu và quyết định sửa lịch César như sau: Cứ 4 năm có một năm nhuận (tháng 2 là 29 ngày)

nhưng trong 400 năm thì phải bớt đi 3 năm nhuận: 1700, 1800, 1900. Đó là những năm là hai con số sau cùng là 00, nhưng hai con số đầu (17, 18, 19) thì không chia tròn cho 4. Như vậy, trong vòng 400 năm tới thì năm 2000 là năm nhuận còn 3 năm 2100, 2300 thì không có nhuận. Hiện nay, hầu hết các nước trên thế giới đều dùng lịch Grégoire. Nhưng lịch này vẫn còn có một ít sai lệch. So với 100 lần trái đất đi chung quanh mặt trời thì 100 năm lịch thừa mất 3/100 ngày. Nghĩa là 100 thế kỷ phải sai lệch 3 ngày, nhưng đó là việc của hàng trăm thế hệ sau.

Trở lại với Âm lịch, cách tính âm lịch chia năm vẫn giống như dương lịch, nhưng cách tính tháng có khác. Năm tháng dương lịch không liên quan đến: hối, sóc, huyền, vọng cho nên đổi hẳn số ngày từng tháng, nó không nhất định như dương lịch. Hối: ngày cuối tháng. Sóc: ngày đầu tháng. Vọng: ngày giữa tháng tức là ngày Rằm. Huyền: có thượng huyền và hạ huyền. Huyền nghĩa là treo. Mặt trăng khuyết phía dưới gọi là thượng huyền, khuyết phía trên gọi là hạ huyền.

Tháng âm lịch phải lấy ngày nhật nguyệt hợp sóc làm đầu, tức là ngày mặt trời, mặt trăng và trái đất nằm trên một trục đường thẳng. Hai lần hợp sóc cách nhau 29 ngày rưỡi cho nên tháng âm lịch đủ có 30 ngày và thiếu 29 ngày. Vì cách tính tháng khác nhau thì cách tính năm sẽ khác đi. Năm âm lịch bắt đầu vào ngày Sóc gần kề với tiết Lập Xuân. Trong một năm không thể tính số lẻ của tháng, nhưng gộp 12 số lẻ chỉ được 354 ngày, nhưng so với ngày đúng của một năm (gọi là tuế thực) là khoảng 11 ngày ( $365 - 354 = 11$ ), dồn 3 năm dư ra 33 ngày, cho nên qua 3 năm phải nhuận một tháng, dồn 2 năm nữa dư ra 25 ngày nên phải nhuận một tháng nữa. Tính bình quân 19 năm phải có 7 tháng nhuận. Trong mỗi năm tháng bình

thường phải có một ngày tiết và một ngày khí. Số ngày của mỗi tiết khí bình quân là 30 ngày cộng với  $4/10$  ngày = 30,4 ngày.

Số ngày của tháng âm lịch có 29 ngày rưỡi, cho nên sau 2 hoặc 3 năm sẽ có một tháng chỉ có ngày tiết mà không có ngày khí thì dùng tháng đó làm tháng nhuận. Vì vậy làm âm lịch quan trọng nhất là phải biết tiết và khí để hòa trực.

Ở Việt Nam, âm lịch đã có từ xa xưa vì ảnh hưởng sâu nặng của nền văn hóa Trung Hoa. Dưới triều nhà Nguyễn, cuốn lịch Vạn Niên để chọn ngày chọn giờ gọi là "Khâm định vạn niên thư" hay là: "Hiệp kỷ lịch" do tòa Khâm Thiên Giám biên soạn để trình vua ngự lãm và ra chiếu ban hành xuống các châu huyện. Theo Phan Kế Bính trong cuốn Việt Nam Phong Tục có đoạn viết: "Mỗi năm ngày một tháng Chạp, Hoàng Đế ngự điện khai trào, các quan tòa Khâm Thiên Giám cung hiến Hiệp Kỷ Lịch, rồi khâm mạng vua mà ban lịch đi khắp nơi. Ban lịch quan trọng nhất là để cho thiên hạ biết chính xác khí tiết, tháng thiếu tháng đủ, ngày tốt ngày xấu, để tuân hành được đều nhau ... Ngoài ra, tòa Khâm Thiên Giám cũng soạn quyển lịch "Ngọc Hạp thông thư" để phổ khắp nơi trong dân chúng.

Âm lịch cũng còn gọi là lịch Can Chi vì năm tháng ngày giờ ghi trong lịch đều dùng can chi để chỉ tên, ví dụ năm nay, năm 2002 là năm Nhâm Ngọ, tượng con Ngựa Hành Mộc, năm tới năm 2003 gọi là năm Quý Mùi, tượng con Dê cũng hành Mộc. (Những chữ: Nhâm, Quý người ta gọi là Thiên Can: Cái cán trời, tượng trưng cho dương và Ngọ, Mùi người ta gọi là Địa chi: cái nhánh của đất, biểu thị cho âm).

Từ trước đến nay, đa số các nước vùng Đông Á đều sống theo nghề nông tang nên âm lịch là phương tiện thiết yếu mà người dân cần phải có để biết thời tiết mà cày cấy, gặt hái.

Hơn tám mươi phần trăm người dân Việt Nam theo Đạo Phật và thờ cúng Ông Bà Tổ Tiên, ngày giỗ chạp, tế lễ đều phải dựa theo ngày âm lịch để làm lễ. Những Phật tử ăn chay lạt phải biết ngày rằm, ngày mồng một và các ngày vía của các vị Tổ, vị Phật. Ví dụ ngày vía của Đức Phật Di Lặc là ngày mồng một Tết Nguyên Đán, ngày vía của ngài Quán Thế Âm Bồ Tát là ngày 19 tháng 3 v.v... và thiết thực hơn nữa là các phiên chợ vì dân quê không phải lúc nào cũng có chợ để mua bán đổi chác mà mỗi chợ được qui định nhóm họp vào các ngày âm lịch nhất định trong tháng, ví dụ chợ phiên Bình Định (An Nhơn) là vào các ngày mồng 3, mồng 7, 13, 17, 23, 27 âm lịch mỗi tháng.

Do vậy việc dùng âm lịch là một điều thiết yếu phải có trong cuộc sống của người dân. Đó là chưa nói đến vấn đề có liên quan đến thuật coi ngày giờ tốt xấu để làm các việc trọng đại mà tập quán phong tục xa xưa của dân ta rất phổ biến, không ai có thể bỏ được. Ví dụ như xây cất nhà, về nhà mới, đám cưới, đám hỏi, ra đi xa, mở cửa tiệm, hùn hạp làm ăn v.v... người ta thường mở âm lịch coi ngày, giờ tốt xấu mới làm. Tâm lý ai cũng muốn bình an thuận lợi, ai cũng muốn thành công, không ai mong thất bại nên việc coi ngày giờ tốt, xấu nên làm và nên tránh trong dân gian Việt Nam dù bất cứ trong hoàn cảnh nào của xã hội cũng khó mà xóa bỏ được, bằng chứng là mặt dầu bị cấm đoán, trừng phạt trong bao nhiêu năm dưới xã hội miền Bắc với chế độ Cộng sản và 27 năm trong miền

Nam, cho đến nay phong tục này vẫn không xóa mất mà còn có phần tăng thêm.

Hiện nay Cộng Đồng Người Việt các nơi ở hải ngoại, mặc dầu sống trong thời đại văn minh tân tiến, nơi mà nền khoa học hiện đại tối tân nhất thế giới đang phát triển mạnh mẽ, việc sử dụng âm lịch vẫn còn phổ biến rộng rãi, bằng chứng là những ngày Tết âm lịch sắp gần kề quý vị sẽ nghe thấy người ta quảng cáo trên truyền hình, trên đài phát thanh, ở các tiệm sách, các cửa tiệm văn hóa phẩm, các chợ Việt Nam v.v... những quyển lịch treo tường, lịch tử vi đủ loại đủ cỡ và người tiêu thụ, sử dụng nó cũng thuộc đủ hạng người, đủ cỡ tuổi trong cộng đồng người Việt.

## VÕ NGỌC UYÊN



Nhìn điều người ta không thể nhìn được.

Dụng điều người ta không thể dụng được, chỉ có người kiến thức và độ lượng hơn người mới được như thế.

**Trình Di**

## **BA HOA THIÊN ĐỊA ...**

*Hoa mai mới nở ngày sau, (1)*

*Hai lần mai nở, trời cao báo điềm.\**

*Hoa quỳnh thích nở về đêm, (2)*

*Vì tên, cứt lợn nghe rêm nặng mùi. (3)*

*Mười giờ mới đẹp lúa đôi, (4)*

*Dạ lai hương tối thơm mùi dễ thương. (5)*

*Thường nghe vạn thọ vô cương, (6)*

*Ti gân hai sắc trắng hồng phải không? (7)*

*"Đào hoa y (cụ) tiểu đông phong" (8)*

*Để chàng Thôi Hộ nổi lòng ngẩn ngơ.*

*Nhìn xem hoa huệ bàn thờ, (9)*

*Hoa sen thanh thoát chẳng dơ lấm bùn. (10)*

*Hoa hồng để tỏ với nàng, (11)*

*Biết nhiều khê vẫn muôn ngàn mê say.*

*Ngàn trùng thiên lý trải dài, (12)*

*Thấy hoa mắc cỡ thẹn thay người đời. (13)*

*Hương dương dáng giống mặt trời, (14)*

*Thủy tiên tía khéo, tươi cười đón xuân. (15)*

*Cúc vàng hàm tiếu, thu sang, (16)*

*Nguyên Sa thấy áo, vội vàng yêu ngay.*

Bánh ... tin, hoa **súng** nở đầy, (17)  
Ngọc lan, xinh xắn tóc cài ngát hương. (18)  
Đến hè **phượng** vĩ sân trường,  
Học thi chăm quá quên buồn chia tay. (19)

Tuyệt thay, **bông giấy** thật đầy, (20)  
Mẫu đơn, vương giả đặt ngay hàng đầu. (21)  
**Phong lan** bén rễ cành cao. (22)  
Gió khoe hương sắc, trăng trao duyên tình.

Ưu đàm nở, Phật tái sinh, (23)  
Thích "hoa **biết nói**" rung rinh cửa nhà. (24)  
**Hoa khô** nức tiếng gần xa, (25)  
Đẹp như hoa **hậu** mới vừa ước mơ. (26)

Cúng dường **dâm bụt** chọc sù, (27)  
**Nhũ hoa** sờ ấu ở tù thật ưng. \* (28)  
**Hoa đèn** sáng rực tung bùng. (29)  
**Hoa tay** thiên phú, lấy lòng bốn phương. (30)

**Hoa tiêu** hướng dẫn chỉ đường, (31)  
Phong tình **hoa liễu** nhà thương tới hoài. (32)  
**Hoa cườm** vòng phúng bùi ngùi, (33)  
Tiễn ai siêu thoát, buông trôi chuyện đời.

**Hoa giả** không tươi vẫn tươi! (34)

TRẦN KIM VÂN

# 順成 THUẬN THÀNH

## T.T. SEAFOOD

- *Chợ VN do người đồng hương làm chủ.*
- Bán đủ các loại trái cây, thực phẩm khô, đồ hộp và các loại thực phẩm tươi như cá, thịt, rau quả.
- Bán sỉ và lẻ. Giá cả nhẹ nhàng. Có giá đặc biệt cho xe lunch và nhà hàng.
- Chợ sạch sẽ. Chỗ đậu xe thoải mái. Nằm trong khu King Plaza (góc đường King và Burdette).



### Địa chỉ:

2517 S. King Rd.  
San Jose, CA 95122

Chủ nhân:

**THAT VO**  
**(408) 274-8210**



# THUỐC TÂY

*sẽ đưa tận nhà!*<sup>®</sup>



1. Nếu đã có sẵn toa thuốc: Chỉ cần gọi số điện thoại (408) 238-3968 là Aborn Pharmacy sẽ cho người tới lấy toa và trao thuốc tận nhà sau vài giờ.
2. Nếu đang đi khám bệnh: Hãy nói với bác sĩ fax toa thuốc và thẻ medical hay bảo hiểm của quý vị tới số Fax: (408) 238-3978 là thuốc sẽ được đưa tới tận nhà quý vị trong vòng vài tiếng đồng hồ.
3. Trong trường hợp cần mua thuốc theo toa cũ (refill), dù trước đây đã mua tại tiệm khác, chỉ việc gọi số (408) 238-3968 bất cứ lúc nào, suốt 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần là thuốc sẽ được trao tới tận nhà quý vị vào ngày hôm sau.

*Các công việc phục vụ nói trên đều hoàn toàn miễn phí!  
Chúng tôi nhận Medical và hầu hết các loại bảo hiểm.*

## ABORN PHARMACY KÍNH MỜI



**ABORN PHARMACY: 2060 ABORN RD., #150B**

(Góc Capitol Expressway, San Jose, CA 95121 \* Tel: (408) 238-3968 \* Fax: (408) 238-3978

*Bãi đậu xe chung với tiệm ăn Red Lobster*

Là tiệm thuốc tây do người Việt nam làm chủ phục vụ cho người đồng hương



*Bác sĩ Chính Hình*  
**MAI XUÂN LỘC, D.C.**  
**ĐÀO THỊ LIÊN, D.C.**  
DOCTOR OF CHIROPRACTIC

**Tel: (408) 286-7741 (510) 625-9370 Cell: (408) 771-7992**

**CHUYÊN TRỊ:**

- ◆ Các chứng nhức đầu, đau cổ, đau lưng, đau thần kinh tọa.
- ◆ Đau mỗi bả vai, tứ chi làm giới hạn sự cử động.
- ◆ Các chứng đau khớp, phong thấp, tê thấp, nhức mỗi, vọp bẻ, bong gân, sai trật khớp xương.
- ◆ Các chứng viêm bắp cơ, đau nhức xương kinh niên và cấp tính
- ◆ Cụp xương sống, cong xương sống  
Đau nhức tê buốt do chấn thương não tủy sống hoặc đau nghẽn các sợi dây thần kinh ngoại biên.
- ◆ Các chứng đau nhức, mất ngủ, mất trí nhớ, suy nhược thần kinh do tai nạn xe cộ, nghề nghiệp, thể thao.

PHƯƠNG PHÁP CHỮA TRỊ NHẸ  
NHÀNG, TỰ NHIÊN VÀ HỮU HIỆU.  
CÓ NHÂN VIÊN LO THỦ TỤC GIẤY TỜ.

*Chúng tôi mong muốn có dịp  
phục vụ cộng đồng một cách  
nhANH chóng và hữu hiệu*

**THAM KHẢO VÀ ĐỊNH BỆNH  
MIỄN PHÍ**

**NHẬN CÁC LOẠI BẢO HIỂM**

**GIỜ LÀM VIỆC:**

Thứ Hai - Thứ Sáu: 9:00 AM - 6:00 PM

Thứ Bảy: 10:00 AM - 2:00 PM

**VĂN PHÒNG I: Tại SAN JOSE**

678 North First Street  
San Jose, CA 95112  
**(408) 286-7741**

**VĂN PHÒNG II: Tại OAKLAND**

2940 Summit St., Ste 20  
Oakland, CA 94609  
**(510) 625-9370**

# NHA TRANG *Restaurant*

CHINESE AND VIETNAMESE CUISINE

18020 TULLY RD., SAN JOSE, CA 95122  
TEL: (408) 274-2677 \* FAX: (408) 274-8585

1715 LUNDY AVE., #198, SAN JOSE, CA 95131  
TEL: (408) 437-9338 FAX: (408) 437-1908

**Nơi có nhiều món ăn được ưa thích nhất. Có trên 300 món ăn quý khách tha hồ lựa chọn**

**Đặc biệt nổi tiếng qua các món:**

- Bánh Canh Tôm Cua
- Cơm Gà Hải Nam
- Cơm Chiên Beefsteak
- Gỏi Cá
- Nem Nướng
- Ố Yến Chưng
- Kem Chiên
- Sinh Tố Trân Châu
- Lẩu Long Vương Cua, Lobster nguyên con
- Ốc Hương Nhồi Hấp Sả
- Soup Vi Cá, Soup Bong Bóng Cá
- Gỏi Sứa Ngó Sen Tôm Thịt
- Mì Quảng, Bún Riêu, Bún Sứa, Bún Bò Huế
- Cơm Tấm Bì Sườn Tàu Hủ Ky, Cơm Tay Cẩm
- Cá Hấp Nguyên Con
- Cua, Lobster Rang Me, Bơ, Gừng, Hành



## Giờ mở cửa:

Mon - Thurs: 10 AM - 10:30 PM  
Fri - Sun: 10 AM - 11 PM

## ĐẶC BIỆT TOGO

- Nem Nướng Cuốn
- Bò Nướng Cuốn
- Gỏi Cá Cuốn

## Văn Phòng Luật Sư



Khi bị tai nạn xe cộ,  
tai nạn lao động, bị bắt bớ,  
cần ly dị,  
xin quý đồng hương  
liên lạc chúng tôi  
để được đại diện  
hữu hiệu và tận tâm,  
phục vụ cộng đồng Việt Nam  
từ năm 1987.

**NGUYỄN NGỌC DIỆP\*, LLB, BA, MS, JD**  
**ALLEN H. SCHWARTZ, BS, JD**

**Tel. (408) 295-7833**



### TAI NẠN THƯƠNG TÍCH

- Tai nạn xe cộ.
- Xe đạp, xe gắn máy.
- Người đi bộ.
- Tai nạn máy bay, xe lửa.

### TAI NẠN LAO ĐỘNG

- Tai nạn nơi làm việc.
- Bồi thường tàn phế.
- Huấn nghề.
- Xin chữa bệnh.

### LUẬT HÌNH SỰ

- Trộm cắp siêu thị.
- Gian lận welfare.
- Trộm cướp nhà hay hàng.
- Bạo hành trong gia đình.
- Đánh nhau, mưu sát.
- Lái xe uống rượu.

### LUẬT GIA ĐÌNH

- Ly dị, ly thân.
- Đổi tên, đổi tuổi.
- Nhận con nuôi.
- Nhận làm giám hộ.

\* A Professional Corporation

Khai man về tai nạn lao động là tội hình với năm năm tù/và phạt và \$50.000 hay gấp đôi tiền bồi thường.

111 N. Market St., Lầu 4, Phòng 407, San Jose, CA 95113 (gần đường St. John)



Century 21  
COUNTRYWIDE



DAN NGUYEN

*REAL ESTATE & MORTGAGE SERVICES*

- ★ Chuyên viên Địa Ốc full-time: KINH NGHIỆM, TẬN TÂM & THÀNH TÍN.
- ★ Đảm trách mọi dịch vụ về MUA, BÁN & TRAO ĐỔI: Nhà (Single Family Home, Condo - Townhouse, Mobile Homes), Đất (Residential, Commercial & Industrial) & Investment Properties (Duplex, Tri-plex, Four-plex & Apartment Complex).
- ★ Phụ trách mọi thủ tục Vay Nợ, & Đổi Nợ với nhiều chương trình: Purchase, Refinance & Cash - Out Refinance phù hợp với kế hoạch và khả năng tài chính của từng thân chủ.
- ★ Thủ tục giải dị, nhanh chóng với lệ phí hạ.
- ★ Đầy đủ danh sách nhà bán được cập nhật hóa & Tham Khảo miễn phí về những dịch vụ Địa Ốc & Tài Chính.

CENTURY 21 COUNTRYWIDE

3111 McLaughlin Ave.

San Jose, CA 95121

Bus: (408) 224-7100

Fax: (408) 227-8224

Direct: (408) 224-8088

E-mail: DanNguyen4@aol.com

# *Tứ Hải Restaurant*

## **ĐẶC BIỆT: Bún Bò Huế**

\* Ngon nổi tiếng, trước 75 tại quán Café Phương ở đường Cường Để Qui Nhơn và tại nhà hàng Kim Lệ San Jose. Nay xin quý khách đến ủng hộ tại NHÀ HÀNG TỨ HẢI.



\* **Bảo đảm Bún Bò Huế ngon nhất vùng San Jose. Hoàn toàn không dùng bột ngọt.**

\* **Xin mời đồng hương Bình Định và quý khách San Jose đến ủng hộ nhà hàng TỨ HẢI tại địa chỉ:**

**1054 Story Road**

**San Jose, CA 95122**

*(Corner McLaughlin Ave., & Story trong khu Chợ Save Mart)*

**(408) 885-1242**

**Mở cửa bảy ngày một tuần  
Từ 8 giờ sáng đến 5 giờ chiều**

# City Home Loans

3111 McLaughlin Ave., San Jose, CA 95121

**TIỀN LÒI**

**ĐANG XUỐNG RẤT THẤP**

RESIDENTIAL ❖ LAND ❖ COMMERCIAL

**FREE APPRAISAL & CRDIT REPORT**



DIANNA TRAN

- 5% Down
- 10% Down
- 20% Down KHÔNG XÉT Việc Làm
- 25% Down KHÔNG XÉT Việc Làm và Ngân Hàng
- Đủ mọi chương trình cho vay
- Bad Credit - Collection - High Debt.

**FREE  
PREQUALIFIED  
LETTER**

**CHƯƠNG TRÌNH**

**0 POINT**

**0 COST**

Quý vị có ý định MUA NHÀ hay REFINANCE

Xin gọi DIANNA 408-224-7100 x 102

Cell: 408-623-8925

**ĐỂ ĐƯỢC HƯỚNG DẪN TRƯỚC  
CÁCH THỨC VAY TIỀN CÓ LỢI NHẤT**



**DIANNA TRAN**

Senior Loan Officer

Furniture that fits your lifestyle

# CONTEMPO

## FURNITURE

### CONTEMPO 1

1696 Monterey Rd.  
San Jose, CA 95112  
Tel: (408) 279-5633

### CONTEMPO 2

305 A. Eastridge Mall  
San Jose, CA 95122  
Tel: (408) 531-8275

### CONTEMPO 3

1040 N. Rengstorff Ave., #A  
Mountain View, CA 94043  
Tel: (650) 210-8811

*\* Contempo Furniture là tiệm trưng bày Sofa da của Ý lớn nhất vùng Bay. Nhiều kiểu mới nhất và tốt nhất của 4 hãng danh tiếng như: Natuzzi, Nicoletti, Omnia và American Leather.*

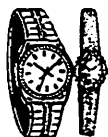
*\* Đến một lần để thấy mới tin - Giá hạ nhất. Giao hàng trong thời gian nhanh nhất.*

UNIQUE DESIGN

Hân Hạnh Giới Thiệu

[www.contempointeriors.com](http://www.contempointeriors.com)





# Hop Sing WATCHES & GIFTS



★ Đại lý bán lẻ các loại đồng hồ hiệu:

◆ SEIKO ◆ CITIZEN

◆ PULSAR WATCHES & SEIKO CLOCK

★ Bán các loại quà tặng:

Âu - Á - Mỹ tuyệt đẹp

1816 Tully Road, Suite 184

San Jose, California 95122

**(408) 274-5113**



合

*Hop Sing Gifts*

盛



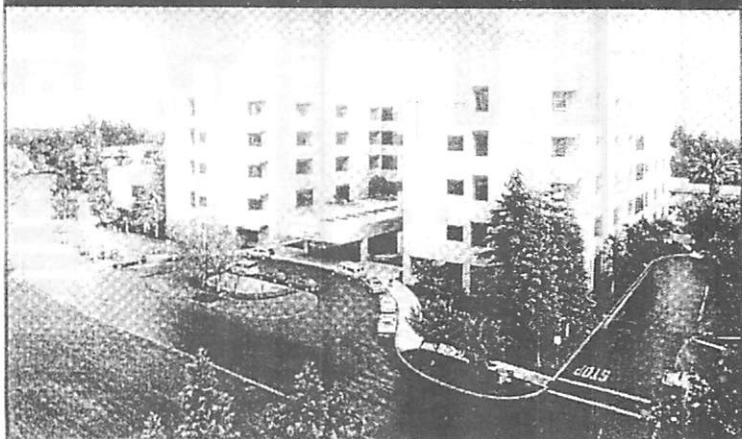
- ◆ Bán các loại quà tặng đẹp, giá trị.
- ◆ Bán các loại mỹ phẩm danh tiếng.
- ◆ Bán các loại quần áo thời trang trẻ em, phụ nữ và đàn ông.

1816 Tully Road, Suite 186

San Jose, California 95122

**(408) 223-8013**

# O'Connor Hospital



## Giữ gìn sức khỏe gia đình cho mọi thế hệ

Từ năm 1889, O'Connor Hospital đã được tin tưởng trong việc săn sóc kỹ lưỡng cho sức khỏe của mọi gia đình.

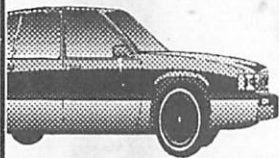
- Điện thoại chính của bệnh viện.....(408) 947-2500
- Điện thoại trung tâm ung thư.....(408) 947-2954
- Điện thoại trung tâm về tim.....(408) 947-2545
- Điện thoại trung tâm y tế thể thao.....(408) 947-2522
- Điện thoại trung tâm gia đình.....(408) 947-2704
- Điện thoại trung tâm sức khỏe tư gia.....(408) 947-2724
- Điện thoại trung tâm phục hồi.....(408) 947-2709
- Điện thoại bệnh tâm thần cho người già.....(408) 947-2701
- Điện thoại trung tâm phục vụ người già.....(408) 947-2664
- Điện thoại trung tâm phục vụ thương tích....(408) 947-2804
- Điện thoại trung tâm chuyển tiếp.....(408) 947-2831



O'Connor Hospital

2105 Forest Avenue, San Jose, CA 95128

# LÊ TRƯỜNG MOTOR CORP.



## AUTO SALE & SERVICES

1100 W. San Carlos St., San Jose, CA 95126

Tel.: (408) 297-3390 / 297-3391



**TRUNG TÂM MUA, BÁN, ĐỔI VÀ SỬA CHỮA, LUÔN LUÔN TẬN TÂM PHỤC VỤ QUÍ KHÁCH**

- CÓ ĐẦY ĐỦ CÁC LOẠI XE TỐT VỚI GIÁ PHẢI CHĂNG.
- XE MUA SẼ ĐƯỢC BẢO ĐẢM TỐI ĐA.
- FINANCE DỄ DÀNG, NHANH CHÓNG, LẤY XE NGAY.

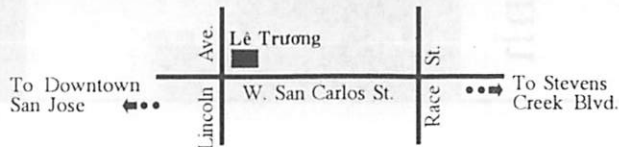
### CHUYÊN MÔN:

Làm máy, hộp số, thắng, máy lạnh và hệ thống điện cho các loại xe ngoại quốc và Mỹ.

### ĐẶC BIỆT:

Trung tâm bán và sửa chữa với GIÁ HẠ HƠN MỌI NƠI.

*Do chính chủ nhân đảm trách để phục vụ quý khách, đã được tin nhiệm nhiều năm.*



**MỞ CỬA 7 NGÀY TRONG TUẦN**

9:00Am - 7:00Pm

*Kính Mời Quý Khách*

BÁC SĨ

# CAI VĂN DUNG M.D., F.A.C.O.G.



CHUYÊN MÔN SẢN VÀ PHỤ KHOA  
CERTIFIED AND RECERTIFIED OBSTETRICIAN & GYNECOLOGIST



Trưởng khu Sản & Phụ Khoa tại bệnh viện O'Connor, San Jose

**(408) 294-5115**

- THĂM THAI, ĐỠ ĐẼ, MỔ ĐẼ, CHỮA BỆNH ĐÀN BÀ VÀ HIẾM MUỘN.
- DÙNG LAPAROSCOPY ĐỂ CỘT ỚNG DẪN TRỨNG.
- ĐẶC BIỆT LẤY BƯỚU BUỒNG TRỨNG CHỮA BỆNH CÓ THAI NGOÀI TỬ CUNG VÀ CẮT TỬ CÙNG BẰNG LASER LAPAROSCOPY.

**259 MERIDIAN AVENUE, SUITE 5 - SAN JOSE, CA 95126**

# **C.P.TAX**, INC.

CÔNG TY THUẾ VỤ, KẾ TOÁN & CỐ VẤN THƯƠNG MẠI CHUYÊN NGHIỆP

## **NGÔ V. TRẦN**

*B.S. Business Administration (Accounting)*

*Active Member, National Society Tax Professionals*

*Active Member, National Society of Accountants*

## **THOMAS T. PHUNG, B.S., M.S. (TAX)**

*Former Tax Specialist for KPMG Peat Marwick*

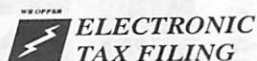
*Active Member, National Society Tax Professionals*

## **LAINA TRAN, B.S.**

*Tax Specialist, Realtor, Loan Officer*

# **TAX RETURNS**

*\* Sole Proprietorships, Partnerships and Corporations*



## **FAST REFUNDS**

- ✦ Bảo mật tuyệt đối
- ✦ Tiết kiệm (lệ phí phải chăng)
- ✦ Chuyên nghiệp
- ✦ Thành Tín
- ✦ Tham khảo miễn phí
- ✦ Hoạt động quanh năm

**GIÚP QUÍ VỊ GIỮ SỔ SÁCH, KHAI CÁC LOẠI THUẾ ĐÚNG TIÊU CHUẨN  
KẾ TOÁN VÀ THUẾ VỤ, HẦU GIÚP THÂN CHỦ ĐỖ LO VỀ AUDIT**

Office Hours: 9 AM to 8PM

Monday to Sunday

**1694 Tully Rd., Ste. F  
San Jose, CA 95122**

*(Bên trong Summit Bank, Góc Tully & King)*

Bus. **(408) 223-1150**

Fax: **(408) 528-0918**

Beeper: **(408) 231-7878**

Toll Free: **888-NGO-9900**



Bác Sĩ

# PHẠM VĂN NGÀ, M.D.

Certified American Board of Internal Medicine

**CHUYÊN KHOA NỘI THƯỜNG - Y KHOA TỔNG QUÁT**

2170 Alvin Avenue, Suite #3, San Jose, CA 95121 (đối diện Alvin Center, bên đường xe bus 22, 26, 70 và 77) **(408) 532-0105**

### CHỮA TRỊ:

- BỆNH NỘI THƯỜNG, NGƯỜI LỚN, NGƯỜI GIÀ
- BỆNH PHỤ NỮ
- KHÁM TỔNG QUÁT TRẺ EM

- Tốt nghiệp chuyên khoa Nội Thường tại Kingsbrook Jewish Medical Center, NY
- Hầu Đại Học về Ung Thư Di Truyền Học tại Đại Học Stanford
- Tốt nghiệp Bác Sĩ Y Khoa Đan Mạch (Bắc Âu) và đã hành nghề tại các bệnh viện Đan Mạch
- Tốt nghiệp Bác Sĩ Y Khoa Sài Gòn 1973, nguyên Bác Sĩ Gia Đình và Nội Thường tại Sài Gòn và Chợ Lớn
- Nguyên Bác Sĩ giảng huấn Bệnh Học tại Đại Học Y và Nha Khoa Sài Gòn 1974-1985

- NHẬN LÂM BÁC SĨ GIA ĐÌNH
- SÂN SỐC BỆNH NHÂN KHÍ NHẬP VIỆN
- CHỈCH NGỪA NHẬP HỌC, DU LỊCH
- KHÁM VÀ THỬ MÁU KẾT HÔN

Giờ khám bệnh:

Thứ 2 - Thứ 7: 9AM - 6:30PM

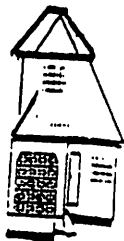
**GIÁ ĐẶC BIỆT CHO NHỮNG NGƯỜI KHÔNG CÓ BẢO HIỂM**

**NHẬN MEDICAL & BẢO HIỂM**

# GARAGE DOOR & OPENER

CA. State Lic #692107 Bond **FULL SERVICE**

- Professionally Installed sectional doors and automatic openers.
- Sửa, bắt opener, thay lò xo gãy.
- Nhận đóng sheet rock, cabinet garage.
- Nhận đi các vùng lân cận Bay Area.
- "Kinh nghiệm 20 năm"



Xin L/L LƯƠNG: Home: (408) 281-9361, Cell.: (408) 858-0851, Pager: (408) 995-7400

NỮ BÁC SĨ GIẢI PHẪU VÀ ĐIỀU TRỊ MẮT ĐÀU TIÊN VÀ DUY NHẤT TẠI VÙNG BAY AREA

# NGUYỄN THỊ ÁNH NGỌC, M.D.



DIPLOMATE AMERICAN BOARD OF  
OPHTHALMOLOGY

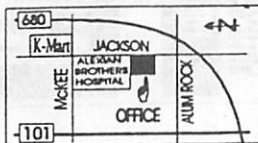
- \* Tốt nghiệp giải phẫu và điều trị mắt tại California Pacific Medical Center, SF.
- \* Tu nghiệp và nghiên cứu trị liệu về bệnh tăng áp suất mắt (Glaucoma) tại UCSF.
- \* Giảng huấn về Khoa mắt tại California Pacific Medical Center (SF) và Highland Hospital (OK)
- \* Viện Trưởng Viện Nghiên Cứu và Giảng Dạy bệnh Glaucoma tại San Francisco.

## CHUYÊN ĐIỀU TRỊ VÀ GIẢI PHẪU MẮT

- 👁️ Giải phẫu và điều trị bằng tia sáng laser  
Bệnh tăng áp suất trong mắt (Glaucoma).
- 👁️ Mổ hột cườm và ghép kính nhân tạo  
(Cataract & Lens Implant).
- 👁️ Giải phẫu mộng thịt hoặc mộng mỡ trên  
tròng trắng và tròng đen (Pterygium).
- 👁️ Giải phẫu mí mắt, mắt lé, mắt lẹo.

Chuyên trị:

- 👁️ Viêm mắt, dị ứng mắt, mắt loét, đỏ, khô,  
mắt bị nhiễm trùng, mắt bị trầy, đau rát,  
mắt ngứa, mắt bị ghèn, mắt bị lông quặm.
- 👁️ Mắt bị thương tích do tai nạn làm việc  
(hóa chất, khói độc, vật bén nhọn).
- 👁️ Các bệnh mắt do biến chứng của bệnh tiểu  
đường và bệnh áp huyết cao



Tel: (408) 272-3706

NHẬN MEDICAL, MEDICARE, BẢO HIỂM, CREDIT CARDS.

MỞ CỬA: THỨ HAI - THỨ BẢY (9:00AM-6:00PM)

XIN GỌI TRƯỚC ĐỂ LẤY HẸN

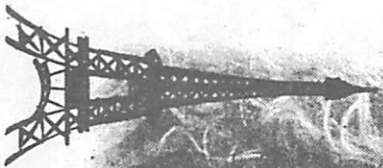
175 North Jackson Ave # 209 San Jose, CA 95116  
(Kế nhà thương Alexian Brothers)

# NGUYỄN ANH KIẾT, D.M.D.

COSMETIC & GENERAL DENTISTRY

*Tốt Nghiệp Bác Sĩ Nha Khoa Tại Hoa Kỳ*

*Chuyên Môn Nha Khoa Tổng Quát,  
Nhi Đồng Và Thẩm Mỹ.*



**408.223.6336**



2593 SOUTH KING RD. - SUITE 5 - SAN JOSE - CA 95122

Designed by CopyQuest



Happiness begins with a smile...



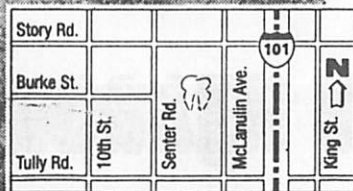
DENTAL *image*

Bác Sĩ Nha Khoa

ADRIENNE VĂN NGỌC - LAN, DDS

Bác Sĩ Nha Khoa

ELAINE VĂN NGỌC - LOAN, DDS



2114 Senter Road  
Suite 14  
San Jose, CA 95112  
**408 298-8187**  
(Đối diện Costco)



Nha Khoa Gia Đình  
Nha Khoa Thẩm Mỹ  
Nha Khoa Nhi Đồng

Designed by CopyQuest



**IMAGE DENTAL**  
FAMILY AND COSMETIC DENTISTRY



Bác Sĩ Nha Khoa

# Hà Heather Nguyễn, DDS

Doctor of Dental Surgery, University of Texas at Houston

Bác Sĩ điều trị tại Portland, Oregon - Hayward và San Jose, California

Khám răng tổng quát cho người lớn

Phòng ngừa sâu răng bằng sealant, fluoride

Tiểu giải phẫu răng khôn và nướu

Tẩy trắng răng, bọc răng đen nám, đổi màu

Trám, nhổ, chữa khít răng thưa, phục hồi răng sút mẻ.

Làm răng giả thẩm mỹ, răng giả toàn hàm.

- Phòng mạch hoàn toàn mới
- Dụng cụ nha khoa tối tân, khử trùng theo đúng tiêu chuẩn
- Tiếp đãi ân cần, tận tâm nhẹ nhàng
- Tham khảo và chỉ dẫn hoàn toàn miễn phí

**NHẬN:** Bảo hiểm, Medical, Medicare  
Chương trình trả góp không tính tiền lãi

BÊN CẠNH PHÒNG MẠCH:

- B.S Đỗ Như Hồng

- B.S Christopher Nguyễn Đỗ

1692 Tully Road. # 8B  
San Jose, CA 95118

**(408) 223-0988**

**GIỜ MỞ CỬA:**

Mon - Fri : 9 AM - 7 PM

Sat : 9 AM - 3 PM

**Chủ Nhật làm theo hẹn**

1705 Branham Ln. # B-4  
San Jose, CA 95122

**(408) 264-7630**

Website: [www.imvn.com/image dental](http://www.imvn.com/image dental) Email: [imagedental@imvn.com](mailto:imagedental@imvn.com)

# DANH SÁCH ĐỒNG HƯƠNG VÀ THÂN HỮU BÌNH ĐỊNH ỦNG HỘ TIỀN THỰC HIỆN ĐẶC SAN BÌNH ĐỊNH

(Phát hành trong dạ tiệc tất niên Tân Ty 2000)

Michael Đỗ	\$25.00
Thoại Đỗ	\$20.00
Nguyễn Bình	\$20.00
Huỳnh Lương Niệm	\$20.00
Khổng Như Hữu	\$10.00
Sa Giang	\$20.00
Huỳnh Văn Lạc (Th/tg)	\$20.00
Nguyễn Thế Hiệp	\$10.00
Lê Văn Lợi	\$10.00
Hùng Nguyễn	\$10.00
Quang Nguyễn	\$10.00
Đặng Văn Ngọc	\$10.00
Nguyễn Mai	\$10.00
Hai Nguyễn	\$10.00
Nguyễn Huệ	\$20.00
Chu Trần	\$10.00
Phạm Văn Ánh	\$10.00
Trần Vĩnh Anh	\$10.00
Dương Thế Hùng	\$05.00
Nguyễn Đình Bá	\$10.00
Thu Hà Nguyễn	\$10.00
Bích Văn Huỳnh	\$10.00
Trương Hồng Ân	\$100.00

Thái Hóa Khải	\$20.00
Trần Ngọc Cầu	\$10.00
Nguyễn Cự Hoa	\$20.00
Bùi Thị Sự	\$20.00
Vũ Thị Đôn	\$20.00
Lê Đình Vọng	\$20.00
Phạm Hữu Độ	\$20.00
Huỳnh Văn Ngọc	\$20.00
Nguyễn Đình Sang	\$20.00
Hoàng Thương	\$10.00
Nguyễn Thương	\$20.00
Long Nguyễn	\$10.00
Hài Liên	\$10.00
Mai + Liên	\$10.00
Nguyễn Hữu Nhân	\$20.00
Đường Anh Đồng	\$10.00
Phan Văn Tự	\$10.00
Hân Văn	\$10.00
Nguyễn Minh Tý	\$10.00
Phước Nguyễn	\$48.00
Đông Nguyễn	\$20.00
Liên Trần	\$20.00
Thanh Nguyễn	\$20.00
Lê Chức	\$20.00
Nguyễn Tường Chi	\$20.00
Nguyễn Trai	\$20.00
Nguyễn Chuẩn	\$20.00
Nguyễn Doãn Cung	\$20.00
Quảng Nguyễn	\$40.00
Tommy Trà Nguyễn	\$50.00
Bùi Đắc Bảo	\$10.00
Đặng Ngọc Yến	\$20.00

Thuận Hồ Đặng	\$10.00
Một Đồng Hương	\$25.00
Một Đồng Hương	<u>\$25.00</u>
Tổng cộng: (Đã kết toán thu, chi năm 2001	\$1,088.00

Thay mặt Ban Chấp Hành Hội Ái Hữu Bình Định Bắc Cali, nhóm thực hiện chân thành cảm tạ quý đồng hương và thân hữu đã nhiệt tình ủng hộ tài chánh để thực hiện Đặc San 2001 mà chúng tôi chưa có dịp đăng cảm tạ.

### Nhóm thực hiện



- Cầu Bồng Sơn nhìn về hướng Bầu Tượng. Cảnh chụp sông Lai Giang mùa nước cạn.

# DANH SÁCH ĐỒNG HƯƠNG VÀ THÂN HỮU BÌNH ĐỊNH ỦNG HỘ VÀ YẾM TRỢ DƯỚI HÌNH THỨC ĐĂNG QUẢNG CÁO CHO ĐẶC SAN BÌNH ĐỊNH

(PHÁT HÀNH TRONG ĐÊM ĐA TIỆC TẤT NIÊN NHÂM NGỌ 2002)

\*

Tony Đinh	\$500.00
Nguyễn Quang Hùng	\$200.00
Nguyễn Phạm Tâm, D.D.S.	\$200.00
Cai Văn Dung, M.D.	\$100.00
Thuận Thành (T.T. Seafood)	\$100.00
Nguyễn Thị Ánh Ngọc, M.D.	\$100.00
Tứ Hải Restaurant	\$100.00
Nguyễn ngọc Diệp, JD	\$100.00
Phạm Văn Nga, M.D.	\$50.00
Ô. Bà Võ Trung Hậu và Châu Nguyệt Hoa	\$100.00
Ô. Bà Đoàn Ngọc Trường và Lê T. Thanh Vịnh	\$50.00
Ô. Bà Nguyễn Bường	\$100.00
Ô. Bà Đỗ Hùng Cường (Charles Do)	\$50.00
Bà Đinh Thị Kim Liên	\$100.00
Phạm Lự	\$50.00
Phạm Văn Nộ	\$20.00
Nguyễn Trục	\$10.00
Võ Bá Trác	\$100.00
Trần Trọng Khiêm	\$100.00
Nguyễn Tường Chi	\$25.00
Phạm Hữu Độ	\$100.00
Phan Minh Lượng	\$50.00

Heather Hà Nguyễn, D.D.S.	\$100.00
Hop sing Gifts	\$50.00
Hop Sing Watches & Gifts	\$50.00
Aborn Pharmacy	\$100.00
Contempo Furniture	\$100.00
Mai Xuân Lộc, D.C., Đào Thị Liên, D.C.	\$100.00
Jeaneth Trương Trosset, D.D.S.	\$200.00
Clinton + Hồng Ân Uyehara	\$100.00
Dental Image	\$50.00
Nguyễn Anh Kiệt, D.M.D.	\$50.00
Trung Như + Diana Trần	\$100.00
Nha Trang Seafood Restaurant	\$100.00
Dan Nguyễn, Realtor	\$100.00
Ô. B Đông + Phi Luyện	\$50.00
Ô. B Thái + Hoa	\$50.00
O'connor Hospital	\$200.00
Lê Trương Motor Corp.	\$100.00
Trần Văn Ngô, C.P. Tax	<u>\$200.00</u>

Tổng cộng: \$4,105.00

\* Thay mặt Ban Chấp Hành Hội Ái Hữu Bình Định Bắc Cali; nhóm thực hiện chân thành cảm tạ quý đồng hương, quý thân chủ thương mại, quý y-nha-dược sĩ, đã nhiệt tình ủng hộ hiện kim và bảo trợ quảng cáo để thực hiện Đặc San Bình Định năm Nhâm Ngọ 2002.

\* Mong quý đồng hương và thân hữu đáp ứng lời quảng cáo của quý thân chủ bảo trợ để Đặc San Bình Định được tiếp tục tồn tại trong những năm tới.

\* Đặc biệt cảm tạ Anh Tony Đinh, Century 21 Countrywide, đã vui lòng bao chót phần chi phí còn thiếu để hoàn tất Đặc San Bình Định kịp phát hành trong đêm dạ tiệc Tất Niên Tết Nhâm Ngọ 2002 của Hội Ái Hữu Bình Định.

**TM Ban Chấp Hành Hội AHBD/BCL**  
**Nhóm thực hiện**

# DANH SÁCH ĐỒNG HƯƠNG BÌNH ĐỊNH / BẮC CALI THƯỜNG LIÊN LẠC VỚI HỘI (\*)

\*

- Văn An 3770 McKee Rd., #17  
San Jose, CA 95127 ĐT: (408) 254-1914
- Trần Vĩnh Anh 1723 Pine Hollow Cr.  
San Jose, CA 95133 ĐT: (408) 258-3215
- Đinh Thành Bài 3938 Springfield Common  
Fremont, CA 94555 ĐT: (510) 793-3392
- Nguyễn Đình Bá 2960 Sunwood Dr.  
San Jose, CA 95111 ĐT: (408) 365-9534
- Bùi Thúc Bảo 644 N. Abbott Ave.  
Milpitas, CA 95035 ĐT: (408) 945-8655
- Trần Benson 2129 Doxy Dr.  
San Jose, CA 95131 ĐT: (408)
- Đặng Đức Bích 4045 Chamberer Dr.  
San Jose, CA 95135 ĐT: (408) 274-8699
- Nguyễn Bình 1518 Roberts Ave.  
San Jose, CA 95122 ĐT: (408) 258-8364
- Nguyễn Bường 2828 Brook Way  
San Pablo, CA 94806 ĐT: (510) 222-7140
- Nguyễn Bình 4777 Rue Le Mans  
San Jose, CA 95136 ĐT: (408) 578-2843
- Trần Brian 515 First Street  
San Jose, CA 95112 ĐT: (408)
- Trần Ngọc Cầu 1762 Import Ct.  
San Jose, CA ĐT: (408) 270-6166



- Phan Minh Châu 2425 Huron Dr.  
San Jose, CA 95122 DT: (223-9948
- Nguyễn Tường Chi 3670 Peacock Ct., #17  
Santa Clara, Ca 95051 DT: (408) 248-3243
- Nguyễn Chuẩn 101 roundtable #28  
San Jose, CA 95111 DT: (408) 225-8499
- Phạm Chương 1341 Vance Rd.  
San Jose, CA 95132 DT: (408) 923-6734
- Đào Đức Chương 1519 Ivy Creek Cir.  
San Jose, CA 95121 DT: (408) 238-5900
- Lê Chức 215 Alexandre Ave., Apt. #2  
San Jose, CA 95116 DT (408) 929-4948
- Trần Chu 2620 Alvin Ave., #213D  
San Jose, CA 95121 DT: (408) 239-0560
- Nguyễn Doãn Cung 5270 Snow Dr.  
San Jose, CA 95111 DT: (408) 408-3621
- Đặng Kim Cúc 2744 whispering Hills Dr.  
San Jose, CA 95148 DT: (408) 238-5435
- Nguyễn Cự 1468 Pomeroy Ave.  
San Jose, CA 95051
- Nguyễn Diêu 1520 E. Capitol Expwy.#50  
San Jose, CA 95121 DT: (408) 223-9247
- Phạm Hữu Độ 5045 Inpatine Dr.  
San Jose, CA 95111 DT: (408) 264-3386
- Đường Anh Đồng 2744 Whispering Hills  
San Jose, CA 95148 DT: (408) 238-5435
- Nguyễn Thị Đảm 2342 William Dr., #  
Santa Clara, CA 95050 DT: (408) 243-7679
- BS Cai Văn Dung 259 Meridian #5  
San Jose, CA 95126 DT: (408) 294-5115
- Đoàn Hữu Đức P.O. Box 3404  
Santa Clara, CA 95055 Pager: (408) 488-9105
- Vũ Thị Đơn 4348 Sliver Berry  
San Jose, CA 95136 DT: (408) 227-6704

- Nguyễn Đông 4054 McLaughlin Ave.  
San Jose, CA 95121
- Trần Đình Giáp 172 Echo Ave.  
Campbell, CA 95008 ĐT: (408) 866-4143
- Nguyễn Thu Hà 5748 Halleck Dr.  
San Jose, CA 95123 ĐT: (408) 972-4581
- Phạm Ngọc Hải 4077 Lakemont Ct.  
San Jose, CA 95148 ĐT: (408) 270-3390
- Bùi Ngọc Hải 1301 MaryKerry Ln.  
San Jose, CA 95136 ĐT: (408) 436-9349
- Trương Hạnh 473 Cedro Dr.  
San Jose, CA 95111 ĐT: (408) 281-4451
- Phan Văn Hàm 2905 San Bruno Ave.  
San Francisco, CA 94134 ĐT: (415) 656-1781
- Lý Hào 2810 Cramer Cir.  
San Jose, CA 95127 ĐT: (408) 287-7008
- Trương Thị Hậu (Phạm Minh) 475 S. 4th St.  
San Jose, CA 95112 ĐT: (408) 977-1686
- Võ Trung Hậu 1422 Ocean Ave.  
San Francisco, CA 94112 ĐT: (415) 584-2369
- Nguyễn Thế Hiệp 2206 Country Manor Dr.  
Riverwark, CA 95367 ĐT: (209) 869-5961
- Nguyễn Hiệp 1339 E. Rumble Rd.  
Modesto, CA 95355 ĐT: (209) 526-2316
- Nguyễn Cư Hoa 1468 Pomeroy Ave. ĐT: (408) 985-2661
- Nguyễn Hòa 2259 Royal Tree Cr.  
San Jose, CA 95132 ĐT: (408)
- Nguyễn Hòa 2239 War Field Way #A  
San Jose, CA 95112 ĐT: (408) 998-2129
- Nguyễn Hoàng 3834 Brigadoon Wy.  
San Jose, CA 95121 ĐT: (408) 270-7806
- Nguyễn Hòe 242 Danze Dr.  
San Jose, CA 95111 ĐT: (408) 225-8754
- Hoàng Huân 2811 Glauser Dr.  
San Jose, CA 95133 ĐT: (408) 972-4581

- Nguyễn Huệ 4595 Pearl Ave.  
San Jose, CA 95136 DT: (408) 445-2633
- Nguyễn Hùng 3001 Stevens Ln.  
San Jose, CA 95148 DT: (408) 270-5140
- Đinh Hùng 823 Farm Dr., #1  
San Jose, CA 95136 DT: (408) 629-1365
- Phan Thanh Hùng 2077 Wendover Ln.  
San Jose, CA 95121 DT: (408) 223-6253
- Nguyễn Hùng 1302 Isengard Ct.  
San Jose, CA 95121 DT: (408) 229-9351
- Phạm Hùng 420 Live Oak Ct.  
Milpitas, CA 95035 DT: (408) 956-8412
- Lê Đức Hưng 7420 South Field Way  
Stockton, CA 95207 DT: (209) 473-3093
- Võ Hùng 3461 Blue Mountain Dr.  
San Jose, CA 95127 DT: (408) 251-3741
- Nguyễn Julie 3461 Blue Mountain Dr.  
San Jose, CA 95127 DT: (408) 251-3741
- Joseph Huỳnh 4264 Christian Dr.  
San Jose, CA 95135 DT: (408) 270-7482
- Đinh Thành Hưng 165 Blossom Hill Rd.  
San Jose, CA 95123 DT: (408) 629-1365
- Trần Trọng Khiêm P.O. Box 10188  
San Jose, CA 95157 DT: (408) 370-9378
- Phan Văn Khiêm 1624 Hollenbeck Ave., #2  
Sunnyvale, CA 94087 DT: (408) 720-9677
- Trần Khôi 1863 St Andrews Pl.  
San Jose, CA 95132 DT: (408) 251-3035
- Huỳnh Ngọc Lan 2155 Lanai Ave., #108  
San Jose, CA 95122 DT: (408) 937-7840
- Lê Từ Như Lâm 2150 Monterey Rd., #152  
San Jose, CA 95122 DT: (408) 975-0750
- Nguyễn Lâm 942 Valencia Dr.  
Milpitas, CA 95035 DT: (408) 946-2758

- Lê Thị Bạch Liên 4077 Lakemont Ct.  
San Jose, CA 95148 ĐT: (408) 270-3390
- Võ Lang 2855 Senter Rd., #102  
San Jose, CA 95101 ĐT: (408) 224-1539
- Lê Lợi 4265 Foothill Blvd.  
Oakland, CA 94601 ĐT: (510) 261-8644
- Nguyễn Kim Loan 563 Rudd Ct.  
San Jose, CA 95111 ĐT: (408) 365-1126
- Nguyễn Long 1035 Camarillo Ct.  
Milpitas, CA 95035 ĐT: (408)
- Nguyễn Long 523 5th Ave., #6  
San Francisco, CA 94118 ĐT: (415) 831-7064
- Nguyễn Lưu 3095 3095 Yerba Buena Rd.  
San Jose, CA 95135 ĐT: (408)
- Phan Minh Lượng 340 Grey Ghost Ave. (chỗ chợ Phong)  
San Jose, CA 95111 ĐT: (408) 281-9361
- Đặng Vinh Mai 3830 Underwood Dr.,#4  
San Jose, CA 95117 ĐT: (408) 296-0833
- Bùi Mai 1618 Leeward Dr.  
San Jose, CA 95125 ĐT: (408) 254-4275
- Đỗ Mạnh 12284 Via Roncole  
Saratoga, CA 95070
- Lê Văn Minh 2933 Glencrow Ct.  
San Jose, CA 95148 ĐT: (408) 274-5853
- Nguyễn Mỹ 518 Hillbright Pl.  
San Jose, CA 95123 ĐT: (408) 365-1750
- Nguyễn Hữu Nhân 3111 McLaughlin Ave.  
San Jose, CA 95122 ĐT: (408) 224-4800
- Đặng Thu Nga 2863 Riedel  
San Jose, CA 95135 ĐT: (408) 238-6791
- Huỳnh Văn Ngọc 882 Water Walk  
Milpitas, CA 95035 ĐT: (408) 941-9689
- Đặng Ngọc 23687 Jorgensen Ln.  
Hayward, CA 94541 ĐT: (510) 264-9369

- Võ Tuyết Nhận 1705 Noranda #4  
Sunnyvale, CA 94087ĐT: (408) 738-4579
- Trần Nghiệm 5973 Surf Ct.  
San Jose, CA 95138ĐT: (408) 227-7840
- Trần Văn Ngõ 1694 Tully Rd., #F  
San Jose, CA 95112ĐT: (408) 223-1150
- Phan Quang Nghiệp 469 Ezie Dt.  
San Jose, CA 95111ĐT: (408) 578-2938
- BS Trương Thệ Phiệt 5967 Lifka Ln.  
San Jose, CA 95119ĐT: (408) 226-3119
- Ngõ Phong 1905 Bag Pipe Way  
San Jose, CA 95121ĐT: (408) 274-5234
- Nguyễn Thị Phong 340 Grey Ghost Ave.  
San Jose, CA 95111ĐT: (408) 281-9361
- Nguyễn Phong 2855 Senter Rd., #102  
San Jose, CA 95111ĐT: (408) 224-1539
- Nguyễn Phú 2342 William Dr., #4  
Santa Clara, CA 95050ĐT: (408) 243-9527
- Lê Vĩnh Phúc 1555 Hill Top Ct.  
Milpitas, CA 95035ĐT: (408) 942-9527
- Vĩnh Phúc 1194 angmar St.  
San Jose, CA 95111ĐT: (408) 269-7017
- Trần Thị Phúc 5919 Liklisk Ln., #104  
San Jose, CA 95119ĐT: (408) 365-7729
- Dương Phụng 411 Lewis Rd., #372  
San Jose, CA 95111ĐT: (408) 629-7428
- Nguyễn Phước 350 Willow St., #9  
San Jose, CA 95127ĐT: (408) 293-8281
- Nguyễn Quảng 1924 Edgeston Ct.  
San Jose, CA 95122ĐT: (408) 274-7992
- Nguyễn Đình Sang P.O. Box 51017  
San Jose, CA 95151ĐT: (408) 454-2889
- Lê Lam Sơn 340 Martil Way  
Milpits, CA 95035ĐT: (408) 247-4562

- Bùi Thị SỰ 1112 Park Willow  
Milpitas, CA 95035 ĐT: (408) 263-6012
- Nguyễn Tân 2382 Bowers Ave., #4  
Santa Clara, CA 95051 ĐT: (408) 247-4562
- Nguyễn Thạch 1053 Big Oak Ct.  
San Jose, CA 95129 ĐT: (408)
- Trần Thanh 1853 Canyon Dr.  
Pinole, CA 94564 ĐT: (510) 724-5225
- Nguyễn Thao 1875 S. Andrews Pl.  
San Jose, CA 95132 ĐT: (408) 929-4381
- Đoàn Hữu Thanh 2066 Sierra Rd.  
San Jose, CA 95131 ĐT: (408) 272-1817
- Huỳnh Lương Thiện 774 Geary St.  
San Francisco, CA 94109 ĐT: (415) 215-3794
- Đỗ Chí Thoại 275 E. Cajon  
San Jose, CA 95111 ĐT: (408) 972-9694
- Nguyễn Bá Thư 1048 S. 10th St.  
San Jose, CA 95111 ĐT: (408) 293-4091
- Ngô Thương 1112 Park Willow Ct.  
Milpitas, CA 95035 ĐT: (408) 263-6012
- Nguyễn Văn Thường 1832 Rock Spring Dr., #2  
San Jose, CA 95111 ĐT: (408) 297-7514
- Trương Thụy 259 Meridian Ave., #18  
San Jose, CA 95126 ĐT: (408) 295-2394
- Trần Thị Tính 1320 Foxdale Pl., #212  
San Jose, CA 95122 ĐT: (408) 729-0233
- Đỗ Hữu Tín 4811 Plainfield Dr.  
San Jose, CA 95111 ĐT: (408) 972-8080
- Bảo Tố 2579 Amaril Dr.  
San Jose, CA 95123 ĐT: (408) 254-2710
- Nguyễn An Toàn 2231 Emerald Hill Dr.  
San Jose, CA 95131 ĐT: (408) 259-6239
- Trương Toại 10111 Scenic Blvd.  
Cupertino, CA 95014  
San Jose, CA ĐT: (408) 288-9894

- Võ Bá Trác 3626 Springbrook Ave.  
San Jose, CA 95148 DT: (408) 223-8812
- Nguyễn Trai 1500 Virginia Pl., #153  
San Jose, CA 95116 DT: (408) 258-9151
- Lê Trân 753 Terra Bella Dr.  
Milpitas, CA 95035 DT: (408) 946-2344
- Tạ Chương Trí 2051 Stanton Ave., #3  
San Pablo, CA 94806 DT: (510) 215-9465
- Trần Trực 2866 Plumas Dr.  
San Jose, CA 95121 DT: (408) 227-2818
- Đoàn Ngọc Trường 4958 Wagonwheel Way  
Richmond, CA 94803 DT: (510) 222-6675
- Bùi Trung 3171 Locke Dr.  
San Jose, CA 95111 DT: (408)
- Bùi Tú 2976 Glen Crow Ct.  
San Jose, CA 95148 DT: (408) 270-4507
- Nguyễn Tùng DT: (408) 270-4507
- Phạm Ngọc Tuấn 478 Hassinger Rd.  
San Jose, CA 95111 DT: (408) 629-8230
- Lý ty 1986 Gardenbing Cir.  
San Jose, CA 95121 DT: (408) 972-1339
- Huỳnh Bích Vân 1182 Theoden Ct.  
San Jose, CA 95121 DT: (408) 972-1339
- Trần Vĩnh 3351 Rock Mountain Dr.  
San Jose, CA 95127 DT: (408)
- Dương Quang Vinh DT: (408) 929-3618
- Đinh Văn Xuân (Tony Đinh) 3111 McLaughlin Ave.  
San Jose, CA 95121 DT: (408) 224-7100
- Đặng Ngọc Yến 1539 Callo Creek Dr.  
San Jose, CA 95127 DT: (408) 347-1335

(\*). Nếu có sự sai sót hay thay đổi địa chỉ và số điện thoại; hoặc quý đồng hương nào chưa có tên trong danh sách này, xin liên lạc với Hội Ái Hữu Bình Định Bắc Cali để được sửa đổi và bổ sung. Thành thật cảm tạ.

# MỤC LỤC

Trang số	Tựa đề	Tác giả
5	Thư ngỏ	Nhóm thực hiện
7	Nhâm nhi chung rượu tuổi Xuân già	Nguyễn Hùng
18	Xuân Nhâm Ngọ 2002 (thơ)	Đặng Đức Bích
19	Năm Ngọ nói chuyện Ngựa	Trần Quán Niệm
31	Thềm trăng (thơ)	Tuệ Đàm Tư
38	Đã có một nền văn hóa Bình Định	Thái Tẩu
52	Đón xuân - Giọt trắng (thơ)	Thư Trang
53	Hương quê (thơ)	Việt Thao
54	Hào kiệt quê tôi	Nguyễn Công Lượng
67	Bài dịch Lê Thánh Tông .....	Trương Toại
73	Ức phan san	Đào Tấn
76	Xuân giang hoa nguyệt dạ (thơ)	Lê Phương Nguyên dịch
83	Tây Sơn thập bát cơ thạch	Đào Đức Chương
108	Mùa Xuân dân tộc Quang Trung (thơ)	Huy Lực Bùi Tiên Khôi
112	Nhớ trường Qui Nhơn	Đặng Hiếu Kính
123	Bình Định tất niên (thơ)	Sa Giang
124	Mua nước - Bán nước	Đặng Đức Bích
139	Quê hương cách biệt (thơ)	Ngô Đình Phùng
140	Từ Nguyễn Huệ Hòa Bình đến ....	Nguyễn Bá Thư
149	Gắng chí (thơ) - Bài xướng và bài họa	Thái Tẩu - Tuệ Đàm Tư
150	Cầm chầu hát bội	Bùi Thúc Khán
166	Còn đâu (thơ)	Nguyễn Bường
167	La sơn phu tử Nguyễn Thiếp	Cù Hòa Phong
172	Thương nhớ (thơ)	Minh Tân Phạm Hà Hải
172	Cha nào con nấy	(Truyện cười)
173	Tham vọng bành trướng ....	Đặng Vinh Mai
181	Gởi anh cựu chiến binh Mỹ	Quách Tư
182	Hình ảnh sinh hoạt	Nhóm thực hiện
190	Qui Nhơn trong ta (thơ)	Nguyễn Hòa
191	Ngày xuân nhớ lại	Nguyễn Mạnh An Dân
205	Đề Mai Sơn Thọ Viên	Đào Tấn
206	Quê tôi (thơ)	Việt Thao
208	Đón bánh tét mừng xuân	Lê Chu
214	Không có cá sấu	(Truyện cười)
215	Thư về cha mẹ	Võ Ngọc Uyển
216	Bài dịch Miếu công thần ....	Trác Như
226	Tình lụy	Cảm Biến
234	Xuân viễn xứ (thơ)	Phan Văn Hàm
235	Kha trấn ác (thơ)	Sông Côn
236	Nếu vậy	(Truyện cười)
237	Một chuyến hồi hương	Nguyễn Thế Giác
256	Tình linh chiến (thơ)	Mang Đức Long
257	Tuổi thơ ở quê nội	Lê Thị Bạch Liên



275	Quý Mão trừ tịch thư hoài	Đào Tấn
278	Một ngày như mọi ngày	Trần Quán Niệm
288	Bún song thân An Thái	Nguyễn Nhân Thống
291	Ông Nguyễn Nhạc dụ bầy “Ngựa trời”...	Thái Tảo
306	Ngầu đề	Đào Tấn
307	Ngày xuân uống rượu một mình (thơ Lý Bạch)	Lam Nguyên dịch
307	Dương tóc	(Truyện cười)
308	Quê hương trong trí nhớ	Hồng Ân
314	Đoàn kết bài học bị bỏ quên	Nguyễn An Phùng
320	Lui về Chí Linh (thơ)	Tư Đức
321	Ba hoa (thơ đố)	Trần Kim Vân
323	Đàn xưa (thơ) (Bài Xương)	Trần Quốc Sủng
	Bên bờ sông Vi (bài họa)	Tư Đức
324	Một số nhận định về bài viết của ông ...	Lý Minh Đạo
334	Bể kiếm bên trời (thơ)	Thư Trang
335	Lung linh giọt lệ (nhạc)	Xuân Diễm
336	Ai ca (nhạc)	Nguyễn Đình Cồn
337	Chuyện ma ám	Hoàng Thế Diễm
344	Nhớ quê nhà (thơ)	Thùy Trinh
345	Còn chăng nỗi nhớ (thơ)	Trần Hoàn
346	Sóng giang	Huỳnh Thị Kim Oanh
356	Bài thơ vô đề (thơ)	Đặng Vinh Mai
358	Bản Khoăn	Nguyễn Trác Hiếu
364	Mẹ tôi (thơ)	Đặng Thị Minh Tâm
366	Thắng cảnh Bình Định (hình ảnh)	Nhóm Thực Hiện
371	Chân hạnh phúc	Nguyễn Thị VN
378	Bâng Khuâng (thơ)	Bùi Phong Khe
379	Huyền thoại tuổi thơ	Già Cu
389	Nhớ xuân (thơ)	Nguyễn Hòa
390	Bà ngoại (thơ)	Bíckly Dang, O.D.
392	A Day At The Beach	Amanda Uyehara
393	In Memoriam	Hien Nguyen, M.D.
394	A Trip To Vietnam	Ariana Trương Uyehara
404	Dear ông bà ngoại (thơ)	Amanda Uyehara
405	Four Seasons (thơ)	Amanda T. Uyehara
409	Tôi vượt biển	Trương Quang Ta
418	Xuân xưa trên quê hương	Trần Hồng Vãn
421	Thuốc gầy	(Truyện cười)
422	Mắm thu Tam Quan	Nguyễn Nhân Thống
424	Big Apple (thơ)	Cẩm Biển
425	Máy quá	(Truyện cười)
426	Nói về võ và nhạc võ Tây Sơn	Phan Văn Hàm
428	Qui Nhơn phố nhỏ ta về (thơ)	Phan Tường Niệm
429	Tiếng chim đất khách	Bùi Thúc Khán
438	Quay về	Tâm Triều
450	Đúng và sai	Nguyễn Thị VN
456	Đầu thiên niên kỷ ....	Võ Ngọc Uyển
463	Ba hoa thiên địa (trả lời bài ba hoa)	Trần Kim Vân

## CÁO LỖI

Vì số trang có hạn, một số bài của quý Văn,  
Thi Sĩ và Thân Hữu phải gác lại.

Chân thành cảm tạ và cáo lỗi cùng quý vị.

**Nhóm thực hiện**

# ĐƯỜNG SÁNG Printing & Publishing

712 N. 9th Street, San Jose, CA 95112 • Tel: (408) 279-3266 • Fax: (408) 279-3832

(Góc đường Taylor và đường số 9)

**NHẬN CÁC DỊCH VỤ VỀ ẤN LOÁT:**



- Các loại Thiệp: Thiệp Cuối, Thiệp Mời, Thiệp Cảm Tạ, Giấy Viết Thu, Bao Thu.
- Các loại Biên Nhận, Hóa Đơn, Giấy Quảng Cáo, Thục Đơn, Danh Thiếp.
- Đánh máy, trình bày: Kinh, Sách, Tạp Chí, Resume, ...
- Gift Certificate, Post Card, Label, Rubber Stamp...
- ★ **Đặc biệt: Xếp Giấy Quảng Cáo và Đóng Xếp Kinh, Sách, Báo Chí, ...**

**GIỜ MỞ CỬA:**

Thứ Hai - Thứ Bảy: 8:00 AM - 6:00 PM

Chủ Nhật: 11:00 AM - 3:00 PM

Ngoài giờ làm việc xin vui lòng hẹn trước

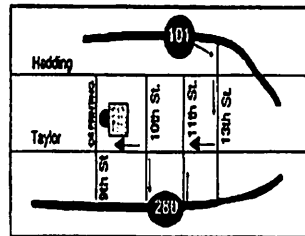
**Xin liên lạc:**

**408 - 279-3266**

**SPECIAL!!!  
FLYERS**

**1,000 - 20.00  
BUSINESS CARDS**

**1,000 - 17.00**



**CHỦ NHÂN KÍNH MỜI**

# SAVE MONEY AUTO REPAIR & AUTO GLASS

621 Blossom Hill Rd., San Jose, CA 95123

Tel: (408) 224-5991 \* (408) 224-5992

Fax: (408) 224-5993 [www.smag408.homestead.com](http://www.smag408.homestead.com)



**SPECIAL DISCOUNT LABOR: 10% OFF**

## SPECIAL: TUNE-UP

4 Cyl. .... **\$145.95**

6 Cyl. .... **\$165.95**

8 Cyl. .... **\$185.95**

*(Includes replacement of spark plugs, cap, rotor, air filter, fuel filter. Brake inspection, tire rotation, adjust timing if applicable. Platinum plugs & Wire Sets extra).*

- Maintenance 15K, 30K, 60K, 90K
- Timing Belt, Tune-up
- Electrical, EFI, Computer ...
- Clutch Job
- Heating; A/C System.
- Transmission Service.
- Transmission Transfusion.

### SPECIAL OIL CHANGE

**\$19.95**

Most car  
Light truck  
up to 5 QTS

- Free delivery / Mobile service. (Glass only)
- Body shop & Dealer - Discount Rate.
- Insurance - Welcome.
- Deductible. (Certain limit apply).
- Lifetime warranty on labor.

**SPECIAL**  
Transmission Transfusion  
**\$39.95 + FLUID**

**Open 7 Days A Week:**  
Monday - Sun: 8:00 AM - 5:00 PM  
*Please call for an appointment*

*Nhân dịp Lễ Giáng Sinh và Năm Mới toàn thể nhân viên tiệm chúng tôi xin kính chúc Quý Thôn Chủ và Bạn Hữu một mùa Giáng Sinh và Năm Mới Vui Vẻ, Hạnh Phúc và Mọi Sự Như Ý.*



• Cầu Sông Lại giang chảy qua thị trấn Bồng Sơn - Bình Định  
nằm trên quốc lộ I xuyên Việt

**In tại Đường Sáng Printing**  
712 N. 9th Street, San Jose, CA 95112  
Tel: (408) 279-3266 • Fax: (408) 279-3832